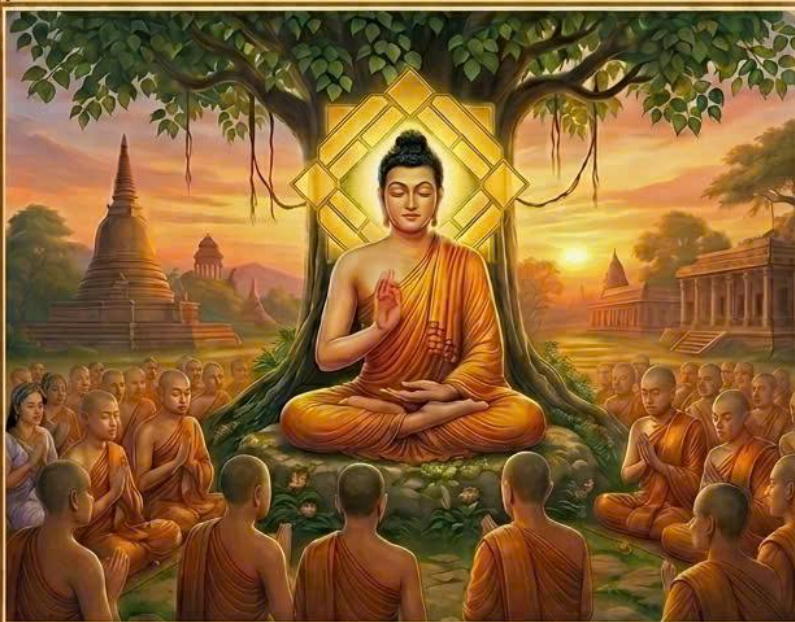


KINH TRƯỜNG A HÀM



KINH ĐẠI BẢN

HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch

KINH ĐẠI BẢN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở động Hoa lâm, vườn cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi khát thực, tụ họp ở Hoa lâm đường, cùng nhau bàn luận rằng:

“Các Hiền giả Tỳ-kheo, duy chỉ Đấng Vô Thượng Tôn, rất kỳ diệu, oai lực lớn lao, thần thông viên đạt, mới biết rõ quá khứ vô số Đức Phật nhập Niết-bàn, dứt sạch các kết sử, tiêu diệt các hý luận và cũng biết rõ kiếp số các Đức Phật ấy dài hay ngắn, cho đến danh hiệu, dòng họ thác sinh, sự ăn uống, thọ mạng dài ngắn, cảm thọ lạc và cảm thọ khổ như thế nào; lại biết rõ các Đức Phật ấy có giới như vậy, có pháp như vậy, có trí tuệ như vậy, có giải thoát như vậy, an trụ như vậy. Thế nào, này chư Hiền? Đó là do Đức Như

Lai thông rõ các pháp tính mà biết được hay do chư Thiên kể lại?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở chỗ thanh vắng, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe rõ các Tỳ-kheo luận bàn như thế, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa lâm đường, ngồi vào chỗ ngồi dọn sẵn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tuy đã biết nhưng vẫn hỏi:

“Này chư Tỳ-kheo, các người tụ tập nơi đây bàn luận chuyện gì?”

Các Tỳ-kheo bèn đem hết mọi việc bạch lại với Phật. Rồi thì, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Lành thay, lành thay! Các người đã với tâm chánh tín xuất gia học đạo, nên làm hai việc: Một là nói năng theo pháp Hiền thánh, hai là im lặng theo pháp Hiền thánh. Những điều các người luận bàn phải nên như thế. Như Lai thần thông oai lực lớn lao, biết khắp mọi việc từ vô số kiếp quá khứ, như thế là do thông rõ các pháp tính, đồng thời cũng do chư Thiên nói lại.”

Bấy giờ Phật nói bài tụng:
*Tỳ-kheo hợp pháp đường
Giảng luận pháp Hiền thánh.
Như Lai từ am vắng
Nghe rõ bằng thiên nhĩ.
Mặt trời Phật rọi khắp,
Phân tích nghĩa pháp giới.
Cũng biết việc quá khứ,
Chư Phật Bát-niết-bàn,
Tên, dòng họ, chủng tộc.
Cũng biết thọ sanh phần.
Vị ấy ở nơi nào,
Ghi nhận bằng tịnh nhãn.
Chư Thiên uy lực lớn,
Dung mạo rất đoan nghiêm,
Cũng đến bảm báo Ta
Chư Phật Bát-niết-bàn,
Chỗ sinh, tên, chủng tộc*

Âm thanh vi diệu tỏ.

Đấng Chí Tôn trong đời

Biết rõ Phật quá khứ.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Các người có muốn Như Lai, bằng trí tức mạng biết nhân duyên của chư Phật quá khứ, nói cho nghe chăng?”

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay chính là lúc. Chúng con muốn nghe. Lành thay, Thế Tôn, lúc này thích hợp để giảng thuyết. Chúng con phụng hành”.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho các người nghe”.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

“Này các Tỳ-kheo! Quá khứ cách đây chín mươi một kiếp có Đức Phật hiệu là Tỳ-

bà-thi, Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, trong quá khứ cách đây ba mươi một kiếp có Đức Phật hiệu là Thi-khí, Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, cũng trong ba mươi một kiếp đó có Đức Phật hiệu là Tỳ-xá-bà Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, trong Hiền kiếp này có Phật hiệu là Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp. Ta nay cũng ở trong Hiền kiếp này mà thành Tối chánh giác.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Qua chín mươi một kiếp

Có Phật Tỳ-bà-thi.

Ba mươi một kiếp kế

Có Phật hiệu Thi-khí.

Cũng ở trong kiếp này,

Xuất hiện Phật Tỳ-xá.

*Nay trong Hiền kiếp này,
Vô số na-duy tuổi,
Có bốn Đại Tiên Nhân,
Xuất hiện vì thương đời:
Câu-lưu-tôn, Na-hàm,
Ca-diếp, Thích-ca Văn.*

“Các người nên biết, thời Đức Phật Tỳ-bà-thi, nhân loại sống đến tám vạn tuổi; thời Đức Phật Thi-khí, nhân loại sống đến bảy vạn tuổi; thời Đức Phật Tỳ-xá-bà, nhân loại sống đến sáu vạn tuổi; thời Đức Phật Câu-lưu-tôn, nhân loại sống đến bốn vạn tuổi; thời Đức Phật Câu-na-hàm, nhân loại sống đến ba vạn tuổi; thời Đức Phật Ca-diếp, nhân loại sống đến hai vạn tuổi và nay Ta ra đời, nhân loại sống đến một trăm tuổi, tăng thì ít mà giảm thì nhiều.”

Rồi Phật nói bài tụng:

*Người thời Tỳ-bà-thi,
Thọ tám vạn bốn ngàn,*

*Người thời Phật Thi-khí
Thọ mạng bảy vạn tuổi.
Người thời Tỳ-xá-bà
Thọ mạng sáu vạn tuổi.
Người thời Câu-lưu-tôn
Thọ mạng bốn vạn tuổi.
Người thời Câu-na-hàm
Thọ mạng ba vạn tuổi.
Người thời Phật Ca-diếp
Thọ mạng hai vạn tuổi.
Người thời Ta hiện nay
Tuổi thọ không quá trăm.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi sinh về dòng Sát-ly, họ Câu-ly-nhã. Phật Thi-khí và Phật Tỳ-xá-bà, dòng họ cũng vậy. Phật Câu-lưu-tôn sinh về dòng Bà-la-môn họ Ca-diếp. Phật Câu-na-hàm, Phật Ca-diếp, dòng họ cũng vậy. Còn nay Ta, Như Lai, Chí Chân thì sinh về dòng Sát-ly, họ Cù-đàm”.

Phật lại nói bài tụng:

Tỳ-bà-thi Như Lai,

Thi-khí, Tỳ-xá-bà,

Ba vị Đẳng Chánh Giác,

Sinh họ Câu-ly-nhã.

Ba Đức Như Lai kia,

Sinh vào họ Ca-diếp

Ta nay, Bạc Vô Thượng,

Dẫn dắt các chúng sanh,

Bạc nhất trong trời người,

Họ Cù-đàm dũng mãnh.

Ba Đấng Chánh Giác đầu,

Sinh vào dòng Sát-ly.

Ba Đức Như Lai sau

Thuộc dòng Bà-la-môn.

Ta nay Đấng Tối Tôn,

Dòng Sát-ly dũng mãnh.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi ngồi dưới cây Ba-ba-la chứng thành Bạc Tối Chánh Giác. Phật Thi-khí ngồi dưới cây Phân-đà-ly thành Bạc Tối Chánh Giác. Phật Tỳ-xá-bà ngồi dưới cây Sa-la thành Bạc Tối Chánh Giác. Phật Câu-lưu-tôn ngồi dưới cây Thi-ly-sa thành Bạc Chánh Giác. Phật Câu-na-hàm ngồi dưới cây Ô-tạm-bà-la thành Bạc Chánh Giác. Phật Ca-diếp ngồi dưới cây Ni-câu-luật thành Bạc Chánh Giác. Ta nay, Như Lai, Chí Chân, ngồi dưới cây Bát-đa thành Bạc Chánh Giác”.

Rồi Phật nói bài tụng:

Tỳ-bà-thi Như Lai

Đi đến cây Ba-la

Và ngay tại chỗ ấy

Đắc thành Tối chánh giác.

Thành đạo, dứt nguồn hữu.

Tỳ-xá-bà Như Lai

Ngồi dưới gốc Sa-la

Đắc giải thoát tri kiến.

*Thần túc không trở ngại,
Câu-lưu-tôn Như Lai
Ngồi gốc Thi-ly-sa
Vô nhiễm, vô sở trước.
Câu-na-hàm Mâu-ni
Ngồi dưới gốc Ô-tạm
Và ngay tại chỗ ấy
Diệt các tham, ưu não.
Đức Ca-diếp Như Lai
Ngồi dưới Ni-câu-luật
Và ngay tại chỗ ấy
Trừ diệt gốc rễ hữu.
Ta nay, Thích-ca Văn
Ngồi dưới cây Bát-đa
Đấng Như Lai, mười lực,
Đoạn diệt các kết sử,
Hàng phục đám ma oán,
Diễn ánh sáng giữa chúng.*

*Bảy Phật, sức tinh tấn,
Phóng quang, diệt tam tối;
Mỗi mỗi ngồi gốc cây,
Ở đó thành Chánh giác.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có ba hội thuyết pháp: Hội đầu có mười sáu vạn tám ngàn đệ tử; hội hai có mười vạn đệ tử; hội ba có tám vạn đệ tử. Phật Thi-khí cũng có ba hội thuyết pháp: Hội đầu có mười vạn đệ tử; hội thứ hai có tám vạn đệ tử; hội thứ ba có bảy vạn đệ tử. Phật Tỳ-xá-bà có hai hội thuyết pháp: Hội đầu có bảy vạn đệ tử; hội thứ hai có sáu vạn đệ tử. Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử bốn vạn người. Đức Câu-na-hàm Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử ba vạn người. Đức Ca-diếp Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử hai vạn người. Ta nay một hội thuyết pháp, đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người”.

Bấy giờ Phật nói bài tụng rằng:

Tỳ-bà-thi tên Quán,

Trí tuệ không thể lường,
Thấy khắp, không sợ hãi,
Ba hội chúng đệ tử.
Thi-khí, sáng, bất động,
Diệt trừ các kiết sử,
Vô lượng đại oai đức,
Không thể trắc lượng được,
Ngài cũng có ba hội,
Tụ hội các đệ tử.
Tỳ-xá-bà đoạn kết,
Đấng Đại Tiên tụ hội,
Tiếng tăm khắp các phương,
Pháp màu được tán thán;
Chúng đệ tử hai hội,
Diễn rộng nghĩa thâm áo.
Câu-lưu-tôn một hội,
Thương xót trị các khổ,
Đạo Sư dạy chúng sanh,

*Chúng đệ tử một hội.
Câu-na-hàm Như Lai,
Bạc Vô Thượng cũng vậy,
Thân sắc vàng ròng tía,
Dung mạo thấy toàn hảo,
Chúng đệ tử một hội,
Rộng diễn pháp nhiệm màu.
Ca-diếp, mỗi sợi lông,
Nhất tâm không loạn tưởng,
Một lời không phiên trọng,
Chúng đệ tử một hội.
Năng Nhân Ý Tịch Diệt,
Ta, Sa-môn họ Thích,
Chí Tôn, Trời trên Trời,
Có một hội đệ tử;
Hội ấy, Ta hiện nghĩa,
Quảng diễn giáo thanh tịnh.
Trong tâm thường hoan hỷ,*

*Lậu tận, không tái sinh,
Tỳ-bà, Thi-khí, ba;
Phật Tỳ-xá-bà, hai;
Bốn Phật mỗi vị một
Hội Tiên nhân diễn thuyết.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có hai đệ tử là Khiên-trà và Đề-xá. Đức Phật Thi-khí có hai đệ tử là A-tỳ-phù và Tam-bà-bà. Phật Tỳ-xá-bà có hai đệ tử là Phò-đu và Uất-đa-ma. Phật Câu-lưu-tôn có hai đệ tử là Tát-ni và Tỳ-lâu. Đức Phật Câu-na-hàm có hai đệ tử là Thư-bàn-na và Uất -đa-lâu. Đức Phật Ca-diếp có hai đệ tử là Đề-xá và Bà-la-bà. Còn nay Ta có hai đệ tử là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Khiên-trà và Đề-xá

Đệ tử Tỳ-bà-thi.

A-tỳ-phù, Tam-bà,

Đệ tử Phật Thi-khí.

Phò-đu, Uất-đa-ma,

Bậc nhất hàng đệ tử.

Cả hai hàng ma oán,

Đệ tử Tỳ-xá-bà.

Tát-ni và Tỳ-lâu,

Đệ tử Câu-lưu-tôn.

Thư-bàn, Uất-đa-lâu,

Đệ tử Câu-na-hàm.

Đề-xá, Bà-la-bà,

Đệ tử Phật Ca-diếp.

Xá-lợi-phất, Mục-liên,

Bậc nhất đệ tử Ta.

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có vị đệ tử chấp sự là Vô Ưu; Phật Thi-khí có vị đệ tử chấp sự là Nhẫn Hành; Phật Tỳ-xá-bà có vị đệ tử chấp sự là Tịch Diệt; Phật Câu-lưu-tôn có vị đệ tử chấp sự là Thiện Giác; Phật Câu-na-hàm có vị đệ tử chấp sự là An Hòa; Phật Ca-diếp có vị đệ tử chấp sự là Thiện Hữu; còn Ta có vị đệ tử chấp sự là A-nan.”

*Vô Ưu và Nhân Hành,
Tịch Diệt và Thiện Giác,
An Hòa và Thiện Hữu
Thứ bảy là A-nan.
Ấy là thị giả Phật
Đầy đủ các nghĩa thú;
Ngày đêm không buông lung.
Bảy Thánh đệ tử ấy
Hầu tả hữu bảy Phật
Hoan hỷ và cúng dường,
Tịch nhiên vào diệt độ.*

**“Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên Phương
Ứng. Phật Thi-khi có con tên Vô Lượng. Tỳ-
xá-bà có con tên Diệu Giác. Câu-lưu-tôn có
con tên Thượng Thắng. Câu-na-hàm có con
tên Đạo Sư. Ca-diếp có con tên Tập Quân. Ta
nay có con tên là La-hầu-la.”**

Phật lại nói bài tụng:
Phương Ứng và Vô Lượng,

Diệu Giác và Thượng Thắng,

Đạo Sư và Tập Quân,

Thứ bảy La-hầu-la.

Các con hào quý ấy

Nối đôi hạt giống Phật;

Yêu Pháp, ưa bố thí,

Trong Thánh pháp, vô úy.

**“Đức Phật Tỳ-bà-thi có cha tên Bàn-đầu,
dòng vua Sát-ly; mẹ tên Bàn-đầu-bà-đề.
Quốc thành của vua trị tên là Bàn-đầu-bà-đề.”**

Phật bèn nói bài tụng:

Biến Nhân, cha Bàn-đầu,

Mẹ Bàn-đầu-bà-đề.

Thành Bàn-đầu-bà-đề,

Phật thuyết pháp trong đó.

**“Đức Phật Thi-khí có cha tên Minh
Tướng, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Quang Diệu;
quốc thành của vua cai trị tên là Quang tướng.”**

Phật lại nói tụng:

*Thi-khí, cha Minh Tướng,
Mẹ tên gọi Quang Diệu;
Ở trong thành Quang tướng,
Uy đức đẹp ngoại địch.*

**“Đức Phật Tỳ-xá-bà có cha tên Thiện
Đăng, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Xưng Giới,
quốc thành vua cai trị tên Vô dụ.”**

Phật nói tụng:
*Cha Phật Tỳ-xá-bà,
Vua Sát-ly Thiện Đăng;
Mẹ tên gọi Xưng Giới;
Quốc thành tên Vô dụ.*

**“Đức Phật Câu-lưu-tôn có cha tên Tự
Đắc, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Thiện Chi; vua
tên An Hòa và quốc thành cũng theo đó mà
có tên là An hòa.”**

*Bà-la-môn Tự Đắc,
Mẹ tên gọi Thiện Chi.
Vua tên là An Hòa,*

Cai trị thành An hòa.

“Đức Phật Câu-na-hàm có cha tên Đại Đức, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Thiện Thắng, vua tên Thanh Tịnh và quốc thành này cũng theo đó mà có tên là Thanh tịnh.”

*Bà-la-môn Đại Đức,
Mẹ tên là Thiện Thắng;
Vua tên là Thanh Tịnh,
Ở trong thành Thanh tịnh.*

“Đức Phật Ca-diếp có cha tên Phạm Đức, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Tài Chủ; vua thời đó tên Cấp-tỳ, trị vì quốc thành tên Ba-la-nại.”

*Bà-la-môn Phạm Đức,
Mẹ tên là Tài Chủ;
Thời vua tên Cấp-tỳ,
Trị thành Ba-la-nại.*

“Còn Ta có thân phụ tên là Tịnh Phạn dòng vua Sát-ly, mẹ tên Đại Thanh Tịnh Diệu; trị sở thành của vua là Ca-tỳ-la-vệ”.

*Cha, Sát-ly Tịnh Phạn,
Mẹ tên Đại Thanh Tịnh;
Đất rộng, dân sung túc;
Ta sinh ra ở đó.*

“Đó là nhân duyên, danh hiệu, chủng tộc và chỗ xuất sinh của chư Phật. Kẻ trí nào nghe đến nhân duyên đó mà không vui mừng sinh tâm ưa muốn!”

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Nay Ta muốn, bằng Túc mạng trí, sẽ nói về sự tích của chư Phật quá khứ. Các thầy muốn nghe không?”

Các Tỳ-kheo trả lời:

“Nay thật đúng lúc. Chúng con muốn nghe.”

Phật nói:

“Này các Tỳ-kheo, hãy nghe kỹ, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho các thầy.

“Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật.

“Đức Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cõi trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, do hông phải mà vào, chánh niệm không tán loạn. Ngay lúc ấy cõi đất rung chuyển; ánh sáng rực rỡ soi khắp thế gian; những chỗ mặt trời mặt trăng không soi tới cũng đều mong nhờ chiếu sáng. Chúng sanh chốn u minh nhờ đó được trông thấy lẫn nhau và tự biết mình hiện đang sinh ở chỗ nào. Ánh quang minh đó lại soi đến cung điện Ma vương. Phạm thiên, Đế Thích, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác, cũng đều được mong nhờ ánh sáng. Ánh sáng của chư Thiên tự nhiên biến mất.”

Rồi Phật nói bài tụng:

Mây dày kín hư không,

Ánh chớp chiếu thiên hạ;

Tỳ-bà-thi giáng thai,

Ánh sáng chiếu cũng vậy.

Chỗ nhật nguyệt không tới,

*Thầy đều được chiếu sáng,
Thai thanh tịnh, vô nhiễm,
Pháp chư Phật đều vậy.*

“Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật. Bồ-tát Tỳ-bà-thi, lúc ở thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, thường có bốn vị Thiên thần tay cầm qua mâu, hộ vệ cho mẹ ngài, dẫu loài người hay loài phi nhân đều không thể xâm phạm. Đó là pháp thường.”

Rồi Phật nói bài tụng:

*Bốn phương bốn Thiên thần,
Có tiếng tăm, uy đức,
Thiên Đế Thích sai khiến,
Khéo thủ hộ Bồ-tát.*

*Tay thường cầm qua mâu,
Hộ vệ không chút rời.*

*Nhân, phi nhân không hại;
Ấy pháp thường chư Phật.*

Được chư Thiên hộ vệ,

*Như Thiên nữ hầu Trời,
Quyến thuộc đều hoan hỷ,
Ấy pháp thường chư Phật.*

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, đây là pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến thân mẹ được an ổn, không có các não loạn, trí tuệ ngày càng thêm. Mẹ tự xem thai mình thấy rõ thân Bồ-tát đủ các căn tốt đẹp như chất vàng tía không chút tì tích, khác nào kẻ có mắt sáng, xem vào đồ lưu ly trong sạch, thấy suốt cả trong ngoài không chút ngăn ngại. Này các Tỳ-kheo, đó là pháp thường của chư Phật.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

*Như ngọc lưu ly sáng,
Ánh sáng như trời trăng,
Nhân Tôn trong thai mẹ,
Khiến mẹ không não hoạn.
Trí tuệ càng tăng thêm,*

*Xem thai như vàng ròng;
Mẹ mang thai an lạc,
Ấy pháp thường chư Phật.*

“Này các Tỳ-kheo, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến tâm mẹ lúc nào cũng thanh tịnh, không có các dục tưởng, không bị lửa dục thiêu đốt. Ấy là pháp thường của chư Phật.”

*Thế Tôn lại nói bài kệ:
Bồ-tát trụ thai mẹ;
Phước trời trên cõi trời;
Tâm mẹ ngài thanh tịnh,
Không có các dục tưởng.
Dứt bỏ các dâm dục,
Không nhiễm, không gần gũi,
Không bị lửa dục thiêu,
Mẹ chư Phật thường tịnh.*

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giảng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến mẹ ngài giữ trọn năm giới, phạm hạnh thanh tịnh, thuần tín và nhân từ, thành tựu mọi điều lành, an lạc không sợ hãi và khi thân hoại mạng chung, được sanh cõi trời Đao-lợi. Ấy là pháp thường của chư Phật.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nói kệ:

Hoài thai Đấng Chí Tôn,

Tinh tấn, Giới đầy đủ,

Mạng chung lại sinh thiên;

Duyên ấy, nói mẹ Phật.

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh từ hông phải của mẹ mà ra, cõi đất rung động, ánh sáng chiếu khắp nơi. Khi mới vào thai, những chỗ tối tăm thảy đều được chiếu sáng. Ấy là pháp thường của chư Phật.”

Thái tử sinh, đất động,

*Ánh sáng rọi khắp nơi,
Cõi này và cõi khác,
Trên dưới và các phương.
Phóng quang, cho mắt sáng,
Trọn đủ nơi thân trời,
Bằng tịnh tâm hoan hỷ,
Chuyên xưng tên Bồ-tát.*

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi, lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Khi ấy, mẹ Bồ-tát tay vin cành cây, không ngồi không nằm, có bốn Thiên thần bùng nước hương đứng trước mẹ mà thưa rằng: “Tâu Thiên mẫu, nay ngài sanh Thánh tử, chớ có ưu lo. Đó là pháp thường của chư Phật.”

*Mẹ Phật không nằm, ngồi;
Trụ giới, tu phạm hạnh;
Không lười; sinh Chí Tôn,
Được trời người phụng thờ.*

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh không bị ô nhiễm bởi các thứ ô uế. Ví như kẻ có mắt sáng, liệng hạt minh châu sáng sạch lên lụa trắng, thấy rõ cả hai đều không làm bẩn nhau, vì cả hai đều sạch. Bồ-tát ra khỏi thai cũng như vậy. Đó là pháp thường của chư Phật.”

Như minh châu sáng sạch,

Trên lụa, không vấy bẩn;

Bồ-tát khi xuất thai,

Thanh tịnh, không nhiễm ô.

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Ngài từ hông phải ra, vừa đến đất, không cần người đỡ, liền đi bảy bước, ngó khắp bốn phương, rồi giơ tay lên nói rằng: Trên trời dưới đất, duy Ta là tôn quý, Ta sẽ

**cứu độ chúng sanh khỏi sinh, già, bệnh, chết.
Ấy là pháp thường của chư Phật.”**

*Giống như sư tử bước,
Ngó khắp cả bốn phương;
Nhân Sư Tử khi sanh,
Đi bảy bước cũng thế.
Lại như rồng lớn đi,
Khắp ngó cả bốn phương,
Đấng Nhân Long khi sanh,
Đi bảy bước cũng thế.
Khi Đấng Lưỡng Túc sanh,
Đi thông thả bảy bước,
Ngó bốn phương rồi nói:
Sẽ dứt khổ sinh tử.
Ngay lúc mới sanh ra,
Đã không ai sánh bằng,
Tự xét gốc sinh tử,
Thân này thân tối hậu.*

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, tức thì có hai suối nước, một ấm, một mát, tự nhiên ở dưới đất tuôn ra, để cúng dường tắm rửa cho Bồ-tát. Đó là pháp thường của chư Phật.”

Đấng Lương Túc khi sinh,

Hai suối tự tuôn ra,

Để cúng Bồ-tát dùng;

Biến Nhân tắm sạch sẽ.

Hai suối tự tuôn ra,

Nước suối rất trong sạch;

Một ấm, một lạnh mát,

Tắm Đấng Nhất Thiết Trí.

“Lúc Thái tử mới sanh, phụ vương Bàn-đầu mời các tướng sư và đạo sĩ đến xem tướng Thái tử để biết sự tốt xấu. Bấy giờ, các tướng sư vâng lệnh đến xem và ngay trước khi chưa mặc áo, họ nhìn rõ các tướng đầy đủ.

Bèn đoán rằng: “Người có tướng này sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bốn thứ quân binh, dùng chánh pháp trị dân, không thiên lệch; thi ân khắp thiên hạ, tự nhiên có bảy thứ báu qui tụ, có ngàn người con dũng kiện hay dẹp trừ ngoại địch, không cần dùng đao binh mà thiên hạ thái bình. Còn nếu xuất gia học đạo, thì sẽ thành Bạc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu.”

Rồi các tướng sư tâu vua:

“Con trai của đức vua có ba mươi hai tướng, sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia sẽ là vị Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia sẽ thành Bạc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu.”

Thái tử trăm phước sinh,

Được tướng sư ghi nhận,

Như chép trong điển sách,

Chắc chắn theo hai đường.

Nếu ngài vui tại gia,
Sẽ làm Chuyên luân vương
Được bảy báu hiếm có,
Báu tự hiện cho vua.

Bánh xe vàng ngàn cãm,
Vói lưới vàng bao quanh,
Bánh xe hay bay khắp,
Nên gọi bánh xe trời.

Khéo luyện voi bảy ngà,
Cao lớn trắng như tuyết,
Khéo bay qua hư không,
Voi báu là thứ hai.

Ngựa đi khắp thiên hạ,
Sớm đi chiều về ăn,
Lông đỏ, bờm không tước,
Là báu vật thứ ba.

Ngọc lưu ly trong sáng,
Chiếu rọi một do-tuần,

*Đêm sáng như ban ngày,
Là báu vật thứ tư.
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Không ai có thể sánh,
Bạc nhất hàng nữ nhân,
Đó là báu thứ năm.*

*Hiển vua ngọc lưu ly,
Châu ngọc các thứ quý,
Hoan hỷ mà phụng cống,
Đó là báu thứ sáu.*

*Theo ý niệm Luân vương,
Quân binh tiến thoái nhanh,
Nhậm lệ theo ý vua,
Đó là báu thứ bảy.*

*Đó là bảy báu vật,
Bánh xe, voi, ngựa trắng,
Cư sĩ báu, nữ báu,
Quân binh báu thứ bảy;*

*Nhìn xem mà không chán,
Ngũ dục tự vui đùa,
Như voi bứt dây trói,
Xuất gia thành Chánh giác.
Vua có con như thế,
Đấng Lương Túc loài người,
Ở đời Chuyển Pháp luân,
Đạo thành không biếng nhác.*

“Lúc bấy giờ, Phụ vương ân cần hỏi lại tướng sư ba lần: Các người hãy xem lại ba mươi hai tướng của Thái tử là những gì? Các tướng sư bèn khoác áo lại cho Thái tử và kể rõ ba mươi hai tướng:

1. Bàn chân bằng phẳng đầy đặn, đi đứng vững vàng.
2. Dưới bàn chân có dấu chỉ như bánh xe có ngàn cãm, ánh sáng xen nhau.
3. Có màng lưới mỏng giữa kẽ ngón tay, chân như chân ngỗng chúa.

4. Tay chân mềm mại như áo trời.
5. Ngón tay chân thon dài không ai bằng.
6. Gót chân đầy đặn trông không chán.
7. Ống chân thon dài như cửa nai.
8. Các khớp xương móc lấy nhau như xích chuyền.
9. Mã âm tàng.
10. Đứng thẳng tay duỗi dài quá gối.
11. Mỗi chân lông đều có một sợi lông.
Sợi lông ấy xoáy hữu, màu lưu ly xanh biếc.
12. Lông mọc xoay phía hữu, màu xanh biếc thẳng lên.
13. Thân sắc huỳnh kim.
14. Da thịt mịn màng không dính bụi nhờ.
15. Hai vai ngang bằng đầy đặn tròn đẹp.
16. Giữa ngực có chữ vạn.
17. Thân cao gấp đôi người thường.
18. Bảy chỗ trong người đầy đặn.

19. Mình cao to lớn như cây Ni-câu-lô.

20. Hai má như sư tử.

21. Ngực vuông đầy như ngực sư tử.

22. Có bốn mươi cái răng.

23. Răng ngang bằng đầy đặn.

24. Răng khít nhau không hở.

25. Răng trắng, trong sáng.

26. Yết hầu thanh sạch, ăn thức gì cũng thích hợp.

27. Lưỡi rộng dài có thể liếm tới mép tai.

28. Tiếng nói trong rõ như tiếng Phạm thiên.

29. Con mắt màu xanh biếc.

30. Mắt như mắt trâu chúa, trên dưới có hai mí.

31. Có lông trắng giữa hai chân mày, mềm mại, kéo ra dài một tầm, thả thì xoáy tròn ốc về phía hữu như trăn châu.

32. Trên đỉnh có chỗ thịt nổi.

“Ấy là ba mươi hai tướng Đại nhân”.

Bèn nói bài tụng:

Đứng vững chân mềm mại,

Không dẫm đất, có dấu,

Tướng ngàn cầm trang nghiêm,

Màu sắc rất tươi sáng.

Thân cao rộng ngay thẳng,

Như cây Ni-câu-loại.

Như Lai, chưa từng có,

Mã âm tàng ẩn kín.

Vàng báu trang nghiêm thân,

Các tướng chói lẫm nhau.

Tuy mờ hôi như thường,

Song bụi đất không dính.

Như sắc trời mịn màng

Lọng trời tự nhiên che,

Phạm âm, thân vàng tía,

Như hoa vươn khỏi ao.

Vua bèn hỏi tướng sư
Tướng sư kính tâu vua
Ngợi khen tướng Bồ-tát,
Sáng chói khắp toàn thân,
Các gân khớp tay chân,
Trong ngoài đều hiện rõ.
Thực vị thấy vi diệu,
Thân ngay ngắn không vẹo,
Bánh xe hiện dưới chân,
Tiếng nói như chim oanh,
Tướng bắp đùi đầy đặn,
Ấy do túc nghiệp thành.
Cùi chỏ tròn đầy đẹp,
Mày mắt rất đoan nghiêm,
Đấng Sư Tử giữa người,
Có oai lực hơn hết.
Hai má đều đầy đặn,
Năm nghiêng như sư tử,

Bốn mươi răng đều đặn,
Dày khít không kẽ hở
Tiếng Phạm âm ít có,
Xa gần tùy duyên nghe.
Đứng thẳng thân không nghiêng,
Hai tay sò đến gối,
Ngón tay đều, mềm mại,
Đủ các tướng tôn quý,
Mỗi chân lông một sợi,
Màng lưới kẽ tay chân,
Nhục kế, mắt xanh biếc,
Mắt trên dưới hai mí,
Hai vai ngang, tròn, đầy.
Đủ ba mươi hai tướng.
Gót chân không cao thấp,
Đùi thon như đùi nai,
Đấng Chí Tôn xuất hiện,
Như voi bút dây trói,

Độ chúng sanh thoát khổ,

Khỏi sanh già bệnh chết.

Ngài đem tâm đại bi,

Truyền dạy Bốn chân đế,

Diễn bày các pháp nghĩa,

Được mọi người tôn quý.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, lúc Phật Tỳ-bà-thi sinh ra, chư Thiên ở phía trên, giữa hư không, tay cầm lông trắng, quạt báu, để ngăn che lạnh, nóng, gió, mưa, bụi bặm.”

Hiếm có trong loài người,

Đấng Lương Túc ra đời,

Được chư Thiên cung kính,

Dâng lông báu, quạt báu.

“Bấy giờ, Phụ vương cấp bốn người vú: một, cho bú; hai, tắm rửa; ba, bôi hương; bốn, vui đùa. Họ vui vẻ nuôi nấng không hề biếng nhác.”

*Nhũ mẫu lòng từ ái,
Nuôi dưỡng con mới sinh,
Cho bú và tắm rửa,
Bôi hương và vui đùa.
Hương bậc nhất trong đời,
Bôi xoa Đấng Chí Tôn.*

“Lúc còn là đồng tử, con trai con gái cả nước ngấm nhìn Ngài không chán.”

*Được nhiều người thương kính,
Như tượng vàng mới thành,
Trai gái cùng nhìn ngấm,
Nhìn mãi không biết chán.*

“Lúc còn là đồng tử, con trai và con gái cả nước đều ẵm bồng, như ngấm hoa báu”.

Phật nói bài kệ:

*Khi Lương Túc Tôn sanh,
Được nhiều người thương kính,
Chuyền tay nhau bồng ẵm,*

Như ngấm hương hoa báu.

“Bồ-tát khi mới sanh, mắt Ngài không nháy như chư Thiên trời Đao-lợi. Do cặp mắt không nháy mà có hiệu là Tỳ-bà-thi.”

Đấng Chí Tôn không nháy,

Như chư Thiên Đao-lợi,

Thấy sắc mà chánh quán,

Nên hiệu Tỳ-bà-thi.

“Bồ-tát khi sanh, âm thanh của Ngài trong suốt, êm dịu, hòa nhã như tiếng chim Ca-la-tần-già.”

Như chim trên núi Tuyết,

Uống nước hoa mà hót,

Đấng Lương Túc Tôn ấy,

Tiếng trong suốt cũng vậy.

“Bồ-tát khi mới sinh, mắt có thể nhìn thấy suốt một do-tuần.”

Do nghiệp quả thanh tịnh,

Ánh sáng trời màu nhiệm,

*Mắt Bồ-tát nhìn thấy,
Khắp suốt một do-tuần.*

**“Bồ-tát khi sinh, tuổi lớn dần, ở tại Thiên
chánh đường để khai hóa. Ân đức ban đến
thứ dân, đức lớn đồn xa.”**

*Thor ấu, ở chánh đường,
Để khai hóa thiên hạ,
Quyết đoán các sự vụ,
Nên gọi Tỳ-bà-thi.
Trí thanh tịnh quảng bác,
Sâu thăm như biển cả,
Hài lòng với mọi người,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.*

**“Một hôm, Bồ-tát muốn ra khỏi thành để
dạo chơi và quan sát, bèn ra lệnh sửa soạn xe
báu để Ngài đi đến viên lâm tuần hành và du
ngoạn. Người đánh xe sau khi sửa soạn xa
giá xong, tâu Thái tử: Giờ đã đến lúc. Thái tử
cưỡi xe báu đi đến khu vườn công cộng kia.
Giữa đường Ngài gặp một người già, đầu bạc,**

răng rụng, lưng còm, mặt nhăn, rung rinh trên chiếc gậy, thở khò khè theo nhịp bước khó khăn. Thái tử liền xoay hỏi quân hầu: Đó là người gì? Đáp rằng: Đó là người già. Lại hỏi: Già là thế nào? Đáp: Già là người mà tuổi thọ sắp hết, không còn sống bao năm nữa. Thái tử lại hỏi: Ta đây cũng sẽ như thế, không tránh khỏi hoạn nạn này chăng? Đáp: Phàm đã có sinh tất có già, đâu kể chi sang hèn.

Nghe vậy Thái tử buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ về nỗi già khổ mà chính Ngài cũng chưa tránh khỏi.”

Bấy giờ Phật bèn nói bài kệ:

Nhìn mạng già sắp chết,

Chống gậy bước đi run,

Bồ-tát tự suy ngẫm,

Ta chưa khỏi nạn này.

“Bấy giờ Phụ vương hỏi quân hầu: Thái tử xuất du có vui không? Đáp: Không vui.

Lại hỏi lý do: Tại sao vậy? Đáp: Tại giữa đường Ngài gặp người già nên không vui. Phụ vương mới âm thầm nhớ tới lời tướng sư ngày trước, đoán Thái tử sẽ xuất gia, nay Thái tử không vui, hẳn đúng như thế chăng? Ta hãy dùng mọi cách giữ Thái tử lại thâm cung, đem ngũ dục làm nguôi lòng Thái tử, để Thái tử đừng xuất gia. Nghĩ xong vua liền hạ lệnh trang sức cung quán, chọn hàng thế nữ để giúp vui Thái tử.”

Phật lại nói bài tụng:

Phụ vương nghe lời ấy,

Sai trang hoàng cung quán,

Tặng thêm bằng ngũ dục,

Muốn để không xuất gia.

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và trên đường đi, Ngài gặp một người bệnh, thân gầy, bụng lớn, mày mặt sạm đen, nằm lăn trên đất nhơ bẩn, không ai ngó ngàng chăm sóc. Bệnh rất trầm trọng, miệng không thốt được một lời. Thái

tử xoay lại hỏi quân hầu: Đó là người gì? Đáp: Đó là người bệnh. Hỏi: Bệnh là thế nào? Đáp: Bệnh là sự đau đớn bứt rứt, chết sống không biết lúc nào. Hỏi: Ta cũng sẽ như thế, chưa tránh khỏi cái hoạn này sao? Đáp: Phải. Phàm có sanh thì có bệnh, không kể gì sang hèn. Nghe vậy Thái tử trở nên buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe trở về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ tới cái khổ bệnh mà Ngài cũng không tránh khỏi.”

Rồi Phật nói bài kệ:

Nhìn người bệnh lâu kia,

Nhan sắc bị suy tổn.

Im lặng tự suy ngẫm

Ta chưa khỏi hoạn này.

“Bấy giờ, Phụ vương lại hỏi quân hầu: Thái tử đi dạo có vui không? Không vui. Quân hầu đáp. Tại sao thế? Tại giữa đường Ngài gặp người bệnh, nên không vui. Phụ vương âm thầm suy nghĩ: Ngày trước tướng sư xem tướng Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia.

Ngày nay Thái tử không vui, hẳn đúng thế chẳng? Ta sẽ tìm cách tăng thêm mọi thứ dục lạc làm nguôi lòng Thái tử khiến cho khỏi xuất gia”. Vua liền hạ lệnh nghiêm sức cung quán, chọn thêm thể nữ để giúp vui.”

Phật lại nói kệ:

Sắc, thanh, hương, vị, xúc,

Vi diệu đáng ưa thích,

Bồ-tát phước tốt cùng,

Nên sống trong hoan lạc.

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và giữa đường lần này, Ngài gặp một người chết, phan lùa nhiều màu dẫn đường trước sau; dòng họ thân quyến tiếc thương than khóc, đưa ra khỏi thành. Thái tử lại hỏi: Đó là người gì? Đó là người chết, quân hầu đáp. Hỏi: Chết là thế nào? Đáp: Chết tức là hết. Hết gió đến lửa cứ tiếp tục làm cho xác thân bại hoại. Kẻ còn kẻ mất đôi đường, gia đình ly biệt. Thái tử lại hỏi người đánh xe: Ta đây cũng sẽ như thế, chưa khỏi

cái hoạn này chẳng? Đáp: Phải. Phàm đã có sanh tất có chết, chẳng kể sang hèn. Nghe vậy Thái tử lại càng buồn bã không vui, bảo đánh xe về. Ngài trầm ngâm suy nghĩ tới cái chết khổ mà Ngài cũng không tránh khỏi.

Phật liền dạy bài kệ:

Vừa trông thấy người chết,

Biết họ còn tái sanh;

Thâm lặng tự suy nghĩ:

“Ta chưa khỏi hoạn này”.

“Phụ vương lại hỏi quân hầu: Thái tử đi dạo lần này có vui không?. - Không vui, quân hầu đáp. - Tại sao thế? - Tại giữa đường Ngài gặp người chết, nên không vui. Phụ vương âm thầm suy nghĩ: Ngày trước tướng sư xem Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia, ngày nay Thái tử không vui, hẳn là đúng thế chẳng? Ta hãy tìm cách tăng thêm các thứ kỹ nhạc để làm nguôi lòng Thái tử, khỏi xuất gia. Liền hạ lệnh trang sức cung cấm, chọn thêm thể nữ để khiến cho giúp vui.”

*Tuổi thơ đã nổi tiếng,
Các thể nữ vây quanh,
Tự vui trong ngũ dục,
Như thú vui Thiên đê.*

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và lần này giữa đường Ngài gặp một vị Sa-môn, mang y cầm bát, mắt ngó xuống đất, chân bước khoan thai. Thái tử liền hỏi quân hầu: - Đó là người gì? - Đó là vị Sa-môn, quân hầu đáp. - Sao gọi là Sa-môn? - Sa-môn là người xa lìa ân ái, xuất gia học đạo, chế ngự các căn, không nhiễm mê ngoại dục, lòng xót thương hết thảy, không làm tổn hại vật gì, gặp khó cũng không phiền, gặp vui cũng không mong, hay nhẫn như đất, nên gọi là Sa-môn. Thái tử bèn nói: - Lành thay, đó là đạo chân chính, tuyệt hẳn mọi trần lụy, vi diệu thanh hư. Chỉ có thể là khoái thích thôi! Thái tử liền bảo quân hầu đưa xe đến gần và hỏi Sa-môn rằng: - Ông cắt tóc, cạo râu, mang y cầm bát như vậy, chí ông muốn cầu chuyện gì? Sa-môn đáp: - Phàm

người xuất gia là cốt điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, không làm điều nhiều hại, trong lòng rộng rang tịch mịch, chỉ có bề giữ đạo mà thôi”. Thái tử khen: Hay lắm! Đạo này rất chân chính. Liền bảo quân hầu: Mang áo trân bảo của Ta và xa giá về, tâu lại phụ vương biết rằng ngay tại đây, Ta sẽ cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vì Ta muốn điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, giữ mình thanh tịnh để cầu Chánh đạo. Quân hầu liền đem xa giá và y phục của Thái tử về tâu lại phụ vương, còn Thái tử thì cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Thái tử nhân thấy người già, bệnh mà thấu rõ cõi đời là khổ não; nhân thấy người chết mà lòng tham luyến thế gian tiêu tan; nhân thấy vị Sa-môn mà tâm được hoát nhiên đại ngộ. Trong khi Thái tử xuống xe bước đi, cứ mỗi bước tiến tới là

mỗi bước rời xa triều phước. Thế ấy là chân xuất gia, chân viễn ly.

“Bấy giờ, nhân dân trong nước nghe Thái tử đã cạo bỏ râu tóc, mang y cầm bát, xuất gia hành đạo, họ bảo nhau rằng: Đạo ấy chắc là đạo chân chính, mới khiến Thái tử từ bỏ vương vị vinh hoa cùng mọi sự quý trọng để đi theo. Lúc ấy có tới tám vạn bốn ngàn người trong nước đến xin Thái tử cho làm đệ tử xuất gia tu đạo.”

Lựa chọn pháp thâm diệu,

Nghe xong liền xuất gia,

Thoát khỏi ngục ân ái,

Không còn các trói buộc.

“Thái tử bèn thâm nhận, cho cùng đi theo giáo hóa khắp nơi, từ thôn này sang thôn khác, từ nước nọ đến nước kia. Họ đến chỗ nào cũng được cung kính, cúng dường tứ sự. Bồ-tát nghĩ rằng: Ta cùng đại chúng thường đi qua các nước, chỗ nhân gian ồn ào, việc này không thích hợp với ta lắm. Lúc nào ta

mới xa được đám đông này ở chỗ nhàn tịnh mà suy tầm đạo lý?

“Ngài liền theo ý nguyện đi đến chỗ nhàn tịnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong hôn ám, thọ thân nguy khốn, mong manh, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết, đủ mọi thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo cái khổ ấi đó mà trôi nổi không biết bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ ấi, diệt hết sanh già chết?

“Ngài lại suy nghĩ rằng: Sanh tử từ đâu, duyên đâu mà có ra? Liền dùng trí tuệ quán sát nguyên do, thấy rằng do sanh mà có già và chết; sanh là duyên của già chết. Sanh lại do hữu mà có; hữu là duyên của sanh. Hữu do thủ mà có; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà có; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà có; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà có; xúc là duyên của thọ. Xúc do lục nhập mà có; lục nhập là duyên của xúc. Lục nhập do danh sắc

mà có; danh sắc là duyên của lục nhập. Danh sắc do thức mà có; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà có, hành là duyên của thức. Hành do si mà có, si là duyên của hành. Thế tức là do duyên là si có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có lục nhập, do duyên là lục nhập có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sanh, do duyên là sanh có già, bệnh, chết, sầu, buồn, khổ, não. Cái ấm thân đầy đầy khổ não này do duyên là sanh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ.

“Khi Bồ-tát suy nghĩ tới cái khổ tập ấm ấy, liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ.

“Bồ-tát lại suy nghĩ: Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì diệt thì già chết diệt? Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sanh không có nên

già chết không có; do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không có nên sanh không có, hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không có nên xúc không có, lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên lục nhập không có, danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do si không có nên hành không có, si diệt nên hành diệt. Thế tức là vì si diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết ưu bi khổ não diệt.

“Khi Bồ-tát suy nghĩ về khổ ấm diệt như thế liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng.

“Sau khi Bồ-tát quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, ngay tại chỗ, Ngài chứng được đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.”

Phật bèn nói bài tụng:

Lời này nói giữa chúng,

Các người nên lắng nghe.

Bồ-tát quá khứ quán

Mà vốn chưa từng nghe:

“Già chết từ duyên gì,

Nhân gì mà có ra?

Quán sát đúng như vậy,

Biết già chết do sanh;

Sanh lại từ duyên gì,

*Nhân gì mà có ra?
Suy nghĩ đúng như vậy,
Liên biết sanh do hữu;
Chấp thủ, chấp thủ rồi,
Hữu lần lượt chồng chất.
Vậy nên Như Lai dạy:
Thủ là duyên của hữu.
Như đồng chứa dơ bẩn.
Gió thổi, ác tuôn chảy,
Như vậy nhân của thủ,
Do ái mà rộng sâu.
Ái do từ thọ sanh,
Nảy sinh gốc lưới khô,
Vì nhân duyên nhiễm trước,
Cùng tương ưng khô lặc.
Thọ vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thọ?
Suy nghĩ như thế rồi,*

*Biết thọ do xúc sanh.
Xúc vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có xúc?
Suy nghĩ như thế rồi,
Biết xúc từ lục nhập.
Lục nhập do duyên gì,
Nhân gì có lục nhập?
Suy nghĩ như vậy, biết,
Lục nhập do danh sắc.
Danh sắc do duyên gì,
Nhân gì có danh sắc?
Suy nghĩ như vậy biết
Danh sắc từ thức sanh.
Thức vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thức?
Suy nghĩ như vậy rồi,
Biết thức từ hành sanh;
Hành vốn do duyên gì,*

Nhân gì mà có hành?
Suy nghĩ như vậy rồi
Biết hành từ si sanh.
Nhân duyên như vậy đó,
Mới thật nghĩa nhân duyên.
Dùng trí tuệ phương tiện,
Quán thấy gốc nhân duyên.
Khô không do Thánh hiền,
Cũng không phải vô cớ.
Nên với khô biến dịch,
Kẻ trí lo đoạn trừ.
Nếu vô minh dứt sạch,
Lúc đó không còn hành.
Nếu đã không có hành,
Thời cũng không có thức;
Nếu thức hết vĩnh viễn,
Thì danh sắc không còn.
Danh sắc đã dứt rồi,

Làm gì có lục nhập.
Nếu lục nhập trọn dứt,
Thời cũng không có xúc.
Nếu xúc đã dứt hẳn,
Thời cũng không có thọ.
Nếu thọ dứt hết rồi,
Thời cũng không có ái
Nếu ái dứt hết rồi
Thời cũng không có thủ.
Nếu thủ đã dứt rồi,
Thời cũng không có hữu.
Nếu hữu dứt hết rồi,
Thời cũng không có sanh.
Nếu sanh dứt hết rồi,
Thời không khổ già chết.
Hết thấy đều dứt sạch.
Đó lời người trí nói.
Mười hai duyên sâu xa,

*Khó thấy khó hiểu biết
Duy Phật mới biết rõ,
Tại sao có, sao không.
Nếu hay tự quán sát,
Thời không còn các nhập.
Người thấu triệt nhân duyên
Không cần tìm thầy ngoài.
Đối với ấm, giới, nhập,
Lìa dục, không nhiễm trước;
Xứng đáng nhận bố thí;
Thí chủ được báo lành.
Nếu đặt bốn biện tài,
Thành tựu quyết định chứng;
Giải trừ mọi ràng buộc,
Đoạn trừ, không buông lung.
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Giống như xe cũ mục;
Quán rõ được như vậy,*

Thời thành Bạc Chánh Giác.

Như chim bay giữa không,

Đông tây theo ngọn gió;

Bồ-tát đoạn kết sử,

Như gió thổi áo nhẹ.

Tỳ-bà-thi tịch tịnh,

Quán sát rõ các pháp;

Già chết duyên đâu có,

Từ đâu già chết dứt,

Ngài quán như vậy rồi,

Phát sanh trí thanh tịnh,

Biết già chết do “sanh”

Sanh dứt, già chết dứt.

**“Lúc Phật Tỳ-bà-thi vừa mới thành đạo,
Ngài tu tập nhiều về hai phép quán là An ẩn
quán và Xuất ly quán.”**

Phật liền dạy bài tụng:

Như Lai, Bạc Tối Thượng,

*Thường tu hai phép quán,
An ân và Xuất ly,
Đại Tiên sang bờ kia,
Tâm Ngài được tự tại,
Đoạn trừ mọi kết sử
Lên núi nhìn bốn phương,
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.
Ánh đại trí trừ tối,
Như gương sáng soi mình.
Trừ ưu khổ cho đời.
Dứt khổ sanh già chết.*

“Phật Tỳ-bà-thi, lại ở chỗ nhàn tịnh suy nghĩ như vậy: “Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm vi diệu, là pháp khó thấy, khó hiểu, tịch tĩnh, thanh tịnh, chỉ có người trí mới thấu biết chứ kẻ phàm phu không thể nào hiểu thấu được. Bởi vì chúng sanh có những nhãn dị biệt, kiến dị biệt, chấp thủ dị biệt, sở kiến dị biệt. Dựa theo kiến thức dị biệt đó mỗi người chỉ thích điều

mình mong cầu, làm theo tập quán của mình, cho nên đối với lý nhân duyên thâm diệu này chúng còn không thể thấu hiểu, huống chi cảnh Niết-bàn dứt hết mọi tham ái, lại càng khó hiểu gấp bội phần. Ta dầu vì chúng mà nói ra thì chắc chúng không hiểu nổi, còn trở lại gây phiền nhiễu”. Suy nghĩ như thế rồi, Ngài im lặng không muốn thuyết pháp.

“Lúc ấy, vị vua trời Phạm thiên, biết Đức Tỳ-bà-thi đã nghĩ gì, liền tự nhủ: Cõi thế gian này đang bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Đức Phật Tỳ-bà-thi vừa chứng được pháp màu như thế mà không muốn nói ra. Tức thì, trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi tay, từ cung Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đến trước mặt Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đứng lui một bên, rồi đầu gối mặt quỳ sát đất, chắp tay bạch rằng: Ngưỡng mong Đức Thế Tôn kịp thời thuyết pháp. Các chúng sanh hiện nay, trần cấu mỏng nhẹ, các căn lanh lợi nhiều, có lòng cung kính, dễ bề khai hóa. Chúng đã biết sợ những tội lỗi

không ai cứu trong tương lai, biết dứt trừ điều ác, phát sinh điều lành.

“Phật bảo Phạm vương: Thật vậy, thật vậy, đúng như lời người nói. Nhưng ta ở chỗ nhàn tịnh, thâm lặng suy nghĩ: Chánh pháp ta vừa chứng được vi diệu thậm thâm, nếu đem nói cho chúng sanh, chắc họ không hiểu nổi lại sanh tâm báng bổ, nên ta mặc nhiên không muốn thuyết pháp. Ta nhờ từ vô số a-tăng-kỳ kiếp cần khổ không biếng nhác, tu tập những hạnh vô thượng, nay mới chứng ngộ được pháp khó chứng ngộ này, nếu vì hạng chúng sanh còn dâm, nộ, si mà nói ra, chắc chúng không làm theo, chỉ thêm luống uổng. Pháp vi diệu này trái nghịch với đời. Chúng sanh bị dục nhiễm ngu si che ngăn không tin hiểu nổi. Nay Phạm vương, Ta thấy rõ như thế, nên mặc nhiên không muốn thuyết pháp.

“Khi ấy, Phạm vương lại ân cần khẩn thiết thưa thỉnh một lần nữa, rồi một lần nữa, ân cần khẩn thiết thỉnh cầu đến ba lần rằng:

Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không thuyết pháp, thì nay cõi thế gian này phải bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn kịp thời giảng dạy, chớ để chúng sanh sa đọa đường mê.

“Đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần ân cần thưa thỉnh, liền dùng Phật nhãn soi khắp thế giới chúng sanh, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày có mỏng, căn tánh có lành lợi, có chậm lụt; có kẻ dễ khai hóa, có người khó khai hóa. Hạng người dễ khai hóa, biết sợ tội lỗi đời sau, nên gắng lo dứt trừ điều ác, làm phát sanh đường lành. Chúng như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly, có cái vừa ra khỏi bùn nhưng chưa tới mặt nước, có cái đã ra khỏi bùn lại lên ngang mặt nước, có cái tuy lên khỏi mặt nước mà chưa nở, nhưng cái nào cũng không bị dính bẩn, mà dễ dàng nở ra. Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế.

“Đức Thế Tôn bảo Phạm vương: Ta vì thương tưởng các ông sẽ khai diễn pháp môn cam lồ, là pháp thâm diệu khó hiểu, khó biết. Nay vì những người tín thọ muốn nghe mà nói, chứ không phải vì hạng người bài báng vô ích.

“Phạm vương biết Phật đã nhận lời thỉnh cầu, nên vui mừng hơn hở đi quanh Phật ba vòng, cúi đầu đánh lễ rồi biến mất.

“Phạm vương đi chưa bao lâu, Đức Như Lai lại tĩnh mặc suy nghĩ: Nay ta nên nói pháp cho ai trước hết? Rồi Ngài lại suy nghĩ: Ta hãy đi vào thành Bàn-đầu, trước hết mở cánh cửa cam lộ cho vương tử Đề-xá và con đại thần là Khiên-đồ. Rồi thì, liền trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, Thế Tôn bỗng biến mất khỏi cây đại thọ, Ngài đã đến thành Bàn-đầu, vào vườn Lộc dã của vua Bàn-đầu, trải tọa rồi ngồi.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Như sư tử trong rừng,

Mặc tình mà đi đạo.

Phật kia cũng như vậy,

Du hành không trở ngại.

“Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: Người hãy vào thành bảo với vương tử Đề-xá và Khiên-đồ con đại thần rằng: Các ngài có biết không, Đức Phật Tỳ-bà-thi hiện ở trong vườn Lộc dã, muốn gặp các ngài? Các ngài nên biết bây giờ là phải thời. Người giữ vườn vâng mệnh tìm đến chỗ hai người trình đủ những điều Phật dạy. Hai người nghe xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho họ nghe, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên; dục là xấu ác, bất tịnh; phiền não là nguy hiểm ; tán dương sự xuất ly là pháp rất vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Phật thấy hai người đã có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tin vui, đủ sức lãnh thọ chánh pháp, thì dạy tiếp về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, mở bày rành rẽ về Khổ

tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ vương tử Đề-xá và con trai đại thần là Khiên-đồ ngay tại chỗ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu.

“Lúc ấy, địa thần bèn xưng lên rằng: Đức Tỳ-bà-thi Như Lai ở vườn Lộc dã, thành Bàn-đầu, chuyển Pháp luân vô thượng mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các Người thế gian khác không thể chuyển được. Tiếng nói ấy lần lượt vang đến cõi Tứ thiên vương, cho đến cõi trời Tha hóa tự tại, rồi trong khoảnh khắc vang đến cõi Phạm thiên.”

Phật liền dạy bài kệ:

Tâm vui mừng hớn hở,

Xưng tán Đức Như Lai.

Tỳ-bà-thi thành Phật,

Chuyển Pháp luân vô thượng.

Bắt đầu từ đạo thọ,

*Đi đến thành Bàn-đâu.
Vì Đề-xá, Khiên-đồ
Chuyển Pháp luân Tứ đế.
Đề-xá và Khiên-đồ
Nghe xong lời Phật dạy
Ở trong pháp thanh tịnh
Được phạm hạnh tối cao.
Thiên chúng trời Đạo-lợi
Cho đến Thiên Đế Thích,
Vui mừng bảo lẫn nhau,
Nghe khắp cả chư Thiên:
Phật xuất hiện thế gian,
Chuyển Pháp luân vô thượng;
Tăng thêm hàng chư Thiên;
Giảm bớt A-tu-la.
Đấng Thế Tôn danh vang
Thiện trí là thế biên.
Tự tại đối các pháp,*

Đại Trí chuyên Pháp luân.

Quán sát pháp bình đẳng,

Tâm dứt sạch cấu bẩn,

Đề lìa ách sanh tử,

Đại Trí chuyên Pháp luân.

Diệt khô lìa các ác,

Ly dục được tự tại,

Xa lìa ngục ái ân,

Đại Trí chuyên Pháp luân.

Đấng Chánh Giác Tối Tôn,

Đấng Điều Ngự Lương Túc,

Giải thoát mọi ràng buộc,

Đại Trí chuyên Pháp luân.

Đạo Sư khéo giáo hóa,

Hay uốn dẹp oán ma,

Xa lìa mọi điều ác,

Đại Trí chuyên Pháp luân.

Sức vô lậu hàng ma,

*Các căn định, không lường,
Lậu tận, lìa ma trói,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Nếu học pháp quyết định,
Biết các pháp vô ngã,
Đó là pháp cao tốt,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Không vì cầu lợi dưỡng
Cũng chẳng vì danh dự,
Chỉ vì thương chúng sanh,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Thấy chúng sanh khổ ách,
Già, bệnh, chết bức bách,
Vì ba đường ác đó,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Đoạn tham, sân nhuế, si;
Nhỏ sạch gốc tham ái,
Được giải thoát bất động,*

Đại Trí chuyên Pháp luân.

Ta thắng việc khó thắng

Thắng để tự hàng phục,

Đã thắng ma khó thắng,

Đại Trí chuyên Pháp luân.

Pháp luân vô thượng đó,

Chỉ Phật hay chuyên nói.

Hàng Thiên, Ma, Thích, Phạm,

Không ai chuyên nói được.

Thân cận chuyên Pháp luân,

Làm ích lợi Thiên, Nhân;

Bậc Thiên Nhân Sư đó,

Đã vượt đến bờ kia.

“Lúc ấy vương tử Đề-xá và công tử Khiên-đồ đã thấy pháp, đắc quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tịnh tu phạm hạnh. Phật nói: Hãy đến đây, Tỳ-kheo. Pháp ta thanh tịnh, tự tại;

hãy tự mình tu hành để dứt trừ hết thống khổ. Ngay lúc ấy hai người liền đắc Cụ túc giới. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba việc: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới, tức thì chúng đắc Tâm giải thoát vô lậu, phát sinh Vô nghi trí.

“Bấy giờ số đông nhân dân ở thành Bàn-đầu nghe hai người xuất gia học đạo, mang y cầm bát, tịnh tu phạm hạnh, họ nói nhau rằng: Đạo ấy chắc là đạo chân thật, mới khiến các người kia bỏ vinh vị ở đời, bỏ các thứ quý trọng để tu theo. Rồi thì, trong thành có tám vạn bốn ngàn người đi đến vườn Lộc dã, chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ; nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên; chỉ rõ dục là xấu ác bất tịnh, phiền não là nguy hiểm, tán thán sự xuất ly là vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Đức Thế Tôn thấy đại chúng có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tín thọ, đủ sức lãnh thọ Chánh pháp, Ngài liền nói về Khổ

thánh đế; phân tích, giảng giải, công bố Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Ngay tại chỗ, cả bốn vạn tám ngàn người đều xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu. Họ được thấy pháp chứng quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: Chúng con muốn ở trong giáo pháp Như Lai mà tịnh tu phạm hạnh. Phật dạy: Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy theo đó tu hành để dứt trừ thống khổ. Khi đó tám vạn bốn ngàn người đều đắc Cụ túc giới. Đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba việc để giáo hóa: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới. Họ tức thì chứng đắc Tâm giải thoát vô lậu, phát sinh Trí vô nghi.

“Hiện tiền có tám vạn bốn ngàn người khác, nghe Phật ở trong vườn Lộc dã chuyển Pháp luân vô thượng mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các người thế gian khác không thể chuyển được, liền đến

thành Bàn-đầu chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu
đảnh lễ, ngồi lại một bên.”

Phật lại nói bài tụng:

Như người cứu đầu cháy,

Nhanh chóng tìm chỗ dập;

Người kia cũng như vậy,

Vội đến trước Như Lai.

“Phật cũng vì họ nói pháp như trước.

“Đến lúc này tại thành Bàn-đầu đã có
mười sáu vạn tám ngàn vị Đại Tỳ-kheo. Tỳ-
kheo Đề-xá và Tỳ-kheo Khiên-đồ ở trong đại
chúng bỗng bay lên không trung, thân
phóng xuất nước lửa, hiện các thần thông
biến hóa, nói pháp vi diệu cho đại chúng
nghe. Bấy giờ Đức Như Lai thầm nghĩ: Nay
tại trong thành này đã có mười sáu vạn tám
ngàn Đại Tỳ-kheo, ta nên sai đi du hóa; chớ
đi hai người một nhóm, đến khắp các nơi,
đúng sáu năm lại trở về thành này để thuyết
Cụ túc giới.

“Bấy giờ, trời Thủ-đà-hội biết được tâm tư của Như Lai, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời kia mà hiện đến nơi này, đến trước Đức Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, đứng lại một bên; giây lát, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, thật như vậy, trong thành Bàn-đầu này có nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân bố đi khắp mọi nơi, đúng sáu năm sẽ trở lại thành này để thuyết giới, con sẽ ủng hộ, khiến không ai tìm cơ hội phá khuấy các vị được. Như Lai sau khi nghe lời ấy, làm thỉnh nhận lời. Trời Thủ-đà-hội thấy Phật làm thỉnh nhận lời, đánh lễ Phật xong, bỗng biến trở lại cõi trời. Không bao lâu sau, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay trong thành này Tỳ-kheo đã đông, nên mỗi người phân bố đi mỗi hướng du hành giáo hóa. Sau sáu năm hãy trở về tập hợp thuyết giới. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, mang y cầm bát, đánh lễ Phật rồi đi.”

Phật bèn nói bài tụng:

Phật sai chúng không loạn,

Ly dục, không luyện ái,

Oai như chim kim sí;

Như hạc bỏ ao hoang.

“Sau đó một năm, trời Thủ-đà-hội nhắc lại các Tỳ-kheo: Các ngài đi du hóa đã qua một năm, còn năm năm nữa, các ngài nên nhớ trọn sáu năm rồi hãy nhóm về thành mà thuyết giới. Cứ như thế, đến năm thứ sáu, trời lại nhắc rằng: Sáu năm đã mãn, nên trở về thành mà thuyết giới. Các Tỳ-kheo nghe lời nhắc xong, thu xếp y bát, trở lại thành Bàn-đầu, đến Lộc dã chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lui một bên.”

Phật nói bài tụng:

Như voi khéo huấn luyện,

Tùy ý sai khiến đi;

Đại chúng cũng như vậy,

Vâng lời mà trở về.

“Bấy giờ, ở trước mặt đại chúng, Như Lai bay lên không trung, ngồi kiết già, giảng nói giới kinh:

*Nhân nhục là bậc nhất,
Niết-bàn là tối thượng,
Cạo tóc, não hại người,
Không phải là Sa-môn.*

“Trời Thủ-đà-hội lúc ấy ở cách Phật không xa, dùng bài kệ tán Phật rằng:

*Như Lai đại trí,
Vi diệu độc tôn,
Chỉ, quán đầy đủ,
Thành Tối chánh giác.
Vì thương quần sanh,
Ở đời thành Đạo.
Đem Bốn chân đế
Dạy hàng Thanh-văn.
Khô cùng khô nhân,*

*Chân lý diệt khổ;
Tám đạo Thánh hiền;
Đưa đến an lạc.*

*Phật Tỳ-bà-thi
Xuất hiện thế gian;
Ở giữa đại chúng
Như ánh mặt trời.*

“Nói xong bài kệ, bỗng nhiên biến mất.”

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nhớ lại, thuở xưa, khi ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet, có một lần sinh tâm nghĩ rằng: Chỗ Ta sinh ra, đâu đâu cũng có, duy trừ cõi trời Thủ-đà-hội. Giả sử Ta sanh cõi trời kia, thời đã không trở lại đây.

“Này các Tỳ-kheo, khi ấy Ta lại nghĩ rằng: khi Ta muốn đến cõi trời Vô tạo, tức thì trong khoảnh khắc như tráng sĩ co duỗi cánh tay, Ta biến mất ở đây mà hiện ở kia. Chư Thiên lúc đó thấy ta đến, liền đánh lễ, đứng lại một bên, bạch với ta rằng: Chúng con đều là đệ tử

Đức Phật Tỳ-bà-thi. Chúng con nhờ sự giáo hóa của Ngài mà được sanh đến cõi này. Rồi họ kể đủ nhân duyên gốc ngọn của Đức Phật Tỳ-bà-thi. Họ lại nói: Các Đức Phật Thi-khi, Tỳ-xá-bà, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp, Thích-ca Mâu-ni, thấy đều là Thầy của con. Con chịu sự giáo hóa ấy mà sinh ở đây. Họ cũng nói nhân duyên bản mặt chư Phật. Cho đến chư Thiên ở cõi trời A-ca-nị-trá, cũng kể với ta như thế.”

Bấy giờ Phật nói bài tụng:

Ví như lực sĩ,

Co duỗi cánh tay

Ta, bằng thần thông,

Đến trời Vô tạo.

Đại Tiên thứ bảy,

Hàng phục hai ma,

Vô nhiệt vô kiến

Chấp tay kính lễ.

Như cây trú đạc

*Tiếng đồn Thích Sư,
Tướng tốt đầy đủ,
Đến trời Thiện kiến.
Ví như hoa sen,
Không bị dính nước.
Thế Tôn vô nhiễm,
Đến Đại thiện kiến.
Mặt trời mới mọc,
Không chút bụi che;
Sáng như trăng thu,
Đến Nhất cứu cánh.
Năm Tịnh cư này,
Chúng sanh hành tịnh,
Tâm tịnh nên đến
Trời không phiền não.
Tịnh tâm mà đến,
Làm đệ tử Phật.
Xả ly nhiễm thủ,*

*Vui nơi vô thủ,
Thấy pháp quyết định,
Đệ tử Tỳ-bà-thi.*

*Tịnh tâm mà đến
Với Đại Tiên Nhân.*

*Đệ tử Thi-khí
Vô cấu, vô vi.*

*Tịnh tâm mà đến
Với Đấng Ly Hữu.*

*Đệ tử Tỳ-xá,
Các căn đầy đủ.*

*Tịnh tâm đến Ta,
Như mặt trời chiếu.*

*Con Câu-lưu-tôn,
Xả ly các dục.*

*Tịnh tâm đến Ta,
Sáng màu rực ánh.*

Đệ tử Câu-na-hàm,

Vô cầu vô vi.
Tịnh tâm đến Ta,
Sáng như trăng đầy.
Đệ tử Ca-diếp,
Cắt căn đây đủ.
Tịnh tâm đến Ta,
Như bậc thiên niệm
Đại Tiên bất loạn.
Thần túc bậc nhất,
Bằng tâm kiên cố,
Làm đệ tử Phật.
Tịnh tâm mà đến,
Làm đệ tử Phật;
Kính lễ Như Lai,
Kể rõ Chí Tôn,
Chỗ sinh, thành đạo,
Danh tánh, chủng tộc,
Tri kiến thâm pháp,

Thành đạo Vô thượng.

Tỳ-kheo nơi vắng,

Xa là bụi dơ,

Siêng năng không lười.

Đoạn chư hữu kết

Ấy là nhân duyên,

Sự tích chư Phật,

Mà được diễn giải,

Bởi Đức Thích-ca.

**Phật nói kinh “Đại nhân duyên” xong.
Các Tỳ-kheo nghe những điều Phật nói hoan
hỷ phụng hành./.**

TRƯỜNG A HÀM



KINH ĐU HÀNH



HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch

KINH DU HÀNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, A-xà-thế, vua nước Ma-kiệt, muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, mới tự nghĩ: “Nước ấy tuy mạnh, dân chúng giàu mạnh, nhưng lấy sức ta để thắng họ không phải là khó”.

Rồi vua A-xà-thế sai đại thần Bà-la-môn Vũ-xá: “Khanh hãy đến núi Kỳ-xà-quật, chỗ Đức Thế Tôn, nhân danh ta đánh lễ dưới chân Thế Tôn và thăm hỏi Đức Thế Tôn, Ngài đời sống thường nhật có thoải mái không, đi đứng có khỏe mạnh không. Sau đó lại bạch Đức Thế Tôn, người nước Bạt-kỳ tự ý hùng cường, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục ta. Ta muốn chinh phạt chúng. Không hiểu Đức Thế Tôn có dạy bảo gì không? Nếu Ngài có dạy thế nào, người hãy nhớ cho kỹ, chớ để quên sót, hãy nói lại cho ta hay những gì khanh đã nghe. Những điều Như Lai nói không bao giờ hư dối.”

Đại thần Vũ-xá lãnh mạng, cưỡi xe báu đi đến núi Kỳ-xà-quật. Đến chỗ phải dừng, ông xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi xong, ngồi lại một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật và ân cần kính hỏi Ngài, đời sống thường nhật có thoải mái chăng, lui tới có được mạnh khỏe không?”

Ông lại thưa tiếp:

“Người nước Bạt-kỳ tự thị dũng mãnh, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục nhà vua, nên nhà vua muốn chinh phạt. Chẳng hay Đức Thế Tôn có dạy bảo gì không?”

Lúc đó, A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Phật hỏi A-nan:

“Người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường nhóm họp bàn những sự việc chân chánh không?”

A-nan đáp:

“Con có nghe.”

Phật nói với A-nan:

“Nếu được như thế, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó lại càng thịnh vượng; nước ấy sẽ an ổn lâu dài, không thể xâm hại được.”

"Này A-nan, người có nghe người nước Bạt-kỳ vua tôi hòa thuận, trên dưới kính nhường nhau không?"

"Con có nghe."

"Nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được".

"Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng pháp luật, hiểu điều cấm kỵ, chẳng trái lễ độ không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan! Người có nghe dân nước Bạt-kỳ hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng không?"

"Con có nghe".

"Này A-nan, nếu vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan! Người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng tông miếu, kính nể quỷ thần không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ giữ gìn khuê môn trinh chính, thanh khiết, không bày bạ, cho đến sự vui đùa, nói năng cũng không tà vạy không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

"Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ tôn thờ Sa-môn, kính người trì giới và thân cận ủng hộ chẳng biếng nhác không?"

"Con có nghe."

"Này A-nan, nếu được như vậy thì nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Bấy giờ, đại thần Vũ-xá liền bạch Phật:

“Nhân dân nước kia nếu thi hành có một điều còn không mong gì thắng họ, huống nay họ đủ cả bảy điều. Vì việc nước quá bận, con xin từ tạ trở về.”

Phật nói:

“Nên biết thời giờ.”

Vũ-xá liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi vái chào mà lui.

Vũ-xá đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

“Người hãy truyền cho các Tỳ-kheo ở chung quanh thành La-duyet-kỳ nhóm hết lại giảng đường.”

A-nan vâng lệnh đi đến thành La-duyet-kỳ tập họp hết các Tỳ-kheo lại giảng đường xong, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo đã nhóm đủ, kính mong Đức Thánh biết thời.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các thầy bảy pháp bất thối. Các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn nghe.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, bảy pháp bất thối là:

“1. Thường hội họp luận bàn nghĩa lý chân chính, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“2. Trên dưới hòa đồng, kính thuận không trái, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“3. Trọng pháp, hiểu điều cấm kỵ, không trái quy chế, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“4. Nếu có Tỳ-kheo nào có năng lực hộ chúng, có nhiều tri thức, nên được kính thờ, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“5. Niệm hộ tâm ý, lấy sự hiểu kính làm đầu, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“6. Tịnh tu phạm hạnh, không chạy theo trạng thái dục, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“7. Trước người rồi sau mình, không tham lam danh lợi, thời già trẻ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không tổn giảm.

“1. Ưa ít việc, không ưa nhiều việc, thời Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm.

“2. Ưa yên lặng, không ưa nói nhiều.

“3. Bớt sự ngủ nghỉ, tâm không hôn muội.

“4. Không tụ họp nói việc vô ích.

“5. Không tự khen ngợi khi mình thiếu đức.

“6. Không kết bè bạn với người xấu ác.

“7. Ưa ở một mình nơi chỗ nhàn tịnh, núi rừng.

“Này Tỳ-kheo, được như vậy, thời Chánh pháp sẽ được tăng trưởng, không bị tổn giảm.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm.

“1. Có tín tâm; tin Đức Như Lai, Chí Chân, Chánh Giác, đủ mười đức hiệu.

“2. Có tà, biết hổ với điều thiếu sót của mình.

“3. Có quý, biết thẹn với việc ác mình đã làm.

“4. Đa văn, những điều đã được thọ trì đều tốt ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, nghĩa và vị thâm áo, thanh tịnh không bẩn, phạm hạnh đầy đủ.

“5. Siêng năng cần khổ, bỏ ác tu lành, chuyên tâm tập luyện mãi không ngừng.

“6. Điều đã học tập được, ghi nhớ mãi không quên.

“7. Tu tập trí tuệ, biết pháp sanh diệt, hướng đến Hiền thánh, dứt hết gốc khổ.

“Với bảy pháp như thế thời Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

“1. Kính Phật.

"2. Kính Pháp.

"3. Kính Tăng.

"4. Kính giới luật.

"5. Kính thiền định.

"6. Kính thuận cha mẹ.

"7. Kính pháp không buông lung.

"Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng mãi không bị hao tổn.

"Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

"1. Quán thân bất tịnh.

"2. Quán đồ ăn bất tịnh.

"3. Chưởng mê đắm thế gian.

"4. Thường suy niệm về sự chết.

"5. Suy niệm về vô thường.

"6. Suy niệm về vô thường tức khổ.

"7. Suy niệm khổ tức vô ngã.

"Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

"Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

"1. Tu về niệm giác ý, nhàn tịnh, vô dục, xuất ly, vô vi.

"2. Tu về pháp giác ý.

"3. Tu về tinh tấn giác ý.

"4. Tu về hỷ giác ý.

"5. Tu về ý giác ý.

"6. Tu về định giác ý.

"7. Tu về hộ giác ý.

"Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“1. Thân thường hành xử từ ái, không hại chúng sanh.

“2. Miệng nói nhân từ, không diễn lời dữ.

“3. Ý niệm Từ tâm, không ôm lòng thêm bớt.

“4. Được vật lợi dưỡng hợp lẽ, chia cùng chúng hưởng, bình đẳng như nhau.

“5. Giữ giới Thánh hiền không để khuyết lậu, cũng không cầu uế, nhất định không dao động.

“6. Thấy đạo Thánh hiền để dứt hết thống khổ.

“Sáu pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo, lại có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

“1. Niệm Phật.

“2. Niệm Pháp.

“3. Niệm Tăng.

“4. Niệm giới.

“5. Niệm thí.

“6. Niệm thiên.

Sáu niệm ấy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở La-duyệt-kỳ, Ngài bảo A-nan rằng:

“Các thầy hãy sẵn sàng, ta muốn đi đến Trúc viên.”

Đáp: “Thưa vâng.”

Rồi Ngài sửa soạn y bát, cùng đại chúng thị tùng, Thế Tôn theo ngã đường từ Ma-kiệt đi đến Trúc viên. Sau khi lên giảng đường an tọa, Phật dạy các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ; tu giới đắc định, được quả báo lớn; tu định đắc trí, được quả báo lớn; tu trí tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn, dứt hết ba thứ lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát liền phát sanh trí về sự giải thoát, sanh tử dứt hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở Trúc viên, Ngài bảo A-nan:

“Các thầy hãy sửa soạn, hãy đi đến thành Ba-lăng-phất .”

Đáp: “Kính vâng.”

Rồi Ngài sửa soạn y bát cùng với đại chúng theo hầu, Thế Tôn từ Ma-kiệt đi đến thành Ba-lăng-phất và ngồi ở gốc cây Ba-lăng. Lúc ấy các Thanh tín sĩ tại đó nghe Phật cùng đại chúng từ xa đến nghỉ dưới cây Ba-lăng, bèn cùng nhau ra khỏi thành, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây Ba-lăng dung mạo đoan chính, các căn vắng lặng, nhu thuận tốt bậc, như con rồng lớn, như nước đứng trong, không chút bọt nhơ, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm tốt bậc. Thấy rồi, ai nấy hoan hỷ, lần đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi lại một bên. Đức Thế Tôn theo thứ lớp nói pháp, khai tỏ, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Các Thanh tín sĩ được nghe Phật nói Pháp liền bạch Phật rằng:

“Chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Thánh chúng. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn thương xót chấp nhận cho chúng con được làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Chúng con sẽ giữ giới không bao giờ quên. Ngày mai chúng con xin cúng dường. Ngưỡng mong Thế Tôn cùng đại chúng rủ lòng hạ cố.”

Đức Thế Tôn làm thỉnh nhận lời. Các Thanh tín sĩ thấy Phật làm thỉnh nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng làm lễ rồi lui ra. Vì Đức Như Lai, họ dựng ngôi nhà lớn, ban sửa đất đai, quét tước, rưới nước, xông hương, trang hoàng bảo tọa. Khi thiết cúng xong, họ đến bạch Phật:

“Cổ đã dọn xong, cúi mong Đức Thánh biết đã đến giờ.”

Khi ấy, Thế Tôn liền đứng dậy mang y cầm bát cùng đại chúng đến giảng đường. Đến nơi, rửa tay chân xong, Phật ngồi giữa, các Tỳ-kheo ngồi bên tả, các Thanh tín sĩ ngồi bên hữu.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Thanh tín sĩ rằng:

“Phàm người phạm giới thời có năm điều suy hao. Những gì là năm?

“1. Cầu tài lợi không được toại nguyện.

“2. Dẫu có được tài lợi, ngày mỗi hao mòn.

“3. Bất cứ đến đâu cũng không được mọi người kính nể.

“4. Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ.

“5. Thân hoại mệnh chung sa vào địa ngục.

“Trái lại, này các Thanh tín sĩ, phàm người giữ giới sẽ có năm công đức. Những gì là năm?”

- “1. Cầu gì đều được như nguyện.
- “2. Tài sản đã có thì thêm mãi không hao sút.
- “3. Ở đâu cũng được mọi người kính mến.
- “4. Tiếng tốt đồn khắp thiên hạ.
- “5. Thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi trời.”

Bấy giờ, đã nửa đêm, Phật bảo các Thanh tín sĩ hãy trở về. Các Thanh tín sĩ vâng lời, đi quanh Phật ba vòng, rồi đánh lễ mà lui.

Bấy giờ, khi đêm vừa qua, ánh sáng vừa ló, Thế Tôn đi tới chỗ thanh vắng, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấu suốt, thấy các vị thần lớn mỗi vị phong thủ đất đai nhà cửa riêng, các thần trung, thần hạ cũng phong thủ đất đai nhà cửa. Thế Tôn liền trở lại giảng đường, lên chỗ ngồi. Tuy đã biết, nhưng Ngài vẫn hỏi:

“Này A-nan, ai tạo lập thành Ba-lăng-phất này?”

A-nan bạch Phật:

“Thành này do đại thần Vũ-xá tạo ra để phòng ngự nước Bạt-kỳ.”

Phật nói với A-nan:

“Người tạo ra thành này rất hợp ý trời. Lúc đêm đã tàn, trời vừa sáng, Ta đi tới chỗ thanh vắng, bằng thiên nhãn, xem thấy các Đại Thiên thần mỗi vị phong thủ đất đai nhà cửa riêng, các trung thần, hạ thần cũng phong thủ đất đai nhà cửa. A-nan! Nên biết chỗ đất đai nhà cửa nào được Đại Thiên thần phong thủ, ai ở đó tất được an lạc nhiều ; còn chỗ trung thần phong thủ thì hàng trung nhân ở; chỗ hạ thần phong thủ thì hạ nhân ở và công đức nhiều ít cũng tùy theo chỗ ở ấy.

“Này A-nan, chỗ này là chỗ hiền nhân ở, kẻ bán buôn quy tụ, phép nước đúng đắn không dối ngụy. Thành này rất tốt, được mọi nơi suy tôn, không thể phá hoại. Lâu về sau nếu có bị phá chẳng chỉ do ba việc; một là bị nước lớn, hai là bị lửa lớn và ba là bị người trong thông mưu với người ngoài phá hoại được thành này.”

Trong lúc đó các Thanh tín sĩ Ba-lăng-phất suốt đêm cùng bày biện. Đúng giờ, họ đến bạch Phật:

“Cổ đã dọn xong, cúi mong Đức Thánh biết là đã đến giờ. ”

Bấy giờ, các Thanh tín sĩ bưng dọn, tự tay bưng sốt đồ ăn. Thọ thực xong dùng nước rửa. Rồi họ dọn một chỗ ngồi nhỏ trước Phật. Phật chỉ bày mà rằng:

“Chỗ này của các người là chỗ bậc Hiền trí, phần nhiều người trì giới tịnh tu phạm hạnh cư trú; các Thiện thần vui mừng ủng hộ.”

Rồi Ngài chú nguyện cho họ:

“Biết kính trọng thì được người kính trọng. Biết phụng sự thì được người phụng sự. Bồ thí, kiêu ái, có lòng từ mẫn, được chư Thiên khen ngợi và thường cùng người lành sum họp, không cùng người ác ở chung.”

Bấy giờ, sau khi thuyết pháp xong, Đức Thế Tôn liền rời khỏi chỗ, đại chúng hầu quanh mà đưa Ngài trở về. Đại thần Vũ-xá đi theo sau Phật, nghĩ rằng:

“Hôm nay, nhân Đức Sa-môn Cù-đàm đi qua cửa thành này, ta hãy gọi cửa này là cửa Cù-đàm.”

Lại nhân bến sông mà Phật sang ngang, liền đặt tên chỗ đó là bến Cù-đàm.

Đức Thế Tôn ra khỏi thành Ba-lăng-phất, đi đến bờ sông. Lúc ấy, trên bờ sông có nhiều người, trong số đó có người thì dùng thuyền, có người dùng bè, có người dùng phà mà sang sông. Đức Thế Tôn cùng đại chúng chỉ trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, đã đến cả bên kia sông. Sau khi quán sát nghĩa này, Thế Tôn liền nói bài tụng:

*Phật là Hải Thuyền Sư
Pháp là cầu sang sông,
Là chiếc xe Đại thừa,
Đưa hết thầy trời, người.
Là Đấng Tự Giải Thoát,
Sang sông, thành Phật-đà .
Khiến tất cả đệ tử,
Giải thoát, đắc Niết-bàn.*

Thế Tôn lại từ nước Bạt-kỳ đi đến thôn Câu-lỵ nghỉ ở dưới một khóm rừng và bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp thâm diệu: một là Thánh giới; hai là Thánh định; ba là Thánh tuệ và bốn là Thánh giải thoát. Đó là pháp vi diệu khó hiểu, khó

biết, mà ta với các ông xưa kia vì không hiểu rõ nên mãi trôi lăn không cùng trong vòng sống chết.”

Quán xét theo nghĩa đó, Phật liền dạy bài kệ:

Giới, định, tuệ, giải thoát,

Duy Phật phân biệt rõ.

Lìa khổ độ chúng sanh,

Khiến dứt mầm sanh tử.

Bây giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở thôn Câu-ly lại bảo A-nan cùng đi đến thôn Na-đà. A-nan vâng lời, khoác y ôm bát cùng với đại chúng đi theo Phật, theo con đường từ Bạt-kỳ đến Na-đà và dừng lại chỗ Kiên-chùy.

Bấy giờ, A-nan ở chỗ thanh vắng yên lặng suy nghĩ: “Thôn Na-đà này có mười hai cư sĩ là Già-già-la, Già-lăng-già, Tỳ-già-đà, Già-lê-thâu, Giá-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu-lâu, Tẩu-bà-đầu-lâu, Đà-lê-xá-nậu, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu, Da-thâu, Da-thâu-đa-lâu đã qua đời. Hiện nay không biết họ sinh về đâu? Lại có năm mươi người khác mệnh chung, lại năm trăm người khác nữa mệnh chung, nay không biết họ sinh về chỗ nào?”

A-nan suy nghĩ như thế xong, rời khỏi nơi nhàn tịnh, đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ chân Phật xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, vừa rời con ở chỗ nhàn tịnh, lặng lẽ suy nghĩ: Thôn Na-đà này có mười hai cư sĩ: Già-già-la v.v., mạng chung; lại có năm mươi người nữa mạng chung, lại có năm trăm người mạng chung; không biết họ sinh về đâu. Cúi mong Thế Tôn nói rõ cho con.”

Phật bảo A-nan:

“Mười hai cư sĩ kia là Già-già-la v.v., đã đoạn năm hạ phần kết nên mệnh chung sinh thiên ; họ nhập Niết-bàn ở đó chứ không trở lại cõi này nữa. Còn năm mươi người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử ;; dâm, nộ, si mỏng, đặc quả Tư-đà-hàm, sẽ trở lại cõi này để dứt hết gốc khổ. Còn năm trăm người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử, đặc quả Tư-đà-hoàn, không còn bị đọa vào ác thú, chắc chắn thành đạo, chỉ trở lại cõi này bảy lần để dứt hết gốc khổ rồi thôi.

“Này A-nan, phàm có sinh thì có chết, đó là lẽ thường của cuộc đời, có gì là quái lạ. Nếu thấy mỗi người chết, người đều tới hỏi ta như vậy chẳng là quấy rầy ư?”

A-nan đáp:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn, quả là phiền nhiễu.”

Phật bảo:

“A-nan, nay ta sẽ nói cho người về Pháp kính để các Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh; dứt hết ba đường dữ, chứng quả Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời sẽ tận cùng biên tế của khổ; và cũng có thể nói việc ấy cho người khác nghe.

“Này A-nan! Pháp kính là, Thánh đệ tử đã đạt được bất hoại tín, hoan hỷ tin Phật là Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mười đức hiệu đầy đủ. Hoan hỷ tin Pháp là giáo pháp chân chính vi diệu, Phật tự ý nói ra, không cuộc hạn thời tiết, dạy bày con đường đi đến Niết-bàn; được thực hành bởi kẻ trí. Hoan hỷ tin Tăng là chúng khéo hòa đồng, sở hành chất trực không dối trá và chứng thành đạo quả, trên dưới thuận hòa, đầy đủ pháp thân, hoặc có người đang hướng tới Tu-đà-hoàn và được quả Tu-đà-hoàn, có người đang hướng tới Tư-đà-hàm và được quả Tư-đà-hàm, có người đang hướng tới A-na-hàm và được quả A-na-hàm, có người đang hướng tới A-la-hán và được quả A-la-hán. Ấy là bốn đôi tám bậc, chúng Hiền thánh của Như Lai, xứng đáng được cung kính, làm ruộng phước cho đời. Tin giới của Hiền thánh là thanh tịnh, không nhơ, không bị sút mẻ, không rò rỉ, được các bậc minh triết tu theo mà chứng đến tam muội tam-muội định vậy.

“A-nan, đó là Pháp kính, khiến Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh, dứt sạch ba đường dữ, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời hoàn tất tận cùng biên tế của khổ; và cũng có thể nói cho người khác sự việc ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở đó, bèn bảo A-nan hãy cùng đi đến nước Tỳ-xá-ly. A-nan vâng lời, mang y cầm bát, cùng với đại chúng theo hầu Thế Tôn, theo con đường từ Bạt-kỳ đến Tỳ-xá-ly và ngồi nghỉ ở một gốc cây.

Bấy giờ có một dân nữ tên Am-bà-bà-lê vừa nghe Phật cùng các đệ tử đến Tỳ-xá-ly, đang ngồi dưới một gốc cây, liền sửa soạn xe báu, muốn đi đến chỗ Phật để lễ bái cúng dường. Khi chưa đến nơi, từ xa nàng đã thấy Đức Thế Tôn diện mạo đoan chánh, các căn đặc biệt khác thường, tướng tốt đầy đủ, như mặt trăng ở giữa những vì sao. Nàng rất hoan hỷ, xuống xe đi bộ lần tới chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên.

Rồi Thế Tôn, theo thứ lớp thuyết pháp, khai giải, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Nghe Phật nói xong nàng phát tâm vui mừng quý bạch Phật rằng:

“Bắt đầu từ hôm nay con quy y ngôi Tam bảo. Mong Phật nhận lời cho con được làm Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp, trọn đời con không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.”

Lại bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn cùng các đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của con. Còn tối nay thì xin nghỉ tại vườn của con.”

Khi ấy Phật im lặng nhận lời.

Nàng thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi đánh lễ mà trở về. Nàng đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

“Ta cùng các người đi đến khu vườn kia.”

Đáp:

“Thưa vâng.”

Phật bèn rời chỗ ngồi, mang y cầm bát cùng chúng đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người đi đến khu vườn ấy.

Lúc bấy giờ, nhóm người Lệ-xa ở Tỳ-xá-ly, nghe Phật đến nghỉ tại vườn của Am-bà-bà-lê thì liền thắt những cỗ xe báu năm sắc lộng lẫy; có người cưỡi xe xanh, ngựa xanh, phan dù áo mào đều xanh; ngựa xe năm sắc đều như vậy. Rồi thì, những người Lệ-xa với y phục đồng sắc, cả năm trăm người kéo đến Phật. Nàng Am-bà-bà-lê sau khi từ giả Phật trở về, giữa đường gặp xe họ. Lúc đó, xe nàng chạy rất nhanh, cùng với xe báu của họ móc kéo nhau, khiến phước lọng gãy đổ cả, mà vẫn không chịu tránh đường. Các người Lệ-xa trách:

“Nàng ỷ thế gì mà không tránh đường cho chúng tôi đi, để đụng nhằm xe cộ chúng tôi khiến phước lọng gãy đổ cả?”

Am-bà đáp:

“Thưa quý ngài, tôi đã thỉnh Phật ngày mai đến nhà tôi thọ trai. Tôi phải về gấp sửa soạn đồ cúng dường, thành phải đi mau, không tránh kịp.”

Nhóm Lệ-xa liền bảo nàng:

“Nàng khoan hãy thỉnh. Để chúng tôi thỉnh trước, chúng tôi sẽ cho nàng một trăm ngàn lượng vàng.”

Nàng đáp:

“Tôi đã thỉnh trước rồi, không thể nhường được.”

Nhóm Lệ-xa tiếp:

“Chúng tôi sẽ tặng nàng gấp mười sáu lần trăm ngàn lượng vàng. Hãy để chúng tôi thỉnh trước.”

Nàng vẫn không chịu:

“Tôi đã thỉnh rồi. Nhất định không thể làm như thế được.”

Các Lệ-xa lại nói:

“Chúng tôi sẽ tặng bằng số tài bảo nửa nước, nàng hãy để chúng tôi thỉnh trước.”

Nàng trả lời:

“Giả sử đem tài bảo của cả nước cấp cho tôi, tôi cũng không nhận. Vì sao? Vì Phật hiện ở tại vườn tôi, Ngài đã nhận lời tôi thỉnh trước. Việc ấy đã xong, không thể nhường được.”

Các Lệ-xa khoa tay than tiếc, rằng:

“Nàng con gái này đã làm chúng ta thiếu mất cái phúc quả đầu tiên.”

Họ liền tiến tới khu vườn Phật đang ở. Khi Đức Thế Tôn từ xa thấy năm trăm người Lệ-xa, với ngựa xe số vạn, chật đường tiến đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nên biết chư Thiên Đao-lợi khi đi dạo công viên, thì uy nghi và sự trang sức cũng không khác đoàn người đó mấy. Nay các Tỳ-kheo, hãy tự nhiếp tâm, gìn giữ oai nghi đầy đủ. Tỳ-kheo tự nhiếp tâm mình như thế nào? Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, siêng năng không lười biếng, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân., quán nội ngoại thân., trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng như thế.

Thế nào là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi thì biết là đi, dừng thì biết là dừng, quay nhìn tả hữu, co duỗi, cúi ngước, mang y cầm bát cho đến việc ăn uống, thuốc thang, đều không để mất nghi tắc. Khôn khéo tìm cách trừ bỏ ẩm cái, đi ở nằm ngồi, ngủ thức, nói năng hay im lặng đều nhiếp tâm đừng cho loạn động. Đây gọi là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi.”

Bấy giờ năm trăm người Lệ-xa đi đến vườn Am-bà-bà-lê. Gần đến chỗ Phật, xuống xe đi bộ đến, đầu mặt đánh lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Như Lai ở trên chỗ ngồi, ánh sáng độc nhất tỏa sáng che mờ đại chúng, như trăng mùa thu; lại như trời đất trong sáng sạch sẽ không chút bụi dơ, mặt trời giữa hư không độc nhất tỏa sáng. Rồi thì, năm trăm người Lệ-xa hầu vây quanh chỗ ngồi của Phật. Lúc ấy, giữa hội chúng có một người Phạm chí tên là Tịnh Ký, từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai hữu,

đầu gối hữu quỳ xuống đất, chắp tay hướng về Phật, tán thán bằng bài kệ rằng:

*Vua Ma-kiệt, Ương-già,
Để được nhiều thiện lợi,
Khoác khôi giáp bảo châu.
Phật hiện ở nước ấy.
Uy đức động tam thiên,
Tiếng vang như núi Tuyết.
Như hoa sen đã nở,
Mùi hương thật mầu nhiệm.
Nay thấy ánh sáng Phật,
Như mặt trời mới mọc;
Như trăng qua bầu trời,
Không bị mây che khuất.
Thế Tôn cũng như vậy,
Sáng chiếu cả thế gian.
Quán trí tuệ Như Lai
Như tôi gặp được sáng;
Đem mắt sáng cho đời,
Quyết trừ các nghi hoặc.*

Năm trăm người Lệ-xa sau khi nghe bài kệ ấy lại bảo Tịnh Ký:

“Người hãy lặp lại”.

Rồi Tịnh Ký ở trước Phật lặp lại ba lần. Năm trăm Lệ-xa sau khi nghe lặp lại bài kệ, mỗi người cỡi y báu mà cho Tịnh Ký. Tịnh Ký bèn đem y báu dâng Đức Như Lai. Phật vì lòng từ mẫn nên thọ nhận.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với những người Lệ-xa ở Tỳ-xá-ly rằng:

“Ở đời có năm thứ báu rất khó có được. Những gì là năm? Một là Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời rất khó có được. Hai là người có thể giảng thuyết Chánh pháp của Như Lai rất khó có được. Ba là người có thể tín giải pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Bốn là người có thể thành tựu pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Năm là hiếm

nguy được cưu ách mà biết đáp trả, hạng người ấy cũng rất khó có. Ấy là năm thứ báu rất khó có được.”

Năm trăm người Lệ-xa sau khi nghe Phật khai thị, giáo huấn khiến cho lợi ích, hoan hỷ, liền bạch Phật;

“Cúi mong Thế Tôn và chúng đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của chúng con.”

Phật nói với các người Lệ-xa:

“Các ông đã thỉnh Ta. Ta nay như thế là đã được cúng dường rồi. Kỹ nữ Am-bà-bà-lê đã thỉnh trước.”

Năm trăm người Lệ-xa nghe Am-bà-bà-lê nữ đã thỉnh Phật trước, ai nấy đều vung tay mà nói rằng:

“Chúng ta muốn cúng dường Như Lai, mà nay người đàn bà kia đã phổng tay trên ta rồi.”

Rồi họ rời chỗ ngồi, đầu mặt lễ Phật, đi quanh Phật ba vòng, sau đó ai về nhà nấy.

Bấy giờ, Am-bà-bà-lê nữ bèn bày dọn thực phẩm thượng diệu để cúng Phật và Tăng. Sau khi ăn xong, rửa bát, dọn bàn ghế. Rồi kỹ nữ tay bưng bình bằng vàng dâng nước rửa xong, nàng đến trước Phật bạch rằng:

“Trong số những khu vườn trong thành Tỳ-xá-ly này vườn của con là hơn hết. Nay con đem vườn ấy dâng cúng Như Lai. Ngưỡng nguyện Như Lai vì thương tưởng con mà thọ nhận.”

Phật nói với người kỹ nữ:

“Người có thể đem khu vườn này cúng dường trước hết là Phật và Chiêu-đề tăng. Vì sao vậy? Các thứ vườn tược, phòng xá, y bát, sáu vật mà Như Lai sở hữu, ngay dù những Ma, Thích, Phạm, chư Thiên có đại oai lực, không ai có khả năng kham thọ sự cúng dường ấy.”

Kỹ nữ thọ lãnh lời dạy, bèn đem khu vườn mà cúng trước tiên là Phật và Chiêu-đề tăng. Phật vì lòng từ mẫn đối với nàng nên thọ nhận. Rồi Ngài nói bài kệ:

Dựng tháp, lập tinh xá,

Cúng vườn cây mát mẻ;

Cầu thuyền để đưa người;

Và cho cả nhà, gác;

*Đồng trống cho nước cỏ,
Phước ầy ngày đêm tăng;
Người đủ giới thanh tịnh,
Ắt sẽ đến chỗ lành.*

Sau đó, kỹ nữ Am-bà-bà-lê mang một cái giường nhỏ đến ngồi trước Phật. Phật theo thứ lớp nói pháp, mở bày, dạy dỗ, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về thí, về giới, về sinh thiên, về dục là đại hoạn, ô uế, bất tịnh, phiền não là chướng ngại, xuất ly là tối thượng.

Khi Thế Tôn biết tâm ý của nàng đã nhu nhuyến, hòa duyệt, các triền cái vơi mỏng, rất dễ hóa độ, như pháp của chư Phật, Ngài bèn giảng cho nàng về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ nàng Am-bà-bà-lê, tín tâm thanh tịnh, như tấm lụa trắng trong sạch dễ nhuộm màu, ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, con mắt pháp của các pháp sanh, thấy pháp, đắc pháp, quyết định chánh trụ, không còn đọa ác đạo, thành tựu vô úy. Nàng bèn bạch Phật:

“Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nói ba lần như vậy. Cúi mong Như Lai nhận con làm một Ưu-bà-di trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến trọn đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu”.

Người nữ ấy sau khi thọ lãnh năm giới từ Phật, xả bỏ tập quán từ trước, tiêu trừ những cấu uế, rời khỏi chỗ ngồi, lễ Phật rồi lui.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy nghi trú ở Tỳ-xá-ly, bảo A-nan:

“Các người hãy sửa soạn. Ta muốn đi đến Trúc lâm.”

Đáp: “Kính vâng.”

Rồi sửa soạn y bát, cùng đại chúng hầu quanh Thế Tôn, đi theo con đường từ Bạt-kỳ đến Trúc lâm kia.

Lúc ấy có người Bà-la-môn tên là Tỳ-sa-đà-da, nghe Phật cùng đại chúng đến Trúc lâm này, liền thâm nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm này có tiếng tốt đồn khắp bốn phương, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Thích, Phạm, Ma hay Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự mình tác chứng, rồi thuyết pháp cho người khác, với những ngôn từ mà khoảng đầu, giữa và cuối thảy đều chân chánh, nghĩa vị thâm áo, phạm hạnh đầy đủ. Bậc Chân Nhân như thế, ta nên đến thăm viếng”.

Rồi Bà-la-môn ra khỏi thành, đi đến Thế Tôn chỗ rừng Trúc ;; chào hỏi xong, ngồi sang một bên. Thế Tôn theo thứ lớp thuyết pháp cho ông,

mở bày, chỉ dạy, khiến cho ích lợi, hoan hỷ. Nghe xong, hoan hỷ, ông bèn thỉnh Thế Tôn cùng đại chúng ngày mai đến nhà thọ thực. Phật im lặng nhận lời. Bà-la-môn biết Ngài đã nhận lời, liền đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi cáo về.

Vào ngay đêm đó dọn bày các thứ ẩm thực. Sáng mai, lúc đã đến giờ, bèn báo tin:

“Cúi mong Đức Thánh biết là đã đến giờ.”

Bấy giờ Thế Tôn khoác y ôm bát, cùng đại chúng vây quanh, đi đến nhà kia, ngồi lên chỗ dọn sẵn. Rồi thì, Bà-la-môn dâng đủ các thực phẩm ngon cúng Phật và Tăng. Ăn xong, thọ bát, dùng nước rửa xong, ông mang một cái giường nhỏ đến ngồi trước Phật. Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói một bài tụng:

*Nếu đem ẩm thực,
Y phục, ngọa cụ,
Cho người trì giới,
Tất được quả lớn.
Đó là bạn thật,
Chung thủy theo nhau;
Đến bất cứ đâu,
Như bóng theo hình.
Vậy nên gieo thiện,
Làm lương đời sau.
Phước là nền tảng,
Chúng sanh an trụ.
Phước là thiên hộ,
Đường đi không nguy.
Sống không gặp nạn;
Chết được sanh thiên.*

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho Bà-la-môn; mở bày, chỉ dẫn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Sau đó, Ngài rời chỗ ngồi mà đi.

Lúc ấy, ở địa phương này thóc quý, đói kém, nên khất thực khó được. Phật bảo A-nan:

“Hãy gọi các Tỳ-kheo hiện ở địa phương này tập hợp ở giảng đường. A-nan đáp vâng, rồi thừa lệnh Phật kêu gọi các Tỳ-kheo xa gần về tập hợp hết ở giảng đường. Sau khi đại chúng trong nước này đều đã tập hợp, A-nan bạch Phật:

“Đại chúng đã tập hợp, cúi mong Đức Thánh biết thời.”

Bấy giờ, Phật rời chỗ ngồi, đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo:

“Đất này đói kém, khất thực khó khăn, các người nên chia thành từng nhóm, tùy theo chỗ quen biết, hãy đến Tỳ-xá-ly và nước Việt-kỳ mà an cư ở đó để có thể không bị thiếu thốn. Ta một mình cùng với A-nan an cư ở đây.”

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy, ra đi. Riêng Phật với A-nan ở lại. Về sau, trong lúc an cư, thân Phật nhuốm bệnh, khắp cả mình đều đau. Phật tự nghĩ: “Ta nay cả người đều đau mà các đệ tử đều không ở đây. Nếu Ta nhập Niết-bàn thì không thích hợp. Vậy Ta hãy tinh cần tự lực lưu lại thọ mạng”. Rồi Thế Tôn ra khỏi tịnh thất, đến ngồi chỗ mát mẻ. A-nan trông thấy liền vội đến, bạch Phật rằng:

“Nay con xem gương mặt Thế Tôn, bệnh hình như có bớt.”

A-nan lại nói:

“Thế Tôn bệnh, tâm con sợ hãi, lo buồn thắt chặt, hoang mang không biết phương hướng. Nhưng hơi thở chưa dứt, còn chút tỉnh táo, con thầm nghĩ rằng: Thế Tôn chưa diệt độ ngay, con mắt của đời chưa tắt, Đại pháp chưa suy tổn, sao nay Ngài không có điều gì dạy bảo các đệ tử?”

Phật bảo A-nan:

“Chúng Tăng còn có điều gì cần ở Ta nữa? Nếu có ai tự mình nói: Ta duy trì chúng Tăng, ta nhiếp hộ chúng Tăng, thì người ấy nên có lời di giáo cho chúng Tăng. Như Lai không nói: Ta duy trì chúng Tăng. Ta nhiếp hộ chúng Tăng. Vậy tại sao Ta lại phải có lời di giáo cho chúng Tăng? Nay A-nan, những pháp Ta đã giảng thuyết, trong cũng như ngoài đều đã hoàn tất. Ta không bao giờ tự xưng sở kiến thông đạt. Ta nay đã già rồi, tuổi đã đến tám mươi rồi. Cũng như cỗ xe cũ kỹ, nhờ phương tiện tu sửa mà có thể đi đến nơi. Thân ta cũng vậy, nhờ sức phương tiện còn hơi duy trì được tuổi thọ, tự lực tinh tấn mà nhẫn chịu sự đau nhức này. Không suy niệm tất cả tướng, khi nhập vô tướng định, thân an ổn, không có não loạn. Vì vậy, A-nan, hãy tự mình thắp sáng; thắp sáng nơi pháp, chớ thắp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác. Thế nào là Hãy tự mình thắp sáng, thắp sáng nơi

pháp, chỗ thấp sáng nơi khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa pháp, chỗ nương tựa nơi khác? Nay A-nan, Tỳ-kheo quán nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán ngoại thân; quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Nay A-nan, đó gọi là Hãy tự thấp sáng, thấp sáng nơi pháp, chỗ thấp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chỗ nương tựa nơi khác.. Nay A-nan, sau khi Ta diệt độ, nếu có ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học.”

Phật bảo A-nan, hãy cùng đi đến tháp Giá-bà-la. A-nan vâng lời. Như Lai bèn đứng dậy, mang y cầm bát đến dưới một gốc cây, bảo A-nan:

“Hãy trải chỗ ngồi. Ta đau lưng, muốn nghỉ lại đây.”

An-nan đáp: “Vâng”.

Trải chỗ ngồi và sau khi Như Lai đã ngồi xuống, A-nan dọn một chỗ ngồi nhỏ ngồi trước Phật. Phật nói:

“Nay A-nan, những ai tu Bốn thần túc, tu tập nhiều, thường ghi nhớ không quên, người ấy tùy theo ý muốn có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp. A-nan, Phật đã tu tập nhiều Bốn thần túc, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn, Như Lai có thể sống hơn một kiếp, để trừ minh ám cho đời, đem lại nhiều lợi ích, trời và người đều được an ổn.”

Lúc bấy giờ A-nan im lặng không trả lời. Phật nói như vậy ba lần, A-nan cũng im lặng không trả lời. Khi ấy A-nan bị ma ám, mê muội không tỏ rõ. Phật đã ba lần hiện tướng, nhưng A-nan không biết mà thỉnh cầu. Phật bảo A-nan: “Hãy biết thời”. A-nan vâng ý chỉ của Phật, đứng dậy lễ Phật rồi lui. A-nan đi cách Phật không xa, ngồi dưới một gốc cây, tĩnh ý tư duy. Trong khoảng thời gian không lâu, ma Ba-tuần đến bạch Phật:

“Ý Phật không muốn vào Niết-bàn sớm. Nay chính là lúc, Phật nên mau chóng diệt độ.”

Phật bảo ma Ba-tuần:

“Hãy thôi! Hãy thôi! Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi chúng Tỳ-kheo của Ta hội đủ. Có người có thể tự điều phục, dũng mãnh, không khiếp sợ, đã đến chỗ an ổn, đã đạt được mục đích của mình, là hướng đạo của loài người, thuyết giảng kinh giáo, hiển bày cú nghĩa, nếu có dị luận thì có thể hàng phục bằng Chánh pháp, lại có thể bằng thần biến mà tự mình tác chứng. Các đệ tử như thế chưa hội đủ. Lại còn có các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả cũng như thế, đều chưa tụ hội đủ. Nay điều cần thiết là triển khai phạm hạnh, phổ biến

giác ý, khiến cho chư Thiên và loài người thấy đều thấy được sự thần diệu. .”

Bấy giờ ma Ba-tuần lại bạch Phật:

“Thuở xưa, ở Uất-bệ-la bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-du-ba ni-câu-luật, Phật khi mới thành Chánh giác, tôi đã đến chỗ Như Lai mà khuyên mời Ngài hãy nhập Niết-bàn rằng: Nay thật là đúng lúc, Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn. Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi đệ tử Ta tụ hội đông đủ v.v., cho đến, chư Thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi ấy Ta mới nhập Niết-bàn. Nay chính là lúc ấy, sao Ngài không nhập Niết-bàn?”

Phật nói:

“Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Phật tự biết thời. Ta không trụ thế bao lâu nữa. Sau ba tháng nữa, tại bản sanh địa Câu-thi-na-kiệt, vườn Sa-la, giữa đôi cây, Ta sẽ diệt độ.”

Lúc ấy, ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật tất không nói dối, nhất định sẽ diệt độ, bèn vui mừng phấn khởi, hốt nhiên biến mất. Ma đi chưa bao lâu, Phật ở nơi tháp Giá-bà-la, bằng định ý tam muội tam-muội, xả thọ hành. Ngay lúc đó, đại địa chấn động. Nhân dân cả nước thấy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng ánh sáng rọi suốt vô cùng, nơi chỗ tối tăm cũng được soi sáng, thấy đều trông thấy nhau. Bấy giờ Thế Tôn nói kệ tụng rằng:

Trong hai hành hữu vô,

Ta nay xả hữu vi.

Nội chuyên tam muội Tam-muội định

Như chim ra khỏi trứng.

Lúc bấy giờ Hiền giả A-nan tâm kinh sợ, lông tóc dựng ngược, vội vàng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

“Lạ thay, Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà đất rung động?”

Phật bảo A-nan:

“Ở đời, có tám nguyên nhân khiến đất rung động. Những gì là tám? Đất y trên nước. Nước y trên gió. Gió y trên hư không. Trong hư không có ngọn gió lớn có khi tự nổi lên, khi ấy khối lớn nước bị khuấy động.

Khối nước lớn bị khuấy động thì khắp cả đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

“Lại nữa, này A-nan, có khi có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc Tôn thiên đại thần quán thể tánh nước nhiều, quán thể tánh đất ít, muốn tự thử năng lực của mình, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

“Lại nữa, này A-nan, khi Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

“Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, sanh từ hông phải, chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tư.

“Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát vừa thành Vô thượng chánh giác, ngay lúc ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ năm.

“Lại nữa, A-nan, khi Phật vừa thành đạo chuyển Vô thượng pháp luân mà Ma hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn thấy đều không thể chuyển, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ sáu.

“Lại nữa, A-nan, khi sự giáo giới của Phật gần hoàn tất, chuyên tâm không tán loạn, Phật xả bỏ thọ hành, khi đó khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ bảy.

“Lại nữa, này A-nan, khi Như Lai ở nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tám.

“Do tám nguyên nhân ấy mà đất rung động.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

Đấng Lương Túc Tối Tôn,

Đại Sa-môn soi sáng đời,

Được A-nan thưa hỏi:

Nguyên nhân gì đất rung?

Như Lai diễn từ âm,

Tiếng như chim Ca-lăng:

"Ta nói, hãy lắng nghe,

Nguyên do đất rung động.

Đất nhân y trên nước,

Nước nhân y trên gió.
Nếu gió trời hư không,
Đất vì thế rung mạnh.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Muốn thử thần thông lực,
Núi, biển, trăm cây cỏ,
Cõi đất thấy rung động.
Thích, Phạm, các Tôn thiên,
Ý muốn đất rung động,
Núi biển các Quỷ thần,
Cõi đất thấy rung động.
Bồ-tát, Lưỡng Túc Tôn,
Trăm phước tướng đã đủ,
Khi mới nhập thai mẹ,
Khi ấy đất rung động.
Mười tháng trong thai mẹ,
Như rồng nằm trầm đềm;
Từ hông hữu xuất sanh,
Khi ấy đất rung động.
Phật khi còn trai trẻ
Tiêu diệt dây kết sử,
Thành đạo Thắng vô thượng;
Khi ấy đất rung động.
Thành Phật, chuyển Pháp luân,
Ở trong vườn Lộc dã;
Đạo lực hàng phục ma,
Khi ấy đất rung động.
Thiên ma nhiều phen thỉnh,
Khuyên Phật nhập Niết-bàn;
Khi Phật xả thọ mạng,

*Khi ấy đất rung động.
Đại Đạo Sư, Chí Tôn,
Thần Tiên, không tái sanh,
Vào tịch diệt, bất động;
Khi ấy đất rung động.
Tịnh nhân, nói các duyên,
Đất rung vì tám sự.
Do đây và khác nữa,
Khi ấy đất rung động”.*

II

Phật nói với A-nan:

“Này A-nan! Đời có tám chúng: một là chúng Sát-ly; hai là chúng Bà-la-môn; ba là chúng Cư sĩ; bốn là chúng Sa-môn; năm là chúng Tứ thiên vương; sáu là chúng Đạo-lợi thiên; bảy là chúng Ma; tám là chúng Phạm thiên.

“Ta nhớ xưa kia, Ta từng qua lại trong chúng Sát-ly, cùng họ nói năng, ngồi đứng, chẳng biết đã bao nhiêu lần. Nhờ sức thiên định tinh tấn mà nơi nào Ta hiện đến, hễ họ có sắc đẹp thì sắc Ta đẹp hơn. Họ có tiếng hay thì tiếng Ta hay hơn. Họ từ giã Ta mà đi, nhưng Ta không từ giã họ. Điều họ nói được, Ta cũng nói được. Điều họ không thể nói được, Ta cũng nói được. Ta thường thuyết pháp cho họ, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ, rồi biến mất khỏi nơi đó, mà họ không biết Ta là trời hay là người. Như thế cho đến, Ta từng qua lại trong chúng Phạm thiên không biết là bao nhiêu lần để thuyết pháp cho họ, mà họ cũng đều chẳng biết Ta là ai.”

“A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, thật là kỳ diệu, chưa từng có, mới có thể thành tựu được như thế”.

Phật nói:

“Pháp vi diệu chưa từng có như vậy, này A-nan, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, duy chỉ Như Lai mới thành tựu được”.

Phật lại bảo A-nan:

“Như Lai có thể biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của thọ; biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của tướng; sự sanh khởi, tồn tại và

biến mất của quán. Đó mới thật là pháp kỳ diệu chưa từng có của Như Lai, người nên ghi nhớ.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo A-nan cùng đi đến Hương tháp, rồi tới một gốc cây trái toạ ngồi và bảo A-nan nhóm hết các Tỳ-kheo hiện có mặt chung quanh Hương tháp lại giảng đường. A-nan vâng lời Phật dạy, tập hợp tất cả, rồi bạch Phật:

“Đại chúng đã tụ tập. Cúi xin Đức Thánh biết thời.”

Thế Tôn bèn đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ dọn sẵn. Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Các người nên biết, Ta do những pháp sau đây mà tự thân tác chứng, thành Tối chánh giác. Đó là Bốn niệm xứ, Bốn ý đoan, Bốn thần túc, Bốn thiền định, Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý và Tám thánh đạo. Các người hãy nên cùng nhau tu tập ở trong pháp đó, cùng nhau hòa đồng kính thuận, chớ sinh tranh tụng. Cùng đồng một thầy học hãy cùng đồng hòa hợp như nước với sữa. Ở trong pháp Ta, hãy tinh cần tu học, cùng soi sáng cho nhau, cùng nhau hoan hỷ.

“Này các Tỳ-kheo, các người nên biết, Ta từ các pháp này mà tự mình chứng ngộ, rồi công bố ra nơi đây. Tức là, Khế kinh, Kỳ dạ kinh, Thọ ký kinh, Kệ kinh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Bản duyên kinh, Thiên bản kinh, Quảng kinh, Vị tăng hữu kinh, Chứng dụ kinh, Đại giáo kinh. Các người hãy ghi nhớ kỹ, tùy khả năng mà phân tích, tùy sự mà tu hành. Vì sao vậy? Như Lai không bao lâu nữa, sau ba tháng nữa, sẽ vào Niết-bàn.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời ấy, rất đổi kinh ngạc, sửng sốt hoang mang, vật mình xuống đất, cất tiếng kêu than:

“Nhanh chóng làm sao, Thế Tôn diệt độ! Đau đớn làm sao, con mắt của thế gian sắp tắt! Chúng ta từ nay mãi mãi mất mát!” Hoặc có Tỳ-kheo vật vã buồn khóc, lăn lộn kêu ca, không tự kiềm chế được, khác nào như rắn bị đứt làm hai khúc, lăn lộn ngắc ngoải, không biết đi về đâu.

Phật bảo:

“Này các Tỳ-kheo, các người chớ ôm lòng ưu bi như vậy. Từ trời đất đến người vật, không có cái gì sanh ra mà không kết thúc. Muốn các pháp hữu vi không bị biến dịch, thì không thể nào được. Trước đây Ta đã từng dạy ân ái là vô thường, có hội hợp tất có chia ly. Thân này không phải của mình, mạng này không ở lâu được.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Ta nay tự tại

*Đến chỗ an ổn;
Nói rõ nghĩa này
Cho chúng hòa hợp.
Ta nay già rồi,
Việc làm đã xong,
Nay nên xả thọ.
Niệm không buông lung,
Tỳ-kheo giới đủ;
Thâu nhiếp định ý,
Thủ hộ tâm mình.
Ở trong pháp Ta,
Ai không buông lung,
Sẽ dứt gốc khổ,
Khỏi sanh già chết.*

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nay sở dĩ khuyên dạy các ông như thế, vì thiên ma Ba-tuần, vừa rồi đến thỉnh cầu ta, nói: Ý Phật chưa muốn vào Niết-bàn sớm. Nay đã phải thời rồi, xin Ngài mau diệt độ. Ta bảo ma Ba-tuần: Hãy thôi! Hãy thôi! Ta tự biết thời. Ta còn đợi chúng Tỳ-kheo của Ta hội đủ. cho đến, khiến cho chư Thiên và loài người thấy được sự thần diệu. Bấy giờ ma Ba-tuần lại nói với Ta rằng: Thuở xưa, ở Uất-bệ-la, bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-du-ba ni-câu-luật, Phật khi mới thành Chánh giác, tôi đã thưa Ngài rằng: Ý Phật không muốn Niết-bàn sớm. Nay thật là đúng lúc. Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn. Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi đệ tử Ta tụ hội đông đủ v.v., cho đến, chư Thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi ấy Ta mới nhập Niết-bàn. Nay đây, đệ tử của Như Lai đã hội đủ., cho đến, chư Thiên và loài người đều thấy được sự thần thông biến hóa. Nay chính là lúc, sao Ngài không nhập Niết-bàn? Ta nói: Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Phật tự biết thời. Ta không trụ thế bao lâu nữa. Sau ba tháng nữa, Ta sẽ diệt độ. Lúc ấy ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật tất không nói dối, bèn vui mừng phấn khởi, hốt nhiên biến mất. Ma đi chưa bao lâu, ở nơi tháp Giá-bà-la, bằng định ý tam muội tam-muội, Ta xả thọ hành. Ngay lúc đó, đại địa chấn động. Trời người thấy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng ánh sáng

roi suốt vô cùng, nơi chỗ tối tăm cũng được soi sáng, thấy đều trông thấy nhau. Bấy giờ Ta nói kệ tụng rằng:

Trong hai hành hữu vô,

Ta nay xả hữu vi.

Nội chuyên tam muội tam-muội định

Như chim ra khỏi trứng.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan đứng dậy, trích áo bày vai hữu, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật:

“Cúi mong Đức Thế Tôn, lưu trú một kiếp, chớ vội diệt độ, vì lòng thương tưởng chúng sanh, để làm ích lợi cho trời, người.”

Đức Thế Tôn yên lặng không đáp. A-nan thưa thỉnh đến ba lần. Phật bảo:

“A-nan! Người có tin đạo Chánh giác của Như Lai không?”

A-nan đáp:

“Thưa vâng, con tin chắc thật lời Phật nói.”

Phật nói:

“Nếu người có tin, sao ba lần quấy rầy Ta? Người đã trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật rằng, những ai đã tu tập bốn thần túc, tu tập nhiều lần, chuyên niệm không quên, thì có thể tùy ý muốn mà kéo dài tuổi thọ trong một kiếp hoặc một kiếp hơn. Phật đã tu tập bốn thần túc, tu tập nhiều lần, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn có thể sống hơn một kiếp, để trừ sự tối tăm cho đời, làm lợi ích nhiều người, cho trời và người được an lạc. Tại sao lúc đó người không thỉnh cầu Như Lai chớ diệt độ? Nghe lần thứ hai, còn khả thứ. Cho đến lần thứ ba, người cũng không khuyến thỉnh Như Lai sống thêm một kiếp hoặc một kiếp hơn, để trừ tối tăm cho đời, đem lại lợi ích an lạc cho hàng thiên nhân. Nay người mới nói, há chẳng muộn lắm ư? Ta ba lần hiện tướng, người ba lần im lặng. Sao lúc ấy người không nói với Ta rằng Như Lai hãy sống thêm một kiếp hoặc một kiếp hơn, để trừ sự tối tăm cho đời, vì lợi ích cho nhiều người, để cho trời người được an lạc?”

“Hãy thôi, A-nan, nay Ta đã xả tuổi thọ, đã bỏ, đã nhỡ rồi. Muốn Như Lai trái với lời đã nói ra, thì không bao giờ có trường hợp đó. Ví như một người hào quý đã nhỡ đồ ăn xuống đất, họ còn lấy ăn trở lại được không?”

A-nan đáp: “Không”.

“Nay Như Lai cũng vậy, đã bỏ, đã nhỡ rồi đâu còn tự mình ăn lại nữa.”

Phật lại bảo A-nan cùng đi đến thôn Am-bà-la. A-nan xếp y ôm bát, cùng với đại chúng đi theo Thế Tôn, do theo đường từ Bạt-kỳ đến Am-bà-la. Khi đến thôn Am-bà-la, tới một đồi cây, Phật dạy các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ; tu giới đắc định, được quả báo lớn; tu định đắc trí, được quả báo lớn; tu trí tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn, dứt hết ba thứ lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát liền phát sanh trí về sự giải thoát, sanh tử dứt hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn phải tái sinh nữa.”

Bấy giờ, sau khi tùy nghi an trú ở thôn Am-bà-la, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan: “Hãy sửa soạn để đi thôn Chiêm-bàà, , thôn Kiền-đồ, thôn Bà-lê-bà và thành Phụ-di . A-nan đáp: “Thưa vâng”. Rồi xếp y ôm bát, cùng đại chúng theo hầu Thế Tôn, theo con đường từ Bạt-kỳ đi lần đến các thành khác, đến phía Bắc thành Phụ-di, nghỉ lại trong rừng Thi-xá-bà.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói cho các người nghe Bốn đại giáo pháp. Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con muốn nghe.”

Phật nói:

“Bốn pháp ấy là gì? Nếu có vị Tỳ-kheo nào nói như vậy: Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân theo Phật được nghe, được lãnh thọ giáo pháp này. Nghe như vậy thì các người cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các người hãy nói lại người kia rằng: Phật không nói như thế, người đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi. Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: Lời người vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ. Đó là đại pháp thứ nhất.

“Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào nói như vậy: Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ chúng Tăng hòa hợp với các vị kỳ cựu đa văn, được lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo này.

Nghe như vậy thì các người cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các người hãy nói lại người kia rằng: Phật không nói như thế, người đã nghe, nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi. Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: Lời người vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ. Đó là đại pháp thứ hai.

“Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như vậy: Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ nhiều vị Tỳ-kheo, là những người trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi, được lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo này. Nghe như vậy thì các người cũng không nên tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các người hãy nói lại người kia rằng: Phật không nói như thế, người đã nghe, nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi. Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: Lời người vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ. Đó là đại pháp thứ ba.

“Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như vậy: Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân từ một vị Tỳ-kheo kia, là người trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi, được lãnh thọ Giáo pháp này. Nghe như vậy thì các người cũng không tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các người hãy nói lại người kia rằng: Phật không nói như thế, người đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi. Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp

thì hãy nói với người kia rằng: Lời người vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ. Đó là đại pháp thứ tư.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở thành Phụ-di lại bảo A-nan cùng đi đến thành Ba-bà. A-nan đáp: “Kính vâng”, rồi xếp y ôm bát, với đại chúng đi theo Thế Tôn, theo con đường Mạt-la đi vườn Xà-đầu, thành Ba-bà. Nơi đây có con trai của một người thợ tên là Châu-na nghe Phật từ Mạt-la kia đến thành này, liền y phục chỉnh tề tìm đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi lại một bên. Phật theo thứ lớp thuyết pháp cho Châu-na, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích hoan hỷ. Châu-na sau khi nghe phát tín tâm hoan hỷ, bèn thỉnh Phật ngày mai đến nhà cúng dường. Phật làm thỉnh nhận lời. Châu-na biết Phật đã nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, rồi lui về. Ngay đêm đó ông sửa soạn thức ăn. Ngày mai, vào thời gian thích hợp, ông trở lại thỉnh Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng tùy tùng đến nhà ông, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Sau khi Phật và đại chúng đã an tọa, Châu-na đem món ăn dâng Phật và chúng Tăng. Ông lại nấu riêng một thứ năm Chiên-đàn là thức ăn trân quý kỳ lạ ít thấy, đem dâng riêng cho Phật. Phật bảo Châu-na chớ đem thứ năm ấy cho chúng Tăng ăn. Châu-na vâng lời, không dám dọn cho chúng Tăng.

Lúc bấy giờ, trong đại chúng Tỳ-kheo có một Tỳ-kheo già, xuất gia lúc tuổi xế chiều, ngay trên mâm ăn, dùng đồ đựng dư để lấy.

Châu-na, sau khi thấy chúng Tăng thọ trai xong, cất bình bát và dùng nước rửa xong, liền đến trước Phật mà hỏi bằng bài kệ rằng:

*Xin hỏi Đại Thánh Trí,
Đấng Chánh Giác Chí Tôn:
Đời có mấy Sa-môn,
Khéo huấn luyện điều phục?
Phật đáp bằng bài kệ:
Theo như người vừa hỏi,
Có bốn hạng Sa-môn,
Chí hướng không đồng nhau,
Người hãy nhận thức rõ:
Một, hành đạo thù thắng;*

Hai, khéo giảng đạo nghĩa;
Ba, y đạo sinh sống;
Bốn, làm ô uế đạo.
Sao gọi đạo thù thắng?
Sao khéo nói đạo nghĩa?
Sao y đạo sinh hoạt?
Sao làm đạo ô uế?
Bẻ gai nhọn ân ái,
Quyết chắc vào Niết-bàn;
Vượt khỏi đường Thiên nhân,
Là hành đạo thù thắng.
Khéo hiểu đệ nhất nghĩa
Giảng đạo không cầu uế,
Nhân từ giải nghi ngờ,
Là hạng khéo thuyết đạo.
Khéo trình bày pháp cú
Nương đạo mà nuôi sống,
Xa mong cõi vô cấu;
Là hạng sống y đạo.
Trong ôm lòng gian tà,
Ngoài như tuồng thanh bạch.
Hư dối không thành thật,
Là hạng làm nhơ đạo.
Sao gọi gồm thiện ác,
Tịnh, bất tịnh xen lẫn.
Mặt ngoài hiện tốt đẹp,
Như chất đồng mạ vàng,
Người tục thấy liền bảo:
"Đó là Thánh đệ tử,
Các vị khác không bằng,

*Ta chớ bỏ lòng tin".
Người gìn giữ đại chúng,
Trong trước giả ngoài thanh.
Che giấu điều gian tà,
Kỳ thật lòng phóng đãng.
Chớ trông dáng bề ngoài,
Đã vội đến thân kính.
Che giấu điều gian tà,
Kỳ thật lòng phóng đãng.*

Rồi Châu-na lấy một cái giường nhỏ đặt ngời trước Phật. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Sau đó, với đại chúng theo hầu, Phật trở về. Vừa đến giữa đường, Phật dừng lại dưới một gốc cây và bảo A-nan:

"Ta đau lưng, người hãy trải chỗ ngời."

A-nan đáp vâng, rồi trải chỗ ngời. Phật nghỉ ngơi. Bấy giờ, A-nan lại trải một chỗ ngời thấp hơn và ngời trước Phật. Phật hỏi A-nan:

"Vừa rồi ông thấy Châu-na có ý gì hối hận không? Nếu có hối hận là tự đâu?"

A-nan đáp: "Châu-na vừa cúng dường Phật như vậy không được phúc lợi gì cả. Vì sao? Tại vì sau khi Đức Như Lai thọ trai ở nhà ông thì Ngài vào Niết-bàn!".

Phật nói:

"A-nan chớ nói như vậy, chớ nói như vậy! Hiện nay Châu-na được nhiều lợi lớn, được sống lâu, được sắc đẹp, được sức lực, được tiếng tốt, được nhiều tài lợi, chết được lên trời, cầu điều gì đều được. Tại sao vậy? Vì người cúng dường cho Phật lúc mới thành đạo với người cúng dường cho Phật lúc sắp Niết-bàn, công đức hai bên ngang nhau không khác. Người hãy đến nói với Châu-na rằng: Tôi trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật, rằng Châu-na nhờ công đức cúng dường Phật mà được lợi lớn, quả báo lớn."

A-nan vâng lời, đi đến chỗ Châu-na, nói rằng:

"Tôi trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật, rằng ông Châu-na nhờ công đức cúng dường Phật mà được lợi lớn, quả báo lớn. Tại sao

vậy? Vì người cúng dường Phật lúc mới thành đạo với người cúng dường Phật lúc sắp Niết-bàn, công đức hai bên ngang nhau không khác.

*Thọ trai nhà Châu-na,
Mới nghe lời nói này:
Bệnh Như Lai thêm nặng,
Thọ mạng đã sắp tàn,
Tuy ăn nấm Chiên-đàn,
Mà bệnh vẫn càng tăng.
Ôm bệnh mà lên đường,
Lần đến thành Câu-thi.*

Bấy giờ, Thế Tôn đứng dậy, đi về phía trước được một quãng ngắn, đến dưới một gốc cây, lại bảo A-nan:

“Ta đau lưng quá, hãy sửa chỗ ngồi.”

A-nan đáp: “Vâng”. Rồi dọn một chỗ ngồi. Như Lai nghỉ ngơi. A-nan lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Lúc đó, có người đệ tử A-la-hán tên là Phúc-quý, đi từ thành Câu-thi-na-kiệt nhằm đến thành Ba-bà, khi vừa đến giữa đường, trông thấy Phật tại bên gốc cây, dung mạo đoan chính, các căn tịch tịnh, tâm ý nhu thuận trong cảnh tịch diệt tuyệt đối, ví như con rồng lớn, như hồ nước đứng trong không chút cáu bợn. Sau khi thấy, ông phát sinh thiện tâm hoan hỷ, đi đến gần Phật, đánh lễ rồi ngồi lại một bên và bạch Phật rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, người xuất gia, ở tại chỗ thanh tịnh, ưa thích sự nhàn cư, thật hy hữu thay, dẫu cả một đoàn xe có những năm trăm cỗ đi ngang qua một bên mà vẫn không hay biết! Thầy tôi có lần ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây bên đường thuộc địa phận giữa hai thành Câu-thi và Ba-bà. Lúc đó có đoàn xe năm trăm cỗ đi ngang qua một bên. Tiếng xe cộ rầm rầm. Tuy thức tỉnh nhưng không nghe thấy. Sau đó có người đến hỏi: Có thấy đoàn xe vừa đi qua đây không? Đáp: Không thấy. Lại hỏi: Có nghe không? Đáp: Không nghe. Lại hỏi: Nãy giờ ông ở đây hay ở chỗ khác? Trả lời: Ở đây. Lại hỏi: Nãy giờ ông tỉnh hay mê? Trả lời: Tỉnh. Lại hỏi: Nãy giờ ông thức hay ngủ? Trả lời: Không ngủ. Người kia thầm nghĩ: Đây thật là hy hữu. Người xuất gia chuyên tinh mới như thế. Cho dẫu tiếng xe rầm rộ, thức mà vẫn không hay. Rồi nói với thầy tôi rằng: Vừa có năm trăm cỗ xe rầm rộ đi qua con đường này, tiếng xe chấn động mà còn không nghe thấy, có đâu lại nghe thấy chuyện khác! Rồi người kia làm lễ, hoan hỷ từ tạ.”

Phật nói:

“Này Phúc-quý! Nay Ta hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời. Đoàn xe rầm rộ đi qua, tuy thức nhưng không nghe và sấm sét vang động đất trời, tuy thức nhưng không nghe. Trong hai điều đó, điều nào khó hơn?”

Phúc-quý thưa:

“Tiếng động của ngàn chiếc xe đâu sánh bằng tiếng sấm sét. Không nghe tiếng xe còn dễ chứ không nghe sấm sét ấy mới thật là rất khó.”

Phật nói:

“Này Phúc-quý, Ta có một lần ở tại một thảo lư trong thôn A-việt, lúc đó có đám mây lạ vụt nổi lên, rồi tiếng sấm sét vang rền dữ dội làm chết hết bốn con trâu và hai anh em người đi cày, thiên hạ xúm tới chật ních. Lúc ấy Ta đang ra khỏi thảo lư, đi kinh hành thông thả. Một người từ đám đông kia đi lại chỗ Ta, đầu mặt lễ sát chân, rồi theo sau Ta kinh hành. Dẫu biết nhưng Ta vẫn hỏi: Đám đông kia đang tụ tập để làm gì vậy? Người kia liền hỏi lại Ta rằng: Nầy giờ Ngài ở đâu, thức hay ngủ? Ta trả lời: Ở đây, không ngủ. Người kia tán thán cho là hy hữu, chưa thấy ai đắc định như Phật; sấm chớp vang rền cả trời đất thế mà riêng mình tịch tịnh, thức mà không hay. Rồi người ấy bạch Phật: Vừa rồi có đám mây lạ vụt nổi lên, rồi tiếng sấm sét vang rền dữ dội làm chết hết bốn con trâu và hai người đi cày. Đám đông tụ tập chính là vì chuyện ấy. Người ấy trong lòng vui vẻ, liền được pháp hỷ, lễ Phật rồi lui.

Lúc đó Phúc-quý đang khoác hai tấm vải màu vàng, trị giá cả trăm ngàn, rồi chỗ ngồi đứng dậy, rồi quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

“Nay con đem tấm vải này dâng Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nạp thọ.”

Phật bảo Phúc-quý:

“Ngươi để một tấm cho Ta và một tấm cho A-nan.”

Phúc-quý vâng lời. Một tấm dâng Phật, một tấm cho A-nan. Phật thương tưởng ông cho nên nhận. Phúc-quý đánh lễ Phật và ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho ông, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sinh thiên, dục là đại hoạn, bất tịnh, ô uế, phiền não ô nhiễm là pháp chướng đạo, xuất yếu là tối thẳng. Khi Phật biết tâm ý Phúc-quý đã hoan hỷ, nhu nhuyến, không bị triền cái trùm lấp, rất dễ khai hóa; như thường pháp của chư Phật, Ngài giảng cho Phúc-quý về Khổ thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ xuất yếu thánh đế. Phúc-quý liền phát tín tâm thanh tịnh, ví như tấm vải sạch

rất dễ nhuộm màu, ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, phát sinh pháp nhãn, thấy pháp, chứng pháp, an trú quyết định chánh tánh, không còn bị sa đọa ác đạo, thành tựu vô úy, bèn bạch Phật:

“Con nay quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm một Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay cho đến trọn đời con nguyện không sát, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn nhận con là Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp.”

Lại bạch Phật:

“Lúc nào Phật đến giáo hóa tại thành Ba-bà xin Ngài hạ cố đến khóm nhà nghèo của con. Bởi vì con muốn đem hết những vật thực sàng tọa, y phục, thuốc thang sẵn có trong nhà để dâng cúng Thế Tôn. Thế Tôn lãnh thọ cho thì nội gia con được an lạc.”

Phật nói:

“Người nói rất phải.”

Rồi Thế Tôn lại nói pháp cho Phúc-quý; chỉ bày, giáo huấn, khiến cho được lợi ích, hoan hỷ. Phúc-quý đánh lễ Phật rồi đi.

Phúc-quý đi chưa bao lâu, A-nan liền đem tấm vải vàng của mình dâng Phật. Phật do tâm từ mẫn nhận lãnh và khoác lên trên mình. Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện ra một dung mạo thung dung, oai quang rực rỡ, các căn thanh tịnh, sắc diện tươi vui.

A-nan trông thấy, âm thầm suy nghĩ: “Ta được hầu gần Phật hai mươi lăm năm nay chưa khi nào thấy Phật có một sắc diện tươi sáng như ngày nay”. Bèn đứng dậy, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hỏi Phật:

“Từ khi con được hầu Phật, đã hai mươi lăm năm nay, chưa từng thấy sắc diện Phật như hôm nay. Chẳng hiểu do duyên gì? Con mong nghe được ý Phật.”

Phật bảo A-nan:

“Có hai duyên cố mà sắc diện Như Lai tươi sáng khác lúc bình thường: một là lúc Phật mới thành ngôi Chánh giác, hai là lúc Phật xả bỏ thọ mạng sắp vào Niết-bàn. A-nan, do hai duyên ấy mà sắc diện khác thường.”

Rồi Thế Tôn nói bài tụng:

Y màu vàng sáng vui,

Mịn, mềm, rất tươi sạch,

Phúc-quý dâng Thế Tôn,

Hào quang trắng như tuyết.

Phật bảo:

“A-nan, ta đang khát. Ta muốn uống nước. Người hãy đi lấy nước đem đến đây.”

A-nan thưa:

“Vừa rồi có năm trăm cỗ xe lội qua khúc trên sông làm nước đục cả. Chỉ có thể dùng rửa chân, không thể dùng uống được.”

Phật nói đến ba lần như thế. A-nan thưa:

“Hiện chỉ có sông Câu-tôn cách đây không xa, là có nước trong mát. Uống hay tắm rửa đều được.”

Lúc đó có một vị thần ở tại núi Tuyết, vốn dốc lòng tin Phật đạo, lấy bát đựng nước quý tịnh đủ tám công đức đem đến dâng Phật. Phật thương xót lãnh thọ và đọc bài tụng:

Phật bằng tám thứ âm,

Bảo A-nan lấy nước:

Ta khát, nay muốn uống.

Uống xong đến Câu-thi.

Ấm êm dịu, hòa nhã,

Ai nghe cũng vui lòng.

Hầu hạ hai bên Phật,

Liền bạch Thế Tôn rằng:

Vừa có năm trăm xe,

Lội sông sang bờ kia,

Đã làm đục dòng nước,

Uống chắc không thể được.

Sông Câu-lưu không xa,

Nước tốt, rất trong mát;

Có thể lấy nước uống,

Cũng có thể tắm rửa.

Tuyết sơn có quý thần,

Đem nước dâng Như Lai.

Uống xong, uy dững mãi.

Đấng Sư Tử bước đi.

Nước ấy có rồng ở,

Trong sạch không đục dơ.

Thánh nhan như Tuyết sơn

Thong thả qua Câu-tôn.

Rồi Thế Tôn đi đến sông Câu-tôn, lấy nước uống và rửa xong rồi, cùng đại chúng lần đi nữa. Giữa đường, Phật dừng lại tại dưới một gốc cây và bảo Châu-na:

“Người lấy y Tăng-già-lê gấp làm tư rồi trải cho ta nằm. Ta đau lưng. Muốn tạm nghỉ tại đây.”

Châu-na vâng lời, trải chỗ xong, Phật ngồi lên chỗ đó. Châu-na lễ Phật rồi ngồi lại một bên mà thưa rằng:

“Con muốn nhập Niết-bàn. Con muốn nhập Niết-bàn.”

Phật dạy:

“Nên biết phải thời.”

Châu-na liền nhập Niết-bàn ở ngay trước Phật.

Phật bèn nói bài tụng:

Phật đến sông Câu-tôn,

Trong mát, không đục dơ.

Đấng Chí Tôn xuống nước,

Tắm rửa, sang bờ kia.

Vị đứng đầu đại chúng,

Sai khiến bảo Châu-na:

Ta nay thân mỏi mệt,

Người trải ngọa cụ nhanh.

Châu-na liền vâng lời,

Gấp tư y mà trải.

Như Lai đã nghỉ ngơi

Châu-na ngồi phía trước

Tức thì bạch Thế Tôn:

*Con muốn nhập Niết-bàn,
Vào chốn không yêu, ghét.
Con nay đến chỗ đó;
Biến công đức vô lượng.
Đấng Tối Thắng trả lời:
Phận sự người đã xong,
Nên biết thời thích hợp.
Được Phật hứa khả rồi,
Châu-na càng tinh tấn.
Diệt hành, vô hữu dư.
Như hết củi, lửa tắt.*

Bấy giờ A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

“Sau khi Phật diệt độ, phép tẩn táng nên làm thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Ông hãy im lặng. Hãy lo nghĩ đến công việc của mình. Việc ấy đã có các Thanh tín sĩ vui vẻ lo liệu.”

A-nan hỏi đến ba lần:

“Sau khi Phật diệt độ, phép tẩn táng nên làm thế nào?”

Phật dạy:

“Muốn biết phép tẩn táng thế nào thì nên làm theo cách tẩn táng Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương.”

A-nan lại hỏi:

“Phép tẩn táng Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương như thế nào?”

Phật nói:

“Về phép tẩn táng Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể; lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, rồi đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tắm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn, bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiên-đàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang

trông thấy tháp của Pháp vương mà tưởng nhớ lại chánh hóa của vua, đã làm lợi ích cho nhiều người.

“A-nan, người muốn tấn táng Ta, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể; lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tắm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiên-đàn. Chặt các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Phật mà tưởng nhớ lại đạo hóa của Pháp vương Như Lai, sống thì được phước lợi, chết thì sanh Thiên.”

Rồi Thế Tôn muốn trùng tuyên lại ý nghĩa này, Ngài thuyết bằng bài kệ:

*A-nan rời chỗ ngồi,
Quỳ chắp tay bạch Phật:
Như Lai diệt độ rồi,
Phép tấn táng thế nào?
A-nan, hãy im lặng,
Hãy lo phận sự mình.
Các Thanh tín trong nước
Sẽ vui vẻ lo liệu.
A-nan ba lần hỏi.
Phật giảng táng Luân vương.
Muốn tấn táng thân Phật,
Quấn thân, đặt vào quách.
Dựng tháp ngã tư đường,
Vì lợi ích chúng sanh.
Những ai đến kính lễ
Đều được phước vô lượng.
Phật bảo A-nan:*

“Trong thiên hạ có bốn hạng người nên dựng tháp và cúng dường hương hoa, phướn lụa, âm nhạc. Đó là những ai? Là Như Lai, Bích-chi Phật, Thanh văn và Chuyển luân vương. Nay A-nan, bốn hạng người này

nên được dựng tháp và dùng hương, hoa, phướn lụa, âm nhạc để cúng dường.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Thứ nhất là tháp Phật,

Bích-chi Phật, Thanh văn,

*Và Chuyển luân thánh vương**Chuyển luân thánh vương,*

Chủ tế trị bốn phương:

Bốn nơi đáng cúng này,

Được Như Lai chỉ dạy:

Phật, Bích-chi, Thanh văn,

Và tháp Chuyển luân vương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan hãy cùng đi đến thành Câu-thi, tới giữa đám cây song thọ của dòng họ Mạt-la. A-nan đáp vâng. Rồi cùng với đại chúng đi theo Thế Tôn mà lên đường. Có một người Phạm chí từ thành Câu-thi đi đến thành Ba-bà, giữa đường, từ xa trông thấy Thế Tôn dung mạo đoan chính, các căn tịch định. Thấy vậy, tự nhiên sanh tâm hoan hỷ, liền đi đến trước Phật, thăm hỏi rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

“Thôn tôi ở cách đây không xa. Kính mong Đức Cù-đàm đến đó nghỉ đêm. Sáng mai thọ thực xong hãy đi.”

Phật nói:

“Thôi đủ rồi, Phạm chí. Người nay đã cúng dường Ta rồi đó.”

Phạm chí ân cần thưa thỉnh tới ba lần, Phật vẫn đáp như trước, lại bảo Phạm chí:

“A-nan đằng sau kia, người đến đó tỏ ý.”

Phạm chí nghe Phật bảo liền đến gặp ngài A-nan, thăm hỏi xong, đứng sang một bên, thưa rằng:

“Thôn tôi ở cách đây không xa. Tôi muốn thỉnh Đức Cù-đàm đến đó nghỉ đêm. Sáng mai thọ thực xong hãy đi.”

A-nan đáp:

“Thôi đủ rồi, Phạm chí. Người nay đã cúng dường rồi đó.

Phạm chí ân cần thưa thỉnh tới ba lần.

A-nan đáp:

“Trời đã nóng bức, thôn kia lại xa, mà Đức Thế Tôn thì quá nhọc, không thể đến được đâu.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi quán sát ý nghĩa này, bèn nói bài kệ:

*Đấng Tịnh Nhãn tiến bước,
Mệt nhọc, hướng song thọ.
Phạm chí xa thấy Phật,
Vội bước đến, cúi đầu:
Thôn tôi hiện gần đây,
Xin thương, lưu một đêm.
Sáng mai, cúng dường nhỏ,
Rồi hãy đến thành kia.
Phạm chí, thân Ta mệt,
Đường xa không thể qua.
Người hầu Ta đi sau.
Hãy đến mà hỏi ý.
Vâng lời Phật dạy thế,
Bèn đến chỗ A-nan:
Xin mời đến thôn tôi,
Sáng mai, ăn rồi đi.
A-nan ngăn: thôi, thôi.
Trời nóng, không đi được.
Ba lần mời không toại,
Vẻ buồn rầu không vui.
Quái thay, hữu vi này,
Đổi dời mãi không thôi,
Nay giữa cây song thọ,
Dứt Ta, thân vô lậu.
Phật, Bích-chi, Thanh văn
Hết thả đều quy diệt,
Vô thường không chọn lựa,*

Như lửa đốt núi rừng.

Bấy giờ, Thế Tôn vào thành Câu-thì, đi về phía Bản sanh xứ, giữa khu rừng Song thọ của dòng họ Mạt-la và bảo A-nan:

“Người hãy sửa chỗ ở giữa cây Song thọ cho Ta nằm, đầu xây hướng Bắc, mặt xây hướng Tây. Sở dĩ như thế, vì giáo pháp của Ta sẽ lưu truyền lâu dài ở phương Bắc.”

A-nan đáp: “Vâng”. Rồi dọn chỗ, cho đầu xây về phương Bắc. Rồi Thế Tôn tự mình lấy y Tăng-già-lê gấp làm tư, đắp lên mình, nằm nghiêng hông tay mặt như sư tử chúa, hai chân chồng lên nhau. Lúc đó giữa đám cây Song thọ có các quỷ thần vốn dốc lòng tin Phật, lấy các thứ hoa sái mùa rải khắp mặt đất. Phật bảo A-nan rằng:

“Vị thần cây Song thọ ấy lấy hoa sái mùa cúng dường cho Ta như thế, chưa phải cúng dường Như Lai.”

A-nan thưa:

“Sao mới là cúng dường Như Lai?”

Phật dạy:

“Người nào biết lãnh thọ và thực hành đúng Chánh pháp, mới là người cúng dường Như Lai.”

Quán sát ý nghĩa này, Phật nói bài kệ:

Phật ở giữa Song thọ,

Nằm nghiêng, tâm không loạn.

Thần cây tâm thanh tịnh,

Rải hoa lên trên Phật.

A-nan hỏi Phật rằng:

Thế nào là cúng dường?

Nghe pháp và thực hành,

Cúng dường bằng hoa giác.

Hoa vàng như bánh xe,

Chưa phải cúng dường Phật.

Âm, giới, nhập vô ngã,

Là cúng dường bậc nhất.

Lúc đó ông Phạm-ma-na cầm quạt đứng hầu quạt trước Phật, Phật bảo:

“Người hãy tránh ra, chớ đứng ở trước Ta.”

A-nan nghe vậy thầm lặng suy nghĩ: “Phạm-ma-na thường hầu hạ Phật, cung cấp mọi sự cần thiết, tôn kính Như Lai không hề chán nản. Nay vào ngày cuối cùng, lẽ để cho ông chăm sóc, chứ sao Phật lại đuổi đi, là có ý gì?” Rồi A-nan sửa lại y phục, đến trước Phật, bạch rằng:

“Phạm-ma-na thường hầu hạ Phật, cung cấp mọi sự cần thiết, tôn kính Như Lai không hề chán nản. Nay vào ngày cuối cùng, lẽ để cho ông xem sóc, chứ sao Phật lại đuổi đi, là có ý gì?”

Phật nói:

“Phía ngoài thành Câu-thi này mười hai do-tuần, thấy đều là chỗ các vị Đại Thiên thần, chật ních không có khoảng trống. Họ đều than phiền: Vị Tỳ-kheo này sao đứng choán trước Phật. Nay giờ phút cuối cùng Phật sắp vào Niết-bàn, chúng ta các thần muốn đến chiêm bái một lần, mà vị Tỳ-kheo đó với oai đức lớn lao, ánh sáng chói che không cho chúng ta được gần Phật để lễ bái cúng dường. Nay A-nan, vì thế mà Ta bảo tránh ra.”

A-nan bạch Phật:

“Chẳng hay vị Tỳ-kheo đó xưa kia chứa phúc đức gì, tu hạnh nghiệp gì mà nay có oai đức như thế?”

Phật dạy: “Vào kiếp thứ chín mươi một trong đời quá khứ, có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Vị Tỳ-kheo đó, lúc ấy đem tâm hoan hỷ cầm cây đuốc cỏ soi sáng vào ngôi tháp của Phật, nhờ đó nay ông được có oai quang chiếu suốt cả hai mươi tám tầng trời, ánh sáng của chư Thiên thần không thể sánh kịp”.

Rồi thì, A-nan rời khỏi chỗ ngồi, trích áo bày vai hữu, quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

“Xin Phật chớ diệt độ tại chỗ đất hoang vu trong thành chật hẹp thô lậu này. Vì sao? Hiện có các nước lớn như Chiêm-bà, nước Tỳ-xá-ly, thành Vương xá, nước Bạt-kỳ, nước Xá-vệ, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Ba-la-nại. Ở đó nhân dân đông đúc, nhiều người tín mộ Phật pháp. Phật diệt độ tại các chỗ đó, ắt nhiều người cung kính, cúng dường xá-lợi.”

Phật dạy: “Thôi, đủ rồi, chớ có nhận xét như thế. Chớ cho nơi này là bỉ lậu. Vì sao thế? Khi xưa tại nước này, có vị vua tên Đại Thiên Kiến và thành này lúc đó tên là Câu-xá-bà-đề. Đô thành của vua dài bốn trăm

tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm. Bấy giờ được mùa lúa rẻ, nhân dân phồn thịnh. Thành này có bảy lớp, bao quanh cũng có bảy lớp lan can, chạm trổ văn vẻ, linh báu treo xen. Móng thành bề sâu ba nhấc, lên cao mười hai nhấc. Lâu đài trên thành cao mười nhấc. Vòng cột ba nhấc. Thành vàng thì cửa bạc, thành bạc thì cửa vàng, thành lưu ly thì cửa thủy tinh, thành thủy tinh thì cửa lưu ly. Quanh thành trang nghiêm bằng tứ bảo, xen kẽ lan can bằng tứ bảo. Lầu vàng thì treo linh bạc, lầu bạc thì treo linh vàng. Có hào bảy lớp, mọc đầy hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Đáy hào toàn lát bằng cát vàng. Hai bên bờ hào có nhiều cây Đa-lân. Cây vàng thì lá hoa trái bạc. Cây bạc thì lá hoa trái vàng. Cây thủy tinh thì hoa trái lưu ly. Cây lưu ly thì hoa trái thủy tinh. Giữa đám cây Đa-lân có ao tắm. Dòng nước sâu, trong, thanh khiết không dơ. Hai bên bờ ao lát bằng gạch tứ bảo. Thang bằng vàng thì bậc thang bằng bạc. Thang bạc thì bậc bằng vàng. Thềm cấp bằng lưu ly thì bậc thềm bằng thủy tinh. Thềm cấp bằng thủy tinh thì lưu ly làm bậc. Chung quanh, lan can vây bọc liên tiếp nhau. Trong thành ấy nơi nào cũng sanh cây Đa-lân. Cây vàng thì lá hoa trái bạc. Cây bạc thì lá hoa trái vàng. Cây thủy tinh thì hoa trái lưu ly. Cây lưu ly thì hoa trái thủy tinh. Khoảng giữa các cây có các ao bằng tứ bảo, sanh bốn loại hoa. Đường xá ngay ngắn, hàng ngũ tương đương. Gió thổi, hoa rơi lá bay hai bên đường. Gió nhẹ thổi qua các cây báu, phát ra âm thanh dịu dàng như thiên nhạc. Người trong nước, trai gái lớn nhỏ, dạo chơi vui vẻ giữa các cây. Nước ấy thường có mười loại âm thanh: Tiếng vỗ sò, tiếng trống, tiếng ba la, tiếng ca, tiếng múa, tiếng thổi, tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng ẩm thực, tiếng cười đùa.

“Vua Đại Thiện Kiến có đủ bảy báu. Vua cũng có đủ bốn đức. Bảy báu là: bánh xe vàng báu, voi trắng báu, ngựa xanh báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và quân binh báu.

“Vua Đại Thiện Kiến thành tựu bánh xe vàng báu như thế nào?

“Thường vào ngày rằm trăng tròn, vua tắm gội nước hương, lên ngồi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, tự nhiên có bánh xe báu hiện ra trước mặt; vành xe có ngàn căm sáng chói, do thợ trời làm chớ không phải đời có được. Bánh xe toàn bằng chân kim, đường kính bằng một trượng tư. Khi ấy vua Đại Thiện Kiến thầm nghĩ: Ta từng nghe các bậc tiên túc kỳ cựu nói: nếu vua Quán đảnh dòng Sát-ly, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngồi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, thời tự nhiên có bánh xe vàng hiện đến trước mặt, bánh xe có ngàn căm, ánh sáng rực rỡ, là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải do con người làm, được làm thành bằng vàng thật, đường kính trượng tư, khi đó được gọi là

Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương. Nay có bánh xe báu ấy hiện đến há không là đây chăng? Ta hãy thử coi xe đó thế nào?

“Vua Đại Thiện Kiến liền triệu bốn thứ binh, hướng về phía bánh xe vàng, trịch áo bày vai phải, đầu gối phải quỳ sát đất, rồi lấy tay phải vỗ lên bánh xe và nói: Người hãy theo đúng phép mà vận chuyển về phương Đông, chớ trái lệ thường. Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Vua bèn dẫn bốn chủng quân binh đi theo bánh xe vàng, trước bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Đến chỗ xe vàng ngừng thì vua cũng dừng xe. Bấy giờ, các tiểu quốc phương Đông thấy đại vương đến, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước vua, cúi đầu tâu rằng: Đại vương đến, thật lành thay! Nay phương Đông này đất ruộng phì nhiêu, nhân dân sung túc, chí tánh nhân hòa, từ hiếu trung thuận. Cúi mong Thánh vương lấy chánh pháp trị hóa chốn này, chúng tôi xin cung cấp hầu hạ, vâng chịu mọi việc cần dùng. Vua Đại Thiện Kiến nói với các tiểu vương: Thôi thôi chớ hiền! Thế là các người đã cúng dường ta rồi đó. Các người nên lấy chánh pháp mà trị dân, chớ làm cho thiên lệch, không để cho quốc nội có hành vi phi pháp. Đó tức là ta trị hóa. Các tiểu vương vâng lệnh. Họ liền theo vua đi tuần khắp nước, đến tận mé biển Đông mới trở về.

“Vua lần lượt đi về phương Nam, rồi phương Tây, phương Bắc. Hễ bánh xe vàng đến ở đâu thì các quốc vương đều đến cống hiến như các tiểu quốc phương Đông vậy.

“Bấy giờ, vua Đại Thiện Kiến sau khi đã theo bánh xe vàng đi khắp bốn biển, đem chánh đạo khai hóa, an ủi dân chúng xong trở về thành Câu-xá-bà-đề của bốn quốc, thì bánh xe vàng dừng lại trên không trung ngay cửa cung điện. Vua Đại Thiện Kiến vui mừng phấn khởi nói: Bánh xe vàng báu này thật là điềm tốt của ta. Nay ta chính thật là Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương. Đó là sự thành tựu bánh xe vàng báu.

“Vua Đại Thiện Kiến thành tựu voi trắng báu như thế nào?

“Lúc bấy giờ, vào buổi sáng sớm, vua Đại Thiện Kiến đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên voi báu hốt nhiên xuất hiện trước mặt. Lông nó thuần trắng. Bảy chỗ đầy đặn. Có thể bay được. Đầu nó tạp sắc. Sáu ngà thon nhọn, xen lẫn bằng vàng ròng. Sau khi nhìn thấy, vua tự nghĩ: Con voi này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cưỡi. Bèn sai huấn luyện thử. Tập các khả năng đều đủ. Khi ấy vua Đại Thiện Kiến muốn tự mình thử voi, bèn cưỡi lên, rồi vào lúc sáng sớm, ra khỏi thành, chu du khắp bốn biển. Đến giờ cơm thì đã về tới. Thấy thế, vua Thiện Kiến phấn khởi nói:

Con voi trắng bấu này thật sự là điềm lành cho ta. Nay ta thật sự là Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương. Đó là sự thành tựu voi trắng bấu.

“Vua Đại Thiện Kiến thành tựu ngựa bấu như thế nào?

“Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, vua Đại Thiện Kiến đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên ngựa bấu hốt nhiên xuất hiện trước mắt. Lông nó màu xanh, bờm đỏ. Đuôi, đầu và cổ, như voi. Nó có khả năng bay. Khi ấy vua Thiện Kiến tự nghĩ: Con ngựa này khôn. Nếu huấn luyện kỹ, có thể cưỡi. Rồi vua sai huấn luyện thử, tập đủ các khả năng. Khi vua Thiện Kiến muốn tự mình thí nghiệm ngựa bấu, bèn cưỡi lên, vào lúc sáng sớm, ra khỏi thành, chu du bốn biển. Đến giờ ăn thì đã về tới. Vua Thiện Kiến phần khởi nói: Con ngựa bấu màu xanh này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương, đó là sự thành tựu ngựa trắng bấu.

“Vua Đại Thiện Kiến thành tựu thần châu bấu như thế nào?

“Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, vua Đại Thiện Kiến đang ngồi trên chánh điện, tự nhiên thần châu bấu hốt nhiên xuất hiện trước mắt. Màu sắc tinh chất, trong suốt, không có tỳ vết. Thấy rồi, vua nói: Hạt châu này đẹp quá. Ánh sáng của nó có thể rọi sáng cả nội cung. Rồi vua muốn thử hạt châu ấy, bèn gọi bốn chủng quân binh vào, đặt bảo châu này ở trên tràng phan. Vào lúc nửa đêm trời tối, mang nó ra ngoài thành. Ánh sáng của hạt châu này rọi sáng tất cả quân binh, chẳng khác gì ban ngày. Ở vòng ngoài quân binh, nó lại chiếu sáng cả một do-tuần. Người trong thành đều thức dậy làm việc, vì cho là ban ngày. Vua Đại Thiện Kiến phần khởi nói: Nay hạt thần châu bấu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương, đó là sự thành tựu thần châu bấu.

“Vua Đại Thiện Kiến thành tựu ngọc nữ bấu như thế nào?

“Khi ấy ngọc nữ bấu hốt nhiên xuất hiện. Nhan sắc thung dung, diện mạo đoan chánh, không cao, không thấp, không thô, không tế, không đen, không trắng, không cương, không nhu; đông thì thân ấm; hè thì thân mát; các lỗ chân lông trên khắp thân thể toát ra mùi hương Chiên-đàn; miệng thở ra hương hoa Ưu-bát-la; nói năng dịu dàng; cử động khoan thai; đứng dậy trước, ngồi xuống sau, không hề mất nghi tắc. Vua Thiện Kiến lúc bấy giờ thanh tịnh không nhiễm trước. Tâm không hề có chút ý niệm gì, hưởng hồ gần gũi. Bấy giờ vua Thiện Kiến phần khởi nói: Ngọc nữ này thật là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân

thánh vương Chuyển luân thánh vương. Đó là sự thành tựu về ngọc nữ báu.

“Vua Đại Thiện Kiến thành tựu cư sĩ báu như thế nào?

“Khi ấy cư sĩ trưởng phu hốt nhiên tự xuất hiện. Kho báu tự nhiên có. Tài sản vô lượng. Cư sĩ có túc phước nên con mắt có thể nhìn suốt thấy mỏ báu dưới lòng đất. Vật hữu chủ hay vô chủ, đều nhìn mà biết hết. Nếu có chủ, ông có thể gìn giữ hộ. Nếu vô chủ, ông thu lấy đem hiến cho vua dùng. Cư sĩ báu đi đến tâu vua: Đại vương, có vật cống hiến, vua đừng lo buồn. Tôi có thể tự giải quyết. Bấy giờ, vua Đại Thiện Kiến muốn thử cư sĩ báu, bèn ra lệnh chuẩn bị thuyền để du hí. Vua bảo cư sĩ: Ta cần vàng. Người hãy kiếm nhanh cho ta. Cư sĩ tâu: Đại vương, xin hãy chờ giây lát. Đợi lên bờ đã. Vua tìm cách thúc hối: Ta dùng đây. Đang cần dùng. Người đem đến ngay! Khi ấy cư sĩ bị vua ra lệnh nghiêm, bèn quỳ ngay trên thuyền, dùng tay phải thọc vào trong nước. Bình báu từ trong nước cùng lên theo tay. Như con sâu leo cây, cũng như thế, với cư sĩ báu, bảo vật từ trong nước duyên theo tay mà xuất hiện đầy thuyền. Rồi ông tâu vua: Vừa rồi Đại vương nói cần báu. Nhưng cần bao nhiêu? Vua Thiện Kiến nói với cư sĩ: Thôi, đủ rồi. Ta không cần dùng gì. Chỉ là để thử nhau mà thôi. Người nay như thế là đã cống hiến cho ta rồi đó. Cư sĩ kia nghe vua nói như vậy liền ném trả bảo vật xuống nước. Vua Thiện Kiến phấn khởi nói: Cư sĩ báu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương. Đó là thành tựu cư sĩ báu.

“Vua Đại Thiện Kiến thành tựu chủ binh báu như thế nào?

“Khi ấy chủ binh báu hốt nhiên xuất hiện, trí mưu, hùng mạnh, thao lược, quyết đoán. Rồi chủ binh đi đến chỗ vua, tâu: Đại vương, nếu có chỗ cần chinh phạt, xin đừng lo lắng. Tôi có thể tự mình giải quyết. Vua Thiện Kiến lúc ấy muốn thử chủ binh báu, liền cho tập hợp bốn chủng binh và nói với chủ binh rằng: Người nay dụng binh, chưa tập hợp hãy tập hợp; đã tập hợp hãy giải tán; chưa nghiêm hãy nghiêm; đã nghiêm hãy cho buông lỏng; chưa đi hãy bảo đi; đã đi hãy bảo dừng. Chủ binh báu nghe vua nói xong, liền điều khiển bốn chủng quân khiến cho chưa tập hợp thì tập hợp; đã tập hợp thì giải tán; chưa nghiêm thì nghiêm chỉnh; đã nghiêm chỉnh thì cho buông lỏng; chưa đi, bảo đi; đã đi, bảo dừng. Vua Thiện Kiến lúc ấy phấn khởi nói: Chủ binh báu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương. Đó là chủ binh báu.

“Này A-nan, đó là vua Đại Thiện Kiến thành tựu bảy báu.

“Thế nào là bốn thần đức? Một là sống lâu, không yếu, không ai sánh bằng. Hai là thân thể cường tráng, không bệnh hoạn, không ai sánh bằng. Ba là nhan mạo đoan chánh, không ai sánh bằng. Bốn là kho báu tràn đầy, không ai sánh bằng.

“Đó là Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương thành tựu bảy báu và bốn thần đức.

“A-nan, một thời gian lâu vua Thiện Kiến mới bảo đánh xe xuất du hậu viên. Vua bảo người đánh xe: Người đánh xe đi thông thả. Vì sao vậy? Ta muốn xem xét kỹ nhân dân có được an lạc, không hoạn nạn xảy ra chăng. Lúc bấy giờ, nhân dân trong nước đi đường mà gặp, liền nói với kẻ đánh xe: Người hãy cho đi chậm. Tôi muốn ngắm rõ uy nhan của Thánh vương. Nay A-nan, khi ấy vua Thiện Kiến vồ về triu mến nhân dân như cha yêu con. Quốc dân kính mộ vua như con kính cha. Có gì quý hiếm họ đem dâng vua: Cúi xin đức vua nạ thọ, tùy ý sử dụng. Vua bảo: Thôi đủ rồi, các khanh. Ta có đủ tài bảo cần dùng rồi. Các khanh hãy cất lạy mà dùng.”

“Vào lúc khác vua nghĩ: Ta muốn tạo tác cung quán. Khi vừa có ý nghĩ đó thì người trong nước đến chỗ vua, tâu: Tôi xin xây dựng cung điện cho vua. Vua bảo: Ta cho như vậy là đã được các người cúng dường rồi. Ta sẵn có tài bảo để lo liệu. Quốc dân lập lại thỉnh cầu: Chúng tôi xin xây dựng cung điện cho vua. Vua bảo: Tùy ý các người muốn. Quốc dân được lệnh, liền đem tám mươi bốn ngàn⁸⁴. 000 chiếc xe chở vàng đến thành Câu-xá-bà để tạo lập Chánh pháp điện. Khi ấy vị Thiên thần thợ khéo ở trời Đao-lợi tự nghĩ: Chỉ có ta mới có khả năng xây dựng Chánh pháp điện cho vua Đại Thiện Kiến.

“Này A-nan, khi ấy Thiên thần khéo xây dựng Chánh pháp điện dài sáu mươi dặm, rộng ba mươi dặm, được trang sức bằng tứ bảo. Mặt nền bằng phẳng. Thềm được lát bảy lớp gạch báu. Pháp điện có tám muôn ngàn cây cột. Thân cột bằng vàng thì chóp cột bằng bạc. Thân cột bạc thì chóp cột vàng. Bằng lưu ly và thủy tinh cũng vậy. Bao quanh điện là bốn lớp lan can, đều được làm bằng tứ bảo. Lại có bốn thềm cấp cũng bằng tứ bảo. Trên pháp điện ấy có tám vạn bốn ngàn lầu báu. Lầu bằng vàng thì các cửa sổ bằng bạc. Lầu bằng bạc, cửa sổ bằng vàng. Bằng thủy tinh và lưu ly cũng vậy. Lầu vàng thì giường bạc. Lầu bạc, giường vàng. Chăn đệm mềm mại được dệt bằng kim lữ trải trên giường. Bằng thủy tinh và lưu ly cũng vậy. Ánh sáng của cung điện chói lọi làm hoa mắt mọi người, như mặt trời lúc cực sáng không ai có thể nhìn được.

“Bấy giờ, vua Thiện Kiến phát sanh ý nghĩ: Nay ở hai bên điện, ta hãy lập nhiều ao và vườn cây Đa-lân. Vua bèn cho lập vườn. Ngang dọc một do-tuần. Vua lại nghĩ: Ở trước pháp điện ta hãy lập một ao pháp. Bèn cho xây ao pháp, ngang dọc một do-tuần. Nước ao trong lắng, tinh khiết, không bọt dơ. Đáy ao lát bằng gạch tứ bảo. Bao quanh ao là lan can, đều làm bằng bốn thứ báu: hoàng kim, bạch ngân, thủy tinh và lưu ly. Nước trong ao, mọc xen lẫn các thứ hoa như Ưu-bát-la, Ba-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-ly. Hoa tỏa ra hương thơm sức nước khắp nơi. Khoảng đất ở bốn mặt ao mọc các thứ hoa như A-hê-vật-đa, Chiêm-bặc, Ba-la-la, Tu-mạn-đa, Bà-sư-ca, Đàn-cu-ma-lê. Vua sai người trông coi ao. Những ai đi ngang qua, dẫn xuống ao tắm, mát mẻ vui đùa tùy ý thích. Cần nước tương thì cho nước tương. Cần thức ăn thì cho thức ăn. Y phục, hương hoa, xe ngựa, tài bảo các thứ, đều không để nghịch ý người.

“A-nan, bấy giờ vua Thiện Kiến có tám vạn bốn ngàn voi, trang sức bằng vàng bạc, tua dài bằng bảo châu, tề tượng vương là bạch nhất. Có tám vạn bốn ngàn ngựa, trang sức bằng vàng bạc, tua dài bằng bảo châu, lục mã vương là bạch nhất. Có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, lót bằng da sư tử, trang nghiêm bằng tứ bảo, kim luân bảo là bạch nhất. Có tám muôn bốn ngàn hạt châu, thần châu bảo là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ báu là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn cư sĩ, cư sĩ báu là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn Sát-ly, chủ binh báu là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn thành, Câu-thi-bà-đề là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn cung điện, Chánh pháp điện là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn lầu, Đại chánh lầu là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn giường, thảy đều bằng các thứ báu hoàng kim, bạch ngân; bên trên giường trải nệm lông, chăn lông các thứ. Tám vạn bốn ngàn ức áo bằng các thứ vải như sơ-ma, ca-thi, kiếp-ba là bạch nhất. Tám vạn bốn ngàn thức ăn, mỗi ngày dọn mỗi món khác nhau.

“A-nan, bấy giờ, vào buổi sáng sớm, vua Thiện Kiến cưỡi tề tượng vương, cùng với tám vạn bốn ngàn thốt voi, ra khỏi thành Câu-thi, xem xét thiên hạ, đi khắp bốn biển. Trong khoảng chốc lát, trở về thành ăn cơm. Rồi cưỡi lục mã bảo, cùng với tám vạn bốn ngàn ngựa, vào buổi sáng sớm, ra khỏi thành xuất du, xem xét thiên hạ, đi khắp bốn biển. Trong chốc lát, trở về thành ăn cơm. Cưỡi xe kim luân, lục mã bảo kéo, cùng với tám vạn bốn ngàn cỗ xe, vào buổi sáng sớm xuất du, xem xét thiên hạ, đi khắp bốn biển. Trong chốc lát trở về thành ăn cơm. Cùng với tám vạn bốn ngàn minh châu, dùng thần châu bảo soi sáng nội cung. Ngày đêm luôn luôn sáng. Với tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ bảo khôn ngoan, khéo léo, hầu hạ phục thị hai bên. Với tám vạn bốn ngàn cư sĩ, mọi thứ nhu yếu đều giao cho cư sĩ báu lo. Với tám vạn bốn ngàn Sát-

ly, nếu có chinh phạt, giao cho chủ binh báu. Với tám vạn bốn ngàn thành, thủ đô trụ sở thường trực ở Câu-thị thành. Với tám vạn bốn ngàn cung điện, vua thường ngự ở Chánh pháp điện. Với tám vạn bốn ngàn lầu, chỗ vua thường nghỉ là Đại chánh lầu. Với tám vạn bốn ngàn chỗ ngồi, vua thường ngồi trên tòa pha lê, vì để an thiên. Với tám vạn bốn ngàn ức y, trang sức bằng thượng diệu bảo, tùy ý mà mặc để che người cho khỏi hổ thẹn. Với tám vạn bốn ngàn thức ăn, vua thường ăn thức ăn tự nhiên. Vì là tri túc.

“Khi tám vạn bốn ngàn thốt voi hiện đến, chúng dày xéo, dẫm đạp, làm hại chết chúng sanh không kể xiết. Vua bèn tự nghĩ: Đám voi này làm thương tổn chúng sanh quá nhiều. Từ nay về sau, cứ một trăm năm mới cho hiện một con voi. Lần lượt như vậy cho đến hết vòng thì quay trở lại.”

III

Bấy giờ, Thế Tôn nói với A-nan:

“Vua Đại Thiện Kiến thầm nghĩ: Ta sẵn chứa công đức gì, tu được điều lành gì mà nay được quả báo đẹp đẽ như thế? Vua lại nhớ rằng nhờ ba nhân duyên mà gây được phúc báo đó. Ba nhân duyên ấy là gì? Một là Bồ thí, hai là Trì giới, ba là Thiền tứ. Vua lại suy nghĩ: Nay ta đã được thọ hưởng phúc báo nhân gian, ta hãy tiến tu thêm về phúc nghiệp cõi trời. Ta hãy tự hạn chế và bớt đi; lánh chỗ ồn ào; ẩn ở chỗ yên tĩnh để tu luyện đạo thuật. Rồi vua liền sai gọi ngọc nữ Hiền Thiện đến, bảo rằng: Nay ta đã được thọ hưởng phúc báo nhân gian, ta hãy tiến tu thêm về phúc nghiệp cõi trời. Ta hãy tự hạn chế và bớt đi; lánh chỗ ồn ào; ẩn ở chỗ yên tĩnh để tu luyện đạo thuật. Ngọc nữ đáp: Kính vâng. Xin tuân lời Đại vương dạy. Rồi sắc lệnh cho cả trong ngoài từ nay miễn sự châu hầu. Vua liền lên pháp điện, vào tòa lầu bằng vàng, ngồi trên giường ngự bằng bạc, tư duy tham dục là ác bất thiện. Với giác và quán, có hỷ và lạc phát sanh từ sự viễn ly, chứng đắc thiên thứ nhất. Trừ giảm giác và quán, nội tín, hoan duyệt, nhiếp tâm chuyên nhất, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh, chứng thiên thứ hai. Xả hỷ thủ hộ chuyên niệm không loạn, tự cảm biết thân lạc, điều mà Hiền thánh mong cầu, cùng hành với hộ, niệm và lạc,, chứng đắc thiên thứ ba. Xả bỏ khổ và lạc, trừ diệt ưu và hỷ từ trước, không khổ, không lạc, hộ và niệm thanh tịnh, chứng đắc thiên thứ tư.

“Rồi vua Thiện Kiến rời khỏi giường ngự bằng bạc, ra khỏi lầu vàng, đi đến lầu Đại chánh, ngồi trên giường lưu ly tu tập về Từ tâm, rải lòng từ đầy khắp một phương này rồi đến một phương khác cũng vậy, trùm

khấp, rộng lớn, không hai, không hạn lượng, trừ mọi sân hận, tâm không còn chút ganh ghét, mà vui điều tỉnh mặc từ nhu. Rồi tiếp tu về Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế.

“Bấy giờ, ngọc nữ báu thầm tự suy nghĩ: Đã lâu không thấy tôn nhan, tưởng nên đến hầu thăm một phen. Nay nên diện kiến đức vua. Rồi ngọc nữ báu Hiền Thiện nói với tám vạn bốn ngàn các thể nữ rằng: Các người mỗi người hãy tắm gội nước thơm, trang điểm y phục. Sở dĩ như vậy vì đã lâu chúng ta không gặp tôn nhan, nên hãy hầu thăm một phen. Thể nữ nghe thế, thay đều trang điểm y phục, tắm gội sạch sẽ. Rồi ngọc nữ nói với chủ binh báu thần tập hợp bốn chủng quân, rằng: Đã lâu chúng ta không gặp tôn nhan, nên hãy hầu thăm một phen. Chủ binh báu thần liền tập hợp bốn chủng quân, thưa với ngọc nữ báu: Bốn chủng quân đã tập. Nên biết thời. Rồi ngọc nữ báu dẫn tám vạn bốn ngàn thể nữ, cùng với bốn thứ quân đi đến vườn Kim-đà-lân. Ấm thanh chấn động của đại chúng vang đến vua. Nghe thế, vua đi đến cửa sổ để xem. Ngọc nữ báu lúc ấy đứng một bên trước cửa. Thấy ngọc nữ báu, vua liền nói: Người khỏi bước tới. Ta sẽ ra xem. Vua Thiện Kiến rời tòa pha lê, ra khỏi lầu Đại chánh, đi xuống Chánh pháp điện, cùng với ngọc nữ đi đến vườn Đa-lân, ngồi lên chỗ soạn sẵn. Lúc ấy dung sắc vua Thiện Kiến tươi sáng hơn hẳn bình thường. Ngọc nữ báu Hiền thiện tự nghĩ: Nay, sắc mặt Đại vương hơn hẳn bình thường. Có điểm lạ gì chăng? Rồi ngọc nữ báu tâu vua: Đại vương, nay nhan sắc khác thường. Há không phải là điểm sắp xả thọ mạng chăng? Nay tám vạn bốn ngàn voi này, bạch tượng bảo là bậc nhất, được trang sức bằng vàng bạc, với bảo châu làm tua dài; tất cả là sở hữu của vua. Mong vua lưu ý một chút, cùng chung vui hưởng, chớ xả bỏ tuổi thọ mà bỏ rơi vạn dân. Lại tám vạn bốn ngàn ngựa, lực mã vương bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn cỗ xe, kim luân bảo bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn minh châu, thần châu bảo bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, ngọc nữ báu bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn cư sĩ, cư sĩ báu bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn Sát-ly, chủ binh báu là bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn thành, Câu-thi thành bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn cung điện, chánh pháp điện bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn tòa lầu, đại chánh lầu bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn tòa ngò, bảo sức tòa bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn ức y, nhu nhuyễn y bậc nhất. Tám vạn bốn ngàn thức ăn, mỗi vị đều quý hiếm. Hết thay bảo vật ấy đều thuộc về vua. Mong vua lưu ý một chút, cùng chung vui thú, chớ xả thọ mạng, bỏ rơi vạn dân.

“Vua Thiện Kiến nói với ngọc nữ báu: Từ trước đến nay, người cung phụng ta một cách từ hòa kính thuận, chưa bao giờ nói lời thô lậu, sao nay người lại có lời ấy? Ngọc nữ tâu: Chẳng hay lời ấy có gì không thuận.

Vua nói: Những thứ mà người vừa nói, voi, ngựa, xe cộ, đèn đài, y phục, hào soạn quý báu kia đều vô thường, không giữ gìn lâu được, mà khuyên ta lưu lại hưởng thụ, như thế có thuận chăng? Ngọc nữ tâu: Chẳng hay phải nói thế nào mới là thuận? Vua bảo: Giá người nói, các thứ voi, ngựa xe cộ, đèn đài, y phục, hào soạn đều vô thường, không giữ gìn lâu được, mà khuyên ta đừng mê luyến đến làm gì cho lao thần tổn tứ. Vì mạng vua chẳng còn bao lâu sẽ qua đời khác. Hễ có sanh tất có chết, có hợp tất có ly, đâu phải sống đời ở đây được. Vậy hãy cắt đứt ân ái để chuyên tâm vào đạo lý. Nếu người nói như thế mới là kính thuận.

"Này A-nan, nghe lời vua dạy như thế, ngọc nữ buồn khóc than thở, gạt nước mắt mà nói: Các thứ voi, ngựa xe cộ, đèn đài, y phục, hào soạn đều vô thường, không giữ gìn lâu được, đừng mê luyến đến làm gì cho lao thần tổn tứ. Vì mạng vua chẳng còn bao lâu sẽ qua đời khác. Hễ có sanh tất có chết, có hợp tất có ly, đâu phải sống đời ở đây được. Vậy hãy cắt đứt ân ái để chuyên tâm vào đạo lý.

"Này A-nan, ngọc nữ báu kia vừa nói xong giây lát, Thiện Kiến vương bỗng nhiên mệnh chung, không chút đau khổ, như kẻ tráng sĩ trong một bữa ăn ngon, hồn thần sanh lên cõi trời Phạm thiên thứ bảy.

"Sau khi vua băng hà bảy ngày, các thứ luân bảo, thần châu biến mất, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, quân binh báu cũng một ngày chết hết; thành ao, pháp điện, đèn đài, các thứ trang sức bằng báu, vườn Kim-đa-lân, đều biến thành gỗ, đất."

Phật bảo A-nan:

"Này A-nan, pháp hữu vi này là vô thường, biến dịch, chung qui hao mòn, hoại diệt. Tham dục không chán. Mạng người tiêu tán. Mê say ân ái không hề biết đủ. Chỉ người nào chứng đắc Thánh trí, thấy rõ đạo lý, mới biết đủ mà thôi.

"Này A-nan, Ta nhớ đã từng ở nơi này, Ta sáu lần tái sanh làm Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương và cuối cùng bỏ xác tại chỗ này. Nay Ta thành Vô thượng chánh giác, lại cũng muốn xả bỏ tánh mạng, gởi thân tại đây. Từ nay về sau, Ta đã dứt tuyệt sanh tử, không còn có chỗ nào là nơi bỏ xác Ta nữa. Đây là kiếp cuối cùng. Ta không còn thọ sinh trở lại nữa.

Bấy giờ, Thế Tôn tại thành Câu-thi-na-kiệt, Bản sanh xứ, trong vườn Sa-la, giữa hai cây song thọ, vào lúc sắp gần diệt độ, nói với A-nan rằng:

"Này A-nan! Người hãy vào thành Câu-thi-na-kiệt, báo tin cho những người Mạt-la rằng: Chư Hiền nên biết, Như Lai nửa đêm nay sẽ vào Niết-

bàn tại giữa cây Song thọ trong vườn Sa-la. Các người nên kịp thời đến thưa hỏi các điều nghi ngờ và trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, để sau khỏi hối hận ăn năn.”

A-nan vâng lời Phật dạy, rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật mà đi. Cùng với một Tỳ-kheo khác, nước mắt chảy ròng, mà vào thành Câu-thi-na. Khi vào thành gặp năm trăm người Mạt-la có chuyện đang họp cả một chỗ. Họ thấy A-nan đến, đều đứng dậy chào hỏi rồi đứng về một bên và bạch rằng:

“Không hiểu Tôn giả có việc gì mà phải vào thành lúc chiều tối thế này?”

A-nan rơi lệ vừa nói:

“Ta vì ích lợi các người, đến tin các người hay Đức Như Lai đến nửa đêm nay sẽ vào Niết-bàn. Các người nên kịp thời đến thưa hỏi những điều hoài nghi, trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, để sau khỏi ăn năn.”

Vừa nghe xong, những người Mạt-la cất tiếng kêu than, vật vã xuống đất, có người ngất đi tỉnh lại. Ví như cây lớn khi trốc gốc thì các nhánh cành đều đổ gãy. Họ đồng than:

“Phật diệt độ sao mà nhanh thế! Phật diệt độ làm sao nhanh thế! Con mắt của thế gian mà diệt mất, thì chúng sanh bị suy hại lâu dài!”

A-nan an ủi họ:

“Thôi các người chớ buồn! Trời đất muôn vật hễ có sanh đều có chết. Muốn cho pháp hữu vi tồn tại mãi là điều không thể có được. Phật há chẳng dạy: Có hợp tất có ly, có sanh tất có diệt đó sao!”

Rồi thì, các người Mạt-la bảo nhau:

“Chúng ta hãy về nhà, đem cả gia thuộc và năm trăm khổ vải trắng, cùng đến Song thọ.”

Những người Mạt-la ai về nhà nấy, rồi đem cả gia thuộc và mang cả năm trăm tấm lụa trắng ra khỏi thành Câu-thi, đến giữa rừng Song thọ và đi đến chỗ A-nan. A-nan vừa trông thấy từ xa, thầm nghĩ: Bọn họ rất đông. Nếu để cho từng người một vào yết kiến Phật, e rằng chưa khắp hết thì Như Lai đã diệt độ rồi! Ta nên bảo họ vào đầu hôm đồng một lượt đến bái yết Phật.”

A-nan liền dắt năm trăm người Mạt-la và gia thuộc đến trước Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch rằng:

“Nay có các Mạt-la tên như thế và gia thuộc, xin thăm hỏi Đức Thế Tôn sức khoẻ có bình thường không?”

Phật nói:

“Phiền các người đến thăm. Ta chúc cho các người sống lâu, vô bệnh.”

A-nan bằng cách đó đã có thể dẫn hết các người Mạt-la và gia thuộc của họ vào thăm Phật. Khi ấy, các Mạt-la đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên.

Thế Tôn thuyết giảng cho họ về vô thường, chỉ bày, giáo huấn khiến cho được lợi ích, hoan hỷ.

Nghe pháp xong, các Mạt-la ai nấy vui mừng liền đem năm trăm khối vải trắng dâng Phật. Phật thụ lãnh. Các Mạt-la rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ Phật rồi lui ra.

Lúc đó, trong thành Câu-thi có một vị Phạm chí tên Tu-bạt là bậc kỳ cựu đa trí, đã một trăm hai mươi 120 tuổi, nhân nghe Đức Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ diệt độ tại giữa cây song thọ, ông tự nghĩ: Ta có điều hoài nghi về giáo pháp. Chỉ có Đức Cù-đàm mới giải được ý ta. Ta nên kịp thời gắng đi đến Phật. Ngay đêm ấy ông gắng ra khỏi thành đi đến Song thọ, đến chỗ A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ông thưa:

“Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm sắp vào Niết-bàn đêm nay, nên đến đây mong được bái yết một lần. Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp, mong được gặp Cù-đàm để Ngài giải quyết cho. Vậy Ngài có được rỗi rảnh cho tôi vào bái yết không?”

A-nan bảo:

“Thôi đừng Tu-bạt! Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài.”

Tu-bạt cố nài xin đến ba lần rằng:

“Tôi nghe Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm, rất lâu mới xuất hiện, nên đến đây mong bái yết để được giải quyết nghi ngờ. Ngài có rỗi rảnh cho tôi gặp một lát được không?”

A-nan cũng vẫn trả lời như trước:

“Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài.”

Khi ấy Phật bảo A-nan:

“A-nan, người chớ ngăn cản. Hãy để cho ông ấy vào. Ông muốn giải quyết sự nghi ngờ, không có gì phiền nhiễu. Nếu nghe được pháp của ta,ắt được tỏ rõ.”

A-nan liền bảo Tu-bạt:

“Nếu ông muốn vào thăm Phật, xin mời vào.”

Tu-bạt được vào, chào hỏi Phật xong, ngồi một bên và bạch Phật:

“Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp. Ngài có rỗi rảnh giải quyết cho chỗ vướng mắc không?”

Phật nói: “Ông cứ tùy ý hỏi”.

Tu-bạt hỏi:

“Bạch Cù-đàm, có những giáo phái khác, họ tự xưng bậc thầy, như các ông Phất-lan Ca-diếp, Mạt-già-lê Kiền-xá-lợi, A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la, Ba-phù Ca-chiên, Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất, Ni-kiền Tử. Những thầy đó đều có giáo pháp riêng, đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết hay không?”

Phật đáp: “Thôi thôi khỏi nói, những giáo pháp ấy Ta đều rõ cả. Nay Ta sẽ vì người nói đến pháp thâm diệu, người hãy lắng nghe và khôn khéo suy nghiệm. Này Tu-bạt! Trong giáo pháp nào nếu không có tám Thánh đạo thời ở đó không có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Trong giáo pháp nào có tám Thánh đạo thời ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có tám Thánh đạo nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư. Trong các chúng ngoại đạo không có”.

Rồi Thế Tôn đọc bài kệ:

*Ta hai mươi chín tuổi,
Xuất gia tìm Chánh đạo.
Từ khi Ta thành Phật,
Đến nay năm mươi năm.
Các hạnh giới, định, tuệ,
Một mình Ta tư duy.
Nay Ta giảng pháp yếu:
Ngoại đạo không Sa-môn.*

Phật bảo:

“Này Tu-bạt! Nếu các Tỳ-kheo thấy đều có thể tự nhiếp tâm thời cõi thế gian này không trống vắng A-la-hán.

Khi ấy Tu-bạt thưa với A-nan:

“Những ai theo đức Sa-môn Cù-đàm đã tu hành phạm hạnh, hiện đang tu hành và sẽ tu hành, thầy đều có lợi ích lớn. A-nan, ông theo Như Lai tu hành phạm hạnh cũng được lợi ích lớn. Tôi nay được gặp mặt Như Lai, hỏi những điều nghi ngờ, cũng được lợi ích lớn. Nay Như Lai cũng đã ký biệt cho tôi như là ký biệt cho đệ tử.”

Rồi ông bạch Phật:

“Tôi nay có thể ở trong pháp của Như Lai mà xuất gia thọ giới Cụ túc được chăng?”

Phật nói:

“Này Tu-bạt, nếu có đệ tử học Phạm chí muốn tu hành ở trong giáo pháp của ta, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi họ, chí nguyện, tánh nết họ. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ Cụ túc giới ở trong giáo pháp Ta. Tuy vậy, này Tu-bạt, còn tùy thuộc hành vi của mỗi người.”

Tu-bạt lại bạch Phật:

“Đệ tử học Phạm chí muốn tu hành ở trong Phật pháp, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi, chí nguyện, tánh nết. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ Cụ túc giới ở trong Phật pháp. Nay tôi có thể phục dịch bốn năm ở trong Phật pháp, khi đủ các oai nghi không còn gì thiếu sót mới xin thọ Cụ túc giới.”

Phật dạy:

“Này Tu-bạt, Ta đã nói trước rồi. Còn tùy thuộc hành vi của mỗi người.”

Ngay trong đêm đó, Tu-bạt được xuất gia thọ giới, thanh tịnh tu hành, ngay trong hiện tại, tự thân tác chứng: “Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, chứng đắc như thật trí, không còn tái sinh”. Lúc gần nửa đêm, ông đã chứng quả A-la-hán, là đệ tử cuối cùng của Phật và diệt độ trước Phật.

Bấy giờ, A-nan đứng hầu sau Phật, không tự ngăn nổi bi cảm nên vỗ giưòng than khóc, rằng:

“Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Thế Tôn diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lặn làm sao nhanh quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đoạ lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia nay chỉ mới được lên bậc học địa, tu nghiệp chưa thành mà Như Lai đã diệt độ!”

Khi ấy Đức Thế Tôn dù biết mà cố hỏi:

“Tỳ-kheo A-nan đâu rồi?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Tỳ-kheo A-nan đang ở sau Phật, không tự ngăn nổi bi cảm nên vỗ giường than khóc, rằng: Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lắng làm sao mau quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đoạ lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia nay chỉ mới được lên bậc học địa, tu nghiệp chưa thành mà Như Lai đã diệt độ!”

Phật bảo A-nan:

“Thôi thôi, A-nan, chớ có buồn phiền than khóc. Từ trước đến nay người hầu hạ Ta với cử chỉ từ hòa, ngôn ngữ kính ái và tâm niệm hoan hỷ thủy chung như một, không sao xiết kể. Ấy là người đã cúng dường Ta, công đức rất lớn. Nếu có sự cúng dường nào của chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn và Bà-la-môn cũng không sao sánh bằng được. Người hãy siêng năng lên, ngày thành đạo của người không lâu nữa!”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ cũng chỉ như A-nan. Đệ tử hầu hạ chư Phật vị lai cũng chỉ như A-nan. Nhưng đệ tử hầu hạ của chư Phật quá khứ, Phật có dạy mới biết. Còn A-nan nay, Ta vừa đưa mắt là đã biết Như Lai cần muốn gì. Đó là điều hy hữu của A-nan, các ông nhớ lấy.

“Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương có bốn pháp đặc biệt, kỳ lạ ít có. Những gì là bốn? Khi Thánh vương đi, người dân khắp cả nước đều đến nghinh đón; thấy vua rồi thì hoan hỷ, nghe lời dạy cũng hoan hỷ, chiêm ngưỡng uy nhan không hề biết chán. Khi Thánh vương đứng, khi Thánh vương ngồi và khi Thánh vương nằm, quốc dân đều đến bái yết, được thấy vua họ vui mừng, được nghe vua họ vui mừng, họ trông ngắm dung nhan vua không biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt của Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương. A-nan cũng có bốn pháp đặc biệt ấy. Khi A-nan lặng lẽ đi vào chúng Tỳ-kheo, chúng đều hoan hỷ; thuyết pháp cho chúng, ai nghe cũng hoan hỷ; nhìn ngắm nghi dung, nghe lời thuyết pháp không hề biết chán. Khi A-nan vào chúng Tỳ-kheo-ni, khi A-nan vào chúng Ưu-bà-tắc, khi A-nan vào chúng Ưu-bà-di, nơi nào được trông thấy A-nan cũng vui mừng, được nghe A-nan thuyết pháp cũng vui mừng; họ trông nhìn nghi dung và lời A-nan thuyết pháp không biết chán. Đó là bốn pháp đặc biệt hy hữu của A-nan.”

Bấy giờ, A-nan trích áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Phật:

“Thế Tôn, hiện nay các Sa-môn khắp bốn phương, gồm những vị kỳ cựu đa văn, thấu hiểu kinh luật, đức hạnh thanh cao, thường đến bái yết Phật, nhân đó con được lễ kính và gần gũi hỏi han. Nhưng sau khi Phật diệt độ rồi, họ không đến nữa, con không còn biết hỏi ai nữa, làm sao?”

Phật bảo A-nan:

“Người chớ lo. Các con nhà dòng dõi thường có bốn chỗ tưởng nhớ:

“1. Tưởng tới chỗ Phật sanh, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

“2. Tưởng tới chỗ Phật thành đạo, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

“3. Tưởng tới chỗ Phật chuyển Pháp luân đầu tiên, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

“4. Tưởng tới chỗ Phật vào Niết-bàn, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ.

“Này A-nan, sau khi ta diệt độ, trai hay gái con nhà dòng dõi nhớ nghĩ khi Phật giáng sinh có những công đức như thế, khi Phật đắc đạo có những thần thông như thế, khi Phật chuyển Pháp luân có những sự hóa độ như thế, khi Phật diệt độ có những lời di huấn như thế. Rồi mỗi người đi đến bốn chỗ đó kính lễ, dựng chùa tháp cúng dường. Khi chết đều được sanh lên cõi trời, chỉ trừ người đắc đạo.

“Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, có các người dòng họ Thích đến cầu đạo, hãy nhận cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc chớ để lâu. Những người Phạm chí dị học đến cầu đạo cũng nhận cho xuất gia thọ giới Cụ túc, chớ có để thử qua bốn tháng. Vì những người kia vốn có học sẵn các luận thuyết khác, nếu để lâu thì các kiến giải trước của họ sẽ phát sanh lại.

Bấy giờ A-nan quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

“Tỳ-kheo Xiển-nộ thô lỗ, tự chuyên, sau khi Phật diệt độ, phải đối xử thế nào?”

Phật dạy:

“Sau khi Ta diệt độ, nếu Tỳ-kheo Xiển-nộ nộ

không tuân oai nghi, không chịu nghe giáo huấn, các ông hãy cùng xử trị theo phép phạm-đàn là truyền hết các Tỳ-kheo không ai được cùng nói chuyện, cùng tới lui, chỉ bảo, giúp đỡ.”

A-nan lại bạch Phật: “Sau khi Phật diệt độ, các hạng nữ nhân đến thọ giáo huấn cần được đối xử như thế nào?”

Phật dạy:

“Đừng gặp họ.”

“Giả sử phải gặp thì làm sao?”

“Chớ cùng nói chuyện.”

“Giả sử phải cùng nói chuyện thì làm sao?”

“Hãy tự thu nhiếp tâm ý.

“Này A-nan, người chớ nghĩ sau khi Ta diệt độ, các người mất chỗ nương tựa, không ai che chở. Chớ có quan niệm như vậy. Nên biết những Kinh và Giới mà Ta đã dạy từ khi thành Đạo đến nay là chỗ nương tựa, che chở các người đó!

“Này A-nan, từ nay trở đi, cho phép các Tỳ-kheo tùy nghi bỏ các giới cấm nhỏ nhặt. Kẻ trên, người dưới xưng hô nhau phải thuận lễ độ. Đó là pháp kính thuận của người xuất gia.”

Rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, đối với Phật, Pháp và chúng Tăng, đối với Chánh đạo, các ông có điều gì hoài nghi nữa không, nên kịp thời hỏi han để sau khỏi hối hận ăn năn. Kịp lúc Ta còn, Ta sẽ giảng thuyết cho các người.”

Các Tỳ-kheo đều im lặng. Phật lại nói:

“Các người, đối với Phật, Pháp và chúng Tăng, đối với Chánh đạo, các ông có điều gì hoài nghi nữa không, nên kịp thời hỏi han để sau khỏi hối hận ăn năn.”

Các Tỳ-kheo cũng vẫn lặng thinh. Phật lại nói:

“Nếu các người e ngại không dám hỏi, hãy mau nhờ các vị hiểu biết hỏi giúp cho; nên kịp thời để sau khỏi hối hận.”

Các Tỳ-kheo cũng vẫn lặng thinh. A-nan bạch Phật:

“Con tin rằng đại chúng ở đây ai nấy đều đã có lòng tin thanh tịnh, không một ai còn hoài nghi về Phật, Pháp, Tăng và Chánh đạo nữa.

Phật dạy:

“A-nan, Ta cũng biết trong chúng này dù một vị Tỳ-kheo nhỏ nhất cũng thấy được dấu đạo, không còn đọa vào đường ác, chỉ trải qua bảy lần sanh lại cõi Dục này để tu hành là dứt hết thống khổ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền thọ ký cho một ngàn hai trăm1200 đệ tử đã được đạo quả.

Rồi Thế Tôn khoác lên uất-đa-la-tăng để lộ cánh tay sắc màu vàng ròng, bảo với các Tỳ-kheo:

“Các người hãy quán sát rằng, Như Lai mỗi khi xuất thế, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lắm mới hiện một lần.”

Quan sát ý nghĩa này, Thế Tôn đọc bài kệ:

Tay phải màu tử kim,

Phật hiện như Linh thụy.

Hành sinh diệt vô thường;

Hiện diệt, chớ buông lung.

“Thế nên các Tỳ-kheo chớ có buông lung. Ta chính nhờ không buông lung mà được thành Chánh giác. Vô lượng điều lành toàn nhờ không buông lung mà có được. Hết thấy vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của Như Lai.”

Thế rồi, Thế Tôn nhập Sơ thiền; rồi từ Sơ thiền xuất, nhập Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Tứ thiền, từ Tứ thiền xuất, nhập Không xứ định; định; từ Không xứ định xuất, nhập Thức xứ; từ Thức xứ định xuất, nhập vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ định xuất, nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định; từ Phi tướng phi phi tướng xứ định xuất, nhập Diệt thọ tưởng định.

Lúc ấy A-nan hỏi A-na-luật:

“Thế Tôn đã vào Niết-bàn rồi chăng?”

A-na-luật nói:

“Chưa, A-nan. Thế Tôn hiện đang ở trong định Diệt thọ tưởng . Tôi lúc trước được thân nghe từ Phật rằng, khi Phật từ Tứ thiền xuất mới vào Niết-bàn.”

Rồi Thế Tôn từ Diệt thọ tưởng định xuất, nhập Phi tướng phi phi tướng, từ Phi tướng phi phi tướng xuất, nhập Vô sở hữu định; từ Vô sở hữu định xuất, nhập Thức xứ định; từ Thức xứ định xuất, nhập Không xứ định; từ Không xứ định xuất, nhập Tứ thiền; từ Tứ thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Sơ thiền; rồi lại từ Sơ thiền xuất lần lượt đến Tứ thiền, rồi từ Tứ thiền xuất, Phật vào Niết-bàn. Ngay lúc đó, cõi đất rung động, trời người kinh hoàng. Những chỗ tối tăm mà mặt trăng, mặt trời không rọi đến được đều được chói sáng. Chúng sanh ở đó trông thấy nhau và bảo nhau: Người kia sinh

ra người này! Người kia sinh ra người này! Ánh sáng ấy chiếu khắp, hơn cả ánh sáng của chư Thiên.

Bấy giờ, trời Đao-lợi, ở giữa hư không, dùng hoa Văn-đa-la, hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-ma-đầu, hoa Phân-đà-lỵ , tán rải trên thân Phật và chúng hội. Rồi lại lấy bột hương Chiên-đàn tán rải trên thân Phật và chúng hội.

Phật diệt độ rồi, khi ấy Phạm thiên vương ở giữa hư không ngâm bài kệ rằng:

*Hết thấy loài sinh linh ,
Đều phải bỏ thân mạng.
Phật là Đấng Vô Thượng,
Thế gian không ai bằng;
Như Lai đại thánh hùng,
Có thần lực vô úy,
Đáng lẽ ở đời lâu,
Nhưng nay diệt độ rồi!*

Trời Thích Đề-hoàn Nhân đọc bài kệ:

*Ấm hành đều vô thường
Chỉ là pháp sinh diệt.
Có sanh đều có chết,
Phật tịch diệt là vui.*

Tỳ-sa-môn Thiên vương đọc bài kệ:

*Đại tòng lâm cây phúc,
Sa-la phước vô thượng.
Đấng Ứng Cúng Phước Điền,
Diệt độ giữa rừng cây.*

Tỳ-kheo A-na-luật đọc bài kệ:

*Phật an trú vô vi,
Không cần thờ ra vào.
Vốn từ Tịch diệt đến,
Sao Thiêng lặn nơi đây.*

Tỳ-kheo Phạm-ma-na đọc bài kệ:

*Không sanh tâm giải mạn
Tự ước, tu thương tuệ.
Không nhiễm, không bị nhiễm,
Đấng Chí Tôn là ái.*

Tỳ-kheo A-nan đọc bài kệ:

*Trời người lòng kinh sợ,
Toàn thân lông dựng lên.
Việc giáo hóa thành tựu,
Thế Tôn vào Niết-bàn.*

Thần Kim-tỳ-la dâng lời tán Phật:

*Thế gian mất che chở,
Chúng sanh trọn mù lòa
Không còn thấy Chánh Giác,
Đấng Sư Tử giữa người.*

Mật Tích lực sĩ đọc bài kệ:

*Các Thiên, Nhân, Ma, Phạm,
Đời nay và đời sau,
Không còn thấy được Phật,
Bậc Sư Tử giữa người.*

Phật mẫu Ma-da đọc bài kệ:

*Phật sanh vườn Lâm-tỳ;
Đạo Ngài lưu bố rộng.
Trở lại chỗ bản sinh,
Ngài xả thân vô thường.*

Thần Song thọ đọc bài kệ:

*Bao giờ tôi lại lấy
Hoa sái mùa cúng dâng
Đấng trọn đủ mười lực,
Như Lai vào Niết-bàn.*

Thần rừng cây Sa-la đọc bài kệ:
*Chỗ này vui thượng diệu,
Phật sanh trưởng tại đây.
Ở đây chuyển xe Pháp,
Lại ở đây Niết-bàn.*

Tứ thiên vương đọc bài kệ:
*Như Lai vô thượng trí,
Thường diễn lẽ vô thường.
Cởi trói chúng sanh khổ,
Nay trợn vào Niết-bàn.*

Đao-lợi Thiên vương đọc bài kệ:
*Trải ức ngàn vạn kiếp,
Mong thành đạo Vô thượng.
Cởi trói chúng sanh khổ,
Nay trợn vào Niết-bàn.*

Diêm Thiên vương đọc bài kệ:
*Đây mảnh y tối hậu
Dùng quấn thân Như Lai.
Nay Phật diệt độ rồi,
Y này để cúng ai.*

Đâu-suất-đà Thiên vương đọc bài kệ:
*Đây là thân cuối cùng,
Ăm giới diệt ở đây.
Không tâm tưởng lo mừng,
Không tai hoạn già chết.*

Hóa tự tại Thiên vương đọc bài kệ:
*Đúng vào giữa đêm nay,
Phật nằm nghiêng bên hữu.
Ở tại rừng Sa-la,
Thích Sư Tử diệt độ.*

Tha hóa tự tại Thiên vương đọc bài kệ:

*Thế gian mãi tối tăm,
Trăng sao đều rơi rụng,
Mây vô thường che kín,
Mặt trời Đại trí mờ.*

Các Tỳ-kheo đọc bài kệ:

*Thân này như bèo bọt,
Mong manh có gì vui.
Phật được Kim cang thân,
Còn bị vô thường hoại.
Thế Kim cang chư Phật,
Cũng đều qui vô thường;
Tiêu tan như băng tuyết,
Huống những người thế gian.*

Sau khi Phật diệt độ, các Tỳ-kheo buồn đau, vật vã, gieo mình xuống đất, lăn lộn kêu than không tự kiềm chế nổi, nước nở mà nói rằng:

“Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.”

Như thân cây lớn, trốc rễ, gãy cành. Lại như con rắn bị đứt khúc, bò trườn, uốn lượn, không biết trườn đi lối nào. Các Tỳ-kheo cũng vậy, buồn đau, vật vã, gieo mình xuống đất, lăn lộn kêu than không tự kiềm chế nổi, nước nở mà nói rằng: Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.

Bấy giờ, Trưởng lão A-na-luật khuyên:

“Thôi các Tỳ-kheo, các ngài chớ buồn khóc, kéo có hàng chư Thiên nhìn xuống ngó thấy họ chê trách”.

Các Tỳ-kheo hỏi A-na-luật:

“Trên ấy có bao nhiêu Thiên thần?”

A-na-luật nói:

“Đầy kín hư không. Kể sao hết. Thấy đều ở trong hư không, bồi hồi, bứt rứt, bước đi khắp khiêng, gạt nước mắt mà than rằng: Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt. Như thân cây lớn, trốc rễ, gãy cành. Lại như con rắn bị đứt khúc, bò trườn, uốn lượn, không biết trườn đi lối nào. Các chư Thiên cũng vậy, thấy đều ở trong hư không, bồi hồi, bứt rứt, bước đi khắp khiêng, gạt nước mắt mà than rằng: Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.

Các Tỳ-kheo suốt đêm đến sáng cùng nhau giảng luận pháp ngữ.

Trưởng lão A-na-luật bảo A-nan đi vào thành báo tin cho dân chúng dòng Mạt-la biết Phật đã diệt độ, như họ có muốn cúng dường thế nào thì mau đến kịp thời. A-nan vâng lời, đứng dậy, lễ chân Phật, rồi dắt theo một Tỳ-kheo, vừa khóc vừa đi vào thành. Từ xa A-nan trông thấy năm trăm người Mạt-la do có chút duyên sự đang nhóm tại một chỗ. Trông thấy A-nan, họ đều đứng dậy nghinh tiếp, đánh lễ và hỏi:

“Tôn giả có việc gì đến đây sớm vậy?”

A-nan đáp:

“Vì lợi ích các ngài, nên mới sáng sớm tôi đã đến đây. Các ngài nên biết, Như Lai đêm qua đã diệt độ rồi. Các ngài muốn cúng dường thế nào thì nên đến kịp thời.”

Chúng Mạt-la vừa nghe tin, ai nấy bi cảm buồn rơi lệ than kể: “Phật vào Niết-bàn sao vội quá! Con mắt của thế gian diệt mất sao mau quá!”

A-nan khuyên:

“Thôi thôi các ngài! Chớ có buồn khóc! Muốn cho pháp hữu vi không bị biến hoại, không thế nào được. Đức Như Lai đã dạy hễ có sanh tức có chết, có hội hợp tức có chia ly, hết thấy ân ái đều vô thường cả.”

Chúng Mạt-la mới bàn nhau rằng:

“Chúng ta hãy trở về nhà mang hương hoa, kỹ nhạc, đi mau đến rừng cây Song thọ để cúng dường kim thân suốt một ngày, rồi thỉnh kim thân Phật đặt lên một cái giường, khiến thanh niên Mạt-la nâng bốn góc giường khiêng đi; có tràng phan, lọng tàn, đốt hương, rải hoa, trỗi nhạc, cúng dường. Đưa vào thành cửa Đông khấp các nẻo cho dân chúng cúng dường, rồi đưa ra cửa thành Tây, đến một đồi cao rộng mà trà-tỳ.”

Bàn xong, ai về nhà nấy, sắm sửa các thứ hương hoa, kỹ nhạc, rồi đi đến rừng Song thọ, cúng dường xá-lợi. Suốt một ngày rồi, họ đặt xá-lợi Phật lên trên một cái giường. Chúng Mạt-la cùng đến khiêng. Nhưng dở không lên.

Trưởng lão A-na-luật mới bảo:

“Này các ngài chớ nhọc công khiêng! Hiện nay có các chư Thiên muốn đến khiêng giường.”

Các người Mạt-la hỏi:

“Ý chư Thiên thế nào mà lại muốn khiêng giường?”

A-na-luật đáp:

“Các người muốn mang hương hoa, kỹ nhạc cúng dường kim thân suốt một ngày, rồi thỉnh kim thân Phật đặt lên một cái giường, khiến thanh niên Mạt-la nâng bốn góc giường khiêng đi; có tràng phan, lọng tàn, đốt hương, rải hoa, thổi nhạc cúng dường. Đưa vào thành cửa Đông khắp các nẻo cho dân chúng cúng dường, rồi đưa ra thành cửa Tây, đến một đồi cao rộng mà trà-tỳ. Theo ý chư Thiên thì muốn lưu kim thân lại trong bảy ngày để kính lễ cúng dường bằng các thứ hoa hương, kỹ nhạc, sau mới thỉnh lên giường, cho các thanh niên Mạt-la nâng bốn góc rước vào thành cửa Đông, đi khắp các nẻo để cho dân chúng cúng dường, rồi đưa ra thành cửa Bắc, qua sông Hi-liên-thiên đến chùa Thiên quan mà trà-tỳ. Ý chư Thiên là như vậy nên khiến cho giường bất động.”

Các Mạt-la nói:

“Hay lắm! Xin tùy ý chư Thiên!”

Chúng Mạt-la bảo nhau:

“Chúng ta hãy vào thành trước, đi đến các ngõ đường, dọn bằng phẳng các con đường, quét tước, đốt hương, rồi trở lại đây để cúng dường kim thân trong bảy ngày.”

Rồi các Mạt-la cùng vào thành, đi đến các ngõ đường, dọn bằng phẳng các con đường, quét tước, đốt hương, xong rồi ra khỏi thành, trở lại rừng Song thọ, dùng hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường kim thân. Sau bảy ngày, vào lúc trời chiều, họ thỉnh kim thân Phật đặt lên một cái giường, khiến các thanh niên Mạt-la nâng bốn góc khiêng đi thông thả giữa đám đông người hộ tống, có tràng phan, hương hoa, âm nhạc cúng dường. Từ không trung các vị trời Đạo-lợi dùng hoa Văn-đà-la, hoa Ưu-đàm-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lỵ và bột

hương Chiên-đàn nhà trời rải trên kim thân và tràn ngập các ngã đường, chư Thiên tấu nhạc, quý thần ca ngâm.

Khi ấy các người Mạt-la nói với nhau:

“Hãy gác qua nhạc loài người. Xin tấu nhạc trời để cúng dường xá-lợi.”

Rồi các người Mạt-la khiêng giường tiến tới dần, vào cửa thành phía Đông, đến mỗi ngã đường thì dừng lại để cho dân chúng đốt hương, tán hoa, trỗi nhạc cúng dường. Lúc ấy có nàng Lộ-di dòng Mạt-la vốn dốc lòng tin Phật, cầm một đóa hoa vàng lớn như bánh xe cúng dường kim thân và một bà lão cất tiếng tán thán rằng: “Các Mạt-la này may được phúc lợi lớn. Như Lai cuối cùng diệt độ tại đây. Khắp nước nhân dân hớn hở cúng dường”.

Họ cúng dường xong, đưa kim thân ra thành cửa Bắc, qua sông Hi-liên-thiên đến chùa Thiên quan, đặt giường xuống đất rồi thưa với A-nan:

“Chúng tôi bây giờ nên cúng dường cách nào nữa?”

A-nan bảo:

“Tôi trực tiếp nghe từ Phật, lãnh thọ lời Phật dạy rằng: muốn tấn táng xá-lợi hãy làm như pháp tấn táng Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương.”

Hỏi: “Phép tấn táng Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương là thế nào?”

Đáp: “Về phép tấn táng Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể, rồi lấy vải bông mới quần thân thể, rồi lấy năm trăm tấm vải lần lượt quần vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tắm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiên-đàn. Chặt các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của pháp vương mà tưởng nhớ lại chánh hóa của vua đã làm lợi ích cho nhiều người. A-nan, người muốn tấn táng Ta, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể, rồi lấy vải bông mới quần thân thể, rồi lấy năm trăm tấm vải lần lượt quần vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tắm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiên-đàn. Chặt các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy

tháp của Phật mà tưởng nhớ lại đạo hóa của Pháp vương Như Lai, sống thì được phước lợi, chết thì sanh thiên. Trừ người đã đắc đạo”.

Chúng Mạt-la bảo nhau:

“Chúng ta về thành sắm sửa các đồ tân tắng, các thứ hương hoa, bông gòn, quan quách, dầu thơm và vải lụa trắng.”

Những người Mạt-la vào thành sắm sửa các thứ xong, trở lại chùa Thiên quan, dùng nước hương tắm rửa thân Phật, rồi lấy vải bông mới bọc quanh, tiếp quần năm trăm lớp vải trắng, rồi đặt vào trong kim quan đã tắm dầu thơm, lại đặt kim quan vào một cái quách lớn bằng sắt, rồi một cái quách gỗ Chiên-đàn bọc ngoài. Xong, lấy củi thơm chất đầy lên trên.

Tiếp đó, vị đại thần dòng Mạt-la tên Lộ-di, cầm cây đuốc lớn châm lửa vào giàn hỏa, song lửa không cháy. Các người Mạt-la trưởng lão cũng cầm lửa châm theo, song lửa vẫn không cháy. Trưởng lão A-na-luật bảo chúng Mạt-la:

“Thôi các Ngài, chẳng phải sức các ngài đốt được đâu. Lửa không cháy là vì ý chư Thiên vậy.”

Chúng Mạt-la hỏi:

“Tại sao chư Thiên lại khiến cho lửa không cháy?”

A-na-luật đáp:

“Chư Thiên nhân thấy Đại Ca-diếp đang dẫn năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà đi về cho kịp được thấy Phật khi chưa trà-tỳ. Hiện Tôn giả đang ở nửa đường. Chư Thiên biết ý nên làm cho lửa không cháy.”

Chúng Mạt-la nói: “Xin để toại ý ấy”.

Lúc bấy giờ, Đại Ca-diếp dắt năm trăm đệ tử, từ nước Ba-bà đi về vừa ngang giữa đường, thì gặp một người Ni-kiền Tử trong tay cầm một đóa hoa Văn-đà-la. Đại Ca-diếp đến gần hỏi:

“Này bạn! Bạn từ đâu đến?”

Ni-kiền Tử đáp: “Tôi từ thành Câu-thi đến”.

Ca-diếp lại hỏi: “Bạn có biết thầy ta không?”

“Có biết”.

Lại hỏi: “Thầy ta hiện nay thế nào?”

Đáp: “Đã diệt độ cách đây bảy ngày. Tôi từ đó đến, nên lượm được đóa thiên hoa này”.

Ca-diếp nghe xong lòng rất buồn bã. Năm trăm Tỳ-kheo nghe Phật diệt độ, đều buồn khóc, quay cuồng kêu than không tự kiềm chế nổi: “Như Lai diệt độ làm sao vội quá quá! Thế Tôn diệt độ sao vội quá! Đại pháp chìm lặn làm sao mau quá! Con mắt của thế gian đã diệt, chúng sanh suy đọa lâu dài! Ví như cây lớn bị trốc gốc, cành nhánh gãy đổ. Lại như rắn bị chặt đuôi, quay cuồng lăn lóc, không biết trườn đi đâu”. Nhưng trong chúng ấy có một Tỳ-kheo tên Bạt-nan-đà dòng họ Thích, ngăn các Tỳ-kheo rằng:

“Các người chớ lo buồn. Thế Tôn diệt độ thì chúng ta được tự do. Ông già ấy trước đây thường hay bảo chúng ta nên làm thế này, không nên làm thế này. Nhưng nay về sau thì tùy ý chúng ta làm.”

Ca-diếp nghe rồi, lòng càng buồn, mới bảo các Tỳ-kheo sửa soạn y bát đi mau đến Song thọ trước khi chưa trà-tỳ, có thể trông thấy Phật. Các Tỳ-kheo nghe Đại Ca-diếp nói xong đều đứng dậy tùy tùng Ca-diếp đến thành Câu-thi, qua sông Hi-liên-thiên đến chùa Thiên quan, rồi đến chỗ A-nan. Hỏi han xong, đứng sang một bên, nói với A-nan:

“Chúng tôi muốn được thấy Phật một lần chót khi chưa trà-tỳ, có thể được không?”

A-nan đáp:

“Tuy chưa trà-tỳ nhưng khó mà thấy được, vì thân Phật đã được tắm nước hương, quần một lớp kiếp-ba ngoài bọc năm trăm lớp vải trắng, đặt trong một kim quan. Kim quan lại đặt trong một cái quách bằng sắt, ngoài hết có bọc một cái quách bằng gỗ Chiên-đàn, nên khó thấy được.”

Ca-diếp năn nỉ xin tới ba lần, A-nan vẫn trả lời như cũ, là khó mà thấy Phật được nữa! Ngài Đại Ca-diếp mới hướng mặt về hỏa đàn để chiêm bái, thì ngay khi ấy bỗng nhiên từ trong ba lớp quan quách, Phật đưa hai bàn chân ra ngoài. Chân có màu sắc khác lạ. Ca-diếp thấy vậy, ngạc nhiên hỏi A-nan:

“Thân Phật kim sắc, sao chân ngài lại có sắc khác?”

A-nan đáp: “Trước đây có một bà già, tiếc thương Đức Như Lai, tiến tới lấy tay vỗ vào chân Phật, để rơi nước mắt trên chân Ngài cho nên có màu sắc khác như thế”. Nghe xong, Ca-diếp lại không vui, liền hướng tới hỏa đàn đánh lễ kim thân Phật. Bốn bộ chúng và chư Thiên trên không trung cũng đồng thời tác lễ. Chân Phật bỗng không hiện nữa. Ngài Đại Ca-diếp vừa đi quanh hỏa đàn ba vòng vừa tán dương rằng:

Con nay cúi đầu lễ

Đức Đạo Sư Vô Thượng,
Thánh trí không nghĩ lường,
Thánh trí cao tột bậc.
Đức Sa-môn tối cao,
Tuyệt đối không tỳ uế,
Thanh tịnh không nhiễm ái,
Tôn quý giữa nhân thiên.
Con nay cúi đầu lễ
Đấng Đại Hùng bậc nhất,
Khổ hạnh chẳng ai bằng,
Lìa bỏ để độ sanh.
Kính lễ Đấng Thế Tôn
Không nhiễm ô trần cấu;
Tham, sân, si dứt sạch;
Vui trong hạnh không tịch.
Kính lễ Đấng Thế Tôn,
Không hai, không thể sánh.
Khéo giải thoát thế gian,
Chí Tôn giữa trời người.
Kính lễ An Ổn Trí,
Ngộ Tứ đế, tịch tịnh,
Vô thượng giữa Sa-môn,
Khiến bỏ tà về chánh.
Kính lễ đạo trạch nhiên,
Thế Tôn nơi tịch diệt.
Không nhiệt nảo tỳ uế,
Thân tâm thường vắng lặng.
Kính lễ Đấng Vô Nhiễm
Bậc trừ hết trần cấu,
Tuệ nhãn không hạn lượng,

*Cam lộ tiếng oai vang.
Kính lễ Đấng Vô Đẳng,
Hy hữu khó nghĩ nghĩ,
Tiếng nói như sư tử,
Ở rừng không khiếp sợ.
Hàng ma, vượt bốn tánh;
Cho nên con kính lễ.*

Đại Ca-diếp oai đức lớn lao và đủ bốn biện tài, vừa đọc xong bài kệ trên, thì hỏa đàn không đốt mà tự nhiên bùng cháy. Chúng Mạt-la bảo nhau:

“Ngọn lửa cháy mạnh quá khó ngăn, e cháy tiêu hết xá-lợi! Hãy tìm đâu lấy nước dập tắt.”

Lúc đó có vị thần cây Song thọ đang đứng bên giàn hỏa, vốn dốc lòng tin Phật, dùng thần lực làm tắt ngọn lửa. Chúng Mạt-la lại bảo nhau: “Mười hai do-tuần chung quanh thành Câu-thi này có bao nhiêu hoa thơm hái hết, đem về dâng cúng xá-lợi”.

Rồi họ đi ra hai bên thành tìm các thứ hoa thơm đem về cúng dường xá-lợi.

Lúc đó dân Mạt-la nước Ba-bà nghe Phật diệt độ tại Song thọ, tự nghĩ: “Ta nên đến đó cầu lấy phần xá-lợi về dựng tháp cúng dường tại trong nước”. Các người Mạt-la nước Ba-bà liền hạ lệnh đem bốn thứ binh là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, đi đến thành Câu-thi và cử sứ giả nói:

“Chúng tôi nghe Đức Phật đã diệt độ tại đây. Phật cũng là thầy chúng tôi. Vì lòng kính mộ Ngài, chúng tôi đến xin phần xá-lợi về nước dựng tháp cúng dường.”

Vua Câu-thi đáp:

“Thật vậy, đúng như ngài nói. Nhưng vì Đức Thế Tôn đã giáng lâm và diệt độ tại đây. Nhân dân trong nước tôi tự lo cúng dường. Phiền các ngài từ xa đến cầu xá-lợi. Nhưng điều đó hẳn là không được!”

Đồng thời dân Bạt-ly nước Giá-la-phả, dân Câu-ly nước La-ma-già, dân chúng dòng Bà-la-môn nước Tỳ-lưu-đề, dân chúng dòng họ Thích nước Ca-duy-la-vệ, dân chúng dòng Lê-xa nước Tỳ-xá-ly và vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, nghe Đức Như Lai diệt độ tại cây Song thọ ở thành Câu-thi, đều tự nghĩ: “Ta nay nên đến đó chia phần xá-lợi”.

A-xà-thế và các vua kia mới hạ lệnh trong nước đem bốn thứ binh mã tiến qua sông Hằng. Vua A-xà-thế sai Bà-la-môn Hương Tánh:

“Người nhân danh ta vào thành Câu-thi hỏi thăm vua Mạt-la, đời sống thường nhật có thoải mái chăng, lui tới có khỏe mạnh chăng và nói ta với quý quốc xưa nay vốn tôn kính nhau, láng giềng hòa nghĩa, chưa có xảy ra điều chi tranh tụng. Nay ta nghe Như Lai diệt độ tại quý quốc. Đối với Đức Thế Tôn, lòng ta thật hết sức tôn kính, nên chẳng quản xa xôi, đến thỉnh phần di cốt, đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, ta sẽ chia bớt tài bảo trong nước ta cho.”

Bà-la-môn Hương Tánh vâng lệnh, đến thành Câu-thi nói với các người Mạt-la:

“Đại vương nước Ma-kiệt có lời thăm hỏi vô vàn. Các ngài đi đứng có nhẹ nhàng không? Bước đi có khỏe mạnh không? Và nhắn rằng, Ta với quý quốc xưa nay vốn tôn kính nhau, láng giềng hòa nghĩa, chưa có xảy ra điều chi tranh tụng. Nay ta nghe Như Lai diệt độ tại quý quốc. Đối với Đức Thế Tôn, lòng ta thật hết sức tôn kính, nên chẳng quản xa xôi, đến thỉnh phần di cốt, đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, ta sẽ chia bớt tài bảo trong nước ta cho.”

Các người Mạt-la trả lời:

“Quả như vậy! Quả như lời ông nói. Nhưng vì Đức Thế Tôn đã giáng lâm và diệt độ tại đây, thì nhân dân trong nước tôi tự lo cúng dường. Phiền các ngài từ xa đến cầu xin xá-lợi. Nhưng điều đó hẳn không thể được.”

Các quốc vương liền triệu tập quần thần lập nghị, tụng cáo rằng:

Chúng ta hòa nghị,

Xa đến cúi đầu,

Khiêm tốn yêu cầu.

Như không chấp nhận;

Tứ binh đã sẵn.

Không tiếc thân mạng.

Dùng nghĩa không được;

Tất phải dùng lực.

Vua Câu-thi cũng triệu tập quần thần lập nghị trả lời:

Các người xa nhọc,

*Khuất nhục cầu xin
Như Lai di thể;
Nhưng không cho được.
Kia muốn dùng binh,
Ta đây cũng sẵn.
Chống trả đến cùng,
Chưa từng biết sợ.*

Bấy giờ, Bà-la-môn Hương Tánh đứng ra hiểu dụ mọi người:

“Chư Hiền lãnh thụ giáo huấn của Phật đã lâu, miêng tụng pháp ngôn, tâm khoát nhân hóa, thường mong cho chúng sanh thấy được an lành, nay há lẽ vì giành xá-lợi của Phật mà trở nên tàn hại nhau sao? Di thể Như Lai nếu muốn có lợi ích rộng rãi, thì xá-lợi hiện tại nên chia ra nhiều phần.”

Chúng đều khen phải. Họ lại bàn nghị nên nhờ ai đủ sức chia giúp. Mọi người đều nói Bà-la-môn Hương Tánh là người nhân trí quân bình, có thể chia được. Các quốc vương bèn sai Hương Tánh:

“Người hãy vì chúng ta mà chia xá-lợi làm tám phần bằng nhau.”

Được lệnh của các quốc vương, Hương Tánh đến ngay chỗ xá-lợi, cúi đầu đánh lễ, xong từ từ trước hết nhặt lấy răng trên của Phật để riêng một nơi. Rồi bảo sứ giả mang cái răng trên của Phật đến chỗ vua A-xà-thế rằng:

“Người nhân danh ta tâu lên vua rằng: Đại vương, đời sống thường nhật có thoải mái chăng? Bước đi có khỏe không? Xá-lợi chưa đến chắc Đại vương trông lắm? Nay tôi giao sứ giả răng trên của Như Lai để kịp cúng dường cho thỏa lòng Đại vương trông ngóng. Sáng mai, lúc sao mai mọc, xá-lợi chia xong, tôi sẽ đích thân dâng đến.”

Khi ấy, sứ giả vâng lời, đi đến chỗ vua A-xà-thế, tâu rằng:

“Bà-la-môn Hương Tánh kính lời thăm hỏi vô vàn: Đại vương, đời sống thường nhật có thoải mái không? Bước đi có khỏe không. Xá-lợi chưa đến chắc Đại vương trông lắm? Nay tôi giao sứ giả răng trên của Như Lai để kịp cúng dường cho thỏa lòng Đại vương trông ngóng. Sáng mai, lúc sao mai mọc, xá-lợi chia xong, tôi sẽ đích thân dâng đến.”

Tiếp đó Hương Tánh lấy một bình dung lượng chừng một thạch, rồi chia đều xá-lợi ra làm tám phần, xong, ông nói với mọi người:

“Các ngài bàn bạc cho tôi xin cái bình đó để dựng tháp thờ tại nhà riêng.”

Mọi người đều nói:

“Trí tuệ thay. Như thế là thích hợp.”

Và họ đồng ý cho.

Lúc đó, có người thôn Tất-bát cũng đến xin phần tro còn lại để dựng tháp cúng dường. Mọi người cũng bằng lòng.

Sau khi người nước Câu-thi được xá-lợi liền dựng tháp cúng dường. Các nước Ba-bà, Giá-la, La-ma-già, Tỳ-lưu-đề, Ca-duy-la-vệ, Tỳ-xá-ly, Ma-kiệt sau khi được xá-lợi đều đem về nước dựng tháp cúng dường. Bà-la-môn Hương Tánh đem cái bình dùng chia xá-lợi về nhà dựng tháp cúng dường. Dân chúng thôn Tất-bát đem phần tro còn lại về dựng tháp cúng dường.

Như vậy, xá-lợi Phật được chia thờ ở tám tháp, tháp thứ chín là cái bình, tháp thứ mười là tháp tro và tháp thứ mười một là tháp tóc, thờ tóc Phật khi còn tại thế.

Phật sanh giờ nào? Thành đạo giờ nào? Diệt độ thời nào?

Sanh khi sao Phất mọc. Xuất gia khi sao Phất mọc. Thành đạo khi sao Phất mọc. Diệt độ khi sao Phất mọc.

Lưỡng Túc Tôn sanh thế nào?

Xuất gia tu khổ thế nào?

Đắc Tối thượng đạo thế nào?

Nhập Niết-bàn thành thế nào?

Mồng tám Như Lai sanh.

Mồng tám Phất xuất gia.

Mồng tám thành Bồ-đề.

Mồng tám vào diệt độ.

Sao Phất mọc, Thế Tôn sanh.

Sao Phất mọc, Phất xuất gia.

Sao Phất mọc, thành Chánh giác.

Sao Phất mọc, nhập Niết-bàn.

Mồng tám sanh Lưỡng Túc Tôn.

Mồng tám vào rừng tu khổ.
Mồng tám thành Tối thượng đạo.
Mồng tám vào thành Niết-bàn.
Tháng hai Như Lai sanh.
Tháng hai Phật xuất gia.
Tháng hai thành Bồ-đề.
Tháng hai vào diệt độ.
Tháng hai sanh Lưỡng Túc Tôn.
Tháng hai vào rừng tu khổ.
Tháng hai thành đạo Tối thượng.
Tháng hai vào thành Niết-bàn.
Sa-la hoa nở rộ,
Đủ màu ánh chói nhau,
Tại chỗ bản sanh ấy,
Như Lai nhập Niết-bàn,
Đức Đại Từ Niết-bàn
Nhiều người xưng tán lễ.
Vượt qua các sợ hãi
Quyết định nhập Niết-bàn.

TRƯỜNG A HÀM

Kinh Điển Tôn

• HT. Thích Tuệ Sỹ dịch •



TRƯỜNG A HÀM

KINH ĐIỂN TÔN

Tôi nghe như vậy.

Một thời, Phật ở núi Kỳ-xà-quật thành La-duyet-kỳ cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người. Bấy giờ có nhạc thần là Ban-giá-dực, trong lúc đêm thanh vắng không người, phóng ánh sáng rọi sáng núi Kỳ-xà-quật, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ chân Phật rồi đứng sang một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Đêm qua Phạm thiên vương đến cõi trời Đao-lợi bàn nghị với Đế Thích. Con ở đó chính mình được nghe, nay có thể thuật lại Đức Thế Tôn nghe chăng?”

Phật đáp:

“Người muốn nói thì nói.”

Ban-giá-dực nói:

“Một thời, chư Thiên Đao-lợi nhóm ở Pháp đường để luận nghị. Lúc đó bốn Thiên vương ngồi bốn phía theo phương hướng mình. Đề-đế-lại-tra Thiên vương ngồi ở phía Đông, mặt day về hướng Tây. Đế Thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-lặc Thiên vương ngồi ở phía Nam, mặt day về hướng Bắc; Đế Thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương ngồi ở phía Tây, mặt day về hướng Đông; Đế Thích ngồi trước mặt. Tỳ-sa-môn Thiên vương ngồi phía Bắc, mặt day về hướng Nam; Đế Thích ngồi trước mặt. Sau khi các Thiên vương ngồi xong, con mới ngồi. Lại còn có các Đại Thiên thần khác nữa, toàn là những người đã từng theo Phật tu hành phạm hạnh, khi mệnh chung ở đây, được sanh lên cõi trời Đao-lợi, khiến cho chư Thiên ở đó thêm được năm thứ phước: tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, âm nhạc cõi trời và oai đức trời. Bấy giờ chư Thiên Đao-lợi vui mừng phấn khởi nói rằng:

“Mong chúng chư Thiên tăng gia, chúng A-tu-la giảm thiểu.”

“Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biết chư Thiên có điều vui mừng, bèn vì chư Thiên Đao-lợi mà làm bài tụng rằng:

Chúng chư Thiên Đao-lợi,

**Cùng Đễ Thích hoan lạc,
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.
Chư Thiên thọ phước báo,
Thọ, sắc, danh, nhạc, uy.
Theo Phật tu phạm hạnh,
Nên sanh vào nơi đây.
Lại có các thiên nhân,
Ánh màu sáng chói lọi.
Đệ tử trí tuệ Phật,
Sanh đây càng trỗi vượt.
Đao-lợi và Nhân-đề,
Nghĩ thế mà sung sướng.
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.**

Chư Thiên Đao-lợi sau khi nghe bài kệ ấy, lại càng vui mừng không thể tự chế:

“Mong chúng chư Thiên gia tăng, chúng A-tu-la giảm thiểu.”

Thích Đề-hoàn Nhân thấy chư Thiên Đao-lợi vui mừng hớn hỏ, bèn bảo họ rằng:

“Chư Hiền có muốn nghe Tám pháp vô đẳng về Như Lai không?”

Chư Thiên đáp:

“Chúng tôi muốn nghe.”

Đề Thích nói:

“Hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ. Nay chư Hiền, Đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có đủ mười đức hiệu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác như Phật.

“Pháp Phật vi diệu, được khéo giảng thuyết, được người trí thật hành. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có giáo pháp vi diệu như Phật.

“Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, trú trong an lạc. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có thể ở nơi pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, tự tại an vui như Phật.

“Chư Hiền! Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ rồi còn có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn, thân cận, dần dần đến chỗ nhập vào nơi tịch diệt. Ví như nước sông Hằng và nước sông Diêm-ma, cả hai dòng sông đều chảy vào biển cả. Phật cũng vậy. Có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn, thân cận, dần dần đến chỗ nhập vào nơi tịch diệt. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn được như Phật.

“Chư Hiền! Như Lai thành tựu quyền thuộc, gồm những người có trí tuệ, Sát-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có được quyền thuộc như Phật.

“Chư Hiền! Như Lai thành tựu đại chúng. Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại thành tựu đại chúng như Phật.

“Chư Hiền! Ngôn và hành của Như Lai tương ứng. Nói đúng như làm, làm đúng như nói, thành tựu pháp và tùy pháp. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại mà ngôn hành tương ứng, pháp pháp thành tựu như Phật.

“Chư Hiền! Như Lai vì lợi ích mọi người, vì an lạc mọi người; với lòng từ mẫn, Ngài làm lợi ích cho chư Thiên và nhân loại. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại vì lợi ích mọi người, vì an lạc mọi người như Phật.

“Chư Hiền, đó là Tám pháp vô đẳng về Như Lai.”

Khi ấy có vị Dao-lợi nói:

“Giả sử thế gian được tám Đức Phật ra đời một lượt, thời sẽ làm tăng nhiều chư Thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la.”

Vị trời khác nói:

“Đừng nói chỉ tám Đức Phật, dầu cho có bảy Phật, sáu Phật đến hai Đức Phật ra đời, cũng làm cho thêm nhiều chúng chư Thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la.”

Thích Đề-hoàn Nhân liền nói với trời Dao-lợi:

“Ta được nghe từ Phật, trực tiếp lãnh giáo từ Phật, thì không bao giờ có thể có hai Đức Phật ra đời một lần. Nhưng nếu một Đức Như Lai mà Ngài ở đời lâu dài, vì thương mọi người, vì ích lợi cho nhiều người, vì an lạc cho chư Thiên và nhân loại, thời cũng có thể tăng nhiều chúng chư Thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la vậy.”

Rồi Ban-giá-dục bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chư Thiên Đao-lợi sở dĩ tập họp tại Pháp giảng đường, ấy là để bàn luận, tư duy, thương lượng, xem xét giáo lệnh được ban ra. Rồi trao cho Tứ thiên vương. Tứ thiên vương sau khi thọ lãnh, mỗi vị ngồi đúng theo chỗ của mình. Không bao lâu, có ánh sáng lớn kỳ lạ chiếu sáng bốn phương. Chư Thiên Đao-lợi nhìn thấy ánh sáng ấy thảy đều kinh sợ: Nay ánh sáng lạ này, sắp có điều gì quái lạ chăng? Các Đại Thiên thần có oai đức cũng đều kinh sợ: Nay ánh sáng lạ này, sắp báo điều gì quái lạ chăng?

“Khi ấy, Đại phạm vương tức thì hóa làm đồng tử đầu có năm chòm, đứng giữa hư không, bên trên đại chúng, gương mặt xinh đẹp vượt hẳn đám đông, thân màu vàng tía, che mờ ánh sáng chư Thiên. Chư Thiên Đao-lợi không đứng dậy nghinh đón, cũng không cung kính, không mời ngồi. Khi Phạm đồng tử ngồi vào chỗ ngồi của vị trời nào thì vị ấy rất hoan hỷ. Ví như vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-ly, khi làm lễ đăng quang, khi ấy vua rất hoan hỷ phần khởi.

“Ngồi chưa lâu, Đại phạm lại tự biến thành hình tượng đồng tử đầu có năm chòm, ngồi giữa hư không, bên trên đại chúng, như một lực sĩ ngồi trên chỗ ngồi vững chắc, vôi vọi bất động và làm bài tụng:

***Chúng chư Thiên Đao-lợi,
Cùng Đế Thích hoan lạc,
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.
Chư Thiên thọ phước báo:
Thọ, sắc, danh, nhạc, uy.
Theo Phật tu phạm hạnh,
Nên sanh vào nơi đây.***

*Lại có các thiên nhân,
Ánh màu sáng chói lợi.
Đệ tử trí tuệ Phật,
Sanh đây càng trời vượt.
Đao-lợi và Nhân-đề,
Nghĩ thế mà sung sướng.
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.*

“Rồi thì, chư Thiên Đao-lợi nói với Đồng tử: Chúng tôi đã nghe Thiên Đế Thích tán thán Tám pháp vô đẳng về Như Lai, thấy đều hoan hỷ phần khởi không thể tự chế. Phạm đồng tử bèn nói với chư Thiên: Tám pháp vô đẳng về Như Lai là những gì? Ta cũng muốn nghe. Thiên Đế Thích bèn nói cho Đồng tử nghe Tám pháp vô đẳng về Như Lai. Chư Thiên Đao-lợi nghe lần nữa, bội phần hoan hỷ phần khởi không kể xiết: Mong chúng chư Thiên tăng thịnh, chúng A-tu-la giảm thiểu.

“Khi ấy Đồng tử thấy chư Thiên hoan hỷ lại càng phần khởi, bèn nói với chư Thiên Đao-lợi rằng: Các người muốn nghe Một pháp vô đẳng không? Đao-lợi thiên đáp: Hay lắm, chúng tôi muốn nghe. Đồng tử nói: Hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho.”

Này chư Thiên Đao-lợi! Đức Như Lai xưa kia, lúc Ngài còn làm Bồ-tát, sanh bất cứ chỗ nào thấy đều thông minh túc trí.

Này chư Hiền, vào thời quá khứ xa xưa, có vị vua tên Địa Chủ, vua có một thái tử tên Từ Bi. Đại thần của vua tên Diễn Tôn và con đại thần tên Diệm Man. Thái tử Từ Bi có bạn và bạn này thường kết giao với sáu vị đại thần dòng Sát-ly khác.

Đại vương Địa chủ mỗi khi muốn vào thâm cung du hý, đem quốc sự ủy thác lại đại thần Diễn Tôn. Rồi sau đó mới vào cung hát xướng, hoan lạc với ngũ dục.

Đại thần Diễn Tôn khi muốn xử lý quốc sự thì trước đem việc đó hỏi con, sau mới quyết định. Hoặc có phân xử điều gì cũng nghe theo ý con. Sau bỗng nhiên đại thần Diễn Tôn mệnh chung. Vua Địa Chủ nghe tin, buồn thương thảm thiết, dầm ngực mà than rằng: Quái thay! Sao vô phúc! Quốc gia mất người lương bậc. Thái tử Từ Bi thâm nghĩ: Vua vì mất Diễn Tôn mà sinh ưu khổ. Ta

hãy đến can vua, chớ nên vì cái tang ấy mà buồn khổ. Vì sao? Vì đại thần Diễm Tôn hiện có con tên là Diễm Man còn thông minh túc trí hơn cha. Nay vua có thể triệu vào để giao xử lý quốc sự.

Rồi thái tử Từ Bi liền đến vua tâu bày ý kiến. Vua nghe lời, cho triệu Diễm Man đến bảo rằng: Nay ta bổ sung người vào chức vị của cha người, trao cho người ấn tướng. Diễm Man lãnh ấn tướng xong, khi vua muốn vào thăm cung thì đem quốc sự giao cho Diễm Man.

Diễm Man vốn đã biết rõ việc trị lý. Chẳng những những điều trước kia cha làm Diễm Man biết rõ, mà điều trước kia cha không thể làm Diễm Man cũng biết rõ. Về sau danh Diễm Man truyền khắp quốc nội, nên thiên hạ đều tôn xưng là Đại Diễm Tôn.

Đại Diễm Tôn nghĩ: Nay vua Địa Chủ, tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu. Nếu bây giờ thái tử nối ngôi cũng chưa khó lắm. Có lẽ ta nên đến nói với sáu đại thần Sát-ly: Nay vua Địa Chủ, tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu. Nếu bây giờ thái tử nối ngôi cũng chưa khó lắm. Nhưng các ông cũng nên phong riêng vương thổ. Cái ngày ở ngôi cũng đừng quên nhau vậy.

Thế rồi Đại Diễm Tôn đi đến sáu đại thần Sát-ly kia, nói rằng: Nay các ông nên biết, nay vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, chẳng còn sống bao lâu, nếu tôn thái tử lên ngôi cũng không khó lắm. Các ông nên đến tỏ ý này với thái tử rằng: Chúng tôi với ngài, biết nhau từ nhỏ. Ngài khổ chúng tôi khổ, ngài vui chúng tôi vui, nay vua đã già yếu, chẳng còn sống bao lâu, vậy thái tử muốn lên nối ngôi vua không khó. Giả sử ngài lên ngôi, xin ngài hãy phong đất cho chúng tôi.

Rồi sáu đại thần Sát-ly liền đến tỏ với thái tử. Thái tử trả lời: Giả sử ta lên ngôi, chia đất phong quốc, ta còn phong cho ai khác hơn? Không bao lâu, vua băng hà. Đại thần trong nước đến bái yết thái tử, tôn lên kế vị. Lên ngôi xong, tôn vương thăm nghĩ: Nay lập chức Tể tướng nên chuẩn theo Tiên vương. Nhưng người nào xứng đáng để cử chức đó? Hẳn phải là Đại Diễm Tôn mới được. Vua Từ Bi liền triệu Đại Diễm Tôn đến bảo: Nay ta cử người lên chức vị Tể tướng và trao ấn tín cho. Người hãy chuyên cần tổng lý quốc sự. Đại Diễm Tôn vâng lệnh, lãnh ấn.

Mỗi khi vua lui vào cung, thì bao nhiêu quốc sự đều phó thác cả cho Đại Diễm Tôn. Đại Diễm Tôn thăm nghĩ: Ta nay nên đến sáu vị Sát-ly để hỏi thử xem họ có nhớ lời trước kia không. Bèn đi đến

nói với sáu đại thần Sát-ly: Các ngài có nhớ lời đã nói khi trước không? Nay thái tử đã lên ngôi vua, ở kín trong thâm cung, vui thú ngũ dục. Các ngài nay nên đến tâu hỏi vua: Vua ở ngôi trời, vui thú ngũ dục, vậy còn có nhớ lời nói trước kia chăng?

Sáu vị Sát-ly nghe lời ấy xong liền đến chỗ vua, tâu: Vua ở ngôi trời, vui thú ngũ dục, vậy còn có nhớ lời nói trước kia chăng? Rằng: Cắt đất phong ấp, ai xứng đáng ở đó? Vua đáp: Không quên! Xưa ta có nói, chia đất phong ấp, phi các khanh còn ai được.

Tiếp đó vua thầm nghĩ: Cõi đất Diêm-phù-đề này trong rộng ngoài hẹp. Người nào có khả năng phân nó làm bảy phần? Rồi lại nghĩ: Hẳn phải là Đại Đế Tôn mới làm được việc này. Vua liền triệu Đại Đế Tôn đến nói rằng: Người hãy chia cõi đất Diêm-phù-đề này ra làm bảy phần. Khi được lệnh, Đại Đế Tôn liền phân bảy phần. Thành, thôn ấp, quận quốc do vua cai trị thay làm một phần. Sáu nước Sát-ly đại thần là được chia cho mỗi bộ phận. Vua lấy làm hài lòng nói: Nguyện vọng của ta đã thỏa. Sáu đại thần Sát-ly cũng sung sướng cho nguyện vọng mình đã thỏa. Công việc này thành được là nhờ Đại Đế Tôn vậy.

Sáu vua dòng Sát-ly lại tự nghĩ: Nước ta mới lập, phải cần có vị phụ tướng. Nhưng biết ai có thể đảm đương được? Nếu có ai như Đại Đế Tôn, ta sẽ khiến kiêm thông lãnh quốc sự.

Sáu vua Sát-ly đều mời Đại Đế Tôn đến bảo: Nước ta cần phụ tướng. Khanh hãy vì ta kiêm thông, lãnh quốc sự. Cả sáu nước đều trao tướng ấn cho Đại Đế Tôn. Đại Đế Tôn nhận tướng ấn xong, sáu vua lui vào hậu cung hưởng thụ dục lạc. Đại Đế Tôn được giao luôn quốc sự và xử lý luôn công việc cả bảy nước; thay đều thành tựu cả.

Đồng thời trong nước có bảy đại cư sĩ, Đại Đế Tôn cũng xử lý luôn việc nhà giúp họ. Ông lại có thể dạy bảo cho bảy người Phạm chí đọc tụng kinh điển.

Bảy quốc vương kính xem ông như thần minh. Bảy đại cư sĩ kính xem ông như Đại vương. Còn bảy Phạm chí kính xem ông như Phạm thiên. Họ đều thầm nghĩ rằng: Tể tướng Đại Đế Tôn thường gặp gỡ Phạm thiên, chuyện trò đi đứng thân thiện với Phạm thiên. Đại Đế Tôn thầm biết ý tưởng bảy vua, cư sĩ và Phạm chí, rằng: Ta thường gặp gỡ Phạm thiên, chuyện trò đi đứng thân thiện với Phạm thiên. Nhưng ta thật chưa từng thấy Phạm thiên, chưa từng nói chuyện với Phạm thiên. Ta không thể

làm thình để vọng nhận tiếng khen đó. Ta cũng từng nghe các vị kỳ túc nói: Ai trong bốn tháng mùa hạ ở nơi nhàn tĩnh tu tập Bốn vô lượng tâm thời trời Phạm thiên sẽ xuống gặp. Nay ta nên tu Bốn vô lượng tâm để được Phạm thiên xuống gặp chăng?

Rồi thì, Đại Đế Tôn tìm đến bảy quốc vương nói rằng: Tâu Đại vương, mong Đại vương hãy trông nom quốc sự. Tôi muốn vào bốn tháng mùa hạ tu Bốn vô lượng tâm. Bảy vua nói: Khanh tự biết thời.

Đại Đế Tôn lại đến nói với bảy cư sĩ: Các ông hãy tự lo công việc của mình. Ta muốn vào bốn tháng mùa hạ, tu Bốn vô lượng tâm. Các cư sĩ đáp: Vâng. Ngài tự biết thời.

Lại nói với bảy trăm Phạm chí: Các Khanh hãy siêng năng đọc tụng và chỉ bảo lẫn nhau. Ta muốn vào bốn tháng mùa hạ, tu Bốn vô lượng tâm. Các Phạm chí đáp: Vâng. Đại sư tự biết thời.

Rồi Đại Đế Tôn ở phía Đông thành ấy dựng một am thất, vào bốn tháng mùa hạ, nghỉ ở đó mà tu Bốn vô lượng tâm. Nhưng Phạm thiên vẫn không hiện xuống. Đại Đế Tôn thầm nghĩ: Ta nghe các bậc túc cựu nói, tu Bốn vô lượng tâm trong bốn tháng hạ thì sẽ có Phạm thiên hiện xuống, nhưng nay sao lặng lẽ không thấy dấu tích gì.

Đến ngày rằm trăng tròn, Đại Đế Tôn ra khỏi tịnh thất, đến chỗ đất trống, ngồi, chưa bao lâu bỗng có ánh sáng lạ hiện tới. Đại Đế Tôn tự nghĩ: Nay ánh sáng lạ đó là điềm Phạm thiên hiện xuống chăng?

Ngay khi ấy Phạm thiên hóa làm một đồng tử đầu có năm chòm, ngồi giữa không, bên trên chỗ Đại Đế Tôn. Đại Đế Tôn sau khi thấy bèn nói bài tụng rằng:

***Đây là thiên tượng gì,
Ở ngay giữa hư không,
Sáng chói cả bốn phương,
Như đồng củi cháy hực?
Phạm đồng tử đáp lại bằng bài kệ:
Duy chư Thiên cỡi Phạm
Biết ta Phạm đồng tử.
Những người khác bảo ta***

Thờ tự bởi thần Lửa.

Đại Diện Tôn đáp bằng bài kệ:

Nay tôi sẽ thưa hỏi;

Vâng dạ, rất thành kính.

Dọn các thứ thượng vị,

Nguyện Trời biết lòng tôi.

Phạm đồng tử lại nói kệ:

Nay dọn cúng dường này,

Đại Diện Tôn, người tu gì?

Muốn gì, chí cầu gì?

Ta sẽ trao cho người.

Lại bảo Đại Diện Tôn:

Người muốn hỏi gì tùy ý hỏi. Ta sẽ nói cho.

Đại Diện Tôn thầm nghĩ: Ta nên hỏi việc hiện tại chăng? Hay việc vị lai? Rồi lại tự nghĩ: Việc hiện tại đời này cần gì nữa hỏi. Ta hãy hỏi việc u minh chưa tỏ. Liên hướng đến Phạm đồng tử nói bài kệ:

Tôi xin hỏi Phạm đồng,

Nhờ giải quyết mối nghi;

Học và trụ pháp gì,

Được sanh lên Phạm thiên?

Phạm đồng tử đáp:

Dứt ý tưởng ta, người;

Độc cư, tu Từ tâm;

Trừ dục, không xú uế,

Được sanh lên Phạm thiên.

Đại Diện Tôn nghe xong bài kệ, liền suy nghĩ: Phạm đồng tử thuyết kệ là nên trừ xú uế. Ta không hiểu điều này. Vậy cần hỏi thêm nữa. Bèn nói kệ:

Phạm kệ nói xú uế,

Xin giải rõ tôi hay,

***Ai mở cửa thế gian,
Đọa ác, không sanh thiên?
Phạm đồng tử đáp bằng bài kệ:
Dối trá và tật đố,
Ngã mạn, tăng thượng mạn
Tham dục, sân nhuế, si
Mặc tình chứa đầy tâm,
Là thế gian xú uế;
Ta nói cho người rõ.
Nó mở cửa thế gian;
Đọa ác, không sanh thiên.***

Nghe xong, Đại Diễn Tôn thâm nghĩ: Theo lời của Đồng tử, bây giờ ta đã hiểu nghĩa chữ xú uế. Nhưng tại gia thì không thể dứt trừ được. Tốt hơn ta có nên bỏ đời, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, tu đạo chăng? Khi ấy Phạm đồng tử biết được ý nghĩ của ông, bèn nói bài kệ:

***Nếu người hay dũng mãnh,
Chí đó thật tuyệt vời;
Là hành vi bậc trí;
Chết tất sanh Phạm thiên.***

Thế rồi Phạm đồng tử bỗng nhiên biến mất.

Bây giờ, Đại Diễn Tôn trở về, đi đến bầy vua, tâu rằng: Tâu Đại vương, mong ngài đem sức thần mà xử lý quốc sự. Nay tôi có ý xuất gia, bỏ đời, mặc pháp phục tu đạo. Vì sao vậy? Tôi thân nghe từ Phạm thiên nói đến sự xú uế mà lòng rất ghét. Nếu tại gia thì không sao loại trừ được nó. Bầy quốc vương thâm nghĩ: Bọn Bà-la-môn thường hay tham tài bảo, có lẽ ta nên mở rộng kho tàng cho ông ta cần dùng gì tùy ý, để đừng xuất gia. Rồi vời Đại Diễn Tôn đến bảo: Người muốn cần dùng gì ta đều cấp cả, không cần xuất gia. Đại Diễn Tôn tâu đáp: Tôi đã được vua ân tứ rồi. Tôi cũng có nhiều tài bảo. Nay xin để lại hết dâng Đại vương. Xin cho tôi được thỏa chí nguyện xuất gia thôi.

Bầy quốc vương lại thâm nghĩ: Những người Bà-la-môn thường ham mỹ sắc, có lẽ ta đem thể nữ trong cung cấp cho vừa

ý, để khỏi xuất gia. Rồi nói với Đại Diện Tôn: Nếu cần thể nữ ta cấp hết cho người. Không cần xuất gia nữa. Đại Diện Tôn đáp: Nay tôi đã được vua ân tứ rồi. Nhưng trong nhà tôi thể nữ có nhiều nay cho về hết. Tôi chỉ mong là ân ái để xuất gia hành đạo vì tôi thân nghe Phạm đồng tử nói điều xú uế mà lòng nhàm ghét. Nếu tại gia thì không sao trừ được.

Rồi Đại Diện Tôn nói bài kệ cho vua Từ Bi nghe:

Vua hãy nghe tôi nói

Vua là bậc nhân tôn,

Cho tài bảo, thể nữ

Thứ ấy phi sở thích.

Vua Từ Bi đáp bằng bài kệ:

Thành Đàn-đặc, Già-lăng.

Thành A-bà, Bồ-hòa.

Thành A-bàn, Đại-thiên.

Thành Ương-già, Chiêm-bà.

Số-di, Tát-la thành

Tây-đà, Lộ-lâu thành

Thành Bà-la, Già-thì.

Thảy do Diện Tôn dựng.

Có bao nhiêu ngũ dục,

Ta sẽ cùng cho người;

Hãy cùng trông việc nước

Chớ bỏ mà xuất gia.

Diện Tôn trả lời bằng bài kệ:

Ngũ dục, tôi không thiếu.

Chỉ không ham thế gian.

Sau khi nghe trời nói,

Không còn muốn tại gia.

Vua Từ Bi đáp lại bằng bài kệ:

Lời Đại Diện Tôn nói,

*Được nghe từ Trời nào,
Mà dứt bỏ ngũ dục?
Nay hỏi, mong trả lời.
Đại Diễn Tôn nói kệ:
Xưa tôi ở chỗ vắng,
Một mình, tự suy tư.
Rồi Phạm thiên vương đến,
Tỏa hào quang rực sáng.
Tôi nghe được từ Ngài;
Không còn ham thế gian.*

*Vua Từ Bi nói kệ:
Hãy chờ, Đại Diễn Tôn!
Để cùng hoằng thiện pháp;
Rồi sau cùng xuất gia.
Khánh là thầy của ta.
Ví như trong hư không,
Thanh tịnh, đầy lưu ly;
Nay ta tín thanh tịnh,
Đầy khắp trong Phật pháp.*

*Rồi Đại Diễn Tôn lại làm bài tụng:
Chư Thiên và người đời,
Đều nên xả ngũ dục;
Chùi sạch các ô uế,
Mà tịnh tu phạm hạnh.*

Bấy giờ bảy vị quốc vương nói với Đại Diễn Tôn:

Người nên hoãn lại bảy năm để cùng nhau vui thú ngũ dục. Sau đó chúng ta cùng bỏ nước, giao lại cho con em, cùng xuất gia. Há không hay hơn sao? Những gì người sở đắc, chúng ta cũng đồng.

Đại Diễn Tôn đáp: “Thế gian vô thường, mạng người mau chóng, chỉ trong hơi thở còn khó bảo toàn. Nay hoãn đến bảy

năm chẳng quá lâu lắm sao?" Bầy vua nói: "Bầy năm lâu thì sáu, năm... hoặc một năm cũng được. Chúng ta lưu lại trong tỉnh cung để cùng chung vui hưởng ngũ dục tuyệt thế. Sau đó chúng ta cùng bỏ nước, giao lại cho con em, cùng xuất gia. Há không hay hơn sao? Những gì người sở đắc, chúng ta cũng đồng.

Đại Diễn Tôn vẫn đáp: "Thế gian vô thường, mạng người mau chóng, chỉ trong hơi thở còn khó bảo toàn. Nên đâu cho một năm vẫn còn lâu; thậm chí bảy tháng, hay một tháng cũng không thể được". Bầy vua nói tiếp: "Thôi hoãn bảy ngày". Đại Diễn Tôn đáp: "Bảy ngày không lâu, có thể hoãn được. Xin Đại vương chớ sai lời. Quá bảy ngày nếu vua không xuất gia thì tôi xuất gia một mình".

Rồi Đại Diễn Tôn lại đến bảy cư sĩ, bảo họ: Mỗi người hãy tự lo lấy công việc của mình. Tôi muốn xuất gia, tu đạo vô vi. Vì sao vậy? Ta thân nghe từ Phạm thiên, nói đến sự xú uế mà lòng rất ghét. Nếu tại gia thì không sao dứt trừ được."

Bảy cư sĩ đáp Đại Diễn Tôn: "Lành thay, chí hướng ấy. Hãy làm những gì thích hợp. Chúng tôi cũng muốn cùng xuất gia theo. Những gì ông sở đắc, chúng tôi cũng nên đồng."

Đại Diễn Tôn lại đến nói với bảy trăm Phạm chí:

Các người hãy siêng năng phúng tụng, tìm rộng đạo nghĩa, rồi dạy bảo lẫn nhau. Ta muốn xuất gia tu đạo vô vi. Vì sao? Ta thân nghe từ Phạm thiên nói đến sự xú uế mà lòng rất ghét. Nếu tại gia thì không thể dứt trừ được."

Bấy giờ bảy trăm Phạm chí nói với Đại Diễn Tôn:

-Đại sư, chớ xuất gia. Sống gia đình thì an vui, hưởng thụ ngũ dục, có nhiều người hầu hạ, tâm không ưu khổ. Người xuất gia sống một mình ở chỗ hoang vắng; muốn gì đều không có, chẳng ham lấy được gì."

Đại Diễn Tôn đáp: "Nếu ta cho tại gia là vui, xuất gia là khổ, hẳn ta không xuất gia. Nhưng ta đã cho tại gia là khổ, xuất gia là vui, nên ta xuất gia".

Các Phạm chí nói: "Đại sư xuất gia, chúng tôi cũng xuất gia. Đại sư làm gì, chúng tôi làm theo cả".

Đại Diễn Tôn lại đến nói với các bà vợ: "Nay các người được tùy nghi. Ai muốn ở thì ở. Ai muốn về thì về. Nay ta muốn xuất

gia cầu đạo vô vi.” Rồi kể hết sự việc như trên và nói rõ ý muốn xuất gia. Các phu nhân đáp: “Đại Đế Tôn nếu còn ở nhà, thì vừa là chồng cũng vừa như cha chúng tôi. Nay nếu xuất gia, chúng tôi sẽ xin đi theo. Việc gì Đại Đế Tôn làm, chúng tôi cũng sẽ làm”.

Sau bảy ngày, Đại Đế Tôn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, bỏ nhà mà đi. Đồng thời, bảy quốc vương, bảy cư sĩ, bảy trăm Phạm chí, bốn mươi phu nhân, cũng lần lượt xuất gia. Lần hồi lên tới tám vạn bốn ngàn người, đồng thời theo Đại Đế Tôn xuất gia. Đại Đế Tôn thường cùng đại chúng dạo qua các nước, hóa độ rộng rãi, đem lại ích lợi cho nhiều người.

Bấy giờ Phạm vương bảo với Thiên chúng: “Các người chớ nghĩ đại thần Đế Tôn lúc đó là ai đâu khác. Chính là tiền thân của Đức Phật Thích-ca hiện nay vậy. Thế Tôn vào lúc ấy, sau bảy ngày, xuất gia tu đạo, dẫn các đại chúng du hành các nước, hóa độ rộng rãi, làm lợi ích cho nhiều người. Nếu có nghi lời ta nói, các người hãy đến Đức Thế Tôn hiện ngự tại núi Kỳ-xà-quật để hỏi. Như những gì Phật dạy, hãy gắng nhớ lấy”.

Nhạc thần Ban-giá-dục bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Vì duyên cố đó nên hôm nay con đến đây. Bạch Thế Tôn, Đại Đế Tôn kia chính là Thế Tôn đó phải không? Thế Tôn qua bảy ngày thì xuất gia tu đạo; cùng với bảy quốc vương, cho đến tám vạn bốn ngàn người đồng thời xuất gia, cùng chúng du hành các nước, giáo hóa rộng rãi, làm lợi ích cho nhiều người phải không?”

Phật đáp Ban-giá-dục:

“Đại Đế Tôn lúc đó là ai khác chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Chính là thân Ta đó. Lúc bấy giờ, gái trai cả nước mỗi khi đi lại, cử động, có điều gì nguy khốn, họ liền cất tiếng niệm: Nam mô Đại Đế Tôn, vị Tể tướng của bảy vua. Nam mô Đại Đế Tôn, vị Tể tướng của bảy vua. Niệm đến ba lần như vậy.

“Này Ban-giá-dục! Đại Đế Tôn lúc đó tuy có oai đức lớn, nhưng không thể vì đệ tử giảng nói đạo cứu cánh, không thể khiến đệ tử được cứu cánh phạm hạnh, không thể khiến đến được chỗ cứu cánh an lạc. Pháp của Đại Đế Tôn nói ra, nếu đệ tử nào thực hành thì khi thân hoại mệnh chung chỉ được sanh lên cõi Phạm thiên. Người nào thực hành cạn hơn thì sanh lên cõi trời

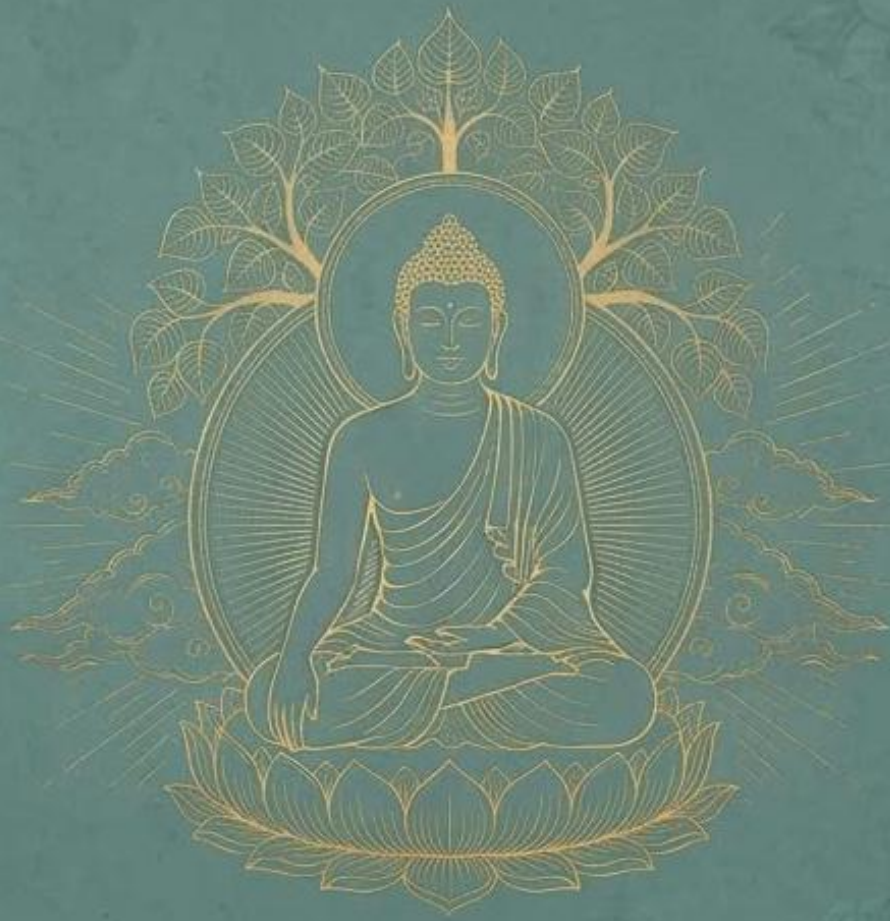
Tha hóa tự tại. Thứ nữa sanh Hóa tự tại, Đâu-suất-đà, Diệm-ma, Đao-lợi, Tứ thiên vương, hoặc Sát-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ tại gia. Muốn gì cũng được vừa ý.

“Này Ban-giá-dục! Đệ tử của Đại Đế Tôn đều là kẻ xuất gia không phải ngu si. Có quả báo, có giáo giới, nhưng chưa phải là đạo cứu cánh, chẳng khiến đệ tử chứng được cứu cánh phạm hạnh, chẳng đưa đệ tử đến chỗ an ổn hoàn toàn. Chỗ cao tột của đạo kia chỉ đến cõi Phạm thiên là cùng. Còn nay giáo pháp của ta dạy cho đệ tử có thể khiến họ chóng được đạo cứu cánh, được cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cuối cùng thì vào Niết-bàn. Pháp của ta nói, nếu đệ tử nào thực hành thì xả bỏ hữu lậu mà thành vô lậu, ngay trong đời này mà tự mình chứng ngộ tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Người nào thực hành cặn hơn thì đoạn được năm kết sử hạ giới và có thể nhập Niết-bàn tại thiên giới, chứ không trở lại cõi này. Thứ nữa thì đoạn ba kiết sử, dâm, nộ, si mỏng, chỉ phải một lần sanh vào cõi này nữa là sẽ nhập Niết-bàn. Và thứ nữa thì đoạn được ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào ác đạo, nhiều lắm là bảy lần sanh đến cõi này nữa là chắc chắn được Niết-bàn.

“Này Ban-giá-dục! Các đệ tử Ta xuất gia không phải ngu si, có quả báo, có giáo giới, được cứu cánh đạo pháp, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cuối cùng vào Niết-bàn.”

Ban-giá-dục nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM



KINH XÀ NI SA

HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch

TRƯỜNG A HÀM

KINH XÀ NI SA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hành Na-đê, trú xứ Kiên-chùy, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ngồi ở tịnh thất, thâm nghĩ: “Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Như Lai ký biệt cho nhiều người, làm lợi ích cho nhiều người. Thứ nhất, đại thần Già-già-la mạng chung, Như Lai ghi nhận rằng, người này mạng chung, đoạn trừ năm hạ phần kết, được sanh lên trời mà diệt độ ở đó, không trở lại đời này.”

“Thứ hai, Ca-lăng-già; thứ ba, Tỳ-già-đà; thứ tư, Già-lỵ-du; thứ năm, Giá-lâu; thứ sáu, Bà-da-lâu; thứ bảy, Bà-đâu-lâu; thứ tám, Tẩu-bà-đâu; thứ chín, Tha-lê-xá-nậu; thứ mười, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu; thứ mười một, Da-du; thứ mười hai, Da-du-đa-lâu. Các đại thần này mạng chung, họ cũng được ghi nhận, đoạn trừ năm hạ phần kết, liền sinh lên trời mà diệt độ ở đó, không phải sinh ở đây.

“Lại có năm mươi người khác nữa mạng chung, Phật cũng đều ký biệt cho, đoạn trừ ba kết, dâm, nộ, si mỏng, chứng đắc Tư-đà-hàm, một lần tái sinh đời này rồi tận diệt biên tế của khổ.

“Lại có năm trăm người nữa mạng chung, Phật cũng ghi nhận, ba kết đã diệt tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa ác thú, tôi đa bảy lần tái sinh, chắc chắn sẽ diệt tận biên tế của khổ.

“Có đệ tử của Phật mệnh chung ở nơi này nơi kia, Phật đều ký biệt cho, người này sanh ở chỗ này, người kia sanh ở chỗ kia.

“Nước Ương-già, nước Ma-kiệt, nước Ca-thì, nước Cư-tát-la, nước Bạt-kỳ, nước Mạt-la, nước Chi-đê, nước Bạt-sa, nước Cư-lâu, nước Ban-xà-la, nước Phả-thấp-ba, nước A-bàn-đê, nước Bà-ta, nước Tô-la-bà, nước Càn-đa-la, nước Kiêm-phù-sa. Ở mười sáu nước này có người mạng chung Phật đều ký biệt.

“Người nước Ma-kiệt đều là người dòng họ vua, được vua thân yêu. Có người mạng chung Phật không ký biệt.”

Rồi thì A-nan rời tịnh thất đi đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ Thế Tôn, rồi ngồi sang một bên và bạch Phật rằng:

“Vừa rồi ở tịnh thất con thầm nghĩ rằng: Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Phật ký biệt cho nhiều người, làm lợi ích cho nhiều người. Trong mười sáu nước lớn có người mạng chung Phật đều ký biệt cho. Duy người nước Ma-kiệt được vua thân yêu; có người mạng chung, độc nhất không được ký biệt. Cúi mong Thế Tôn hãy ký biệt cho người đó! Cúi mong Thế Tôn hãy ký biệt cho người đó. Vì lợi ích cho tất cả; vì sự an lạc của chư Thiên và loài người.

“Lại nữa, Phật đắc đạo ở nước Ma-kiệt. Nhưng riêng người nước ấy khi mạng chung không được ký biệt. Cúi mong Thế Tôn hãy ký biệt cho người ấy! Cúi mong Thế Tôn hãy ký biệt cho người ấy”.”

“Lại nữa, vua Bình-sa , vua nước Ma-kiệt, là Ưu-bà-tắc thành tín đối với Phật, đã nhiều lần thiết lễ cúng dường, rồi sau đó mạng chung. Do vua ấy mà có nhiều người tin hiểu cúng dường Tam bảo. Nhưng nay Như Lai không thọ ký cho. Cúi mong Thế Tôn hãy thọ ký cho người ấy vì ích lợi cho chúng sanh khiến cho trời và người đều an lạc.”

Bấy giờ, A-nan sau khi vì người Ma-kiệt thỉnh cầu Thế Tôn, bèn rời khỏi chỗ ngồi lễ Phật rồi lui ra.

Bấy giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Na-già. Sau khi khát thực, Ngài đi đến rừng lớn, ngồi dưới một gốc cây, tư duy về chỗ mà người Ma-kiệt tái sinh sau khi mạng chung.

Lúc ấy cách Phật không xa có một quỷ thần tự xưng tên mình, bạch Thế Tôn rằng:

“Con là Xà-ni-sa. Con là Xà-ni-sa” .”

Phật nói:

“Người do việc gì mà xưng tên mình là Xà-ni-sa? Người nhân bởi pháp gì mà bằng những lời vi diệu, tự xưng là đã thấy đạo tích? ””

Xà-ni-sa nói:

“Không phải ở đâu khác mà con vốn là vua ở loài người, là Ưu-bà-tắc ở trong pháp của Như Lai nhất tâm niệm Phật và mệnh chung, do đó được sanh làm thái tử của Tỳ-sa-môn Thiên vương. Từ đó đến nay con thường soi sáng các pháp, chứng đắc Tu-đà-hoàn không còn đọa ác đạo, ở trong bảy đời tái sinh, đều có tên là Xà-ni-sa.”

Thế Tôn sau khi tùy nghi nghỉ ở đại lâm lại đi đến trú xứ Kiền-chùy ở Na-đà, ngồi lên chỗ dọn sẵn rồi nói với một Tỳ-kheo: "Người theo lời ta đi kêu A-nan đến đây!". Tỳ-kheo đáp: "Kính vâng". Rồi vâng lời Phật dạy đi gọi A-nan. Lát sau A-nan đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên và bạch Phật rằng:

"Nay con xem Như Lai, nhan sắc hơn hẳn bình thường, các căn tịch định. Thế Tôn đang an trú tư duy gì mà nhan sắc như vậy?"

Phật bảo A-nan:

"Người vừa rồi vì người nước Ma-kiệt đến chỗ ta thỉnh cầu ký biệt, sau đó lui đi. Lát sau ta khoác y ôm bát vào thành Na-la khất thực. Sau khi khất thực, ta đi đến đại lâm kia ngồi dưới một gốc cây, tư duy về chỗ mà người Ma-kiệt tái sinh. Lúc đó cách ta không xa có một quỷ thần tự xưng tên và bạch ta rằng: Con là Xà-ni-sa. A-nan, người đã từng nghe tên Xà-ni-sa kia chưa?"

A-nan bạch Phật:

"Con chưa từng nghe. Nay nghe tên ấy, con cảm thấy sợ hãi, lông tóc dựng ngược. Thế Tôn, vì quỷ thần ấy ắt có oai đức lớn nên mới có tên Xà-ni-sa" ."

Phật nói:

"Ta hỏi vị ấy trước rằng: Người nhân pháp gì mà bằng lời nói vì diệu tự xưng là đã thấy đạo tích? Xà-ni-sa nói: Con không phải ở nơi khác; không phải tại pháp khác. Xưa con là vua của loài người, là đệ tử của Thế Tôn, với tín tâm chí thành con là một Ưu-bà-tắc nhất tâm niệm Phật, sau đó mạng chung làm con trai của Tỳ-sa-môn thiên vương, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác thú, tối đa bảy lần tái sinh rồi diệt biên tế của khổ, ở trong bảy đời tái sinh có tên thường là Xà-ni-sa. Một thời Thế Tôn ở tại đại lâm ngồi dưới một gốc cây. Khi ấy con cưỡi cỗ xe báu có ngàn cưỡi. Do có nhân duyên nhỏ, muốn đến Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, từ xa con thấy Thế Tôn ngồi ở dưới một gốc cây, nhan mạo đoan chánh, các căn tịch định, ví như ao sâu trong veo, tĩnh lặng, trong sáng. Sau khi thấy, con tự nghĩ: Ta nên đến hỏi thăm Thế Tôn rằng người nước Ma-kiệt có người mạng chung sẽ tái sinh ở chỗ nào".

“Lại nữa, một thời Tỳ-sa-môn Thiên vương tự mình ở trong đại chúng mà nói kệ rằng:

***Chúng ta không tự nhớ,
Việc trải qua quá khứ
Nay may gặp Thế Tôn
Thọ mạng được tăng thêm.***

“Lại nữa, một thời chư Thiên Đao-lợi do chút nhân duyên, tập hợp tại một chỗ. Khi ấy Tứ thiên vương mỗi người ngồi đúng trên chỗ ngồi của mình. Đề-đâu-lại-tra ngồi ở phương Đông xây mặt phía Tây; Đế Thích ở phía trước. Tỳ-lâu-lặc Thiên vương ngồi ở phía Nam xây mặt hướng Bắc, Đế Thích phía trước. Tỳ-lâu-bát-xoa thiên vương ngồi phía Tây xây mặt hướng Đông; Đế Thích ở phía trước. Tỳ-sa-môn Thiên vương ngồi ở phía Bắc, xây mặt hướng Nam; Đế Thích ở phía trước”.

“Sau khi Tứ thiên vương ngồi xong con mới ngồi. Lại còn có các Đại Thiên thần khác đã từng theo Phật tịnh tu phạm hạnh, chết ở đây mà sanh lên trời Đao-lợi, làm tăng thêm chư Thiên, hưởng thọ năm phước báo nhà trời:

- “1. Tuổi thọ trời.**
- “2. Nhan sắc trời.**
- “3. Danh tiếng trời.**
- “4. Âm nhạc trời.**
- “5. Oai đức trời.**

“Khi ấy chư Thiên Đao-lợi vui mừng phấn khởi nói: Tăng thêm chúng chư Thiên, giảm thiểu chúng A-tu-la”.

“Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân, biết chư Thiên Đao-lợi có tâm hoan hỷ, liền nói kệ rằng:

***Chúng chư Thiên Đao-lợi,
Cùng Đế Thích hoan lạc,
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.
Chư Thiên thọ phước báo,
Thọ, sắc, danh, nhạc, uy.***

**Theo Phật tu phạm hạnh,
Nên sanh vào nơi đây.
Lại có các thiên nhân,
Ánh màu sáng chói lợi.
Đệ tử trí tuệ Phật,
Sanh đây càng trời vượt.
Đao-lợi và Nhân-đề,
Nghĩ thế mà sung sướng.
Cung kính lễ Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.**

“Thần Xà-ni-sa lại nói: Sở dĩ chư Thiên Đao-lợi tập hợp ở Pháp đường ấy là để cùng thương nghị, tư duy, quan sát, thương lượng, giáo lệnh được ban hành, rồi sau đó trao cho Tứ thiên vương. Tứ thiên vương sau khi nhận giáo lệnh mỗi người tự ngồi vào vị trí của mình. Họ ngồi chưa bao lâu, có ánh sáng dị thường to lớn chiếu khắp cả bốn phương, khi chư Thiên Đao-lợi thấy ánh sáng dị thường này thảy đều hết sức kinh ngạc: Nay ánh sáng dị thường này chắc có sự quái lạ gì chăng? Các Thiên thần lớn có oai đức khác cũng đều kinh ngạc: Nay ánh sáng dị thường này chắc có sự quái lạ gì chăng? Rồi thì Đại phạm vương bèn hóa làm đồng tử, đầu có năm chòm đứng trong hư không bên trên Thiên chúng, nhan sắc đoan chánh siêu tuyệt mọi người, thân màu vàng tía che mờ ánh sáng chư Thiên. Khi ấy, chư Thiên Đao-lợi không đứng dậy nghinh đón cũng không cung kính lại cũng không mời ngồi. Lúc bấy giờ, Phạm đồng tử ngồi qua chỗ ngồi của vị trời nào thì vị ấy hoan hỷ. Ví như vua Quán đảnh dòng Sát-ly khi làm lễ đăng quang thì hoan hỷ phần khởi. Đồng tử ngồi chưa lâu, lại tự mình biến thân làm hình tượng Đồng tử đầu có năm chòm ngồi trên hư không, bên trên đại chúng. Ví như lực sĩ ngồi trên chỗ ngồi vững vàng, vọi vọi bất động và làm bài tụng rằng:

**Đấng Chí Tôn, điều phục,
Dạy đời sinh chỗ sáng,
Sáng bừng, diễn pháp sáng,
Chứng phạm hạnh tuyệt luân,**

***Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Sinh lên trời Tịnh diệu.***

“Phạm đồng tử sau khi nói bài kệ này, bảo chư Thiên Đao-lợi rằng: Những âm thanh nào có năm thứ thanh tịnh thì được gọi là Phạm thanh. Những gì là năm? Một là, âm ấy chánh trực. Hai là âm ấy hòa nhã. Ba là, âm ấy trong suốt. Bốn là, âm ấy đầy sâu. Năm là, nghe xa khắp nơi. Đủ năm âm ấy mới được gọi là Phạm âm. Nay ta lại nói, vậy các người hãy lắng nghe. Đệ tử của Như Lai, Ưu-bà-tắc Ma-kiệt, mạng chung có người chứng đắc A-na-hàm, có người chứng đắc Tư-đà-hàm, có người chứng đắc Tu-đà-hoàn, có người sinh lên trời Tha hóa tự tại, có người sinh lên trời Hóa tự tại, trời Đâu-suất, trời Diệm, trời Đao-lợi, Tứ thiên vương. Có người sinh vào gia đình lớn của Sát-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ, ngũ dục tự nhiên.

“Rồi Phạm đồng tử đọc bài kệ:

***Ưu-bà-tắc Ma-kiệt,
Có những ai mạng chung;
Tám vạn bốn ngàn người,
Ta nghe đều đắc đạo:
Thành tựu Tu-đà-hoàn,
Không còn đọa ác thú,
Đều đi đường bình chánh,
Đắc đạo, hay cứu tế
Những đám quần sanh này,
Phò trì bởi công đức,
Trí tuệ xả ân ái,
Tàm quý lìa dôi trá.
Đại chúng chư Thiên kia,
Phạm đồng ghi nhận thế,
Rằng đắc Tu-đà-hoàn,
Chư Thiên đều hoan hỷ.***

“Tỳ-sa-môn Thiên vương sau khi nghe bài kệ này thì hoan hỷ và nói: Thế Tôn ra đời nói pháp chân thật, kỳ diệu thay, hy hữu

thay, chưa từng có vậy. Ta vốn không biết Như Lai ra đời nói pháp như vậy. Trong đời vị lai lại sẽ có Phật nói pháp như vậy có thể khiến chư Thiên Đao-lợi sanh tâm hoan hỷ.

“Bấy giờ Phạm đông tử nói với Tỳ-s Sa-môn Thiên vương: Vì sao người nói lời này: Như Lai ra đời nói pháp như vậy, kỳ diệu thay, hy hữu thay, chưa từng có vậy? Như Lai bằng năng lực phương tiện nói thiện và bất thiện, nói pháp một cách đầy đủ, nhưng là vô sở đắc. Nói pháp không tịch, nhưng là hữu sở đắc. Pháp ấy vi diệu như đề hồ.

“Rồi Phạm đông tử nói với chư Thiên Đao-lợi rằng: Các người hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ ta sẽ nói cho các người nghe. Như Lai, Chí Chân khéo léo phân biệt nói Bốn niệm xứ. Những gì là bốn?

- Quán nội thân trên thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.**
- Quán ngoại thân trên thân, tinh cần không biếng nhác chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.**
- Quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.**
- Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Tinh cần không biếng nhác, chuyên niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.**

Sau khi quán nội thân, phát sinh trí về thân khác. Sau khi quán thọ bên trong, phát sinh trí về thọ khác. Sau khi quán ý ở bên trong phát sinh trí về ý khác. Sau khi quán pháp ở bên trong, phát sinh trí về pháp khác. Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt thuyết Bốn niệm xứ.

“Lại nữa chư Thiên, các người hãy lắng nghe, ta sẽ nói thêm nữa. Như Lai khéo léo phân biệt nói Bảy định cụ. Những gì là bảy? Chánh kiến, Chánh trí, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm. Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt nói Bảy định cụ.

“Lại nữa, chư Thiên, Như Lai khéo léo phân biệt nói Bốn thần túc. Những gì là bốn?

- “1. Dục định diệt hành thành tựu tu tập thần túc.**
- “2. Tinh tấn định diệt hành thành tựu tu tập thần túc.**
- “3. Ý định diệt hành thành tựu tu tập thần túc.**

“4. Tư duy định diệt hành thành tựu tu tập thần túc.

“Ấy là Như Lai khéo léo phân biệt giảng thuyết Bốn thần túc.”

“Lại bảo chư Thiên: Quá khứ các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, hiện vô lượng thần túc, đều khởi lên từ Bốn thần túc này. Giả sử tương lai các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện hiện vô lượng thần túc cũng từ do Bốn thần túc này mà khởi lên. Hiện tại các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện hiện vô lượng thần túc cũng từ do Bốn thần túc này mà khởi lên.

“Rồi Phạm đồng tử bèn tự biến hóa hình thành ba mươi ba thân cùng với ba mươi ba vị Thiên thần từng cặp cùng ngồi và bảo rằng: Người nay có thấy năng lực thần biến của ta không? Đáp: Thưa vâng đã thấy. Phạm đồng tử nói: Ta cũng do tu bốn thần túc cho nên có thể biến hóa vô số như thế. Rồi ba mươi ba vị thiên mỗi người riêng nghĩ: Nay Phạm đồng tử ngồi riêng với ta mà nói lời nói như vậy. Nhưng khi một hóa thân của Phạm đồng tử kia nói thì các hóa thân khác cũng nói; một hóa thân im lặng các hóa thân khác cũng im lặng.

“Bấy giờ, Phạm đồng tử ấy thu lại thần túc rồi ngồi trên chỗ ngồi của Đế Thích, nói với chư Thiên Đạo-lợi rằng: Ta nay sẽ nói. Các người hãy lắng nghe. Như Lai, Chí Chân tự mình bằng năng lực của mình đã mở ra ba lối đi và tự mình đã đi đến Chánh giác. Những gì là ba?

Hoặc có chúng sanh thân cận tham dục tập hành vi bất thiện. Người ấy về sau gặp thiện tri thức, được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp. Rồi thì người ấy ly dục, dứt bỏ hành vi bất thiện được tâm hoan hỷ diêm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà phát sanh đại hỷ, như người bỏ đồ ăn thô mà ăn thức ăn có trăm vị, sau khi đã no, lại còn muốn hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Là pháp bất thiện được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sanh đại hỷ. Ấy là Như Lai tự mình bằng năng lực của mình đã mở ra lối đi thứ nhất mà thành Chánh giác.

Lại có chúng sanh phần nhiều hay sân hận, không dứt bỏ ác nghiệp của thân, của khẩu và ý. Người ấy về sau gặp thiện tri thức được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp, xa lìa ác hạnh của thân, ác hạnh của khẩu và ý, sinh tâm hoan hỷ, diêm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà sanh đại hỷ. Như người xả bỏ thức ăn thô mà ăn thức ăn trăm vị, sau khi đã no đủ rồi còn cầu

cái ngon hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Là pháp bất thiện, được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sinh đại hỷ. Ấy là Như Lai mở ra lối đi thứ hai.

“Lại có chúng sanh ngu tối, vô trí, không biết thiện ác, không thể biết như thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Người ấy về sau gặp thiện tri thức được nghe nói pháp, thành tựu pháp và tùy pháp, biết rõ thiện và bất thiện có thể biết như thật Khổ, Tập, Diệt, Đạo, dứt bỏ hành vi bất thiện, sinh tâm hoan hỷ đằm nhiên khoái lạc. Lại ở trong lạc mà sinh đại hỷ. Như người xả bỏ thức ăn thô mà ăn thức ăn trăm vị, sau khi đã no đủ rồi còn cầu cái ngon hơn nữa. Hành giả cũng vậy. Là pháp bất thiện, được hoan hỷ lạc. Lại ở trong lạc mà phát sinh đại hỷ. Ấy là Như Lai mở ra lối đi thứ ba”.

“Sau khi Phạm đông tử giảng nói Chánh pháp này cho chư Thiên Đao-lợi, Tỳ-sa-môn Thiên vương, lại nói Chánh pháp ấy cho thuộc hạ của mình. Thần Xà-ni-sa lại ở trước Phật nói Chánh pháp ấy. Thế Tôn lại nói Chánh pháp ấy cho A-nan. A-nan lại nói Chánh pháp ấy cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.”

Bấy giờ A-nan, sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM



**KINH
TIỂU
ĐUYÊN**



HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch

KINH TIỂU DUYÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Xá-vệ, trong vườn Thanh tín, giảng đường Lộc mẫu, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Lúc ấy, có hai người Bà-la-môn với lòng tin kiên cố tìm đến chỗ Phật xin xuất gia học đạo, một tên là Bà-tất-tra một tên là Bà-la-đọa.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn rời khỏi tịnh thất, đang kinh hành thông thả trên giảng đường. Bà-tất-tra vừa trông thấy Phật liền vội vàng đến bảo Bà-la-đọa:

“Anh biết không, Như Lai hiện đang rời khỏi tịnh thất kinh hành tại giảng đường. Chúng ta nên đến đó hoặc có nghe Ngài dạy bảo điều gì chăng?”

Bà-la-đọa nghe nói thế liền cùng đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ chân Phật, rồi đi theo sau Phật.

Phật nói với Bà-tất-tra:

“Hai người vốn sanh trong dòng Bà-la-môn, với lòng tin kiên cố, muốn xuất gia tu hành ở trong giáo pháp ta phải không?”

Hai người đáp:

“Thưa phải.”

Phật nói:

“Này Bà-la-môn, nay các người xuất gia tu hành ở trong giáo pháp Ta, các người Bà-la-môn khác há không hiềm trách các người?”

Hai người đáp:

“Thưa có. Nhưng mong ơn lớn của Phật được xuất gia tu đạo, thật sự chúng con không khỏi bị các người Bà-la-môn hiềm trách.”

Phật dạy:

“Họ lấy lẽ gì mà hiềm trách các người?”

Hai người đáp:

“Họ nói rằng: Dòng Bà-la-môn ta tối cao bậc nhất, các dòng khác thấp hèn. Dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen điu. Dòng Bà-la-môn ta xuất xứ từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sanh ra, ở ngay trong hiện tại mà được thanh tịnh giải, về sau cũng thanh tịnh. Cố gì các người lại bỏ dòng thanh tịnh của mình mà vào trong dị pháp của Cù-đàm kia. Bạch Thế Tôn, thấy chúng con ở trong Phật pháp mà xuất gia tu đạo nên họ lấy lời lẽ như thế chê trách chúng con.”

Phật bảo Bà-tất-tra:

“Này Bà-tất-tra, người xem các người đó khác nào kẻ ngu si vô thức như cầm thú, dối trá tự xưng rằng: Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, còn ngoài ra là hèn hạ. Dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen điu. Dòng Bà-la-môn ta xuất xứ từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sanh, ở ngay trong hiện tại mà được thanh tịnh giải, về sau cũng thanh tịnh. Này Bà-tất-tra, nay trong Chánh đạo vô thượng của Ta không cần kể dòng dõi, không ý vào tâm kiêu mạn ngô ngã. Pháp thế tục cần thứ đó. Pháp của Ta không phải vậy. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào tự thị chủng tộc, ôm lòng kiêu mạn thì ở trong giáo pháp Ta trọn không chứng đắc Vô thượng. Nếu hay khước từ chủng tánh, trừ bỏ tâm kiêu mạn, thì mới có thể chứng được đạo quả Vô thượng trong giáo pháp Ta, mới kham lãnh thọ được Chánh pháp. Người đời gớm ghét kẻ hạ lưu, còn giáo pháp ta không thế.”

“Này Bà-tất-tra! Có bốn chủng tánh gồm cả người lành người dữ; được người trí khen, cũng bị người trí chê. Bốn chủng tánh ấy là: Sát-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la.

“Này Bà-tất-tra! Hẳn người từng nghe trong dòng Sát-ly có kẻ sát sinh, có kẻ trộm cắp, có kẻ dâm loạn, kẻ dối trá, kẻ nói hai lưỡi, kẻ nói ác độc, có kẻ ỷ ngữ, có kẻ xan tham, có kẻ tật đố, có kẻ tà kiến, thì trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng có lẫn lộn đủ hạng người làm mười ác hạnh đó. Này Bà-tất-tra! Phàm làm điều bất thiện thì có quả báo bất thiện, làm điều hắc ám thì có quả báo hắc ám. Nếu rằng quả báo đó chỉ có với dòng Sát-ly, Cư sĩ, Thủ-đà-la chứ không có với dòng Bà-la-môn, khi ấy người Bà-la-môn mới nên tự cho dòng Bà-la-môn ta là tối cao bậc nhất, còn các dòng khác thấp hèn, dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen điu; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sinh ra, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng

thanh tịnh. Trái lại nếu rằng làm điều bất thiện thì có quả báo bất thiện, làm điều hắc ám thì có quả báo hắc ám, quả báo đó bất cứ Bà-la-môn, Sát-ly, hay Thủ-đà-la đều có như nhau, thời người Bà-la-môn không thể tự xưng chỉ dòng ta là thanh tịnh tối cao bậc nhất.

“Này Bà-tất-tra! Nếu trong dòng Sát-ly, có kẻ không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không hai lưỡi, không ác khẩu, không ỷ ngữ, không xan tham, không tật đố, không tà kiến, thời trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có hạng người tu mười điều thiện như thế. Phàm làm điều lành, tất có quả báo lành, làm điều thanh bạch tất có quả báo thanh bạch. Nếu rằng quả báo đó chỉ có với dòng Bà-la-môn mà không có với dòng Sát-ly, Cư sĩ, Thủ-đà-la khi ấy người dòng Bà-la-môn mới nên tự xưng dòng mình thanh tịnh tối cao bậc nhất. Trái lại, nếu cả bốn chủng tánh đều có quả báo đó, thời người Bà-la-môn không thể tự xưng chỉ dòng ta là thanh tịnh tối cao bậc nhất.

“Này Bà-tất-tra! Nay hiện dòng Bà-la-môn có giả cưới, có sinh sản không khác người đời, thế mà lại dối xưng ta là dòng Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sinh ra, hiện tại được thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh.

“Này Bà-tất-tra! Người nên biết hiện nay chúng đệ tử của Ta, dòng dõi không đồng, xuất xứ khác nhau, xuất gia tu hành ở trong giáo pháp Ta. Nếu có gặp ai hỏi: Người thuộc dòng nào? thì nên trả lời họ: Tôi là Sa-môn, con dòng họ Thích. Hoặc có thể tự xưng: Tôi dòng Bà-la-môn, tôi đích từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sinh ra, hiện tại được thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh. Tại sao thế? Vì các danh xưng Đại Phạm tức là đức hiệu Như Lai. Như Lai là con mắt của thế gian, là trí tuệ của thế gian, là pháp của thế gian, là Phạm của thế gian, là Pháp luân của thế gian, là Cam lồ của thế gian, là Pháp chủ của thế gian vậy.

“Này Bà-tất-tra, nếu trong dòng Sát-ly có người thành tín Phật, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ.

“Thành tín Pháp, tin pháp của Như Lai, là thanh tịnh vi diệu, có thể tu hành ngay hiện tại, được nói ra không hạn cuộc thời tiết, là pháp đưa đến Niết-bàn, duy người trí mới thấu rõ, chẳng phải kẻ phàm phu ngu si thấu rõ được .

“Thành tín Tăng, tánh thiện chất trực, đạo quả thành tựu, quyền thuộc thành tựu, là đệ tử chân chính của Phật, thành tựu

pháp và tùy pháp. Nói là chúng, đó là nói chúng thành tựu giới, chúng thành tựu định, chúng thành tựu tuệ, chúng giải thoát, chúng giải thoát tri kiến. Đó là chúng Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả; chúng Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả; chúng A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả; chúng A-la-hán hướng; chúng A-la-hán quả. Gồm bốn đôi tám bậc. Đó là chúng đệ tử của Như Lai, rất đáng kính, đáng tôn trọng, làm ruộng phước của thế gian; xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường người .

“Thành tín Giới, là giới luật Thánh hiền đầy đủ, không khuyết lậu, không tì vết, cũng không dính nhơ, được người trí ngời khen, đầy đủ đức tính tốt lành và vắng lặng thì này Bà-tất-tra, người dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng có thể như thế. Thành tín Phật, tin Pháp, tin Tăng và tin Thánh giới thành tựu.

“Này Bà-tất-tra, trong dòng Sát-lỵ cũng có người cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán. Dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có người cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán như thế.

Này Bà-tất-tra, nay thân tộc Ta, dòng họ Thích, cũng tôn phụng vua Ba-tư-nặc , tôn thờ lễ kính. Vua Ba-tư-nặc cũng lại đến cúng dường, kính lễ Ta. Vua không nghĩ rằng: Vì Sa-môn Cù-đàm sinh từ dòng hào quý còn ta sinh dòng hạ tiện. Sa-môn Cù-đàm sinh trong nhà đại tài phú, đại oai đức còn ta sinh nhà hạ cùng bị lậu tì tiện. Cho nên ta phải đến cúng dường Như Lai. Nhưng Ba-tư-nặc căn cứ trên pháp, quán sát pháp, biết rõ chân ngụy, cho nên mới sanh lòng tịnh tín đến kính lễ cúng dường Như Lai.

“Này Bà-tất-tra, nay Ta sẽ vì người nói rõ nhân duyên của bốn chủng tánh ấy.

“Trời đất thủy chung, khi kiếp tận bằng hoại, chúng sanh mệnh chung đều sanh lên cõi trời Quang âm. Tự nhiên hóa sanh, ăn bằng tư niệm lực, mình phát ánh sáng và có thần túc bay trong hư không.

“Về sau, cõi đất này thay biến thành nước trùm ngập tất cả. Vào lúc ấy không có mặt trời, mặt trăng, các sao, cũng không có kể ngày đêm, năm, tháng, số tuổi. Duy có một vùng tối tăm bao la. Sau dần dần biến nước đó lại biến thành cõi đất. Các vị trời Quang âm đến lúc hết phước, mệnh chung, sinh xuống nơi này. Tuy sinh xuống đó, song vẫn ăn bằng tư niệm, còn có thần túc

bay đi, thân còn tỏa sáng. Chúng sống như thế một thời gian lâu và ai cũng gọi nhau là chúng sanh, chúng sanh.

“Về sau nữa, từ trong cội đất này có suối ngọt chảy ra giống như đường mật. Chúng khi mới đến, thiên tánh còn khinh tháo giản dị, thấy vậy nghĩ thầm: Đó là vật gì ta hãy nếm thử? Liên nhúng ngón tay vào suối để nếm thử, nếm tới ba lần, cảm thấy ngon, chúng mới lấy tay bụm ăn không chút e ngại và cứ mê say ăn như thế chẳng biết nhàm. Các chúng sanh khác nhìn thấy bắt chước làm theo, nếm đến ba lần, cảm thấy ngon rồi cũng tiếp tục ăn mãi, do đó, thân họ trở nên thô kệch, da thịt cứng rắn, mất cả màu sắc đẹp để nhà trời, thần tức không còn, phải đi trên đất, ánh sáng nơi thân cũng mất, cả trời đất tối tăm.

“Này Bà-tất-tra, nên biết pháp thường của trời đất, sau thời gian tối tăm thì có thiên tượng: mặt trời, trăng, sao, xuất hiện ở không trung, rồi từ đó bắt đầu có ngày đêm, tối sáng, năm tháng, số tuổi. Chúng sanh lúc này chỉ sống nhờ ăn vị đất mà sống lâu trong thế gian. Người nào ham ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận, do đó mới bắt đầu có sự tốt xấu, đoan chính. Người đoan chính thì sinh tâm kiêu mạn khinh người xấu xí. Người xấu xí thì sinh tâm tật đố ghét người đoan chính. Chúng sanh do đó thù nghịch với nhau.

“Bấy giờ suối ngọt tự nhiên cạn khô. Về sau, cội đất tự nhiên lại sinh ra chất béo của đất có đủ mùi vị thơm tho ăn được. Chúng sanh lại lấy đất ấy mà ăn, sống lâu trong thế gian. Người nào ham ăn nhiều thì nhan sắc mau xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận; người đẹp để sinh tâm kiêu mạn khinh người xấu xí; người xấu xí sinh tâm tật đố ghét người đẹp để. Chúng sanh vì thế cùng nhau tranh tụng mãi. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước. Về sau, đất này lại sinh thứ chất béo của đất dày mà thô, tuy cũng thơm ngon ăn được nhưng không bằng trước. Chúng sanh bấy giờ lại lấy đất này ăn mà sống lâu ở thế gian. Người ham ăn nhiều thì nhan sắc mau xấu, người ăn ít thì nhan sắc còn tươi nhuận. Người đoan chính, kẻ xấu xí cứ thị phi nhau rồi sinh điều tranh tụng mãi. Từ đó chất đất tốt không sinh lại nữa. Về sau, đất này lại sinh ra thứ lúa tự nhiên không có trấu, sắc vị đầy đủ, thơm tho ăn được, chúng sanh lại lấy lúa gạo ăn, sống lâu ở thế gian; con trai con gái nhìn nhau, dần dần móng tâm tình dục, mới tìm gần gũi nhau. Nhưng chúng sanh khác thấy

thế nói: Người làm quấy, người làm quấy và kẻ làm quấy bị tẩn xuất khỏi nhóm người, sau ba tháng mới cho trở lại.

“Này Bà-tất-tra, những điều trước kia người ta cho là quấy, thì bây giờ người ta cho là phải. Rồi chúng sanh kia tập quen với phi pháp, mặc tình buông thả theo tình dục, không kể gì thời tiết. Rồi vì sự hổ thẹn mới tạo lập phòng xá và từ đó thế gian khởi đầu có phòng xá. Đùa quen với điều quấy, dâm dục ngày càng tăng lên, mới có bào thai sinh ra từ bất tịnh và thế gian mới bắt đầu có bào thai vậy.

“Chúng sanh lúc ấy ăn loại lúa gạo tự nhiên; lấy xong nó lại sinh ra, vô cùng vô tận. Sau trong chúng sanh đó có kẻ lười nhác thâm nghĩ rằng: Cứ sáng ăn sáng lấy, chiều ăn chiều lấy thì nhọc nhằn. Chi bằng lấy luôn cất đủ ăn một ngày. Nó liền lấy cất để ăn đủ một ngày. Sau đó có bạn gọi nó đi lấy lúa, nó đáp: Tôi đã lấy đủ để ăn một ngày rồi. Bạn muốn lấy thì cứ tùy ý. Người ấy bèn suy nghĩ: Anh này khôn ngoan, chứa lương thực trước. Ta nay cũng muốn tích trữ lương thực đủ cho ba ngày. Nó bèn trữ lương thực dư cho ba ngày. Khi có chúng sanh khác đến rủ đi lấy gạo, nó đáp: Ta đã cất trước đủ ăn ba ngày rồi. Người muốn lấy cứ tùy ý đi mà lấy mấy tùy ý. Người đó lại nghĩ rằng: Gã kia khôn ngoan, đã biết cất lương thực trước đủ ăn ba ngày. Vậy ta hãy bắt chước nó, cất đủ năm ngày. Nó đi lấy cất ăn đủ năm ngày.

“Chúng sanh sau khi cạnh tranh nhau tích trữ, thóc lúa trở nên hoang dại, bắt đầu có vỏ trấu. Cắt rồi không tự nhiên sinh lại như trước nữa. Chúng sanh thấy thế trong lòng không vui, mới có sự ưu lo suy nghĩ: Ta lúc đầu mới sinh ra, chỉ sống bằng tư niệm, thân ta có ánh sáng và thần túc bay đi. Sau đó đất này tuôn ra suối ngọt, chảy ra giống như đường mật thơm ngon ăn được. Chúng ta cùng ăn, tiếp tục ăn mãi. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc còn tươi nhuận. Do thức ăn này mà nhan sắc chúng ta trở nên khác nhau. Chúng ta do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Bây giờ suối ngọt tự nhiên cạn khô. Về sau, cội đất tự nhiên lại sinh ra chất béo của đất có mùi vị thơm tho ăn được. Chúng ta lại lấy đất ấy mà ăn. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc còn tươi nhuận. Chúng ta do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước mà lại sinh thứ chất thô kệch, tuy cũng thơm ngon ăn được. Chúng ta lại lấy mà ăn. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người ăn ít thì sắc còn tươi vui. Chúng

sanh do vậy ai nấy ôm lòng thị phi, ganh ghét lẫn nhau. Rồi thì, chất béo của đất không còn sinh như trước, mà lại sinh ra thứ lúa tự nhiên không có trấu. Chúng ta lại lấy mà ăn để sống lâu ở đời. Rồi những kẻ biếng nhác tranh nhau tích trữ, nên lúa gạo trở nên hoang dại, bắt đầu có vỏ trấu, cắt rồi không sinh lại. Bây giờ phải làm sao đây?

“Rồi chúng bảo nhau: Chúng ta hãy phân chia đất và cấy mốc. Chúng chia đất và cấy mốc.

“Này Bà-tất-tra, do nhân duyên ấy mới phát sinh danh từ ruộng đất.

“Bây giờ chúng sanh đó chia cắt ruộng đất, ai lập bờ cõi nấy, nên dần dần sinh ra tâm lén lút trộm cắp thóc lúa của nhau. Những chúng sanh khác trông thấy bảo: Người làm quấy, người làm quấy. Người đã có ruộng đất mà còn lấy trộm của người ta. Từ nay về sau không được làm thế nữa. Nhưng chúng sanh kia vẫn lấy cắp mãi. Các chúng sanh khác lại đã quả trách, nhưng nó không thôi, bèn lấy tay đánh và tố cáo với mọi người rằng: Người này đã có ruộng lúa mà còn lấy trộm của người khác. Gã này lại bảo: Người này đánh tôi. Mọi người thấy hai bên cãi nhau mãi, thì ưu sầu không vui, nói nhau một cách áo nảo: Chúng sanh đi dần đến chỗ ác, nên thế gian mới có xảy ra sự bất thiện đó. Điều xấu ác, bất tịnh đó chính là nguyên nhân của sanh, già, đau, chết và phiền não khổ báo trong ba đường ác. Bởi có ruộng đất riêng nên mới sinh kiện cáo, vậy tốt hơn chúng ta nên lập lên một người làm chủ để xử trị. Hễ ai đáng bảo hộ thì bảo hộ, ai đáng khiển trách thì khiển trách. Mỗi người chúng ta đều giảm phần gạo để cung cấp cho người ấy để lo xét xử kiện cáo. Họ mới lựa trong đám tôn lên một người có hình vóc to lớn, nhan mạo đoan chánh, có oai đức và bảo rằng: Người này hãy vì bọn ta mà lên làm ông chủ bình đẳng. Hễ thấy ai đáng bảo hộ thì bảo hộ, ai đáng khiển trách thì khiển trách, ai đáng đuổi thì đuổi. Bọn ta sẽ góp gạo cung cấp cho.

“Người kia nhận lời lên làm chủ, trông coi xử đoán kiện cáo. Mọi người cùng góp gạo cung cấp.

“Người kia thường lấy lời hay đẹp ủy lạo mọi người và mọi người đều hoan hỷ tôn xưng rằng: Lành thay Đại vương! Lành thay Đại vương! Từ đó thế gian mới bắt đầu có danh từ vua. Lấy

chánh pháp trị dân, nên gọi là Sát-ly và thế gian bắt đầu có tên "Sát-ly".

"Thời gian sau trong chúng độc nhất có một người suy nghĩ như vậy: Nhà là đại hoạn, nhà là gai độc, ta thà bỏ nhà đi ở riêng trên rừng núi để nhàn tịnh tu hành thì hơn. Người ấy liền bỏ nhà vào rừng, trầm lặng tư duy, đến giờ ăn thì mang bình bát vào làng khất thực. Mọi người trông thấy đều vui vẻ cúng dường, tán thán: Lành thay, người này có thể bỏ nhà lên ở núi, trầm lặng tu đạo, xa lìa mọi điều xấu ác. Từ đó trong thế gian mới bắt đầu có tên Bà-la-môn .

"Nhưng trong đám Bà-la-môn có kẻ không ưa ở chỗ nhàn tịnh tọa thiền tư duy, mà chỉ ưa vào nhân gian chuyên nghề tụng đọc và tự nói: "Ta là người không tọa thiền". Người đời nhân đó gọi là "Bất thiện Bà-la-môn" và cũng vì hay đi vào nhân gian nên lại có tên là "Nhân gian Bà-la-môn". Bắt đầu từ đó trong thế gian có dòng Bà-la-môn hiện ra.

"Lại trong đám chúng sanh kia, có người ưa kinh doanh sự nghiệp, chất chứa tài bảo, nhân đó người ta kêu hạng này là hạng Cư sĩ. Trong đám chúng sanh kia có người có nhiều cơ xảo kiến tạo, nên thế gian mới có thêm một hạng nữa gọi là Thủ-đà-la công xảo.

"Này Bà-tất-tra! Nay thế gian có đủ tên bốn chủng tánh và thêm hạng thứ năm là chúng Sa-môn. Như thế là vì có khi trong chúng Sát-ly, có người tự thấy nhàm chán pháp của mình, bèn cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo. Do đó, tên Sa-môn bắt đầu có từ đó. Trong chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, có khi có người tự thấy nhàm chán pháp của mình, bèn cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo. Do đó, tên Sa-môn bắt đầu có từ đó.

"Này Bà-tất-tra! Người dòng Sát-ly mà thân làm bất thiện, miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện, khi thân hoại mạng chung phải thọ ác báo. Dòng người Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà thân làm bất thiện, miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện, khi thân hoại mệnh chung họ cũng phải thọ ác báo như thế.

"Này Bà-tất-tra! Nếu người dòng Sát-ly mà thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, khi thân hoại mệnh chung được hưởng thiện báo, thì người dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, khi thân hoại mệnh chung cũng được hưởng thiện báo như thế.

“Này Bà- tất- tra! Nếu người dòng Sát-lỵ mà làm cả hai điều thiện ác về nơi thân, miệng, ý, khi thân hoại mệnh chung phải gặt lấy quả báo vừa khổ vừa vui, thì người dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà làm cả hai điều thiện ác về nơi thân, miệng, ý, đến khi thân hoại mệnh chung, cũng phải thọ lấy quả báo vừa khổ vừa vui như thế.

“Này Bà-tất-tra! Trong dòng Sát-lỵ có kẻ cắt tóc cạo râu, mặc y tu đạo, tu bảy pháp giác ý, không bao lâu là được thành đạo. Vì sao? Con nhà tộc tánh ấy mặc pháp y xuất gia, tu các phạm hạnh cao thượng, thì chính ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh. Trong dòng Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà có kẻ cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y tu đạo, tu bảy pháp giác ý, không lâu cũng sẽ được thành đạo như thế. Vì sao? Con nhà tộc tánh ấy xuất gia, mặc pháp y, tu các phạm hạnh vô thượng, chính ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh.

“Này Bà-tất-tra! Cả bốn chủng tánh đó, đều có thể xuất sinh bậc La-hán thành tựu viên mãn trí minh và đức hạnh, là bậc đứng nhất ở trong năm chủng tánh ấy.

“Này Bà-tất-tra! Phạm thiên có bài kệ rằng:

Trong đời, Sát-lỵ nhất.

Bỏ chủng tánh xuất gia,

Thành bậc đủ Minh Hạnh,

Bậc nhất trong thế gian.

“Này Bà-tất-tra! Phạm thiên nói như thế là đúng chứ không phải không đúng, khéo thọ chứ không phải không khéo thọ. Lúc đó Ta liền ấn khả lời nói ấy của Phạm thiên. Vì nay Ta, là Như Lai, Chí Chân, cũng nói nghĩa như thế đó:

Trong đời, Sát-lỵ nhất.

Bỏ chủng tánh xuất gia,

Thành Bậc đủ Minh Hạnh đủ,

Bậc nhất trong thế gian.

Bấy giờ, sau khi nghe Đức Thế Tôn nói pháp, Bà-tất-tra, Bà-la-đọa liền được tâm giải thoát vô lậu. Nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A-HÀM



**KINH CHUYỂN LUÂN
THÁNH VƯƠNG TỬ HÀNH**

HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch



KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại Ma-la-hê-sưu,, du hành nhân gian, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, dần dần đi đến nước Ma-lâu.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, các người hãy tự thắp sáng. Thắp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thắp sáng ở nơi khác. Hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác..

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là hãy tự thắp sáng; thắp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thắp sáng ở nơi khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác?

“Ở đây, Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân, quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Đó là Tỳ-kheo hãy tự thắp sáng; thắp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thắp sáng ở nơi khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác. Thực hành như thế sẽ không bị ma nhiều hại, công đức ngày một thêm. Tại vì sao?

“Vào thời quá khứ xa xưa, có vị vua tên là Kiên Cố Niệm, là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh cả bốn châu thiên hạ. Bấy giờ nhà vua là vị Tự tại, cai trị bằng chánh pháp, là người tối thắng trong loài người. Vua có đủ bảy thứ báu: bánh xe vàng báu, voi trắng báu, ngựa xanh báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu. Và có một ngàn người con hùng dũng, đủ sức dẹp địch. Vua không cần dùng binh mà thiên hạ tự thái bình.

“Vua Kiên Cố Niệm trị vì đã lâu ngày, một hôm bánh xe vàng báu ở không trung bỗng tự nhiên rời khỏi chỗ cũ. Người coi bánh xe gấp đến tâu vua: Tâu Đại vương, nên biết, bánh xe báu nay

rời khỏi chỗ cũ. Sau khi nghe thế, vua Kiên Cố Niệm nghĩ: Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói: Nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mạng của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thụ hưởng phước lạc thiên thượng. Ta hãy lập thái tử lên thống lãnh bốn châu thiên hạ và phong riêng một ấp cho người hớt tóc, để khi cắt bỏ râu tóc, rồi ta mặc pháp y, xuất gia tu đạo.

“Rồi vua Kiên Cố Niệm sai gọi thái tử và bảo: Khanh biết không? Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói, nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mạng của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thụ hưởng phước lạc trên Trời Thiên thượng. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho người. Người hãy gắng sức, thương yêu dân chúng. Sau khi thái tử lãnh mạng. Vua Kiên Cố Niệm liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.

“Vua xuất gia được bảy ngày thì bánh xe vàng báu bỗng nhiên không hiện ra nữa. Người coi bánh xe đến tâu vua: Đại vương nên biết, nay bánh xe vàng báu bỗng nhiên biến mất. Vua không vui. Bèn tìm đến chỗ vua Kiên Cố Niệm. Sau khi đến, bạch rằng: Phụ vương nên biết, nay bánh xe vàng báu bỗng nhiên không hiện ra nữa. Vua Kiên Cố Niệm trả lời con: Người chớ lo lắng cho là điều không vui. Bánh xe vàng báu đó không phải là của cha người sản xuất ra. Người chỉ cần gắng thi hành chánh pháp Thánh vương, rồi đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngôi tại chánh pháp điện, có thể nữ bao quanh, tức thì có thần bảo bánh xe vàng báu tự nhiên hiện đến. Bánh xe có ngàn cãm, màu sắc đầy đủ, là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải của loài người.

“Thái tử tâu phụ vương: Phụ vương, chánh pháp của Chuyển luân thánh vương là thế nào? Phải làm như thế nào?. Vua bảo con: Hãy nương trên pháp, an lập trên pháp, thành tựu nơi pháp; cung kính, tôn trọng, quán sát pháp; lấy pháp làm đầu, thủ hộ chánh pháp. Lại nữa, hãy răn dạy các thế nữ bằng pháp. Lại nữa, hãy chăm sóc dạy dỗ các vương tử, đại thần, các quan lại, trăm quan và thứ dân bằng pháp. Hãy hộ trì, chăm sóc các Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến cầm thú. Rồi vua lại bảo con: Lại nữa, trong cõi nước người, nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn, tu hành thanh chơn, công đức đầy đủ, chuyên cần tinh tấn, xa lìa kiêu mạn,

nhẫn nhục nhân ái, một mình ở chỗ nhàn tịnh tu tập, một mình yên nghỉ, một mình đạt đến Niết-bàn; tự mình diệt trừ tham dục, dạy người khác diệt trừ tham dục; tự diệt trừ sân nhuế, dạy người khác diệt trừ sân nhuế; tự diệt trừ ngu si, dạy người khác diệt trừ ngu si; ở trong chỗ ô nhiễm họ không ô nhiễm, trong chỗ tội ác họ không tội ác, trong chỗ ngu si họ không ngu si, chỗ có thể đắm trước họ không đắm trước, chỗ đáng trụ họ không trụ, chỗ đáng ở họ không ở, thân hành chất trực, miệng nói lời chất trực, ý nghĩ chất trực; thân hành thanh tịnh, miệng nói thanh tịnh, ý nghĩ thanh tịnh, chánh niệm thanh tịnh, nhân huệ,, không hề chán; biết đủ trong sự ăn mặc và cầm bát đi khất thực để gây phước lành cho chúng sanh. Nếu có những người như thế, người hãy thường nên tìm đến, tùy lúc hỏi han: phạm những điều tu hành, sao là thiện, sao là ác, sao gọi là phạm, sao gọi không phạm, cái nào đáng thân, cái nào không đáng thân, việc gì đáng làm, việc gì không đáng làm và thi hành pháp gì để được an lạc lâu dài? Người hỏi xong rồi lấy ý mình quán xét thấy việc nên làm thì gắng làm, việc nên bỏ thì gắng bỏ. Trong nước nếu có kẻ mồ côi, già cả hãy nên chẩn cấp. Người nghèo cùng yếu kém đến xin, cần thận chớ trái nghịch. Trong nước có luật pháp cũ, người chớ thay đổi. Đó là những pháp mà Chuyển luân thánh vương tu hành, người hãy phụng hành”.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương nghe lời phụ vương dạy xong, thì như lời dạy mà tu hành. Đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngôi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, tự nhiên có bánh xe báu hiện ra trước mặt, vành xe có ngàn cãm sáng chói, do thợ trời làm chớ không phải đời có được. Bánh xe toàn bằng chân kim, đường kính bánh xe một trượng tư. Khi ấy, Chuyển luân Thánh vương thăm nghĩ: Ta từng nghe các bậc tiên túc kỳ cựu nói: Nếu vua Quán đánh dòng Sát-ly, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngôi tại bảo điện, có thể nữ bao quanh, thời tự nhiên có bánh xe vàng hiện đến trước mặt, bánh xe có ngàn cãm, ánh sáng rực rỡ, là tác phẩm của thợ nhà trời chứ không phải do con người làm, được làm thành bằng vàng thật, đường kính trượng tư, khi đó được gọi là Chuyển luân thánh vương. Nay có bánh xe báu ấy hiện đến há không là đây chăng? Ta hãy thử coi bánh xe đó thế nào?

“Khi ấy, vua Chuyển luân liên triệu bốn thứ binh, hướng về phía bánh xe vàng, trịch áo bày vai phải, đầu gối phải quỳ sát đất, rồi lấy tay mặt vỗ lên bánh xe và nói: Người hãy theo đúng phép mà vận chuyển về phương Đông, chớ trái lệ thường. Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Vua bèn dẫn bốn thứ quân binh đi theo bánh xe vàng, trước bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Đến chỗ bánh xe vàng ngừng thì vua cũng dừng xe. Bấy giờ, các tiểu quốc phương Đông thấy đại vương đến, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước vua, cúi đầu tâu rằng: “Đại vương đến, thật lành thay! Nay phương Đông này đất ruộng phì nhiêu, nhân dân sung túc, tánh khí nhân hòa, từ hiếu trung thuận. Cúi mong Thánh vương lấy chánh pháp trị hóa chốn này, chúng tôi xin cung cấp hầu hạ, phục vụ mọi việc cần dùng. Vua Chuyển luân nói với các tiểu vương: “Thôi thôi chư Hiền! Thế là các người đã cúng dường ta rồi đó. Các người hãy nên lấy chánh pháp mà trị dân, chớ làm cho thiên lệch, không để cho quốc nội có hành vi phi pháp. Như vậy tức là ta trị hóa đó. Các tiểu vương vâng lệnh. Họ liền theo vua đi tuần khắp nước, đến tận mé biển Đông mới trở về.

“Vua lần lượt đi về phương Nam, rồi phương Tây, phương Bắc. Hễ bánh xe vàng đến ở đâu thì các quốc vương đều đến cống hiến như các tiểu quốc phương Đông vậy.

“Bấy giờ, vua Chuyển luân, sau khi đã theo bánh xe vàng đi khắp bốn biển, đem chánh đạo khai hóa, an ủi dân chúng xong, trở về nước, thì bánh xe vàng dừng lại trên không trung ngay cửa cung điện. Vua Chuyển luân vui mừng phấn khởi nói: Bánh xe vàng báu này thật là điềm tốt của ta. Nay ta chính thật là Chuyển luân thánh vương.

“Đó là sự thành tựu bánh xe vàng báu.

“Vua ấy trị đời một thời gian lâu, rồi bánh xe vàng báu giữa hư không lại bỗng nhiên rời chỗ cũ. Người coi bánh xe gấp đến tâu vua: Đại vương nên biết, nay bánh xe báu đã rời chỗ. Vua nghe xong liền tự mình suy nghĩ: Ta từng nghe nơi các bậc tiên túc kỳ cựu rằng, nếu bánh xe báu dời chỗ, Chuyển luân Thánh vương sống chẳng còn bao lâu nữa. Ta nay đã hưởng thọ phước lạc của loài người, cũng nên tìm phương tiện thọ phước lạc trên trời. Ta hãy lập thái tử thống lãnh bốn thiên hạ, phong riêng một

ấp cho người hớt tóc và ra lệnh cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.

“Rồi vua sai gọi thái tử và bảo: Khanh biết không? Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói, nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mạng của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thụ hưởng phước lạc thiên thượng. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho người. Người hãy gắng sức, thương yêu dân chúng. Sau khi thái tử lãnh mạng, vua liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.

“Vua xuất gia được bảy ngày thì bánh xe vàng bỗng nhiên không hiện. Người coi bánh xe đến báo tin vua: Tàu Đại vương, bánh xe báu nay bỗng nhiên biến mất. Vua nghe xong chẳng cho đó là điều đáng lo, cũng chẳng chịu đến hỏi ý phụ vương.

“Rồi vua cha bỗng nhiên thăng hà.

“Kể từ đây về trước có sáu vua Chuyển luân, cứ đắp đổi trao ngôi và lấy chánh pháp trị dân, duy một ông vua sau này tự chuyên trị nước, không theo pháp cũ, chánh trị bất công khiến thiên hạ oán thán, quốc độ kém sút, nhân dân điêu linh. Thấy vậy có một đại thần dòng Bà-la-môn đến tâu vua: Nay quốc độ sút kém, nhân dân điêu linh, không được như trước. Hiện nay trong nước vua có nhiều vị trí thức, thông minh bác đạt, rõ thấu cổ kim, biết đủ pháp chánh trị của tiên vương, sao ngài không vời lại để hỏi những điều họ biết, hỏi chắc họ đáp. Vua liền vời quần thần đến hỏi cái đạo trị chánh của Tiên vương, các vị trí thần đáp đủ mọi việc. Vua nghe xong bèn thi hành theo pháp cũ, lấy chánh pháp cứu hộ nhân dân, nhưng vẫn không thể chấn tể những kẻ cô lão, cấp thí cho người hạ cùng, nhân dân trong nước vẫn bị đưa dân tới chỗ nghèo khổ, xâm đoạt lẫn nhau mà thành có nạn đạo tặc hoành hành. Mỗi khi có ai bị rình bắt được đem đến vua, tâu rằng: Người này làm giặc, xin vua trị nó. Vua hỏi: Có thật người là giặc không? Người ấy đáp: Thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát, không tự sống nổi nên phải làm giặc. Vua liền xuất kho, lấy của cấp cho và dặn: Người đem của này về cung cấp cha mẹ, giúp đỡ bà con, từ nay chớ làm giặc nữa nghe.

“Các người khác thấy vậy đồn: Có kẻ làm giặc được vua cấp cho tài bảo, nên họ cũng bắt chước làm theo. Họ lại bị rình bắt

được đem đến vua, tâu rằng: Người này làm giặc, xin vua trị nó. Vua lại hỏi: Có thật người là giặc không? Người kia đáp: Dạ thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát không tự sống nổi, nên phải làm giặc. Vua lại xuất kho lấy của cấp cho và bảo: Người đem của này về cung cấp cha mẹ, giúp đỡ bà con, từ nay chớ làm giặc nữa nghe.

“Lại những người khác nghe nói có kẻ làm giặc được vua cấp cho tài bảo, nên họ bắt chước rủ nhau làm theo và lại bị rình bắt đem đến vua, tâu: Người này làm giặc, xin vua trị nó. Vua lại hỏi: Có thật người làm giặc không? Người kia đáp: Dạ thật. Vì tôi nghèo cùng đói khát, không tự sống nổi nên phải làm giặc. Lần này vua nghĩ: Trước có người làm giặc, ta thấy nghèo đói cấp cho tài vật, dặn thôi đừng làm. Người khác nghe thế lại bắt chước làm. Nạn đạo tặc nhân đó tràn lan mãi. Thôi bây giờ tốt hơn ta phải hạ lệnh bắt trói người này dắt đi các ngõ đường, sau đưa ra ngoài thành đến chỗ trống trải mà hành hình, để răn người sau. Vua liền sắc tả hữu bắt trói lại rồi đánh trống xướng lệnh đưa đi khắp ngõ đường. Xong rồi đem tới một nơi trống trải ở ngoài thành mà hành hình. Mọi người khác thấy vậy truyền nhau: Nếu chúng ta làm giặc, cũng phải bị xử như thế chẳng khác gì. Từ đây quốc dân, để tự phòng hộ, mới tạo ra những binh tượng, gươm đao, cung tên, tàn hại nhau, tấn công, cướp giết lẫn nhau.

“Kể từ vua này mới bắt đầu có sự nghèo cùng. Nhân có nghèo cùng mới có đạo tặc. Nhân có đạo tặc mới có đao tượng. Nhân có đao tượng mới có sát hại. Nhân có sát hại nên nhan sắc con người mới tiêu tụy, thọ mạng ngắn ngủi. Họ sống từ bốn vạn tuổi, sau lần xuống còn hai vạn tuổi. Trong số đó có người sống lâu; có người chết yếu; có người khổ; có người sướng. Những người khổ thì sinh tâm tà dâm, tham thủ, bày đủ phương tiện để mưu đoạt của nhau, nên tai nạn nghèo cùng, trộm cướp, đao tượng, sát hại càng ngày càng nhiều, làm cho mạng người lại giảm dần xuống chỉ sống một vạn tuổi.

“Trong thời gian người sống một vạn tuổi, vẫn lại trộm cướp lẫn nhau. Mỗi khi bị rình bắt đem đến vua, tâu rằng: Người này làm giặc, xin vua trị nó. Vua hỏi: Có thật người làm giặc không? Người kia đáp: Tôi không làm. Và ở giữa đám đông nó cố ý nói dối. Như vậy chúng sanh lúc đó vì nghèo cùng nên trộm cướp. Vì trộm cướp nên có đao binh. Vì đao binh nên có giết hại. Vì giết hại nên có tham thủ tà dâm. Vì tham thủ tà dâm nên có nói dối.

Vì có nói dối, do đó tuổi thọ lại giảm lần, chỉ còn sống được một ngàn tuổi.

“Trong thời gian sống một ngàn tuổi, bắt đầu người ta tạo bốn ác hạnh về miệng trên đời là nói dối, nói hai lưỡi, nói độc ác và nói thêu dệt. Ba ác nghiệp đó tăng dần lên thì tuổi thọ con người giảm bớt xuống, chỉ còn sống được năm trăm tuổi.

“Trong thời gian sống năm trăm tuổi, người ta lại tạo thêm ba nết ác khác là dâm dục phi pháp, tham lam phi pháp và tà kiến. Ba ác nghiệp này tăng dần lên thì tuổi thọ con người giảm bớt xuống, chỉ còn sống đến ba trăm rồi hai trăm tuổi và nay, nhân loại trong thời ta, chỉ còn sống được một trăm tuổi. Số tuổi thọ được tăng thì ít mà giảm thì nhiều. Hễ cứ làm ác mãi thì tuổi thọ cứ như thế giảm xuống mãi cho đến khi nhân loại chỉ còn sống mười tuổi.

“Trong thời gian nhân loại sống mười tuổi này, con gái vừa sinh ra năm tháng đã gả chồng. Ở vào thời ấy, những vị ngon ngọt như dầu mỡ, đường mật không còn nghe tên. Đậu, mè, lúa, nếp biến thành cỏ rác. Những thứ danh phục, lụa là, gấm vóc, vải trắng, kiếp- ba, lụa tơ, lãnh nhiều như bây giờ không thấy mặc, mà phải bện lông gai xô xảm lấy làm áo mặc thượng hạng. Bây giờ, toàn cõi đất này mọc đầy gai góc, sanh đầy mòng muỗi, ruồi lằng, chấy rận, rắn rết, ong, bò cạp, trùng độc. Vàng bạc, lưu ly, trân châu, danh bảo đều lặn hết xuống đất, chỉ còn ngói đá, sạn sỏi thì nổi cả lên trên. Nhân loại lúc đó tuyệt nhiên không còn nghe đến tên thập thiện mà chỉ có thập ác đầy đây thế gian. Nhằm lúc cái tên thiện pháp còn không nghe thấy, nhân loại không biết đâu để tu tập hạnh lành, do đó hễ người nào làm điều cực ác, bất hiếu với cha mẹ, bất kính với sư trưởng, bất trung bất nghĩa, phản nghịch vô đạo, thì được dân chúng tôn sùng như hiện nay người ta tôn sùng kẻ làm điều lành, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng, trung tín tiết nghĩa, thuận đạo tu nhân vậy.

“Nhân loại thời ấy, phần nhiều tạo mười điều ác nên sa vào nẻo ác nhiều, hễ vừa trông thấy nhau là họ muốn bắn giết nhau như kẻ thợ săn trông thấy bầy nai.

“Cõi đất lúc ấy đầy dẫy hổ hùm, khe suối, hang hóc; đất rộng người thưa, đi lại ghê sợ. Nhằm lúc ấy thì có nạn đao binh nổi lên. Cọng cỏ nhánh cây cầm trong tay cũng đều biến thành qua mâu, giết hại nhau trong vòng bảy ngày. Khi ấy, những kẻ có trí, tìm

lánh vào rừng sâu, nương ở hang hốc, trong bảy ngày lòng quá sợ hãi mà phát lời từ thiện rằng: Người không hại ta, ta không hại người. Họ nhờ ăn cỏ cây mà sống còn. Qua khỏi bảy ngày họ từ núi đi ra, hễ gặp người sống sót, vừa thấy nhau đã mừng rỡ nói: Người không chết ư? Người không chết ư? Giống như cha mẹ chỉ có con một, xa cách lâu ngày, nay gặp lại mừng không xiết kể. Họ đem lòng mừng rỡ chúc hỏi nhau như thế xong, sau mới thăm hỏi đến nhà, thì hay rằng thân thuộc nhà họ đã chết đi nhiều, nên họ lại buồn khóc, than van, kêu ca với nhau trong suốt bảy ngày tiếp.

“Hết bảy ngày buồn khóc, tiếp đến bảy ngày họ cùng nhau chúc mừng, hoan lạc và tự nghĩ: Vì chúng ta chứa ác quá nhiều nên gặp phải tai nạn, khiến thân tộc chết chóc, gia quyến mất tiêu. Vậy nay ta nên chung nhau tu tập điều lành, nhưng hãy tu điều lành gì? Ta nên đừng sát sinh.

“Bấy giờ nhân loại lại phát từ tâm, không tàn hại nhau, nhờ đó nhân loại được tăng dân số và thọ mạng từ mười tuổi nay sống lên hai mươi tuổi. Trong lúc sống hai mươi tuổi lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít hạnh lành không tàn hại nhau mà thọ mạng tăng lên hai mươi tuổi. Có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Trước đã không sát sinh rồi, giờ ta nên đừng trộm cắp. Và do tu điều không trộm cắp mà thọ mạng tăng lên bốn mươi tuổi. Trong lúc sống bốn mươi tuổi, lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít lành mà thọ mạng tăng lên, nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên tu điều không tà dâm. Từ đó mọi người đều không tà dâm và thọ mạng tăng lên tám mươi tuổi. Trong lúc sống tám mươi tuổi, lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít lành mà thọ mạng tăng lên, nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói dối. Từ đó mọi người thảy đều không nói dối và thọ mạng tăng lên đến một trăm sáu mươi tuổi. Trong lúc sống một trăm sáu mươi tuổi lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói hai lưỡi. Từ đó mọi người đều không nói hai lưỡi và thọ mạng tăng lên ba trăm hai mươi tuổi. Trong lúc sống ba trăm hai mươi tuổi, lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không ác khẩu. Từ đó mọi người không

ác khẩu và thọ mạng tăng lên sáu trăm bốn mươi tuổi. Trong lúc sống sáu trăm bốn mươi tuổi, lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không nói thêu dệt. Từ đó mọi người không nói thêu dệt và thọ mạng tăng lên đến hai ngàn tuổi. Trong lúc sống hai ngàn tuổi, lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không xan tham. Từ đó mọi người không xan tham và thọ mạng tăng lên đến năm ngàn tuổi. Trong lúc sống năm ngàn tuổi, lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên không tật đố, Từ tâm tu thiện. Từ đó mọi người không tật đố, Từ tâm tu thiện và thọ mạng tăng lên đến một vạn tuổi. Trong lúc sống một vạn tuổi, lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên tu chánh kiến, không sanh điên đảo. Từ đó mọi người tu chánh kiến, không sanh điên đảo và thọ mạng tăng lên đến hai vạn tuổi. Trong lúc sống bốn vạn tuổi, lại suy nghĩ: Chúng ta nhờ tu chút ít điều lành mà thọ mạng tăng lên. Nay có lẽ ta nên tu thêm ít điều lành nữa. Nhưng nên tu điều lành gì? Ta nên hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng. Từ đó mọi người đều hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng và thọ mạng tăng lên đến tám vạn tuổi.

“Trong lúc nhân loại sống tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới gả chồng và có chín thứ bệnh là lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, tham dục, ham ăn và già nua. Cõi đất lúc ấy bằng phẳng không có rạch hẻm, gò nổi gai góc, cũng không mòng muối, rắn rết, trùng độc. Ngói, đá, cát, gạch thì biến thành lưu ly. Nhân dân sung túc, ngũ cốc rẻ thường, giàu vui không xiết tả. Có tám vạn thành lớn được dựng lên, thôn thành san sát gần nhau, gà gáy cùng nghe được.

“Vào thời kỳ ấy thì có Đức Phật ra đời hiệu là Di-lặc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ như Đức Thích-ca Như Lai ngày nay không khác. Đức Di-lặc kia tự mình tu chứng ngay ở giữa hàng chư Thiên, Đế Thích, Ma, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và Nhân gian, mà tự thân tác chứng, cũng như ta ngày nay ở ngay giữa hàng chư Thiên, Đế Thích, Ma hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và Nhân gian mà tự mình tác chứng vậy.

“Đức Di-lặc sẽ thuyết pháp, khoảng đầu, giữa và cuối đều trọn lành, đầy đủ nghĩa vị, tịnh tu phạm hạnh như ngày nay Ta thuyết pháp, khoảng đầu, giữa, cuối đều chân chánh, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh vậy.

“Đức Di-lặc có chúng đệ tử vô số ngàn vạn, như Ta ngày nay có đệ tử vài trăm. Nhân dân lúc ấy gọi đệ tử Ngài là Từ tử như gọi đệ tử Ta nay là Thích tử.

“Lúc ấy, có vua tên là Tương-già, là vua Sát-ly Chuyển luân Thánh vương quán lãnh, cai trị bốn châu thiên hạ. Vua lấy chánh pháp trị dân, ai nấy đều mến phục. Vua có đủ bảy thứ báu là bánh xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ, chủ binh và ngàn người con đồng mãnh hùng nghị, đủ sức dẹp ngoại địch, được bốn phương kính thuận, không cần binh đao mà thiên hạ thái bình.

“Vua thiết lập một Đại bảo tràng vòng vây mười tâm, cao một ngàn tâm, được trang nghiêm với ngàn sắc lặn lộn. Bảo tràng có một trăm góc ; mỗi góc có trăm nhánh, dẹt bằng chỉ báu, có các châu bảo xen lẫn. Sau khi lập bảo tràng để cúng thí hàng Sa-môn, Bà-la-môn và người nghèo trong nước xong, vua cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, tập hạnh vô thượng, ngay trong pháp hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử dứt hết, phạm hạnh thành tựu, việc làm hoàn mãn, không còn phải chịu thân sau nữa”.

Phật dạy:

“Này các Tỳ-kheo! Các người hãy siêng tu các thiện hạnh. Nhờ tu thiện hạnh mà thọ mạng lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong nhiêu, oai lực đầy đủ, giống như các vua thuận làm theo cữ

pháp của Chuyển luân Thánh vương thời thọ mạng lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong nhiêu, oai lực đầy đủ. Tỳ-kheo cũng vậy, nên tu thiện pháp, thọ mạng lâu dài, nhan sắc thêm tươi, an ổn khoái lạc, tài bảo phong phú, oai lực đầy đủ.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được thọ mạng lâu dài? Tỳ-kheo tu tập dục định, tinh cần không giải đãi, do thành tựu diệt hành mà tu thân thông.. Tu tập tinh tấn định, ý định, tư duy định, tinh cần

không giải đãi, do thành tựu diệt hành mà tu thần thông. Như thế là Tỳ-kheo thọ mạng lâu dài.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được nhan sắc thêm tươi? Ở đây, Tỳ-kheo có giới Cụ túc, thành tựu oai nghi, thấy có tội nhỏ đã sanh lòng sợ lớn, học tập đầy đủ trong các học giới, hoàn toàn không thiếu sót. Như thế là Tỳ-kheo nhan sắc thêm tươi.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được an ổn khoái lạc? Ở đây, Tỳ-kheo đoạn trừ dâm dục, xả bỏ pháp bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, chứng đệ Nhất thiên. Trừ diệt giác và quán, nội đẳng tịnh, tâm chuyên nhất, không giác không quán, có hỷ lạc phát sanh do định, chứng đệ Nhị thiên. Là hỷ, an trú xả, chuyên tâm không tán loạn, tự mình biết rõ cảm giác lạc nơi thân, an trú nơi điều mà Hiền thánh nói là xả-niệm-lạc, chứng đệ Tam thiên. Dứt khổ dứt lạc, ưu và hỷ đã loại trừ từ trước, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiên. Như thế là Tỳ-kheo an ổn, khoái lạc.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được tài bảo phong nhiêu? Ở đây, Tỳ-kheo lo tu tập Từ tâm, khắp một phương, rồi đến các phương khác cũng vậy, bao trùm, rộng lớn, bình đẳng vô lượng, trừ mọi oán kết, tâm không tật đố, tịch mặc từ nhu. Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế. Như thế là Tỳ-kheo được tài bảo phong nhiêu.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo được oai lực đầy đủ? Ở đây, Tỳ-kheo hiểu biết một cách như thật về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Như thế là Tỳ-kheo được oai lực đầy đủ. Nay các Tỳ-kheo! Nay Ta xem khắp những người có sức lực không ai hơn ma lực, nhưng Tỳ-kheo đã đoạn trừ hết hoặc lậu, thì lại thắng được chúng ma đó.

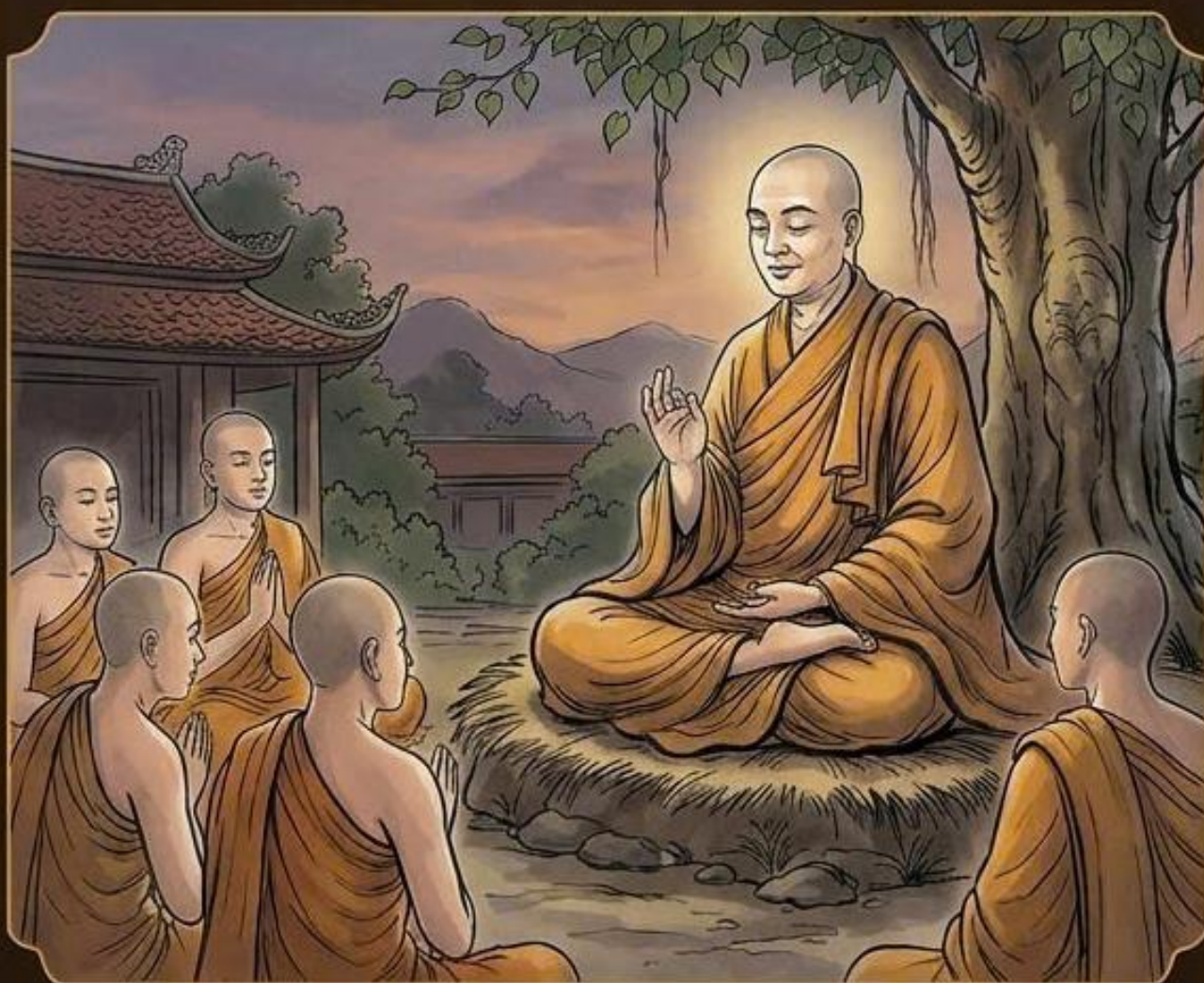
Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH TỆ TÚ



DỊCH GIẢ
HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch



KINH TỆ TÚ

Lúc bấy giờ, Đồng nữ Ca-diếp cùng năm Tỳ-kheo du hành từ nước Câu-tát-la lần đến thôn Bà-la-môn tên là Tư-bà-hê. Rồi Đồng nữ Ca-diếp nghỉ tại phía Bắc rừng Thi-xá-bà. Lúc đó có người Bà-la-môn tên Tệ-tú, xưa nay ở thôn Tư-bà-hê, một thôn giàu vui, nhân dân đông đúc, cây cối sâm uất do vua Ba-tư-nặc đã phong riêng cho Bà-la-môn Tệ-tú coi như là một ân điển. Bà-la-môn Tệ-tú là người thường chấp giữ dị kiến và dạy mọi người rằng: "Không có thế giới khác, cũng không có hóa sinh, không quả báo thiện ác".."

Lúc bấy giờ, người trong thôn Tư-bà-hê nghe có Đồng nữ Ca-diếp cùng năm Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la đi lần đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà, bàn nhau rằng: "Vị Đồng nữ Ca-diếp này có tiếng tăm lớn, đã chứng A-la-hán, kỳ cựu trưởng túc, đa văn, quảng bác, thông minh duệ trí, biện tài ứng cơ, giỏi cách nghị luận, nếu chúng ta gặp được thì hay lắm". Rồi người trong thôn cứ ngày ngày thay nhau tìm đến Ca-diếp. Bấy giờ Tệ-tú đang đứng trên lầu cao trông thấy mọi người từng đoàn nối nhau kéo đi mà chẳng biết đi đâu, mới hỏi người cầm đầu rằng:

"Những người kia vì sao họp thành đoàn nối nhau như thế?"

Người đầu đáp:

"Tôi nghe nói Đồng nữ Ca-diếp cùng năm trăm Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà. Lại nghe đồn người ấy có tiếng tăm lớn, đã chứng A-la-hán, kỳ cựu trưởng túc, đa văn quảng bác, thông minh duệ trí, biện tài ứng cơ, giỏi cách nghị luận. Những người kia họp thành đoàn nối nhau là đoàn muốn đến gặp Ca-diếp đây".

Tệ-tú liền sai người đầu:

"Người hãy mau tới nói mấy người ấy, bảo hãy dừng lại, chờ ta cùng đi đến gặp với. Vì sao? Vì người kia ngu si, nhầm lẫn, lừa dối thế gian, nói có thế giới khác, có hóa sinh, có quả báo thiện ác. Song kỳ thật không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác".

Người đầu vâng lời đến nói với người thôn Tư-bà-hê kia rằng:

“Ông Bà-la-môn bảo các người hãy dừng lại chờ, để cùng đi gặp gỡ”.”

Người trong thôn đáp:

“Hay lắm, nếu muốn đi, chúng ta hãy cùng đi”.”

Người hầu về thưa lại:

“Những người kia đang dừng lại đợi. Đi được thì đi mau”.”

Tệ-tú liền xuống lâu, sai người hầu sắp sửa xe cộ, rồi với đoàn người trong thôn vây quanh nhau, ông đi đến rừng Thi-xá-bà. Khi đến nơi, ai nấy đều xuống xe đi bộ đến chỗ ngài Ca-diếp, hỏi han xong ngồi lại một bên. Người trong thôn ấy, Bà-la-môn có, cư sĩ có, có người lễ bái Ca-diếp rồi mới ngồi, có người hỏi han rồi ngồi, có người tự xưng tên mình rồi ngồi, có người chấp tay xá rồi ngồi, có người chỉ lạng lẽ ngồi xuống.

Bấy giờ Bà-la-môn Tệ-tú nói với Ca-diếp:

“Nay tôi có điều muốn hỏi. Ngài có rỗi rảnh cho phép được hỏi không?”.

Ca-diếp đáp:

“Tùy theo chỗ ông hỏi, nghe rồi mới biết”.”

Tệ-tú nói:

“Luận thuyết của tôi là không có thế giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo tội phước. Luận thuyết của ngài thế nào?”

Ca-diếp đáp:

“Nay tôi hỏi ông. Ông hãy trả lời theo ý nghĩ của mình. Hiện mặt trời, mặt trăng ở trên kia thuộc về thế giới này hay thế giới khác? Thuộc về trời hay về người?”

Bà-la-môn đáp:

“Mặt trời, mặt trăng là thuộc về thế giới khác chứ không phải thế giới này; thuộc về trời chứ không phải người”.”

Ca-diếp nói:

“Như vậy có thể biết tất phải có thế giới khác, phải có hóa sinh, phải có quả báo thiện ác”.”

Bà-la-môn nói:

"Tuy ngài nói có thể giới khác, có hóa sinh, có quả báo thiện ác, nhưng theo ý tôi thì không tất cả"."

Ca-diếp hỏi:

"Có nhân duyên gì để biết không có thể giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác?"

"Có nhân duyên"."

"Nhân duyên gì để nói biết không có thể giới khác, không có hóa sinh, không có quả báo thiện ác?"

Bà-la-môn nói:

"Này Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con quen biết, mắc phải bệnh ngặt, tôi đến nói hỏi rằng: Các Sa-môn, Bà-la-môn thường chấp theo dị kiến, cho rằng những người sát sinh, trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, nói dối, nói thêu dệt, xan tham, tật đố, tà kiến, sau khi chết đều bị đọa địa ngục. Nhưng tôi không tin vì tôi chưa hề thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đọa vào. Nếu có người trở lại nói cho biết chỗ họ đọa vào, thì tôi tin ngay. Nay anh là chỗ thân thuộc của tôi. Anh đã tạo đủ mười điều ác. Nếu quả như lời Sa-môn nói thì anh chết chắc phải sa vào địa ngục. Nay tôi tin ở anh, tùy theo anh để quyết định. Nếu xét có cảnh địa ngục thật, anh hãy trở lại nói cho tôi biết. Sau đó tôi sẽ tin. Nhưng, này Ca-diếp, từ khi người ấy chết đến nay biệt mất không hề trở lại. Người ấy là người thân của tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại. Do đó tôi biết chắc không có thể giới khác"."

Ca-diếp trả lời:

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi sẽ dẫn ví dụ để giải bày. Ví như một tên đạo tặc, thường ôm lòng gian trá, vi phạm phép cấm nhà vua, bị rình bắt đem đến vua và tâu: Người này là giặc cướp, xin vua trị nó. Vua liền hạ lệnh tả hữu bắt trói kẻ kia bêu rêu khắp các ngõ đường, rồi chở ra khỏi thành, giao cho đao phủ xử hình. Khi tả hữu mang tên cướp đó giao cho đao phủ, tên giặc cướp ấy dùng lời mềm mỏng xin với thị vệ rằng: Xin ông thả cho tôi về thăm bà con xóm làng để nói vài lời từ biệt, xong tôi trở lại. Này Bà-la-môn, ông nghĩ sao, thị vệ kia có chịu thả không?"

Đáp: "Không".

Ca-diếp nói:

“Họ là người cùng loại, ở cùng một đời hiện tại, còn không chịu thả huống gì bà con ông tạo đủ mười điều ác, chết tất đọa địa ngục. Ngục quỷ không có từ tâm, lại không cùng một loại, thế giới chết sống khác nhau. Khi đó bà con ông nếu lấy lời ngon ngọt xin quỷ ngục rằng: Người hãy tạm tha ta, để ta trở lại nhân gian thăm bà con, từ biệt vài lời xong ta sẽ trở lại. Người ấy có được thả không?”

Đáp: “Không”.

Ca-diếp nói:

“Cứ so sánh theo đó đủ biết. Tại sao người còn giữ chặt chỗ mê lầm, sinh điều tà kiến như thế?”

Tệ-tú nói:

“Tuy ngài dẫn dụ bảo có thế giới khác, nhưng tôi vẫn cho là không có”.

Ca-diếp hỏi:

“Ông còn duyên cớ gì khác để biết không có thế giới khác?”

“Có duyên cớ khác để biết không có thế giới khác”.

“Duyên cớ gì?”

“Này Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con mắc phải bệnh nặng, tôi đến nói với nó rằng: Các Sa-môn, Bà-la-môn, chấp theo dị kiến bảo có thế giới khác. Rằng ai không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không hai lưỡi, không nói dối, không vọng ngữ, không nói thêu dệt, không tham lam, không tật đố, không tà kiến, thì khi chết được sinh lên cõi trời. Tôi trước kia không tin điều đó, vì từ trước tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đã sinh tới. Nếu có ai trở lại nói cho biết chỗ họ sinh đến thì tôi tin ngay. Nay anh là chỗ bà con tôi, anh đã tạo đủ mười điều lành. Nếu quả như lời Sa-môn, Bà-la-môn nói thì anh chết rồi sẽ được sanh lên cõi trời. Bây giờ tôi tin anh để quyết định. Vậy nếu xét thật có quả báo cõi trời, anh phải nhớ trở lại nói cho tôi biết để tôi tin. Nhưng, này Ca-diếp, từ ngày anh ta chết đến nay không hề trở lại. Anh ta là người thân của tôi, không thể dối tôi, hứa rồi không trở lại. Nên chắc không có thế giới khác”.

Ca-diếp nói:

“Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ người rõ. Ví như có người bị rớt xuống hầm xí, đầu mình chìm chìm. May được vua cho người vớt lên. Lấy tre làm lược, cạo trên thân người ấy ba lần, rồi lấy nước tháo đậu, tro sạch rửa lần.; Sau lại lấy nước thơm tắm gội, lấy các thứ bột hương xoa khắp mình và bảo thợ cạo sạch râu tóc cho. Lại cho người tắm gội thêm ba lần như thế, lấy nước thơm rửa, lấy bột hương xoa mình và lấy áo tốt mặc cho, làm đẹp thân thể người ấy. Tiếp đến, người ta đem thức ngon vị ngọt cho ăn rồi đưa đến ở ngôi nhà cao đẹp cho hưởng thú ngũ dục. Nay Tệ-tú, về sau người kia có muốn rớt xuống hầm xí nữa không?”

“Không. Chỗ dơ thối đó, còn trở lại làm gì”. ”

“Chư Thiên cũng thế. Họ cho cõi Diêm-phù này là nơi tanh hôi bất tịnh. Họ ở cách trên xa hàng trăm do-tuần còn nghe mùi hôi của nhân gian xông lên không khác hầm xí. Như vậy, nay Bà-la-môn, bà con của ông đây đủ thập thiện, tất nhiên sanh thiên, hưởng thú ngũ dục, khoái lạc vô cùng, phỏng có chịu trở lại cõi Diêm-phù hầm xí này không?”

Đáp: “Không”.

“Cứ so sánh theo đó đủ biết, tại sao ông còn giữ chặt mê lầm, sinh điều tà kiến thế!”

Bà-la-môn nói:

“Tuy ngài dẫn dụ nói có thế giới khác, song tôi vẫn cho là không có”. ”

Ca-diếp hỏi:

“Ông còn duyên có gì khác để biết không có thế giới khác?”

“Có duyên có khác”. ”

“Duyên có gì?”

“Nay Ca-diếp, nguyên tôi có người bà con mắc bệnh trầm trọng, tôi đến nói rằng: Các Sa-môn, Bà-la-môn, chấp theo dị kiến, bảo có đời sau. Rằng người nào không sát, không trộm cắp, không tà dâm, không dối, không uống rượu thì khi chết được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Nhưng tôi không tin vì tôi chưa từng thấy có ai chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ đã sanh tới. Nếu có ai trở lại cho biết thì tôi tin ngay. Nay anh là bà con tôi, anh tu đủ ngũ giới, chết rồi chắc được sinh lên cõi Đao-lợi. Giờ tôi chỉ còn tin anh để

quyết định. Vậy nếu quả có cõi thiên phước, anh hãy trở lại nói cho tôi biết để tôi tin. Nhưng này Ca-diếp, từ ngày anh ta chết đến nay không hề trở lại. Anh ta là bà con tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không lại? Nên chắc không có đời sau”.

Ca-diếp đáp:

“Ở cõi này một trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Cõi Đao-lợi cũng lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, mà người ở cõi trời kia lại sống lâu một ngàn năm như thế. Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào? Khi người bà con ông giữ gìn đủ ngũ giới, chết được sinh lên cõi trời Đao-lợi thì nghĩ rằng: Ta đã được sinh lên đây, ta hãy vui chơi trong hai, ba ngày, sau trở lại báo tin cho bà con ta hay. Như thế, chừng có gặp được không?”

“Không. Khi ấy tôi đã chết mất lâu rồi, làm sao gặp được. Nhưng tôi không tin; ai đã nói với ngài cõi trời Đao-lợi có sự sống lâu như thế?”

“Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ người rõ. Ví như có người sinh ra đã bị đui, không hiểu năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, dài, vắn; cũng không thấy mặt trời, mặt trăng, sao, gò, nổi, ngòi, rãnh gì gì cả. Nếu có ai hỏi nó xanh, vàng, đỏ, trắng như thế nào, thì nó trả lời ngay: Không có năm màu sắc. Cũng vậy, nếu hỏi đến thô, tế, dài, vắn, mặt trời, mặt trăng, sao, gò, nổi, ngòi, rãnh, thì nó cũng trả lời không có. Bà-la-môn, ông nghĩ thế nào, người mù trả lời như thế có đúng không?”

“Không đúng. Vì sao? Thế gian hiện có năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, dài, vắn, mà người mù bảo không”.

“Này Bà-la-môn, ông cũng như thế. Sự sống lâu của trời Đao-lợi có thật, không hư dối; chỉ vì người không thấy nên người mới nói không có thôi”.

Bà-la-môn nói:

“Tuy ngài nói có, nhưng tôi vẫn không tin”.

Ca-diếp hỏi:

“Ông còn có duyên cớ gì mà cho là không có đời sau?”

“Này Ca-diếp, nguyên người trong phong ấp của tôi có kẻ ăn cướp bị rình bắt được đem đến tôi và nói: Người này là giặc cướp,

xin ông trị nó. Tôi liền bảo trói người ấy lại bỏ vào trong một cái vạc, đập nắp trét kín với một lớp bùn dày, không để cho cái gì tiết ra được, rồi lấy lửa vây đốt. Lúc đó tôi cố tìm thử thần thức người ấy thoát ra chỗ nào, nên khiến kẻ thị tùng bao quanh cái vạc nhìn kỹ, song không ai thấy chỗ thần thức chui ra ở đâu. Sau tôi lại bỏ cái vạc ra tìm, cũng chẳng thấy chỗ nào là chỗ thần thức qua lại. Vì duyên cớ đó nên tôi biết chắc không có thế giới khác”.

Ca-diếp nói:

“Nay tôi hỏi ông, nếu trả lời được thì tùy ý mà trả lời.

“Này Bà-la-môn, khi ông nằm ngủ trên lầu cao, có lúc nào ông ngủ mộng thấy núi, rừng, sông, ngòi, vườn quán, ao hồ, quốc ấp, đường xá không?”

Đáp: “Có mộng thấy”.

“Này Bà-la-môn, lúc ông đang nằm mộng, quyền thuộc trong nhà có hầu quanh ông không?”

Đáp: “Có hầu”.

“Quyền thuộc của ông khi đó có thấy thần thức ông đi ra đi vào không?”

“Không thấy”.

“Ông hiện còn sống mà thần thức ra vào còn không thấy được, huống nơi người chết. Người không thể chỉ dựa vào việc trước mắt mà quán sát chúng sanh.

“Này Bà-la-môn, có những vị Tỳ-kheo, từ đâu đêm chí cuối đêm không ngủ, tinh cần chuyên niệm đạo phẩm, lấy sức tam-muội mà tịnh tu thiên nhãn. Rồi bằng năng lực thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh chết chỗ này sinh chỗ kia, chết chỗ kia sinh chỗ này, sống lâu hay chết yếu, nhan sắc tốt hay xấu, tùy hành vi mà thọ báo ở cảnh giới tốt hay xấu, đều thấy biết hết. Ông không nên vì lẽ con mắt thịt uế trước không nhìn thấy suốt chỗ thú hưởng của chúng sanh mà vội cho là không có. Này Bà-la-môn, do đó có thể biết chắc chắn có thế giới khác”.

Bà-la-môn nói:

“Tuy Ngài dẫn dụ nói có thế giới khác, nhưng theo chỗ tôi biết thì hẳn không có”.

Ca-diếp hỏi:

“Ông còn có duyên cớ gì cho là không có thể giới khác?”

Đáp: “Có”.

“Duyên cớ gì?”

Bà-la-môn nói:

“Nguyên người ở thôn tôi, có kẻ làm giặc cướp, bị rình bắt được đem đến tôi và nói: Người này làm giặc cướp, xin ông trị nó. Tôi liền sai tả hữu bắt trói người ấy lại, để sống vậy mà lột da tìm thần thức. Nhưng không trông thấy gì cả. Lại sai tả hữu cắt thịt ra tìm thần thức, cũng chẳng thấy. Lại sai xẻ xương, gân, vạc ra tìm cũng chẳng thấy. Lại sai đập xương tìm trong tủy, cũng chẳng thấy. Nay Ca-diếp, vì cớ đó, tôi biết chắc không có thể giới khác”.”

Ca-diếp nói:

“Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà được rõ. Để tôi dẫn chuyện này cho ông rõ. Vào thời quá khứ xa xưa, có một quốc độ bị điều tàn hoang phế chưa hồi phục. Bấy giờ có đoàn lái buôn gồm năm trăm cỗ xe đi ngang qua quốc độ này, gặp một người Phạm- chí thờ phụng thần Lửa thường nghỉ tại một khu rừng. Các người lái buôn mới đến xin ngủ trọ. Sáng ngày, sau khi bọn lái buôn đi, ông Phạm chí thầm nghĩ: Ta hãy đến chỗ mấy người lái buôn ngủ khi đêm xem thử họ có bỏ sót gì chẳng? Ông liền đến xem thì không thấy gì trừ một đứa con nít mới sanh độ một năm, đang ngồi một mình. Ông Phạm chí nghĩ: Ta đâu có thể nhẫn tâm thấy đứa nhỏ này chết trước mặt mình. Ta có nên mang đứa nhỏ này về chỗ mình để nuôi chẳng? Ông liền bồng về chỗ mình ở mà nuôi. Đứa trẻ mỗi ngày mỗi lớn, được mười tuổi hơn. Lúc đó ông Phạm chí có chút việc muốn đi vào nhân gian, mới dặn đứa nhỏ: Ta có chút việc, tạm đi khỏi ít hôm. Người khéo giữ gìn ngọn lửa này chớ để tắt. Nếu lửa có tắt, thì hãy lấy hai thanh củi cọ lại với nhau mà lấy lửa đốt lên. Dặn xong, Phạm chí ra đi. Sau khi ông đi, đứa nhỏ ham chơi, không chịu coi lửa cho thường, để lửa tắt. Đứa nhỏ hết chơi trở về thấy lửa đã tắt, áo não than thầm: “Ta làm hỏng rồi! Cha ta khi đi có dặn bảo ta phải trông coi ngọn lửa này đừng để tắt. Nay ta ham chơi, để cho lửa tắt. Phải làm gì đây? Nó liền thổi tro tìm lửa. Chẳng thấy lửa đâu. Lại lấy búa chẻ củi ra tìm, cũng chẳng thấy. Lại chặt củi thành khúc bỏ vào cối giã để tìm. Cũng chẳng thấy. Sau đó Phạm chí từ ngoài trở về, đến khu rừng mà ông trú ngụ, hỏi đứa nhỏ: Trước khi đi ta đã dặn người

coi lửa. Lửa có tắt không?. Đứa nhỏ đáp: "Vừa rồi con chạy ra ngoài chơi, không coi lửa thường, nên lửa đã tắt. Phạm chí lại hỏi: Người làm cách nào để lấy lửa lại? Đứa nhỏ đáp: Lửa phát ra từ củi. Con lấy búa bửa củi ra tìm mà chẳng thấy. Lại chặt nhỏ bỏ trong cối giã để tìm, cũng chẳng thấy. Ông Phạm chí liền lấy hai thanh củi cọ nhau, bỗng phát ra lửa. Ông chắt củi lên đốt và bảo đứa nhỏ: Muốn tìm lửa phải làm đúng cách này. Không nên chẻ củi, giã nát củi ra mà tìm.

"Này Bà-la-môn, ông cũng giống như thế. Chẳng có phương pháp nào đi lột da người chết ra mà tìm thần thức. Ông không thể dựa vào việc hiện trước mắt mà xem xét chúng sanh.

"Này Bà-la-môn, có những vị Tỳ-kheo, từ đầu đêm đến cuối đêm không ngủ, tinh cần chuyên niệm đạo phẩm, lấy sức tam-muội mà tịnh tu thiên nhãn. Rồi bằng năng lực thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh chết chỗ này sinh chỗ kia, chết chỗ kia sinh chỗ này, sống lâu hay chết yểu, nhan sắc tốt hay xấu, tùy hành vi mà thọ báo ở cảnh giới tốt hay xấu, đều thấy biết hết. Ông không nên vì lẽ con mắt thịt uế trước không nhìn thấy suốt chỗ thú hưởng của chúng sanh mà vội cho là không có.

"Này Bà-la-môn, do đó có thể biết, tất phải có thế giới khác vậy".

Tệ-tú nói:

"Tuy ngài dẫn dụ nói có thế giới khác, song theo chỗ tôi biết thì hẳn không có".

Ca-diếp hỏi:

"Ông còn có duyên cớ gì cho là không có thế giới khác?"

"Có".

"Duyên cớ gì?"

Bà-la-môn nói:

"Ở phong ấp của tôi, có kẻ làm giặc cướp, bị rình bắt được, đem đến tôi và nói: Người này làm giặc, xin ông trị nó. Tôi liền sai tả hữu đem người ấy ra cân. Người hầu vâng mạng, đem nó đi cân. Tôi lại bảo người hầu: Người mang người này đi giết từ từ, êm thấm, không làm hao tổn lấy một chút da thịt. Người hầu vâng lệnh giết mà không để chút hao hụt. Tôi sai tả hữu đem xác người ấy cân lại. Nó lại nặng hơn trước.

"Này Ca-diếp, thân người ấy khi sống, thần thức đang còn, nhan sắc tốt tươi, còn nói năng được mà đem cân thì nhẹ. Đến khi chết, thần thức đã mất, nhan sắc không còn tươi tốt, không nói năng được; mà đem cân thì lại thấy nặng. Vì có đó nên tôi biết không có đời sau"."

Ca-diếp nói:

"Tôi nay hỏi ông. Tùy ý trả lời.

"Ví như người cân sắt. Khi sắt còn nguội đem cân thì nặng. Sau đốt đỏ đem cân lại nhẹ. Tại sao khi sắt nóng, mềm, có màu đỏ sáng mà nhẹ, khi sắt nguội, cứng, không màu đỏ sáng mà lại nặng?"

Bà-la-môn nói:

"Sắt nóng chín có màu đỏ và mềm, nên nhẹ; sắt nguội không màu đỏ mà cứng, nên nặng"."

Ca-diếp nói:

"Con người cũng thế. Khi sống có nhan sắc, mềm mại mà nhẹ. Khi chết không nhan sắc, cứng đờ mà nặng. Do đây mà biết tất có thể giới khác"."

Tệ-tú nói:

"Tuy ngài dẫn dụ nói có thể giới khác. Nhưng theo tôi biết thì không có thể giới khác"."

Ca-diếp hỏi:

"Ông còn có duyên cớ gì mà cho là không có thể giới khác?"

"Có. Nguyên tôi có người bà con mắc bệnh nặng. Tôi đến thăm, bảo người đỡ nằm nghiêng tay mặt. Người ấy liếc ngó, co duỗi, nói năng như thường. Tôi lại bảo đỡ nằm nghiêng tay trái, người ấy cũng còn liếc ngó, co duỗi, nói năng như thường. Rồi nó chết. Tôi lại bảo đỡ xác người ấy nằm nghiêng tay mặt, tay trái, lật sấp, lật ngửa, xem kỹ thì không thấy người ấy co duỗi, liếc ngó, nói năng chi cả. Do đó tôi biết chắc không có thể giới khác"."

Ca-diếp nói:

"Người trí nhờ thí dụ mà được rõ. Ta sẽ dẫn ví dụ cho ông rõ.

"Xưa có một quốc độ không ai từng nghe tiếng tù và. Hôm nọ có người thổi tù và giỏi, đến nước đó, đi vào trong một thôn nọ, cầm tù và thổi ba tiếng rồi bỏ xuống đất. Khi ấy, trai gái trong

thôn nghe tiếng lạ kinh động, rủ nhau đến hỏi: Thứ tiếng gì mà trong trẻo hòa dịu như thế? Người chủ chỉ vào tù và mà nói Tiếng của cái đó. Người trong thôn liền lấy tay vỗ vào tù và, nói: Người kêu lên, người kêu lên. Nhưng tù và bật không kêu. Người chủ lại cầm tù và lên thổi thêm ba tiếng rồi bỏ xuống đất. Người trong thôn nói: Cái thứ tiếng hay ho ta nghe khi nãy chẳng phải do sức tù và làm, mà cần có tay, có miệng, có hơi thổi, nó mới kêu. Con người cũng thế. Phải có thọ mạng, có thần thức và hơi thở mới co duỗi, liếc ngó, nói năng được. Không thọ, không thức, không hơi thở thì không thể co duỗi, liếc ngó, nói năng được”."

Ca-diếp lại khuyên:

"Ông nên từ bỏ cái ác tà kiến đó. Chớ giữ nó suốt đời, chỉ có thêm khổ não"."

Bà-la-môn nói:

"Tôi không thể bỏ được. Vì sao? Tôi từ sinh ra đến giờ đã tụng đọc, luyện tập kiên cố. Đâu có bỏ được"."

Ca-diếp nói:

"Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ.

"Thuở xa xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân điêu tàn. Trong nước có hai người, một anh trí và một anh ngu, bảo nhau: Tôi là bạn anh. Chúng ta hãy cùng nhau ra ngoài thành bứt lúa mọc hoang về làm của. Rồi họ cùng đi. Khi đến một xóm hoang, thấy có cây gai mọc đầy đất, người trí bảo người ngu chung nhau lấy đem về, mỗi người mỗi gánh. Sau đi ngang xóm trước, họ thấy có đám chỉ gai. Người trí nói: Chỉ gai này đã làm thành, nhỏ và mịn, đáng lấy hơn. Người kia nói: Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ rồi, không thể bỏ được. Người trí một mình lấy một gánh nặng chỉ gai đem về. Họ cùng nhau đi, bỗng lại gặp có đám vải gai. Người trí nói: Vải gai này đã làm thành, nhẹ và mịn đáng lấy hơn. Người kia nói: Tôi đã lấy cây gai đó buộc chặt chẽ rồi, nay không bỏ được. Người trí liền bỏ gánh chỉ gai mà lấy vải gai làm một gánh nặng. Họ lại cùng nhau đi tới. Bỗng lại gặp đồng bông gòn . Người trí nói: Bông gòn có giá, nhẹ và mịn, đáng lấy hơn. Người kia nói: Tôi đã lấy cây gai, bó buộc chắc chắn, gánh đi đã xa đường rồi nay không bỏ được. Người trí một mình bỏ vải gai mà lấy bông gòn gánh đi. Lăn lữa họ gặp chỉ bông, gặp vải

bông; rồi gặt đồng trắng, rồi gặt bạc, gặt vàng. Người trí nói: Nếu không vàng ta hãy lấy bạc, không bạc ta hãy lấy đồng, hay ta hãy lấy chỉ gai, nếu không chỉ gai ta mới lấy cây gai, nhưng nay tại thôn này có nhiều vàng, là thứ quý hơn các bảo vật khác, người nên bỏ cây gai, ta sẽ bỏ bạc để chung nhau lấy vàng, mỗi người gánh lấy gánh nặng đem về. Nhưng người kia nói: Tôi đã lấy cây gai bó buộc chắc chắn gánh đi đã xa, nay không thể bỏ được. Người muốn lấy vàng thì lấy, tùy ý. Người trí liền bỏ bạc mà lấy vàng, gánh một gánh nặng đem về. Đến nhà, bà con người trí vừa thấy bóng anh ta gánh nhiều vàng thì hoan hỷ nghinh đón. Người trí thấy được bà con nghinh đón lại càng vui mừng hơn. Người ngu gánh cây gai về, bà con trông thấy không chút vui mừng, không thèm nghinh đón. Người ngu gánh gai cũng càng thêm buồn và hổ thẹn.

“Này Bà-la-môn, ông nên rời bỏ cái xu hướng ác tà kiến ấy đi, chớ để suốt đời chuốc thêm khổ não. Như người gánh cây gai, cứ chấp chặt ý ngu, không chịu lấy vàng, lại cứ gánh gai đem về, luống chịu lao nhọc, bà con không vui, suốt đời nghèo cùng, tự mang thêm khổ sở”.

Bà-la-môn đáp:

“Tôi không bao giờ bỏ kiến thức sẵn có của tôi được. Vì sao? Vì tôi nhờ thứ kiến thức đó mà dạy vẽ cho nhiều người, đem lại nhiều ích lợi, vua chúa tứ phương đều nghe danh tôi, đều biết rõ tôi là nhà học giả chủ trương đoạn diệt cả rồi”.

Ca-diếp lại nói:

“Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ.

“Thuở xa xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân đều điêu tàn. Lúc đó có một đoàn buôn gồm một ngàn cỗ xe đi ngang qua nước đó. Vì không đủ nước, thóc, củi và cỏ, thương chủ bèn nghĩ: Bọn ta đông người, không thể tự lo đủ nước, thóc, củi và cỏ. Nay ta hãy chia đoàn thành hai bộ phận. Một bộ phận lên đường trước. Người dẫn đạo của toán đi đâu gặp một người thân thể to lớn, mắt đỏ, mặt đen, mình mẩy dính đầy bùn. Trông thấy người ấy từ xa đi lại, người dẫn đầu toán bèn hỏi: Ông từ đâu lại? Đáp: Tôi từ xóm phía trước lại. Lại hỏi: Chỗ đó có nhiều nước, thóc, củi và cỏ không? Đáp: Chỗ ấy có rất nhiều nước, thóc, củi và cỏ, không thiếu. Tôi giữa đường gặp mưa lớn. Chỗ ấy nước

nhieu mà củi, cỏ cũng nhiều. Lại bảo thương chủ: Trên xe các ông, nếu có thóc và cỏ, có thể bỏ hết đi. Đằng kia dư dả, không cần chở nặng xe. Rồi thương chủ ấy nói với các thương nhân rằng: Tôi có gặp một người thân thể to lớn, mắt đỏ mặt đen, xoa bùn khắp mình, từ đằng xa đi lại, tôi hỏi: Ông từ đâu lại? Thì người đó trả lời: "Từ thôn đằng trước kia lại". Tôi hỏi: Ở thôn đó có nước gạo củi cỏ nhiều không? Người đó trả lời: Thôn ấy giàu có, nước gạo củi cỏ không thiếu. Lại bảo tôi: Tôi vừa đi giữa đường thì gặp trời mưa lớn. Chỗ này có nhiều nước; và củi cỏ cũng nhiều. Rồi ông ta lại bảo tôi: Nếu trên xe bọn người có chở thóc cỏ gì thì nên bỏ xuống hết. Thôn kia giàu có, không cần chở xe nặng làm chi. Vậy các bạn nên bỏ thóc cỏ đi cho nhẹ xe. Rồi như lời ấy, cả toán bỏ hết thóc cỏ xuống để cho xe nhẹ đi mau tới. Đi như thế một ngày, chẳng thấy cỏ nước đâu. Đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày cũng không thấy đâu. Bọn người buôn phải khốn cùng nơi đầm vắng và bị ác quỷ bắt ăn thịt hết.

"Toán thứ hai tiếp tục lên đường. Người chủ buôn đi đâu, lại gặp một người to lớn mắt đỏ, mặt đen, mình mẩy dính đầy bùn. Trông thấy người ấy từ xa đi lại, người dẫn đầu hỏi: Ông từ đâu lại? Người kia đáp: Tôi từ xóm trước lại. Lại hỏi: Chỗ đó có nhiều nước, thóc, củi và cỏ không? Đáp: Chỗ ấy có rất nhiều. Rồi lại bảo thương chủ: Tôi ở giữa đường gặp cơn mưa lớn. Chỗ ấy nước nhiều, cũng có nhiều củi, cỏ. Lại bảo thương chủ: Trên xe các ông, nếu có thóc, cỏ thì có thể vứt bỏ hết đi. Đằng kia dư dả; không cần chở nặng xe làm gì. Khi ấy, thương chủ trở lại nói với mọi người: Ta vừa đến phía trước, gặp một người; y nói với ta rằng: Trên xe các ông, nếu có thóc cỏ thì có thể vứt bỏ hết đi. Đằng kia dư dả, không cần chở nặng xe. Rồi thương chủ dặn: Thóc, cỏ; các người hãy cẩn thận chớ vứt bỏ đi. Bao giờ được có cái mới rồi hãy bỏ. Vì sao? Cái mới, cái cũ nối tiếp luôn mới mong qua khỏi bãi hoang. Cả đoàn buôn cứ chở xe nặng mà đi. Đi được một ngày, chẳng thấy cỏ nước đâu. Đi hai ngày, ba ngày đến bảy ngày cũng chẳng thấy đâu, chỉ thấy xương cốt ngổn ngang của toán người đi trước bị quỷ bắt ăn thịt để lại.

"Này Bà-la-môn, người mặt đỏ mặt đen kia chính là quỷ La-sát. Những người nghe theo lời nó, suốt đời chịu khổ, chẳng khác toán buôn đâu vì vô trí nghe theo người dẫn đường mà phải thiệt mạng. Những Sa-môn, Bà-la-môn tinh tấn, trí tuệ, họ có dạy gì,

ai nghe theo thời suốt đời được an ổn như toán buôn sau, nhờ có trí nên khỏi bị tai nạn.

“Này Bà-la-môn, ông hãy bỏ thứ ác kiến đó đi, chớ để suốt đời chỉ chuốc thêm khổ não”.”

Bà-la-môn nói:

“Tôi không thể nào bỏ kiến thức đó được. Nếu có ai đến can tôi lắm, thì chỉ làm tôi phát giận chớ tôi quyết không bao giờ bỏ”.”

Ca-diếp tiếp:

“Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà được rõ. Tôi sẽ dẫn ví dụ cho ông.

“Thuở xưa, có một quốc độ mà suốt biên cương nhân dân đều điêu tàn. Lúc đó có một người thích nuôi heo. Nhân anh ta đi đến một thôn vắng, thấy có nhiều phân khô, mới nghĩ thầm: Chỗ này nhiều phân, mà heo ta ở nhà đang đói. Ta nên lấy cỏ gói phân này đội trên đầu đem về. Rồi anh ta liền lấy cỏ gói phân đội đi. Bất ngờ giữa đường gặp cơn mưa lớn, nước phân chảy xuống thấu gót chân. Mọi người thấy vậy chê anh ta điên cuồng: Đội phân dơ ấy, giả sử trời tạnh còn không nên đội thay, huống giữa lúc trời mưa lại đội mà đi. Anh ta nổi giận mắng lại: Các người là đồ ngu, không biết heo ta ở nhà đang đói. Nếu các người biết, chắc không nói ta ngu.

“Này Tệ-tú! Người nên bỏ thứ ác kiến đó đi, chớ giữ chặt sự ngu mê mà suốt đời chịu khổ. Như người ngu kia đã đội phân mà đi, bị kẻ khác chê trách, can ngăn, lại trở mắng người ta vô trí!”

Bà-la-môn nói với Ca-diếp:

“Các ngài nếu bảo làm lành được lên trời, chết hơn sống, sao các ngài không lấy dao tự vẫn hoặc uống thuốc độc chết đi, hoặc trói tay chân rồi gieo mình từ trên bờ cao? Nhưng nay thầy đều tham sống, không ai tự sát cả. Như thế đủ biết chết không hơn sống!

Ca-diếp nói:

“Những kẻ có trí nhờ thí dụ mà mau rõ. Tôi nay sẽ dẫn ví dụ thêm cho ông rõ.

“Xưa ở thôn Tư-bà-hê này có một người Phạm chí, kỳ cựu trưởng lão, tuổi đã một trăm hai mươi, có hai người vợ, một người có con trước, còn một người mới có thai. Phạm chí ấy

không bao lâu thì chết. Con người mẹ lớn nói với người mẹ nhỏ rằng: Bao nhiêu gia tài này đều về tôi cả, bà không có phần". Người mẹ nhỏ nói: Hãy chờ ít lâu để tôi sinh. Nếu là con trai thì nó phải có một phần gia tài. Nếu là con gái, cậu cưới nó thì sẽ có tiền". Nhưng con của người vợ lớn cứ nằn nì ba lần đòi chia gia tài cho được, người vợ nhỏ vẫn trả lời như trước. Con của người vợ lớn bức ép mãi. Người vợ nhỏ bèn lấy dao tự mổ bụng mình để coi cho biết con trai hay con gái.

"Này Bà-la-môn, người mẹ này tự sát, lại hại luôn đứa con trong bào thai. Bà-la-môn các người cũng như thế, đã tự giết mình còn muốn giết kẻ khác. Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn tinh cần tu thiện, đầy đủ giới đức mà sống lâu ở đời thì đem lại nhiều ích lợi, an lạc cho nhân thiên.

"Nay tôi sẽ dẫn một ví dụ cuối cùng để cho người rõ tai hại của ác kiến.

"Xưa ở thôn Tư-bà-hê này có hai tay nghề giỏi luyện trò chơi bi. Một hôm họ đấu nghề với nhau, một người hơn cuộc. Người thua nói với người hơn rằng: Thôi ngày nay nghỉ để ngày mai đấu lại. Người thua trở về nhà lấy mấy hòn bi để chơi đem tẩm thuốc độc, phơi khô, ngày mai đem tới chỗ người hơn đòi đấu nghề lại. Trước khi cùng chơi, người thua lấy một hòn bi đã tẩm thuốc độc trao cho người hơn, người hơn lấy nuốt. Người thua trao nữa, người hơn nuốt nữa, bị chất độc chạy, làm toàn thân run rẩy. Bấy giờ người thua bèn mắng bằng một bài kệ:

Ta bôi thuốc vào bi,
Người nuốt mà không hay.
Tiểu kỹ, hãy nuốt đi,
Về sau khắc tự biết.

"Này Bà-la-môn! Người nên mau mau xả bỏ ác kiến đó đi, chớ để mê muội mãi càng thêm khổ sở, như anh chàng làm trò kia nuốt độc vào mình mà không biết!

Bấy giờ Bà-la-môn bạch Ca-diếp rằng:

"Tôn giả mới nói về dụ mặt trăng, tôi đã hiểu rồi. Tôi sợ dĩ nhiên phen không chịu, vì tôi muốn thấy chỗ trí tuệ biện tài của ngài để thêm chắc lòng tin. Nay tôi xin tín thọ quy y Ca-diếp".

Ca-diếp đáp:

“Ông chớ quy y ta, mà nên quy y nơi Đấng Vô Thượng Tôn như ta đã quy y”.”

Tệ-tú hỏi:

“Không hiểu Đấng Vô Thượng Tôn mà ngài đã quy y nay ở đâu?”

Ca-diếp đáp:

“Đức Thế Tôn thầy tôi đã diệt độ chưa bao lâu”. .”

Tệ-tú nói:

“Nếu Thế Tôn còn, dù xa gần tôi cũng tìm đến để tự thân nhìn thấy, quy y lễ bái. Nay nghe Ca-diếp nói Như Lai đã diệt độ, vậy tôi xin quy y Đức Như Lai diệt độ, quy y Phật pháp và chúng Tăng. Xin Ca-diếp cho tôi được làm Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp; từ nay về sau, tôi thề trọn đời không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Nay tôi sẽ đại bố thí cho tất cả”.”

Ca-diếp nói:

“Nếu ông giết mổ chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội, đó không phải người làm phước thanh tịnh. Ví như trên chỗ đất cạn, sạn sỏi, gai mọc nhiều, đem gieo giống vào tất không gặt được gì. Nếu ông giết mổ chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí cho chúng tà kiến, đó không phải là phước thanh tịnh. Nếu ông mở hội đại thí mà không sát hại chúng sanh, không dùng roi gậy đánh đập tôi tớ, đem lòng hoan hỷ mở hội để thí cho hạng người thanh tịnh thì người sẽ thu được phước lớn. Ví như chỗ ruộng tốt, đúng mùa đem gieo giống tất được gặt nhiều”.”

“Này Ca-diếp, từ nay về sau tôi sẽ luôn luôn tịnh thí cho chúng Tăng, không để gián đoạn.

Lúc đó có một Phạm chí trẻ tên là Ma-đâu, đứng sau lưng Tệ-tú. Tệ-tú quay lại bảo:

“Nay ta muốn mở hội đại thí tất cả, người hãy thay ta sắp đặt và phân xử.”

Phạm chí trẻ vâng lời Tệ-tú sắp đặt và phân xử. Khi sắp đặt xong, cất tiếng nói rằng:

“Nguyện cho ông Tệ-tú đời nay, đời sau chẳng được phúc báo gì cả”.”

Tệ-tú nghe được, kêu Phạm chí trẻ đến hỏi:

“Người có nói nói như thế chẳng?”

Phạm chí trẻ đáp:

“Đúng như vậy. Tôi thật có nói như vậy. Bởi vì các thức ăn thô kém như vậy nay ngài bày dọn để thí chúng Tăng, nếu thử đem cho ngài, ngài còn không thèm sờ tay tới hưởng là lấy ăn. Những thứ được dọn bày hiện tại không thể vui mắt đẹp lòng làm sao đời sau có được quả báo thanh tịnh. Ngài bố thí y phục cho chúng Tăng mà thí toàn vải gai, nếu thử đem nó cho ngài, ngài còn không lấy chân sờ tới hưởng hồ lấy mặc. Những thứ được dọn bày hiện tại không thể vui mắt đẹp lòng làm sao đời sau có được quả báo thanh tịnh”.”

Khi ấy Bà-la-môn lại bảo Phạm chí:

“Từ nay về sau người hãy lấy thứ vật ta ăn, thứ áo ta mặc mà bố thí chúng Tăng”. Phạm chí trẻ vâng lời làm theo lấy thứ vật mà vua ăn, thứ áo vua mặc mà bố thí chúng Tăng.

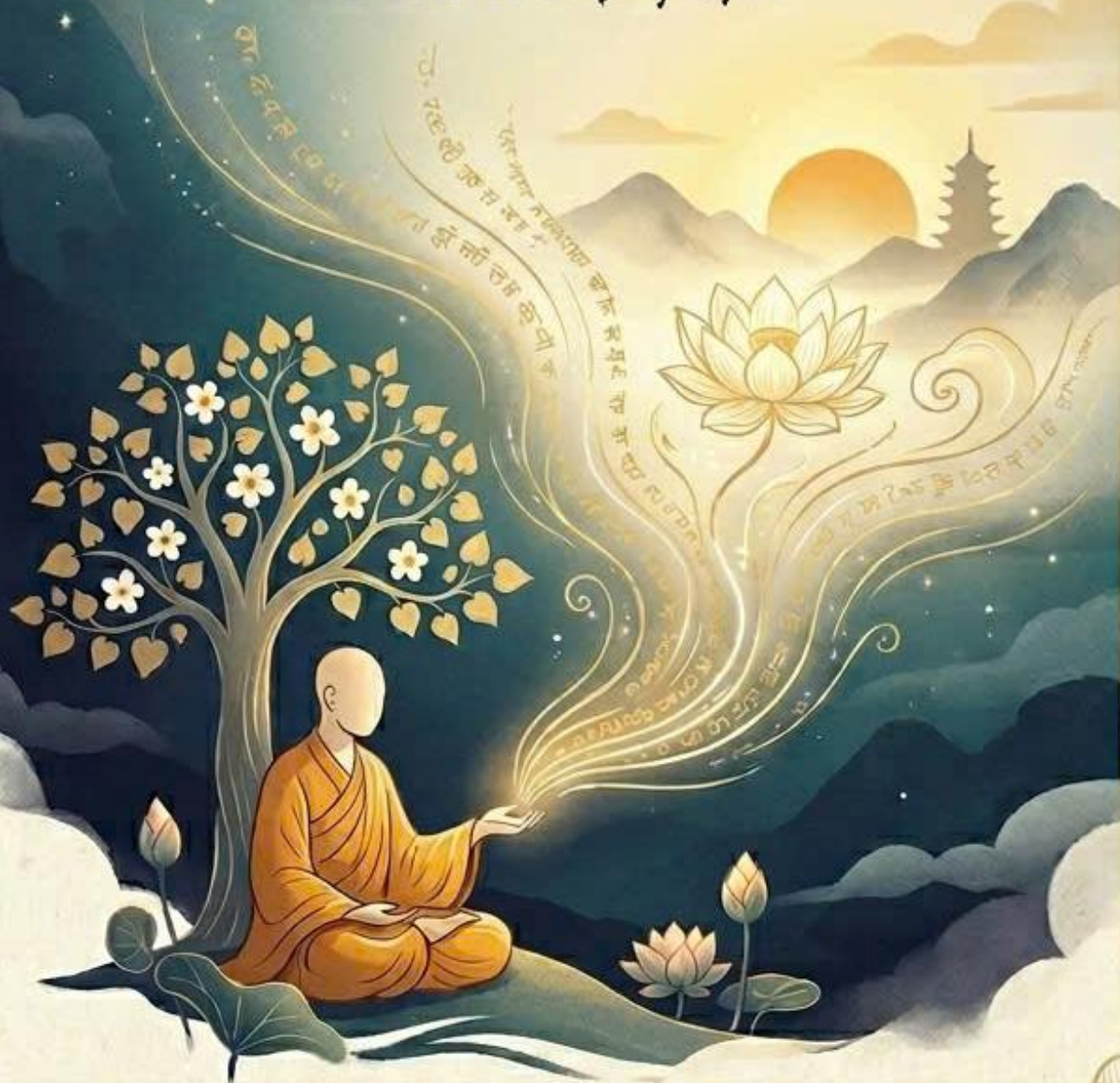
Bà-la-môn khi thiết tịnh thí này, thân hoại mạng chung sinh lên một cõi trời hạ liệt. Phạm chí trẻ trông nom mở hội thì sau khi chết lại được sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Bấy giờ, Bà-la-môn Tệ-tú, Phạm chí trẻ và chúng Bà-la-môn, Cư sĩ trong thôn Tư-bà-hê, sau khi nghe những điều Đồng nữ Ca-diếp thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Trường A Hàm

Kinh Tán Đà Na

TH. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH TÁN ĐÀ NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại động cây Thất diệp, núi Tỳ-ha-la, thành La-duyet-kỳ cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi 1. 250 người.

Lúc đó, ở thành Vương xá có một cư sĩ tên Tán-đà-na, tính ưa đi dạo, cứ ngày ngày ông ra khỏi thành, đến chỗ Đức Thế Tôn. Một hôm, ông xem bóng mặt trời rồi thầm nghĩ: “Giờ này chưa phải lúc đến bái yết Phật. Giờ này Phật còn nhập định tại tịnh thất và các Tỳ-kheo cũng đang thiền tịnh. Ta hãy đi đến rừng của nữ Phạm chí Ô-tạm-bà-lỵ, chờ đúng giờ sẽ đến Phật để lễ bái và gặp các Tỳ-kheo cung kính thăm viếng”.

Trong rừng của nữ Phạm chí lúc đó có Phạm chí tên Ni-câu-đà cùng năm trăm đệ tử đang tụ tập một chỗ, lớn tiếng bàn luận, suốt ngày chỉ nói những điều phù phiếm, chướng đạo. Hoặc luận bàn quốc sự. Hoặc bàn việc đao binh chiến tranh. Hoặc bàn việc quốc gia hòa nghĩa. Hoặc bàn việc đại thần, việc thứ dân. Hoặc bàn chuyện xe ngựa, công viên, rừng. Hoặc bàn chuyện chiếu giường, y phục, ăn uống, phụ nữ. Hoặc bàn việc núi biển, rùa trạnh. Nghĩa là họ chỉ bàn những điều chướng ngại đạo như thế mà hết ngày.

Khi Phạm chí kia vừa xa thấy bóng cư sĩ Tán-đà-na đi lại liền ra lệnh:

“Chúng người hãy tĩnh lặng. Vì sao vậy? Vì có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang từ ngoài đến. Trong hàng đệ tử bạch y của Sa-môn Cù-đàm, ông đó vào hạng trưởng thượng. Ông ấy chắc đi đến đây. Các người hãy im lặng”.

Các Phạm chí đều im lặng. Cư sĩ Tán-đà-na đi đến chỗ Phạm chí, chào hỏi xong ngồi một bên và nói với Phạm chí:

“Thầy tôi, Đức Thế Tôn, thường ưa nhàn tĩnh, chẳng ưa huyên náo. Không như các ông và đệ tử các ông ưa ở giữa đám đông cao tiếng luận đàm. Nhưng chỉ toàn những lời chướng đạo, vô ích”.

Phạm chí nói lại:

“Sa-môn Cù-đàm có từng cùng mọi người đàm luận không? Mọi người làm sao biết được Sa-môn có đại trí tuệ? Thầy người thường ưa ở chỗ biên địa. Cũng như con trâu đui ăn cỏ, chỉ hài lòng với chỗ mà nó thấy. Thầy người là Cù-đàm cũng thế. Cứ ham điều độc kiến riêng nên mới ưa chỗ không người. Nếu thầy người lại đây, chúng ta sẽ kêu là trâu đui. Sa-môn Cù-đàm thường xưng là bậc đại trí tuệ, nhưng ta chỉ cần một câu là đủ làm cho cùng bí mà phải im lặng. Ví như con rùa thu hết mình vào vỏ cho thể là yên ổn rồi. Nhưng ta chỉ cần một mũi tên là làm cho không chỗ tránh”.”

Lúc đó, Đức Thế Tôn đang ở tại tịnh thất, bằng thiên nhĩ, nghe câu chuyện giữa Phạm chí và cư sĩ như thế, liền ra khỏi động Thất diệp, đi đến rừng nữ Phạm chí Ô-tam-bà-ly.

Khi Phạm chí vừa từ xa thấy Phật đi lại, bảo các đệ tử:

“Các người im lặng. Sa-môn Cù-đàm đang muốn đến đây. Các người chớ đứng dậy nghinh đón, cung kính lễ bái, cũng đừng mời ngồi. Chỉ riêng một chỗ cho ông ta ngồi thôi. Khi y ngồi xong các người hãy hỏi: Sa-môn Cù-đàm, từ trước đến nay ông dạy bảo đệ tử những pháp gì để họ được an ổn, tịch định, tịnh tu phạm hạnh.”

Bấy giờ, Thế Tôn vừa đi đến khu vườn, Phạm chí bất giác đứng dậy, nghinh đón Thế Tôn và nói rằng:

“Xin mời đến đây, Cù-đàm. Xin mời đến đây, Sa-môn. Từ lâu không được gặp, nay có việc gì Ngài đến đây? Xin mời ngồi tạm ở đằng trước”.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn ngồi xuống, vui vẻ mỉm cười và thâm nghĩ: Các người ngu này không tự chủ được. Trước đã đặt lệnh ước với nhau mà rốt cuộc không giữ toàn. Sở dĩ vậy, là vì thần lực của Phật khiến ác tâm của chúng tự nhiên tiêu tan.

Cư sĩ Tán-đà-na đánh lễ chân Phật rồi ngồi một bên.

Phạm chí Ni-câu-đà chào hỏi Phật xong cũng ngồi một bên và bạch Phật:

“Sa-môn Cù-đàm từ trước đến nay dạy bảo hàng đệ tử những pháp gì khiến họ được tịch định an vui, tịnh tu phạm hạnh?”

Phật nói:

“Hãy thôi Phạm chí. Pháp Ta sâu rộng. Những điều mà từ trước đến nay Ta dạy các đệ tử được an vui, tịnh tu phạm hạnh, không phải là những điều mà ông có thể theo kịp”.”

Rồi Phật lại nói với Phạm chí:

“Dẫu đến cả đạo pháp mà thầy của ông và các đệ tử của ông tu hành, tịnh hay bất tịnh, Ta cũng nói được cả”.”

Lúc đó năm trăm đệ tử Phạm chí này đều cất tiếng bảo nhau: “Sa-môn Cù-đàm có oai thế lớn, có thần lực lớn thật. Người ta hỏi nghĩa lý mình, mình lại giảng trở lại nghĩa lý của người ta!” Phạm chí bạch Phật:

“Lành thay Cù-đàm! Xin Ngài phân biệt cho”.”

Phật bảo Phạm chí:

“Này Phạm chí, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe. Ta sẽ nói”.”

Phạm chí đáp:

“Rất vui lòng được nghe”.”

Phật nói:

“Những điều sở hành của ông toàn là thấp hèn. Như việc, cởi bỏ y phục để trần truồng, hoặc lấy tay che, hoặc không nhận đồ ăn đựng trong cái ghè, không nhận đồ ăn đựng trong chậu, không nhận đồ ăn giữa hai bức vách, không nhận đồ ăn giữa hai người, không nhận đồ ăn giữa hai con dao, không nhận đồ ăn giữa hai cái chậu, không nhận đồ ăn từ gia đình đang ăn chung, không nhận đồ ăn từ nhà có thai, không nhận đồ ăn từ nhà được thấy có chó đứng trước cửa, không nhận đồ ăn từ nhà có nhiều ruồi, không nhận lời mời ăn, không nhận đồ ăn từ người nói đã có biết từ trước, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không ăn với hai chén bát, một bữa ăn, một lần nuốt cho đến bảy lần nuốt thì thôi, nhận thức ăn được thêm, không quá bảy lần thêm, hoặc mỗi ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa, hoặc chỉ ăn rau, hoặc chỉ ăn cỏ lúa, hoặc chỉ uống nước cơm, hoặc chỉ ăn mè, hoặc ăn gạo lứt, hoặc ăn phân bò, hoặc ăn phân nai, hoặc ăn rễ, nhánh lá, trái, hột cây, hoặc ăn trái cây tự rụng, hoặc choàng áo, hoặc mặc áo cỏ cú, hoặc mặc vỏ cây, hoặc lấy cỏ quấn mình, hoặc mặc da nai, hoặc để đầu tóc, hoặc mang tấm lông bện, hoặc mặc áo vắt ở gò mả, hoặc thường đưa tay lên, hoặc không ngồi giường

chiếu, hoặc thường ngồi chồm hổm, hoặc cạo tóc chừa râu, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên dưa quả, hoặc lỏa hình nằm trên phân bò, hoặc một ngày tắm ba lần, hoặc một đêm tắm ba lần. Tóm lại là lấy vô số chuyện khổ cực hành hạ xác thân. Ni-câu-đà, ý người nghĩ sao? Tu những hạnh như thế, đáng gọi là thanh tịnh pháp chăng?"

Ni-câu-đà đáp:

"Pháp đó là tịnh, chớ chẳng phải bất tịnh".

Phật nói:

"Người bảo là tịnh, Ta sẽ từ trong cái tịnh của ông đó chỉ ra điều cấu uế cho ông xem".

Ni-câu-đà nói: "Hay lắm, Cù-đàm! Ngài cứ nói, tôi xin nghe".

Phật nói:

"Những người kia trong khi tu khổ hạnh mà tâm thường tính nghĩ rằng: Ta làm như thế này sẽ được mọi người cúng dường, cung kính, lễ bái. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia khi được cúng dường rồi thì say đắm giữ chặt, ưa luyện không rời, không biết xa lìa, không biết cách thoát ra. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà vừa trông thấy bóng ai đi đến, thì cùng nhau ngồi thiền. Khi không ai thì mặc ý nằm ngồi. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà nếu nghe chánh nghĩa người khác, không chịu nhìn nhận. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia nếu mà có ai hỏi ngay, tiếc lẩn không chịu đáp. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà hễ thấy người nào cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì la rầy, ngăn cản. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sinh sản nữa liền đến chê trách. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia có thức ăn bất tịnh, không chịu cho người khác mà tham ăn một mình, không thấy lỗi lầm của mình, không biết con đường xuất ly. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia tự khen mình hay, chê bai người khác. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà giết, trộm, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, tật đố, tà kiến điên đảo. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà lừa dối, lường gạt, không tập thiền, không có trí tuệ, chẳng khác nào cầm thú. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà cống cao, kiêu mạn, mạn, tăng thượng mạn. Thế là cấu uế. Người tu khổ hạnh kia mà không có tín nghĩa, lại không báo đáp, không trì tịnh giới, không hay tinh

cần chịu nghe người khuyên răn, thường kết bạn xấu làm điều xấu ác không thôi. Thế là cầu uế. Người tu khổ hạnh kia mà ôm nhiều sân hận, ưa làm xảo quyệt, cậy mình hiểu biết, tìm tòi hay dở của người, thường chấp tà kiến, biên kiến. Thế là cầu uế. Ni-câu-đà, ý người nghĩ thế nào? Tu khổ hạnh như trên, đáng gọi là thanh tịnh ư?

Ni-câu-đà đáp:

“Đó là bất tịnh chứ không phải tịnh”.

Phật nói: “Nay Ta từ trong pháp cầu uế ấy của ông mà chỉ ra phần thanh tịnh, vô cầu cho ông hiểu”.

Phạm chí nói: “Xin hãy nói”.

Phật nói:

“Những người tu khổ hạnh kia, nếu không tính nghĩ rằng ta tu như thế này sẽ được sự cúng dường cung kính, lễ bái. Đó là pháp khổ hạnh không cầu uế. Người tu khổ hạnh nếu được cúng dường tâm không tham đắm, hiểu biết xa lìa, rõ biết con đường xuất ly. Đó là pháp khổ hạnh không cầu uế. Người tu khổ hạnh lo tọa thiền thường lệ, không vì có người không người mà thay đổi. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh, nếu nghe ai nói chánh nghĩa thì hoan hỷ tín nhận. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh nếu gặp ai hỏi ngay thì hoan hỷ đáp. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh hễ thấy ai cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì hoan hỷ thay họ, chứ không la rầy ngăn cản. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sanh lại, không tới chê bai. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà gặp món ăn bất tịnh, tâm không lẫn tiếc, gặp món ăn tịnh tâm không say đắm, xét thấy lỗi mình, biết cách thoát ly. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh không tự khen mình, không chê kẻ khác. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh không sát, không đạo, không dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thêu dệt, không tham lam, không tật đố, không tà kiến. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà tinh cần không quên, ưa tập thiền định, tu nhiều trí tuệ, chẳng ngu như thú. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà không cống cao, kiêu mạn, tự đại. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà có lòng tín nghĩa, tập hạnh báo bổ, giữ gìn tịnh giới, siêng năng học hỏi,

thường kết bạn với người lành, chứa điều lành mãi. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Người tu khổ hạnh mà không ôm lòng sân hận, không xảo ngụy, không cậy mình biết, không tìm cái dở của người, không chấp chặt tà kiến cũng không biên kiến. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh. Phạm chí nghĩ thế nào? Pháp khổ hạnh như thế, đáng gọi là pháp thanh tịnh vô cầu không?"

Ni-câu-đà đáp:

"Quả như vậy, quả thật là pháp khổ hạnh thanh tịnh vô cầu".

Rồi Phạm chí hỏi Phật:

"Khổ hạnh đến chừng mực như vậy đã được gọi là bậc nhất kiên cố chưa?"

Phật nói:

"Chưa! Đó mới là khổ hạnh vỏ ngoài".."

Ni-câu-đà thưa:

"Xin Phật cho biết cốt lõi."?"

Phật nói:

"Người hãy lắng nghe. Ta sẽ nói cho".

Phạm chí thưa:

"Vâng. Bạch Thế Tôn, tôi mong muốn được nghe".

Phật nói:

"Này Phạm chí! Người tu khổ hạnh mà tự mình không giết, không dạy người giết, tự mình không trộm cắp, không dạy người trộm cắp, tự mình không tà dâm, không dạy người tà dâm, tự mình không nói dối, không dạy người nói dối. Người ấy đem tâm Từ rải khắp một phương, rồi các phương khác cũng vậy, Từ tâm quảng đại, bình đẳng vô lượng, khắp cả thế gian, không chút oán kết. Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế. Chính đó mới là pháp khổ hạnh thuộc cốt lõi".

Phạm chí bạch Phật:

"Xin Ngài dạy cho cái nghĩa khổ hạnh kiên cố".

Phật nói:

"Này Phạm chí, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho".

Phạm chí đáp:

“Thưa vâng. Bạch Thế Tôn, tôi mong muốn được nghe”.”

Phật nói:

“Này Phạm chí, người tu khổ hạnh mà tự mình không giết còn dạy người không giết, tự mình không trộm cắp còn dạy người không trộm cắp, tự mình không tà dâm còn dạy người không tà dâm, tự mình không nói dối còn dạy người không nói dối. Người ấy đem Từ tâm rải khắp một phương, rồi các phương khác cũng vậy, Từ tâm quảng đại, bình đẳng vô lượng, khắp cả thế gian, không chút oán kiết. Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như thế. Người khổ hạnh kia lại có thể biết được việc xảy ra vô số kiếp trước, hoặc một đời, hai đời cho đến vô số đời, quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau, đều thấy đều biết cả. Lại còn thấy biết mình từng sanh vào chủng tộc đó, tên tuổi như thế, ăn uống như thế, sống lâu như thế, chịu khổ chịu vui như thế, từ kia sanh đây, từ đây sanh kia như thế. Những việc từ vô số kiếp như thế đều nhớ cả. Ấy gọi là khổ hạnh kiên cố không hoại của Phạm chí”.”

Phạm chí bạch Phật:

“Còn thế nào gọi là khổ hạnh bậc nhất?”.

Phật nói:

“Này Phạm chí, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho”.”

Phạm chí đáp:

“Thưa vâng. Bạch Thế Tôn, tôi mong muốn được nghe”.”

Phật nói:

“Này Phạm chí, những người tu khổ hạnh mà tự mình không giết còn dạy người không giết, tự mình không trộm cắp còn dạy người không trộm cắp, tự mình không tà dâm còn dạy người không tà dâm, tự mình không nói dối còn dạy người không nói dối. Người ấy đem Từ tâm rải khắp một phương, các phương khác cũng vậy, Từ tâm rộng lớn, trùm khắp, vô nhị vô lượng, không có kết hận, cùng khắp thế gian. Bi, Hỷ và Xả tâm cũng như vậy.

“Người khổ hạnh ấy tự biết sự việc vô số kiếp quá khứ về trước, một đời, hai đời, cho đến vô số đời, quốc độ, thành hoại, kiếp số chung thủy, thấy đều thấy hết biết hết. Lại tự mình thấy biết: Ta đã từng sanh vào chủng tánh kia, tên họ như vậy, ăn uống, thọ mạng như vậy, cảm nghiệm khổ lạc như vậy, từ đây sanh kia, từ kia sanh đây. Như thế, nhớ hết sự việc vô số kiếp. Vì

ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh xem xét các loài chúng sanh chết đây sanh kia, nhan sắc đẹp xấu, chỗ hướng đến tốt hay xấu, tùy theo hành vi mà bị đọa lạc; thảy đều thấy hết biết hết.

“Lại biết chúng sanh với thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện, phỉ báng Hiền thánh, tà tín điên đảo, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào ba đường dữ. Hoặc có chúng sanh với thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tu hạnh chánh tín, khi thân hoại mệnh chung được sinh vào cõi trời cõi người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh xem thấy các chúng sanh có hành vi nào sinh tới chỗ nào, đều thấy biết hết. Đó gọi là khổ hạnh thù thắng bậc nhất.”

Phật lại nói với Phạm chí:

“Này Phạm chí, ở trong pháp này lại có pháp thù thắng hơn nữa mà Ta thường đem dạy cho hàng Thanh văn. Họ nhờ pháp đó tu được phạm hạnh.”

Bấy giờ năm trăm đệ tử Phạm chí lớn tiếng bảo nhau:

“Nay chúng ta mới thấy Đức Thế Tôn là Bạc Tội Thượng, thầy ta không bằng.”

Rồi cư sĩ Tán-đà-na nói với Phạm chí:

“Lúc nãy ông nói nếu gặp Cù-đàm đến thì chúng ta gọi là trâu đui. Nay Đức Thế Tôn đến sao ông không gọi. Lúc nãy ông nói chỉ cần một câu là đủ làm cho Cù-đàm cùng bí phải làm thỉnh. Như con rùa thu cả vào vỏ cho thế là yên ổn, ta chỉ cần một mũi tên là không chỗ trốn, sao nay ông không đem một câu làm cùng bí Như Lai?”

Phật hỏi Phạm chí:

“Thật người có nói lời đó chẳng?”

Đáp: “Thưa có”.

Phật nói với Phạm chí:

“Người há không nghe các vị tiên túc Phạm chí nói: chư Phật Như Lai ưa ở chỗ núi rừng nhàn tịnh, như Ta ngày nay ưa chỗ nhàn tĩnh, chẳng phải như pháp của các ông chỉ ưa chỗ huyên náo, nói chuyện vô ích suốt ngày ư?”

Phạm chí nói:

“Tôi có nghe chư Phật quá khứ ưa chỗ nhàn tĩnh, một mình sống ở núi rừng, như Thế Tôn ngày nay. Không như pháp chúng tôi ưa chỗ huyên náo, nói những chuyện vô ích để cho hết ngày”.

Phật nói:

“Người há không suy nghĩ rằng, Sa-môn Cù-đàm có thể thuyết Bồ-đề, có thể tự điều phục mình và cũng có thể điều phục người khác; có thể tự tịch tịnh và có thể khiến người khác tịch tịnh; có thể tự mình qua bờ bên kia và đưa người khác sang bờ bên kia; tự mình giải thoát và có thể khiến người khác giải thoát; có thể tự mình diệt độ và có thể khiến người khác được diệt độ?”

Lúc bấy giờ, Phạm chí bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt làm lễ, hai tay sờ bàn chân Phật, tự xưng tên mình, nói rằng:

“Con là Phạm chí Ni-câu-đà. Con là Phạm chí Ni-câu-đà. Nay tự mình quy y, làm lễ dưới chân Thế Tôn”.

Phật nói với Phạm chí:

“Thôi đủ rồi, hãy dừng lại. Miễn sao tâm ngươi tỏ rõ, đó là kính lễ”.

Phạm chí lại lễ dưới chân Phật một lần nữa, rồi ngồi xuống một bên. Phật bảo Phạm chí:

“Người sẽ chẳng nói rằng Phật vì lợi dưỡng mà thuyết pháp chẳng? Chớ móng tâm như thế. Nếu có sự lợi dưỡng nào, Ta cũng cho người hết. Pháp được Ta nói, là vi diệu đệ nhất, để diệt trừ bất thiện, tăng trưởng thiện pháp”.

Rồi Phật lại bảo Phạm chí:

“Người sẽ chẳng nói rằng Phật vì tiếng tăm mà thuyết pháp chẳng? Vì để được tôn trọng, vì để đứng đầu, vì để có những người tùy thuộc, ví để có chúng đông, mà thuyết pháp chẳng? Chớ móng khởi tâm ấy. Nay những người tùy thuộc người vẫn là tùy thuộc của người. Pháp mà Ta nói là để diệt trừ bất thiện, tăng trưởng thiện pháp.”

Rồi Phật lại bảo Phạm chí:

“Người sẽ không nói rằng Phật đặt người vào trong tụ bất thiện, tụ tội tăm chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Các tụ bất thiện và các tụ tội tăm, người hãy loại bỏ đi. Ta vì người mà nói pháp thiện tịnh”.

Lại bảo Phạm chí:

“Người sẽ không nghĩ rằng Phật truất người ra khỏi tỳ thiện pháp, tỳ thanh bạch chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Người cứ ở trong tỳ thiện pháp, tỳ thanh bạch mà tinh cần tu hành. Ta vì người mà nói tỳ thiện tịnh, tỳ thanh bạch, diệt trừ hành vi bất thiện, tăng thêm thiện pháp”.”

Bấy giờ năm trăm đệ tử Phạm chí đều đoan tâm chánh ý nghe Phật thuyết pháp.

Thấy vậy, Ma Ba-tuần nghĩ rằng: “Năm trăm đệ tử Phạm chí đang đem tâm ý đoan chính nghe theo Phật pháp có lẽ ta phải đến phá tâm ý đó đi”. Rồi ác ma liền đem sức phá hoại thiện ý của năm trăm đệ tử ấy.

Phật bảo với cư sĩ Tán-đà-na:

“Năm trăm đệ tử Phạm chí này đoan tâm chánh ý nghe Ta nói pháp. Thiên ma Ba-tuần đã phá hoại ý ấy. Ta muốn trở về, người hãy cùng đi với Ta”.”

Phật liền lấy tay mặt dẫn cư sĩ Tán-đà-na đặt trong bàn tay, rồi nường hư không mà trở về.

Cư sĩ Tán-đà-na, Phạm chí Ni-câu-đà và năm trăm đệ tử, sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

Kinh Chứng Tập

Dịch giả: HT. THÍCH TUỆ SỸ



TRƯỜNG A HÀM

KINH CHÚNG TẬP

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hành ở Mạt-la cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, rồi đi đến thành Ba-bà, vườn Am-bà của Xà-đâu.

Bấy giờ, vào ngày mười lăm lúc trăng tròn, Thế Tôn ngồi ở giữa khoảng đất trống với các Tỳ-kheo vây quanh trước sau. Thế Tôn, sau khi đã thuyết pháp nhiều qua đêm, nói với Xá-lợi-phất:

“Các Tỳ-kheo bốn phương tụ tập về, thấy đều siêng năng, dẹp bỏ ngủ nghỉ. Nhưng Ta đau lưng, muốn nghỉ một chút, người nay hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo”.

Xá-lợi-phất đáp:

“Kính vâng. Con sẽ làm theo Thánh giáo”.”

Thế Tôn gấp tư y Tăng-già-lê nằm nghiêng phía hữu như con sư tử, hai chân chồng lên nhau.

Khi ấy Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

“Nay trong thành Ba-bà này có Ni-kiền Tử mạng chung chưa bao lâu, nhưng các đệ tử chia ra làm hai bộ, luôn luôn tranh chấp nhau, tìm sở trường và sở đoản của nhau, mắng nhiếc nhau, thị phi với nhau rằng: Ta biết pháp này. Người không biết pháp này. Người theo tà kiến. Ta theo chánh kiến. Người nói năng hỗn loạn, chẳng có trước sau, tự cho điều mình nói là chân chính. Lập ngôn của ta thắng. Lập ngôn của người bại. Nay ta làm chủ cuộc đàm luận, người có điều muốn hỏi thì đến hỏi ta.

“Này các Tỳ-kheo, lúc bấy giờ nhân dân trong nước những ai theo Ni-kiền Tử đều chán ghét những tiếng cãi vã của bọn này. Đó là vì pháp ấy không chân chính. Pháp không chân chính thì không có con đường xuất ly. Ví như ngôi tháp đã đổ thì không còn đổ nữa. Đó không phải là điều mà Đấng Chánh Giác đã dạy.

“Các Tỳ-kheo, duy chỉ Pháp vô thượng tôn của Đức Thích-ca Ta là chân chánh mới có thể có con đường xuất ly. Cũng như ngôi tháp mới có thể được dễ dàng trang hoàng. Vì đó là điều mà Đấng Chánh Giác giảng dạy.

“Các Tỳ-kheo, hôm nay chúng ta cần phải kiết tập pháp luật để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

“Như Lai nói một chánh pháp: hết thảy chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại.

“Như Lai lại nói một chánh pháp: tất cả chúng sanh đều do các hành mà tồn tại.

“Đó là một pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

“Các Tỳ-kheo, Như Lai nói hai chánh pháp: một là danh, hai là sắc.

“Lại có hai pháp: một là si, hai là ái.

“Lại có hai pháp: hữu kiến và vô kiến.

“Lại có hai pháp: không biết tà và không biết quý.

“Lại có hai pháp: có tà và có quý.

“Lại có hai pháp: tận trí và vô sanh trí.

“Lại có hai pháp, hai nhân hai duyên sanh ra ái dục: một, sắc tịnh diệu; hai, không tư duy.

“Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh nơi sân nhuế: thù ghét và không tư duy.

“Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh nơi tà kiến: nghe từ người khác và tà tư duy.

“Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên sanh nơi chánh kiến: nghe từ người khác và chánh tư duy.

“Lại có hai pháp, hai nhân, hai duyên: giải thoát hữu học và giải thoát vô học.

“Lại có hai pháp hai nhân, hai duyên: hữu vi giới và vô vi giới.

“Các Tỳ-kheo, đó là hai pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

“Các Tỳ-kheo, Như Lai nói ba pháp, tức là ba bất thiện căn: tham dục, sân nhuế và ngu si.

“Lại có ba pháp, tức là ba thiện căn: không tham, không nhuế và không si.

“Lại có ba pháp, tức là ba bất thiện hành: thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện và ý hành bất thiện.

“Lại có ba pháp, tức là ba bất thiện hành: bất thiện hành của thân, bất thiện hành của khẩu và bất thiện hành của ý.

“Lại nữa, có ba pháp, tức là ba ác hành: ác hành của thân, ác hành của khẩu và ác hành của ý.

“Lại có ba pháp, tức là ba thiện hành: thiện hành của thân, thiện hành của khẩu và thiện hành của ý.

“Lại có ba pháp, tức là ba tướng bất thiện: dục tướng, sân tướng và hại tướng.

“Lại có ba pháp tức là ba tướng thiện: vô dục tướng, vô sân tướng và vô hại tướng.

“Lại có ba pháp tức là ba tư bất thiện: dục tư, nhuế tư và hại tư

“Lại có ba pháp tức là ba tư thiện: vô dục tư, vô nhuế tư và vô hại tư.

“Lại có ba loại phước nghiệp: nghiệp bố thí, nghiệp bình đẳng và nghiệp tư duy.

“Lại có ba pháp, tức là ba thọ: lạc thọ, khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.

“Lại có ba pháp tức là ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

“Lại có ba pháp tức là ba hữu lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

“Lại có ba pháp, tức là ba thứ lửa: lửa dục, lửa sân và lửa si.

“Lại có ba pháp tức là ba cầu:: dục cầu, hữu cầu và phạm hạnh cầu.

“Lại có ba pháp tức là ba tăng thịnh: ngã tăng thịnh, thế tăng thịnh và pháp tăng thịnh.

“Lại có ba pháp tức là ba giới: dục giới, sân giới và hại giới.

“Lại có ba pháp tức là ba giới: xuất ly giới, vô sân giới và vô hại giới.

“Lại có ba pháp tức là ba giới: sắc giới, vô sắc giới, tận giới.

“Lại có ba pháp tức là ba tụ: giới tụ, định tụ và huệ tụ.

“Lại có ba pháp tức là ba giới: tăng thịnh giới (cấm), tăng thịnh ý, tăng thịnh tuệ.

“Lại có ba pháp tức là ba tam muội: không tam muội, vô nguyên tam muội và vô tướng tam muội.

“Lại có ba pháp tức là ba tướng: chỉ tức tướng, tinh cần tướng và xả tướng.

“Lại có ba pháp tức là ba minh: tự thức tức mạng trí minh, thiên nhãn trí minh và lậu tận trí minh.

“Lại có ba pháp tức là ba biến hóa: thần túc biến hóa, biết tâm người mà tùy ý thuyết pháp và giáo giới.

“Lại có ba pháp tức là ba căn bốn dục sinh: do hiện dục hiện tiền sinh trời người, do hóa dục sinh trời Hóa tự tại, do tha hóa dục sinh trời Tha hóa tự tại.

“Lại có ba pháp tức là ba lạc sinh::

“1./ Chúng sanh tự nhiên thành biện sanh hoan hỷ tâm như trời Phạm quang âm vào lúc mới sinh.

“2. Có chúng sanh lấy niệm làm an vui tự xưng lành thay như trời Quang âm.

“3./ Lạc do được chỉ tức như trời Biến tịnh.

“Lại có ba pháp tức là ba khổ: dục khổ, hành khổ và biến dịch khổ.

“Lại có ba pháp tức là ba căn: vị tri dục tri căn, tri căn, tri dĩ căn.

“Lại có ba pháp tức là ba đường: Hiền thánh đường, thiên đường, phạm đường.

“Lại có ba pháp tức là ba sự phát hiện: phát hiện do thấy, phát hiện do nghe và phát hiện do nghĩ.

“Lại có ba pháp tức là ba luận: Quá khứ có sự như thế, có luận như thế. Vị lai có sự như thế, có luận như thế. Hiện tại có sự như thế có luận như thế.

“Lại có ba pháp tức là ba tụ: chánh định tụ, tà định tụ và bất định tụ.

“Lại có ba pháp tức là ba ưu: thân ưu, khẩu ưu và ý ưu.

“Lại có ba pháp tức ba trưởng lão: trưởng lão do tuổi tác, trưởng lão do pháp và trưởng lão do tác thành,.

“Lại có ba pháp tức là ba con mắt: con mắt thịt, con mắt trời và con mắt tuệ.

“Các Tỳ-kheo, đó là ba pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

“Các Tỳ-kheo, Như Lai nói bốn pháp, tức là bốn ác hành do miệng:

“1. Nói dối.

“2. Hai lưỡi.

“3. Ác khẩu.

“4. Ý ngữ.

“Lại có bốn pháp, tức là bốn thiện hành của miệng:

“1. Nói sự thật.

“2. Nói dịu dàng.

“3. Không ý ngữ.

“4. Không hai lưỡi.

“Lại có bốn pháp tức là bốn phi Thánh ngôn:

“1. Không thấy nói thấy.

“2. Không nghe nói nghe.

“3. Không cảm thấy nói cảm thấy.

“4. Không biết nói biết.

“Lại có bốn pháp tức là bốn Thánh ngôn:

“1. Thấy nói thấy.

“2. Nghe nói nghe.

“3. Hay nói hay.

“4. Biết nói biết.

"Lại có bốn pháp tức là bốn thức ăn:

- "1. Thức ăn vo nắm.**
- "2. Thức ăn bởi xúc.**
- "3. Thức ăn bởi niệm.**
- "4. Thức ăn bởi thức.**

"Lại có bốn pháp tức là bốn thọ:

- "1. Khổ hành trong hiện tại thọ khổ báo về sau.**
- "2. Khổ hành hiện tại thọ lạc báo về sau.**
- "3. Lạc hành hiện tại thọ khổ báo về sau.**
- "4. Lạc hành hiện tại thọ lạc báo về sau.**

"Lại có bốn pháp tức là bốn thọ::

- "1. Dục thọ.**
- "2. Ngã thọ.**
- "3. Giới thọ.**
- "4. Kiến thọ.**

"Lại có bốn pháp tức là bốn phược:

- "1. Thân phược bởi dục tham.**
- "2. Thân phược bởi sân nhuế.**
- "3. Thân phược bởi giới đạo.**
- "4. Thân phược bởi ngã kiến.**

"Lại có bốn pháp, tức bốn gai nhọn:

- "1. Gai nhọn dục.**
- "2. Gai nhọn nhuế.**
- "3. Gai nhọn kiến.**
- "4. Gai nhọn mạn.**

"Lại có bốn pháp tức là bốn sanh:

- "1. Sanh từ trứng.**
- "2. Sanh từ bào thai.**
- "3. Sanh do ẩm thấp.**
- "4. Sanh do biến hóa.**

"Lại có bốn pháp tức Bốn niệm xứ:

"1. Ở đây, Tỳ-kheo quán thân trên nội thân tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời; quán thân trên ngoại thân tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời; quán thân trên nội ngoại thân tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời.

"2. Quán thọ.

"3. Quán ý.

"4. Quán pháp, cũng vậy.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn ý đoạn:

"1. Ở đây Tỳ-kheo ác pháp chưa khởi, phương tiện khiến không khởi.

"2. Ác pháp đã khởi phương tiện khiến diệt.

"3. Thiện pháp chưa khởi pháp, phương tiện khiến khởi.

"4. Thiện pháp đã khởi phương tiện khiến tăng trưởng.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn thân tứ:

"1. Ở đây Tỳ-kheo tư duy dục định diệt hành thành tự.

"2. Tinh tấn định.

"3. Ý định.

"4. Tư duy định cũng vậy.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn thiền:

"1. Ở đây, Tỳ-kheo trừ dục, ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc phát sanh do viễn ly, nhập Sơ thiền.

"2. Diệt giác và quán, nội tịnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, nhập đệ Nhị thiền.

"3. Lìa hỷ tu xả, niệm tiến, tự giác thân lạc, có lạc và xả niệm, mà bậc Thánh tìm cầu, nhập đệ Tam thiền.

"4. Lìa các hạnh khổ và lạc, hỷ và ưu đã diệt từ trước không khổ không lạc xả niệm thanh tịnh, nhập đệ Tứ thiền.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn phạm đường: Từ, Bi, Hỷ và Xả.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn vô sắc định:

"1. Ở đây, Tỳ-kheo siêu việt hết thảy sắc tướng, sân tướng đã diệt từ trước, không niệm các tướng khác, tư duy vô lượng không xứ.

"2. Sau khi xả không xứ, nhập thức xứ.

"3. Sau khi xả thức xứ nhập vô hữu xứ.

"4. Sau khi xả vô hữu xứ nhập phi tướng phi phi tướng xứ.

"Lại có bốn pháp tức là bốn pháp tức: Pháp tức không tham, pháp tức không sân, pháp tức chánh niệm và pháp tức chánh định.

"Lại có bốn pháp tức là bốn dòng dõi Hiền thánh:

"1. Ở đây, Tỳ-kheo tri túc về y thực, được thứ tốt không mừng, được cái xấu không buồn; không nhiễm không trước, biết điều cấm kỵ, biết con đường xuất yếu; ở trong pháp này tinh cần không biếng nhác; thành tựu sự ấy không khuyết không giảm và cũng dạy người thành tựu sự ấy. Đó là thứ nhất; tri túc, an trú trong sự truyền thừa của Hiền thánh, từ xưa đến nay chưa thường nào loạn. Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời và Người không ai có thể chê trách.

"2. Thức ăn.

"3. Vật dụng nằm ngồi.

"4. Thuốc thang trị bệnh, tất cả đều cũng tri túc như thế.

"Lại có bốn pháp tức là bốn nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

"Lại có bốn pháp, tức là bốn chi của Tu-đà-hoàn: Tỳ-kheo thành tựu tín tâm bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với giới.

"Lại có bốn pháp tức là bốn thọ chứng:

"1. Thọ chứng do thấy sắc.

"2. Thọ chứng do thân hoại diệt.

"3. Thọ chứng do nhớ về túc mạng.

"4. Thọ chứng do biết hữu lậu đã bị diệt tận.

"Lại có bốn pháp tức là bốn đạo: khổ đặc chậm, khổ đặc nhanh, lạc đặc chậm và lạc đặc nhanh.

"Lại có bốn pháp tức là Bốn thánh đế: Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế.

“Lại có bốn pháp tức là bốn Sa-môn quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả.

“Lại có bốn pháp tức là bốn xứ: thật xứ, thí xứ, trí xứ, chỉ xứ..

“Lại có bốn pháp tức là bốn trí: pháp trí, vị trí trí, đẳng trí và tha tâm trí.

“Lại có bốn pháp tức là bốn biện tài: pháp biện tài, nghĩa biện tài, từ biện tài, ứng thuyết biện tài.

“Lại có bốn pháp tức là bốn trú xứ của thức: sắc là trú xứ của thức, duyên sắc mà trú, sắc và ái cùng tăng trưởng. Thọ, tưởng, hành, cũng đều như vậy.

“Lại có bốn pháp tức là bốn ách: dục là ách, hữu là ách, kiến là ách, vô minh là ách.

“Lại có bốn pháp tức là bốn vô ách: vô dục ách, vô hữu ách, vô kiến ách, vô minh ách.

“Lại có bốn pháp tức là bốn tịnh: giới tịnh, tâm tịnh, kiến tịnh và độ nghi tịnh.

“Lại nữa có bốn pháp tức là bốn sự biết: đáng thọ biết thọ, đáng hành biết hành, đáng lạc biết lạc, đáng xả biết xả.

“Lại có bốn pháp tức là bốn oai nghi: đáng đi biết đi, đáng đứng biết đứng, đáng ngồi biết ngồi, đáng nằm biết nằm.

“Lại có bốn pháp tức là bốn tư duy: tư duy ít, tư duy rộng, tư duy vô lượng, không tư duy gì cả.

“Lại có bốn pháp tức là bốn ký luận:: quyết định ký luận, phân biệt ký luận, cật vấn ký luận, chỉ trừ ký luận.

“Lại có bốn tức là bốn pháp không cần phòng hộ của Phật:

“1. Như Lai thân hành thanh tịnh, không khiếm khuyết, không rò rỉ; có thể tự phòng hộ.

“2. Khẩu hành thanh tịnh.

“3. Ý hành thanh tịnh..

“4. Mạng hành thanh tịnh cũng đều như vậy.

“Các Tỳ-kheo, đó là bốn pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho

phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

“Nư Lai nói năm chánh pháp, tức là năm nhập: mắt, sắc; tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân, xúc.

“Lại có năm pháp tức là năm thọ ấm: sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn.

“Lại có năm pháp, tức là năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thù miên cái, trạo cử cái, nghi cái.

“Lại có năm pháp tức là năm hạ phần kết: thân kiến, giới đạo, nghi, tham dục và sân nhuế.

“Lại có năm pháp tức là năm thuận thượng phần kết: sắc ái, vô sắc ái, vô minh, mạn, trạo hối.

“Lại có năm pháp tức là năm căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ.

“Lại có năm pháp tức là năm lực: tín, tấn, niệm, định, tuệ.

“Lại có năm pháp tức là năm diệt tận chi::

“1. Tỳ-kheo tin Phật, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu thành tựu.

“2. Tỳ-kheo không bệnh, thân thường an ổn.

“3. Chết trực, không dua xiểm. Được như thế thì Như Lai chỉ bày con đường đi đến Niết-bàn .

“4. Tự chuyên tâm không để thác loạn. Những điều đã tụng đọc từ trước ghi nhớ không quên.

“5. Khéo quán sát sự sinh và diệt của các pháp bằng sự thực hiện của Hiền thánh mà diệt tận gốc rễ của khổ.

“Lại có năm pháp tức là năm sự phát ngôn:: phát phi thời, phát hư dối, phát phi nghĩa, phát hư ngôn, phát không từ tâm.

“Lại có năm pháp tức là năm thiện phát: phát đúng thời, phát sự thật, phát có nghĩa, phát lời nói hòa, phát khởi Từ tâm.

“Lại có năm pháp tức là năm sự thật đối: thật đối về trú xứ, thật đối về thí chủ, thật đối về lợi dưỡng, thật đối về sắc, thật đối về pháp.

“Lại có năm pháp tức là năm thú hướng giải thoát: tưởng về thân bất tịnh, tưởng về thức ăn bất tịnh, tưởng hết thầy các hành

vô thường, tưởng hết thầy thế gian không đáng vui, tưởng về sự chết.

“Lại có năm pháp tức là năm xuất ly giới:

“1. Tỳ-kheo đối với dục không hoan hỷ, bất động, cũng không thân cận, mà chỉ niệm sự thoát ly, hoan hỷ nơi sự viễn ly, thân cận không giải đãi, tâm mềm mại, xuất ly, ly dục. Vị ấy đối với các lậu triền do nhân dục mà khởi, cũng dứt sạch, xả ly diệt trừ mà được giải thoát. Đó gọi là dục thoát ly.

“2. Sân nhuế xuất ly.

“3. Tật đồ xuất ly.

“4. Sắc xuất ly.

“5. Thân kiến xuất ly cũng vậy.

“Lại có năm pháp tức năm hỷ giải thoát nhập. Nếu Tỳ-kheo tinh cần không biếng nhác, ưa ở nơi nhàn tĩnh, chuyên niệm nhất tâm, chưa giải thoát thì được giải thoát, chưa an thì được an. Những gì là năm?

“1. Ở đây Tỳ-kheo nghe Như Lai thuyết pháp, hoặc nghe đồng phạm hạnh thuyết pháp, hoặc nghe sư trưởng thuyết pháp, tư duy, quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm đắc hoan hỷ. Sau khi được hoan hỷ thì được pháp ái, sau khi được pháp ái thân tâm an ổn, sau khi thân tâm an ổn thì chứng đắc thiên định. Đắc thiên định rồi, đắc như thật kiến. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.

“2. Ở đây, Tỳ-kheo sau khi nghe pháp hoan hỷ.

“3. Thọ trì đọc tụng cũng lại hoan hỷ.

“4. Thuyết cho người khác cũng lại hoan hỷ.

“5. Tư duy phân biệt cũng lại hoan hỷ, ở nơi pháp mà đắc định cũng như vậy.

“Lại có năm pháp tức là năm hạng người: Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Hữu hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu sắc cứu cánh.

“Các Tỳ-kheo, đó là năm chánh pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

“Lại nữa, các Tỳ-kheo, Như Lai nói sáu chánh pháp tức là sáu nội nhập: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

“Lại có sáu pháp tức là sáu ngoại nhập: sắc, tiếng, hương, vị, xúc, pháp.

“Lại có sáu pháp tức là sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

“Lại nữa có sáu pháp tức là sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

“Lại có sáu pháp tức là sáu thọ thân: nhãn thọ thân, nhĩ thọ thân, tỷ thọ thân, thiệt thọ thân, thân thọ thân, ý thọ thân.

“Lại có sáu pháp tức là sáu tưởng thân: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tưởng thân.

“Lại có sáu pháp tức sáu tư thân: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tư thân.

“Lại có sáu pháp tức là sáu ái thân: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ái thân.

“Lại có sáu pháp tức là gốc rễ tranh cãi::

“1. Nếu Tỳ-kheo ưa sân không bỏ, không kính Như Lai, cũng không kính Pháp, cũng không kính chúng Tăng, ở nơi giới có lọt có rỉ, nhiễm ô bất tịnh, ở trong chúng ưa gây tranh cãi mà ai cũng ghét, tranh chấp nhiều loạn, trời và người bất an. Các Tỳ-kheo, các người hãy tự mình quán sát bên trong, giả sử có sự sân hận như kẻ nhiều loạn kia, hãy tập hợp hòa hợp chúng, rộng đặt phương tiện, nhổ sạch gốc rễ tranh cãi ấy. Các người lại hãy chuyên niệm, tự quán sát. Nếu kết hận đã diệt lại hãy thêm phương tiện ngăn cản tâm ấy không để sinh khởi trở lại.

“2. Các Tỳ-kheo ngoan cố không chịu nghe.

“3. Xan tham tật đố.

“4. Xảo ngụy hư vọng.

“5. Cố chấp kiến giải của mình không chịu bỏ.

“6. Nghe lầm nơi tà kiến cùng với biên kiến cũng như vậy.

“Lại có sáu pháp tức là sáu giới: địa giới, hỏa giới, thủy giới, phong giới, không giới, thức giới.

“Lại có sáu pháp tức là sáu sát hành:: con mắt sát hành sắc, tai đối với tiếng, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp.

“Lại có sáu pháp tức là sáu xuất ly giới:

“1. Nếu Tỳ-kheo nói như vậy: Tôi tu Từ tâm nhưng lại tâm sanh sân nhuế. Các Tỳ-kheo khác bảo: Người chớ nói như vậy. Chớ báng bổ Như Lai. Như Lai không nói như vậy: muốn khiến tu từ giải thoát mà sanh sân nhuế tưởng, không có trường hợp ấy. Phật nói: trừ sân nhuế rồi sau mới đắc từ.

“2. Nếu Tỳ-kheo nói: Tôi thực hành bi giải thoát nhưng tâm sanh tật đố.

“3. Thực hành hỷ giải thoát nhưng sanh tâm ưu não.

“4. Thực hành xả giải thoát nhưng sanh tâm yêu ghét.

“5. Thực hành vô ngã nhưng sanh tâm hồ nghi.

“6. Thực hành vô tướng nhưng sanh tâm loạn tưởng; cũng giống như vậy.

“Lại có sáu pháp tức là sáu vô thượng: kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi dưỡng vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, ức niệm vô thượng.

“Lại có sáu pháp tức là sáu tư niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

“Các Tỳ-kheo, đó là sáu pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc..

“Các Tỳ-kheo, Như Lai nói bảy chánh pháp, tức là bảy phi pháp: không có tín, không có tà, không có quý, ít học hỏi, biếng nhác, hay quên, vô trí.

“Lại có bảy pháp tức là bảy chánh pháp: có tín, có tà, có quý, đa văn, tinh tấn, tổng trì, đa trí.

“Lại có bảy pháp tức là bảy thức trụ:

“1. Hoặc có chúng sanh với thân sai biệt, với tướng sai biệt, tức là chư Thiên và loài người đó là trú xứ thứ nhất của thức.

"2. Hoặc có chúng sanh với nhiều thân khác nhau nhưng chỉ một tướng, đó là trời Phạm quang âm, lúc đầu tiên mới thọ sinh. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

"3. Hoặc có chúng sanh với một thân nhưng nhiều tướng sai biệt tức là trời Quang âm. Đó là trú xứ thứ ba của thức.

"4. Hoặc có chúng sanh với một thân và một tướng đó là trời Biến tịnh. Đó là trú xứ thứ tư của thức.

"5. Hoặc có chúng sanh trú ở không xứ.

"6. Trú ở thức xứ.

"7. Trú ở vô hữu xứ.

"Lại có bảy pháp tức là bảy tình cần:

"1. Tỳ-kheo tình cần nơi sự thực hành giới.

"2. Tình cần diệt tham dục.

"3. Tình cần phá tà kiến.

"4. Tình cần nơi đa văn.

"5. Tình cần nơi tinh tấn.

"6. Tình cần nơi chánh niệm.

"7. Tình cần nơi thiên định.

"Lại có bảy pháp tức là bảy tướng: tướng về thân bất tịnh, tướng về thức ăn bất tịnh, tướng về hết thảy thế gian không đáng ưa thích, tướng về sự chết, tướng về vô thường, tướng về vô thường là khổ, tướng về khổ là vô ngã.

"Lại có bảy pháp tức là bảy tam muội thành tựu: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm.

"Lại có bảy pháp tức là bảy giác chi: niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, tuệ xả giác chi.

"Các Tỳ-kheo, đó là bảy pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

"Các Tỳ-kheo, Như Lai nói tám chánh pháp tức là tám pháp ở đời: đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, lạc và khổ.

“Lại có tám pháp tức là tám giải thoát:

“1. Sắc quán sắc giải thoát.

“2. Nội không sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.

“3. Tịnh giải thoát.

“4. Vượt quá sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng, an trú Hư không xứ giải thoát.

“5. Vượt Hư không xứ an trú Hư không xứ giải thoát.

“6. Vượt Thức xứ an trú Vô hữu xứ giải thoát.

“7. Vượt Vô sở hữu xứ an trú Phi phi tưởng xứ giải thoát.,

“8. Vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ, an trú Diệt tận định giải thoát.

“Lại có tám pháp tức là Tám thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

“Lại có tám pháp tức tám nhân cách: Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả; Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả; A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả; A-la-hán hướng, A-la-hán quả.

“Các Tỳ-kheo, đó là tám pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, làm lợi ích cho số đông cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

“Các Tỳ-kheo, Như Lai nói chín chánh pháp, tức là chín chúng sanh cư:

“1. Hoặc có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, với nhiều tướng khác nhau, tức là chư Thiên và loài người. Đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh.

“2. Lại có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, nhưng với một tướng giống nhau, tức là trời Phạm quang âm lúc mới sanh. Đó là cư trú thứ hai của chúng sanh.

“3. Lại có chúng sanh với một thân giống nhau, nhưng với nhiều tướng khác nhau, tức là trời Quang âm. Đó là cư trú thứ ba của chúng sanh.

“4. Lại có chúng sanh với một thân một tướng giống nhau, tức là trời Biến tịnh. Đó là cư trú thứ tư của chúng sanh.

“5. Lại có chúng sanh không có tướng và không có giác tri, tức là trời Vô tướng. Đó là cư trú thứ năm của chúng sanh.

“6. Lại có chúng sanh an trú hư không xứ. Đó là cư trú thứ sáu của chúng sanh.

“7. Lại có chúng sanh an trú thức xứ. Đó là cư trú thứ bảy của chúng sanh.

“8. Lại có chúng sanh an trú vô sở hữu xứ. Đó là cư trú thứ tám của chúng sanh.

“9. Lại có chúng sanh an trú phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là cư trú thứ chín của chúng sanh.

“Các Tỳ-kheo, đó là chín pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.

“Các Tỳ-kheo, Như Lai nói mười chánh pháp, tức là mười pháp vô học: vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh niệm, vô học chánh phương tiện, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát.

“Các Tỳ-kheo, đó là mười pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, làm lợi ích cho số đông, cho chư Thiên và nhân loại được an lạc.”

Bấy giờ, Thế Tôn ẩn khả những điều Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Xá-lợi-phất đã nói, hoan hỷ phụng hành.



TRƯỜNG A HÀM



KINH
THẬP
THƯỢNG

HT. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH THẬP THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hành nước Ương-già, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, đến thành Chiêm-bà, nghỉ đêm bên bờ hồ Già-già. Vào ngày mười lăm trăng tròn, Thế Tôn ngồi ở khoảng đất trống, với đại chúng vây quanh, thuyết pháp cho đến hết đêm. Rồi ngài bảo Xá-lợi-phất:

“Nay các Tỳ-kheo bốn phương tập hợp về đây, thầy đều tinh cần, dẹp bỏ sự ngủ nghỉ, muốn nghe thuyết pháp. Nhưng Ta đau lưng, muốn nghỉ ngơi một chút. Thầy nay hãy thuyết pháp cho các Tỳ-kheo”.

Sau khi Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bèn gập tư y Tăng-già-lê, nằm nghiêng về hông phải như sư tử chông hai chân lên nhau mà nằm.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

“Nay tôi nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối thầy đều chân chánh, có đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Các thầy hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Tôi sẽ giảng thuyết”.

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Xá-lợi-phất nói:

“Có pháp thập thượng, trừ các kết phược, dẫn đến Niết-bàn, dứt sạch biên tế của khổ, lại có thể đầy đủ năm trăm năm mươi pháp. Nay tôi sẽ phân biệt. Các thầy hãy lắng nghe.

“Này các Tỳ-kheo, có một thành pháp, một tu pháp, một giác pháp, một diệt pháp, một thôi pháp, một tăng pháp, một nan giải pháp, một sanh pháp, một tri pháp, một chứng pháp.

“Thế nào là một thành pháp? Đó là: đối với các pháp thiện mà không buông lung”.

“Thế nào là một tu pháp? Đó là: thường tự niệm thân.

“Thế nào là một giác pháp? Đó là: xúc hữu lậu.

“Thế nào là một diệt pháp? Đó là: ngã mạn.

“Thế nào là một thôi pháp? Đó là: bất ác lộ quán.

"Thế nào là một tăng pháp? Đó là: ác lộ quán.

"Thế nào là một nan giải pháp? Đó là: vô gián định.

"Thế nào là một sanh pháp? Đó là: hữu lậu giải thoát.

"Thế nào là một tri pháp? Đó là: hết thấy chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại.

"Thế nào là một chứng pháp? Đó là: vô ngại tâm giải thoát.

"Lại nữa, có hai thành pháp, hai tu pháp, hai giác pháp, hai diệt pháp, hai thối pháp, hai tăng pháp, hai nan giải pháp, hai sanh pháp, hai tri pháp, hai chứng pháp.

"Thế nào là hai thành pháp? Biết tà và biết quý.

"Thế nào là hai tu pháp? Chỉ và quán.

"Thế nào là hai giác pháp? Danh và sắc.

"Thế nào là hai diệt pháp? Vô minh và ái.

"Thế nào là hai thối pháp? Hủy giới và phá kiến.

"Thế nào là hai tăng pháp? Có giới và có kiến.

"Thế nào là hai nan giải pháp? Có nhân, có duyên, khiến chúng sanh sanh cấu bần. Có nhân, có duyên khiến chúng sanh đắc tịnh.

"Thế nào là hai sanh pháp? Tận trí và vô sanh trí.

"Thế nào là hai tri pháp? Thị xứ và phi xứ.

"Thế nào là hai chứng pháp? Minh và giải thoát.

"Lại nữa, có ba thành pháp, ba tu pháp, ba giác pháp, ba diệt pháp, ba thối pháp, ba tăng pháp, baA nan giải pháp, ba sanh pháp, ba tri pháp, ba chứng pháp.

"Thế nào là ba thành pháp? Thân cận thiện hữu; Tai nghe pháp âm; Thành tựu pháp và tùy pháp.

"Thế nào là ba tu pháp? Đó là ba tam-muội: Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội.

"Thế nào là ba giác pháp? Đó là ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, phi khổ phi lạc thọ.

"Thế nào là ba diệt pháp? Đó là ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

"Thế nào là ba thói pháp? Đó là ba bất thiện căn: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

"Thế nào là ba tăng pháp? Đó là ba thiện căn: vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn.

"Thế nào là ba nan giải pháp? Đó là ba điều khó hiểu: khó hiểu về các bậc Hiền thánh, khó hiểu về nghe Pháp, khó hiểu về Như Lai.

"Thế nào là ba sanh pháp? Đó là ba tướng: tức chỉ tướng, tinh tấn tướng, xả ly tướng.

"Thế nào là ba tri pháp? Đó là ba xuất yếu giới:

"1. Thoát ly dục lên sắc giới.

"2. Thoát ly sắc giới lên vô sắc giới.

"3. Xả ly hết thảy các pháp hữu vi, đó được gọi là diệt tận.

"Thế nào là ba chứng pháp? Đó là ba minh: túc mạng trí, thiên nhãn trí và lậu tận trí.

"Các Tỳ-kheo, đó là ba mươi pháp như thật, không hư dối, Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

Lại nữa, có bốn thành pháp, bốn tu pháp, bốn giác pháp, bốn diệt pháp, bốn thói pháp, bốn tăng pháp, bốn nan giải pháp, bốn sanh pháp, bốn tri pháp, bốn chứng pháp.

"Thế nào là bốn thành pháp? Đó là luân pháp:

"1. Sống ở giữa nước ;

"2. Gần thiện hữu;

"3. Tự cẩn thận ;

"4. Có gốc rễ thiện đã được trồng từ đời trước.

"Thế nào là bốn tu pháp? Đó là bốn niệm xứ:

"1. Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời ; Quán thân trên ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.

"2. Quán thọ.,

"3. Quán ý.,

"4. Quán pháp cũng như vậy.

"Thế nào là bốn giác pháp? Đó là bốn thức ăn: thức ăn bằng vo nắm, thức ăn bằng cảm xúc, thức ăn bằng tư niệm, thức ăn do thức.

"Thế nào là bốn diệt pháp? Đó là bốn thủ: dục thủ, ngã ngữ thủ, giới cấm thủ và kiến thủ.

"Thế nào là bốn thối pháp? Đó là bốn ách: dục là ách, hữu là ách, kiến là ách, vô minh là ách.

"Thế nào là bốn tăng pháp? Đó là bốn vô ách: không có ách là dục, không có ách là hữu, không có ách là kiến, không có ách là vô minh.

"Thế nào là bốn nan giải pháp? Đó là bốn thánh đế: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế.

"Thế nào là bốn sanh pháp: đó là bốn trí: pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, tha tâm trí.

"Thế nào là bốn tri pháp? Đó là bốn biện tài: pháp biện, nghĩa biện, từ biện, vô ngại biện.

"Thế nào là bốn chứng pháp? Đó là bốn Sa-môn quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả.

"Các Tỳ-kheo, đó là bốn mươi pháp, như thật, không hư dối, Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

"Lại nữa, có năm thành pháp, năm tu pháp, năm giác pháp, năm diệt pháp, năm thối pháp, năm tăng pháp, năm nan giải pháp, năm sanh pháp, năm tri pháp, năm chứng pháp.

"Thế nào là năm thành pháp? Đó là năm diệt tận chi:

"1. Tin Phật Như Lai, Chí Chân, mười hiệu thành tựu.

"2. Không bệnh, thân thường an ổn.

"3. Chết trực, không dua xiểm, hướng thẳng đến con đường dẫn đến Niết-bàn của Như Lai.

"4. Chuyên tâm không tán loạn, đọc tụng cũng không quên lãng.

"5. Khéo léo quán sát sự sinh diệt của pháp, bằng thực hành của Hiền thánh mà diệt tận gốc rễ khổ.

“Thế nào là năm tu pháp? Đó là năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

“Thế nào là năm giác pháp? Đó là năm thọ ấm: sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Thế nào là năm diệt pháp? Đó là năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.

“Thế nào là năm thối pháp? Đó là năm tâm ngại kết:

“1. Tỳ-kheo nghi Phật. Nghi Phật rồi thì không thân cận. Không thân cận rồi thì không cung kính. Đó là tâm ngại kết thứ nhất.

“24. Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với Pháp, đối với Chúng, đối với Giới, có lọt, có rỉ, có hành vi không chân chánh, có hành vi ô nhiễm, không thân cận giới, cũng không cung kính. Đó là bốn tâm ngại kết.

“5. Lại nữa, Tỳ-kheo đối với người đồng phạm hạnh sanh tâm ác hại, tâm không hỷ lạc, mắng chửi bằng những lời thô lỗ. Đó là tâm ngại kết thứ năm.

“Thế nào là năm tăng pháp? Đó là năm gốc rễ của hỷ: vui vẻ, niệm, khinh an, lạc, định.

“Thế nào là năm nan giải pháp? Đó là năm giải thoát xứ, nếu Tỳ-kheo tinh cần không biếng nhác, ưa chỗ nhàn tĩnh, chuyên niệm nhất tâm, chưa giải thì được giải, chưa diệt tận thì được diệt tận, chưa an thì được an. Những gì là năm? Nếu Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp hoặc nghe đồng phạm hạnh thuyết, hoặc nghe sư trưởng thuyết, tư duy, quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm được hoan hỷ. Tâm được hoan hỷ rồi thì được pháp ái, được pháp ái rồi thì thân tâm an ổn. Thân tâm an ổn rồi thì đắc thiên định. Đắc thiên định rồi thì đắc như thật trí. Đó là giải thoát xứ thứ nhất. Ở đây, Tỳ-kheo nghe pháp hoan hỷ, thọ trì đọc tụng cũng hoan hỷ, thuyết giảng cho người khác cũng hoan hỷ, tư duy phân biệt cũng lại hoan hỷ, đối với pháp mà đắc định cũng giống như vậy.

“Thế nào là năm sanh pháp?

“Đó là năm trí định của Hiền thánh:

“1. Tu tam-muội là, nay an lạc về sau cũng an lạc, sanh nội ngoại trí.

"2. Là Hiền thánh vô ái, sanh nội ngoại trí.

"3. Là định mà chư Phật và các Hiền thánh tu hành, sanh nội ngoại trí.

"4. Là êm dịu, tịch diệt tướng, độc nhất không gì sánh ngang, sanh nội ngoại trí.

"5. Đối với tam-muội nhất tâm nhập, nhất tâm khởi, sanh nội ngoại trí.

"Thế nào là năm tri pháp? Đó là năm xuất yếu giới:

"1. Tỳ-kheo đối với dục không lạc, không niệm tưởng, cũng không thân cận, mà chỉ niệm tưởng sự xuất yếu, hoan lạc nơi sự viễn ly, thân cận không biếng nhác, tâm vị ấy nhu nhuyến, xuất yếu, ly dục. Lậu khởi do bởi dục cũng bị diệt tận mà đắc giải thoát. Đó là dục xuất yếu.

"2. Sân nhuế xuất yếu.

"3. Tật đố xuất yếu.

"4. Sắc xuất yếu.

"5. Thân kiến xuất yếu cũng giống như vậy.

"Thế nào là năm chứng pháp? Đó là năm tụ vô học: tụ vô học giới, tụ vô học định, tụ vô học tuệ, tụ vô học giải thoát, tụ vô học giải thoát tri kiến.

"Các Tỳ-kheo, đó là năm mươi pháp, như thật, không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

"Lại nữa, có sáu thành pháp, sáu tu pháp, sáu giác pháp, sáu diệt pháp, sáu thối pháp, sáu tăng pháp, sáu nan giải pháp, sáu sanh pháp, sáu tri pháp, sáu chứng pháp.

"Thế nào là sáu thành pháp? Đó là sáu trọng pháp: nếu có Tỳ-kheo tu sáu pháp tôn trọng, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với chúng không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp. Những gì là sáu?

"1. Ở đây, Tỳ-kheo thân thường hành từ, kính đông phạm hạnh, sống với tâm nhân ái. Đó gọi là trọng pháp, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp.

“24. Lại nữa, Tỳ-kheo khẩu hành từ, ý hành từ; được vật lợi dưỡng đúng pháp và những thức ăn ở trong bát cũng đều đem chia cho người khác dùng chung, không phân biệt đây kia.

“5. Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với giới mà bậc Thánh hành trì, không phạm, không hủy, không nhiễm ô, được bậc trí khen ngợi, khéo thọ trì đầy đủ, thành tựu định ý.

“6. Lại nữa, Tỳ-kheo chánh kiến về các phạm hạnh để thành tựu sự xuất yếu của Hiền thánh, để chân chánh diệt tận khổ, đó gọi là trọng pháp, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành không tạp.

“Thế nào là sáu tu pháp? Đó là sáu tu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

“Thế nào là sáu giác pháp? Đó là sáu nội nhập: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.

“Thế nào là sáu diệt pháp? Đó là sáu ái: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

“Thế nào là sáu thôi pháp? Đó là sáu pháp bất kính: không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính định, không kính cha mẹ.

“Thế nào là sáu tăng pháp? Đó là sáu pháp kính: kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ.

“Thế nào sáu nan giải pháp? Đó là sáu vô thượng: kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi dưỡng vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, niệm vô thượng.

“Thế nào là sáu sanh pháp? Đó là sáu đẳng pháp: ở đây, Tỳ-kheo, mắt thấy sắc, không ưu, không hỷ, an trú xả, chuyên niệm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý tưởng pháp, không ưu, không hỷ, an trú xả, chuyên niệm.

“Thế nào là sáu tri pháp? Đó là sáu xuất yếu giới. Nếu có Tỳ-kheo nói như vậy: Tôi tu Từ tâm, lại còn sanh sân nhuế, thì các Tỳ-kheo khác nói: Người đừng nói như thế. Chớ hủy báng Như Lai. Như Lai không nói như thế, rằng muốn khiến tu Từ giải thoát mà lại sanh sân nhuế, không có trường hợp đó. Phật nói, trừ sân nhuế rồi sau đó mới đắc Từ. Nếu có Tỳ-kheo nói: Tôi thực hành Bi giải thoát lại sanh tâm tật đố. Hành Hỷ giải thoát, sanh tâm ưu não. Hành Xả giải thoát, sanh tâm yêu ghét. Hành Vô ngã hành

sanh tâm hồ nghi. Hành Vô tướng hành, sanh các loạn tướng, thì cũng giống như vậy.

“Thế nào là sáu chứng pháp? Đó là sáu thần thông:

“1. Thần túc thông.

“2. Thiên nhĩ thông.

“3. Tri tha tâm thông

“4. Túc mạng thông.

“5. Thiên nhãn thông.

“6. Lậu tận thông.

“Các Tỳ-kheo, đó là sáu mươi pháp, như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

“Lại nữa, có bảy thành pháp, bảy tu pháp, bảy giác pháp, bảy diệt pháp, bảy thối pháp, bảy tăng pháp, bảy nan giải pháp, bảy sanh pháp, bảy tri pháp, bảy chứng pháp.

“Thế nào là bảy thành pháp? Đó là bảy tài sản: tín là tài sản, giới là tài sản, tâm là tài sản, quý là tài sản, đa văn là tài sản, huệ thí là tài sản.

“Thế nào là bảy tu pháp? Đó là bảy giác ý: ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y vô dục y tịch diệt, y viễn ly. Tu pháp, tu tinh tấn, tu hỷ, tu y, tu định, tu xả, y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly.

“Thế nào là bảy giác pháp? Đó là bảy trú xứ của thức: nếu có chúng sanh với nhiều tâm khác nhau, nhiều tướng khác nhau, đó là trời và người vậy. Đó là thức trú thứ nhất. Lại có chúng sanh, với nhiều thân khác nhau nhưng một tướng, đó là trời Phạm quang âm lúc mới sanh đầu tiên. Đó là thức trú thứ hai. Lại có chúng sanh với một thân nhưng nhiều tướng khác nhau, đó là trời Quang âm. Đó là thức trú thứ ba. Lại có chúng sanh với một thân và một tướng giống nhau, đó là trời Biến tịnh. Đó là thức trú thứ tư. Lại có chúng sanh trú hư không xứ. Đó là thức trú thứ năm. Lại có chúng sanh trú ở thức xứ. Đó là thức trú thứ sáu. Hoặc trú bất dụng xứ. Đó là thức trú thứ bảy.

“Thế nào là bảy diệt pháp? Đó là sáu sử: sai sử bởi dục ái, sai sử bởi hữu ái, sai sử bởi kiến, sai sử bởi mạn, sai sử bởi sân nhuế, sai sử bởi vô minh, sai sử bởi nghi.

“Thế nào là bảy thôi pháp? Đó là bảy phi pháp: ở đây, Tỳ-kheo không có tín, không có tâm, không có quý, ít học, biếng nhác, hay quên, vô trí.

“Thế nào là bảy tăng pháp? Đó là bảy chánh pháp: ở đây Tỳ-kheo có tín, có tâm, có quý, đa văn, không biếng nhác, nhớ dai, có trí.

“Thế nào là bảy nan giải pháp? Đó là bảy chánh thiện pháp: ở đây, Tỳ-kheo ưa nghĩa, ưa pháp, ưa biết thời, ưa biết đủ, ưa tự nhiên, ưa tập chúng, ưa phân biệt người.

“Thế nào là bảy sanh pháp? Đó là bảy tưởng: tưởng về sự bất tịnh của thân, tưởng về sự bất tịnh của thức ăn, tưởng về sự hết thảy thế gian không đáng ưa thích, tưởng về sự chết, tưởng về vô thường, tưởng vô thường là khổ, tưởng khổ là vô ngã.

“Thế nào là bảy tri pháp? Đó là bảy sự tinh cần: tinh cần nơi giới, tinh cần diệt tham dục, tinh cần phá tà kiến, tinh cần nơi đa văn, tinh cần nơi tinh tấn, tinh cần nơi chánh niệm, tinh cần nơi thiền định.

“Thế nào là bảy chứng pháp? Đó là bảy năng lực diệt tận lậu hoặc: ở đây, Tỳ-kheo dứt tận lậu đối với hết thảy sự tập khởi của khổ, sự diệt trừ, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly mà biết như thật, thấy như thật. Quán sát dục như hầm lửa và cũng như đao kiếm, biết dục, thấy dục, không tham nơi dục, tâm không trụ nơi dục. Tỳ-kheo lậu tận, quán sát thuận và nghịch, sau khi đã như thật giác tri, như thật thấy; tham, tật, ác bất thiện pháp của thế gian, không rò rỉ, không sinh khởi. Tu Tứ niệm xứ, tu tập nhiều lần, thực hành nhiều lần. Tu Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám hiền thánh đạo, tu tập nhiều lần.

“Các Tỳ-kheo, đó là bảy mươi pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

“Lại nữa, có tám thành pháp, tám tu pháp, tám giác pháp, tám diệt pháp, tám thôi pháp, tám tăng pháp, tám nan giải pháp, tám sanh pháp, tám tri pháp, tám chứng pháp.

“Thế nào là tám thành pháp? Đó là tám nhân duyên khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh nhưng có thể sở đắc trí và nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tăng trưởng. Những gì là tám? Ở đây, Tỳ-kheo sống nương tựa Thế Tôn, hoặc nương tựa sư trưởng, hoặc nương tựa người phạm hạnh có trí tuệ, sanh tâm tâm quý, có ái,

có kính. Đó là nhân duyên thứ nhất, chưa chứng đặc phạm hạnh nhưng chứng đặc trí; đã chứng đặc phạm hạnh thì trí tăng gia. Lại nữa, sống nương tựa Thế Tôn, tùy thời mà thưa hỏi: Pháp này có ý nghĩa gì? Dẫn đến đâu? Khi ấy các tôn trưởng liền mở bày cho nghĩa lý thậm thâm. Đó là nhân duyên thứ hai. Sau khi nghe pháp thân tâm an lạc, an tĩnh. Đó là nhân duyên thứ ba. Sau khi đã được an lạc, an tĩnh, sẽ không luận bàn những tạp luận làm chướng ngại đạo. Vì ấy đến giữa đại chúng hoặc tự mình thuyết pháp, hoặc thỉnh người khác thuyết, mà vẫn không bỏ sự im lặng của Hiền thánh. Đó là nhân duyên thứ tư. Đa văn, quảng bác, ghi nhớ không quên các pháp thâm áo, hay khéo ở khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, có nghĩa có vị, chân thật, đầy đủ phạm hạnh. Sau khi nghe thì ghi nhớ trong lòng, kiến giải không lay động. Đó là nhân duyên thứ năm. Tu tập tinh cần, diệt ác tăng thiện, gắng sức thực hành không bỏ pháp ấy. Đó là nhân duyên thứ sáu. Bằng trí tuệ mà nhận thức pháp sanh diệt, chỗ thú hưởng của Hiền thánh, tận cùng biên tế của khổ. Đó là nhân duyên thứ bảy. Quán tướng sanh và tướng diệt của năm thọ ấm: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ tướng, hành, thức. Đây là sự tập khởi của thọ, tướng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tướng, hành, thức. Đó là nhân duyên thứ tám, khiến cho chưa sở đặc phạm hạnh mà sở đặc trí, nếu đã sở đặc phạm hạnh thì trí tuệ tăng trưởng.

“Thế nào là tám tu pháp? Đó là tám con đường của Hiền thánh: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

“Thế nào là tám giác pháp? Đó là tám pháp ở đời: lợi, suy, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.

“Thế nào là tám diệt pháp? Đó là tám tà: tà kiến, tà tư, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

“Thế nào là tám thôi pháp? Đó là tám pháp giải đãi. Tám pháp giải đãi là những gì? Tỳ-kheo lười biếng, khát thực nhưng không được thực, bèn suy nghĩ: Hôm nay ta khát thực dưới xóm nhưng không được thực, thân thể mệt mỏi không đủ sức tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi. Tỳ-kheo lười biếng suy nghĩ như vậy và nằm nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ nhất.

“Tỳ-kheo lười biếng nhận được thức ăn đầy đủ, lại suy nghĩ: Sáng nay ta vào xóm khất thực, nhận được thức ăn và ăn quá no, thân thể nặng nề không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ. Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ hai.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có làm chút công việc, bèn suy nghĩ: Ngày nay ta làm việc, thân thể mệt mỏi không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ. Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ ba.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có chút việc sẽ phải làm, bèn suy nghĩ: Ngày mai ta sẽ làm việc, thân thể sẽ mệt mỏi, vậy hôm nay không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi trước. Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ. Đó là sự giải đãi thứ tư.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có đi lại chút ít bèn suy nghĩ: Sáng nay ta đi lại, thân thể mệt mỏi, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ. Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ. Đó là sự giải đãi thứ năm.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử sẽ phải đi lại chút ít, bèn suy nghĩ: Ngày mai ta sẽ phải đi lại, thân thể sẽ mệt mỏi, vậy hôm nay không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi trước. Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ sáu.

“Tỳ-kheo lười biếng, giả sử gặp chút bệnh hoạn, bèn suy nghĩ: Nay ta bệnh nặng, mệt nhọc gầy yếu, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ. Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ bảy.

“Tỳ-kheo lười biếng, khi bệnh đã bớt, bèn suy nghĩ: Ta khỏi bệnh chưa lâu, thân thể gầy yếu, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ. Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Đó là sự giải đãi thứ tám.

“Thế nào là tám tăng pháp? Đó là tám sự không biếng nhác. Tỳ-kheo vào xóm khất thực nhưng không được thức ăn, bèn suy nghĩ: Ta thân thể nhẹ nhàng, ít buồn ngủ, vậy ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ nhất.

“Tỳ-kheo khất thực được đủ, bèn suy nghĩ: Nay ta vào xóm khất thực được no đủ, khí lực sung túc, ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ hai.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử có chút công việc phải làm, bèn suy nghĩ: Ta vừa làm công việc mà bỏ phế sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ ba.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử có công việc sẽ phải làm, bèn suy nghĩ: Ngày mai ta sẽ làm công việc mà bỏ phế sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ tư.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử có chút đi lại, bèn suy nghĩ: Ta sáng nay đi lại mà bỏ phế sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ năm.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử sẽ phải đi lại, bèn suy nghĩ: Ngày mai ta sẽ phải đi lại mà bỏ phế sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ sáu.

“Tỳ-kheo siêng năng giả sử bị bệnh hoạn, bèn suy nghĩ: Ta nay bệnh nặng, có thể mạng chung. Nay ta hãy tọa thiền kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ bảy.

“Tỳ-kheo siêng năng khi bệnh có chút thuyên giảm bèn suy nghĩ: Ta bệnh mới khỏi, biết đâu nó tăng trở lại mà phế bỏ sự hành đạo. Nay ta hãy tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng. Rồi Tỳ-kheo ấy liền siêng năng. Đó là sự tinh tấn thứ tám.

“Thế nào là tám nan giải pháp? Đó là tám sự không thuận lợi, cản trở sự tu tập phạm hạnh. Những gì là tám?

“1. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, mà có người sanh vào địa ngục. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

“25. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, mà có người sanh vào súc sanh ngạ quỷ, cõi trời trường thọ, biên địa vô thức, chỗ không có Phật pháp. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

“6. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, hoặc có người sanh ở trung ương, nhưng có tà kiến, mang tâm điên đảo, thành tựu ác hành chắc chắn vào địa ngục. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

“7. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, hoặc có chúng sanh sanh ở trung ương nhưng mù, điếc, câm, ngọng, không thể nghe pháp, tu hành phạm hạnh. Đó là trường hợp không thuận lợi, không thể tu tập phạm hạnh.

“8. Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, hoặc có chúng sanh sanh ở trung ương, các căn đầy đủ để lãnh thọ Thánh giáo nhưng không gặp Phật, không được tu hành phạm hạnh.

“Đó là tám pháp không thuận lợi.

“Thế nào là tám sanh pháp? Đó là tám sự tỉnh giác của bậc đại nhân:

“1. Đạo phải là ít dục; nhiều dục không phải là đạo.

“2. Đạo phải là tri túc; không biết nhàm đủ không phải là đạo.

“3. Đạo cần phải nhàn tĩnh; ưa đám đông không phải là đạo.

"4. Đạo cần phải tự giữ; cười giỡn không phải là đạo.

"5. Đạo cần phải tinh tấn; biếng nhác không phải là đạo.

"6. Đạo cần phải chuyên niệm; hay quên lãng không phải là đạo.

"7. Đạo cần phải định ý; loạn ý không phải là đạo.

"8. Đạo cần phải có trí tuệ; ngu si không phải là đạo.

"Thế nào là tám tri pháp? Đó là tám trừ nhập:

"1. Bên trong có sắc tướng, quán ngoại sắc ít, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ nhất.

"2. Bên trong có sắc tướng, quán ngoại sắc vô lượng, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ hai.

"3. Bên trong không có sắc tướng, quán ngoại sắc ít, hoặc xấu hoặc đẹp, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ ba.

"4. Bên trong không có sắc tướng, quán ngoại sắc vô lượng, hoặc đẹp hoặc xấu, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ tư.

"5. Bên trong không sắc tướng, quán ngoại sắc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh, cái nhìn xanh. Ví như màu xanh của sen xanh. Cũng như vải ba-la-nại màu xanh, thuần nhất. Màu xanh, ánh sáng xanh, cái nhìn xanh cũng được tưởng như vậy, thường quán thường niệm. Đó là trừ nhập thứ năm.

"6. Bên trong không sắc tướng, quán ngoại sắc vàng; màu vàng, ánh sáng vàng, cái nhìn vàng. Ví như màu vàng của hoa vàng; vải ba-la-nại vàng. Màu vàng, ánh sáng vàng, cái nhìn vàng cũng được tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ sáu.

"7. Bên trong không sắc tướng quán ngoại sắc đỏ. Màu đỏ, ánh sáng đỏ, cái nhìn đỏ. Ví như ba màu đỏ, vải ba-la-nại đỏ, thuần nhất màu đỏ, ánh sáng đỏ, cái nhìn đỏ, cũng được tưởng như vậy thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ bảy.

"8. Bên trong không sắc tướng, quán ngoại sắc trắng. Màu trắng, ánh sáng trắng, cái nhìn trắng. Cũng như màu trắng của hoa trắng, vải ba-la-nại trắng, thuần nhất. Cũng tưởng như vậy, màu trắng, ánh sáng trắng, cái nhìn trắng, thường quán, thường niệm. Đó là trừ nhập thứ tám.

“Thế nào là tám chứng pháp? Đó là tám giải thoát: Bên trong có sắc tướng, quán sắc: giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tướng, quán ngoại sắc: giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát: giải thoát thứ ba. Vượt sắc tướng, diệt sân nhuế tướng, an trú không xứ: giải thoát thứ tư. Vượt qua không xứ, an trú thức xứ: giải thoát thứ năm. Vượt qua thức xứ, an trú bất dụng xứ: giải thoát thứ sáu. Vượt qua bất dụng xứ, an trú hữu tướng vô tướng xứ: giải thoát thứ bảy. Vượt hữu tướng vô tướng xứ, an trú tướng tri diệt: giải thoát thứ tám.

“Các Tỳ-kheo, đó là tám mươi pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

“Lại nữa, có chín thành pháp, chín tu pháp, chín giác pháp, chín diệt pháp, chín thối pháp, chín tăng pháp, chín nan giải pháp, chín sanh pháp, chín tri pháp, chín chứng pháp.

“Thế nào là chín thành pháp? Đó là chín tịnh diệt chi: giới tịnh diệt chi, tâm tịnh diệt chi, kiến tịnh diệt chi, độ nghi tịnh diệt chi, phân biệt tịnh diệt chi, đạo tịnh diệt chi, trừ tịnh diệt chi, vô dục tịnh diệt chi, giải thoát tịnh diệt chi.

“Thế nào là chín tu pháp? Đó là chín gốc rễ của hỷ: hỷ, ái, duyệt, lạc, định, như thật tri, trừ xả, vô dục, giải thoát.

“Thế nào chín giác pháp? Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh:

“1. Hoặc có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, với nhiều tướng khác nhau, tức là chư Thiên và loài người. Đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh.

“2. Lại có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, nhưng với một tướng giống nhau, tức là trời Phạm quang âm lúc mới sanh. Đó là nơi cư trú thứ hai của chúng sanh.

“3. Lại có chúng sanh với một thân giống nhau, nhưng với nhiều tướng khác nhau, tức là trời Quang âm. Đó là nơi cư trú thứ ba của chúng sanh.

“4. Lại có chúng sanh với một thân một tướng giống nhau, tức là trời Biến tịnh. Đó là nơi cư trú thứ tư của chúng sanh.

“5. Lại có chúng sanh không có tướng và không có giác tri, tức là trời Vô tướng. Đó là nơi cư trú thứ năm của chúng sanh.

“6. Lại có chúng sanh an trú hư không xứ. Đó là nơi cư trú thứ sáu của chúng sanh.

"7. Lại có chúng sanh an trú thức xứ. Đó là an trú thứ bảy của chúng sanh.

"8. Lại có chúng sanh an trú vô sở hữu xứ. Đó là nơi cư trú thứ tám của chúng sanh.

"9. Lại có chúng sanh an trú phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là nơi cư trú thứ chín của chúng sanh.

"Thế nào là chín diệt pháp? Đó là chín gốc rễ của ái: nhân ái có tìm cầu; nhân tìm cầu có lợi; nhân lợi có dụng; nhân dụng có dục; nhân dục có dính trước; nhân dính trước có tật đồ; nhân tật đồ có bảo thủ; nhân bảo thủ có hộ.

"Thế nào là chín thối pháp? Đó là chín não pháp: có người đã não hại ta; nó đang não hại ta; nó sẽ não hại ta; nó đã xâm hại cái ta thương yêu; nó đang xâm hại cái ta thương yêu; nó sẽ xâm hại cái ta thương yêu; nó đã yêu kính cái ta ghét; nó đang yêu kính cái ta ghét; nó sẽ yêu kính cái ta ghét.

"Thế nào là chín tăng pháp? Đó là chín vô não: Người kia đã xâm hại ta; nghĩ vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Nó xâm não cái ta yêu thương; nghĩ như vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Nó yêu thương cái ta ghét; nghĩ như vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não.

"Thế nào là chín nan giải pháp? Đó là chín phạm hạnh: Nếu Tỳ-kheo có tín nhưng không trì giới, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín và có giới thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, nhưng không có đa văn, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, nhưng không thể thuyết pháp, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nhưng không thể nuôi chúng, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, nhưng giữa đại chúng không thể quảng diễn pháp ngôn, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-

kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, nhưng không chứng đắc Tứ thiên, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiên, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại chứng đắc Tứ thiên, nhưng đối với tám giải thoát không thể thuận nghịch du hành, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiên, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, thì phạm hạnh đầy đủ. Nếu Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, giữa đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại chứng đắc Tứ thiên, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, nhưng không thể diệt tận các lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, thì phạm hạnh không đầy đủ. Tỳ-kheo có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, lại đắc Tứ thiên, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, có thể diệt tận các lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, thì phạm hạnh đầy đủ.

“Thế nào là chín sanh pháp? Đó là chín tướng: tướng về sự bất tịnh; tướng về sự bất tịnh của thức ăn; tướng về hết thảy thể gian không đáng ưa thích; tướng về sự chết; tướng về vô thường; tướng vô thường là khổ; tướng khổ là vô ngã; tướng về sự diệt tận; tướng về vô dục.

“Thế nào là chín tri pháp? Đó là chín dị pháp: sanh quả dị nhân quả dị; sanh xúc dị nhân xúc dị; sanh thọ dị nhân thọ dị; sanh tưởng dị nhân tưởng dị; sanh tập dị nhân tập dị; sanh dục dị nhân dục dị; sanh lợi dị nhân lợi dị; sanh cầu dị nhân cầu dị; sanh phiền não dị nhân phiền não dị.

“Thế nào là chín chứng pháp? Đó là chín tận: Nếu nhập Sơ thiên, thì gai nhọn là âm thanh bị diệt trừ. Nhập đệ Nhị thiên, thì gai nhọn là giác và quán bị diệt trừ. Nhập đệ Tam thiên, thì gai

nhọn là hỷ bị diệt trừ. Nhập đệ Tứ thiên, thì gai nhọn là hơi thở ra vào bị diệt trừ. Nhập không xứ thì gai nhọn là sắc tướng bị diệt trừ. Nhập thức xứ thì gai nhọn là không tướng bị diệt trừ. Nhập bất dụng xứ thì gai nhọn là thức tướng bị diệt trừ. Nhập hữu tướng vô tướng xứ thì gai nhọn là bất dụng tướng bị diệt trừ. Nhập diệt tận định thì gai nhọn là tướng và thọ bị diệt trừ.

“Các Tỳ-kheo, đó là chín mươi pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

“Lại nữa, có mười thành pháp, mười tu pháp, mười giác pháp, mười diệt pháp, mười thối pháp, mười tăng pháp, mười nan giải pháp, mười sanh pháp, mười tri pháp, mười chứng pháp.

“Thế nào là mười thành pháp? Đó là mười cứu pháp.

“1. Tỳ-kheo đây đủ hai trăm năm mươi giới, đây đủ oai nghi, thấy lỗi nhỏ nhặt sanh tâm lo sợ lớn, chân chánh học giới, tâm không nghiêng lệch.

“2. Có được thiện tri thức.

“3. Ngôn ngữ trung chánh, nhẫn nhịn được nhiều điều.

“4. Ưa câu thiện pháp, phân bố không tiếc lẫn.

“5. Các đồng phạm hạnh có việc phải làm liền đến giúp đỡ không lấy làm mệt nhọc, làm được những việc khó làm và cũng dạy người khác làm.

“6. Nghe nhiều; nghe xong thì ghi nhớ không hề quên.

“7. Tinh tấn, diệt trừ bất thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp.

“8. Thường tự chuyên niệm, không có tướng khác, nhớ những hành vi thiện từ trước như thấy trước mắt.

“9. Trí tuệ thành tựu, quán sự sanh diệt của các pháp, bằng pháp luật Hiền thánh mà đoạn trừ gốc khổ.

“10. Vui với sự nhàn cư, chuyên niệm tư duy, ở trung gian thiên, không có đùa giỡn.

“Thế nào là mười tu pháp? Đó là mười chánh hành: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh tri.

“Thế nào là mười giác pháp? Đó là mười sắc nhập: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập; sắc, thanh, hương, vị, xúc nhập.

"Thế nào là mười diệt pháp? Đó là mười tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

"Thế nào là mười thối pháp. Đó là mười bất thiện hành tích : thân có sát, đạo, dâm; khẩu có hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt; ý có tham lam, tật đố, tà kiến.

"Thế nào là mười tăng pháp? Đó là mười thiện hành: thân không sát, đạo, dâm; khẩu không hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt; ý không tham lam, tật đố, tà kiến.

"Thế nào là mười nan giải pháp? Đó là mười Hiên thánh cư :

"1. Tỳ-kheo trừ diệt năm chi.

"2. Thành tựu sáu chi.

"3. Xả một chi.

"4. Y trên bốn.

"5. Diệt dị đế.

"6. Thắng diệu cầu.

"7. Không trước tướng .

"8. Thân hành đã lập.

"9. Tâm giải thoát.

"10. Tuệ giải thoát.

"Thế nào là mười sanh pháp? Đó là mười trường hợp khen ngợi: Nếu Tỳ-kheo tự mình đã có được tín tâm rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người có được tín tâm. Tự mình đã trì giới rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người trì giới. Tự mình thiếu dục rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người thiếu dục. Tự mình tri túc rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người tri túc. Tự mình ưa nhàn tĩnh rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người ưa nhàn tĩnh. Tự mình đa văn rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đa văn. Tự mình tinh tấn rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người tinh tấn. Tự mình chuyên niệm rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người chuyên niệm. Tự mình đặc thiên định rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đặc thiên

định. Tự mình đắc trí tuệ rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đắc trí tuệ.

“Thế nào là mười tri pháp? Đó là mười diệt pháp: Người chánh kiến có thể diệt trừ tà kiến, diệt trừ sạch những gì là vô số ác duyên tà kiến mà khởi lên và thành tựu những gì là vô số thiện nhân nơi chánh kiến mà sanh khởi. Người có chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí có thể diệt trừ tà trí và vô số ác nhân tà trí sanh khởi cũng hoàn toàn bị diệt tận; vô số thiện pháp, nhân nơi chánh trí sanh khởi, thảy đều được thành tựu.

“Thế nào là mười vô học pháp? Vô học chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

“Các Tỳ-kheo, đó là trăm pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực”.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất được Phật ấn khả. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Xá-lợi-phất thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Trường A Hàm

KINH

Thập Nhứt

Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH TĂNG NHẤT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy nghe; pháp vi diệu, khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối đều chân chánh, có đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Đó là pháp tăng nhất. Các thầy hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ giảng thuyết”.”

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Pháp tăng nhất ấy là, một thành pháp, một tu pháp, một giác pháp, một diệt pháp, một chứng pháp.

“Thế nào là một thành pháp? Đó là không bỏ các pháp thiện.

“Thế nào là một tu pháp? Đó là thường tự niệm thân.

“Thế nào là một giác pháp? Đó là xúc hữu lậu.

“Thế nào là một diệt pháp? Đó là ngã mạn.

“Thế nào là một chứng pháp? Đó là vô ngại tâm giải thoát.

“Lại nữa, có hai thành pháp, hai tu pháp, hai giác pháp, hai diệt pháp, hai chứng pháp.

“Thế nào là hai thành pháp? Biết tà và biết quý.

“Thế nào là hai tu pháp? Chỉ và quán.

“Thế nào là hai giác pháp? Danh và sắc.

“Thế nào là hai diệt pháp? Vô minh và hữu ái.

“Thế nào là hai chứng pháp? Minh và giải thoát.

“Lại nữa, có ba thành pháp, ba tu pháp, ba giác pháp, ba diệt pháp, ba chứng pháp.

“Thế nào là ba thành pháp.

“1. Thân cận thiện hữu.

"2. Tai nghe pháp âm.

"3. Thành tựu pháp và tùy pháp.

"Thế nào là ba tu pháp? Đó là ba tam- muội: không tam- muội, vô tướng tam-muội, vô tác tam-muội.

"Thế nào là ba giác pháp? Đó là ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, phi khổ phi lạc thọ.

"Thế nào là ba diệt pháp? Đó là ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

"Thế nào là ba chứng pháp? Đó là ba minh: túc mạng trí, thiên nhãn trí và lậu tận trí..

"Lại nữa, có bốn thành pháp, bốn tu pháp, bốn giác pháp, bốn diệt pháp, bốn chứng pháp.

"Thế nào là bốn thành pháp? Đó là luân pháp:

"1. Sống ở trung ương của đất nước.

"2. Gần thiện hữu.

"3. Tự cần thận.

"4. Có gốc rễ thiện đã được trồng từ đời trước.

"Thế nào là bốn tu pháp? Đó là bốn niệm xứ:

"1. Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ tham ưu ở đời.

"2. Quán thọ.

"3. Quán ý.

"4. Quán pháp cũng như vậy.

"Thế nào là bốn giác pháp? Đó là bốn thức ăn: thức ăn bằng vo nắm, thức ăn bằng cảm xúc, thức ăn bằng tư niệm, thức ăn do thức.

"Thế nào là bốn diệt pháp? Đó là bốn thủ: dục thủ, ngã ngã thủ, giới cấm thủ và kiến thủ.

"Thế nào là bốn chứng pháp? Đó là bốn Sa-môn quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đa-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả.

“Lại nữa, có năm thành pháp, năm tu pháp, năm giác pháp, năm diệt pháp, năm chứng pháp.

“Thế nào là năm thành pháp? Đó là năm diệt tận chi:

“1. Tin Phật, Như Lai, Chí Chân, mười hiệu thành tựu.

“2. Không bệnh, thân thường an ổn.

“3. Chết trực, không dua xiểm, hướng thẳng đến con đường dẫn đến Niết-bàn của Như Lai.

“4. Chuyên tâm không tán loạn, đọc cũng không quên lãng.

“5. Khéo léo quán sát sự sinh diệt của pháp, bằng thực hành của Hiền thánh mà diệt tận gốc rễ khổ.

“Thế nào là năm tu pháp? Đó là năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

“Thế nào là năm giác pháp? Đó là năm thọ ấm: sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Thế nào là năm diệt pháp? Đó là năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.

“Thế nào là năm chứng pháp? Đó là năm tụ vô học: tụ vô học giới, tụ vô học định, tụ vô học tuệ, tụ vô học giải thoát, tụ vô học giải thoát tri kiến.

“Lại nữa có sáu thành pháp, sáu tu pháp, sáu giác pháp, sáu diệt pháp, sáu chứng pháp.

“Thế nào là sáu thành pháp? Đó là sáu pháp tôn trọng: Nếu có Tỳ-kheo tu sáu pháp tôn trọng, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp. Những gì là sáu?

“1. Ở đây, Tỳ-kheo thân thường hành từ, kính đồng phạm hạnh, sống với tâm nhân ái. Đó gọi là pháp tôn trọng, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành không tạp.

“24. Lại nữa, Tỳ-kheo khẩu hành từ, ý hành từ; được vật lợi dưỡng đúng pháp và những thức ăn ở trong bát cũng đều đem chia cho người khác dùng chung, không phân biệt đây kia.

“5. Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với giới mà bậc Thánh hành trì, không phạm, không hủy, không nhiễm ô, được bậc Trí khen ngợi, khéo thọ trì đầy đủ, thành tựu định ý.

"6. Chánh kiến và các phạm hạnh để thành tựu sự xuất yếu của Hiền thánh, để chân chánh diệt tận khổ, đó gọi là pháp tôn trọng, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp.

"Thế nào là sáu tu pháp? Đó là sáu tu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

"Thế nào là sáu giác pháp? Đó là sáu nội nhập: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.

"Thế nào là sáu diệt pháp? Đó là sáu ái: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

"Thế nào là sáu chứng pháp? Đó là sáu thần thông:

"1. Thần túc thông chứng.

"2. Thiên nhĩ thông chứng.

"3. Tri tha tâm thông chứng.

"4. Túc mạng thông chứng.

"5. Thiên nhãn thông chứng.

"6. Lậu tận thông chứng.

"Lại nữa, có bảy thành pháp, bảy tu pháp, bảy giác pháp, bảy diệt pháp, bảy chứng pháp.

"Thế nào là bảy thành pháp? Đó là bảy tài sản: tín là tài sản, giới là tài sản, tâm là tài sản, quý là tài sản, đa văn là tài sản, huệ thí là tài sản.

"Thế nào là bảy tu pháp? Đó là bảy giác ý: ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly. Tu pháp, tu tinh tấn, tu hỷ, tu y, tu định, tu xả, y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly.

"Thế nào là bảy giác pháp? Đó là bảy trú xứ thức: Hoặc có chúng sanh với nhiều tâm khác nhau, nhiều tướng khác nhau, đó là trời và người vậy. Đó là thức trú thứ nhất. Lại có chúng sanh, với nhiều thân khác nhau nhưng một tướng, đó là trời Phạm quang âm lúc mới sanh đầu tiên. Đó là thức trú thứ hai. Lại có chúng sanh với một thân nhưng nhiều tướng khác nhau, đó là trời Quang âm. Đó là thức trú thứ ba. Lại có chúng sanh với một thân và một tướng giống nhau, đó là trời Biến tịnh. Đó là thức trú thứ tư. Lại có chúng sanh trú Hư không xứ. Đó là thức trú thứ

năm. Lại có chúng sanh trú ở Thức xứ. Đó là thức trú thứ sáu. Hoặc trú Bất dụng xứ. Đó là thức trú thứ bảy.

“Thế nào là bảy diệt pháp? Đó là bảy sử: sai sử bởi dục ái, sai sử bởi hữu ái, sai sử bởi kiến, sai sử bởi mạn, sai sử bởi sân nhuế, sai sử bởi vô minh, sai sử bởi nghi.

“Thế nào là bảy chứng pháp? Đó là bảy năng lực diệt tận lậu hoặc: ở đây, Tỳ-kheo, đối với hết thảy khổ, sự tập khởi của khổ, sự diệt trừ, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly của khổ mà biết như thật, thấy như thật; quán sát dục như hầm lửa và cũng như đao kiếm, biết dục, thấy dục, không tham nơi dục, tâm không trụ nơi dục. Ở trong đó lại khéo quán sát; sau khi đã như thật giác tri, như thật thấy, tham, tật, ác bất thiện pháp của thế gian không rò rỉ, không sinh khởi. Tu Tứ niệm xứ, tu tập nhiều lần, thực hành nhiều lần. Tu Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám hiền thánh đạo, tu tập nhiều lần, thực hành nhiều lần.

“Lại nữa, có tám thành pháp, tám tu pháp, tám giác pháp, tám diệt pháp, tám chứng pháp.

“Thế nào là tám thành pháp? Đó là tám nhân duyên khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh nhưng có thể sở đắc trí và nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tăng trưởng. Những gì là tám? Ở đây, Tỳ-kheo sống nương tựa Thế Tôn, hoặc nương tựa Sư trưởng, hoặc nương tựa người phạm hạnh có trí tuệ, sanh tâm tầm quý, có ái, có kính. Đó là nhân duyên thứ nhất, khiến cho chưa đắc phạm hạnh mà chứng đắc trí; nếu đắc phạm hạnh rồi thì trí tăng trưởng. Lại nữa, nương tựa Thế Tôn, tùy thời mà thưa hỏi: Pháp này có ý nghĩa gì? Dẫn đến đâu?, khi ấy các tôn trưởng liền mở bày cho nghĩa lý thậm thâm. Đó là nhân duyên thứ hai. Sau khi nghe pháp thân tâm an lạc, an tĩnh. Đó là nhân duyên thứ ba. Không luận bàn những tạp luận vô ích làm chướng ngại đạo; vị ấy đến giữa đại chúng, hoặc tự mình thuyết pháp, hoặc thỉnh người khác thuyết, mà vẫn không bỏ sự im lặng của Hiền thánh. Đó là nhân duyên thứ tư. Đa văn, quảng bác, ghi nhớ không quên các pháp thâm áo, hay khéo ở khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, có nghĩa có vị, chân thật, đầy đủ phạm hạnh. Sau khi nghe thì ghi nhớ trong lòng, kiến giải không lay động. Đó là nhân duyên thứ năm. Tu tập tinh cần, diệt ác tăng thiện, gắng sức thực hành không bỏ pháp ấy. Đó là nhân duyên thứ sáu. Bằng trí tuệ mà nhận thức pháp sanh diệt, chỗ thú hưởng của Hiền thánh, tận

cùng biên tế của khổ. Đó là nhân duyên thứ bảy. Quán tướng sanh và tướng diệt của năm thọ ấm: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đó là nhân duyên thứ tám, khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh mà sở đắc trí, nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tuệ tăng trưởng.

“Thế nào là tám tu pháp? Đó là tám con đường của Hiền thánh: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

“Thế nào là tám giác pháp? Đó là tám pháp ở đời: lợi, suy, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.

“Thế nào là tám diệt pháp? Đó là tám tà: tà kiến, tà tư, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

“Thế nào là tám chứng pháp? Đó là tám giải thoát. Bên trong có sắc tưởng, quán sắc: giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc: giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát: giải thoát thứ ba. Vượt sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng, an trú không xứ: giải thoát thứ tư. Vượt qua không xứ, an trú thức xứ: giải thoát thứ năm. Vượt qua thức xứ, an trú bất dụng xứ: giải thoát thứ sáu. Vượt qua bất dụng xứ, an trú hữu tướng vô tướng xứ: giải thoát thứ bảy. Vượt hữu tướng vô tướng xứ, an trú tưởng tri diệt: giải thoát thứ tám.

“Lại nữa, có chín thành pháp, chín tu pháp, chín giác pháp, chín diệt pháp, chín chứng pháp.

“Thế nào là chín thành pháp? Đó là chín tịnh diệt chi: giới tịnh diệt chi, tâm tịnh diệt chi, kiến tịnh diệt chi, độ nghi tịnh diệt chi, phân biệt tịnh diệt chi, đạo tịnh diệt chi, trừ tịnh diệt chi, vô dục tịnh diệt chi, giải thoát tịnh diệt chi.

“Thế nào là chín tu pháp? Đó là chín gốc rễ của hỷ: hỷ, ái, duyệt, lạc, định, như thật tri, trừ xả, vô dục, giải thoát.

“Thế nào chín giác pháp? Đó là chín chúng sanh cư:

“1. Hoặc có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, với nhiều tướng khác nhau, tức là chư Thiên và loài người. Đó là nơi cư trú thứ nhất của chúng sanh.

"2. Lại có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, nhưng với một tướng giống nhau, tức là trời Phạm quang âm lúc mới sanh. Đó là cư trú thứ hai của chúng sanh.

"3. Lại có chúng sanh với một thân giống nhau, nhưng với nhiều tướng khác nhau, tức là trời Quang âm. Đó là cư trú thứ ba của chúng sanh.

"4. Lại có chúng sanh với một thân một tướng giống nhau, tức là trời Biến tịnh. Đó là cư trú thứ tư của chúng sanh.

"5. Lại có chúng sanh không có tướng và không có giác tri, tức là trời Vô tướng. Đó là cư trú thứ năm của chúng sanh.

"6. Lại có chúng sanh an trú hư không xứ. Đó là cư trú thứ sáu của chúng sanh.

"7. Lại có chúng sanh an trú thức xứ. Đó là an trú thứ bảy của chúng sanh.

"8. Lại có chúng sanh an trú vô sở hữu xứ. Đó là cư trú thứ tám của chúng sanh.

"9. Lại có chúng sanh an trú phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là cư trú thứ chín của chúng sanh.

"Thế nào là chín diệt pháp? Đó là chín gốc rễ của ái: Nhân ái có tìm cầu. Nhân cầu có lợi. Nhân lợi có dụng. Nhân dụng có dục. Nhân dục có dính trước. Nhân trước có tật đồ. Nhân tật có bảo thủ. Nhân thủ có hộ.

"Thế nào là chín chứng pháp? Đó là chín tận: Nếu nhập Sơ thiên, thì gai nhọn là âm thanh bị diệt trừ. Nhập đệ Nhị thiên, gai nhọn là giác và quán bị diệt trừ. Nhập đệ Tam thiên, gai nhọn là hỷ bị diệt trừ. Nhập đệ Tứ thiên, gai nhọn là hơi thở ra vào bị diệt trừ. Nhập không xứ, gai nhọn là sắc tướng bị diệt trừ. Nhập thức xứ, gai nhọn là không tướng bị diệt trừ. Nhập bất dụng xứ, gai nhọn là thức tướng bị diệt trừ. Nhập hữu tướng vô tướng xứ, gai nhọn là bất dụng tướng bị diệt trừ. Nhập diệt tận định, gai nhọn là tướng và thọ bị diệt trừ.

"Lại nữa, có mười thành pháp, mười tu pháp, mười giác pháp, mười diệt pháp, mười chứng pháp.

"Thế nào là mười thành pháp? Đó là mười cứu pháp:

"1. Tỳ-kheo đây đủ hai trăm năm mươi giới, đây đủ oai nghi, thấy lỗi nhỏ nhặt sanh tâm lo sợ lớn, chân chánh học giới, tâm không nghiêng lệch.

"2. Có được thiện tri thức.

"3. Ngôn ngữ trung chánh, nhẫn nhịn được nhiều điều.

"4. Ưa cầu thiện pháp, phân bố không tiếc lẫn.

"5. Các đồng phạm hạnh có việc phải làm liền đến giúp đỡ không lấy làm mệt nhọc, làm được những việc khó làm và cũng dạy người khác làm.

"6. Nghe nhiều; nghe xong thì ghi nhớ không hề quên.

"7. Tinh tấn, diệt trừ bất thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp.

"8. Thường tự chuyên niệm, không có tưởng khác, nhớ những hành vi thiện từ trước như thấy trước mắt.

"9. Trí tuệ thành tựu, quán sự sanh diệt của các pháp, bằng pháp luật Hiền thánh mà đoạn trừ gốc khổ.

"10. Vui với sự nhàn cư, chuyên niệm tư duy, ở trung gian thiền, không có đùa giỡn.

"Thế nào là mười tu pháp? Đó là mười chánh hạnh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

"Thế nào là mười giác pháp? Đó là mười sắc nhập: nhãn nhập, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập; sắc, thanh, hương, vị, xúc nhập.

"Thế nào là mười diệt pháp? Đó là mười tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

"Thế nào là mười chứng pháp? Đó là mười vô học pháp: vô học chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

"Các Tỳ-kheo, đó là tăng nhất pháp. Ta nay đã nói cho các thầy pháp như vậy. Ta, Như Lai, đã làm đây đủ những điều cần làm cho đệ tử. Với lòng thương yêu, Ta đã răn dạy các thầy. Các thầy cũng nên tinh tấn phụng hành.

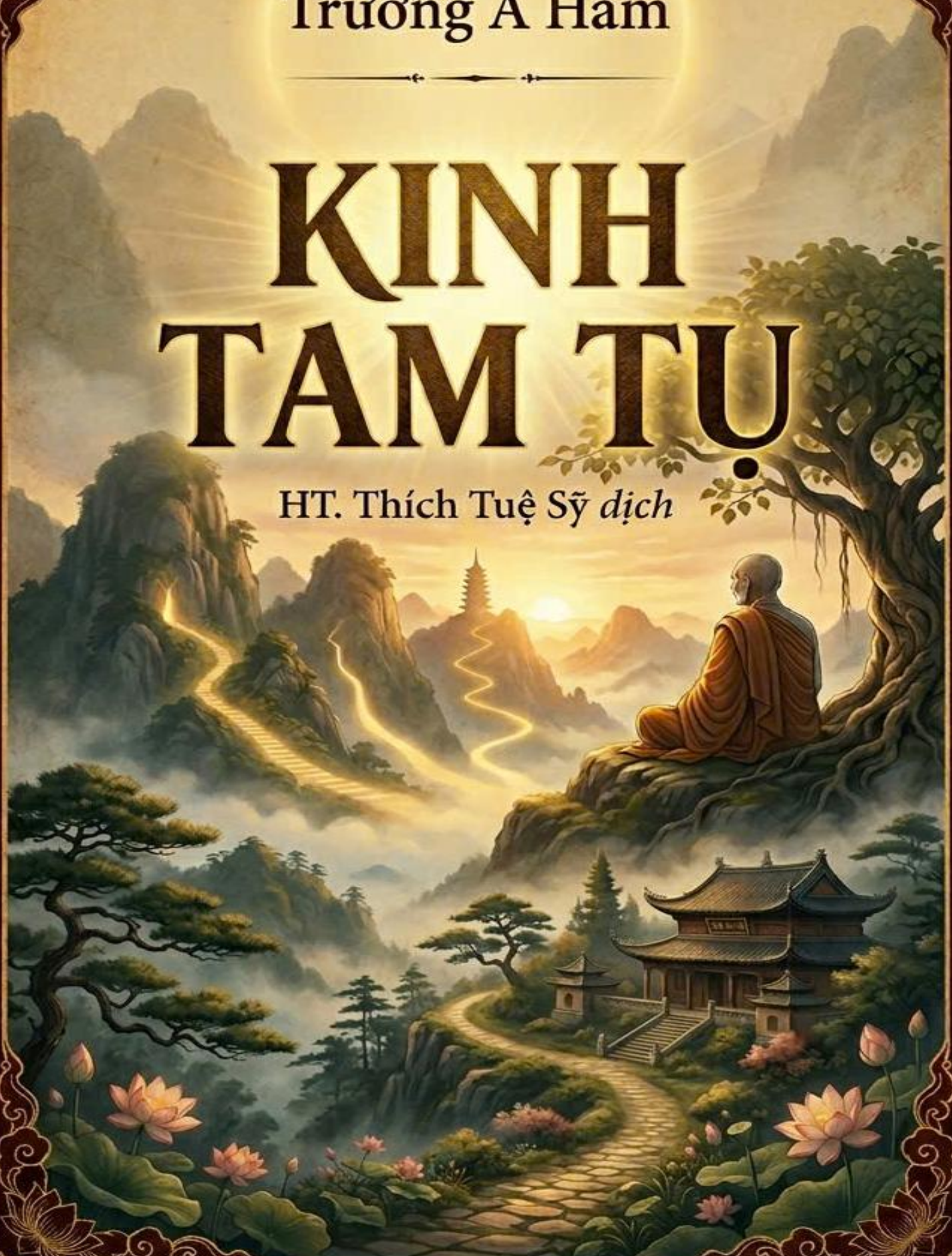
“Này các Tỳ-kheo, hãy ở chỗ thanh vắng, dưới gốc cây hay bãi đất trống, tinh cần tọa thiền, chớ tự để mình buông lung. Nay không gắng sức, về sau hồi hận nào có ích gì. Đó là lời Ta răn dạy, hãy tinh tấn thọ trì.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Trường A Hàm

KINH TAM TỰ

HT. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH TAM TỰ

Tôi nghe như vậy.

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ thọ, vườn Cấp cô độc, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ nói cho các người nghe pháp vi diệu, có nghĩa, có vị, thanh tịnh, đầy đủ phạm hạnh. Đó là pháp ba tự. Các người hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói”.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, chú ý lắng nghe.

Phật nói:

“Tỳ-kheo, pháp ba tự ấy là: một pháp dẫn đến ác thú; một pháp dẫn đến thiện thú; một pháp dẫn đến Niết-bàn.

“Thế nào là một pháp dẫn đến ác thú? Không có nhân từ, ôm lòng độc hại. Đó là một pháp dẫn đến ác thú.

“Thế nào là một pháp dẫn đến thiện thú? Không đem ác tâm gia hại chúng sanh. Đó là một pháp dẫn đến thiện thú.

“Thế nào là một pháp dẫn đến Niết-bàn? Thường tinh cần tu niệm xứ về thân. Đó là một pháp dẫn đến Niết-bàn.

“Lại có hai pháp thú hướng ác thú. Lại có hai pháp thú hướng thiện thú. Lại có hai pháp thú hướng Niết-bàn.

“Thế nào là hai pháp dẫn đến ác thú? Hủy giới và phá kiến.

“Thế nào là hai pháp dẫn đến thiện thú? Có đủ giới và có đủ kiến.

“Thế nào là hai pháp dẫn đến Niết-bàn? Là chỉ và quán.

“Lại có ba pháp thú hướng ác thú; ba pháp thú hướng thiện thú; ba pháp thú hướng Niết-bàn.,

“Thế nào là ba pháp hướng đến ác thú? Ba bất thiện căn: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

“Thế nào là ba pháp dẫn đến thiện thú? Ba thiện căn: vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn.

“Thế nào là ba pháp dẫn đến Niết-bàn? Ba tam-muội: Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô tác tam-muội.

“Lại có bốn pháp dẫn đến ác thú; bốn pháp dẫn đến thiện thú; bốn pháp thú hưởng Niết-bàn.

“Thế nào là bốn pháp thú hưởng ác thú? Lời nói thiên vị, lời nói thù hận, lời nói sợ hãi, lời nói ngu si.

“Thế nào là bốn pháp dẫn đến thiện thú? Lời nói không thiên vị, lời nói không thù hận, lời nói không sợ hãi, lời nói không ngu si.

“Thế nào là bốn pháp dẫn đến Niết-bàn? Bốn niệm xứ: thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ.

“Lại có năm pháp dẫn đến ác thú; năm pháp dẫn đến thiện thú; năm pháp thú hưởng Niết-bàn.

“Thế nào là năm pháp dẫn đến ác thú? Phá năm giới: giết, trộm, dâm dật, nói dối, uống rượu.

“Thế nào là năm pháp dẫn đến thiện thú? Thọ trì năm giới: không giết, không trộm, không dâm dật, không dối, không uống rượu.

“Thế nào là năm pháp dẫn đến Niết-bàn? Năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

“Lại có sáu pháp dẫn đến ác thú; sáu pháp dẫn đến thiện thú; sáu pháp thú hưởng Niết-bàn.?”

“Thế nào là sáu pháp dẫn đến ác thú? Sáu bất kính: không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính định, không kính cha mẹ.

“Thế nào là sáu pháp dẫn đến thiện thú? Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ.

“Thế nào là sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Sáu tư niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới, niệm thiên.

“Lại có bảy pháp dẫn đến ác thú; bảy pháp dẫn đến thiện thú; bảy pháp thú hưởng Niết-bàn.

“Thế nào là bảy pháp dẫn đến ác thú? Giết, trộm, dâm dật, nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói thêu dệt.

“Thế nào là bảy pháp dẫn đến thiện thú? Không giết, không trộm, không dâm dật, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt.

“Thế nào là bảy pháp dẫn đến Niết-bàn? Bảy giác ý: niệm giác ý, trạch pháp giác ý, tinh tấn giác ý, khinh an giác ý, định giác ý, hỷ giác ý, xả giác ý.

“Lại có tám pháp dẫn đến ác thú; tám pháp dẫn đến thiện thú; tám pháp dẫn đến Niết-bàn.

“Thế nào là tám pháp dẫn đến ác thú? Tám tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

“Thế nào là tám pháp dẫn đến thiện thú? Thế gian chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

“Thế nào là tám pháp dẫn đến Niết-bàn? Tám hiền thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

“Lại có chín pháp dẫn đến ác thú; chín pháp dẫn đến thiện thú; chín pháp dẫn đến Niết-bàn.

“Thế nào là chín pháp dẫn đến ác thú? Chín ưu não: Có người xâm não ta; nó đã xâm não, đang xâm não, sẽ xâm não. Có người xâm não cái ta yêu; nó đã xâm não, đang xâm não, sẽ xâm não. Có người yêu kính cái ta ghét; nó đã yêu kính, đang yêu kính, sẽ yêu kính.

“Thế nào là chín pháp dẫn đến thiện thú? Có người xâm não ta, ích gì mà ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Có người xâm não cái ta yêu, ích gì ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Có người yêu kính cái ta ghét, ích gì ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não.

“Thế nào là chín pháp dẫn đến Niết-bàn? Chín thiện pháp: Hỷ, Ái, Duyệt, Lạc, Định, Thật tri, Trừ xả, Vô dục, Giải thoát.

“Lại có mười pháp dẫn đến ác thú; mười pháp dẫn đến thiện thú; mười pháp dẫn đến Niết-bàn.

“Thế nào là mười pháp dẫn đến ác thú? Mười bất thiện: thân với giết, trộm, tà dâm; khẩu với nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt; ý với tham lam, tật đố, tà kiến.

“Thế nào là mười pháp dẫn đến thiện thú? Mười thiện hành: thân với không giết, không trộm, không tà dâm; khẩu với không nói dối, không hai lưỡi, không ác khẩu, không thêu dệt; ý với không tham lam, không tật đố, không tà kiến.

“Thế nào là mười pháp dẫn đến Niết-bàn? Mười trực đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

“Này các Tỳ-kheo, mười pháp như vậy đưa đến Niết-bàn. Đó là chánh pháp vi diệu gồm ba tụ. Ta, Như Lai, đã làm đầy đủ những điều cần làm cho đệ tử, vì nghĩ đến các người nên chỉ bày lối đi. Các người cũng phải tự lo cho thân mình, hãy ở nơi thanh vắng, dưới gốc cây mà tư duy, chớ lười biếng. Nay không gắng sức, sau hối không ích gì”.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

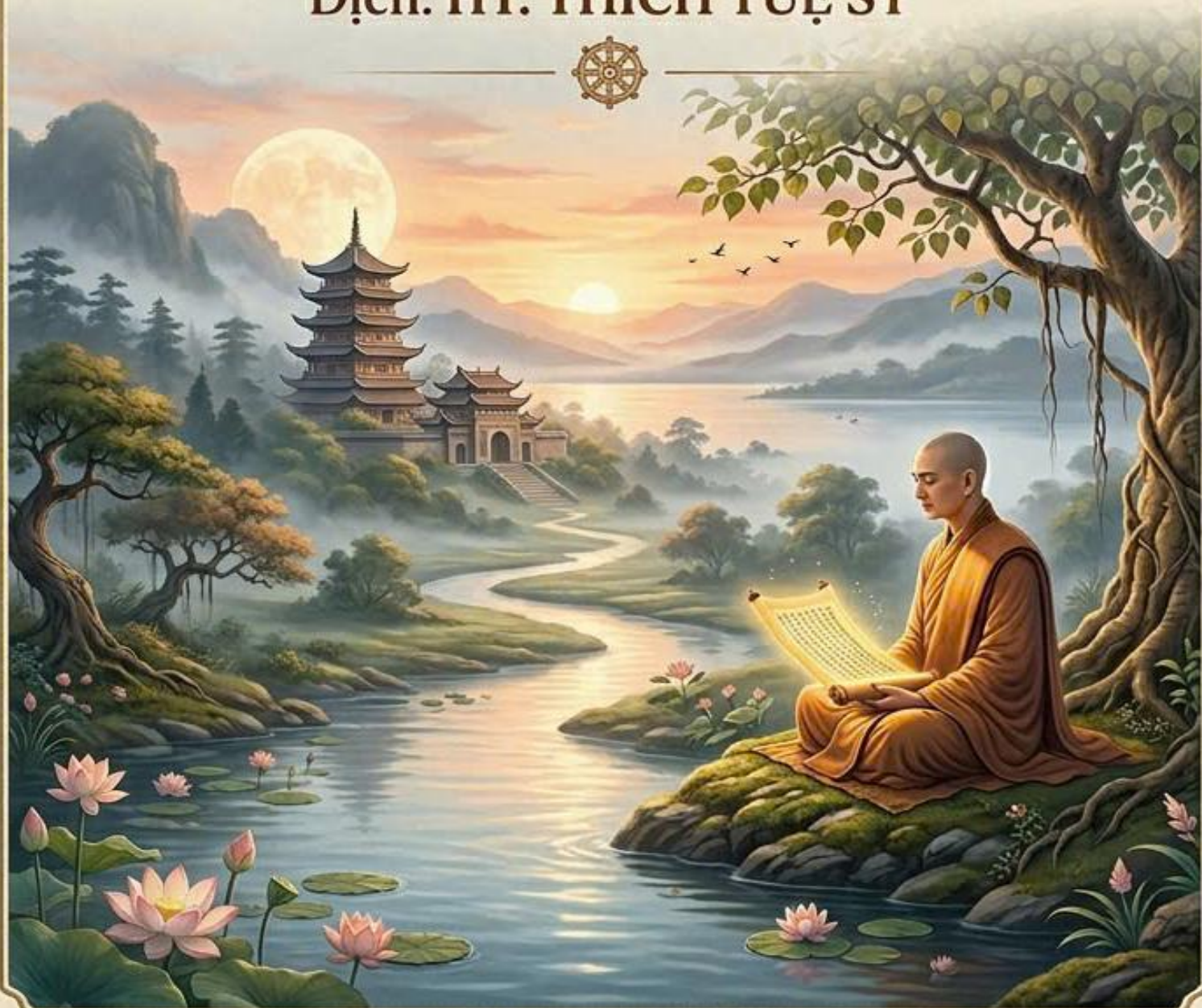


Trường A Hàm

KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIÊN



Dịch: HT. THÍCH TUỆ SỸ



TRƯỜNG A HÀM

KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN

Tôi nghe như vậy:

Một thời gian Phật ở tại nước Câu-lưu-sa, trú xứ Kiếp-ma-sa, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi 1.250 người.

Bấy giờ, A-nan ở tại chỗ thanh vắng suy nghĩ: “Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Ánh sáng của mười hai nhân duyên mà Đức Thế Tôn đã dạy thật là sâu xa, khó hiểu! Nhưng theo ý ta quán xét thì như thấy ở trước mắt, có gì mà gọi là sâu xa?”

Rồi thì, A-nan liền rời khỏi tịnh thất đi đến chỗ Phật; đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Thế Tôn rằng:

“Vừa rời, ở nơi tịnh thất, con tự thâm nghĩ: Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Ánh sáng của mười hai nhân duyên mà Đức Thế Tôn đã dạy thật là sâu xa, khó hiểu! Nhưng theo ý con quán xét thì như thấy ở trước mắt, có gì mà gọi là sâu xa?”

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

“Thôi, thôi, A-nan! Chớ nói như vậy. Ánh sáng của mười hai nhân duyên rất sâu xa, khó hiểu. Mười hai nhân duyên này khó thấy, khó biết. Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, những người chưa thấy duyên, nếu muốn tư lương, quán sát, phân biệt nghĩa lý của nó, đều bị hoang mê không thể thấy nổi.

“Này A-nan, nay Ta nói với ngươi: Già chết có duyên. Nếu có người hỏi: Cái gì là duyên của già chết? Hãy trả lời người ấy: Sanh là duyên của già chết. Nếu lại hỏi: Cái gì là duyên của sanh. Hãy trả lời: Hữu là duyên của sanh. Nếu lại hỏi: Cái gì là duyên của hữu? Hãy trả lời: Thủ là duyên của hữu. Nếu lại hỏi: Cái gì là duyên của thủ? Hãy trả lời: Ái là duyên của thủ. Nếu lại hỏi: Cái gì là duyên của ái? Hãy trả lời: “Thọ là duyên của ái. Nếu lại hỏi: “Cái gì là duyên của thọ? Hãy trả lời: Xúc là duyên của thọ. “Nếu lại hỏi: “Cái gì là duyên của xúc? Hãy trả lời: Lục nhập là duyên của xúc. Nếu lại hỏi: “Cái gì là duyên của lục nhập? Hãy trả lời: “Danh sắc là duyên của lục nhập. Nếu lại hỏi: Cái gì là duyên của danh sắc? Hãy trả lời: “Thức là duyên của danh sắc.. “Nếu lại hỏi: “Cái gì là duyên của thức? Hãy trả lời: “Hành là duyên của thức..

Nếu lại hỏi: “Cái gì là duyên của hành? Hãy trả lời: Vô minh là duyên của hành.

“Này A-nan, như vậy duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, lo, sầu, khổ não, tập thành một khối đại hoạn. Đó là duyên của cái đại khổ ấm vậy.

“Này A-nan, duyên sanh có già chết: điều này có ý nghĩa gì? Giả sử hết thảy chúng sanh không có sanh, thì có già chết không?”

“A-nan đáp: “Không”.

“Vậy nên, A-nan, Ta do lẽ đó, biết già chết do sanh, duyên sanh có già chết, nghĩa của Ta nói thế đó.

“Lại nữa, này A-nan, duyên hữu mà có sanh là nghĩa thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không có dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, thế thì có sanh không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết sanh do hữu, duyên hữu có sanh. Điều mà Ta nói, ý nghĩa là ở đó.

“Lại nữa, này A-nan, duyên thủ mà có hữu là nghĩa thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không có dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ, thế thì có hữu không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết hữu do thủ, duyên thủ có hữu. Nghĩa của Ta nói tại đó.

“Lại nữa, này A-nan, duyên ái mà có thủ là nghĩa thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không có dục ái, hữu ái, vô hữu ái, thế thì có thủ không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết thủ do ái, duyên ái có thủ. Nghĩa của Ta nói tại đó.

“Lại nữa, này A-nan, duyên thọ mà có ái, là nghĩa thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không có cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ, thế thì có ái không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết ái do thọ, duyên thọ có ái. Nghĩa của Ta nói tại đó.

“A-nan, nên biết, nhân tham ái mà có tìm cầu, nhân tìm cầu mà đắc lợi, nhân đắc lợi mà thọ dụng, nhân thọ dụng mà tham muốn, nhân tham muốn mà đắm trước, nhân đắm trước mà tật đố, nhân tật đố mà quản thủ, nhân quản thủ mà bảo hộ. Này A-nan! Do bảo hộ nên mới có dao gậy, tranh cãi, gây vô số điều ác. Nghĩa của ta nói là ở đó. Này A-nan! Nghĩa đó thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không bảo hộ thế thì có dao gậy, tranh cãi, gây ra vô số ác không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan, Ta do lẽ đó, biết dao gậy, tranh cãi là do tâm bảo hộ, nhân tâm bảo hộ mà sinh ra. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan, nhân quản thủ mà có bảo hộ là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không tâm quản thủ thế thì có bảo hộ không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết có bảo hộ là do quản thủ; nhân quản thủ mà có sự bảo hộ. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân tật đố có quản thủ là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không tâm tật đố thế thì có quản thủ không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết quản thủ do tật đố; nhân tật đố mà có quản thủ. Nghĩa của ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân đắm trước mà có tật đố là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không đắm trước thế thì có tật đố không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết tật đố do đắm trước; nhân đắm trước mà có tật đố. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân ham muốn mà có đắm trước là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không ham muốn thế thì có đắm trước không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết đắm trước do ham muốn; nhân ham muốn mà có đắm trước. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân thọ dụng mà có ham muốn là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không thọ dụng thế thì có ham muốn không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết ham muốn do thọ dụng; nhân thọ dụng mà có ham muốn. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân đắc lợi mà có thọ dụng là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không đắc lợi thế thì có thọ dụng không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết thọ dụng do đắc lợi; nhân đắc lợi mà có thọ dụng. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân tìm cầu mà có đắc lợi là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không tìm cầu thế thì có đắc lợi không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết đắc lợi do tìm cầu; nhân tìm cầu mà có đắc lợi. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Lại này A-nan! Nhân tham ái mà có tìm cầu là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không tham ái thế thì có tìm cầu không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Ta do lẽ đó, biết tìm cầu do tham ái; nhân tham ái mà có tìm cầu. Điều mà Ta nói, ý nghĩa là ở đó”.

Lại bảo A-nan:

“Nhân tham ái mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ. Thọ cũng vậy. Nhân thọ có tìm cầu, cho đến thủ hộ”.

Phật lại bảo A-nan:

“Duyên xúc mà có thọ, là nghĩa thế nào? Giả sử không có con mắt, không có sắc, không có thức con mắt, thế thì có xúc không?”

Đáp: “Không”.

“Nếu không có tai, không có tiếng, không có thức của tai; không có mũi, không có hương, không có thức của mũi; không có lưỡi, không có vị, không có thức của lưỡi; không có thân, xúc, thức của thân; không có ý, pháp, ý thức, thế thì có xúc không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan! Giả sử chúng sanh không có xúc, thế thì có thọ không?”

Đáp: “Không”.

“A-nan, Ta do nghĩa đó, biết thọ do xúc; duyên xúc mà có thọ. Điều mà Ta nói, ý nghĩa là ở đó.”

“Này A-nan! Duyên danh sắc mà có xúc, là nghĩa thế nào? Giả sử chúng sanh không có danh sắc, thế thì có tâm xúc không?”

Đáp: “Không”.

“Nếu chúng sanh không có hình sắc, tướng mạo, thế thì có thân xúc không?”

Đáp: “Không”.

“Nếu không có danh sắc, thế thì có xúc không?”

Đáp: “Không”.

“A-nan, Ta do lẽ đó, biết xúc do danh sắc; duyên danh sắc mà có xúc. Điều mà Ta nói, ý nghĩa là ở đó.

“Này A-nan, duyên thức mà có danh sắc, là nghĩa thế nào? Nếu thức không nhập thai mẹ thì có danh sắc không?”

Đáp: “Không”.

“Nếu thức nhập thai mẹ rồi không sinh ra, thế thì có danh sắc không?”

Đáp: “Không”.

“Nếu thức ra khỏi thai mẹ mà đứa hài nhi bị hỏng thì danh sắc có được tăng trưởng không?”

Đáp: “Không”.

“A-nan, nếu không có thức, thế thì có danh sắc không?”

Đáp: “Không”.

“A-nan, Ta do lẽ đó, biết danh sắc do thức; duyên thức mà có danh sắc. Nghĩa của ta nói là ở đó.

“A-nan, duyên danh sắc có thức là nghĩa thế nào? Nếu thức không trụ nơi danh sắc thì thức không có trú xứ. Nếu thức không có trú xứ, thế thì có sanh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não không?”

Đáp: “Không”.

“Này A-nan, nếu không danh sắc thì có thức không?”

Đáp: “Không”.

“A-nan, Ta do lẽ đó, biết thức do danh sắc; duyên danh sắc mà có thức. Nghĩa của Ta nói là ở đó. Vậy nên, danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập

duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu bi khổ não, tập thành một đại khổ ăm.

“Này A-nan, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự phô diễn, trong giới hạn ấy là trí quán, trong giới hạn ấy là chúng sanh.

“Này A-nan, các Tỳ-kheo nào ở trong pháp này mà như thật chánh quán, với tâm giải thoát vô lậu, Tỳ-kheo ấy được gọi là tuệ giải thoát. Đối với Tỳ-kheo giải thoát như vậy, Như Lai chung tuyệt cũng được biết, Như Lai không chung tuyệt cũng được biết, Như Lai vừa chung tuyệt vừa không chung tuyệt cũng được biết, Như Lai chẳng phải chung tuyệt chẳng phải không chung tuyệt cũng được biết. Vì sao? Này A-nan, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ, trong giới hạn ấy là sự thích ứng, trong giới hạn ấy là hạn lượng, trong giới hạn ấy là sự phô diễn, trong giới hạn ấy là trí quán, trong giới hạn ấy là chúng sanh. Sau khi đã hiểu biết tận cùng, Tỳ-kheo với tâm giải thoát vô lậu không biết không thấy tri kiến như vậy.

“Này A-nan, đối với những người chấp ngã, cho đến mức nào thì được gọi là ngã kiến? Danh sắc và thọ đều được chấp là ngã.

“Có người nói, thọ không phải ngã; ngã là thọ. Có người nói, thọ không phải ngã, ngã không phải thọ; nhưng thọ pháp là ngã. Có người nói, thọ không phải ngã, ngã không phải thọ, thọ pháp không phải ngã; nhưng thọ là ngã..

“Này A-nan, đối với người thấy có ngã, nói rằng thọ là ngã”, hãy nói với người ấy: Như Lai nói có ba thọ là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Trong lúc hiện hữu thọ lạc thì không có thọ khổ, thọ không lạc không khổ. Trong khi hiện hữu thọ khổ thì không có thọ lạc, thọ không lạc không khổ. Trong lúc hiện hữu thọ không lạc không khổ thì không có thọ lạc, thọ khổ. Sở dĩ như vậy, A-nan, là vì do duyên là cảm xúc lạc mà phát sanh thọ lạc. Nếu cảm xúc lạc diệt mất, thì cảm thọ lạc cũng diệt mất. A-nan, do duyên là cảm xúc khổ mà phát sinh cảm thọ khổ. Nếu cảm xúc khổ diệt mất thì cảm thọ khổ cũng diệt mất. Này A-nan, do duyên là cảm xúc không lạc không khổ mà phát sanh thọ không lạc không khổ. Nếu cảm xúc không lạc không khổ diệt mất thì cảm thọ không lạc không khổ cũng diệt mất. A-nan, ví như

hai khúc cây cọ lại với nhau thì lửa bật ra, hai khúc cây rời nhau thì lửa không có. Ở đây cũng vậy, nhân bởi duyên là cảm xúc lạc mà cảm thọ lạc phát sanh; nếu cảm xúc lạc diệt thì cảm thọ cũng đồng thời diệt. Nhân bởi duyên là cảm xúc khổ mà cảm thọ khổ phát sanh; nếu cảm xúc khổ diệt thì thọ cũng đồng thời diệt. Nhân bởi duyên là cảm xúc không lạc không khổ mà cảm thọ không lạc không khổ phát sanh; nếu cảm xúc không lạc không khổ diệt thì thọ cũng đồng thời diệt. Này A-nan! Ba thọ đó là hữu vi, vô thường, do nhân duyên sanh, là pháp phải tận, phải diệt, là pháp hủ hoại, nó chẳng phải sở hữu của ngã; ngã không phải là sở hữu của nó. Hãy chánh quán điều đó một cách như thật với chánh trí. A-nan, ai thấy có ngã, cho rằng thọ là ngã, người ấy sai lầm.

“A-nan, với những ai thấy có ngã, nói rằng, thọ không phải là ngã; ngã là thọ, hãy nói với người ấy rằng: Như Lai nói có ba thọ: thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc. Nếu thọ lạc là ngã; khi thọ lạc diệt mất, sẽ có hai ngã. Điều ấy sai lầm. Nếu thọ khổ là ngã; khi thọ khổ diệt mất thì sẽ có hai ngã. Điều ấy sai lầm. Nếu thọ không lạc không khổ là ngã; khi thọ không lạc không khổ diệt, thì sẽ có hai ngã. Điều ấy sai lầm. A-nan, những ai thấy có ngã, nói rằng thọ không phải là ngã; ngã là thọ, người ấy sai lầm.

“A-nan, với những ai chủ trương có ngã, nói rằng: Thọ không phải là ngã, ngã không phải là thọ; thọ pháp là ngã, hãy nói với người ấy rằng: Hết thấy không thọ, làm sao ông nói được có thọ pháp. Ông là thọ pháp chăng?? Đáp: Không phải.

“Vì vậy, A-nan, những ai chủ trương có ngã, nói rằng: thọ không phải là ngã, ngã không phải là thọ; thọ pháp là ngã, người ấy sai lầm.

“A-nan, với những ai chủ trương có ngã, nói rằng: thọ không phải là ngã, thọ pháp không phải là ngã; nhưng thọ là ngã”, nên nói với người ấy: Hết thấy không có thọ, làm sao có thọ. Ông chính là thọ chăng? Đáp: Không phải. Vì vậy, A-nan, những ai chủ trương có ngã, nói rằng: thọ không phải là ngã, ngã không phải là thọ, thọ pháp không phải là ngã; thọ là ngã, người ấy sai lầm.

“A-nan, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ; trong giới hạn ấy là sự thích ứng; trong giới hạn ấy là hạn lượng; trong giới hạn ấy là sự phô diễn; trong giới hạn ấy là trí quán; trong giới hạn ấy là chúng sanh.

“A-nan, các Tỳ-kheo ở trong pháp này mà như thật chánh quán, với tâm giải thoát vô lậu, A-nan, Tỳ-kheo ấy được gọi là tuệ giải thoát. Với Tỳ-kheo tâm giải thoát như vậy, có ngã cũng được biết, không có ngã cũng được biết, vừa có ngã vừa không có ngã cũng được biết, không phải có ngã không phải không có ngã cũng được biết. Vì sao? Nay A-nan, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ; trong giới hạn ấy là sự thích ứng; trong giới hạn ấy là hạn lượng; trong giới hạn ấy là sự phô diễn; trong giới hạn ấy là trí quán; trong giới hạn ấy là chúng sanh. Sau khi biết rõ thấu suốt như vậy, Tỳ-kheo với tâm giải thoát vô lậu không biết không thấy tri kiến như vậy.”

Phật nói A-nan:

“Với những người chủ trương có ngã, cho đến giới hạn nào thì được xác định?”

“Với những người chủ trương có ngã, hoặc nói: Một ít sắc là ngã ; hoặc nói: Phần lớn sắc là ngã; hoặc nói: Một ít vô sắc là ngã; hoặc nói: Phần lớn vô sắc là ngã.

“A-nan, những người nói một ít sắc là ngã, xác định chỉ một ít sắc là ngã; sở kiến của ta là đúng, ngoài ra đều sai. Những người nói phần lớn sắc là ngã, xác định phần lớn sắc là ngã; sở kiến của ta là đúng, ngoài ra đều sai. Những người nói một ít vô sắc là ngã, xác định chỉ một ít vô sắc là ngã; sở kiến của ta là đúng, ngoài ra đều sai. Những người nói phần lớn vô sắc là ngã, xác định phần lớn vô sắc là ngã; sở kiến của ta là đúng, ngoài ra đều sai”.

Phật nói với A-nan:

“Có bảy trú xứ của thức và hai nhập xứ, mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não.

“Những gì là bảy? Hoặc có hạng chúng sanh, với nhiều thân khác nhau và nhiều tướng khác nhau, tức chư Thiên và loài Người. Đó là trú xứ thứ nhất của thức, mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não. Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo biết trú xứ thứ nhất của thức, biết sự tập khởi, biết sự diệt trừ, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự

xuất ly, biết một cách như thật; A-nan, Tỳ-kheo ấy nói: Cái ấy không phải là ta. Ta không phải là cái ấy với tri kiến như thật.

“Hoặc có hạng chúng sanh với thân đồng nhất nhưng với nhiều tướng khác nhau, như trời Quang âm. Hoặc có hạng chúng sanh với thân đồng nhất, tướng đồng nhất, tức trời Biến tịnh. Hoặc có hạng chúng sanh trú nơi Không xứ. Hoặc có hạng chúng sanh trú nơi Thức xứ. Hoặc có hạng chúng sanh trú nơi Vô sở hữu xứ. Đó là bảy trú xứ của thức mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não. Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo biết bảy trú xứ của thức, biết sự tập khởi, biết sự diệt trừ, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật; A-nan, Tỳ-kheo ấy nói: Cái ấy không phải là ta. Ta không phải là cái ấy với tri kiến như thật.

“Thế nào là hai nhập xứ? Vô tướng nhập và phi tướng phi vô tướng nhập. A-nan, đó là hai nhập xứ mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não. Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo biết hai nhập xứ, biết sự tập khởi, biết sự diệt trừ, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật; A-nan, Tỳ-kheo ấy nói: Cái ấy không phải là ta. Ta không phải là cái ấy với tri kiến như thật”.

“A-nan, lại có tám giải thoát. Những gì là tám? Có sắc, quán sắc là giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tướng, quán ngoại sắc là giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát: là giải thoát thứ ba. Vượt sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không niệm tạp tướng, an trú Không xứ là giải thoát thứ tư. Vượt Không xứ, an trú Thức xứ là giải thoát thứ năm. Vượt thức xứ, an trú Vô sở hữu xứ là giải thoát thứ sáu. Vượt Vô sở hữu xứ, an trú Phi tướng phi phi tướng xứ là giải thoát thứ bảy. Diệt tận định là giải thoát thứ tám. A-nan, các Tỳ-kheo đối với tám giải thoát này du hành theo chiều thuận và nghịch, xuất nhập tự tại, Tỳ-kheo như vậy chứng đắc Câu giải thoát.”

Bấy giờ, A-nan sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM
KINH
THÍCH ĐỀ
HOÀN NHƠN VẤN

HT. THÍCH TUỆ SỸ DỊCH

TRƯỜNG A HÀM

KINH THÍCH ĐỀ HOÀN NHÂN VẤN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại nước Ma-kiệt-đà, trong hang Nhân-đà-bà-la, núi Tỳ-la, phía Bắc thôn Am-bà-la.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân phát khởi thiện tâm vi diệu, muốn đến thăm Phật: “Nay ta hãy đi đến chỗ Thế Tôn”.

Khi ấy, chư Thiên Đao-lợi hay rằng Thích Đề-hoàn Nhân phát khởi thiện tâm vi diệu muốn đi đến chỗ Phật, bèn tìm gặp Đế Thích, tâu rằng:

“Lành thay, Đế Thích! Ngài phát khởi thiện tâm vi diệu muốn đến Như Lai. Chúng tôi cũng rất vui sướng nếu được theo hầu ngài đi đến chỗ Thế Tôn”.

Thích Đề-hoàn Nhân liền nói với thần chấp nhạc là Ban-giá-dực rằng:

“Ta nay muốn đi đến chỗ Thế Tôn. Người có thể đi theo. Chư Thiên Đao-lợi này cũng muốn theo ta đến chỗ Phật”.

Đáp: “Thưa vâng”.

Rồi Ban-giá-dực cầm cây đàn lưu ly, ở trong chúng, trước mặt Đế Thích, gảy đàn cúng dường.

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân, chư Thiên Đao-lợi, cùng Ban-giá-dực, bỗng nhiên biến mất khỏi PPháp đường. Trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay họ đến phía Bắc nước Ma-kiệt-đà, trong núi Tỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nhập hỏa diệm tam muộitam-muội, khiến cho cả núi Tỳ-đà đồng một màu lửa. Khi ấy, người trong nước thấy vậy, bảo nhau rằng:

“Núi Tỳ-đà này đồng một màu lửa. Phải chăng là do thần lực của chư Thiên?”

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nói với Ban-giá-dực rằng:

“Đức Như Lai, Chí Chân, rất khó được gặp. Nhưng nay có thể rũ lòng đi xuống chỗ thanh vắng này, lặng lẽ không tiếng động, làm bạn với muông thú. Chỗ này thường có các Đại Thiên thần

thị vệ Thế Tôn. Người hãy đi trước tâu đàn lưu ly để làm vui lòng Thế Tôn. Ta cùng chư Thiên sẽ đến sau".

Đáp: "Kính vâng".

Tức thì cầm đàn lưu ly đến Phật trước. Cách Phật không xa, ông tâu đàn lưu ly và hát lên bài kệ rằng:

Bạt-đà ơi, kính lễ phụ thân nàng.

Cha nàng đẹp rực rỡ,

Sinh ra nàng cát tường

Tâm ta rất thương yêu.

Vốn do nhân duyên nhỏ,

Dục tâm sinh trong đó;

Càng ngày càng lớn thêm.

Như cúng dường La La-hán ;

Thích tử chuyên Tứ thiên,

Thường ưa chốn thanh vắng,

Chánh ý cầu cam lồ;

Tâm niệm ta cũng vậy.

Năng Nhân phát đạo tâm,

Tất muốn thành Chánh giác;

Như tôi nay cũng vậy,

Ước hội hợp với nàng.

Tâm tôi đã đắm đuối,

Yêu thương không dứt được;

Muốn bỏ, không thể bỏ,

Như voi bị móc câu.

Như nóng gặp gió mát;

Như khát gặp suối lạnh;

Như người nhập Niết-bàn;

Như nước rưới tắt lửa;

Như bệnh, gặp lương y;

***Đói, gắp thức ăn ngon,
No đủ, khoái lạc sanh;
Như La- hán trú Pháp.
Như voi bị kèm chặt,
Mà vẫn chưa khứng phục,
Bươn chạy, khó chế ngự,
Buông lung chẳng chịu dừng.
Cũng như ao trong mát,
Mặt nước phủ đầy hoa;
Voi mệt, nóng, vào tắm,
Toàn thân cảm mát rượi.
Trước, sau, tôi bố thí,
Cúng dường các La- hán;
Phước báo có trong đời;
Thầy mong được cùng nàng.
Nàng chết, tôi cùng chết;
Không nàng, sống làm gì?
Chẳng thà tôi chết đi,
Còn hơn sống không nàng.
Chúa tể trời Đao-lợi,
Thích chúa, cho tôi nguyện.
Tôi nguyện ca đủ lễ.
Xin người suy xét kỹ.***

Khi ấy, Thế Tôn từ tam-muội dậy, nói với Ban-giá-dục rằng:

“Lành thay, lành thay, Ban-giá-dục, người đã có thể bằng âm thanh thanh tịnh cùng với đàn lưu ly mà tán thán Như Lai. Tiếng của đàn và giọng của người không dài, không ngắn, buồn và thương uyển chuyển, làm rung động lòng người. Cây đàn mà người tấu hàm đủ các ý nghĩa. Nó được nói là sự trói buộc của dục và cũng được nói là phạm hạnh, cũng được nói là Sa-môn, cũng được nói là Niết-bàn”.”

Khi ấy Ban-giá-dục bạch Phật rằng:

“Con nhớ lại, thuở xưa khi Thế Tôn vừa mới thành đạo dưới gốc cây A-du-ba-đà ni-câu-luật, bên dòng sông Ni-liên-thiên, thôn Uất-bê-la ; lúc ấy có người con trai của Thiên đại tướng là Thi-hán-đà và con gái của Chấp nhạc Thiên vương đang cùng ở một chỗ, chỉ tổ chức những cuộc vui chơi. Con khi ấy thấy được tâm tư họ, bèn làm một bài tụng. Bài tụng ấy nói đến sự trói buộc của dục; và cũng nói đến phạm hạnh, cũng nói Sa-môn, cũng nói Niết-bàn. Vị Thiên nữ kia khi nghe bài kệ của con, đưa mắt lên cười và nói với con rằng: Ban-giá-dục, tôi chưa hề thấy Như Lai. Tôi ở trên Pháp đường của trời Đao-lợi đã từng nghe chư Thiên xưng tán Như Lai, có công đức như vậy, năng lực như vậy. Ông hằng có lòng thành tín, thân cận Như Lai. Nay tôi muốn cùng ông làm bạn. Thế Tôn, con lúc ấy có nói với nàng một lời, rồi sau đó không hề nói với nàng nữa”.”

Lúc bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ như vậy: “Ban-giá-dục này đã làm vui lòng Thế Tôn rồi, nay ta hãy nghĩ đến người ấy”. Rồi Thiên Đế Thích tức thì nghĩ đến người ấy. Lúc ấy Ban-giá-dục lại có ý nghĩ như vậy: “Thiên Đế Thích đang nghĩ đến ta”. Tức thì cầm cây đàn lưu ly đi đến chỗ Đế Thích. Đế Thích bảo rằng:

“Người mang danh ta cùng ý của trời Đao-lợi đến thăm hỏi Thế Tôn: Đi đứng có nhẹ nhàng không? Lui tới có khỏe mạnh không?”

Ban-giá-dục vâng lời chỉ giáo của Đế Thích, đi đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch Thế Tôn rằng:

“Thích Đề-hoàn Nhân và chư Thiên Đao-lợi sai con đến thăm Thế Tôn, hỏi Ngài đi đứng có nhẹ nhàng không? Lui tới có khỏe mạnh không?”

Thế Tôn trả lời:

“Mong Đế Thích của người và chư Thiên Đao-lợi thọ mạng lâu dài, khoái lạc, không bệnh. Sở dĩ như vậy là vì chư Thiên, Người đời, A-tu-luân và các chúng sanh khác đều ham sống lâu, an lạc, không bệnh hoạn”.”

Bấy giờ Đế Thích lại suy nghĩ: “Chúng ta nên đến lễ viếng Thế Tôn”. Tức thì cùng với chư Thiên Đao-lợi đi đến chỗ Phật, đầu

mặt lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Đế Thích bạch Phật rằng:

“Không biết nay con có thể ngồi cách Thế Tôn bao xa?”

Phật bảo Đế Thích:

“Thiên chúng các người nhiều. Nhưng ai gần Ta thì ngồi”.

Khi ấy, hang Nhân-đà-la mà Thế Tôn đang ở tự nhiên trở nên rộng rãi, không bị ngăn ngại. Bấy giờ Đế Thích cùng chư Thiên Đạo-lợi và Ban-giá-dục đều lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đế Thích bạch Phật:

“Một thời, Phật ở tại nhà một người Bà-la-môn ở nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ Thế Tôn nhập hỏa diệm tam muội tam-muội. Con khi ấy nhân có chút việc, cưỡi xe báu ngàn cựa, đi đến chỗ Tỳ-lâu-lặc Thiên vương. Bay ngang không trung, trông thấy một Thiên nữ chấp tay đứng trước Thế Tôn. Con liền nói với Thiên nữ ấy rằng: Khi Thế Tôn ra khỏi tam muội tam-muội, nàng hãy xưng tên ta mà thăm hỏi Thế Tôn, đi đứng có nhẹ nhàng không, lui tới có khỏe mạnh không? Không biết Thiên nữ ấy sau đó có chuyển đạt tâm tư ấy giùm con không?”

Phật nói:

“Ta có nhớ. Thiên nữ ấy sau đó có xưng tên người mà thăm hỏi Ta. Ta ra khỏi thiên định mà còn nghe tiếng xe của người”.

Đế Thích bạch Phật:

“Thuở xưa, nhân có chút duyên sự, con cùng chư Thiên Đạo-lợi tập họp tại Pháp đường. Các vị Thiên thần cổ cựu khi ấy đều nói rằng: Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, thì Thiên chúng gia tăng, mà chúng A-tu-la giảm thiểu. Nay con chính tự thân gặp Thế Tôn, tự thân biết, tự thân chứng nghiệm, rằng Như Lai xuất hiện ở đời thì các Thiên chúng gia tăng, mà chúng A-tu-la giảm thiểu.

“Có Cù-di Thích nữ này, theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh, thân hoại mạng chung, sanh lên cung trời Đạo-lợi, làm con của con. Chư Thiên Đạo-lợi đều khen: Cù-di con cả của trời có công đức lớn, có uy lực lớn.

Lại có ba Tỳ-kheo khác theo Thế Tôn tịnh tu phạm hạnh, thân hoại mạng chung, sanh trong hàng các thần chấp nhận thấp kém, hằng ngày đến để con sai khiến. Cù-di thấy vậy, làm bài kệ chọc tức rằng:

**Ông là đệ tử Phật;
Khi tôi là tại gia,
Cúng dường ông cơm áo,
Lễ bái rất cung kính.
Các ông là những ai?
Tự thân được Phật dạy.
Lời dạy Đấng Tịnh Nhãn,
Mà ông không suy xét.
Ta xưa lễ kính ông,
Nghe Phật pháp vô thượng,
Sinh trời Tam thập tam,
Làm con trời Đế Thích.
Các ông sao không xét,
Công đức mà tôi có.
Trước vốn là thân gái,
Nay là con Đế Thích.
Trước vốn cùng các ông
Đồng tu nơi phạm hạnh;
Nay riêng sinh chỗ thấp kém,
Để cho tôi sai khiến.
Xưa ông hành vi xấu,
Nên nay chiïu báo này.
Riêng sinh chỗ tì tiện,
Để cho tôi sai khiến.
Sinh chỗ bất tịnh này,
Bị người khác xúc phạm.
Nghe vậy, hãy nhàm chán
Chỗ đáng nhàm tởm này.
Từ nay hãy siêng năng,
Chớ để làm tôi người .**

**Hai ông siêng tinh tấn,
Tư duy pháp Như Lai.
Xả bỏ điều mê luyện,
Hãy quán, dục bất tịnh,
Dục trói, không chân thật,
Chỉ lừa dối thế gian.
Như voi búт xiềng xích,
Siêu việt trời Đao-lợi.
Đề Thích, trời Đao-lợi,
Tập pháp trên giảng đường.
Kia với sức dũng mãnh,
Siêu việt trời Đao-lợi.
Thích khen chưa từng có.
Chư Thiên cũng thấy qua.
Đấy con nhà họ Thích,
Siêu việt trời Đao-lợi.
Đã chán dục trói buộc;
Cù-di nói như vậy.
Nước Ma-kiệt có Phật,
Hiệu là Thích-ca Văn.
Người kia vốn thất ý;
Nay phục hồi chánh niệm.
Một trong số ba người,
Vẫn làm thần Chấp nhạc.
Hai người thấy Đạo đế,
Siêu việt trời Đao-lợi.
Pháp Thế Tôn đã dạy,
Đệ tử không hoài nghi.
Cũng đồng thời nghe pháp;
Hai người hơn người kia.**

*Tự mình thấy thù thắng,
Đều sinh trời Quang âm.
Con quan sát họ rồi,
Nên nay đến chỗ Phật.*

Đế Thích bạch Phật:

“Kính mong Thế Tôn bỏ chút thời gian, giải quyết cho con một điều nghi ngờ”.

Phật nói:

“Người cứ hỏi, Ta sẽ giải thích cho từng điều một”.

Bấy giờ Đế Thích liền bạch Phật rằng:

“Chư Thiên, người thế gian, Càn-đạp-hòa, A-tu-la cùng các chúng sanh khác, tất cả tương ưng với kết phược gì mà cho đến thù địch nhau, dao gậy nhắm vào nhau?”

Phật nói với Đế Thích:

“Sự phát sanh của oán kết đều do tham lam, tật đố. Vì vậy, chư Thiên, người thế gian, cùng các chúng sanh khác dùng dao gậy nhắm vào nhau”.

Đế Thích liền bạch Phật:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Oán kết sanh do bởi tham lam, tật đố; khiến cho chư Thiên, người đời, A-tu-la và các chúng sanh khác, sử dụng dao gậy đối với nhau. Con nay nghe lời Phật dạy, lưới nghi đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu sự phát sanh của tham lam tật đố do đâu mà khởi lên; do bởi nhân duyên gì; cái gì làm nguyên thủ, từ cái gì mà có, do cái gì mà không?”

Phật bảo Đế Thích:

“Sự phát sanh của tham lam, tật đố, tất cả đều do bởi yêu và ghét ; yêu ghét là nhân; yêu ghét là nguyên thủ; từ đó mà có, từ đó mà không ”.

Bấy giờ, Đế Thích liền bạch Phật:

“Thật vậy, Thế Tôn! Tham lam, tật đố phát sanh do bởi yêu ghét; yêu ghét là nhân; yêu ghét làm duyên; yêu ghét làm nguyên thủ; từ đó mà có, từ đó mà không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng

con không hiểu yêu ghét do đâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ; từ cái gì mà có, do cái gì mà không?"

Phật bảo Đế Thích:

"Yêu ghét phát sanh ở nơi dục ;; do nhân là dục, do duyên là dục; dục là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không".

Đế Thích liền bạch Phật:

"Thật vậy, Thế Tôn, yêu ghét phát sanh ở nơi dục; do nhân là dục, do duyên là dục; dục là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu dục này do đâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ, do cái gì mà có, do cái gì mà không?"

Phật bảo Đế Thích:

"

"Ái do tướng sanh ;; do nhân là tướng, duyên là tướng; tướng làm nguyên thủ, từ đó mà có; cái đó không thì không".

Đế Thích liền bạch Phật:

"Thật vậy, Thế Tôn, ái do tướng sanh; do nhân là tướng, do duyên là tướng; tướng là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu tướng do đâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ, do cái gì mà có, do cái gì mà không?"

Phật bảo Đế Thích:

"Tướng phát sanh do nơi điệu hý ; nhân điệu hý, duyên điệu hý; điệu hý làm nguyên thủ, từ đó mà có, cái đó không thì không.

"Này Đế Thích, nếu không có điệu hý thì không có tướng. Không có tướng thì không có dục. Không có dục thì không có yêu ghét. Không có yêu ghét thì không có tham lam tật đố. Nếu không có tham lam tật đố thì tất cả chúng sanh không tàn hại lẫn nhau.

"Này Đế Thích, chỉ duyên điệu hý làm gốc; nhân điệu hý, duyên điệu hý; điệu hý làm nguyên thủ, từ đó có tướng. Từ tướng có dục. Từ dục có yêu ghét. Từ yêu ghét có tham lam tật đố. Do tham lam tật đố, chúng sanh tàn hại lẫn nhau".

Đế Thích bạch Phật:

“Thật vậy, Thế Tôn, do điều hý mà có tướng; nhân điều hý, duyên điều hý; điều hý làm nguyên thủ, từ đó có tướng. Từ tướng có dục. Từ dục có yêu ghét. Từ yêu ghét có tham lam tật đố. Do tham lam tật đố, chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Nếu vốn không có điều hý thì không có tướng. Không có tướng thì không có dục. Không có dục thì không có yêu ghét. Không có yêu ghét thì không có tham lam tật đố. Nếu không có tham lam tật đố thì tất cả chúng sanh không tàn hại lẫn nhau. Nhưng tướng do điều hý sanh; nhân điều hý, duyên điều hý; điều hý làm nguyên thủ, từ đó có tướng. Từ tướng có dục. Từ dục có yêu ghét. Từ yêu ghét có tham lam tật đố. Do tham lam tật đố, chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Con nay nghe những điều Phật dạy, mê hoặc đã trừ, không còn nghi ngờ gì nữa.”

Rồi Đế Thích bạch Phật:

“Hết thầy Sa-môn, Bà-la-môn đều ở trên con đường diệt trừ điều hý chăng? Hay không ở trên con đường diệt trừ điều hý?”

Phật nói:

“Không phải hết thầy Sa-môn, Bà-la-môn đều ở trên con đường diệt trừ điều hý. Sở dĩ như vậy, này Đế Thích, vì thế gian có nhiều chủng loại giới khác nhau. Mỗi chúng sanh y trên giới của mình, ôm giữ chặt cứng, không thể dứt bỏ; cho rằng điều của mình là thật, ngoài ra là dối. Vì vậy, Đế Thích, không phải hết thầy Sa-môn, Bà-la-môn đều ở trên con đường diệt trừ điều hý”..”

Đế Thích liền bạch Phật:

“Thật vậy, Thế Tôn, thế gian có nhiều chủng loại giới khác nhau. Mỗi chúng sanh y trên giới của mình, ôm giữ chặt cứng, không thể dứt bỏ; cho rằng điều của mình là thật, ngoài ra là dối. Vì vậy, không phải hết thầy Sa-môn, Bà-la-môn đều ở trên con đường diệt trừ điều hý. Con nay nghe những điều Phật dạy, mê hoặc đã trừ, không còn nghi ngờ gì nữa.”

Đế Thích lại bạch Phật:

“Trong chừng mực nào là con đường diệt trừ điều hý?”

Phật bảo Đế Thích:

“Điều hý có ba; một là miệng, hai là tướng, ba là cầu. Những gì do miệng người nói, hại mình, hại người, hại cả hai; xả bỏ lời nói ấy. Như những gì được nói không hại mình, không hại người,

không hại cả hai; Tỳ-kheo biết thời, đúng như những điều được nói, chuyên niệm không tán loạn. Tưởng cũng hại mình, hại người, hại cả hai; xả bỏ tưởng ấy. Đúng như những gì được tưởng mà không hại mình, không hại người, không hại cả hai; Tỳ-kheo biết thời, đúng như những điều được tưởng, chuyên niệm không tán loạn. Đế Thích, cầu cũng hại mình, hại người, hại cả hai; sau khi xả bỏ cầu ấy, đúng những gì được tìm cầu, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, Tỳ-kheo biết thời đúng như những gì được tìm cầu chuyên niệm không tán loạn”."

Bấy giờ, Đế Thích bạch Phật:

"Con nghe những điều Phật dạy, không còn hồ nghi nữa"."

Lại hỏi:

"Trong chừng mực nào thì gọi là Xả tâm của Hiền thánh?"

Phật nói với Đế Thích:

"Xả tâm có ba: một là hỷ thân, hai là ưu thân, ba là xả thân. Đế Thích; hỷ thân kia hại mình, hại người, hại cả hai. Sau khi xả bỏ hỷ ấy, như điều được hoan hỷ, không hại mình, không hại người, không hại cả hai; Tỳ-kheo biết thời, chuyên niệm không tán loạn, liền được gọi là thọ giới Cụ túc. Đế Thích, ưu thân kia hại mình, hại người, hại cả hai. Sau khi xả bỏ ưu ấy, như điều ưu tư, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, Tỳ-kheo biết thời, chuyên niệm không tán loạn, liền được gọi là thọ giới Cụ túc. Lại nữa, Đế Thích, xả thân kia hại mình, hại người, hại cả hai. Sau khi xả bỏ xả thân ấy, như điều được xả, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, Tỳ-kheo biết thời, chuyên niệm không tán loạn, liền được gọi là thọ giới Cụ túc"."

Đế Thích bạch Phật:

"Con nghe những điều Phật dạy, không còn hồ nghi nữa"."

Lại bạch Phật:

"Trong chừng mực nào thì được gọi là sự đầy đủ các căn của bậc Hiền thánh?"

Phật bảo Đế Thích:

"Con mắt biết sắc, Ta nói có hai: đáng thân và không đáng thân. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm ý biết pháp, Ta nói có hai: đáng thân và không đáng thân"."

Đế Thích bạch Phật:

“Thế Tôn, Như Lai nói vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi. Theo chỗ hiểu biết đầy đủ của con thì như thế này: Mắt biết sắc, Ta nói có hai: đáng thân và không đáng thân. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, Ta nói có hai: đáng thân và không đáng thân. Thế Tôn, như con mắt quán sát sắc, mà pháp thiện tổn giảm, pháp bất thiện tăng. Mắt thấy sắc như thế, Ta nói không đáng thân. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, mà pháp thiện tổn giảm, pháp bất thiện tăng trưởng, Ta nói không đáng thân. Như mắt biết sắc mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện giảm; sự biết sắc của mắt như vậy, Ta nói đáng thân. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp bất thiện tổn giảm, Ta nói đáng thân”.

Phật bảo Đế Thích:

“Lành thay, lành thay, đó gọi là sự đầy đủ các căn của Hiền thánh”.

Đế Thích bạch Phật:

“Con nghe những điều Phật nói, không còn hồ nghi nữa.”

Lại bạch Phật:

“Trong chừng mực nào Tỳ-kheo được nói là cứu cánh, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn, cứu cánh vô dư?”

Phật bảo Đế Thích:

“Thân bị khổ bởi ái đã diệt tận, là cứu cánh, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn, cứu cánh vô dư.”.

Đế Thích bạch Phật:

“Những mối hoài nghi mà con ôm ấp lâu dài nay đã được Như Lai mở bày, không còn gì nghi ngờ nữa”.

Phật nói với Đế Thích:

“Trước đây người có bao giờ đi đến các Sa-môn, Bà-la-môn hỏi ý nghĩa này chưa?”

Đế Thích bạch Phật:

“Con nhớ lại, thuở xưa, con đã từng đến Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi nghĩa này. Xưa, có một thời, chúng con tập họp tại giảng

đường, cùng các Thiên chúng bàn luận: Như Lai sẽ ra xuất hiện ở đời chăng? Chưa xuất hiện ở đời chăng? Rồi chúng con cùng suy tìm, không thấy có Như Lai xuất hiện ở đời. Mỗi vị trở về cung điện của mình, hưởng thụ ngũ dục. Thế Tôn, về sau, con lại thấy các Đại Thiên thần sau khi tự thỏa mãn với ngũ dục, dần dần từng vị mạng chung. Lúc ấy, bạch Thế Tôn, con rất kinh sợ, lông tóc dựng đứng. Khi gặp các Sa-môn, Bà-la-môn sống nơi thanh vắng, là bỏ gia đình, là bỏ dục lạc, con bèn tìm đến hỏi họ rằng: Thế nào là cứu cánh? Con hỏi ý nghĩa ấy, nhưng họ không thể trả lời. Đã không thể trả lời, họ hỏi ngược lại con: Ông là ai? Con liền đáp: Tôi là Thích Đề-hoàn Nhân. Kia lại hỏi: Ông là Thích nào? Con đáp: Tôi là Thiên Đế Thích. Trong lòng có mối nghi nên đến hỏi. Rồi con và vị ấy theo chỗ thấy biết của mình cùng giải thích ý nghĩa. Kia nghe con nói, kia lại nhận làm đệ tử của con. Nay con là đệ tử Phật, chứng đắc Tu-đà-hoàn đạo, không còn đọa cõi dữ; tái sanh tối đa bảy lần tất thành đạo quả. Cúi mong Thế Tôn thọ ký con là Tư-đà-hàm".

Nói xong, Đế Thích lại làm bài tụng:

*Do kia nhiệm uế tướng ,
Khiến con sanh nghi ngờ.
Cùng chư Thiên, lâu dài
Suy tìm đến Như Lai.
Gặp những người xuất gia
Thường ở nơi thanh vắng,
Tưởng là Phật Thế Tôn,
Con đến cúi đầu lễ.
Con đến và hỏi họ
"Thế nào là cứu cánh?"
Hỏi, nhưng không thể đáp,
Đường tu đi về đâu.
Ngày nay đĐấng Vô Đẳng,
Mà con đợi từ lâu,
Đã quán sát, thực hành,
Tâm đã chánh tư duy.*

***Đấng Tịnh Nhãn đã biết
Sở hành của tâm con
Và nghiệp tu lâu dài,
Cúi mong thọ ký con.
Quy mạng Đấng Chí Tôn,
Đấng siêu việt tam giới,
Đã bút gai ân ái.
Kính lễ Đấng Nhật Quang.***

Phật bảo Đế Thích:

"Người có nhớ trước đây khi người có hỷ lạc, cảm nghiệm lạc chẳng? "

Đế Thích đáp:

"Đúng vậy, Thế Tôn. Con nhớ hỷ lạc, cảm nghiệm lạc mà con có trước đây. Thế Tôn, xưa có lần con đánh nhau với A-tu-la. Khi đó con chiến thắng, A-tu-la bại trận. Con trở về với sự hoan hỷ, cảm nghiệm lạc. Nhưng hoan hỷ ấy, cảm nghiệm lạc ấy duy chỉ là hỷ lạc của dao gậy uế ác, là hỷ lạc của đấu tranh. Nay hỷ lạc, cảm nghiệm lạc mà con có được ở nơi Phật không phải là hỷ lạc của dao gậy, của đấu tranh".

Phật hỏi Đế Thích:

"Hỷ lạc, cảm nghiệm lạc mà người có hiện nay, trong đó muốn tìm cầu những kết quả công đức gì?"

Bấy giờ, Đế Thích bạch Phật:

"Con ở trong hỷ lạc, cảm nghiệm lạc, muốn tìm cầu năm kết quả công đức. Những gì là năm? "Rồi Đế Thích liền đọc bài kệ:

***Nếu sau này con chết,
Xả bỏ tuổi thọ trời,
Đầu thai không lo lắng,
Khiến tâm con hoan hỷ.
Phật độ người chưa độ;
Hay nói đạo chân chánh;
Ở trong pháp Chánh giác,***

***Con cần tu phạm hạnh.
Sống với thân trí tuệ,
Tâm tự thấy chân đế;
Chứng đạt điều cần chứng,
Do thế sẽ giải thoát .
Nhưng phải siêng tu hành,
Tu tập chơn trí Phật.
Dù chưa chứng đạo quả;
Công đức vẫn hơn trời.
Các cõi trời thần diệu,
A-ca-ni, vân vân;
Cho đến thân cuối cùng,
Con sẽ sanh nơi ấy.
Nay con ở nơi này,
Được thân trời thanh tịnh;
Lại được tuổi thọ tăng;
Tịnh nhĩn, con tự biết.***

Nói bài kệ xong, Đế Thích bạch Phật:

“Con ở trong hỷ lạc, cảm nghiệm lạc, mà được năm kết quả công đức như vậy”.

Bấy giờ Đế Thích nói với chư Thiên Đạo-lợi:

“Các người ở trên trời Đạo-lợi đã cung kính hành lễ trước Phạm đồng tử. Nay trước Phật lại cũng hành lễ cung kính như vậy, há không tốt đẹp sao?”

Nói xong, phút chốc Phạm đồng tử bỗng xuất hiện giữa hư không, đứng bên trên các Thiên chúng, hướng về phía Đế Thích mà đọc bài kệ rằng:

***Thiên vương hành thanh tịnh,
Nhiều lợi ích chúng sanh;
Ma-kiệt, Chúa Đế Thích,
Hỏi Như Lai ý nghĩa.***

Bấy giờ, Phạm đồng tử sau khi nói kệ, bỗng nhiên biến mất. Khi ấy Đế Thích rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ dưới chân Thế Tôn, đi quanh Phật ba vòng, rồi lui về. Chư Thiên Đao-lợi cùng Ban-giá-dực cũng lễ dưới chân Phật rồi lui về.

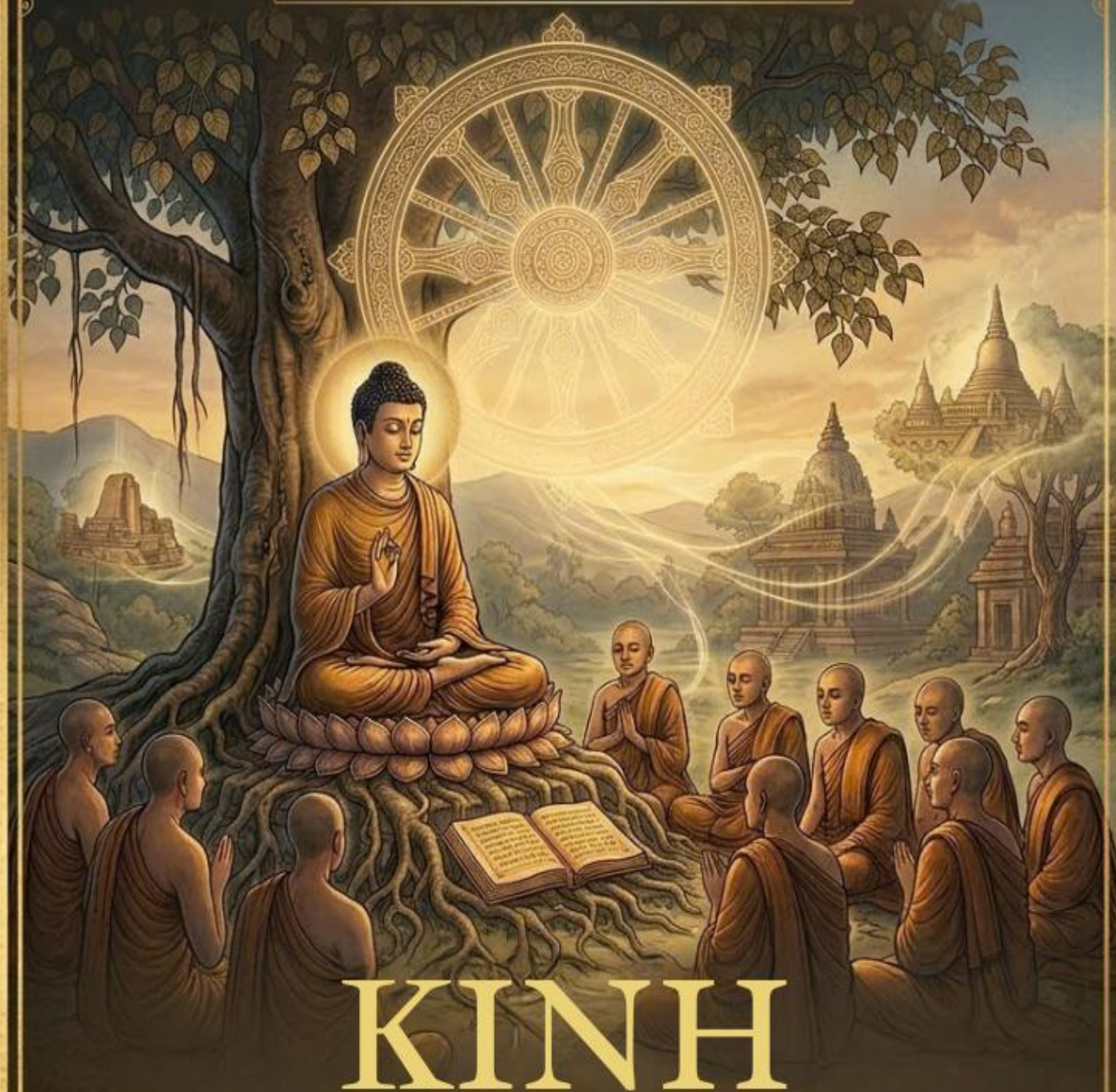
Thiên Đế Thích đi trước một đôi, quay lại nói với Ban-giá-dực:

“Lành thay, lành thay! Người đã đi trước đến gảy đàn trước Phật cho vui vẻ, sau đó ta mới cùng chư Thiên Đao-lợi đến sau. Ta nay bổ người vào địa vị của cha người, làm thượng thủ trong các Càn-đạp-hòa và sẽ gả Bạt-đ con gái của vua Càn-đạp-hòa cho người làm vợ”.”

Khi Thế Tôn nói pháp này, tám vạn bốn ngàn chư Thiên xa lìa trần cấu, con mắt Chánh pháp phát sanh đối với các pháp.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân, chư Thiên Đao-lợi và Ban-giá-dực sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM



KINH A NẬU DI

DỊCH GIẢ: HT. THÍCH TUỆ SỸ

TRƯỜNG A HÀM

KINH A NẬU DI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Minh-ninh, đất A-nậu-di.. Cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành A-nậu-di khất thực. Rồi Thế Tôn thầm nghĩ: "Nay Ta đi khất thực, thời gian còn quá sớm. Ta hãy đến khu vườn của Phạm chí Phòng-già-bà. Tỳ-kheo cần phải đúng giờ mới đi khất thực".

Thế Tôn đi đến khu vườn kia. Khi ấy Phạm chí từ xa trông thấy Phật liền đứng dậy nghinh tiếp, cùng chào hỏi, rằng: "Hoan nghinh Cù-đàm. Từ lâu không đến. Nay do duyên gì lại khuất tất đến đây? Xin mời Cù-đàm ngồi chỗ này".

Thế Tôn liền ngồi vào chỗ ấy. Phạm chí ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

"Đêm hôm qua có Tỳ-kheo Thiện Tú người Lệ-xa đến chỗ tôi nói rằng: Đại sư, tôi không theo Phật tu phạm hạnh nữa. Sở dĩ vậy là vì Phật xa lạ với tôi. Người ấy nói với tôi những sai lầm của Cù-đàm. Tuy có nói như vậy, nhưng tôi không chấp nhận".

Phật nói với Phạm chí:

"Điều mà Thiện Tú kia nói, Ta biết ông không chấp nhận. Xưa, một thời, Ta đang ở trên Tập pháp đường, bên bờ hồ Di hầu, thuộc Tỳ-da-ly; khi ấy Thiện Tú này đi đến chỗ Ta, nói với Ta rằng: Như Lai xa lạ với con. Con không theo Như Lai tu phạm hạnh nữa. Ta khi ấy nói rằng: Ngươi vì sao nói rằng không theo Như Lai tu phạm hạnh nữa, vì Như Lai xa lạ với ngươi? Thiện Tú đáp: Như Lai không hiện thân tức biến hóa cho con thấy.

"Ta khi ấy nói rằng: Ta có mời ngươi đến trong pháp Ta tịnh tu phạm hạnh, Ta sẽ hiện thân tức cho ngươi thấy không? Sao lại nói: Như Lai hãy hiện thân tức biến hóa cho con thấy, con mới tu phạm hạnh? Khi ấy Thiện Tú trả lời Ta rằng: Không, bạch Thế Tôn."

Phật nói với Thiện Tú::

“Ta cũng không nói với người: Người hãy ở trong Pháp của Ta mà tịnh tu phạm hạnh, Ta sẽ hiện thần túc biến hóa cho thấy. Người cũng không nói: Hãy hiện thần túc cho con thấy, con sẽ tu phạm hạnh. Thế nào, Thiện Tú, theo ý người, Như Lai có khả năng hiện thần thông, hay không có khả năng? Pháp mà Ta giảng thuyết, Pháp ấy có khả năng dẫn đến xuất ly, tận cùng biên tế của khổ chăng?”.”

Thiện Tú bạch Phật:

“Đúng vậy, Thế Tôn. Như Lai có thể thị hiện thần túc, chứ không phải không thể. Pháp được giảng dạy có khả năng dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ, chứ không phải không diệt tận”.”

“Cho nên, này Thiện Tú, ai tu hành phạm hạnh theo Pháp mà Ta giảng dạy thì có thể hiện thần túc chứ không phải không thể; pháp ấy dẫn đến xuất ly, không phải không thể xuất ly. Người mong cầu cái gì đối với pháp ấy?”

Thiện Tú nói:

“Thế Tôn thỉnh thoảng không dạy con bí thuật của cha con mà Thế Tôn đã biết hết, nhưng vì keo kiệt mà không dạy cho con”.”

Phật nói:

“Thiện Tú, Ta có bao giờ nói với người rằng: Người hãy ở trong pháp Ta tu phạm hạnh, Ta sẽ dạy cho người bí thuật của cha người chăng?”

Đáp: “Không”.

“Cho nên, này Thiện Tú, trước đây Ta không nói như vậy. Người cũng không nói. Vậy tại sao nay nói như thế?”

“Thế nào, Thiện Tú, Như Lai có thể nói bí thuật của cha người, hay không thể? Pháp mà Ta giảng dạy có dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ chăng?”

Thiện Tú nói:

“Như Lai có thể nói bí thuật của cha con, không phải không thể. Pháp đã được giảng dạy có thể dẫn đến xuất ly, diệt tận biên tế của khổ, chứ không phải không thể”.”

Phật lại bảo Thiện Tú:

“Nếu Ta có thể nói bí thuật của cha ngươi, cũng có thể nói pháp, nói sự xuất ly, sự lìa khổ, thì ngươi tìm cái gì trong pháp của Ta?”

Phật lại nói với Thiện Tú:

“Ngươi, trước kia ở trong lãnh thổ của người Bạt-xà, thuộc Tỳ-xá-ly, đã bằng vô số phương tiện xưng tán Như Lai, xưng tán Chánh pháp, xưng tán chúng Tăng. Cũng như một người khen ngợi một cái ao trong mát kia bằng tám cách khiến mọi người ưa thích: một, lạnh; hai, nhẹ; ba, mềm; bốn, trong; năm, ngọt; sáu, không bẩn; bảy, uống không chán; tám, khỏe người. Ngươi cũng vậy, ở trong lãnh thổ Bạt-xà, Tỳ-xá-ly, xưng tán Như Lai, xưng tán Chánh pháp, xưng tán chúng Tăng, khiến mọi người tin vui. Thiện Tú, nên biết, ngày nay ngươi bị lui sụt, người đời sẽ nói rằng: Tỳ-kheo Thiện Tú có nhiều quen biết, lại thân cận Thế Tôn và cũng là đệ tử Thế Tôn; nhưng không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh; đã xả giới, hoàn tục, thực hành hèn hạ. Phạm chí, nên biết, khi ấy Ta nói đủ lời, nhưng Thiện Tú không thuận lời dạy của Ta, mà đã xả giới hoàn tục.

“Phạm chí, một thời Ta ở tại Tập pháp đường bên bờ hồ Di hâu ; khi ấy có Ni-kiền Tử tên là Già-la-lâu dừng chân tại chỗ kia, được mọi người sùng kính, tiếng tăm đồn xa, có nhiều quen biết, lợi dưỡng đầy đủ. Khi ấy Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực; đi lần đến chỗ Ni-kiền Tử. Bấy giờ, Thiện Tú hỏi Ni-kiền Tử bằng ý nghĩa sâu xa. Ni-kiền Tử ấy không đáp được, liền sanh tâm sân hận. Thiện Tú nghĩ thầm: Ta làm người này bức bội, sẽ phải chịu quả báo lâu dài chăng? Phạm chí, nên biết, Tỳ-kheo Thiện Tú sau khi khất thực về, cầm y bát đến chỗ Ta, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thiện Tú khi ấy không đem duyên cố ấy mà kể lại với Ta. Ta nói với Thiện Tú rằng: Người ngu kia, ngươi há có thể tự nhận mình là Sa-môn Thích tử chăng? Thiện Tú giây lát hỏi Ta rằng: Thế Tôn vì duyên cố gì mà gọi con là người ngu? Không xứng đáng tự nhận là Sa-môn Thích tử? Ta nói: Người ngu kia, có phải ngươi đã đến Ni-kiền Tử mà hỏi ý nghĩa sâu xa, nhưng người kia không đáp được bèn sanh sân hận. Ngươi nghĩ thầm: “Ta nay làm người này bức bội, há sẽ phải chịu quả báo đau khổ lâu dài chăng?” Ngươi có nghĩ như vậy không? Thiện Tú bạch Phật rằng: Người kia là A-la-hán. Sao Thế Tôn có tâm sân hận ấy??. Ta khi ấy trả lời rằng: Người ngu kia, La-hán làm sao lại có tâm sân hận? Ta, La-hán,

không có tâm sân hận. Người nay tự cho người kia là La -hán. Người kia có bảy sự khổ hạnh, đã được gìn giữ lâu ngày. Bảy khổ hạnh ấy là gì? Một, suốt đời không mặc quần áo. Hai, suốt đời không uống rượu, ăn thịt, cũng không ăn cơm và thực phẩm bằng bột mì. Ba, suốt đời không vi phạm phạm hạnh. Bốn, trọn đời không rời bốn tháp bằng đá ở Tỳ-xá-ly; phía Đông là tháp Ưu viên, phía Nam tháp Voi, phía Tây tháp Đa tử, phía Bắc tháp Thất tự. Trọn đời không rời khỏi bốn tháp ấy, coi đó là bốn sự khổ hạnh. Nhưng người ấy về sau vi phạm bảy khổ hạnh này và mạng chung ở ngoài thành Tỳ-xá-ly. Cũng như con chó sói bệnh suy vì ghẻ lở mà chết trong bãi tha ma. Ni-kiền Tử kia cũng vậy. Tự mình đặt cấm pháp, sau lại phạm hết. Trước tự thề rằng suốt đời không mặc quần áo, sau đó lại mặc. Trước tự mình thề rằng suốt đời không uống rượu, ăn thịt và không ăn các thứ làm bằng bột mì, nhưng về sau lại ăn hết. Trước vốn tự mình thề rằng suốt đời không vượt qua khỏi bốn cái tháp: phía Đông tháp Ưu viên, Nam tháp Voi, Tây tháp Đa tử, Bắc tháp Thất tự. Nay trái lời hết, rời xa không còn gần gũi nữa. Người ấy sau khi vi phạm bảy lời thề ấy rồi, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, chết trong bãi tha ma. Phật bảo Thiện Tú: Người ngu kia, người không tin lời Ta. Người hãy tự mình đi xem, sẽ tự mình biết."

Phật nói với Phạm chí:

"Một thời, Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành khất thực. Khất thực xong, lại ra khỏi thành, đi đến một khoảng trống trong bãi tha ma, thấy Ni-kiền Tử kia chết ở đó. Sau khi thấy như vậy, về đến chỗ Ta, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, nhưng không kể lại chuyện ấy với Ta. Phạm chí, nên biết, lúc ấy Ta nói với Thiện Tú: Thế nào, Thiện Tú, những điều Ta ghi nhận về Ni-kiền Tử trước đây, có đúng như vậy không? Đáp rằng: Đúng vậy, đúng như lời Thế Tôn đã nói. Phạm chí, nên biết, Ta đã hiện thần thông chứng minh cho Thiện Tú, nhưng kia lại nói: Thế Tôn không thị hiện thần thông cho con."

"Lại một thời, Ta ở tại ấp Bạch thổ nước Minh-ninh, lúc bấy giờ có Ni-kiền Tử tên là Cứu-la-đế, trú tại Bạch thổ, được mọi người sùng kính, tiếng tăm đồn xa, được nhiều lợi dưỡng. Khi ấy, Ta khoác y cầm bát vào thành khất thực. Tỳ-kheo Thiện Tú lúc bấy giờ đi theo Ta, thấy Ni-kiền Tử Cứu-la-đế đang nằm phục trên một đồng phân mà liếm bã trấu. Phạm chí, nên biết, khi Tỳ-kheo Thiện Tú thấy Ni-kiền Tử này nằm phục trên đồng phân mà

ăn bã trấu, liền suy nghĩ rằng: Các A-la-hán hay những vị đang hướng đến quả A-la-hán trong thế gian không ai kịp vị này. Đạo của vị Ni-kiên Tử này là bậc nhất hơn hết. Vì sao? Người khổ hạnh mới được như vậy, dứt bỏ kiêu mạn, nằm trên đồng phân mà liếm bã trấu.

“Phạm chí, bây giờ Ta xoay người theo hướng phải, nói với Thiện Tú rằng: Người ngu kia, người há có thể tự nhận là Thích tử chăng? Thiện Tú bạch Phật rằng: Thế Tôn, vì sao gọi con là người ngu, không xứng đáng tự nhận là Thích tử? Phật nói với Thiện Tú: Người ngu si, người quan sát Cứu-la-đế này ngồi chồm hổm trên đồng phân mà ăn bã trấu liền nghĩ rằng: Trong các A-la-hán hay những vị đang hướng đến quả La hán, Cứu-la-đế này là tối tôn. Vì sao? Nay Cứu-la-đế này có thể hành khổ hạnh, trừ kiêu mạn, ngồi chồm hổm trên đồng phân mà ăn bã trấu. Người có ý nghĩ như vậy không? Đáp rằng: Thật vậy. Thiện Tú lại nói: Thế Tôn vì sao sanh tâm ganh tị với một vị A-la-hán? Phật nói: Người ngu kia, Ta không hề sanh tâm ganh tị đối với một vị A-la-hán, làm sao nay lại sanh tâm tật đố đối với một vị A-la-hán? Người, người ngu kia, bảo Cứu-la-đế là một vị chân A-la-hán. Nhưng người này sau bảy ngày nữa sẽ sinh bụng mà chết, tái sanh làm quỷ đói thân ma biết đi, thường chịu khổ vì đói. Sau khi mạng chung, được buộc bằng cọng lau mà lôi vào bãi tha ma. Nếu người không tin, hãy đến báo trước cho người ấy biết.

“Rồi Thiện Tú liền đi đến chỗ Cứu-la-đế, bảo rằng: Sa-môn Cù-đàm kia tiên đoán rằng bảy ngày nữa ông sẽ bị sinh bụng mà chết, sanh vào trong loài quỷ đói thân ma biết đi; sau khi chết, được buộc bằng sợi dây lau và lôi vào bãi tha ma. Thiện Tú lại dặn: Ông hãy ăn uống cẩn thận, chớ để lời ấy đúng. Phạm chí, nên biết, qua bảy ngày, Cứu-la-đế bị sinh bụng mà chết, tức thì sanh vào trong loài quỷ đói thân ma; sau khi chết, được buộc bằng dây lau và lôi vào bãi tha ma. Thiện Tú sau khi nghe Phật nói, co ngón tay tính ngày. Cho đến ngày thứ bảy, Tỳ-kheo Thiện Tú đi đến xóm lửa hình, hỏi người trong xóm: Đây các bạn, Cứu-la-đế nay đang ở đâu? Đáp rằng: Chết rồi. Hỏi: Vì sao chết? Đáp: Bị sinh bụng. Hỏi: Chôn cất thế nào? Đáp: Được buộc bằng dây lau và lôi vào bãi tha ma.

“Phạm chí, Thiện Tú sau khi nghe như vậy, liền đi đến bãi tha ma. Khi sắp sửa đến nơi, hai đầu gối của thân ma động dậy, rồi bỗng nhiên ngồi chồm hổm dậy. Tỳ-kheo Thiện Tú vẫn cứ đi đến

trước thầy ma, hỏi: Cứu-la-đế, ông chết rồi phải không? Thầy ma đáp: Ta chết rồi. Hỏi: Ông đau gì mà chết? Đáp: Cù-đàm đã tiên đoán ta sau bảy ngày sinh bụng mà chết. Quả như lời, qua bảy ngày, ta sinh bụng mà chết. Thiện Tú lại hỏi: Ông sanh vào chỗ nào? Đáp: Như Cù-đàm tiên đoán, ta sẽ sanh vào loài quỷ đói thầy ma biết đi. Nay ta sanh vào trong quỷ đói làm thầy ma biết đi. Thiện Tú hỏi: Khi ông chết, được chôn cất như thế nào? Thầy ma đáp: Như Cù-đàm đã tiên đoán, ta sẽ được buộc bằng dây lau rồi lôi vào bãi tha ma. Quả như lời, ta được buộc bằng dây lau rồi lôi vào bãi tha ma. Rồi thầy ma nói với Thiện Tú: Người tuy xuất gia mà không được điều thiện lợi. Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, mà người thường không tin. Nói xong, thầy ma lại nằm xuống.

“Phạm chí, bây giờ Tỳ-kheo Thiện Tú đi đến chỗ Ta, đánh lễ xong, ngồi xuống một bên, nhưng không kể lại chuyện ấy với Ta. Ta liền nói: Như lời Ta tiên đoán, Cứu-la-đế có thật như vậy không? Đáp: Thật vậy, đúng như Thế Tôn nói. Phạm chí, Ta nhiều lần như vậy thị hiện thân thông chứng cho Tỳ-kheo Thiện Tú, nhưng kia vẫn nói: Thế Tôn không hiện thân thông cho con thấy”.

Phật lại nói với Phạm chí:

“Một thời, Ta ở tại Tập pháp đường, bên bờ hồ Di hâu. Khi ấy có Phạm chí tên là Ba-lê Tử, đang ngụ tại chỗ kia, được mọi người sùng kính, có nhiều lợi dưỡng. Người ấy ở giữa quần chúng Tỳ-xá-ly nói như vậy: Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thân thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai. Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn. Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Sa-môn hiện ba mươi hai, ta hiện sáu mươi tư. Tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi.

“Phạm chí, khi ấy Tỳ-kheo Thiện Tú khoác y cầm bát vào thành khất thực. Trông thấy Phạm chí Ba-lê Tử đang nói như vậy giữa quần chúng: Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thân thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai. Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn. Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba

mười hai. Sa-môn hiện ba mươi hai, ta hiện sáu mươi tư. Tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi. Tỳ-kheo Thiện Tú sau khi khất thực xong, về đến chỗ Ta, đánh lễ rồi ngồi xuống một bên, nói với Ta rằng: Sáng nay, con khoác y cầm bát vào thành khất thực, nghe Ba-lê Tử ở Tỳ-xá-ly đang nói như vậy: Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có thần túc. Ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm đã đạt được đạo siêu việt. Ta cũng đạt được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng ông ấy hiện thần thông. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi. Kể lại cho Ta đầy đủ sự việc ấy. Ta nói với Thiện Tú: Ba-lê Tử ở giữa quần chúng, nếu không từ bỏ lời ấy mà đi đến Ta, sẽ không không có trường hợp ấy. Nếu người kia nghĩ rằng: Ta không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ quan điểm ấy, không xả bỏ kiêu mạn ấy, mà cứ đi đến Sa-môn Cù-đàm, thì đâu ông ấy sẽ bị bẻ làm bảy mảnh. Không có trường hợp người ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ kiêu mạn ấy, mà vẫn đi đến Ta.

“Thiện Tú nói: Thế Tôn hãy giữ miệng. Như Lai hãy giữ miệng. Phật hỏi Thiện Tú: Vì sao người nói: Thế Tôn hãy giữ miệng. Như Lai hãy giữ miệng.? Thiện Tú nói: Ba-lê Tử kia có uy thần lớn, có uy lực lớn. Giả sử ông ấy đến thật, há không phải Thế Tôn hư dối sao? Phật bảo Thiện Tú: Như Lai có bao giờ nói hai lời không? Đáp: Không. Phật lại bảo Thiện Tú: Nếu không có hai lời, tại sao người lại nói: Thế Tôn hãy giữ miệng. Như Lai hãy giữ miệng? Thiện Tú bạch Phật: Thế Tôn do tự mình thấy biết Ba-lê Tử, hay do chư Thiên nói? Phật nói: Ta tự mình biết và cũng do chư Thiên đến nói cho nên biết. Đại tướng A-do-đà ở Tỳ-xá-ly này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trời Đao-lợi. Ông đến nói với Ta rằng: Phạm chí Ba-lê Tử kia không biết xấu hổ, phạm giới, vọng ngữ, ở Tỳ-xá-ly, giữa quần chúng, nói lời phỉ báng như vậy: Đại tướng A-d Do-đ Đà sau khi thân hoại mạng chung sanh vào loài quỷ thân ma biết đi. Nhưng thật sự con thân hoại mạng chung sanh vào trời Đao-lợi. Ta đã tự mình biết trước việc Ba-lê Tử và cũng do chư Thiên nói lại nên biết. Phật nói với Thiện Tú ngu ngốc: Người không tin Ta, thì hãy vào thành Tỳ-xá-ly, tùy ý mà rao lên. Ta sau bữa ăn sẽ đi đến chỗ Phạm chí Ba-lê Tử.”

Phật lại nói với Phạm chí:

“Bấy giờ, Thiện Tú kia sau khi qua đêm khoác y cầm bát vào thành khất thực. Khi ấy Thiện Tú kia hướng đến các Bà-la-môn,

Sa-môn, Phạm chí trong thành Tỳ-xá-ly kể đủ câu chuyện rằng: Phạm chí Ba-lê Tử ở giữa đám đông đã tuyên bố lời này: Sa-môn Cù-đàm tự nhận là có trí tuệ. Ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm có đại uy lực; ta cũng có đại uy lực. Sa-môn Cù-đàm tự nhận có đại thần túc. Ta cũng có đại thần túc. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi. Nhưng nay Sa-môn Cù-đàm sẽ đi đến chỗ Ba-lê Tử kia. Các vị cũng đến đó hết.

“Khi ấy Phạm chí Ba-lê đang đi trên đường; Thiện Tú trông thấy, vội vã đến gần, nói rằng: Ông ở giữa đám đông của Tỳ-xá-ly đã tuyên bố như vậy: Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi. Sa-môn Cù-đàm nghe lời tuyên bố ấy, nay muốn đến chỗ ông. Ông hãy về nhanh đi. Đáp rằng: Ta sẽ về ngay. Ta sẽ về ngay. Nói như thế rồi, giây lát cảm thấy hoảng sợ, lông tóc dựng đứng, không trở về chỗ cũ, mà đi đến khu rừng của Phạm chí Đạo-đầu-ba-lê, ngồi trên vũng, rầu rĩ, mê loạn”.

Phật bảo Phạm chí:

“Ta, sau bữa ăn, cùng với nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ, đi đến trú xứ của Ba-lê-tử, ngồi lên chỗ ngồi. Trong đám đông ấy có một Phạm chí tên là Giá-la . Khi ấy, mọi người kêu Giá-la, bảo rằng: Ông hãy đi đến rừng Đạo-đầu nói với Ba-lê Tử: Nay nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xưng lên lời này: Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi. Sa-môn Cù-đàm vì vậy đã đến nơi rừng của ông. Ông hãy đến xem. Rồi thì, Giá-la sau khi nghe mọi người nói, bèn đi đến rừng bảo Đạo-đầu Ba-lê Tử rằng: Nay nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xưng lên lời này: Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi. Sa-môn Cù-đàm nay đang ở nơi rừng kia. Ba-lê, ông có về không? Khi ấy, Phạm chí Ba-lê liền đáp: Sẽ về. Sẽ về. Nói như vậy xong, ở trên vũng mà day trở không yên. Bấy giờ, vũng lại làm cho vướng chân, khiến ông không thể rời khỏi vũng, hướng hồ đi đến Thế Tôn.

“Thế rồi, Già-la nói với Phạm chí Ba-lê: Người tự vô trí, chỉ có tiếng nói rỗng không: Sẽ về. Sẽ về. Nhưng cái vũng ấy còn không thể rời khỏi, sao có thể đi đến chỗ đại chúng? Trách mắng Ba-lê Tử xong, bèn trở về chỗ đại chúng, báo rằng: Ta nhân danh đại chúng, đi đến nói với Ba-lê Tử. Y trả lời: Sẽ về. Sẽ về. Ngay lúc ấy, ở trên vũng, chuyển động thân thể, nhưng vũng dính vào chân không rời được. Y còn không thể rời khỏi cái vũng, sao có thể đến đại chúng này được?

“Bấy giờ, có một Lệ-xa Tử là Đầu-ma đang ngồi trong chúng, liền đứng dậy, trích áo bày vai phải, quỳ dài, chấp tay, bạch đại chúng rằng: Đại chúng hãy đợi một lát. Tôi sẽ tự mình đến dẫn người ấy lại đây.”

Phật nói:

“Ta khi ấy nói với Lệ-xa Tử Đầu-ma rằng: Người kia đã tuyên bố như vậy, ôm giữ kiến giải như vậy, khởi kiêu mạn như vậy; mà muốn khiến cho người ấy đi đến chỗ Phật, thì không thể được. Đầu-ma Tử, giả sử ông lấy dây quần nhiều lớp, rồi khiến bày bò cùng kéo, cho đến thân thể người ấy bị rã rời, cuối cùng người ấy vẫn sẽ không thể từ bỏ lời nói như vậy, kiến giải như vậy, kiêu mạn như vậy, để đến chỗ Ta. Nếu không tin lời Ta, người hãy đến đó tự mình khắc biết.

“Bấy giờ, Lệ-xa Tử Đầu-ma vẫn cố đi đến chỗ Ba-lê Tử, nói với Ba-lê Tử rằng: Nhiều người Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tụ tập hết nơi rừng của ông. Mọi người cùng bàn luận rằng, Phạm chí Ba-lê ở giữa đám đông tự mình xưng lên lời này: Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến, tùy theo Sa-môn ấy hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi. Sa-môn Cù-đàm nay đang ở nơi rừng kia. Ông hãy về đi. Lúc ấy, Ba-lê Tử đáp: Sẽ về. Sẽ về. Nói như vậy rồi, ở trên vũng mà chuyển động thân mình, nhưng khi ấy vũng lại vướng vào chân, khiến ông không thể rời khỏi vũng, huống nữa là đi đến chỗ Thế Tôn.

“Thế rồi, Đầu-ma nói với Ba-lê Tử rằng: Người tự vô trí, chỉ có tiếng nói rỗng không: Sẽ về, sẽ về. Nhưng tự mình còn không thể rời khỏi cái vũng này, đâu có thể đi đến chỗ đại chúng!

“Đầu-ma lại nói với Ba-lê Tử: Những người có trí, do thí dụ mà được hiểu rõ. Thuở xưa lâu xa có một sư tử chúa tể loài thú sống trong rừng sâu. Vào buổi sáng sớm, sư tử ra khỏi hang, nhìn ngắm bốn phía, vươn mình rống lên ba tiếng, sau đó rảo quanh

kiếm thịt mà ăn. Nay Ba-lê Tử, sư tử chúa tể loài thú kia ăn xong rồi trở về rừng, thường có một con dã can đi theo sau ăn tàn, khí lực sung mãn, bèn tự bảo: Sư tử trong rừng kia cuối cùng là con thú gì? Hơn ta được chăng? Nay ta hãy độc chiếm một khu rừng, sáng sớm ra khỏi hang, nhìn quanh bốn phía, vươn mình rống lên ba tiếng, sau đó rảo quanh. Nó muốn học tiếng rống sư tử, nhưng lại ré lên tiếng dã can. Nay Ba-lê Tử, người nay cũng vậy. Nhờ uy đức của Phật mà sống còn ở đời, được người cúng dường; nhưng nay lại tranh đua với Như Lai. Rồi Đầu-ma nói bài kệ chỉ trích:

Dã can xưng sư tử
Tự cho mình vua thú
Muốn rống tiếng sư tử
Lại ré tiếng dã can.
Một mình trong rừng vắng
Tự cho mình vua thú
Muốn rống tiếng sư tử
Lại ré tiếng dã can.
Quy xuống kiếm chuột hang,
Tha ma tìm xác chết;
Muốn rống tiếng sư tử,
Lại ré tiếng dã can.

“Đầu-ma nói rằng: Người cũng vậy. Nhờ ơn Phật mà sống còn ở đời, được người cúng dường; nhưng nay lại tranh đua với Như Lai. Khi ấy Đầu-ma lấy bốn thí dụ, trách mắng thẳng mặt, sau đó, trở về chỗ đại chúng, báo rằng: Tôi đã nhân danh đại chúng đi gọi Ba-lê Tử. Kia trả lời tôi: Sẽ về. Sẽ về. Rồi ở trên võng chuyển động thân, nhưng võng liên vướng chân không thể rời ra được. Kia còn không thể rời khỏi võng, nói gì chuyện đi đến đại chúng này.

“Bấy giờ Thế Tôn nói với Đầu-ma: Ta đã nói trước với người, muốn cho người ấy đi đến chỗ Phật, không thể được. Giả sử người lấy sợi dây da bó nhiều lớp rồi cho bày bò kéo, cho đến thân thể rã rời, cuối cùng kia vẫn không xả bỏ lời ấy, kiến giải ấy, kiêu mạn ấy, để đi đến Ta.

“Này Phạm chí, bây giờ, Ta liền thuyết nhiều pháp khác nhau cho đại chúng, chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ. Ở trong chúng, ba lần cất tiếng rống sư tử, rồi cất mình bay lên hư không, Ta trở về chỗ cũ”.”

Phật nói với Phạm chí:

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: Tất cả thế gian đều do Phạm tự tại thiên sáng tạo. Ta hỏi họ: Hết thảy thế gian có thật do Phạm tự tại thiên sáng tạo chăng? Họ không thể đáp, mà lại hỏi Ta rằng: Cù-đàm, sự ấy là thế nào? Ta trả lời họ: Có một thời gian, khi thế giới này bắt đầu hủy diệt, có những chúng sanh khác mà mạng hết, hành hết, từ trời Quang âm mạng chung, sanh vào chốn Phạm thiên trống không khác; rồi khởi tham ái đối với chỗ ấy, sanh tâm đắm trước, lại mong muốn có chúng sanh khác cũng sanh đến chỗ này. Những chúng sanh khác khi mạng hết, hành hết, lại sanh vào chỗ này. Bây giờ, chúng sanh kia tự nghĩ như vậy: Ta nay là Đại phạm vương, ngẫu nhiên mà hiện hữu, không do ai sáng tạo. Ta có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa, tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới, có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của loài người. Ta đến đây trước nhất, một mình không bầu bạn; do năng lực của ta mà có chúng sanh này; ta sáng tạo ra chúng sanh này. Các chúng sanh khác cũng thuận theo, gọi đó là Phạm vương, ngẫu nhiên hiện hữu, có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa, tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới, có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của người, là vị duy nhất hiện hữu trước, còn chúng ta hiện hữu sau; chúng ta do vị Đại phạm vương ấy sáng tạo. Các chúng sanh này tùy theo khi tuổi thọ của chúng hết, tái sanh vào đời này; rồi dần dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vị ấy nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm mà nhớ đời sống trước của mình. Vị ấy nói như vậy: Vị Đại phạm vương này ngẫu nhiên mà hiện hữu, không do ai sáng tạo; có thể thấu suốt mục đích của các ý nghĩa; tuyệt đối tự do trong một ngàn thế giới; có thể sáng tác, có thể biến hóa, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của người. Đại Phạm thiên kia thường trụ, không biến chuyển, không phải là pháp biến dịch. Chúng ta đều do Phạm thiên sáng tạo, cho nên không thường hằng, không tồn tại lâu dài, là pháp biến dịch. Như vậy, Phạm chí, các Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên này, thảy đều nói Phạm tự tại thiên sáng tạo thế giới này. Này Phạm chí, sự sáng tạo của thế giới không

phải là điều mà những vị ấy có thể vươn tới; duy chỉ Phật mới có thể biết. Lại còn vượt qua sự ấy, Phật cũng đều biết cả. Tuy biết nhưng không tham trước, mà biết một cách như thật về khổ, sự tập khởi, sự diệt khổ, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu; với bình đẳng quán mà giải thoát vô dư. Ấy gọi là Như Lai”."

Phật bảo Phạm chí:

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Chơi bởi và biếng nhác là khởi thủy của chúng sanh. Ta nói với họ: Có thật các Người nói rằng: Chơi bởi và biếng nhác là khởi thủy của chúng sanh? Họ không thể trả lời mà hỏi ngược lại rằng: Cù-đàm, sự ấy là thế nào? Ta đáp: Một số chúng sanh ở trời Quang âm do chơi bởi và biếng nhác, khi thân hoại mạng chung, tái sanh vào thế gian này; rồi dần trưởng thành, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, cho đến khi nhập tâm định tam-muội ; do năng lực tam-muội, nhận thức được đời sống trước, bèn nói như vậy: Các chúng sanh kia do không chơi bởi biếng nhác nên thường hằng ở chỗ ấy, tồn tại lâu dài, không biến chuyển. Chúng ta do thường xuyên chơi bởi dẫn đến pháp vô thường, biến dịch này. Như vậy, Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên ấy nói rằng tiêu khiển là khởi thủy của chúng sanh. Những điều ấy Phật biết tất cả, lại còn biết hơn thế nữa. Biết nhưng không đắm trước, do không đắm trước mà như thật biết khổ, sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, tai hoạn, sự xuất yếu; bằng bình đẳng quán mà giải thoát vô dư. Ấy gọi là Như Lai”."

Phật nói với Phạm chí:

"Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: Thất ý là khởi thủy của chúng sanh. Ta nói với họ: Có thật các người nói rằng sự thất ý là khởi thủy của chúng sanh chăng? Họ không biết trả lời, bèn hỏi lại Ta rằng: Cù-đàm, sự ấy thế nào? Ta nói với họ: Một số chúng sanh do nhìn ngắnh nhau một thời gian sau bèn thất ý; do thế, mạng chung tái sanh vào thế gian này; rồi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, bèn nhập tâm định tam-muội; do năng lực tam-muội vị ấy nhận thức được đời sống trước, bèn nói như vậy: Như chúng sanh kia do không nhìn ngắnh nhau nên không thất ý, do vậy mà thường hằng bất biến. Chúng ta do nhiều lần nhìn ngắnh nhau bèn thất ý; do thế dẫn đến pháp vô thường, biến dịch. Như vậy, Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên ấy nói rằng sự thất ý là khởi thủy của chúng sanh. Điều

như vậy, duy Phật mới biết; lại còn biết hơn thế nữa. Biết nhưng không đắm trước; do không đắm trước mà như thật biết khổ, sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, sự xuất yếu; do bình đẳng quán mà giải thoát vô dư”.

Phật nói với Phạm chí:

“Những điều Ta nói là như vậy. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ở chỗ kín chê bai Ta rằng: Sa-môn Cù-đàm tự cho rằng đệ tử mình chứng nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh. Kia biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện. Nhưng Ta không nói như vậy: Đệ tử của Ta khi nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, vị ấy biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện. Nay Phạm chí, chính Ta nói rằng: Đệ tử Ta nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; vị ấy biết thanh tịnh, tất cả đều thanh tịnh.”

Lúc bấy giờ, Phạm chí bạch Phật:

“Kia không được thiện lợi khi phỉ báng Sa-môn Cù-đàm rằng: Sa-môn Cù-đàm tự cho đệ tử của mình nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; kia biết thanh tịnh, nhưng không biết tịnh một cách toàn diện. Nhưng Thế Tôn không nói như vậy. Chính Thế Tôn nói: Đệ tử ta nhập tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh; vị ấy biết thanh tịnh, tất cả đều tịnh.”

Rồi lại bạch Phật:

“Tôi cũng sẽ nhập tịnh giải thoát này, thành tựu tịnh hạnh, tất cả đều biết một cách toàn diện ..”

Phật bảo Phạm chí:

“Người muốn nhập, quả thật rất khó. Người do kiến giải dị biệt, kham nhẫn dị biệt, sở hành dị biệt, mà muốn y trên kiến giải khác để nhập tịnh giải thoát, thì thật là quá khó. Nhưng nếu người tin vui nơi Phật, tâm không đoạn tuyệt, thì trong lâu dài sẽ luôn luôn được an lạc”.

Bấy giờ, Phạm chí Phòng-già-bà, sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH THIỀN SINH

HT. THÍCH TUỆ SỸ DỊCH



TRƯỜNG A HÀM

KINH THIỀN SINH

Tôi nghe như vậy.

Một thời Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet-kỳ cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, vào lúc thích hợp Đức Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành khất thực. Lúc bấy giờ tại thành La-duyet-kỳ có con trai của trưởng giả tên là Thiện Sinh, vào buổi sáng sớm, ra khỏi thành, đi đến khu vườn công cộng sau khi vừa tắm gội xong, cả mình còn ướt, hướng đến các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới mà lạy khắp cả.

Đức Thế Tôn thấy Thiện Sinh, con trai nhà trưởng giả, sau khi đi đến khu vườn công cộng, vừa tắm xong, cả thân mình còn ướt sũng, bèn đến gần và hỏi:

“Vì sao, vào buổi sáng sớm, ra khỏi thành, đi đến khu vườn công cộng, với cả người còn ướt đẫm, mà người lại lạy các phương như thế?”.

Thiện Sinh bạch Phật:

“Khi cha tôi sắp chết có dặn, “Nếu con muốn lạy, trước hết hãy lạy các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên và Dưới”. Tôi vâng lời cha dạy không dám chống trái, nên sau khi tắm gội xong, chấp tay hướng mặt về phương Đông mà lễ phương Đông trước rồi tiếp lễ khắp các phương Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới”.

Phật bảo Thiện Sinh:

“Này con trai trưởng giả! Quả có cái tên các phương đó chứ không phải không. Nhưng trong pháp của bậc Hiền thánh của ta chẳng phải lễ sáu phương như thế là cung kính đâu”.

Thiện Sinh thưa:

“Cúi xin Đức Thế Tôn thương dạy cho con cách lễ sáu phương theo pháp của Hiền thánh”.

Phật bảo con trai trưởng giả:

“Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ, Ta sẽ nói cho người nghe”.

Thiện Sinh đáp:

“Thưa vâng. Con rất muốn nghe”.”

Phật bảo Thiện Sinh:

“Nếu trưởng giả hay con trưởng giả nào biết tránh bốn nghiệp kết không làm ác theo bốn trường hợp và biết rõ sáu nghiệp hao tổn tài sản .

“Như thế, này Thiện Sinh nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả nào tránh được bốn việc ác là lễ kính sáu phương; thì đời này tốt đẹp và cả đời sau cũng được quả báo tốt đẹp; đời này có căn cơ và đời sau có căn cơ ; trong hiện tại được người trí ngợi khen, được quả bậc nhất, sau khi chết được sanh lên trời, cõi thiện.

“Này Thiện Sinh, nên biết, hành bốn kết là: Sát sinh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ.

“Thế nào là bốn trường hợp? áÁc? Đó là: tham dục, sân hận, sợ hãi, ngu si. Ai làm những việc ác theo bốn trường hợp đó sẽ bị hao tổn. Nói như vậy xong, Phật lại nói bài tụng:

**Ai làm theo bốn pháp,
Tham, sân, sợ hãi, si,
Thì danh dự mất dần,
Như trăng về cuối tháng.**

“Này Thiện Sinh, người nào không làm ác theo bốn trường hợp thì sự ích lợi ngày càng tăng thêm:

**Người nào không làm ác,
Do tham, hận, sợ, si,
Thì danh dự càng thêm,
Như trăng hướng về rằm.**

“Này Thiện Sinh, sáu nghiệp tổn tài là:

“1 Đam mê rượu chè.

“2. Cờ bạc.

“3. Phóng đãng.

“4. Đam mê kỹ nhạc.

“5. Kết bạn người ác

“6. Biếng lười.

"Này Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả biết rõ bốn kết hành, không làm ác theo bốn trường hợp, lại biết sáu nghiệp tổn tài, ấy là, này Thiện Sinh, tránh được bốn trường hợp là cúng dường sáu phương, thì đời này tốt đẹp, đời sau tốt đẹp; đời này căn cơ và đời sau căn cơ; trong hiện tại được người trí ngợi khen, được quả báo bậc nhất; sau khi chết được sanh lên trời, cõi thiện.

"Lại nữa, này Thiện Sinh, nên biết, uống rượu có sáu điều lỗi:

"1. Hao tài.

"2. Sanh bệnh.

"3. Đấu tranh.

"4. Tiếng xấu đồn khắp.

"5. Bộc phát nóng giận.

"6. Tuệ giảm dần.

"Này Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả ấy uống rượu không thôi thì nghiệp gia sản ngày mỗi tiêu tán.

"Này Thiện Sinh, cờ bạc có sáu điều tai hại:

"1. Tài sản ngày một hao hụt.

"2. Thắng thì gây thù oán.

"3. Bị kẻ trí chê.

"4. Mọi người không kính nể tin cậy.

"5. Bị xa lánh; và sáu, sanh tâm trộm cắp.

"Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả mê đánh bạc mãi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán.

"Này Thiện Sinh, phóng dăng có sáu lỗi:

"1. Không tự phòng hộ mình.

"2. Không phòng hộ được tài sản và hàng hóa.

"3. Không phòng hộ được con cháu.

"4. Thường hay bị sợ hãi.

"5. Bị những điều khốn khổ ràng buộc xác thân.

"6. Ưa sinh điều dối trá.

“Đó là sáu điều lỗi. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả phóng dăng mãi không thôi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán.

“Này Thiện Sinh, say mê kỹ nhạc có sáu lỗi:

- “1. Tìm đến chỗ ca hát.**
- “2. Tìm đến chỗ múa nhảy.**
- “3. Tìm đến chỗ đàn địch.**
- “4. Tìm đến chỗ tấu linh tay.**
- “5. Tìm đến chỗ có âm thanh vi diệu.**
- “6. Tìm đến chỗ đánh trống.**

“Đó là sáu tai hại của kỹ nhạc. Nếu trưởng giả hoặc con trai trưởng giả say mê kỹ nhạc mãi không thôi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán.

“Này Thiện Sinh, giao du với bạn xấu có sáu lỗi:

- “1. Tìm cách lừa dối.**
- “2. Ưa chỗ thâm kín.**
- “3. Dụ dỗ nhà người khác.**
- “4. Mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người khác.**
- “5. Xoay tài lợi về mình.**
- “6. Ưa phanh phui lỗi người.**

“Đó là sáu tai hại về bạn xấu. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả làm bạn với kẻ ác mãi thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán.

“Này Thiện Sinh, lười biếng có sáu lỗi:

- “1. Khi giàu sang không chịu làm việc.**
- “2. Khi nghèo không chịu siêng năng.**
- “3. Lúc lạnh không chịu siêng năng.**
- “4. Lúc nóng không chịu siêng năng.**
- “5. Lúc sáng trời không chịu siêng năng.**
- “6. Lúc tối trời không chịu siêng năng.**

“Đó là sáu điều tai hại của sự lười biếng. Nếu trưởng giả hay con trưởng giả lười biếng mãi, thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán”.

**Nói như vậy xong, Phật làm bài tụng:
Người mê say rượu chè,
Lại có bè bạn rượu,
Tài sản đã tích lũy,
Liên theo mình tiêu tan;
Uống rượu không tiết độ;
Thường ưa ca, múa, nhảy,
Ngày rong chơi nhà người,
Nhân thế tự đọa lạc.
Theo bạn ác không sửa;
Phỉ báng ra nhà người.
Tà kiến bị người chê;
Làm xấu bị người truất.
Cờ bạc, đắm ngoại sắc;
Chỉ bàn việc hơn thua.
Bạn ác không sửa đổi,
Làm xấu bị người truất.
Bị rượu làm hoang mê;
Nghèo khó không tự liệu;
Tiêu xài chẳng tiếc của;
Phá nhà gây tai ương;
Đánh bạc, xúm uống rượu;
Lén lút vợ con người.
Tập quen nết bỉ ổi;
Như trăng về cuối tháng.
Gây ác phải chịu ác.
Chung làm cùng bạn ác;
Đời này và đời sau,
Rốt không đạt được gì.
Ngày thời ưa ngủ nghỉ,**

**Đêm thức những mơ tưởng,
Mê tối không bạn lành;
Chẳng gây nổi gia vụ.
Sáng chiều chẳng làm việc;
Lạnh, nóng lại biếng lười.
Làm việc không suy xét;
Trở lại uống công toi.
Nếu không kể lạnh nóng,
Sáng chiều siêng công việc,
Sự nghiệp chi chẳng thành;
Suốt đời khỏi âu lo”.**

Phật bảo Thiện Sinh:

“Có bốn hạng kẻ thù mà như người thân, người nên biết. Bốn kẻ ấy là những ai?

“1. Hạng úy phục.

“2. Hạng mỹ ngôn.

“3. Hạng kính thuận.

“4. Hạng ác hữu.

“Hạng úy phục thì thường hay làm bốn việc:

“1. Cho trước đoạt lại sau.

“2. Cho ít mong trả nhiều.

“3. Vì sợ gượng làm thân.

“4. Vì lợi gượng làm thân.

“Hạng mỹ ngôn thì thường hay làm bốn việc:

“1. Lành dữ đều chiêu theo.

“2. Gặp hoạn nạn thì xa lánh.

“3. Ngăn cản những điều hay.

“4. Thấy gặp nguy tìm cách đùn đẩy.

“Hạng kính thuận thì thường làm bốn việc:

“1. Việc trước dôi trá.

"2. Việc sau dôi trá.

"3. Việc hiện dôi trá.

"4. Thấy có một chút lỗi nhỏ đã vội trách phạt.

"Hạng bạn ác thì thường làm bốn việc: một, bạn lúc uống rượu; hai, bạn lúc đánh bạc; ba, bạn lúc dâm dật; bốn bạn lúc ca vũ".

Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, bèn làm một bài tụng:

Úy phục, gượng làm thân;

Hạng mỹ ngôn cũng thế.

Kính thuận, thân nhưng dôi.

Ác hữu là ác thân.

Bạn thế chớ tin cậy,

Người trí nên biết rõ.

Nên gấp rút lìa xa

Như tránh con đường hiểm.

Phật lại bảo Thiện Sinh:

"Có bốn hạng người thân đáng thân vì thường đem lại lợi ích và che chở. Những gì là bốn?

"1. Ngăn làm việc quấy.

"2. Thương yêu.

"3. Giúp đỡ.

"4. Đồng sự.

"Đó là bốn hạng người thân đáng thân cận.

"Này Thiện Sinh, hạng ngăn quấy thì thường làm bốn việc đem lại nhiều lợi ích và hay che chở:

"1. Thấy người làm ác thì hay ngăn cản.

"2. Chỉ bày điều chánh trực.

"3. Có lòng thương tưởng.

"4. Chỉ đường sinh Thiên.

"Đó là bốn trường hợp ngăn cản việc quấy đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

"Hạng thương yêu thì thường làm bốn việc:

"1. Mừng khi mình được lợi.

"2. Lo khi mình gặp hại.

"3. Ngợi khen đức tốt mình.

"4. Thấy mình nói ác thì tìm cách ngăn cản.

"Đó là bốn điều thương yêu đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

"Hạng giúp đỡ có bốn việc. Những gì là bốn? Đó là:

"1. Che chở mình khỏi buồn lung.

"2. Che chở mình khỏi hao tài vì buồn lung.

"3. Che chở mình khỏi sợ hãi.

"4. Khuyên bảo mình trong chỗ vắng người.

"Hạng đồng sự thì thường làm bốn việc:

"1. Không tiếc thân mạng với bạn.

"2. Không tiếc của cải với bạn.

"3. Cứu giúp bạn khỏi sợ hãi.

"4. Khuyên bảo bạn lúc ở chỗ vắng người".

Nói như vậy xong, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Bạn ngăn ngừa điều quấy,

Bạn từ mẫn thương yêu,

Bạn làm lợi ích bạn,

Bạn đồng sự với bạn.

Đó bốn hạng đáng thân,

Người trí đáng thân cận;

Thân hơn người thân khác,

Như mẹ hiền thân con.

Muốn thân người đáng thân;

Hãy thân bạn kiên cố.

Người bạn đủ giới hạnh,

Như lửa sáng soi người.

Phật lại bảo Thiện Sinh:

"Người nên biết ý nghĩa sáu phương. Sáu phương là gì?

"1. Phương Đông là cha mẹ.

"2. Phương Nam là sư trưởng.

"3. Phương Tây là thê thiếp.

"4. Phương Bắc là bạn bè thân thích.

"5. Phương Trên là các bậc Trưởng thượng, Sa-môn, Bà-la-môn.

"6. Phương Dưới là tôi tớ.

"Này Thiện Sinh, kẻ làm con phải kính thuận cha mẹ với năm điều. Những gì là năm?

"1.) Cung phụng không để thiếu thốn.

"2.) Muốn làm gì thưa cha mẹ biết.

"3.) Không trái điều cha mẹ làm.

"4.) Không trái điều cha mẹ dạy.

"5.) Không cản chánh nghiệp mà cha mẹ làm.

"Kẻ làm cha mẹ phải lấy năm điều này chăm sóc con cái:

"1. Ngăn con đừng để làm ác.

"2.) Chỉ bày những điều ngay lành.

"3.) Thương yêu đến tận xương tủy.

"4.) Chọn nơi hôn phối tốt đẹp.

"5.) Tùy thời cung cấp đồ cần dùng.

"Này Thiện Sinh, kẻ làm con kính thuận và cung phụng cha mẹ thế thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

"Đệ tử cung phụng sư trưởng có năm việc:

"1.) Hầu hạ cung cấp điều cần.

"2.) Kính lễ cúng dường.

"3.) Tôn trọng quý mến.

"4.) Thầy có dạy bảo điều gì không trái nghịch.

"5.) Thầy có dạy bảo điều gì nhớ kỹ không quên. Kẻ làm đệ tử cần phải thờ kính sư trưởng với năm điều ấy.

"Thầy cũng có năm điều để săn sóc đệ tử:

"1.) Dạy dỗ có phương pháp.

"2.) Dạy những điều chưa biết.

"3.) Giải nghĩa rành rõ những điều trò hỏi.

"4.) Chỉ cho những bạn lành.

"5.) Dạy hết những điều mình biết không lẫn tiếc.

"Này Thiện Sinh, nếu đệ tử kính thuận, cung kính sư trưởng, thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

"Này Thiện Sinh, chồng cũng phải có năm điều đối với vợ:

"1.) Lấy lễ đối đãi nhau.

"2.) Oai nghiêm không nghiệt.

"3.) Cho ăn mặc phải thời.

"4. Cho trang sức phải thời.

"5.) Phó thác việc nhà.

"Này Thiện Sinh, chồng đối đãi vợ có năm điều, vợ cũng phải lấy năm việc cung kính đối với chồng. Những gì là năm?

"1.) Dậy trước.

"2.) Ngồi sau.

"3.) Nói lời hòa nhã.

"4.) Kính nhường tùy thuận.

"5.) Đón trước ý chồng.

"Này Thiện Sinh, ấy là vợ đối với chồng cung kính đối đãi nhau, như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ.

"Này Thiện Sinh, người ta phải lấy năm điều thân kính đối với bà con:

"1.) Chu cấp.

"2.) Nói lời hiền hòa.

"3). Giúp đạt mục đích.

"4.) Đồng lợi .

"5.) Không khi dối.

"Bà con cũng phải lấy năm điều đối lại:

"1.) Che chở cho mình khỏi buông lung.

"2.) Che chở cho mình khỏi hao tài vì buông lung.

"3.) Che chở khỏi sự sợ hãi.

"4.) Khuyên răn nhau lúc ở chỗ vắng người.

"5.) Thường ngợi khen nhau.

"Này Thiện Sinh! Người biết thân kính bà con như vậy thì phương ấy được yên ổn không điều chi lo sợ.

"Này Thiện Sinh, chủ đối với tớ có năm điều để sai bảo:

"1.) Tùy khả năng mà sai sử.

"2.) Phải thời cho ăn uống.

"3.) Phải thời thưởng công lao.

"4.) Thuốc thang khi bệnh.

"5.) Cho có thời giờ nghỉ ngơi.

"Tôi tớ phải lấy năm điều phụng sự chủ :

"1.) Dậy sớm.

"2.) Làm việc chu đáo.

"3.) Không gian cấp.

"4.) Làm việc có lớp lang.

"5.) Bảo tồn danh giá chủ.

"Này Thiện Sinh, nếu chủ đối với tớ được như vậy thì phương ấy được an ổn không điều chi lo sợ.

"Kẻ đàn việt cung phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn với năm điều:

"1.) Thân hành từ.

"2.) Khẩu hành từ.

"3.) Ý hành từ.

"4.) Đúng thời cúng thí.

"5. Không đóng cửa khước từ.

"Sa-môn, Bà-la-môn cũng khuyên dạy theo sáu điều:

"1.) Ngăn ngừa chớ để làm ác.

"2.) Chỉ dạy điều lành.

"3.) Khuyến dạy với thiện tâm.

"4.) Cho nghe những điều chưa nghe.

"5. Những gì đã được nghe làm cho hiểu rõ.

"6. Chỉ vẽ con đường sanh Thiên.

"Này Thiện Sinh, nếu đàn việt kính phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ".

Đức Thế Tôn nói như vậy xong, lại làm một bài tụng:

Cha mẹ là phương Đông,

Sư trưởng là phương Nam,

Vợ chồng là phương Tây,

Thân tộc là phương Bắc,

Tôi tớ là phương Dưới,

Sa-môn là phương Trên.

Những người con trưởng giả

Kính lễ các phương ấy.

Thuận thảo không lỗi thời,

Khi chết được sanh Thiên.

Huệ thí, nói hòa nhã,

Giúp người đạt mục đích.

Lợi lộc chia đồng đều,

Mình có cho người hưởng.

Bốn việc ấy như xe,

Chở tất cả nặng nề.

Đời không bốn việc ấy,

Sẽ không có hiếu dưỡng.

Bốn việc ấy ở đời,

Được người trí chọn lựa.

Làm thời kết quả lớn,

Tiếng tốt đồn vang xa.

Trang sức chỗ nằm ngồi,

**Dọn thức ăn bậc nhất,
Đề cấp bậc xứng đáng,
Tiếng tốt đồn vang xa.
Không bỏ người thân cũ;
Chỉ bày việc lợi ích;
Trên dưới thường hòa đồng,
Tất được danh dự tốt.
Trước hãy tập kỹ nghệ,
Sau mới có tài lợi.
Khi có tài lợi rồi,
Hãy khéo lo gìn giữ.
Tiêu dùng đừng xa xỉ;
Hãy lựa người làm thân.
Hạng lừa dối, xung đột;
Thà chẳng nên đến gần.
Của đồn từ khi ít;
Như ong góp nhụy hoa.
Tài bảo ngày chứa đồn,
Trọn đời không hao tổn.
Một, ăn biết vừa đủ;
Hai, làm việc siêng năng;
Ba, lo đồn chứa trước,
Đề phòng khi thiếu hụt;
Bốn, cày ruộng buôn bán,
Và lựa đất chăn nuôi;
Năm, xây dựng tháp miếu;
Sáu, lập tăng phòng xá.
Tại gia sáu việc ấy,
Siêng lo chớ lỗi thời.
Ai làm được như thế**

**Thời nhà khoi sa sút,
Tài sản ngày một thêm,
Như trăm sông về biển.**

Bấy giờ Thiện Sinh bạch Phật:

“Lành thay, bạch Thế Tôn! Thật quá chỗ mong ước của con xưa nay, vượt xa những lời dạy của cha con. Như lật ngửa những gì bị úp xuống; như mở ra những gì bị đóng kín; như người mê được tỏ, đang ở trong nhà tối được gặp đèn, có mắt liền thấy. Những gì được Như Lai thuyết giảng cũng như thế; bằng vô số phương tiện khai ngộ cho kẻ ngu tối; làm rõ pháp thanh bạch. Phật là Đức Như Lai, Bạc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, do đó có thể chỉ bày, hướng dẫn cho đời. Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi xin Đức Thế Tôn chấp thuận cho con được làm Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu”.

Bấy giờ, Thiện Sinh sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Trường A Hàm

KINH THANH TỊNH

HT. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH THANH TỊNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Ca-duy-la-vệ, trong khu rừng của Ưu-bà-tắc Miến-kỳ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, có Sa-di Châu-na, ở tại nước Ba-ba, sau an cư mùa hạ, cầm y bát, đi lần đến nước Ca-duy-la-vệ, trong vườn Miến-kỳ; đến chỗ A-nan, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch A-nan rằng:

“Có Ni-kiền Tử trong thành Ba-ba, chết chưa bao lâu, mà các đệ tử của ông đã chia làm hai phe. Họ tranh chấp nhau, trực diện mắng chửi nhau, không còn phân biệt trên dưới; tìm tòi khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau rằng: Ta có thể biết điều này; người không thể biết điều này. Hành động của ta chân chính, còn người là tà kiến. Người đặt cái trước ra sau; để cái sau ra trước; điên đảo, thác loạn, không có phép tắc. Những điều ta làm thật là vi diệu. Những điều người nói thì sai lầm. Người có điều gì nghi ngờ, cứ hỏi ta. Bạch Đại đức A-nan, bây giờ, những người thờ Ni-kiền Tử trong nước này nghe những tranh tụng như vậy sinh lòng chán ghét”.”

A-nan nói với Sa-di Châu-na:

“Ta có điều muốn bạch Thế Tôn. Người hãy đi với ta, trình bày Thế Tôn về sự việc này. Nếu Thế Tôn có răn dạy điều gì, chúng ta hãy cùng phụng hành”.”

Rồi thì, Sa-di Châu-na sau khi nghe A-nan nói bèn cùng đi theo đến chỗ Thế Tôn. Sau khi cúi lạy dưới chân Thế Tôn, bèn đứng sang một bên. Lúc bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Sa-di Châu-na này, sau an cư mùa hạ ở nước Ba-ba, cầm y bát, đi lần đến đây. Sau khi đánh lễ dưới chân con, nói với con rằng: Có Ni-kiền Tử trong thành Ba-ba, chết chưa bao lâu, mà các đệ tử của ông đã chia làm hai phe. Họ tranh chấp nhau, trực diện mắng chửi nhau, không còn phân biệt trên dưới; tìm tòi khuyết điểm của nhau, ganh đua kiến thức với nhau rằng: Ta có thể biết điều này; người không thể biết điều này. Hành động của

ta chân chính, còn người là tà kiến. Người đặt cái trước ra sau; để cái sau ra trước; điên đảo, thác loạn, không có phép tắc. Những điều ta làm thật là vi diệu. Những điều người nói thì sai lầm. Người có điều gì nghi ngờ, cứ hỏi ta. Bây giờ, những người thờ Ni-kiền Tử trong nước này nghe những tranh tụng như vậy sinh lòng chán ghét.”.

Thế Tôn nói với Châu-na:

“Quả vậy, Châu-na, trong phi pháp ấy không có gì đáng để nghe. Đó không phải là những điều được nói bởi Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác. Cũng như ngôi tháp đổ nát, khó có thể bôi màu. Kia tuy có thầy, nhưng thầy đều ôm giữ tà kiến. Tuy có pháp, nhưng thầy đều không chân chánh, không đáng để nghe theo, không có khả năng xuất ly, không phải là những điều được nói bởi Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác. Cũng như ngôi tháp đổ nát không thể bôi màu vậy.

“Trong số các đệ tử của vị ấy có người không thuận theo pháp ấy, dứt bỏ tà kiến ấy, đi theo chánh kiến. Châu-na, nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: Nay chư Hiền, pháp của thầy ông là chân chánh, nên tu hành trong pháp ấy, sao lại bỏ đi? Nếu người đệ tử này mà tin lời ấy, thì cả hai đều thất đạo, mắc tội vô lượng. Vì sao vậy? Kia tuy có pháp, nhưng không chân chánh.

“Châu-na, nếu thầy không tà kiến và pháp ấy chân chánh, có thể khéo léo nghe theo, có khả năng xuất yếu, là pháp được nói bởi Đấng Chánh Biến Tri. Cũng như ngôi tháp mới có thể dễ dàng bôi màu. Nhưng nếu các đệ tử, ở trong pháp ấy, không tinh cần tu tập, không thể thành tựu, bỏ con đường bình đẳng, đi vào tà kiến. Nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: Nay chư Hiền, pháp của thầy các người là chân chánh, nên ở trong đó mà tu hành, sao lại bỏ đi mà đi vào tà kiến? Các đệ tử ấy nếu tin lời ấy, thì cả hai đều thấy chân chánh, được phước vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp ấy chân chánh”.

Phật bảo Châu-na:

“Kia tuy có thầy, nhưng ôm giữ tà kiến. Tuy cũng có pháp, nhưng thầy đều không chân chánh, không có khả năng xuất yếu, không phải là pháp được thuyết bởi Đấng Chánh Biến Tri. Cũng như ngôi tháp đổ nát không thể bôi màu. Các đệ tử kia thành tựu pháp và tùy pháp, tùy thuận theo mà tu hành, nhưng lại khởi tà kiến. Châu-na, nếu có người đến nói đệ tử ấy rằng: Pháp của thầy

người là chân chánh. Điều người làm là đúng. Nay người tu hành cần khổ như vậy, có thể ở trong đời này người sẽ thành tựu đạo quả. Các đệ tử kia tin lời ấy, thì cả hai đều thất đạo, mắc tội vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp không chân chánh vậy.

“Này Châu-na, nếu bậc thầy không tà kiến; Pháp của vị ấy chân chánh, có thể khéo léo nghe theo, có khả năng xuất ly, là pháp được thuyết bởi Đấng Chánh Biến Tri. Cũng như ngôi tháp mới thì dễ bôi màu. Nay đệ tử của vị ấy thành tựu pháp và tùy pháp, tùy thuận tu hành mà sanh chánh kiến. Nếu có người đến nói với các đệ tử ấy rằng: Pháp của thầy người là chân chánh. Sở hành của người là đúng. Nay cần khổ tu hành như vậy, có thể ở trong đời này mà thành tựu đạo quả. Các đệ tử kia tin lời ấy, cả hai đều chánh kiến, được phước vô lượng. Vì sao vậy? Vì pháp ấy chân chánh.

“Này Châu-na, hoặc có bậc Đạo sư xuất thế khiến cho các đệ tử buồn rầu. Hoặc có Đạo sư xuất thế khiến các đệ tử không buồn rầu.

“Thế nào là Đạo sư xuất thế khiến các đệ tử sinh buồn rầu?

“Này Châu-na! Đạo sư mới xuất hiện thế gian, thành đạo chưa lâu, pháp của vị ấy đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, như thật chơn yếu nhưng không được phân bố rộng khắp, rồi vị Đạo sư ấy lại chóng diệt độ. Các đệ tử vì thế không được tu hành, thấy đều buồn rầu mà nói rằng: Thầy vừa mới xuất thế, thành đạo chưa lâu, pháp của Thầy đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, như thật chơn yếu, nhưng rốt cùng lại không được phân bố rộng khắp, mà nay Đạo sư lại nhanh chóng diệt độ, khiến cho đệ tử chúng ta không được tu hành. Đây là có vị Đạo sư xuất thế nhưng đệ tử lại ưu sầu.

“Thế nào là Đạo sư xuất thế, đệ tử không ưu sầu?

“Có vị Đạo sư xuất thế, Pháp của vị ấy thanh tịnh, đầy đủ phạm hạnh, như thật chơn yếu, lại được lưu bố rộng rãi, rồi sau đó mới vào diệt độ. Các đệ tử vì thế mà được tu hành, không ưu sầu, mà nói rằng: Thầy mới xuất hiện thế gian, thành đạo chưa lâu, pháp của Thầy thanh tịnh, đầy đủ phạm hạnh, như thật chơn yếu lại được lưu bố rộng rãi, rồi sau đó mới vào diệt độ, khiến cho đệ tử chúng ta thấy đều được tu hành. Này Châu-na, như vậy, Đạo sư xuất thế, đệ tử không ưu sầu”.

Phật lại bảo Châu-na:

“Với chi này mà phạm hạnh thành tựu. Đó là, Đạo sư xuất thế, xuất gia chưa bao lâu, danh tiếng chưa rộng, đó gọi là phạm hạnh chi chưa đầy đủ. Nay Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng rãi, đó gọi là chi phạm hạnh đầy đủ.

“Này Châu-na, Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng, nhưng các đệ tử chưa nhận được sự dạy dỗ, chưa đầy đủ phạm hạnh, chưa đến nơi an ổn, chưa đạt được mục đích của mình, chưa thể phân bố diễn thuyết pháp đã được thọ lãnh; nếu có dị luận nổi lên thì không thể như pháp mà diệt, chưa chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Đó gọi là chi phạm hạnh chưa đầy đủ.

“Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng, mà các đệ tử thấy đều chịu giáo huấn, phạm hạnh đầy đủ, đã đến nơi an ổn, đã đạt được mục đích của mình, lại có thể phân biệt diễn thuyết pháp được lãnh thọ; nếu có dị luận khởi thì có thể như pháp mà diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa đầy đủ. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ.

“Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia chưa lâu, danh tiếng chưa rộng, các Tỳ-kheo-ni chưa nhận được sự dạy dỗ, chưa đến chỗ an ổn, chưa đạt được mục đích của mình, chưa thể phân bố diễn thuyết pháp đã được lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên chưa thể như thật diệt trừ bằng chánh pháp, chưa chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Đó là chi phạm hạnh chưa đầy đủ.

“Này Châu-na! Đạo sư xuất thế, xuất gia đã lâu, danh tiếng đã rộng, các Tỳ-kheo-ni thấy đều nhận được giáo huấn, phạm hạnh đầy đủ, đã đến nơi an ổn, có thể phân biệt diễn thuyết pháp đã lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên thì như pháp mà trừ diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ.

“Này Châu-na! Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rộng tu phạm hạnh,... cho đến đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa, cũng vậy.

“Này Châu-na, nếu Đạo sư không còn ở đời, không có danh tiếng, sự lợi dưỡng tổn giảm. Đó là chi phạm hạnh không đầy đủ. Nếu Đạo sư tại thế, danh tiếng và lợi dưỡng đều có đủ, không có tổn giảm; đó là chi phạm hạnh đầy đủ.

“Nếu Đạo sư còn ở đời, danh tiếng và lợi dưỡng thầy đều đầy đủ, nhưng các Tỳ-kheo không thể đầy đủ danh tiếng và lợi dưỡng. Đó là chi phạm hạnh không đầy đủ.

“Nếu Đạo sư tại thế, danh tiếng và lợi dưỡng đầy đủ không tổn giảm, chúng các Tỳ-kheo cũng đầy đủ như vậy. Đó là chi phạm hạnh đầy đủ. Chúng Tỳ-kheo-ni cũng vậy.

“Châu-na, Ta xuất gia đã lâu, danh tiếng rộng xa, các Tỳ-kheo của Ta đã nhận lãnh giáo huấn, đã đến chỗ an ổn, đã tự mình đạt được mục đích, lại có thể nói cho người khác pháp đã lãnh thọ; nếu có dị luận khởi lên có thể như pháp mà diệt, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cũng vậy.

“Châu-na, Ta đã lưu bố rộng rãi phạm hạnh,... cho đến, đã chứng đắc thần thông có khả năng biến hóa.

“Này Châu-na! Hết thầy Đạo sư trong thế gian, không thấy có ai có danh tiếng và lợi dưỡng như Ta, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

“Này Châu-na, hết thầy đồ chúng có trong thế gian, không thấy ai có danh tiếng và lợi dưỡng như chúng của Như Lai.

“Châu-na, nếu muốn nói cho chân chánh, thì nên nói thấy mà không thấy. Thế nào là thấy mà không thấy? Hết thầy phạm hạnh thanh tịnh cụ túc, đã được tuyên thuyết, được lưu bố hiển thị. Đó gọi là thấy mà không thấy”.

Rồi thì, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Uất-đầu-lam Tử, ở giữa đại chúng, nói như vậy: Thấy mà không thấy. Thế nào là thấy mà không thấy? Như có thể thấy con dao nhưng không thể thấy sự bén nhọn. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chỉ dẫn lời nói không nhận thức của phàm phu mà ví dụ. Như vậy, này Châu-na, nếu muốn nói một cách chân chánh, nên nói: Thấy mà không thấy. Thế nào là thấy mà không thấy? Người cần phải nói một cách chân chánh rằng: Hết thầy phạm hạnh thanh tịnh đầy đủ, được tuyên thị, lưu bố. Đó là thấy mà không thấy.

“Này Châu-na, pháp tương tục kia không đầy đủ nhưng có thể đạt được. Pháp không tương tục kia tuy đầy đủ nhưng không thể đạt được. Này Châu-na, phạm hạnh trong các pháp, là đề hồ trong các thứ tô lạc”.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta đối với pháp này tự thân tác chứng. Đó là bốn niệm xứ, bốn thần túc, bốn ý đoạn, bốn thiên, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám đạo Hiền thánh. Các người tất cả hãy cùng hòa hợp chớ sanh tranh chấp. Cùng theo học một Thầy, cũng như nước và sữa hòa một; ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự thắp sáng cho mình, nhanh chóng được an lạc. Sau khi đã được an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào, trong lúc có Tỳ-kheo đang thuyết pháp, mà nói rằng: Điều được nói của vị kia, văn cú không chánh; nghĩa lý không chánh. Tỳ-kheo nghe như thế không nên nói đây là đúng, cũng không nên nói đây là sai, mà hãy nói với Tỳ-kheo ấy rằng: Thế nào, chư Hiền? Câu của tôi như vậy. Câu của các ngài như vậy. Nghĩa của tôi như vậy. Nghĩa của các ngài như vậy. Cái nào hơn? Cái nào thua? Nếu Tỳ-kheo kia nói rằng: Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Nghĩa của tôi như vậy. Nghĩa của ngài như vậy. Câu của ngài hơn. Nghĩa của ngài cũng hơn. Tỳ-kheo kia nói vậy, nhưng cũng chớ cho là đúng, cũng chớ cho là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyến cáo hãy từ bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy, cùng nhau hòa hợp, chớ sanh tranh chấp. Cùng một Thầy học, như sữa và nước hợp nhất; ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thắp sáng, chóng được an lạc.

“Sau khi đã an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy: Điều mà vị ấy nói, văn cú không chánh, nhưng nghĩa thì chánh. Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói đây là đúng, cũng không nên nói đây là sai, mà nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: Thế nào, Tỳ-kheo? Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu nào đúng? Câu nào sai? Nếu Tỳ-kheo ấy nói: Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu của ngài hơn. Tỳ-kheo kia nói như vậy, nhưng cũng không nên nói đây là đúng, cũng không nên nói thế là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyến cáo hãy dứt bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy tất cả cùng hòa hợp, chớ sanh tranh chấp, đồng một Thầy học, như nước sữa hợp nhất, ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thắp sáng, nhanh chóng được an lạc.

“Sau khi đã an lạc, nếu có Tỳ-kheo nào trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy: Điều mà vị kia nói, văn cú chánh, nhưng nghĩa không chánh. Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói đây là đúng, cũng không nên nói đây là sai, mà nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: Thế nào, Tỳ-kheo? Câu của tôi như vậy. Câu

của ngài như vậy. Câu nào đúng? Câu nào sai? Nếu Tỳ-kheo ấy nói: Câu của tôi như vậy. Câu của ngài như vậy. Câu của ngài hơn. Tỳ-kheo kia nói như vậy, nhưng cũng không nên nói đây là đúng, cũng không nên nói thế là sai, mà nên can gián Tỳ-kheo ấy, nên khuyên cáo hãy dứt bỏ, hãy cùng suy cầu. Như vậy tất cả cùng hòa hợp, chớ sanh tranh chấp, đồng một Thầy học, cùng hòa hợp như nước với sữa, ở trong Chánh pháp của Như Lai, hãy tự mình thắp sáng, chóng được an lạc.

“Sau khi được an lạc, nếu có Tỳ-kheo trong khi có Tỳ-kheo đang thuyết pháp mà nói như vậy Điều được thuyết kia, văn cú chánh, nghĩa chánh. Tỳ-kheo nghe như vậy, không nên nói là sai, mà hãy nên khen ngợi Tỳ-kheo ấy rằng: Điều ngài nói là đúng. Điều ngài nói là đúng. Vì vậy, này Tỳ-kheo, trong mười hai bộ kinh hãy tự mình chứng nghiệm, rồi lưu bố rộng rãi. Một là Quán kinh. Hai là Kỳ dạ kinh. Ba là Thọ ký kinh. Bốn là Kệ kinh. Năm là Pháp cú kinh. Sáu là Tương ưng kinh. Bảy là Bốn duyên kinh. Tám là Thiên bốn kinh. Chín là Quảng kinh. Mười là Vị tăng hữu kinh. Mười một là Thí dụ kinh. Mười hai là Đại giáo kinh. Các người hãy khéo thọ trì, hãy tùy năng lực mà suy xét, phân bố rộng rãi.

“Này các Tỳ-kheo, y mà Ta quy định, hoặc y lấy từ bãi tha ma, hoặc y của trưởng giả, hoặc y xấu hèn; các thứ y ấy đủ để che nóng che lạnh, muỗi mòng; đủ để trùm kín bốn chi thể.

“Này các Tỳ-kheo, ẩm thực mà Ta quy định, hoặc thực phẩm do khát thực, hoặc từ cư sĩ; các loại thực phẩm ấy đủ no. Nếu thân thể khổ não, các bệnh hoạn bức thiết mình, sợ rằng có thể vì thế mà chết, cho nên Ta cho phép các loại thực phẩm ấy, để tri túc mà thôi.

“Này các Tỳ-kheo, trú xứ mà Ta quy định, hoặc dưới gốc cây, hoặc chỗ trống, hoặc trong phòng, hoặc trên lầu gác, hoặc trong hang, hoặc tại các trú xứ khác; các trú xứ ấy đủ để ngăn che nóng lạnh, che nắng, che mưa, muỗi mòng, cho đến chỗ vắng vẻ để nghỉ ngơi.

“Này các Tỳ-kheo, thuốc men mà Ta quy định, hoặc đại tiểu tiện, hoặc đầu, hoặc mật; các thứ thuốc ấy tự đủ, nếu thân thể phát sanh đau nhức, các thứ bệnh hoạn bức thiết mình, sợ rằng có thể chết, cho nên Ta quy định các thứ thuốc ấy”.

Phật lại nói:

“Hoặc có Phạm chí ngoại đạo đến nói: Sa-môn Thích tử hưởng thụ các thứ hoan lạc. Nếu có người nói như vậy, nên trả lời rằng: Người chớ nói như vậy, rằng Sa-môn Thích tử ham hưởng thụ các thứ hoan lạc. Vì sao? Có thứ lạc nếu hưởng thụ thì bị Như Lai chê trách. Có thứ lạc nếu hưởng thụ thì được Như Lai khen ngợi. Nếu Phạm chí ngoại đạo hỏi: Thứ lạc nào mà nếu hưởng thụ thì bị Cù-đàm chê trách? Nếu có hỏi như vậy, nên trả lời rằng: Năm phẩm tính của dục, đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Thế nào là năm? Mắt nhận thức sắc, đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc cảm, đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Đây chư Hiền, do duyên là năm dục mà sanh hỷ lạc; đó là điều mà Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác chê trách. Cũng như có người cố tình sát hại chúng sanh, tự cho thế là hoan lạc; đó là điều mà Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác chê trách. Cũng như có người lén lút trộm cắp của người, cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng như có người xâm phạm tịnh hạnh của người khác, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng như có người cố ý nói dối, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách. Cũng có người sống phóng đãng buông thả; đó là điều Như Lai chê trách. Cũng có người hành khổ hạnh bề ngoài, không phải là hành chân chánh mà Như Lai dạy, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều Như Lai chê trách.

“Đây các Tỳ-kheo, năm phẩm chất của dục vốn đáng chê trách, mà mọi người tham đắm. Những gì là năm? Mắt nhận biết sắc, đáng ưa đáng thích, là cái mà con người tham đắm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, đáng ưa đáng thích, mọi người tham đắm. Sa-môn Thích tử không tán đồng những thứ khoái lạc như vậy. Cũng như có người cố ý sát sanh, cho đó là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng khoái lạc như vậy. Cũng như có người trộm cắp, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng những thứ khoái lạc như vậy. Cũng như có người phạm tịnh hạnh, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng khoái lạc như vậy. Cũng như có người phóng đãng buông trôi, cho thế là lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng khoái lạc như vậy. Cũng như có người hành khổ hạnh bề ngoài, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không tán đồng khoái lạc như vậy.

“Nếu có Phạm chí ngoại đạo hỏi như vậy: Thứ lạc hưởng thụ nào mà Sa-môn Thích tử khen ngợi? Nay các Tỳ-kheo, nếu người kia có nói như vậy, các người nên trả lời rằng: Nay chư Hiền, năm phẩm chất của dục, đáng ưa đáng thích, được người đời tham đắm. Những gì là năm? Mắt biết sắc,...., cho đến, thân biết xúc, đáng ưa đáng thích, được người đời tham đắm. Nay chư Hiền, do nhân duyên là năm dục mà sanh lạc, nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người cố ý sát sanh, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc như thế, nên nhanh chóng diệt trừ. Có người trộm cắp, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người phạm tịnh hạnh, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên chóng diệt trừ. Cũng như có người phóng đảng buông trôi, tự cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên nhanh chóng diệt trừ. Cũng như có người hành khổ hạnh bề ngoài, cho thế là khoái lạc. Thứ lạc ấy nên chóng diệt trừ. Cũng như có người ly dục, lìa bỏ pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do ly dục, nhập Sơ thiên. Lạc như thế là điều Phật khen ngợi. Cũng như có người diệt giác quán, nội tâm hoan hỷ, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, nhập Nhị thiên. Lạc như thế được Phật khen ngợi. Cũng như có người trừ hỷ, nhập xả, tự biết thân lạc, là điều mà Hiền thánh mong cầu, có xả niệm, nhất tâm, nhập đệ Tam thiên. Lạc như thế được Phật khen ngợi. Lạc hết, khổ hết, ưu và hỷ trước đã diệt, không khổ không lạc, hộ niệm thanh tịnh, nhập đệ Tứ thiên. Lạc như vậy được Phật khen ngợi.

“Nếu có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: Trong lạc ấy, các người tìm phẩm chất gì? Nên trả lời rằng: Lạc ấy sẽ đưa đến phẩm chất của bảy quả. Những gì là bảy? Ngay trong đời này, chứng đắc Thánh đạo. Giả sử chưa chứng, sau khi chết, sẽ chứng đắc Thánh đạo. Nếu trong khi chết mà chưa chứng đắc, thì sẽ đoạn trừ năm hạ phần kết, sẽ chứng đắc Trung bát Niết-bàn, Sanh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn. Nay chư Hiền, như vậy lạc ấy có bảy phẩm chất. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo đang ở bậc học địa mà muốn hưởng thượng, tìm cầu chỗ an ổn, nhưng chưa trừ năm triền cái. Những gì là năm? Tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thùy miên triền cái, trạo hỷ triền cái, nghi triền cái. Tỳ-kheo hữu học kia muốn cầu hưởng thượng, tìm chỗ an ổn, nhưng chưa diệt trừ năm triền cái, đối với bốn niệm xứ không hay tinh cần, đối với bảy giác ý không hay tinh cần, lại muốn chứng được pháp thượng nhân, trí

tuệ tăng thượng của Hiền thánh, mong cầu muốn biết, muốn thấy, không có trường hợp ấy.

“Chư Hiền, Tỳ-kheo hữu học muốn cầu hưởng thượng, tìm cầu chỗ an ổn, mà có thể diệt trừ năm triền cái là tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thụy miên triền cái, trạo hý triền cái, nghi triền cái, đối với bốn niệm xứ lại hay tinh cần, đối với bảy giác ý như thật tu hành, vị ấy muốn được pháp thượng nhân, trí tuệ tăng thượng của Hiền thánh, muốn biết muốn thấy, có trường hợp như vậy.

“Chư Hiền, có Tỳ-kheo là lậu tận A-la-hán, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch các kết sử của hữu, với chánh trí đã giải thoát; vị ấy không làm chín việc. Những gì là chín? Một là không giết. Hai là không lấy trộm. Ba là không dâm. Bốn là không nói dối. Năm, không xả đạo . Sáu, không bị dục chi phôi. Bảy, không bị sân chi phôi. Tám, không bị sợ hãi chi phôi. Chín, không bị nghi chi phôi. Chư Hiền, ấy là vị lậu tận A-la-hán đã làm xong điều cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch kết sử của hữu, chánh trí giải thoát, xa lìa chín sự.

“Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ. Nên trả lời vị ấy rằng: Chư Hiền, chớ nói như vậy, rằng Sa-môn Thích tử có pháp bất trụ. Vì sao vậy? Pháp của Sa-môn Thích tử là thường trụ, không bị dao động. Cũng như ngưỡng cửa thường trụ không động. Pháp của Sa-môn Thích tử cũng vậy, thường trụ không di động.

“Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: Sa-môn Cù-đàm biết suốt việc trong đời quá khứ, nhưng không biết việc trong đời vị lai. Tỳ-kheo kia, cùng Phạm chí dị học kia, trí tuệ khác nhau, trí quán cũng khác, nên lời nói hư dối. Như Lai đối với việc quá khứ kia, không gì không thấy biết, rõ như ở trước mắt. Đối với đời vị lai, Như Lai có trí tuệ phát sanh từ đạo. Việc trong đời quá khứ vốn hư dối không thật, không đáng vui thích, không lợi ích gì, Như Lai không ghi nhận. Hoặc việc quá khứ có thật, nhưng không đáng ưa thích, không ích lợi gì, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, nhưng không lợi ích, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, có lợi ích, Như Lai biết suốt, sau đó mới ghi nhận. Vị lai, hiện tại, cũng vậy.

“Như Lai đối với quá khứ, vị lai, hiện tại, nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, có lợi, nói đúng pháp, đúng luật, không có lời hư dối. Phật từ đêm đầu tiên thành Vô thượng Chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa, có nói điều gì, thấy đều như thật; do đó gọi là Như Lai.

“Lại nữa, những điều Như Lai nói đúng như sự; sự đúng như lời; do đó gọi là Như Lai.

“Do nghĩa gì mà gọi là Đẳng Chánh Giác? Những gì mà Phật thấy biết, diệt trừ, giác ngộ, Phật thấy đều giác ngộ, biết rõ, nên gọi là Đẳng Chánh Giác.

“Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: Thế gian thường còn. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều là hư dối. Hoặc có người lại nói: Thế gian này là vô thường. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối. Hoặc có người lại nói: Thế gian vừa thường vừa vô thường. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối. Hoặc có người nói: Thế gian không phải thường, không phải vô thường. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra là hư dối.

“Hoặc có người nói: Thế gian hữu biên. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối. Hoặc có người nói: Thế gian vô biên. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối. Hoặc có người nói: Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối. Hoặc nói: Thế gian không phải hữu biên không phải vô biên. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều hư dối.

“Hoặc nói: Chính mạng tức là thân. Duy chỉ điều này là thật; ngoài ra đều dối. Hoặc nói: Mạng không phải là thân. Đây là thật; ngoài ra là dối. Hoặc nói: Mạng khác thân khác. Đây là thật; ngoài ra là dối. Hoặc nói: Không phải mạng khác thân khác. Đây là thật; ngoài ra là dối.

“Hoặc nói: Như Lai có cuối cùng. Đây là thật, ngoài ra là dối. Hoặc nói: Như Lai không có cuối cùng. Đây là thật còn ngoài ra là dối. Hoặc nói: Như Lai vừa có cuối cùng vừa không có cuối cùng, đây là thật còn ngoài ra là dối. Hoặc nói: Như Lai không phải có cuối cùng cũng không phải không có cuối cùng, đây là thật còn ngoài ra là dối.

“Những ai có quan điểm như vậy, gọi là bốn sanh bốn kiến. Nay ta ghi nhận cho người rằng: Thế gian là thường còn... cho đến, Như Lai không phải có cuối cùng cũng không phải không có

cuối cùng. Đây là thật còn ngoài ra là dối. Đó là bốn kiến bốn sanh. Hãy ghi nhớ lấy.

“Gọi là: Mạt kiếp mạt sanh. Ta cũng ghi nhận. Những gì là mạt kiếp mạt sanh được ta ghi nhận? Sắc là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng; đây là thật còn ngoài ra là dối. Vô sắc là ta, tùy theo tướng có cuối cùng. Vừa có sắc vừa vô sắc là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Không phải có sắc không phải không sắc là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta là hữu biên, ta là vô biên, ta vừa hữu biên vừa vô biên, ta không phải hữu biên cũng không phải vô biên, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta có lạc, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta không có lạc, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta vừa có khổ vừa có lạc, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta không khổ cũng không lạc, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Một tướng là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Nhiều tướng là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ít tướng là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Vô lượng tướng là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Đây là thật ngoài ra là dối. Đó là tà kiến bốn kiến bốn sanh, được Ta ghi nhận.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, có luận như vậy, có kiến như vậy: thế gian này thường còn, đây là thật, ngoài ra là dối... cho đến, vô lượng tướng là ta, đây là thật, ngoài ra là dối. Sa-môn, Bà-la-môn kia, lại nói như vậy, thấy như vậy: Đây là thật ngoài ra là hư dối. Nên trả lời người ấy rằng: Có phải người chủ trương rằng, thế giới này là thường còn; đây là thật còn ngoài ra là dối? Lời nói như vậy Phật không chấp nhận. Vì sao? Trong các kiến giải đó mỗi thứ đều có kết sử. Ta lấy lý mà suy, trong các Sa-môn, Bà-la-môn, không ai bằng Ta, huống hồ muốn hơn Ta. Các tà kiến như vậy chỉ có nơi lời nói mà thôi, không đáng cùng bàn luận... Cho đến vô lượng tướng là ta, cũng vậy.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Thế gian này tự tạo. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói: Thế gian này cái khác tạo. Hoặc nói: Vừa tự tạo vừa cái khác tạo. Hoặc nói: Không phải tự tạo cũng không phải cái khác tạo nhưng ngẫu nhiên mà có. Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng thế gian là tự tạo thì các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đều nhân bởi nhân duyên là xúc. Nếu là xúc là nhân mà có thể nói được; không có trường hợp ấy. Vì sao? Do sáu nhập thân mà phát sanh xúc. Do xúc mà sanh thọ. Do thọ mà sanh ái. Do ái mà sanh thủ. Do thủ mà sanh hữu. Do hữu mà sanh sanh. Do sanh mà có già, chết, ưu, buồn, khổ não, khối lớn khổ

đau. Nếu không có sáu nhập, thì không có xúc. Không có xúc thì không có thọ. Không có thọ thì không có ái. Không có ái thì không có thủ. Không có thủ thì không có hữu. Không có hữu thì không có sanh. Không có sanh thì không có già, chết, ưu, buồn, khổ não, khối lớn khổ đau.

“Lại nói, thế gian này do cái khác tạo; lại nói, thế gian này vừa tự tạo vừa do cái khác tạo; lại nói, thế gian này không phải tự tạo cũng phải do cái khác tạo, nhưng ngẫu nhiên mà có; cũng vậy. Nhân xúc mà có, không có xúc thì không”.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu muốn diệt trừ các quan điểm tà ác ấy, nên tu ba hành đối với Bốn niệm xứ. Thế nào Tỳ-kheo diệt trừ các tà ác, nên tu ba hành với Bốn niệm xứ? Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thọ, ý, pháp, cũng vậy. Đó là muốn diệt trừ ba hành đối với Bốn niệm xứ.

“Có tám giải thoát. Những gì là tám? Có sắc, quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc là giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát là giải thoát thứ ba. Vượt sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, trú không xứ là giải thoát thứ tư. Xả không xứ trú thức xứ là giải thoát thứ năm. Xả thức xứ, trú bất dụng xứ là giải thoát thứ sáu. Xả bất dụng xứ, trú hữu tưởng vô tưởng xứ là giải thoát thứ bảy. Diệt tận định, giải thoát thứ tám”.”

Bấy giờ, A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt quạt Phật, bèn trích áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay bạch Phật rằng:

“Kỳ diệu thay, Thế Tôn. Pháp này thanh tịnh, vi diệu bậc nhất, nên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Kinh này gọi là là “Thanh tịnh”. Người hãy phụng trì như thế”.”

Bấy giờ, A-nan sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH
Tự Hoan Hỷ



HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch

TRƯỜNG A HÀM

KINH TỰ HOAN HỖ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Na-nan-đà, trong rừng Ba-ba-lỵ-am-bà, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ Trường lão Xá-lợi-phất đang ở nơi nhàn tĩnh, thâm tự suy nghĩ rằng:

“Ta biết với tâm quyết định rằng các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.”

Rồi Xá-lợi-phất rời khỏi tịnh thất, đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

“Vừa rời ở tịnh thất, con thâm tự nghĩ rằng: Các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Lành thay, lành thay, người có thể trước Phật mà nói lời như vậy. Với tin tưởng xác quyết, người thật sự cất tiếng rống sư tử. Các Sa-môn, Bà-la-môn không ai bằng người được. Thế nào, Xá-lợi-phất, người có thể biết những điều được nhớ nghĩ trong tâm của chư Phật quá khứ chăng? Biết Đức Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường như vậy chăng?”

Đáp rằng: “Không biết”.

“Thế nào, Xá-lợi-phất, người có thể biết những điều được nhớ nghĩ trong tâm của chư Phật đương lai chăng? Biết Đức Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường như vậy chăng?”

Đáp rằng: “Không biết”.

“Thế nào, Xá-lợi-phất, nay, như Ta, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, những gì được nhớ nghĩ trong tâm, có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường như vậy, người có thể biết được chăng?”

Đáp rằng: “Không biết”.

Phật lại bảo Xá-lợi-phất:

“Người không thể biết những điều được nhớ nghĩ trong tâm của Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại, vì sao người lại suy nghĩ một cách xác quyết như thế? Nhân bởi sự kiện gì mà người phát sinh ý nghĩ như vậy, với tin tưởng xác quyết, cất tiếng rống sư tử? Nhưng các Sa-môn, Bà-la-môn khác nghe người nói: Ta biết với tâm quyết định rằng các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai, họ sẽ không tin lời người.”

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

“Con tuy không thể biết những điều suy nghĩ trong tâm của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại; nhưng con có thể biết pháp tổng tướng của Phật. Như Lai thuyết pháp cho con, càng lúc càng cao, càng lúc càng vi diệu ;; nói về pháp đen, pháp trắng; pháp duyên, không duyên; pháp chiếu, không chiếu. Những điều Như Lai dạy, càng cao, càng vi diệu. Con sau khi nghe, biết từng pháp một ; đạt đến chỗ rốt ráo của pháp, con tin Như Lai là Đẳng Chí Chân, Đẳng Chánh Giác; tin pháp của Như Lai được khéo phân biệt; tin chứng của Như Lai thành tựu sự diệt khổ. Trong các pháp thiện, đây là tối thượng. Thế Tôn có trí tuệ vô dư, thần thông vô dư . Các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh bằng Như Lai, huống hồ muốn vượt lên trên.

“Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp cao hơn nữa; đó là các chế pháp. Các chế pháp đó là: Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn thần túc, Bốn thiền, Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám hiện thánh đạo. Đó là các chế pháp vô thượng, trí tuệ vô dư, thần thông vô dư. Các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh bằng Như Lai, huống hồ muốn vượt lên trên.

“Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp cao hơn nữa, đó là chế các nhập. Các nhập là mắt và sắc, tai và thanh, mũi và hương, lưỡi và vị, xúc và thân, ý và pháp. Cũng như Như Lai, Chí Chân,

Đẳng Chánh Giác quá khứ đã chế nhập này, tức là mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Giả sử Như Lai, Chí Chân. Đẳng Chánh Giác vị lai cũng chế nhập ấy, tức là, mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Nay Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng chế nhập ấy, tức là, mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thân thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, hưởng hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp trên nữa; đó là thức nhập thai. Nhập thai là, một, loạn nhập thai, loạn trú và loạn xuất; hai, không loạn nhập, loạn trú, loạn xuất; ba, không loạn nhập, không loạn trú nhưng loạn xuất; bốn, không loạn nhập, không loạn trú, không loạn xuất. Kia không loạn nhập, không loạn trú, không loạn xuất, là sự nhập thai bậc trên. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thân thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, hưởng hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết, lại có pháp trên nữa, đó là đạo. Nói là đạo, tức là, các Sa-môn, Bà-la-môn bằng đủ các phương tiện nhập định ý tam-muội; rồi tùy tam-muội tâm mà tu niệm giác ý, y dục, y viễn ly, y diệt tận, y pháp xuất yếu; tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác ý, y dục, y viễn ly, y diệt tận, y pháp xuất yếu. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thân thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, hưởng hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết lại còn có pháp trên nữa; đó là diệt. Diệt, tức là: Diệt bằng khổ hành nhưng chậm chứng đắc, cả hai đều thấp kém. Diệt bằng khổ hành, chóng chứng đắc, duy chỉ khổ hành là thấp kém. Diệt bằng lạc, chậm chứng đắc, duy chỉ sự chậm là thấp kém. Diệt bằng lạc, chóng chứng đắc, nhưng không phổ rộng; vì không phổ rộng nên nói là thấp kém. Như nay Như Lai diệt bằng lạc, chóng chứng đắc, mà lại phổ rộng, cho đến trời và người đều thấy biến hóa thần diệu.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Những điều Thế Tôn dạy vi diệu bậc nhất, cho đến nữ nhân cũng có thể thọ trì, dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự thân tác chứng ngay trong đời này: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn hậu

hữu. Đó là sự diệt vô thượng được Như Lai dạy. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai dạy còn có trên nữa; đó là ngôn thanh tịnh. Ngôn thanh tịnh, tức là, Thế Tôn đối với các Sa-môn, Bà-la-môn không nói lời hư dối vô ích; nói không cốt để hơn, không vì phe đảng, lời nói nhu hòa, không sai thời tiết, lời nói không phát sông. Đó gọi là ngôn thanh tịnh. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai dạy còn có trên nữa, đó là kiến định. Nói kiến định, là nói rằng, có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện nhập định ý tam muộitam-muội. Tùy tam-muội tâm, quán từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, trong ngoài lớp da, chỉ có những thứ bất tịnh như tóc, lông, móng, gan, phổi, ruột, dạ dày, lá lách, thận tức là năm tạng, mồ hôi, mỡ, tủy, não, phân, nước tiểu, nước mũi, nước mắt, chỗ hôi thối bất tịnh, không một cái gì đáng tham. Đó là kiến định thứ nhất.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam muộitam-muội tâm, loại bỏ các thứ bất tịnh bên trong và ngoài da, chỉ quán xương trắng và răng. Đó là kiến định thứ hai.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ xương trắng và các thứ bất tịnh trong ngoài da, chỉ quán tâm thức trú ở chỗ nào, ở đời này hay đời sau? Đời này không gián đoạn, đời sau không gián đoạn; đời này không giải thoát, đời sau không giải thoát. Đó là kiến định thứ ba.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam muộitam-muội, tùy tam muộitam-muội tâm, loại bỏ các thứ bất tịnh trong ngoài da và xương trắng, lại trùng quán thức. Thức ở đời sau, không ở đời này; đời nay gián đoạn, đời sau không đoạn; đời nay giải thoát, đời sau không giải thoát. Đó là kiến định thứ tư.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam muộitam-muội, tùy tam muộitam-muội tâm, loại bỏ các thứ

bất tịnh trong ngoài da và xương trắng, lại trùng quán thức; không ở đời này, không ở đời sau, cả hai đều gián đoạn, cả hai đều giải thoát. Đó là kiến định thứ năm. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là thường pháp. Thường pháp là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, nhớ lại hai mươi thành kiếp và hoại kiếp của thế gian, vị ấy nói: Thế gian thường tồn, đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Vì do tôi nhớ lại, cho nên biết có thành kiếp và hoại kiếp ấy. Quá khứ còn lại thì tôi không biết. Thành kiếp, hoại kiếp vị lai, tôi cũng không biết. Người ấy sáng và chiêu do vô trí mà nói rằng: Thế gian thường tồn, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là thường pháp thứ nhất.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, nhớ lại bốn mươi kiếp thành và hoại kiếp, vị ấy nói: Thế gian này thường, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Vì tôi nhớ lại nên biết có thành kiếp, hoại kiếp. Tôi còn biết hơn thế nữa, biết thành kiếp, hoại kiếp. Nhưng tôi không biết sự thành và hoại của vị lai. Điều đó nói, biết khởi thủy mà không biết chung cuộc. Người ấy sáng mai, chiêu tôi, do vô trí mà nói rằng: Thế gian thường tồn, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là thường pháp thứ hai.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, nhớ lại tám mươi thành kiếp, hoại kiếp, vị ấy nói rằng: Thế gian này thường, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi nhớ lại mà biết có thành kiếp, hoại kiếp; lại còn biết thành kiếp, hoại kiếp quá khứ hơn thế nữa. Thành kiếp, hoại kiếp vị lai tôi cũng biết cả. Người ấy sớm chiêu do vô trí mà nói lời này: Thế gian thường còn, chỉ đây là thật, ngoài ra là dối. Đây là pháp thường tồn thứ ba. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết còn có trên nữa, đó là quán sát. Quán sát là, có Sa-môn, Bà-la-môn, do tưởng mà quán sát, tâm kia thú hướng như thế, tâm này thú hướng như thế. Tâm ấy khi phát tưởng như vậy, hoặc hư hoặc thật. Đó là quán sát thứ nhất.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng mà quán sát, nhưng hoặc nghe lời của chư Thiên và phi nhân, mà nói với người kia rằng: Tâm người như vậy, tâm người như vậy. Điều này cũng hoặc thật, hoặc hư. Đó là quán sát thứ hai.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng mà quán sát, cũng không nghe lời của chư Thiên hay phi nhân, mà tự quán sát thân mình, lại nghe lời người khác, mà nói với người kia rằng: Tâm của người như vậy, tâm của người như vậy. Điều này cũng có thật, cũng có hư. Đó là quán sát thứ ba.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng quán sát, cũng không nghe lời chư Thiên và phi nhân nói, lại không tự quán sát, hay quán sát người khác; nhưng, trừ giác quán rồi, đặc định ý tam-muội, quán sát tâm người khác, mà nói với người ấy rằng: Tâm của người như vậy, tâm của người như vậy. Quán sát như thế là chân thật. Đó là quán sát thứ tư. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thân thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là giáo giới. Giáo giới là, hoặc có trường hợp có người không trái với giáo giới, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự thân tác chứng: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn hậu hữu. Đó là giáo giới thứ nhất.

“Có người không trái với giáo giới, dứt sạch năm hạ phần kết, sau khi diệt độ chôn này sẽ không trở lại cõi này nữa. Đó là giáo giới thứ hai.

“Hoặc có người không trái giáo giới, ba kết đã hết, dâm nộ si mỏng, đặc Tư-đà-hàm, sẽ trở lại đời này mà diệt độ. Đó là giáo giới thứ ba.

“Hoặc có người không trái giáo giới, ba kết đã hết, đặc Tư-đà-hoàn, tối đa bảy lần trở lại, ắt sẽ thành đạo quả, không đọa ác thú. Đó là giáo giới thứ tư. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thân thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, là thuyết pháp cho người khác, khiến cho giới thanh tịnh. Giới thanh tịnh là, có Sa-môn, Bà-la-môn, có lời nói chí thành, không hề hai lưỡi, thường tự kính cẩn, dẹp bỏ ngủ nghỉ, không mang lòng tà siểm, miệng không nói dối, không dự đoán cát hung cho người, không tự mình xưng thuyết, đem sở đắc của người này tỏ cho người khác để cầu thêm lợi từ người khác, tọa thiền tu trí, biện tài vô ngại, chuyên niệm không loạn, tinh cần không biếng nhác. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, hưởng hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là giải thoát trí. Nói là giải thoát trí, đó là, Thế Tôn do nhân duyên của người khác mà nội tâm tư duy rằng: Người này là Tu-đà-hoàn; người này là Tư-đà-hoàn; người này là A-na-hàm, người này là A-la-hán. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, hưởng hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là tự thức túc mạng trí chứng. Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, tự mình nhớ lại vô số việc đời từ trước, một đời, hai đời,.... cho đến trăm ngàn thành kiếp, hoại kiếp, vô số như vậy, ta sanh ở chỗ kia, có tên như vậy, chủng tộc như vậy, họ như vậy, thọ mạng như vậy, ẩm thực như vậy, khổ lạc như vậy; từ chỗ này sanh nơi kia; từ nơi kia sanh đến chỗ này, với nhiều tướng dạng khác nhau, tự nhớ vô số kiếp sự đời xưa, ngày đêm thường nghĩ nhớ những nơi đã trải qua. Đây là sắc. Đây là vô sắc. Đây là tưởng. Đây là vô tưởng. Đây là phi vô tưởng, thảy đều nhớ biết hết. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, hưởng hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết còn có pháp trên nữa, đó là thiên nhãn trí. Thiên nhãn trí là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, từ tam-muội tâm, quán chúng sanh, hoặc sống, hoặc chết, có sắc tốt, sắc xấu, định mệnh lành, định mệnh dữ, hoặc đẹp, hoặc xấu, tùy theo chỗ làm, thảy đều thấy hết, biết hết. Hoặc có chúng sanh thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, phi báng Hiền thánh, tin theo tà

kiến điền đảo, khi thân hoại mạng chung đọa ba đường dữ. Hoặc có chúng sanh có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, không báng bổ Hiền thánh, chánh kiến, tín hành, khi thân hoại mạng chung sanh lên trời người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, quán chúng sanh, thấy biết như thật. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là thần túc chứng. Thần túc chứng là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, thực hiện vô số thần lực; có thể biến một thân thành vô số thân; từ vô số thân hợp làm một thân; vách đá không trở ngại; ngồi kiết già giữa hư không; cũng như chim bay; vào ra lòng đất như ở trong nước; đi trên nước như đi trên đất; thân mình bốc khói, bốc lửa, như đồng lửa cháy rực; lấy tay sờ mặt trời, mặt trăng; đứng cao đến trời Phạm thiên. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn gọi đó là thần túc, thì nên bảo họ rằng: “Có thần túc như vậy, không phải không có. Nhưng loại thần túc ấy thấp kém, hèn hạ, là việc làm của phàm phu, không phải điều mà Hiền thánh tu tập. Nếu Tỳ-kheo đối với sắc thể gian yêu thích mà không nhiễm, sau khi xả ly sắc ấy, làm việc đáng làm, ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh. Đối với sắc không đáng ưa cũng không ghét, sau khi xả ly sắc ấy, làm việc nên làm, ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh. Đối với sắc mà thể gian yêu, sắc mà thể gian không yêu, là bỏ cả hai, tu bình đẳng xả,, chuyên niệm không quên, ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh.

“Cũng như Đức Thế Tôn tinh tấn dũng mãnh, có đại trí tuệ, có tri có giác, đặc đệ nhất giác, cho nên gọi là Đẳng giác. Thế Tôn nay cũng không hoan lạc nơi dục ;; không hoan lạc nơi điều tu tập của phàm phu thấp kém, cũng không nhọc nhằn siêng năng để chịu các thứ khổ não. Thế Tôn nếu muốn loại trừ pháp xấu ác, có giác có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập Sơ thiên, thì như thế Ngài liền có thể loại trừ pháp xấu ác, có giác có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập Sơ thiên. Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, cũng vậy. Ngài tinh tấn, dũng mãnh, có đại trí tuệ, có tri, có giác, đặc đệ nhất giác, nên gọi là Đẳng giác.”

Phật bảo Xá-lợi-phất :

”

“Nếu có dị học ngoại đạo đến hỏi người rằng:: Trong các Sa-môn, Bà-la-môn quá khứ có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chẳng? Người sẽ trả lời như thế nào? Người ấy lại hỏi: Trong các Sa-môn, Bà-la-môn vị lai có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chẳng? Người sẽ trả lời như thế nào? Kia lại hỏi: Trong các Sa-môn, Bà-la-môn hiện tại có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chẳng? Người sẽ trả lời như thế nào?”

Xá-lợi-phất liền trả lời:

“Giả sử được hỏi rằng: Trong các Sa-môn, Bà-la-môn quá khứ có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chẳng? Con sẽ trả lời rằng: Có. Giả sử được hỏi: Trong các Sa-môn, Bà-la-môn vị lai có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chẳng? Con sẽ trả lời rằng: Có. Giả sử được hỏi: Trong các Sa-môn, Bà-la-môn hiện tại có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chẳng? Con sẽ trả lời rằng: Không.”

Phật bảo Xá-lợi-phất :

“Dị học ngoại đạo kia lại hỏi: Vì sao nói là có? Và vì sao nói là không? Người sẽ trả lời như thế nào?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Con sẽ trả lời người ấy rằng: Các Bậc Tam-da-tam-phật quá khứ cùng sánh bằng Như Lai. Các Tam-da-tam-phật vị lai cùng sánh bằng Như Lai. Nhưng con tự thân nghe từ Phật, rằng không có trường hợp có thể nói có vị Tam-da-tam-phật hiện tại nào khác cùng sánh với Như Lai. Bạch Thế Tôn, con theo chỗ được nghe, y pháp, thuận pháp, mà trả lời như vậy, có phải là trả lời đúng chẳng?”

Phật nói:

“Trả lời như vậy là y pháp, thuận pháp, không trái. Sở dĩ như vậy là vì, có các Đức Tam-da-tam-phật quá khứ sánh bằng Ta. Có những vị Tam-da-tam-phật vị lai sánh bằng Ta. Nhưng không có trường hợp để nói rằng có hai Đức Phật cùng xuất hiện thế gian cùng một lần.”

Lúc bấy giờ Tôn giả Uất-đà-di đứng sau Phật, đang cầm quạt quạt Phật. Phật nói với Uất-đà-di:

“Uất-đà-di, người hãy quán sát sự ít dục, biết đủ của Thế Tôn. Nay Ta có thần lực lớn, có uy đức lớn, mà ít dục, biết đủ, không

hoan lạc trong các dục. Uất-đà-di, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn khác ở trong pháp này mà có thể tinh cần khó nhọc, chứng đắc một pháp, vị ấy sẽ dựng phướn mà bố cáo bốn phương xa rằng: Nay Như Lai này ít dục, biết đủ. Nay hãy quán sát sự ít dục, biết đủ của Như Lai. Như Lai có thần lực lớn, có uy đức lớn, không cần đến các dục.”

Rồi thì, Tôn giả Uất-đà-di sửa y phục ngay ngắn, trịch áo bày vai hữu, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay bạch Phật rằng:

“Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, ít dục, biết đủ như Thế Tôn. Thế Tôn có thần lực lớn, có uy đức lớn, không cần đến các dục. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn khác, ở trong pháp này mà tinh cần khó nhọc chứng đắc một pháp, vị ấy sẽ dựng phướn tuyên cáo bốn phương xa rằng: Thế Tôn hiện nay là bậc ít dục, biết đủ. Xá-lợi-phất, ngài hãy thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Những người ấy nếu có điều nghi ngờ đối với Phật, Pháp, Tăng, thì sau khi nghe pháp này sẽ không còn ở trong lưới nghi nữa.”

Bấy giờ Thế Tôn nói với Xá-lợi-phất:

“Người hãy nhiều lần giảng thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vì sao? Vì những người ấy nếu có nghi ngờ đối với Phật, Pháp, Tăng, đối với đạo, thì sau khi nghe người giảng thuyết sẽ được thông tỏ.”

Xá-lợi-phất đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Rồi thì, Xá-lợi-phất nhiều lần giảng thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vì để khiến họ được tự mình thanh tịnh, do đó được gọi là “Thanh Tịnh kinh”.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Trưởng A Hàm

Kinh Đại Hội

HT. THÍCH TUỆ SỸ DỊCH



TRƯỜNG A HÀM

KINH ĐẠI HỘI

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật tại nước Thích-kiều-sâu, trong rừng Ca-duy, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm 500 người, thầy đều là A-la-hán. Lại có mười phương các Trời thần diệu cũng đến tập hội, kính lễ Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Lúc bấy giờ, bốn vị Tịnh cư thiên đang ở trên cõi trời ấy, mỗi người, tự nghĩ rằng: “Nay Thế Tôn đang ở tại Thích-kiều-sâu trong rừng Ca-duy cùng chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm người 500, thầy đều đã chứng đắc A-la-hán. Lại có mười phương các trời thần diệu cũng đến tập hội, kính lễ Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Nay chúng ta cũng nên đi đến chỗ Thế Tôn, mỗi người sẽ xưng tán Như Lai bằng bài kệ của mình.”

Rồi thì, bốn vị Tịnh cư thiên, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi các cõi trời kia, đến Thích-kiều-sâu trong rừng Ca-duy. Bấy giờ, bốn vị Tịnh cư thiên, sau khi đến nơi, cúi đầu lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên. Lúc ấy một vị Tịnh cư thiên ở trước Phật đọc bài kệ tán thán rằng:

Ngày nay đại chúng hội;

Chư Thiên cùng đến dự.

Tất cả đến vì pháp;

Muốn lễ chúng Vô thượng.

Nói xong bài kệ này rồi đứng sang một bên. Một vị Tịnh cư thiên khác lại đọc bài kệ rằng:

Tỳ-kheo thấy ô nhiễm,

Tâm ngay, tự phòng hộ.

Như biển nập các sông;

Bạc trí hộ các căn.

Nói xong bài kệ ấy rồi đứng sang một bên. Một vị Tịnh cư thiên khác lại đọc bài kệ:

Bứt gai, lấp hố ái, ,

***San bằng hào vô minh;
Đạo bước trường thanh tịnh
Như voi khéo huấn luyện.***

Nói bài kệ này xong, đứng sang một bên. Một Tịnh cư thiên khác đọc bài kệ:

***Những ai quy y Phật,
Trọn không đọa đường dữ;
Khi xả bỏ thân người,
Thọ thân trời thanh tịnh.***

Sau khi bốn Tịnh cư thiên đọc các bài kệ xong, Phật liền ẩn khả. Họ bèn lễ chân Phật, đi quanh Phật ba vòng, thoát biến mất. Họ đi chưa bao lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nay chư Thiên đại tập hội. Mười phương các thần diệu thiên đều đến đây lễ viếng Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Nay các Tỳ-kheo, quá khứ các Như Lai, Bạc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác cũng có chư Thiên đại tập hội như Ta ngày nay. Đương lai các Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng có chư Thiên đại tập hội, như Ta ngày nay.

“Nay các Tỳ-kheo, nay chư Thiên đại tập hội. Mười phương các thần diệu thiên không ai không đến đây lễ viếng Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Ta sẽ nói lên danh hiệu của họ và cũng nói kệ về họ. Tỳ-kheo, nên biết:

***Chư Thiên nương hang núi,
Ẩn tàng, trông đáng sợ
Mình khoác áo toàn trắng,
Tinh sạch không vết dơ.
Trời người nghe thế rồi,
Đều quy y Phạm thiên.
Ta nay nói tên họ,
Thứ tự không nhầm lẫn.
Các Thiên chúng nay đến;
Tỳ-kheo, người nên biết,
Trí phàm phu thế gian***

***Trong trăm, không thấy một.
Vì sao có thể thấy,
Bảy vạn chúng quỷ thần?
Nếu thấy mười vạn quỷ,
Một bên còn không thấy,
Hà huống các quỷ thần
Đầy khắp cả thiên hạ.***

Địa thần dẫn theo bảy ngàn Duyệt-xoa đủ các loại, thảy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thảy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Lúc ấy, có thần Tuyết sơn dẫn theo sáu ngàn quỷ Duyệt-xoa đủ các loại, thảy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thảy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Có một thần Xá-la dẫn theo ba ngàn quỷ Duyệt-xoa đủ các loại, thảy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thảy đều với tâm hoan hỷ đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Một vạn sáu ngàn quỷ thần Duyệt-xoa đủ các loại này thảy đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, danh xưng, thảy đều với tâm hoan hỷ đến đến chỗ chúng Tỳ-kheo trong rừng.

Lại có thần Tỳ-ba-mật, trú ở Mã quốc, dẫn năm trăm quỷ, đều có thần túc, oai đức.

Lại có thần Kim-tỳ-la, trú ở núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá, dẫn vô số quỷ thần, cung kính vây quanh.

Lại có, phương Đông, Đề-đâu-lại-tra Thiên vương, thống lãnh các thần Càn-đạp-hòa, có đại oai đức, có chín mươi một 91 người con, tất cả đều có tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Nam, Tỳ-lâu-lặc Thiên vương thống lãnh các Long vương, có đại oai đức, có chín mươi một người con, thảy đều có tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Tây, Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương, thống lãnh các quỷ Cưu-bàn-trà, có đại oai đức, có chín mươi một 91 người con, thảy đều tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Phương Bắc, Tỳ-sa-môn Thiên vương thống lãnh các quỷ Duyệt-xoa, có đại oai đức, có chín mươi một 91 người con, thấy đều tên là Nhân-đà-la, có đại thần lực.

Bốn vị Thiên vương hộ trì thế gian này có đại oai đức, mình phát ánh sáng, đi đến rừng Ca-duy.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn hàng phục tâm huyễn ngụy hư dối của họ nên kết chú rằng:

“Ma câu lâu la ma câu lâu la , tỳ lâu la tỳ lâu la, chiên đà na, gia ma thế trí, ca, ni diên đậu, ni diên đậu, ba na lỗ, ô hô nô nô chủ, đề bà tô mộ, Ma-đâu la, chi đa la tư na, càn đập ba, na la chủ, xà ni sa, thi ha, vô liên đà la, tỳ ba mật đa la, thọ trần đà la, na lư ni kha, thẳng phù lâu, thân chi bà tích bà”.

Như vậy, các vua Càn-đạp-hòa và La-sát đều có thần túc, hình mạo, sắc tượng, với tâm hoan hỷ đi đến chúng Tỳ-kheo trong khu rừng. Bấy giờ, Thế Tôn lại kết chú:

“A hê, na đà sắt, na đầu, Tỳ-xá-ly, sa ha, đái xoa xà, bà đề, đề đầu lại trá, đề bà sa ha, nhĩ ly da, gia tỳ la, nhiếp ba na già, a đà già ma, thiên đề già, y la bà đà, ma ha na già, tỳ ma na già đa, đà già đà dư, na già la xà, bà ha sa ha, xoa kỳ đề, bà đề la đế, bà đề la đế, tỳ mai đại tích thiểm, tỳ ha tứ, bà nanh, a bà bà tứ, chât đa la, tốc hòa ni na, cầu tứ đa, a bà do, na già la trừ, a tứ, tu bạt la, tát đế nô, a già, phật đà sái, thất laA-nanh, bà da, ưu la đầu bà diên lâu, tổ bàn nậu, phật đầu, xá la nậu, già loại lâu.”.

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho A-tu-la:

“KKỳ đà, bạt xà, ha đế, tam vật đệ, a tu la, a thất đà, bà diên địa, bà tam bà tứ, y đệ a đà, đề bà ma, thiên địa, già lê diệu, ma ha bí ma, a tu la, đà na bí la đà, bệ ma chât đầu lâu, tu chât đế lệ, bà la ha lê, vô di liên na bà, xá lê a tế, bạt lê, phât đa la na, tát bệ, tát lâu da na na mê, tát na mê đế, bà lê, tế như, la da bạt đầu lâu, y ha am bà la mê, tam ma do y, đà na, bạt đà nhĩ, tỳ khâu na, tam di thế, nê bạt.”.

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho chư Thiên:

“A”A phù, đề bà, bế lê, hê bệ, đề dư, bà do, đa đà nậu bạt lâu nậu bạt lâu ni, thế đế tô di, da xá a đầu, di đa la bà, già la na di bà a lỗ đề bà, ma thiên thê dữ, đà xà đề xá, già dư, tát bệ, naA-nan đa la bà bạt na, y địa bàn đại, thù địa ban na bàn đại, da xá ti nậu, mộ đà bà na, a hê kiên đại, tỳ khâu na, bà vị đệ, bà ni.

"Bệ noa, đề bộ, xá già ly, a hê địa dũng mê, na sát đế lệ phú la tức ky đại a đà man đà la bà la, bệ chiêm đại tô, bà ni sao đề bà, a đa, chiêm đà, phú la kiều chi đại, tô lê da tô bà ni sao đề ba, a đa, tô đề da, phú la kiều đại, ma già đà, bà tô nhân, đồ lô a đầu, thích câu, phú la đại lô.

"Thúc già, già la ma, la na a đại, bệ ma ni bà, ô bà đề kỳ ha, ba la vô ha bệ bà la vi a ni, tát đà ma đa a ha lê, di sa a ni bát thù nậu, thán nô a, lô dư đề xá, a hê bạt sa.

"Xa ma, ma ha xa ma, ma nậu sa ha, ma nậu sơ đa ma, khát đà ba đầu sái a, đa ma nậu đầu sái a hê a la dạ đề bà a đà lê đà da bà tư, ba la ma ha ba la a đa đề bà ma thiên thê da.

"Sai ma đầu suất đà, dạ ma, già sa ni a, ni, lam bệ, lam bà chiết đế, thọ đề na ma y sái, niệm ma la đề, a đà hê ba la niệm di đại.

"A hê đề bà đề bà xà lan đề, a kỳ, thi hu ba, ma a lật trá lô da, ô ma, phù phù ni bà tư viễn giá bà đà mo, a châu đà, a ni đầu đầu đàn da nậu, a đầu a lỗ, tỳ sa-môn y sái."

Đây là sáu mươi chủng loại trời.

Rồi Thế Tôn lại kết chú cho sáu mươi tám vị Bà-la-môn đặc ngũ thông::

"L" a da lê xá da hà hê kiên đại bà ni già tỳ la bạt đầu bệ địa xà nậu a đầu sai mộ tát đề ương kỳ bệ địa mâu ni a đầu bế lê da sai già thi lê sa bà ha nhĩ nậu a đầu phạm ma đề bà đề na bà bệ địa mâu ni a đầu câu tát lê y ni lô ma xà lỗ ương kỳ lỗ dã bàn xà a lâu ô viên đầu, ma ha la dã a câu đề lâu đặc, nậu a đầu lục bế câu tát lê a lâu già lãng ý già di la đàn hê tội phủ phù dã phúc đồ lô lê sái tiên đà bộ a đầu đề na già phủ bà, a di già da la dã đa đà a già độ bà la man đà nậu ca mục la dã a đầu nhân đà la lâu mê ca phù đà lô mộ ma già hê a sắc thương câu ty dư a đầu hê lan nhĩ già phủ bệ lê vị dư lê đa tha a già độ a hê bà hảo la tử di đồ lô đa đà a già độ bà tư phạt ly thủ đà la la dư đa đà a già độ y lê da sai ma ha la dư tiên a bộ đa đà a già độ ban xà bà dư bà lê địa kiều a la dư đa đà a già độ, uất a lan ma ha dư tiện bị bà lê ma lê thân bà hê đại na ma a bàn địa khổ ma lê la dư a cụ tư lý đà na bà địa a đầu kiều bệ la dư thi y nế di nế ma ha la dư phục bà lâu đa đà a già độ bạt đà bà lý ma ha la dư câu tát lê ma đề thân thi hán đề chiêm bà lê la dư tu đà la lâu đa tha a già độ a ha nhân

đầu lâu a đầu ma la dư dư tô lỵ dữ tha bệ địa đề bộ a ha bệ lỵ tứ
a đầu hằng a da lâu bà la mục giá da mộ a di nậu a đầu nhất ma
da xá phê na bà sai ma la dư hà lê kiên độ dư phê độ bát chi dư
thị số ba na lộ ma tô la dư da tứ đa do hê lan nhĩ tô bàn na bí
sầu độ trí dạ số la xá ba la bệ đà uất đà bà a bà sái bà ha bà bà
mưu sa ha sa tham phú xa đại xa pháp xà sa lệ la đà na ma ban
chi sáu đa la càn đạp bà sa ha bà tát đa đề tô bệ la dư a hê kiên
sầu tỷ khâu tam di địa bà ni địa bà ni.”.

Bấy giờ, có một ngàn Bà-la-môn đắc ngũ thông cũng được
Như Lai kết chú cho.

Lúc ấy, trong thế giới này, vị Phạm thiên vương đứng đầu
cùng với các Phạm thiên khác, thấy đều có thần thông và có một
Phạm đông tử tên gọi Đề-xá, có đại thần lực. Lại có Phạm thiên
vương khác trong mười phương đến dự cùng với quyền thuộc vây
quanh.

Lại vượt qua một ngàn thế giới, có Đại phạm vương, thấy các
đại chúng ở tại chỗ Thế Tôn, bèn cũng đến dự với quyền thuộc
vây quanh.

Bấy giờ Ma vương thấy các đại chúng ở tại chỗ Thế Tôn bèn
sinh tâm độc hại, suy nghĩ rằng: “Ta hãy dẫn các quỷ binh đi đến
phá hoại chúng kia, bao vây chúng lại, không để sót một ai. Rồi
thì, Ma vương triệu tập bốn binh chủng, tay vỗ xe, tiếng rền như
sấm dậy. Những ai trông thấy không khỏi kinh sợ. Ma vương
phóng ra gió to mưa lớn, sấm chớp vang rền, hướng đến rừng
Ca-duy, bao vây đại chúng.

Phật nói với các Tỳ-kheo ưa thích chúng hội này rằng:

“Các người nên biết, hôm nay, Ma chúng mang ác tâm đến
đây.”

Nhân đó tụng bài kệ rằng:

Các người hãy kính thuận,

Đứng vững trong Phật pháp;

Hãy diệt Ma chúng này,

Như voi giày đồng hoa.

Chuyên niệm, không buông lung,

Đầy đủ nơi tịnh giới;

**Tâm định, tự tư duy,
Khéo hộ trì chí ý.
Nếu ở trong Chánh pháp
Mà hay không buông lung,
Sẽ vượt cõi già, chết,
Diệt tận các gốc khổ,
Các đệ tử nghe rồi,
Hãy càng tinh tấn hơn;
Vượt khỏi mọi thứ dục,
Sợ lòng không lay động.
Chúng này là tôi thắng,
Có tiếng tăm, đại trí;
Đệ tử đều dũng mãnh,
Được đại chúng kính trọng.**

Bấy giờ, chư Thiên thần, Quỷ, Tiên nhân ngũ thông, thấy đều hội về trong vườn Ca-duy, nhìn thấy việc làm của Ma, quá lạ chưa từng có.

Phật nói pháp này, lúc ấy tám vạn bốn ngàn chư Thiên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Chư Thiên, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân, sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Trường
A Hàm

KINH A MA TRÚ

H.T. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH A MA TRÚ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hành nước Câu-tát-la, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, rồi đến Y-xa-năng-già-la, thôn của một người Bà-la-môn ở Câu-tát-la. Ngài nghỉ đêm tại rừng Y-xa.

Lúc ấy, có một người Bà-la-môn tên Phất-già-la-sa-la, đang dừng chân ở thôn Úc-già-la. Thôn ấy sung túc, nhân dân đông đúc, là một thôn được vua Ba-tư-nặc phong cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la làm phạm phần. Người Bà-la-môn này, từ bảy đời nay cha mẹ đều chân chánh, không bị người khác khinh thường;; đọc tụng thông suốt ba bộ cựu điển, có thể phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, nghi lễ tế tự; có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế. Ông có một đệ tử Ma-nạp tên là A-ma-trú, từ bảy đời nay cha mẹ đều chân chánh, không bị người khác khinh thường, đọc tụng thông suốt ba bộ cựu điển, có thể phân tích các loại kinh thư và cũng giỏi phép xem tướng đại nhân, nghi lễ tế tự và cũng có năm trăm đệ tử Ma-nạp, dạy dỗ không bỏ phế, không khác với thầy mình.

Lúc ấy, Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la nghe đồn Sa-môn Cù-đàm Thích tử,, xuất gia, thành đạo, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, đến Y-xa-năng-già-la, thôn của Bà-la-môn, đang nghỉ trong rừng Y-xa; có tiếng tăm lớn lưu truyền trong thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma, hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, đã tự mình chứng nghiệm, rồi thuyết pháp cho người khác, khéo léo khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối, có đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Với Bạc Chân Nhân như vậy, ta nên đến thăm viếng. Ta nay nên đến xem Sa-môn Cù-đàm để xác định có ba mươi hai tướng, tiếng tăm đồn khắp, có đúng sự thật chăng? Nên bằng duyên cơ nào để có thể thấy tướng của Phật? Rồi lại nghĩ: Nay đệ tử ta A-ma-trú, từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh, không bị người khác khinh thường, đọc tụng thông suốt ba bộ cựu điển, có thể phân tích các loại kinh thư, lại

giỏi phép xem tướng đại nhân, nghi lễ tề tự; duy chỉ người này có thể sai đi xem Phật, để biết có các tướng ấy không.

Rồi Bà-la-môn liền sai đệ tử A-ma-trú, bảo rằng:

“Người hãy đến xem Sa-môn Cù-đàm kia có thật có ba mươi hai tướng hay không, hay là dối?”

A-ma-trú liền thưa thầy ngay rằng:

“Con làm thế nào để nghiệm xét tướng của Cù-đàm, để biết thật hay dối?”

Người thầy trả lời:

“Nay ta bảo cho người biết, nếu thật có ba mươi hai tướng đại nhân, chắc chắn có hai đường, không nghi ngờ gì nữa. Nếu tại gia, sẽ làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bốn thiên hạ, bằng pháp trị, giáo hóa, thống lãnh nhân dân, đầy đủ bảy báu:

“1. Báu bánh xe vàng.

“2. Báu voi trắng.

“3. Báu ngựa xanh.

“4. Báu thần châu.

“5. Báu ngọc nữ.

“6. Báu cư sĩ.

“7. Báu điển binh.

“Vua có một ngàn người con, dũng mãnh, đa trí, hàng phục kẻ thù, không cần dùng vũ khí mà thiên hạ thái bình, nhân dân trong nước không có điều kinh sợ. Còn nếu không ham thích thế gian, vị ấy xuất gia cầu đạo, sẽ thành Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác đầy đủ mười hiệu. Theo đó mà có thể biết thực hư của Cù-đàm.”

A-ma-trú vâng lời thầy sai bảo, bèn thẳng cổ xe báu, dẫn theo năm trăm đệ tử Ma-nạp, vào lúc sáng sớm, ra khỏi thôn, đi đến rừng Y-xa. Đến nơi, xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn. Trong lúc cùng đàm luận nghĩa lý, nếu Thế Tôn đang ngồi thì Ma-nạp này đứng; nếu Thế Tôn đứng thì Ma-nạp này ngồi. Phật nói với Ma-nạp rằng:

“Phải chăng người đã từng đàm luận với các Bà-la-môn trưởng thượng, kỳ cựu như thế?”

Ma-nạp bạch Phật:

“Nói như vậy nghĩa là sao?”

Phật bảo Ma-nạp:

“Trong lúc cùng đàm luận, Ta ngồi thì người đứng; Ta đứng thì người ngồi. Phép đàm luận của thầy người phải là như vậy chăng?”

Ma-nạp bạch Phật:

“Theo phép Bà-la-môn của tôi, ngồi thì cùng ngồi, đứng thì cùng đứng, nằm thì cùng nằm. Nay với hạng Sa-môn hủy hình, góa vợ, hèn hạ, thấp kém, tập theo pháp đen tối,, thì khi tôi cùng bọn người ấy luận nghĩa, không theo phép ngồi đứng.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói với Ma-nạp ấy rằng:

“Khanh, Ma-nạp, chưa được dạy kỹ “.”

Khi Ma-nạp nghe Thế Tôn gọi mình là khanh, lại nghe bị chê là chưa được dạy kỹ, tức thì nổi giận, kích bác Phật rằng:

“Con nhà họ Thích này hay có lòng độc ác, không có phép tắc.”

Phật bảo Ma-nạp:

“Những người họ Thích có lỗi gì với khanh?”

Ma-nạp nói:

“Xưa, một lần, tôi có chút duyên sự của thầy tôi với họ Thích ở nước Ca-duy-việt. Khi ấy có nhiều người họ Thích có chút nhân duyên nên tập họp tại giảng đường. Thấy tôi từ xa đến, họ khinh mạn, đùa cợt, không thuận nghi pháp, không biết kính trọng nhau.”

Phật bảo Ma-nạp:

“Các người họ Thích kia khi ở trong nước mình có thể vui đùa thỏa thích. Cũng như chim bay, đối với khu rừng có tổ của nó, ra vào tự tại. Cũng vậy, các người họ Thích khi ở trong nước mình có thể vui đùa tự tại.”

Ma-nạp nói với Phật:

“Đời có bốn chủng tánh:: Sát-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la. Ba chủng tánh kia thường tôn trọng, cung kính, cúng dường Bà-la-môn. Những người họ Thích kia không nên như vậy. Họ Thích

tôi tớ kia, hèn mọn, thấp kém, mà không cung kính Bà-la-môn như ta."

Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm rằng: "Gã Ma-nạp này nhiều lần mắng nhiếc và nói đến từ tôi tớ. Vậy Ta có nên nói duyên do của nó để nó khuất phục chăng?" Rồi Phật bảo Ma-nạp:

"Chúng tánh người là gì?"

Ma-nạp trả lời:

"Tôi chúng tánh Thanh vương ". "

Phật bảo Ma-nạp:

"Chúng tánh người như thế là thuộc dòng dõi tôi tớ của dòng họ Thích."

Lúc ấy, năm trăm đệ tử Ma- nạp kia thấy đều lớn tiếng nói với Phật rằng:

"Chớ nói như vậy. Chớ nói Ma-nạp này thuộc dòng dõi tôi tớ của dòng họ Thích. Vì sao? Đại Ma-nạp này thật sự là con nhà tông tộc, nhan mạo đoan chánh, tài biện luận đúng lúc, nghe nhiều, học rộng, đủ để cùng đàm luận trao đổi với Cù-đàm."

Thế Tôn nói với năm trăm Ma-nạp:

"Nếu thầy của các người không đúng như lời các người nói, Ta sẽ bỏ qua thầy người mà luận nghĩa với các người. Nếu thầy người có đúng như lời các người nói, các người nên im lặng để Ta luận với thầy các người."

Năm trăm Ma-nạp bấy giờ bạch Phật rằng:

"Chúng tôi tất cả sẽ im lặng. Xin Ngài luận với thầy của tôi."

Bấy giờ Thế Tôn nói với A-ma-trú:

"Trong thời quá khứ lâu dài xa xưa, có vị vua tên Thanh Ma. Vua có bốn người con trai. Thứ nhất tên Diện Quang. Thứ hai tên Tượng Thực. Thứ ba tên Lộ Chi. Thứ tư tên Trang Nghiêm. Bốn người con của vua có chút vi phạm bị vua đuổi khỏi nước, đến phía Nam Tuyết sơn, sống trong rừng cây thẳng . Mẹ của bốn người con cùng với các gia thuộc đều nghĩ nhớ họ, cùng nhau nhóm họp bàn, rồi đi đến chỗ Thanh Ma vương, tâu rằng:

"Đại vương, nên biết, bốn đứa con của chúng ta xa cách đã lâu, nay tôi muốn đi thăm."

Vua nói:

“Muốn đi thì tùy ý.”

“Người mẹ và các quyền thuộc nghe vua dạy, liền đi đến phía nam Tuyết sơn, trong rừng cây thẳng, đến chỗ bốn người con. Các bà mẹ nói:

“Con gái của ta gả cho con trai người. Con trai người gả cho con gái ta..

“Rồi họ phối nhau thành vợ chồng. Sau sinh con trai, dung mạo đoan chánh.

“Lúc ấy, vua Thanh Ma nghe bốn người con mình được các bà mẹ gả cho các con gái làm vợ, sanh con trai đoan chánh. Vua rất vui mừng, thốt lên lời này: Đúng là con nhà họ Thích. Đúng là con trai họ Thích. Vì có thể tự lập, nhân đó đặt tên là Thích. Thanh Ma vương chính là tiên tổ họ Thích vậy. Vương có một người áo xanh, tên gọi Phương Diện, nhan mạo đoan chánh, cùng thông giao thông với một người Bà-la-môn bèn có thai, sanh một Ma-nạp, vừa rớt xuống đất là biết nói. Nó nói với cha mẹ rằng: Hãy tắm cho con, trừ sạch dơ bẩn. Sau này lớn lên, con sẽ báo ơn. Vì mới sanh đã biết nói nên đặt tên Thanh vương. Như nay kẻ mới sanh mà biết nói thì ai cũng sợ, đặt tên là Đáng Sợ. Kia cũng vậy. Vừa sanh đã biết nói nên được đặt tên là Thanh vương. Từ đó đến nay, Bà-la-môn lấy Thanh vương làm họ.”

Lại bảo Ma-nạp:

“Người có bao giờ nghe các Bà-la-môn kỳ cựu, trưởng thượng, nói về nguồn gốc chủng tánh này chưa?”

Lúc ấy Ma-nạp im lặng không trả lời. Hỏi lần nữa. Lại cũng không trả lời, Phật hỏi đến ba lần, bảo Ma-nạp rằng:

“Ta hỏi đến ba lần. Người hãy nhanh chóng trả lời. Nếu người không trả lời, Mật Tích lực sĩ, tay cầm chày vàng đứng hai bên Ta sẽ đánh cho đầu người vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy Mật Tích lực sĩ tay cầm chày vàng, đang đứng giữa hư không, ngay trên đầu Ma-nạp. Nếu Ma-nạp không trả lời câu hỏi đúng lúc, sẽ hạ chày vàng đánh vỡ đầu Ma-nạp. Phật bảo Ma-nạp:

“Người hãy ngược nhìn xem.”

Ma-nạp ngược nhìn, thấy Mật Tích lực sĩ tay cầm chày vàng đứng giữa hư không. Thấy vậy, rất đổi kinh hãi, toàn thân lông dựng đứng, liền rời chỗ ngồi, đến gần Thế Tôn, nương nơi Thế Tôn để được cứu hộ. Ma-nạp bạch Phật:

“Thế Tôn hãy hỏi. Con sẽ trả lời.”

Phật hỏi Ma-nạp:

“Người có bao giờ nghe các Bà-la-môn kỳ cựu, trưởng thượng, nói về nguồn gốc chủng tánh này chưa?”

Ma-nạp đáp:

“Con tin là đã từng nghe. Thật có sự kiện ấy.”

Khi ấy năm trăm Ma-nạp thảy cùng cất tiếng bảo nhau rằng:

“A-ma-trú này thật sự thuộc dòng họ tở của Thích-ca. Sa-môn Cù-đàm nói sự thật, chúng ta vô cớ ôm lòng khinh mạn.”

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ thầm: “Năm trăm Ma-nạp này về sau tất có lòng khinh mạn, gọi Ma-nạp này là đây tở. Nay hãy phương tiện diệt cái tên đây tở ấy.” “Ngài liền nói với năm trăm Ma-nạp:

“Các người cẩn thận, chớ gọi người này là đây tở. Vì sao? Tiên tổ Bà-la-môn của người này là một đại tiên nhân, có oai lực lớn, chinh phạt Thanh Ma vương, đòi lấy con gái. Vì sợ, vua bèn gả con gái cho.”

Do lời này của Phật, Ma-nạp tránh được tên đây tở.

Rồi Thế Tôn bảo A-ma-trú:

“Thế nào, Ma-nạp? Nếu con gái Sát-lỵ có bảy đời cha mẹ chân chánh không bị khinh khi, nhưng được gả cho một người Bà-la-môn làm vợ, sanh một người con trai, là Ma-nạp, dung mạo đoan chánh. Người con trai này khi vào giữa những người Sát-lỵ có được mời ngồi, nhận nước, tụng đọc pháp Sát-lỵ không?”

Đáp: “Không được”.

“Có được sự nghiệp tài sản của cha không?”

Đáp: “Không được”.

“Có được kế thừa chức của cha không?”

Đáp: “Không được”.

“Thế nào, Ma-nạp? Nếu con gái Bà-la-môn, có cha mẹ bảy đời chân chánh không bị người khinh khi, được gả cho người Sát-lỵ

làm vợ, sanh một người con, dung mạo đoan chánh. Người này khi vào giữa chúng Bà-la-môn, có được mời ngồi, được nhận nước không?”

Đáp: “Được”.

“Được tụng đọc pháp Bà-la-môn, được hưởng gia tài của cha, thừa kế chức vụ của cha không?”

Đáp: “Được”.

“Thế nào, Ma-nạp? Nếu người Bà-la-môn bị Bà-la-môn tấn xuất, chạy vào chủng tánh Sát-lỵ, có được chỗ ngồi, được nước, được tụng đọc pháp Sát-lỵ không?”

Đáp: “Không được”.

“Được hưởng di sản của cha, kế thừa chức vụ của cha không?”

Đáp: “Không”.

“Nếu chủng tánh Sát-lỵ bị Sát-lỵ tấn xuất sang Bà-la-môn, có được chỗ ngồi, được mời nước, tụng đọc pháp Bà-la-môn chăng?”

Đáp: “Được”.

“Vậy thì, này Ma-nạp, giữa người nữ, nữ Sát-lỵ trội hơn. Giữa người nam, nam Sát-lỵ trội hơn. Không phải là Bà-la-môn vậy.”

Phạm thiên tự mình nói bài kệ rằng:

Sanh Sát-lỵ tôi thắng,

Chủng tánh cũng thuần chơn.

Minh, Hạnh thủy đầy đủ,

Tôi thắng giữa trời, người.

Phật bảo Ma-nạp:

“Phạm thiên nói bài kệ này, thật là nói khéo chớ không phải không khéo. Ta công nhận như vậy, là vì sao? Nay, như Ta, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói nghĩa đó:

Sanh, Sát-lỵ tôi thắng,

Chủng tánh cũng thuần chơn.

Minh, Hạnh thủy đầy đủ,

Tôi thắng giữa Trời Người”.

Ma-nạp bạch Phật:

“Cù-đàm, thế nào là Vô thượng sĩ, đầy đủ Minh và Hạnh?? ”

Phật bảo Ma-nạp:

“Hãy nghe kỹ, hãy nghe kỹ, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho.”

Đáp: “Kính vâng. Rất muốn được nghe”.

Phật bảo Ma-nạp:

“Nếu Đức Như Lai xuất hiện ở đời, là Bạc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, là Đấng Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; ở giữa chư Thiên, Người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm vương, tự mình chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người. Lời nói khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, khoảng cuối cũng thiện, đầy đủ nghĩa và vị, khai mở hạnh thanh tịnh. Nếu cư sĩ, con trai cư sĩ và các chủng tánh khác, nghe chánh pháp mà sanh lòng tín ngưỡng, do tâm tín ngưỡng mà nghĩ như vậy: Ta nay tại gia, vợ con ràng buộc, không thể thanh tịnh thuần tu phạm hạnh. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Người ấy, sau đó từ bỏ gia đình tài sản, từ giã thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Cũng đồng với những người xuất gia, xả bỏ các thứ trang sức, đầy đủ các giới hạnh, không làm hại chúng sanh.

“Xả bỏ dao gậy, tâm hằng tầm quý, từ niệm đối với hết thảy. Đó là không giết.

“Xả bỏ tâm trộm cắp, không lấy vật không cho, tâm hằng thanh tịnh, không có ý lén lút lấy cắp. Đó là không trộm cắp.

“Xả ly dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, ân cần tinh tấn, không bị nhiễm dục, sống trong sạch. Đó là không dâm.

“Xả ly vọng ngữ, chí thành không lừa dối, không gạt người. Đó là không nói dối.

“Xả ly nói hai lưỡi; nếu nghe lời người này, không truyền lại người kia; nếu nghe lời người kia, không truyền lại người này. Những người chia rẽ thì làm cho hòa hợp, khiến cho thân kính lẫn nhau. Những lời nói ra, hoà thuận, đúng thời. Đó là không nói hai lưỡi.

“Xả ly ác khẩu. Những lời thô lỗ, thích gây náo người khác, khiến sanh phần kết; xả những lời như vậy. Lời nói dịu dàng,

không gây oán hận, đem nhiều lợi ích, được mọi người yêu kính, thích nghe những lời như vậy. Đó là không ác khẩu.

“Xả ly ý ngữ; lời nói hợp thời, thành thật như pháp, y luật diệt trừ tranh chấp; có duyên cố mới nói; lời nói không phát sưng. Đó là xả ly ý ngữ.

“Xả ly uống rượu, xa lìa chỗ buông lung.

“Không đeo hương hoa, anh lạc.

“Không đi xem và nghe các thứ ca múa xướng hát.

“Không ngồi giường cao.

“Không ăn phi thời.

“Không cất chứa, sử dụng vàng bạc, bảy báu.

“Không cưới thê thiếp; không nuôi nô tỳ, voi ngựa, trâu bò, gà, chó, heo, dê; không tích chứa ruộng nhà, vườn tược. Không gạt người bằng cân đấu dối trá. Không lôi kéo nhau bằng bàn tay, nắm tay. Cũng không cầm đồ. Không vu dối người, không làm điều nguy trá. Xả bỏ những thứ xấu ác như vậy; diệt trừ các tranh tụng, các điều bất thiện. Đi thì biết thời. Không phải thời thì không đi. Lường dạ mà ăn, không tích chứa dư thừa. Che thân bằng y phục, vừa đủ thì thôi. Pháp phục, ứng khí, thường mang theo mình. Như chim bay mang theo mình hai cánh. Cũng vậy, Tỳ-kheo không chứa dư thừa.

“Này Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nhận sự tín thí của người mà vẫn tìm cách tích chứa; y phục, ẩm thực, không hề biết đủ. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của do người tín thí, vẫn tự mình kinh doanh buôn bán, gieo trồng cây cối, sở y của quý thân. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, vẫn tìm phương tiện cầu các lợi dưỡng, các thứ ngà voi, tạp bảo, giường lớn cao rộng, với các loại chăn nệm thêu thùa sắc sỡ. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy nhận của người tín thí, vẫn tìm phương tiện, tìm cách trang điểm mình, bôi dầu vào thân, tắm gội bằng nước thơm, thoa các thứ bột thơm, chải đầu thơm láng, đeo tràng hoa đẹp, nhuộm mắt xanh biếc, bôi mặt cho đẹp để, đeo vòng xuyên sáng chói, dùng gương soi

mặt, giày da đủ màu, áo trên thuần trắng, dao gậy, người hầu, lọng báu, quạt báu, xe báu trang nghiêm. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí mà chuyên việc đùa giỡn, chơi bài, chơi cờ loại tám đường, mười đường, trăm đường, cho đến đủ hết mọi đường, với các loại đùa cười khác nhau. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí vẫn nói những lời vô ích, chướng ngại đạo: bàn các việc vương giả, việc chiến đấu, quân mã; việc quần liêu, đại thần, cưỡi ngựa, đánh xe ra vào, dạo chơi vườn quán; bàn luận việc nằm, việc đứng, việc đi bộ, việc nữ nhân, việc y phục, ẩm thực, thân lý; lại nói chuyện vào biển tìm ngọc. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, bằng vô số phương tiện, chỉ sinh hoạt tà mạng: mỹ tửu, đua siểm, hiện tướng khen chê, lấy lợi cầu lợi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, lại chỉ tranh cãi nhau, hoặc nơi vườn quán, hoặc nơi ao tắm, hoặc ở sảnh đường, chỉ trích lẫn nhau, rằng: Ta biết kinh luật. Người không biết gì. Ta đi đường chánh. Người đi lối tà. Người đặt cái trước ra sau, đặt cái sau ra trước. Ta nhin người được. Người không biết nhin. Những điều người nói đều không chân chánh. Nếu có điều gì nghi ngờ, cứ đến hỏi ta, ta giải đáp được hết. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn tuy ăn của người tín thí, lại làm các phương tiện, cầu làm sứ giả; hoặc làm sứ giả thông tin cho vua, đại thần của vua, Bà-la-môn, cư sĩ; từ người này đến người kia, từ người kia đến người này; đem lời người này trao cho người kia, đem lời người kia trao cho người này; hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm. Ai vào trong pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, lại chỉ luyện tập các việc chiến trận, tỷ đấu; hoặc luyện tập dao, gậy, cung tên; hoặc nuôi gà chọi, chó, heo, dê, voi, ngựa, bò, lạc đà; hoặc đấu nam nữ; hoặc tấu các thứ tiếng: tiếng loa,

tiếng trống, tiếng ca, tiếng múa, leo cột phướn, leo xuôi, leo ngược, đủ các thứ trò chơi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, lại hành pháp chướng ngại đạo, sinh hoạt bằng tà mạng, xem tướng trai gái, cát hung, đẹp xấu và tướng súc sanh, lấy lợi cầu lợi. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí vẫn hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống tà mạng, kêu gọi quỷ thần, hoặc đuổi đi, hoặc bảo dừng, các thứ ếm đảo, vô số phương thuật, khiến người sợ hãi, có thể tụ có thể tán, có thể khổ có thể vui, lại có thể an thai trục thai, cũng có thể chú ếm người khiến làm lừa ngựa, cũng có thể khiến người đui mù câm ngọng, hiện bày các mảnh khốe, chấp tay hướng về mặt trời mặt trăng, làm các khổ hạnh để cầu lợi. Ai vào trong pháp Ta, không có những việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, mà hành các pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: chú bệnh cho người, hoặc tụng ma thuật ác, hoặc tụng chú thuật lành, hoặc làm thầy thuốc, châm cứu, thuốc thang, liệu trị các thứ bệnh. Ai vào pháp Ta, không có những việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, nhưng hành các pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: hoặc chú nước chú lửa, hoặc chú ma quỷ, hoặc tụng chú Sát-ly, hoặc tụng chú chim, hoặc tụng chú chi tiết, hoặc bùa chú trấn nhà trấn cửa, hoặc bùa chú giải trừ lửa cháy, chuột gặm, hoặc tụng kinh thư ly biệt sanh tử, hoặc đọc sách đoán mộng, hoặc xem tướng tay tướng mặt, hoặc đọc sách tất cả âm. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, mà hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: xem tướng thiên thời, đoán mưa hay không mưa, thóc cao hay thóc kém, bệnh nhiều hay bệnh ít, kinh sợ hay an ổn, hoặc nói động đất, sao chổi, nhật thực, nguyệt thực, tinh thực, hoặc nói không thực, điềm lành như vậy, điềm xấu như vậy. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.

“Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, mà hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: hoặc nói nước này hơn nước kia, nước kia không bằng; hoặc nói

nước kia hơn nước này, nước này không bằng; xem tướng tốt xấu, đoán việc thịnh suy. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy. Nhưng tu Thánh giới, không nhiễm trước tâm, trong lòng hỷ lạc.

“Mắt tuy nhìn thấy sắc nhưng không nắm bắt các tướng, mắt không bị sắc trói buộc, kiên cố tịch nhiên, không điều tham đắm, cũng không buồn lo, không rò rỉ các ác, kiên trì giới phẩm, khéo thủ hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý, cũng như vậy. Khéo chế ngự sáu xúc, hộ trì điều phục, khiến cho được an ổn, cũng như đi xe bốn ngựa trên đường bằng phẳng, người đánh xe khéo cầm roi không chế không để trật lồi. Tỳ-kheo cũng vậy, chế ngự con ngựa sáu căn, an ổn không mất.

“Vị ấy có Thánh giới như vậy, khéo hộ trì các căn theo Thánh pháp, ăn biết đủ, cũng không tham vị, chỉ với mục đích nuôi thân để không bị khổ hoạn mà không cống cao, điều hòa thân mình khiến cho cái khổ cũ diệt, cái khổ mới không sanh, có sức, vô sự, khiến thân an lạc. Cũng như người dùng thuốc bôi ghê, cốt để ghê lành chứ không phải để trang sức, không vì tự cao.

“Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, ăn đủ để duy trì thân, không có lòng kiêu mạn phóng túng. Cũng như xe được bôi mỡ, cốt để trơn tru khiến vận hành thông suốt, đi đến đích. Tỳ-kheo cũng vậy, ăn uống cốt đủ duy trì thân để mà hành đạo.

“Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy thành tựu Thánh giới, được các căn của Thánh, ăn biết vừa đủ; đầu hôm cuối hôm, tinh tấn tỉnh giác. Lại lúc ban ngày, hoặc đi hoặc dừng, thường niệm nhất tâm, trừ các ấm cái. Vị ấy, vào khoảng đầu hôm, hoặc đi hoặc ngồi, thường niệm nhất tâm, trừ các ấm cái. Cho đến giữa đêm, nằm nghiêng hông phải, tưởng niệm sẽ trở dậy, đặt ý tưởng vào ánh sáng, tâm không loạn tưởng. Đến lúc cuối đêm, liền dậy tư duy, hoặc đi hoặc ngồi, trừ các ấm cái. Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy đầy đủ, được các căn bậc Thánh, ăn uống biết đủ, đầu hôm cuối hôm, tinh cần tỉnh giác, thường niệm nhất tâm, không có loạn tưởng.

“Thế nào là Tỳ-kheo-niệm không thác loạn? Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân; quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Đó là Tỳ-kheo-niệm không thác loạn.

“Thế nào là nhất tâm? Tỳ-kheo như vậy hoặc tản bộ, hoặc ra vào, hoặc quay nhìn hai bên, co duỗi, cúi ngước, cầm y bát, tiếp nhận ẩm thực, hoặc tả hữu tiện lợi, hoặc ngủ hoặc thức, hoặc ngồi hoặc đứng, nói năng hay im lặng, vào bất cứ lúc nào, thường niệm nhất tâm, không mất oai nghi. Đó là nhất tâm. Cũng như một người đi giữa đám đông, hoặc đi ở trước, ở giữa hay ở cuối, thường an ổn, không có điều sợ hãi. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy,..., cho đến, nói năng im lặng, thường niệm nhất tâm, không buồn không sợ.

“Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy, được các căn bậc Thánh, ăn thì biết đủ, đầu hôm, cuối hôm, tỉnh cần tỉnh thức, thường niệm nhất tâm, không có thác loạn. Thích ở nơi vắng, dưới gốc cây, trong bãi tha ma, hoặc trong hang núi, hoặc ở đất trống hay trong chỗ đông phân ;; đến giờ khất thực, lại rửa tay chân, đặt y bát, ngồi kiết già, ngay người chánh ý, buộc chặt niệm trước mắt. Trừ bỏ xan tham, tâm không đeo theo ; diệt tâm sân hận, không có oán kết, tâm trú thanh tịnh, thường giữ lòng từ; trừ dẹp ngủ nghỉ, buộc tưởng nơi ánh sáng, niệm không thác loạn; đoạn trừ trạo hý,, tâm không khuấy động, nội tâm an tịnh, diệt tâm trạo hý; đoạn trừ nghi hoặc, đã vượt lưới nghi, tâm chuyên nhất ở nơi pháp thiện. Cũng như đông bộc được đại gia ban cho chủng tánh, an ổn giải thoát, miễn khỏi sai khiến, tâm hoan hỷ, không còn lo, sợ.

“Lại như có người mượn tiền đi buôn bán, được lợi lớn mà trở về, trả vốn cho chủ, còn dư tiền đủ dùng, bèn nghĩ rằng: Ta trước mượn tiền đi buôn, e không như ý. Nay được lợi mà trở về, trả vốn cho chủ, tiền còn dư đủ dùng, không lo, sợ. Người ấy rất đổi vui mừng.

“Như người bệnh lâu, nay bệnh đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, bèn nghĩ rằng: Ta trước có bệnh, mà nay đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, không còn lo và sợ. Người ấy rất đổi vui mừng.

“Cũng như người bị nhốt trong ngục đã lâu, nay bình yên ra tù, bèn nghĩ thầm rằng: Ta trước đây bị giam giữ, nay được giải thoát, không còn lo và sợ. Người ấy rất đổi vui mừng.

“Lại như có người cầm nhiều tài bảo, đi qua chỗ hoang mạc, không gặp cướp, bình an qua khỏi, bèn tự nghĩ rằng: Ta cầm tài

bảo qua khỏi chỗ hiểm nạn này, không còn lo và sợ. Người ấy rất đổi vui mừng, tâm tư an lạc.

“Ma-nạp, Tỳ-kheo bị năm triền cái bao phủ cũng giống như vậy. Như người mang nợ, bệnh lâu, bị giam giữ, đi qua hoang mạc, tự thấy mình chưa thoát ly các âm che trùm tâm, bị trùm kín trong tối tăm, mắt tuệ không sáng; vị ấy bèn tỉnh cần, xả dục, xả pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ do viễn ly sanh, chứng nhập Sơ thiên. Vị ấy có hỷ lạc nhuần thấm nơi thân, tràn đầy cùng khắp, không đâu là không sung mãn. Như người khéo biết cách tắm, cho thuốc đầy bồn tắm, rồi chế nước vào, trong ngoài đều nhuần thấm, không đâu là không cùng khắp. Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập Sơ thiên, hỷ lạc nhuần thấm khắp thân, không đâu không sung mãn. Như vậy, này Ma-nạp, đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ nhất. Vì sao? Ấy là do tỉnh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

“Vị ấy xả giác, quán, bèn phát sanh tín, chuyên niệm nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập đệ Nhị thiên. Vị ấy có hỷ lạc và nhất tâm thấm nhuần châu thân, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như nước suối trong mát từ đỉnh núi chảy ra, không phải từ ngoài đến, mà nước trong mát chảy ra ngay từ trong con suối ấy, trở lại thấm nhuần chính nó, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập Nhị thiên, có hỷ lạc do định sanh không đâu không sung mãn. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ hai.

“Vị ấy lìa hỷ, an trú xả và niệm, không tán loạn, thân cảm thọ lạc, như điều mà Thánh nói, khởi hộ niệm lạc, chứng nhập Tam thiên. Vị ấy thân không hỷ, có lạc thấm nhuần, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như hoa Ưu-bát, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly, mới nhô khỏi bùn mà chưa ra khỏi nước, với cọng, rễ, cành, lá còn chìm ngập trong nước, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập Tam thiên, lìa hỷ, an trú lạc, nhuần thấm khắp thân, không đâu không cùng khắp. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ ba.

“Vị ấy xả hỷ và lạc; ưu và hỷ đã diệt từ trước, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập Tứ thiên. Thân tâm thanh tịnh, tràn đầy cùng khắp, không chỗ nào không thấm nhuần. Cũng như một người đã tắm gội sạch sẽ, khoác lên mình tấm lụa

trắng mới tinh, toàn thân thanh tịnh. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập Tứ thiên, tâm thanh tịnh, tràn khắp thân, không chỗ nào không thấm.

“Lại nhập Tứ thiên, tâm không tăng giảm, cũng không dao động, an trú trên mảnh đất không ái, không nhuế, không động. Cũng như mật thất, trong ngoài được sơn quét, đóng chặt các cửa nẻo, không gió không bụi lọt vào, bên trong đốt đèn, không bị khuấy động, ngọn lửa bốc thẳng mà không lay động. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập đệ Tứ thiên, tâm không tăng giảm, cũng không khuynh động, an trú trên đất không ái, không nhuế, không dao động. Đó là hiện thân chứng lạc thứ tư.

“Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, nhuần nhuỷ, khéo được huấn luyện, an trú trạng thái bất động, tự mình trong thân khởi tâm biến hóa, hóa thành thân khác, chân tay đầy đủ, các căn không khuyết. Vị ấy quán như vậy: Thân này, với sắc bốn đại, hóa thành thân kia. Thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Từ thân này khởi tâm hóa thành thân kia, các căn đầy đủ, chân tay không khuyết. Cũng như người rút con dao khỏi bao, bèn nghĩ rằng: Bao khác với dao, nhưng dao được rút ra từ bao. Lại như một người se gai làm dây, nghĩ rằng: Gai khác với dây. Nhưng dây xuất xứ từ gai. Lại như một người cho rắn bò ra khỏi hộp, nghĩ rằng: Rắn khác hộp khác, nhưng rắn từ hộp mà ra. Lại như một người lấy áo ra khỏi giỏ tre, nghĩ rằng: Giỏ tre khác áo khác, nhưng áo được lấy ra từ giỏ. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy. Đây là thắng pháp đầu tiên được chứng đắc. Vì sao? Ấy do tinh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

“Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, nhuần nhuỷ, được khéo huấn luyện, an trú trạng thái bất động, từ sắc thân bốn đại của mình mà khởi tâm, hóa thành thân khác, đủ cả tay chân và các căn, nghĩ rằng: Thân này do bốn đại hợp thành. Thân kia từ thân này hóa ra. Thân này với thân kia khác nhau. Tâm này trú trong thân này, ý thân này mà an trú, rồi đi đến trong thân biến hóa kia. Cũng như lưu ly, ma ni, được lau chùi sáng loáng, trong sạch không dơ; hoặc được xâu bằng chỉ xanh, chỉ vàng, chỉ đỏ, người có mắt đặt trong lòng tay mà nhìn, biết rằng ngọc và dây xâu khác nhau. Nhưng dây dựa ngọc, từ hạt này đến hạt khác. Ma-nạp, Tỳ-kheo quán tâm nương thân này mà an trú, rồi đi đến thân kia cũng như vậy. Đó là Tỳ-kheo chứng đắc thắng pháp thứ

hai. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

“Vị ấy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, dễ điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập thần thông trí chứng, có thể biến hóa các thứ: hoặc biến một thân thành vô số thân; từ vô số thân hợp thành một thân; thân có thể bay đi, vách đá không ngăn ngại; dạo trong hư không như chim, đi trên nước như đi trên đất; mình bốc khói lửa, như đồng lửa lớn; tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến Phạm thiên; muốn làm gì tùy ý, đều có thể tự tại thành tựu, làm ích lợi cho nhiều người. Lại như thợ ngà khéo xử lý ngà voi. Cũng như thợ vàng khéo luyện chơn kim, tùy ý mà làm, ích lợi cho nhiều người. “Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, tâm định tĩnh, thanh tịnh, an trú bất động địa, tùy ý biến hoá, cho đến, tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến Phạm thiên. Đó là thắng pháp thứ ba của Tỳ-kheo.

“Vị ấy với tâm đã định, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập chứng thiên nhĩ trí. Vị ấy, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt qua lỗ tai con người, nghe được hai loại tiếng: tiếng chư Thiên và tiếng loài người. Cũng như trong thành có đại giảng đường, cao lớn, rộng rãi, có người thính tai ở trong giảng đường; những âm thanh có trong giảng đường, không phải cố gắng để nghe, người ấy nghe rõ hết. Cũng vậy, Tỳ-kheo do tâm đã định, với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được hai thứ tiếng. Ma-nạp, đó là thắng pháp thứ tư của Tỳ-kheo.

“Vị ấy với tâm đã định, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập chứng tha tâm trí. Vị ấy đúng như tâm của người, có dục hay không dục, có cấu uế hay không cấu uế, có si hay không si, tâm rộng hay hẹp, tâm lớn hay nhỏ, tâm định hay loạn, tâm bị trói buộc hay cởi mở, tâm cao thượng hay hạ liệt, cho đến, tâm vô thượng, thảy đều biết hết. Cũng như một người rọi bóng mình trong nước trong, đẹp hay xấu đều xét biết cả. Tỳ-kheo như vậy, vì tâm định tĩnh cho nên có thể biết tâm người. Ma-nạp, đó là thắng pháp thứ tư của Tỳ-kheo.

“Vị ấy tâm định, thanh tịnh không cấu uế, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập túc mạng trí chứng, liền có thể biết được đời trước, với vô số sự việc; có thể nhớ một đời cho đến vô số đời, số kiếp thành hoại; chết đây sanh kia; danh

tánh, chủng tộc, ẩm thực xấu tốt, thọ mạng dài vẫn, cảm thọ khổ lạc, hình sắc tướng mạo thể nào, tất cả đều nhớ biết hết. Cũng như một người từ thôn xóm mình đi đến nước khác; ở tại chỗ kia, hoặc đi hoặc đứng, hoặc nói hoặc im lặng; rồi lại từ nước này đến nước khác. Lần lượt như vậy, sau đó quay về chốn cũ. Không cần nhọc sức mà vẫn có thể nhớ những nước đã đi qua; từ chỗ này đến chỗ kia, từ chỗ kia đến chỗ này; đi, đứng, nói năng, im lặng, thảy đều nhớ hết. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, do tâm đã định tĩnh, thanh tịnh không cấu uế, an trú bất động địa, có thể bằng túc mạng trí mà nhớ đời trước vô số sự việc trong vô số kiếp. Đó là Tỳ-kheo chứng đắc minh thứ nhất. Vô minh vĩnh viễn diệt, pháp đại minh phát sanh; cái tối tăm tiêu diệt, pháp sáng chói phát sanh. Đây là Tỳ-kheo đắc túc mạng trí minh. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa chỗ thanh nhàn vắng vẻ mà được như vậy.

“Vị ấy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh không cấu uế, nhu nhuyến khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập sanh tử trí chứng . Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, thấy các chúng sanh sanh đây chết kia; chết ở kia, sanh đến nơi này, hình sắc đẹp xấu, quả báo thiện ác, tôn quý, ty tiện, tùy nghiệp báo đã tạo mà phù hợp với nhân duyên, tất cả đều biết rõ. Người này thân hành ác, khẩu nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền thánh, tin theo tà kiến điên đảo, thân hoại mạng chung đọa ba đường ác. Người này thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không phỉ báng Hiền thánh, hành theo chánh kiến, thân hoại mạng chung, sanh lên trời, người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy chúng sanh tùy theo duyên của nghiệp đã làm, qua lại trong năm đường. Cũng như khoảng đất bằng cao rộng trong thành nội, đâu ngã tư đường cất một lâu cao lớn, người mắt sáng đứng trên lâu mà nhìn, thấy các bộ hành Đông, Tây, Nam, Bắc, mọi cử động, tất cả đều thấy hết. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, với tâm định tĩnh, không cấu uế, thanh tịnh, nhu nhuyến dễ điều phục, an trú bất động địa, chứng sanh tử trí. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy hết chúng sanh với những việc thiện ác mà chúng đã làm, tùy nghiệp thọ sanh, qua lại năm đường, thảy đều biết cả. Đó là minh thứ hai của Tỳ-kheo. Đoạn trừ vô minh, sanh tuệ minh, xả bỏ tối tăm, phát ra ánh sáng trí tuệ. Đó là kiến chúng sanh sanh tử trí minh vậy. Vì sao? Ấy do tinh cần niệm không tán loạn, ưa một mình nơi thanh vắng mà được vậy.

“Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không cầu uế, nhu nhuyến dễ điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập vô lậu trí chứng . Vị ấy như thật biết Khổ thánh đế, như thật biết hữu lậu tập, như thật biết hữu lậu diệt tận, như thật biết con đường dẫn đến vô lậu. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy; tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứng đắc giải thoát trí:: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Cũng như trong nước trong, có gỗ, đá, cá, ba ba, các loại thủy tộc du hành Đông-tây, người có mắt sáng thấy rõ hết: đây là gỗ, đá; đây là cá, ba ba. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, với tâm định tĩnh, an trú bất động địa, đắc vô lậu trí chứng, cho đến, không còn tái sanh. Đó là Tỳ-kheo đắc minh thứ ba. Đoạn trừ vô minh, phát sanh tuệ minh, xả bỏ tối tăm, phát ra ánh sáng đại trí. Đó là vô lậu trí minh. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa một mình nơi thanh vắng vậy.

“Ma-nạp, đó là Minh và Hạnh vô thượng được đầy đủ. Ý người nghĩ sao, Minh và Hạnh như vậy là đúng, hay sai?”

Phật bảo Ma-nạp:

“Có người không thể chứng đắc đầy đủ Minh Hạnh vô thượng, nhưng thực hành bốn phương tiện. Những gì là bốn? Ma-nạp, hoặc có người không được đầy đủ Minh Hạnh vô thượng, nhưng vác rựa, ôm lồng, đi vào rừng tìm thuốc, ăn rễ cây. Đó là không được Minh Hạnh vô thượng mà hành phương tiện thứ nhất. Thế nào, Ma-nạp, phương tiện thứ nhất này, người và thầy các người có làm không?”

Đáp: “Không”.

Phật bảo Ma-nạp:

“Người tự mình thấp kém, không hay biết chơn ngụy, lại cứ phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội lỗi, nuôi lớn gốc rễ địa ngục.

“Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, mà tay cầm bình nước rửa, vác gậy toán thuật, vào núi rừng, ăn trái cây tự rụng. Ma-nạp, đó là không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng mà hành phương tiện thứ hai. Thế nào, Ma-nạp, người và thầy người có hành pháp này chăng?”

Đáp: “Không”.

Phật bảo Ma-nạp:

“Người tự mình thấp kém, không rõ chân nguy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm ác, nuôi lớn gốc địa ngục lâu dài.

“Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, mà bỏ lối hái thuốc và lượm trái cây rụng trên đây, trở về thôn xóm, sống nương người đời, cất am tranh, ăn lá cây, lá cỏ. Ma-nạp, đó là không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng mà thực hành phương tiện thứ ba. Thế nào, Ma-nạp, người và thầy người có hành pháp này chăng?”

Đáp: “Không”.

Phật bảo Ma-nạp:

“Người tự mình thấp kém, không rõ chân nguy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm ác, nuôi lớn gốc địa ngục lâu dài.

“Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, nhưng không ăn cỏ thuốc, không ăn trái cây rụng, không ăn lá cỏ, mà dựng nhà gác to lớn nơi thôn xóm thành ấp. Những người đi đường từ Đông sang Tây ngang qua đó đều được cấp dưỡng tùy khả năng. Đó là không được Minh Hạnh vô thượng mà thực hành phương tiện thứ tư. Thế nào, Ma-nạp, người và thầy người có hành pháp ấy không?”

Đáp: “Không”.

Phật bảo Ma-nạp:

“Người tự mình thấp kém, không rõ chơn nguy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội, nuôi lớn gốc địa ngục.

“Thế nào, Ma-nạp, các Bà-la-môn kỳ cựu và các Tiên nhân, với nhiều kỹ thuật, tán thán, xưng tụng những điều mình học tụng, như nay những điều được các người Bà-la-môn, tán thán, ca ngợi. Đó là:

“1. A-tra-ma.

“2. Bà-ma.

“3. Bà-ma-đề-bà.

“4. Tỷ-ba-mật-đa.

“5. Y-đâu-lại-tất.

“6. Da-bà-đề-già.

"7. Bà-bà-bà-tất-tra.

"8. Ca-diệp.

"9. A-lâu-na.

"10. Cù-đàm.

"11. Thủ-di-bà.

"12. Tồn-đà-la.

"Các Đại tiên, Bà-la-môn này, có đào hào, xây dựng nhà gác, như chỗ mà thầy trò người đang ở không?"

Đáp: "Không".

"Các Đại tiên ấy có dựng thành quách vây quanh nhà cửa, rồi ở trong đó, như chỗ ở của thầy trò người hiện nay không?"

Đáp: "Không".

"Các Đại tiên ấy có nằm trên giường cao, chăn đệm dày, mềm mại, như thầy trò thầy trò người hiện nay không?"

Đáp: "Không".

"Các Đại tiên kia có tự mình vui thú với vàng, bạc, chuỗi anh lạc, tràng hoa nhiều màu và mỹ nữ, như thầy trò người hiện nay không? Các Đại tiên kia có đi xe báu, cầm gậy sắt dẫn đường, che đầu bằng lọng trắng, tay cầm phất báu, mang guốc báu nhiều màu, lại mặc toàn lụa trắng, như thầy trò người hiện nay đang mặc không?"

Đáp: "Không".

"Ma-nạp, người tự mình thấp hèn, không rõ chơn ngụy, mà lại phi báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội, nuôi lớn gốc địa ngục. Thế nào, Ma-nạp, như các đại tiên, các Bà-la-môn kỳ cựu kia, như A-tra-ma, tán thán, đề cao những gì mà họ vốn đọc tụng, nay những điều được các Bà-la-môn tán thán, đề cao cũng giống như vậy. Nếu truyền những điều ấy, để dạy về người khác, mà muốn sanh lên Phạm thiên, không có trường hợp đó. Cũng như, này Ma-nạp, vua Ba-tư-nặc cùng nói chuyện với người khác, hoặc cùng bàn luận với các vua, hoặc với đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, mà những người nhỏ mọn khác nghe được, bèn vào thành Xá-vệ, gặp người, liền thuật chuyện vua Ba-tư-nặc có nói như vậy. Thế nào, Ma-nạp, vua có cùng bàn luận với người ấy không?"

Đáp: "Không".

“Ma-nạp, người đọc thuộc lời vua cho những người khác nghe, há có thể làm đại thần cho vua được chăng?”

Đáp: “Không có chuyện ấy”.

“Ma-nạp, người ngày nay truyền lời của đại tiên đời trước, Bà-la-môn kỳ cựu, đọc tụng, dạy cho người, mà muốn sanh Phạm thiên, không có chuyện ấy. Thế nào, Ma-nạp, các người tiếp nhận sự cúng dường của người có thể tùy pháp mà thực hành được chăng?”

Đáp: “Đúng như vậy, Cù-đàm, nhận cúng dường của người khác thì phải như pháp mà hành”.

“Ma-nạp, thầy người Phất-già-la-sa-la nhận phong ấp của vua, nhưng khi cùng nghị luận với vua Ba-tư-nặc, lại nói những lời vô ích mà vua không nên bàn đến, không đem sự việc chân chánh mà cùng bàn luận, cùng khuyên nhủ. Người nay tự mình xem xét lỗi lầm của thầy người và của chính người; nhưng hãy gác qua chuyện ấy, mà nên tìm hiểu nguyên nhân người đến đây.”

“Ma-nạp liền ngước mắt lên nhìn thân của Như Lai, tìm các tướng tốt. Thấy đủ các tướng khác, duy chỉ hai tướng không thấy, trong lòng hoài nghi. Bấy giờ, Thế Tôn thầm nghĩ: “Nay Ma-nạp này không thấy hai tướng nên sanh nghi ngờ như thế”. Ngài bèn cho ra tướng lưỡi rộng dài, liếm đến tai, phủ kín mặt. Lúc ấy, Ma-nạp còn nghi ngờ một tướng nữa. Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ma-nạp này vẫn còn nghi ngờ một tướng nữa”. Ngài bèn dùng thần lực khiến cho duy chỉ Ma-nạp thấy được tướng mã âm tàng. Ma-nạp thấy đủ các tướng rồi, không còn hồ nghi gì nơi Như Lai nữa, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, vòng quanh Phật rồi đi.

Khi ấy, Bà-la-môn Phất-già-la đứng ngoài cửa, từ xa trông thấy đệ tử đang đi đến, bèn đón lại, hỏi rằng:

“Người xem Cù-đàm có thật đủ các tướng không? Công đức thần thông có thật như lời đồn không?”

Tức thì bạch thầy rằng:

“Sa-môn Cù-đàm đây đủ cả ba mươi hai tướng. Công đức thần lực đều như tiếng đồn.”

Thầy lại hỏi:

“Người có bàn luận ý nghĩa gì với Cù-đàm không?”

Đáp: “Thật có trao đổi với Cù-đàm”.

Thầy lại hỏi:

“Người với Cù-đàm thảo luận chuyện gì?”

Bấy giờ Ma-nạp kể hết câu chuyện cùng Phật luận bàn. Thầy nói:

“Ta có người đệ tử thông minh như vậy lại khiến xảy ra như vậy, chúng ta chẳng bao lâu sẽ đọa địa ngục. Vì sao? Lời nói của người, vì muốn hơn mà kích bác Cù-đàm, khiến cho ông ấy không vui lòng, đối với ta lại càng xa cách. Người được coi là đệ tử thông minh mà khiến đến mức ấy, thì khiến ta vào địa ngục sớm.”

Thế rồi người thầy ấy lòng rất tức giận, bèn đạp Ma-nạp té xuống đất và ông tự mình đánh xe lấy. Ma-nạp kia khi vừa té xuống đất thì toàn thân nổi vảy trắng.

Khi ấy Bà-la-môn Phất-già-ìa-la-sa-la ngược nhìn mặt trời, nghĩ thầm rằng: “Nay chưa phải là lúc thăm viếng Sa-môn Cù-đàm. Ta hãy chờ sáng mai rồi đi thăm hỏi”.

Sáng hôm sau, ông thẳng cõ xe báu, cùng với năm trăm đệ tử tùy tùng, đi đến rừng Y-xa; đến nơi, xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Ông ngược nhìn thân Như Lai, đầy đủ các tướng, duy thiếu hai tướng. Bà-la-môn do đó có ý nghi ngờ về hai tướng. Phật biết ý nghĩ của ông, bèn làm lộ tướng lưỡi rộng dài, liếm đến tai và phủ kín mặt. Bà-la-môn lại còn nghi ngờ một tướng nữa. Phật biết ý nghĩ của ông, bèn dùng thần lực, khiến cho thấy tướng mã âm tàng. Bà-la-môn khi thấy đủ ba mươi hai tướng của Như Lai, trong lòng khai ngộ, không còn hồ nghi, liền bạch với Phật rằng:

“Nếu khi đi giữa đường mà gặp Phật, con dừng xe một lát, mong Ngài biết cho là con đã kính lễ Thế Tôn. Vì sao? Vì con nhận được phong cho thôn này. Nếu con xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp.”.

Ông lại bạch Phật:

“Nếu tôi xuống xe, cởi kiếm, lui tàn lọng và dẹp bỏ giải phướn, bình nước rửa và giày dép, nên biết ấy là tôi đã lễ kính Như Lai. Vì sao? Tôi nhận được phong cho thôn này. Nếu tôi xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp.”

Lại bạch Phật:

“Nếu ở giữa đám đông, thấy Phật mà con đứng dậy, hoặc trích áo bày vai phải, tự xưng tên họ, nên biết, ấy là con đã lễ kính Như Lai. Vì sao? Vì con nhận được phong cho thôn này. Nếu con xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp.”

Lại bạch Phật:

“Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nhận con làm Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, con không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng các Đại chúng nhận lời mời của con.”

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bà-la-môn thấy Phật im lặng, biết Ngài đã hứa khả, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Về nhà, ông sửa soạn thức ăn. Sau khi bày biện mâm cỗ xong, ông quay trở lại thưa: “Đã đến giờ”.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y ôm bát cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi người đi đến nhà ông ấy, rồi ngồi lên chỗ soạn sẵn.

Lúc ấy, Bà-la-môn tự tay châm chước thức ăn, cúng Phật và Tăng các thứ ngon ngọt. Ăn xong, dọn cất bát, dùng nước rửa xong, Bà-la-môn tay phải nắm cánh tay đệ tử là A-ma-trú đến trước Thế Tôn bạch rằng:

“Cúi mong Thế Tôn nghe lời hối lỗi của nó.”

Nói như vậy ba lần, rồi lại bạch Phật:

“Cũng như voi, ngựa đã được huấn luyện khéo; người này cũng vậy, tuy có sơ suất, cúi mong Ngài nhận lời hối lỗi.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Câu cho người thọ mạng dài lâu, đời này an ổn. Mong cho chúng vảy trắng của đệ tử người được trừ.”

Phật nói vừa xong, người đệ tử kia liền khỏi chúng vảy trắng.

Rồi thì, Bà-la-môn lấy một cái giường nhỏ để trước Thế Tôn. Thế Tôn bèn nói pháp cho Bà-la-môn, chỉ bày, khuyên dạy, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Ngài giảng về thí, giới, sanh thiên, dục là ô uế, phiền não là tai họa, xuất yếu là trên hết, diễn bày thanh tịnh. Khi Thế Tôn biết tâm người Bà-la-môn đã nhu nhuyến, thanh tịnh, không cấu bẩn, có thể nhận lãnh đạo giáo; như

thường pháp của chư Phật, Ngài nói Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Bà-la-môn lúc ấy ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh, cũng như tấm lụa trắng tinh dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la cũng vậy, thấy pháp, đắc pháp, quyết định đạo quả, không còn tin ở đạo khác, được vô sở úy, tức thì bạch Phật rằng:

“Con nay ba lần xin quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Xin nhận con làm Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng Đại chúng thương tưởng con, nhận lời mời bảy ngày.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn tức thì trong bảy ngày cúng dường Phật và Đại chúng đủ các thứ. Bảy giờ, qua bảy ngày, Thế Tôn lại du hành nhân gian.

Phật đi chưa bao lâu, Phất-già-la-sa-la ngộ bệnh, mạng chung. Các Tỳ-kheo nghe Bà-la-môn này sau khi cúng dường Phật trong bảy ngày, sau đó mạng chung, bèn tự nghĩ thầm: Người này mạng chung, sanh vào cõi nào? Rồi chúng Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lễ Phật xong, ngồi sang bên, bạch Phật rằng:

“Bà-la-môn sau khi cúng dường Phật suốt bảy ngày thì thân hoại mạng chung. Người ấy sanh vào chỗ nào?”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

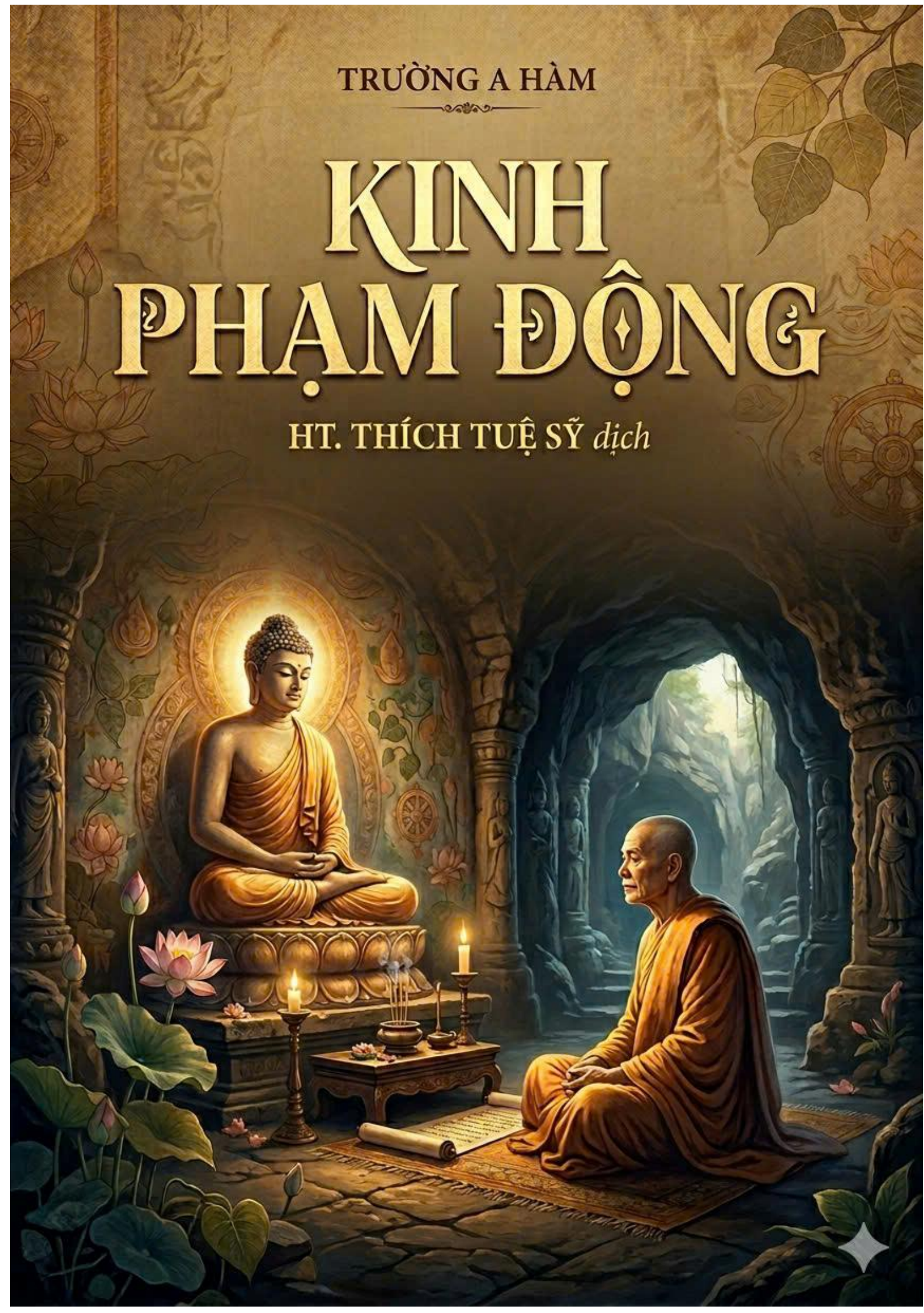
“Tộc tánh tử ấy đã tập hợp rộng rãi các điều thiện, đầy đủ pháp và tùy pháp, không trái pháp hành, đoạn trừ năm hạ phần kết, Niết-bàn ở nơi kia, không trở lại đời này nữa.”

Bảy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH PHẠM ĐỘNG

HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH PHẠM ĐỘNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hành đến nước Ma-kiệt, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, du hành nhân gian, đến Trúc lâm, nghỉ đêm tại vương đường.

Lúc bấy giờ có vị Phạm chí tên là Thiện Niệm và đệ tử tên là Phạm-ma-đạt; hai thầy trò thường cùng đi theo sau Phật, mà Phạm chí Thiện Niệm thì dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, đệ tử Phạm-ma-đạt thì bằng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Hai thầy trò mỗi người một tâm tư, mâu thuẫn chống trái nhau. Vì sao vậy? Ấy là do xu hướng dị biệt, kiến giải dị biệt, thân cận dị biệt.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo sau khi khất thực về nhóm tại giảng đường bàn câu chuyện nhau như sau:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Thế Tôn có đại thần lực, đầy đủ oai đức, biết hết mọi xu hướng của chúng sanh. Nhưng nay có hai thầy trò Thiện Niệm cùng đi theo sau Phật và chúng Tăng, mà Phạm chí Thiện Niệm thì dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Đệ tử Phạm-ma-đạt thì bằng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Hai thầy trò mỗi người một tâm tư, mâu thuẫn chống trái nhau vì do xu hướng dị biệt, kiến giải dị biệt, thân cận dị biệt vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn đang ở trong tịnh thất, bằng thiên nhĩ thanh tịnh quá hơn người thường, nghe các Tỳ-kheo đang luận bàn như thế, liền rời khỏi tịnh thất đi đến giảng đường, ngồi trước đại chúng. Tuy đã biết Ngài vẫn hỏi:

“Này các Tỳ-kheo! Do nhân duyên gì mà các ông nhóm lại đây và đang bàn luận câu chuyện gì?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Chúng con sau khi khất thực về, tập họp ở giảng đường này và cùng bàn luận như vậy: Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Thế Tôn có đại thần lực, đầy đủ oai đức, biết hết mọi xu hướng của chúng sanh. Nhưng nay có hai thầy trò Thiện Niệm cùng đi theo sau

Phật và chúng Tăng, mà Phạm chí Thiện Niệm thì dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Đệ tử Phạm-ma-đạt thì bằng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Hai thầy trò mỗi người một tâm tư, mâu thuẫn chống trái nhau vì do xu hướng dị biệt, kiến giải dị biệt, thân cận dị biệt vậy."

Thế Tôn bèn nói với các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, nếu có ai dùng phương tiện hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và chúng Tăng, các người không nên ôm lòng phẫn nộ, có ý nghĩ ác hại đối với người ấy. Vì sao vậy? Vì nếu có ai dùng phương tiện hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và chúng Tăng mà các người ôm lòng phẫn nộ, có ý nghĩ ác hại đối với người ấy thì tự các người đã tự hãm nịch rồi. Vì vậy các người không nên ôm lòng oán giận hay có ý nghĩ ác hại đối với người ấy.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có ai khen ngợi Phật, Pháp và chúng Tăng, các người cũng vội chớ lấy điều đó làm vui mừng, hãnh diện. Vì sao vậy? Vì nếu các người sinh tâm vui mừng là đã bị hãm nịch rồi. Do đó các người không nên vui mừng. Tại sao thế? Vì đó chỉ là duyên cố nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh, mà hàng phàm phu ít học, không thấu rõ thâm nghĩa, chỉ bằng vào sở kiến để tán thán một cách chân thật.

"Thế nào là duyên cố nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh, mà hàng phàm phu ít học, không thấu rõ thâm nghĩa, chỉ bằng vào sở kiến để tán thán một cách chân thật?

"Người ấy tán thán rằng: Sa-môn Cù-đàm đã bỏ nghiệp sát, dứt nghiệp sát, xả bỏ đao gậy, có tâm quý, có tâm thương xót hết thảy. Đó chỉ là duyên cố nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh mà hàng phàm phu ít học dựa lấy để tán thán Như Lai.

"Lại tán thán rằng: Sa-môn Cù-đàm đã bỏ sự lấy của không cho, dứt trừ sự lấy của không cho, không có tâm trộm cắp.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ sự dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, một mực giữ giới, không tập thói dâm dật, sở hành tinh khiết.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ nói dối, mà nói lời nói chí thành, nói điều chân thật, không dối gạt người đời.

"Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ nói hai lưỡi, không đem lời người này đến phá rối người kia, đem lời người kia đến phá rối người

này, gặp kẻ tranh tụng làm cho hòa hợp, kẻ đã hòa hợp làm cho vui thêm, nói ra lời gì cũng cốt đem đến sự hòa hợp, thành thật đưa vào lòng người và nói phải lúc.

“Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ ác khẩu. Nếu có lời thô lỗ, thương tổn đến người, tăng thêm mối hận, kéo dài mối thù; những lời như vậy đều không nói. Thường nói lời hay, đẹp lòng người, ai cũng ưa, nghe không chán. Chỉ nói những lời như vậy.

“Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ nói thêu dệt, chỉ nói phải lúc, nói thành thật, nói có lợi, nói đúng pháp đúng luật, nói để ngăn ngừa sai quấy.

“Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ uống rượu; không trang sức hương hoa ;; không xem ca múa; không ngồi giường cao; không ăn phi thời; không cầm vàng bạc; không chứa vợ con, tớ trai, tớ gái; không nuôi heo ngựa, voi, dê, gà, chó và các thứ chim muông; không chứa binh voi, binh ngựa, binh xe, binh bộ; không chứa ruộng nhà, gieo trồng ngũ cốc; không nắm quyền đánh đập với người; không dùng cân đấu lường gạt; không mua bán, khoán ước, giao kèo; không cho vay cầm đồ lấy lãi bất chánh. Cũng không âm mưu, trước mặt khác sau lưng khác; phi thời không đi; để nuôi sống thân, lường bụng mà ăn; đi đến chỗ nào thì y bát mang theo như chim không lìa hai cánh. Nhưng đó cũng chỉ là nhân duyên nhỏ nhất về sự trì giới mà hàng phàm phu ít học nương lấy để tán thán Như Lai.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác đâu đã nhận của tín thí vẫn tìm cách tích trữ; y phục, ẩm thực không hề biết chán. Sa-môn Cù-đàm không như vậy.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng vẫn kinh doanh sinh kế, trồng cây, gieo giống. Còn Sa-môn Cù-đàm không có việc đó.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí nhưng vẫn tìm phương tiện mong cầu lợi dưỡng, chứa ngà voi tạp bảo, ghế giường cao rộng, thảm thêu, đệm bông, chăn len các thứ thêu thùa. Sa-môn Cù-đàm không có việc ấy.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí nhưng vẫn tìm phương tiện để trang sức, dùng dầu mỡ xoa mình, nước thơm tắm gội, bột thơm xông ướp, chải đầu thơm láng, hoặc mang tràng hoa đẹp, nhuộm mắt xanh biếc, tô điểm mặt mày,

xâu bông tai, soi gương, mang dép da quý, mặc áo trắng mịn, che dù, cầm phất lông, trang sức cờ hiệu, còn Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác chuyện trò du hí, chơi cờ đánh bạc, cờ tám đường, mười đường cho đến trăm ngàn đường, đủ các trò chơi. Sa-môn Cù-đàm không như vậy.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng vẫn nói lời vô ích chướng ngại đạo, hoặc bàn việc vua chúa, quân mã, chiến đấu, việc quân liêu đại thần, xe ngựa ra vào, dạo chơi vườn quán và luận việc nữ nhân, nằm ngòai đi đứng, việc y phục, ăn uống, thân thích; lại nói chuyện vào biển tìm châu báu. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy đã nhận thức ăn của tín thí, bằng vô số phương tiện, làm điều tà mạng, chuốt lời dua nịnh, gợi ý, chê bai, lấy lợi cầu lợi. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng cùng nhau tranh cãi, hoặc nơi vườn quán, hoặc ở ao tắm, trong nhà, thị phi lẫn nhau, rằng: Ta biết kinh luật. người không biết gì; ta đi đường chánh, người đi đường tà, đem trước để sau, lấy sau để trước; ta nhẫn người được, người không nhẫn được; người nói điều gì đều không chánh đáng; nếu có nghi ngờ hãy đến hỏi ta, ta đáp cho cả. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy đã ăn của tín thí, nhưng tìm đủ phương tiện làm thông sứ cho vua, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ; đi từ đây đến kia, từ kia đến đây; đem tin qua lại, hoặc tự làm, hoặc dạy người làm. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy đã ăn của tín thí, nhưng lo luyện tập chiến trận, đấu tranh, đao gậy cung tên, chọi gà, chó, heo, dê, voi, ngựa, trâu, lạc đà. Hoặc đấu tài trai gái, hoặc luyện các thứ tiếng, tiếng thối, tiếng trống, tiếng ca, tiếng múa, luyện các trò kỹ thuật, leo cột phướn, leo xuôi leo ngược. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

“Như các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo, nuôi sống bằng cách tà vạy, như

xem tướng trai gái tốt xấu lành dữ, xem tướng súc sinh, để cầu lợi dưỡng. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

“Nhuư các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo, nuôi sống bằng cách tà vạy, như kêu gọi quỷ thần, hoặc lại đuổi đi, các thứ ếm đảo, vô số phương đạo, làm người khiếp sợ; có thể tụ, có thể tán; có thể làm cho khổ, có thể làm cho vui; có thể an thai, trục thai; hoặc phù chú người ta hóa làm lừa, ngựa; có thể khiến người điếc, đui, câm, ngọng; hiện các kỹ thuật; hoặc chấp tay hướng về mặt trời, mặt trăng; hành các khổ hạnh để cầu lợi dưỡng. Sa-môn Cù-đàm không có các việc đó.

“Nhuư các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo, nuôi sống bằng cách tà vạy; hoặc vì người mà chú đảo bệnh tật, đọc ác thuật, tụng thiện chú; làm thuốc thang, châm chích, trị liệu bệnh tật. Sa-môn Cù-đàm không có việc đó.

“Nhuư các Sa-môn, Bà-la-môn tuy ăn của người tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo, sinh hoạt bằng tà mạng: hoặc chú nước lửa, hoặc chú quỷ thần, hoặc chú Sát-ly, hoặc chú voi, hoặc chú chân tay, hoặc bùa chú an nhà cửa; hoặc giải chú lửa cháy, chuột gặm; hoặc đọc sách đoán việc sống chết; hoặc đọc sách giải mộng; hoặc xem tướng tay, tướng mặt; hoặc đọc sách thiên văn; hoặc đọc sách hết thầy âm. Sa-môn Cù-đàm không có những việc ấy.

“Nhuư các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, hành pháp chướng ngại đạo, sinh hoạt bằng tà mạng: xem tướng thiên thời, nói có mưa hay không mưa, thóc quý hay thóc rẻ, nhiều bệnh hay ít bệnh, kinh sợ hay an ổn; hoặc dự đoán động đất, sao chổi, nhật thực, nguyệt thực, tinh tú thực, hay không thực, phương vị ở đâu ;; thầy đều ghi nhận cả. Sa-môn Cù-đàm không có các việc ấy.

“Nhuư các Sa-môn, Bà-la-môn khác tuy ăn của người tín thí, nhưng hành pháp chướng ngại đạo, sinh hoạt bằng tà mạng: hoặc nói nước này sẽ thắng, hoặc nói nước này chẳng bằng; xem tướng tốt xấu, bàn chuyện thịnh suy. Sa-môn Cù-đàm không có việc ấy.

“Các Tỳ-kheo, đây chỉ là nhân duyên trì giới nhỏ nhặt, mà phàm phu ít học kia dựa vào để khen Phật.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, duy chỉ đệ tử Hiền thánh mới có thể tán thán Như Lai bằng pháp này. Thế nào là pháp đại quang minh, mà đệ tử Hiền thánh tán thán Như Lai? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y vào bốn kiếp bốn kiến, mặt kiếp mặt kiến, mà tùy ý lập thuyết với vô số trường hợp khác nhau. Tất cả được tóm thâu vào trong sáu mươi hai kiến. Bốn kiếp bốn kiến, mặt kiếp mặt kiến, với vô số trường hợp khác nhau, tùy ý lập thuyết, không thể vượt ra ngoài sáu mươi hai 62 kiến. Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, do duyên gì, y vào bốn kiếp bốn kiến, mặt kiếp mặt kiến, mà tùy ý lập thuyết với vô số trường hợp khác nhau; tất cả được tóm thâu vào trong sáu mươi hai 62 kiến; chỉ chừng ấy, không hơn?

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, với vô số trường hợp khác nhau, mỗi người tùy ý lập thuyết; tất cả được thâu tóm trong mười tám 18 trường hợp. Các Sa-môn, Bà-la-môn ấy do duyên gì, y bốn kiếp bốn kiến, với vô số trường hợp khác nhau, tùy ý lập thuyết, tất cả được thâu tóm trong 18 mười tám trường hợp; chừng ấy không hơn?

“Những Sa-môn, Bà-la-môn nào y bốn kiến khởi thường trú luận, nói rằng: Bản ngã và thế giới thường tồn. Tất cả thuyết này được thâu tóm vào trong bốn trường hợp. Y bốn kiếp bốn kiến mà nói: Bản ngã và thế giới thường tồn, tất cả được thâu tóm vào trong bốn trường hợp; chừng ấy không hơn.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn kia do duyên gì, y bốn kiếp bốn kiến, khởi thường trú luận, nói rằng, bản ngã và thế giới thường tồn, tất cả được thâu tóm trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại hai mươi thành kiếp và hoại kiếp. Vị ấy bèn nói như vậy: Bản ngã và thế gian thường tồn. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại hai mươi thành kiếp và hoại kiếp. Trong đó, chúng sanh không tăng, không giảm, thường trụ, không tán. Tôi vì thế mà biết, bản ngã và thế gian thường tồn. Đó là trường hợp điểm thứ nhất. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến chủ trương bản ngã và thế giới thường trú, thuộc trong bốn quan điểm, chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại bốn mươi thành kiếp và hoại kiếp. Vị ấy bèn nói như vậy: Bản ngã và thế gian thường tồn. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại bốn mươi thành kiếp và hoại kiếp. Trong đó, chúng sanh không tăng, không giảm, thường tụ, không tán. Tôi vì thế mà biết, bản ngã và thế gian thường tồn. Đó là trường hợp điểm thứ hai. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến chủ trương bản ngã và thế giới thường trú, thuộc trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại tám mươi thành kiếp và hoại kiếp. Vị ấy bèn nói như vậy: Bản ngã và thế gian thường tồn. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại tám mươi thành kiếp và hoại kiếp. Trong đó, chúng sanh không tăng, không giảm, thường tụ, không tán. Tôi vì thế mà biết, bản ngã và thế gian thường tồn. Đó là quan điểm thứ hai. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến chủ trương bản ngã và thế giới thường trú, thuộc trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, là người có trí tuệ nhạy bén, có năng lực quán sát khéo và bằng trí tuệ nhạy bén ấy, phương tiện quán sát, nghĩa là suy xét kỹ, rồi bằng những điều mà mình đã thấy và bằng tài biện thuyết của mình, tuyên bố rằng: Bản ngã và thế gian thường tồn. Đó là quan điểm thứ tư. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó đối với bốn kiếp bốn kiến chủ trương bản ngã và thế gian thường tồn, thuộc trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Như Lai biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt ;; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

“Đó gọi là, còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

“Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

“Một số Sa-môn, Bà-la-môn y bốn kiếp bốn kiến đề lên luận thuyết rằng Bản ngã và thế gian, một nửa thường và một nửa vô thường. Các Sa-môn, Bà-la-môn nào nhân đó đối với bốn kiếp bốn kiến chủ trương bản ngã và thế gian một nửa thường và một nửa vô thường, đều thuộc trong bốn trường hợp này; chừng ấy không hơn.

“Hoặc có một thời gian, kiếp này bắt đầu thành tựu. Một số chúng sanh khác phước hết, mạng dứt, hành dứt, từ trời Quang âm mạng chung sanh vào Phạm thiên trống không, tức thì đối với nơi ấy sanh tâm yêu thích, lại ước nguyện có các chúng sanh khác cùng sanh đến chỗ này. Chúng sanh này sau khi sanh tâm yêu thích và có ước nguyện như vậy rồi, lại có các chúng sanh khác mà mạng, hành và phước đều hết, chết ở trời Quang âm sanh đến Phạm thiên trống không. Chúng sanh này bèn nghĩ: Ở đây, ta là Phạm, Đại phạm. Ta tự nhiên hiện hữu, không có ai tạo ra ta. Ta biết hết thảy nghĩa đế. Ta tự tại trong một ngàn thế giới, là tôn quý bậc nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất. Là cha của chúng sanh, riêng mình ta hiện hữu trước nhất. Chúng sanh sanh ra sau này đều do ta hóa thành. Chúng sanh sanh đến sau kia lại có ý nghĩ như vậy: Vị kia là Đại phạm. Vị kia có khả năng tự tạo, không có ai là người sáng tạo ra vị ấy. Ngài biết rõ hết nghĩa đế; tự tại trong một ngàn thế giới, tôn quý bậc nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất. Là cha của chúng sanh, riêng vị ấy hiện hữu trước nhất. Chúng ta hiện hữu sau. Chúng sanh chúng ta đều do vị ấy hóa thành. Chúng sanh ở Phạm thiên kia khi mạng và hành đã hết bèn sanh đến thế gian; tuổi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, tự mình biết được đời trước, bèn nói như vậy: Đại phạm kia có khả năng tự tạo; không do ai tạo ra. Ngài biết hết nghĩa đế, tự tại trong một ngàn thế giới, là tôn quý bậc nhất, có khả năng biến hóa, vi diệu bậc nhất. Là cha của chúng sanh, thường trú bất biến. Nhưng các chúng sanh do Phạm thiên kia sáng tạo như chúng ta, chúng ta thì vô thường biến dịch,

không tồn tại lâu dài. Vì vậy biết rằng bản ngã và thế gian nửa thường và nửa vô thường. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là trường hợp thứ nhất. Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến đề khởi luận thuyết nửa thường nửa vô thường, thuộc trong bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Hoặc có chúng sanh thích vui đùa, biếng nhác, mãi mãi vui đùa lấy làm thỏa thích. Kia khi vui đùa thỏa thích, thân thể mệt mỏi, bèn thất ý. Do thất ý mà mạng chung, sanh đến thế gian; tuổi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định ý tam-muội, từ tam-muội tâm, tự mình biết được đời trước, bèn nói như vậy: Các chúng sanh còn lại kia do không vui đùa thỏa thích nhiều nên thường trú ở chỗ kia. Ta do vui đùa thỏa thích nhiều nên phải chịu vô thường, là pháp biến dịch. Vì vậy, ta biết rằng: bản ngã và thế gian nửa thường nửa vô thường. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là trường hợp thứ hai; Sa-môn Bà-la-môn nhân đó đối với bốn kiếp bốn kiến đề khởi luận thuyết rằng bản ngã và thế giới nửa thường nửa vô thường; thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có chúng sanh sau khi nhìn ngó nhau, liền thất ý. Do thất ý mà mạng chung, sanh đến thế gian; tuổi lớn dần, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định ý tam-muội, từ tam-muội tâm, tự mình biết được đời trước, bèn nói như vậy: Các chúng sanh còn lại kia do không nhìn ngó nhau nên không thất ý. Vì vậy, chúng thường trú bất biến. Chúng ta vì nhiều lần nhìn ngó nhau; sau khi nhìn ngó nhau nhiều lần liền thất ý, khiến cho phải vô thường, là pháp biến dịch. Ta vì vậy biết rằng bản ngã và thế gian nửa thường nửa vô thường. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là trường hợp thứ ba, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến đề xuất luận thuyết rằng bản ngã và thế giới nửa thường nửa vô thường; thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, là người có trí tuệ nhạy bén, có năng lực quán sát khéo và bằng trí tuệ quán sát nhạy bén ấy và bằng trí biện thuyết của mình, tuyên bố rằng: Bản ngã và thế gian nửa thường nửa vô thường. Đó là quan điểm thứ tư, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến chủ trương bản ngã và thế gian thường tồn, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Như Lai biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

“Đó gọi là, còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

“Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

“Một số Sa-môn, Bà-la-môn y bốn kiếp bốn kiến đề lên luận thuyết rằng Bản ngã và thế gian là hữu biên và vô biên. Các Sa-môn, Bà-la-môn nào nhân đó y bốn kiếp bốn kiến chủ trương bản ngã và thế gian hữu biên và vô biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, khởi lên vô biên tưởng, vị ấy nói rằng: Thế gian là hữu biên. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Ta bằng vô số phương tiện nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, quán sát thấy rằng thế gian có biên tế. Vì vậy biết rằng thế gian là hữu biên. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là trường hợp thứ nhất, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến đề xướng luận thuyết rằng bản ngã và thế giới hữu biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, khởi lên vô biên tưởng, vị ấy nói rằng: Thế gian là vô biên. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Ta bằng vô số phương tiện nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, quán sát thấy rằng thế gian không có biên tế. Vì vậy biết rằng thế gian là hữu biên. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là trường hợp thứ hai, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến đề xướng luận thuyết rằng bản ngã và thế giới vô biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, quán sát thế gian, thấy rằng

phương trên có biên, bốn phương không có biên, vị ấy nói rằng: Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên. Đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Ta bằng vô số phương tiện nhập định ý tam-muội. Với tam-muội tâm, quán sát thấy phương trên có biên`ên, còn bốn phương không có biên. Vì vậy biết rằng thế gian vừa hữu biên vừa vô biên. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là trường hợp thứ ba, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến đề xướng luận thuyết rằng bản ngã và thế giới vô biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, là người có trí tuệ nhạy bén, có năng lực quán sát khéo, rồi bằng trí tuệ quán sát nhạy bén và bằng trí biện thuyết của mình, tuyên bố rằng: Bản ngã và thế gian không phải hữu biên, không phải vô biên. Đó là trường hợp thứ tư, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến chủ trương bản ngã và thế gian hữu biên hay vô biên, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Như Lai biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

“Đó gọi là, còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

“Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

“Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, được hỏi khác nhưng trả lời khác. Những vị ấy mỗi khi có người hỏi điều này hay điều khác, được hỏi khác, trả lời khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó y bốn kiếp bốn kiến, hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Tôi không thấy, không biết, thiện ác có quả báo chăng? không có quả báo chăng? Vì tôi không thấy, không biết

nên nói như vậy: Thiện ác có quả báo chăng? không có quả báo chăng? Thế gian có những Sa-môn, Bà-la-môn quảng bác, đa văn, thông minh, trí tuệ, thường ưa nhàn tĩnh, cơ biện tinh vi, được người đời tôn trọng, có thể bằng trí tuệ phân tích khéo léo các quan điểm. Giả sử họ hỏi tôi những nghĩa lý sâu sắc, tôi không thể đáp. Vì thẹn với vị ấy; vì sợ vị ấy, tôi phải dựa vào sự trả lời ấy làm chỗ quy y, làm hòn đảo, làm mái nhà, làm cứu cánh đạo. Giả sử kia có hỏi, tôi sẽ đáp như vậy: Việc này như thế. Việc này là thật. Việc này khác. Việc này không khác. Việc này không phải khác, không phải không khác. Đó là trường hợp thứ nhất, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Tôi không thấy, không biết có thế giới khác chăng? Không có thế giới khác chăng? Trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng thiên nhãn trí, tha tâm trí, có thể thấy những việc xa xôi. Những việc ấy tuy gần người khác nhưng người khác không thấy. Những người như vậy có thể biết có thế giới khác hay không có thế giới khác. Tôi không biết, không thấy có thế giới khác hay không có thế giới khác. Nếu tôi nói, thì đó là nói dối. Vì ghét nói dối, sợ nói dối. Vì vậy, để làm chỗ quy y, làm hòn đảo, làm mái nhà, làm cứu cánh đạo, giả sử kia có hỏi, tôi sẽ đáp như vậy: Việc này như vậy. Việc này là thật. Việc này khác. Việc này không khác. Việc này không phải khác, không phải không phải không khác. Đó là trường hợp thứ hai, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có quan điểm như vậy, có luận thuyết như vậy: Tôi không thấy, không biết thiện là gì, bất thiện là gì. Nếu tôi không thấy, không biết mà nói như vậy: đây là thiện, đây là bất thiện, thì do đây tôi sanh ái, từ ái sanh sân nhuế. Có ái, có nhuế, thì có thọ sanh. Tôi vì muốn diệt trừ thọ nên xuất gia tu hành. Kia do ghét thọ, kinh sợ thọ. Vì để làm chỗ quy y, làm hòn đảo, làm mái nhà, làm cứu cánh đạo, nên giả sử kia có hỏi, tôi sẽ trả lời như vậy: Việc này như vậy. Việc này là thật. Việc này khác. Việc này không khác. Việc này không phải khác, không phải không khác. Đó là trường hợp thứ ba, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ngu si ám độ, khi có người hỏi, thì tùy theo người hỏi mà trả lời rằng: Việc này như vậy. Việc này là thật. Việc này khác. Việc này không khác. Việc này không phải khác, không phải không khác. Đó là trường hợp thứ tư, Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó hỏi khác đáp khác, thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, hỏi khác đáp khác, tất cả thuộc trong bốn trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Phật mới có thể biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

“Đó gọi là, còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

“Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng. Đó là pháp gì?

“Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, chủ trương rằng không có nguyên nhân mà xuất hiện có thể gian này. Chủ trương ấy thuộc hai trường hợp. Y bốn kiếp bốn kiến, chủ trương vô nhân mà xuất hiện có thể gian này, thuộc trong hai trường hợp. Chừng ấy không hơn.

“Sa-môn, Bà-la-môn kia nhân sự kiện gì, y bốn kiếp bốn kiến, chủ trương vô nhân mà có, thuộc trong hai trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Có hạng chúng sanh vô tướng, vô tri. Khi chúng sanh kia sanh khởi tướng, tức thì mạng chung, sanh đến thế gian này; rồi dần dần khôn lớn, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhập định ý tam-muội. Bằng tam-muội tâm mà biết được gốc đời trước của mình, vị ấy bèn nói như vậy: Tôi vốn không có. Nay bỗng nhiên có. Thế gian này vốn không, nay có. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là trường hợp thứ nhất, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân

đó, y bốn kiếp bốn kiến, chủ trương không nhân mà có, thuộc trong hai trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ nhạy bén, có khả năng quán sát khéo léo. Vị ấy bằng trí tuệ quán sát nhạy bén, bằng trí tuệ biện luận của mình, nói như vậy: Thế gian này hiện hữu không do nhân. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là trường hợp thứ hai, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y bốn kiếp bốn kiến, chủ trương không nhân mà hiện hữu, mà có thế gian này, thuộc trong hai trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Phật mới có thể biết. (như trên).

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, với vô số trường hợp khác nhau, mỗi người tùy ý lập thuyết; tất cả được thâu tóm trong mười tám trường hợp. Bốn kiếp bốn kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, thuộc trong mười tám trường hợp, chừng ấy không hơn. Duy chỉ Phật mới có thể biết. (như trên).

“Lại có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, thâm sâu. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạng kiếp mạng kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, gồm bốn mươi bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạng kiếp mạng kiến, với vô số trường hợp, tùy lý lập thuyết, thuộc trong bốn mươi bốn 44 trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạng kiếp mạng kiến, sanh hữu tướng luận, nói rằng thế gian có tướng, tất cả thuộc trong mười sáu trường hợp. Y mạng kiếp mạng kiến, sanh hữu tướng luận, nói rằng thế gian có tướng, thuộc trong mười sáu 16 trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạng kiếp mạng kiến, sanh tướng luận, nói rằng thế gian có tướng, thuộc trong mười sáu 16 trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Có các Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh có tướng có sắc. Đây là thật, ngoài ra là dối.⁷² Đó là trường hợp thứ nhất, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y bốn kiếp bốn kiến, sanh tướng luận, nói thế gian có tướng, thuộc trong mười sáu 16 luận chấp, chừng ấy không hơn.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh vô sắc có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có sắc không phải vô sắc, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh có biên, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh không biên, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không biên, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên cũng không phải không biên, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh mà thuần lạc, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Bản ngã, sau kết thúc này, sanh mà thuần khổ, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Bản ngã, sau kết thúc này, sanh vừa có khổ vừa có lạc, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh không phải khổ, không phải lạc, có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh có một tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh có đa biệt tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh có ít tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh có vô lượng tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Đó là mười sáu 16 trường hợp, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y mặt kiếp mặt kiến, sanh tướng luận, nói thế gian có tướng, thuộc trong mười sáu 16 trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Phật mới có thể biết, cũng như vậy.. (như trên).

“Lại có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, thâm sâu. Đó là pháp gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, sanh vô tướng luận, nói thế gian không có tướng. Tất cả thuộc vào trong tám trường hợp. Y mạt kiếp mạt kiến, sanh vô tướng luận, thuộc trong tám trường hợp này, chừng ấy không hơn.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, sanh vô tướng luận, nói thế gian không có tướng, thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Có các Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh có sắc không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh không sắc, không tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, không phải có sắc cũng không phải không có sắc, không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh có biên, không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh không có biên, không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không có biên, không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có người nói: Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên không phải không có biên, không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Đó là tám trường hợp. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y mạt kiếp mạt kiến, sanh vô tướng luận, nói thế gian không có tướng; tất cả thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Phật mới có thể biết, cũng vậy (như trên).

“Lại có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, sâu xa. Đó là pháp gì? Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, sanh phi tướng phi phi tướng luận, nói thế gian không phải có

tưởng không phải không có tướng. Tất cả thuộc trong tám trường hợp. Y mặt kiếp mặt kiến, chủ tướng phi tướng phi phi tướng luận, thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mặt kiếp mặt kiến, chủ tướng phi tướng phi phi tướng luận, thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh có sắc, không phải có tướng không phải không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh không sắc, không phải có tướng không phải không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, không phải có tướng không phải không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có sắc không phải không sắc, không phải có tướng không phải không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh có biên, không phải có tướng không phải không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh không có biên, không phải có tướng không phải không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không có biên, không phải có tướng không phải không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên không phải không có biên, không phải có tướng không phải không có tướng. Đây là thật, ngoài ra là dối.

“Đó là tám trường hợp. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nhân đó, y mặt kiếp mặt kiến, sanh phi hữu tướng phi vô tướng, nói thế

gian không phải có tướng không phải không có tướng, thầy đều thuộc trong tám trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Phật mới có thể biết, cũng vậy. như trên.

“Lại có pháp khác, là ánh sáng của pháp vi diệu, sâu xa. Pháp đó là gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, khởi lên đoạn diệt luận, nói rằng chúng sanh hoàn toàn đoạn diệt; tất cả thuộc trong bảy trường hợp. Y mạt kiếp mạt kiến, khởi đoạn diệt luận, nói rằng chúng sanh hoàn toàn đoạn diệt, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, khởi đoạn diệt luận, nói rằng chúng sanh hoàn toàn đoạn diệt, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: Ta, với thân bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng bằng sữa; trưởng thành nhờ áo cơm, nhờ vuốt ve, bông ẵm; nhưng là vô thường, chắc chắn đi đến chỗ hủy diệt. Cho đến mức ấy, được gọi là đoạn diệt. Đó là trường hợp thứ nhất.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Cái ta đây không thể gọi là đoạn diệt. Cái ta dục giới thiên mới đoạn diệt hoàn toàn; cho đến mức ấy mới là đoạn diệt. Đó là trường hợp thứ hai.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đây không phải là đoạn diệt. Ta sắc giới hóa thân, các căn đầy đủ, đoạn diệt hoàn toàn; chừng mức ấy mới gọi là đoạn diệt.

“Hoặc có người nói: Đây không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc giới không xứ mới đoạn diệt.

“Hoặc có người nói: Đây không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc thức xứ mới đoạn diệt.

“Hoặc có người nói: Đây không phải đoạn diệt. Ta vô sắc bất dụng xứ đoạn diệt.

“Hoặc có người nói: Đây không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc hữu tướng vô tướng xứ đoạn diệt. Đó là đoạn diệt thứ bảy.

“Đó là bảy trường hợp, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y mạt kiếp mạt kiến, nói các loại chúng sanh đoạn diệt hoàn toàn, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Phật mới có thể biết, cũng vậy. (như trên).

“Lại có pháp, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, sâu xa. Đó là pháp gì? Có Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, đề xuất hiện tại Niết-bàn luận, nói rằng chúng sanh trong hiện tại có Niết-bàn; thấy đều thuộc trong năm trường hợp. Y mạt kiếp mạt kiến, chủ trương hiện tại Niết-bàn luận, thuộc trong năm kiến, chừng ấy không hơn.

“Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mạt kiếp mạt kiến, nói rằng chúng sanh trong hiện tại có Niết-bàn, thuộc trong năm trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Có Sa-môn, Bà-la-môn, quan điểm như vậy, luận thuyết như vậy: Ta trong hiện tại phóng túng theo năm dục, ấy là ta đạt Niết-bàn trong hiện tại. Đó là trường hợp thứ nhất.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đó là hiện tại Niết-bàn, chứ không phải là không đúng. Nhưng còn có Niết-bàn vi diệu bậc nhất mà người không biết; chỉ ta biết mà thôi. Như ta ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do định sanh, nhập Sơ thiên. Đây mới là hiện tại Niết-bàn. Đó là trường hợp thứ hai.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đó là hiện tại Niết-bàn, chứ không phải là không đúng. Nhưng có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà người không biết; chỉ mình ta biết mà thôi. Như ta diệt giác quán, nội tâm tịch tĩnh, nhất tâm, không giác quán, hỷ lạc do định sanh, nhập đệ Nhị thiên. Chừng ấy mới gọi là hiện tại Niết-bàn. Đó là trường hợp thứ ba.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đó là hiện tại Niết-bàn, chứ không phải là không đúng. Nhưng có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà người không biết; chỉ mình ta biết mà thôi. Như ta lìa hỷ, an trú xả và niệm, nhất tâm, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói, an trú lạc và xả, nhập đệ Tam thiên. Chừng ấy mới là hiện tại Niết-bàn. Đó là trường hợp thứ tư.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đó là hiện tại Niết-bàn, không phải là không đúng. Nhưng còn hiện tại Niết-bàn vi diệu bậc nhất mà người không biết. Chỉ mình ta biết thôi. Như ta lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã trừ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập đệ Tứ thiên. Ấy mới gọi là hiện tại Niết-bàn. Đó là trường hợp thứ năm. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương hiện tại Niết-bàn luận, thuộc trong năm trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy Phật mới có thể biết, cũng vậy. (như trên).

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, y mạt kiếp mạt kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, thuộc trong bốn mươi bốn trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy Phật mới có thể biết các cơ sở quan điểm này, cũng như vậy (như trên).

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, mạt kiếp mạt kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, tất cả thuộc trong sáu mươi hai⁶² trường hợp. Y bốn kiếp bốn kiến, mạt kiếp mạt kiến, với vô số trường hợp, tùy ý lập thuyết, tất cả thuộc trong sáu mươi hai 62 trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy chỉ Như Lai mới biết các cơ sở quan điểm ấy, cũng vậy (như trên).

(như trên).

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, chủ trương thường trú luận, nói: Bản ngã và thế giới là thường. Sa-môn, Bà-la-môn kia ở nơi đó phát sanh trí, nghĩa là, tín dị biệt, dục dị biệt, học hỏi dị biệt, duyên dị biệt, giác dị biệt, kiến dị biệt, định dị biệt, nhãn dị biệt. Nhân đây mà sanh trí và kia do hiện hữu phổ biến mà được gọi là thọ,..., cho đến, hiện tại Niết-bàn, cũng lại như vậy.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương thường trú luận, nói: Thế gian là thường, các vị ấy nhân bởi duyên là thọ mà khởi ái; sanh khởi ái mà tự mình không hay biết, bị nhiễm trước bởi ái, bị khuất phục bởi ái,..., cho đến hiện tại Niết-bàn; cũng lại như vậy.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, chủ trương thường trú luận, nói Thế gian là thường, các vị ấy do bởi duyên là xúc. Nếu lìa xúc duyên thì không thể lập luận,..., cho đến hiện tại Niết-bàn, cũng lại như vậy.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn kiến, mạt kiếp mạt kiến, mỗi người tùy theo sở kiến mà nói; tất cả đều gồm trong sáu mươi hai 62 kiến. Mỗi người tùy ý thuyết; thảy đều y trên đó, ở trong đó, chừng ấy không hơn. Cũng như người chài khéo, bằng tấm lưới dày mắt giăng trên ao nhỏ, nên biết, hết thảy các loài thủy tộc trong ao đều lọt vào lưới, không chỗ tránh thoát, chừng ấy không hơn. Cũng vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn, y bốn kiếp bốn

kiến, mặt kiếp mặt kiến, với nhiều thuyết khác nhau, tất cả thuộc vào sáu mươi hai 62 kiến, chừng ấy không hơn.

“Nếu Tỳ-kheo, đối với sự tập khởi của sáu xúc, sự diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly, mà biết rõ như thật, Tỳ-kheo ấy là người tối thắng, vượt ngoài các kiến ấy. Như Lai tự biết, sự sanh đã dứt, sở dĩ có thân là để phước độ chư Thiên, nhân loại. Nếu Như Lai không có thân, người đời không chỗ nương cậy. Cũng như cây Đa-la bị chặt ngọn không còn sống trở lại nữa. Phật cũng vậy, đã đoạn sanh tử, vĩnh viễn không còn tái sanh.”

Khi Phật nói pháp này, đại thiên thế giới ba lần chuyển mình với sáu cách rung động. Lúc ấy, A-nan đứng sau Phật đang cầm quạt hầu Phật, liền trích áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

“Pháp này rất sâu xa, nên gọi tên là gì? Nên phụng trì như thế nào?

Phật bảo A-nan:

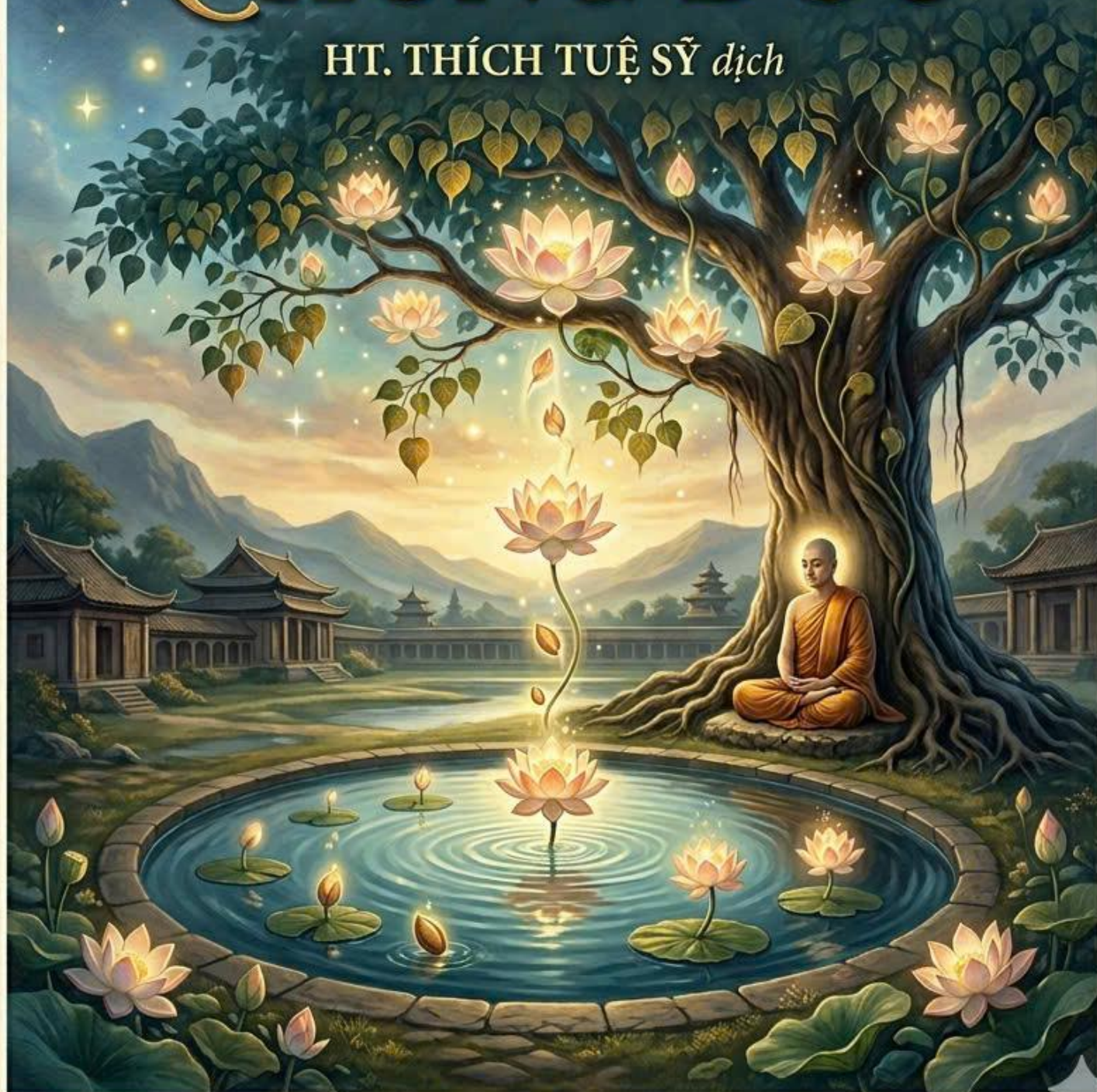
“Nên đặt kinh này là Nghĩa động, Pháp động, Kiến động, Ma động, Phạm động “.”

Bấy giờ A-nan sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH CHỦNG ĐÚC

HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH CHỨNG ĐỨC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại Ương-già, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, du hành trong nhân gian, nghỉ đêm tại thành Chiêm-bà bên bờ hồ Già-già.

Lúc ấy có Bà-la-môn tên Chứng Đức sống ở Chiêm-bà. Thành ấy nhân dân đông đúc, sầm uất, sung túc. Vua Ba-tư-nặc phong thành này cho Bà-la-môn ấy làm phạm phần.

Người Bà-la-môn này, bảy đời cha mẹ trở lại đều chân chánh không bị người khác khi dễ, đọc tụng thông suốt ba bộ sách của dị học, có thể phân tích các thứ kinh thư; chỗ sâu xa của thế điển không thứ nào không nghiên ngẫm; lại giỏi xem tướng đại nhân, xem thời tiết tốt xấu, nghi lễ tế tự. Ông có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế.

Bấy giờ, trong thành Chiêm-bà các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, nghe tin Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia và thành đạo, từ Ương-già, du hành trong nhân gian, đến thành Chiêm-bà, ở bên bờ hồ Già-già. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc chân nhân như vậy nên đến viếng thăm. Nay ta cũng nên đến thăm Ngài. Nói như vậy xong, bèn rủ nhau ra khỏi thành Chiêm-bà, từng đoàn lũ lượt nối nhau, muốn đến chỗ Phật.

Lúc ấy, Bà-la-môn Chứng Đức đang ngồi trên đài cao, từ xa trông thấy đoàn người lũ lượt nối nhau, bèn quay hỏi người hầu:

“Những người ấy vì nhân duyên gì mà lũ lượt nối nhau, muốn đi đâu vậy?”

Người hầu thưa:

“Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia và thành đạo, từ Ương-già, du hành trong nhân gian, đến thành

Chiêm-bà, ở bên bờ hồ Già-già. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người, lời nói khoảng đâu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trong thành Chiêm-bà này tụ họp, nối nhau để đến thăm viếng Sa-môn Cù-đàm vậy."

Rồi Bà-la-môn Chủng Đức liền ra lệnh cho người hầu rằng:

"Người hãy nhanh chóng mang lời ta đến với các người ấy rằng: Các người hãy dừng lại một lát, hãy đợi ta đến, rồi cùng đi đến chỗ Cù-đàm kia."

Người hầu tức thì mang lời của Chủng Đức đến nói với các người ấy rằng: "Các người hãy dừng lại một lát, hãy đợi ta đến, rồi cùng đi đến chỗ Cù-đàm kia."

Lúc ấy, mọi người trả lời rằng:

"Người hãy nhanh chóng trở về thưa với Bà-la-môn rằng, nay thật là phải thời, nên cùng nhau đi."

Người hầu trở về thưa:

"Những người ấy đã dừng rồi. Họ nói: nay thật là phải thời, nên cùng nhau đi."

Bà-la-môn liền xuống đài, đến đứng cửa giữa.

Bấy giờ có năm trăm Bà-la-môn khác, có chút duyên sự, trước đó đã tụ tập dưới cửa. Thấy Bà-la-môn Chủng Đức đến, thảy đều đứng dậy nghinh đón, hỏi rằng:

"Đại Bà-la-môn, ngài muốn đi đâu đây?"

Chủng Đức đáp:

"Có Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia và thành đạo, từ Ương-già, du hành trong nhân gian, đến thành Chiêm-bà, ở bên bờ hồ Già-già. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người, lời nói khoảng đâu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc Chân nhân như vậy nên đến viếng thăm. Nay ta muốn đến thăm Ngài."

Năm trăm người Bà-la-môn liền thưa với Chủng Đức:

“Ngài chớ đi thăm. Vì sao? Kia nên đến đây chứ đây không nên đến kia. Nay Đại Bà-la-môn, bảy đời cha mẹ đều chân chánh không bị gièm pha. Nếu đã có đủ điều kiện như vậy. Thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia. Lại nữa, Đại Bà-la-môn tụng đọc thông suốt ba bộ sách dị học, có thể phân tích các loại kinh thư, những chỗ sâu xa của thế điển, không chỗ nào không nghiên ngẫm. Lại giỏi xem tướng đại nhân, xem tướng tốt xấu, nghi lễ tế tự. Đã thành tựu những pháp ấy, thì kia nên đến đây, chứ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại Bà-la-môn dung mạo đoan chánh, có sắc tướng của Phạm thiên. Đã thành tựu pháp ấy thì kia nên đến đây chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại Bà-la-môn có giới đức tăng thượng, trí tuệ thành tựu. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia”.

“Lại nữa, Đại Bà-la-môn có lời nói nhu hòa, biện tài đầy đủ, nghĩa và vị thanh tịnh. Đã có đủ pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại Bà-la-môn là đại tôn sư, có đông đệ tử. Đã có đủ pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại Bà-la-môn thường dạy dỗ năm trăm Bà-la-môn. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại Bà-la-môn có học giả bốn phương đến xin thọ giáo, được hỏi các kỹ thuật, các pháp tế tự, thầy đều trả lời được cả. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại Bà-la-môn được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại Bà-la-môn trí tuệ sáng suốt, nói năng thông lợi, không hề khiếm nhược. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.”

Chủng Đức nói với các Bà-la-môn:

“Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như điều các ông nói. Tôi có đủ các đức ấy, chớ không phải không có. Nhưng các ông hãy nghe tôi nói. Sa-môn Cù-đàm có công đức mà chúng ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây. Sa-môn Cù-đàm từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh không bị gièm pha. Kia đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia, chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, xuất thân từ giai cấp Sát-ly. Đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh chỗ tôn quý, nhưng đã xuất gia hành đạo. Thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sắc sáng đầy đủ, chủng tánh chân chánh, nhưng đã xuất gia tu đạo. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh vào gia đình giàu có, có uy lực lớn, nhưng đã xuất gia hành đạo. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đủ giới Hiên thánh, thành tựu trí tuệ. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khéo léo nơi ngôn ngữ, dịu dàng hòa nhã. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là Bạc Đạo Sư của đại chúng, có đông đệ tử. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm vĩnh viễn diệt trừ dục ái, không có sơ suất thô tháo, ưu tư và sợ hãi đã trừ, lông tóc không dựng đứng, hoan hỷ, hòa vui; được mọi người thì khen ngợi, khéo nói quả báo của hành vi, không chê bai đạo khác. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm thường được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa lễ kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia, chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la lễ kính cúng dường; cũng được Bà-la-môn Phạm, Bà-la-môn Đa-lợi-già, Bà-la-môn Cú Xỉ, Thủ-ca-ma-nạp Đô-da Tử thăm gặp cúng dường. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Thanh văn đệ tử sùng phụng, lễ kính cúng dường; cũng được chư Thiên và các chúng quỷ thần khác cung kính. Các dòng họ Thích-ca, Câu-ly, Minh-ninh, Bạt-kỳ, Mạt-la, Tô-ma, thầy đều phụng thừa. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao cho vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa ba quy và năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao ba quy năm giới cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la v.v... Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thọ ba quy năm giới; chư Thiên, dòng họ Thích, Câu-ly v.v..., thầy đều thọ ba quy năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi du hành được hết thầy mọi người cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, những thành quách, tụ lạc mà Sa-môn Cù-đàm đã đến, đều được mọi người cúng dường. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, các loài phi nhân, quỷ thần không dám xúc nhiễu. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, nhân dân ở đó đều thấy ánh sáng, nghe âm nhạc trời. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi muốn rời khỏi chỗ đã đến. Mọi người đều luyến mộ, khóc lóc mà tiễn đưa. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Sa-môn Cù-đàm khi mới xuất gia, cha mẹ khóc lóc, thương nhớ tiếc nuôi. Đã thành tựu pháp này thì ta nên đến kia chứ kia không nên đến ta.

“Sa-môn Cù-đàm xuất gia khi còn trai trẻ, dẹp bỏ các thứ trang sức, voi, ngựa, xe báu, ngũ dục, anh lạc. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khước từ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia hành đạo. Nếu Ngài tại gia, sẽ trị vì bốn thiên hạ, thống lãnh dân vật, thì chúng ta đều là thần thuộc. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ Phạm pháp, có thể nói cho người khác và cũng nói chuyện trao đổi với Phạm thiên. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đầy đủ cả ba hai tướng. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thông suốt, không có khiếm khuyết. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Cù-đàm kia nay đến thành Chiêm-bà này, ở bên bờ hồ Già-già, đối với ta là tôn quý, vả lại là khách. Ta nên thân hành đến thăm viếng.”

Năm trăm Bà-la-môn khi ấy thưa với Chủng Đức rằng:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay, công đức của vị kia đến như vậy chăng? Trong các đức, vị kia chỉ cần có một đức là đã không nên đến đây rồi, huống hồ nay gồm đủ cả. Vậy ta hãy kéo hết đi thăm hỏi”..”

Chủng Đức đáp:

“Người muốn đi thì nên biết thời.”

Rồi Chủng Đức cho thặng cỗ xe báu, cùng với năm trăm Bà-la-môn và các trưởng giả trong thành Chiêm-bà trước sau vây quanh, đi đến hồ Già-già. Cách hồ không xa, ông thầm nghĩ rằng: Giả sử ta hỏi Cù-đàm, mà hoặc giả không vừa ý Ngài, thì vị Sa-môn ấy sẽ chê trách ta, bảo rằng: Nên hỏi như vậy. Không nên hỏi như vậy. Mọi người mà nghe được, cho rằng ta vô trí, sẽ tổn hại cho thanh danh của ta. Giả sử Sa-môn Cù-đàm hỏi ta về nghĩa, mà ta đáp hoặc không vừa ý Ngài, vị Sa-môn ấy sẽ khiển trách

ta, bảo rằng: Nên trả lời như vậy. Không nên trả lời như vậy. Mọi người mà nghe được, cho rằng ta vô trí, sẽ tổn hại cho thanh danh của ta. Giả sử ở đây ta im lặng rồi trở về, mọi người sẽ nói: Ông này chẳng biết gì. Cuối cùng, không thể đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Thế thì cũng tổn hại thanh danh của ta. Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta về pháp của Bà-la-môn, ta sẽ trả lời Cù-đàm đầy đủ, hợp ý Ngài.”

Khi ấy, Chủng Đức ở bên bờ hồ suy nghĩ như vậy rồi, liền xuống xe đi bộ dẫn đầu đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi sang một bên. Bấy giờ các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ thành Chiêm-bà, có người lễ Phật xong rồi ngồi; có người chào hỏi xong rồi ngồi; hoặc có người xưng tên rồi ngồi; hoặc có người chấp tay hướng về Phật rồi ngồi; hoặc có người im lặng mà ngồi xuống. Khi mọi người đã ngồi yên, Phật biết ý nghĩ trong lòng của Chủng Đức, bèn bảo rằng:

“Điều mà ông suy nghĩ, hãy theo ước nguyện của ông.”

Rồi Phật hỏi Chủng Đức:

“Bà-la-môn của ông có mấy pháp để thành tựu?”

Bấy giờ Chủng Đức nghĩ thầm rằng:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực mới thấy được tâm của người, đúng theo ý nghĩ của ta mà hỏi.”

Bà-la-môn Chủng Đức bèn ngồi thẳng người lên, nhìn bốn phía đại chúng, tươi cười hớn hở, rồi mới trả lời Phật rằng:

“Bà-la-môn của tôi có năm pháp để thành tựu, lời nói mới chí thành, không có hư dối. Những gì là năm?”

“1. Bà-la-môn có bảy đời cha mẹ chân chánh không bị người gièm pha.

“2. Đọc tụng thông lợi ba bộ dị học, có thể phân tích các thứ kinh thư, những chỗ u vi của thế điển, không chỗ nào không tổng luyện, lại có thể giỏi phép xem tướng đại nhân, xét rõ cát hung, nghi lễ tế tự.

“3. Dung mạo đoan chánh.

“4. Trì giới đầy đủ.

“5. Trí tuệ thông suốt. Đó là năm. Thưa Cù-đàm, Bà-la-môn thành tựu năm pháp này, thì lời nói chí thành, không có hư dối.”

Phật nói:

“Lành thay, Chủng Đức, có Bà-la-môn nào, trong năm pháp, bỏ một, thành tựu bốn, mà lời nói chí thành, không có hư dối chăng?”

Chủng Đức bạch Phật:

“Có. Vì sao? Thưa Cù-đàm, cần gì dòng họ?? Nếu Bà-la-môn đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, phân tích các loại kinh thư, những chỗ u vi của thế điển, không đâu là không tổng luyện, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, xét rõ cát hung, tế tự nghi lễ, dung mạo đoan chánh, trì giới đầy đủ, trí tuệ thông suốt; có bốn pháp thì lời nói thành thật, không có hư dối.”

Phật nói với Chủng Đức:

“Lành thay, lành thay, nếu trong bốn pháp này, bỏ một, thành tựu ba, mà lời nói vẫn thành thật, không có hư dối, vẫn được gọi là Bà-la-môn chăng?”

Chủng Đức trả lời:

“Có. Cần gì dòng dõi. Cần gì đọc tụng. Nếu Bà-la-môn có dung mạo đoan chánh, trì giới đầy đủ, trí tuệ thông suốt; thành tựu ba pháp này, thì lời nói chân thành, không có hư dối; được gọi là Bà-la-môn.”

Phật nói:

“Lành thay, lành thay. Thế nào, nếu trong ba pháp, bỏ một pháp, thành hai, mà kia lời nói vẫn chí thành, không có hư dối; được gọi là Bà-la-môn chăng?”

Đáp: “Có. Cần gì dòng dõi, đọc tụng và đoan chánh?”

Lúc bấy giờ năm trăm Bà-la-môn ai nấy đều lớn tiếng, nói với Bà-la-môn Chủng Đức:

“Sao lại chê bỏ dòng dõi, đọc tụng và đoan chánh, cho là không cần?”

Thế Tôn nói với năm trăm Bà-la-môn rằng:

“Nếu Bà-la-môn Chủng Đức có dung mạo xấu xí, không có dòng dõi, đọc tụng không thông suốt, không có biện tài, trí tuệ,

khéo trả lời, không đủ khả năng nói chuyện với Ta, thì các người nên nói. Nếu Bà-la-môn Chủng Đức có dung mạo đoan chánh, chủng tánh đầy đủ, đọc tụng thông suốt, trí tuệ biện tài, giỏi văn đáp, đủ khả năng cùng Ta luận nghị, thì các người hãy im lặng, nghe người này nói.”.

Bấy giờ, Bà-la-môn Chủng Đức bạch Phật:

“Xin Cù-đàm tạm ngừng giây lát. Tôi sẽ tự mình dùng pháp đi khuyên bảo những người này.”

Chủng Đức ngay sau đó nói với năm trăm Bà-la-môn:

“Ương-già Ma-nạp nay đang ở trong chúng này. Đó là cháu của ta. Các người có thấy không? Nay các đại chúng cùng tụ hội hết ở đây. Duy trừ Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, kỳ dư có ai bằng Ma-nạp này? Nhưng nếu Ma-nạp này sát sanh, trộm cướp, dâm dật, vô lễ, dối trá, lừa gạt, lấy lửa đốt người, chặn đường làm chuyện ác. Nay các Bà-la-môn, nếu Ương-già Ma-nạp này làm đủ chuyện ác, thế thì đọc tụng, đoan chánh, để làm gì?”

Năm trăm Bà-la-môn lúc ấy im lặng không trả lời. Chủng Đức bạch Phật:

“Nếu trì giới đầy đủ, trí tuệ thông suốt, thế thì lời nói chí thành, không hư dối, được gọi là Bà-la-môn.”

Phật nói:

“Lành thay, lành thay, thế nào, Chủng Đức, trong hai pháp nếu bỏ một mà thành tựu một, thì lời nói vẫn thành thật, không có hư dối, được gọi là Bà-la-môn chăng?”

Đáp:

“Không thể được. Vì sao? Giới tức trí tuệ. Trí tuệ tức giới. Có giới, có trí, sau đó lời nói mới thành thật, không có hư dối, tôi gọi là Bà-la-môn.”

Phật nói:

“Lành thay, lành thay, đúng như ông nói. Có giới thì có tuệ. Có tuệ thì có giới. Giới làm thanh tịnh tuệ. Tuệ làm thanh tịnh giới. Chủng Đức, như người rửa tay, tay trái và tay phải cần cho nhau. Tay trái rửa sạch tay phải, tay phải rửa sạch tay trái. Cũng vậy, có tuệ thì có giới. Có giới thì có tuệ. Giới làm sạch tuệ. Tuệ làm sạch giới. Bà-la-môn, ai đầy đủ giới và tuệ, ta gọi người đó là Tỳ-kheo. ”

Bấy giờ, Chúng Đức bạch Phật:

“Thế nào là giới?”

Phật nói:

“Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe. Hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt từng điều một cho ông nghe.”

Đáp rằng: “Kính vâng. Vui lòng muốn nghe”.

Bấy giờ, Phật nói với Chúng Đức:

“Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, là vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, ở giữa chư Thiên, Người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết cho người; lời nói khoảng đâu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Nếu có trưởng giả, hay con trai trưởng giả, sau khi nghe pháp này, tín tâm thanh tịnh. Do tín tâm thanh tịnh, người ấy suy xét như vậy: Tại gia thật khó, ví như gông cùm; muốn tu hành phạm hạnh mà không thể tự tại. Ta nay hãy cạo râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Người ấy, sau đó, từ bỏ gia đình, bỏ sản nghiệp, từ giã thân tộc, mặc ba pháp y, dẹp các trang sức, đọc tụng từ-ni, đầy đủ giới luật, từ bỏ không sát sanh,..., cho đến, tâm pháp Tứ thiên, đạt được an lạc ngay trong hiện tại. Vì sao? Ấy là do tinh tấn, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình chỗ thanh vắng mà được vậy. Bà-la-môn, đó gọi là giới.”

Lại hỏi:

“Sao gọi là tuệ?”

“Phật nói:

“Nếu Tỳ-kheo, bằng tam-muội tâm, thanh tịnh không cấu uế, mềm mại, dễ điều phục, an trú trạng thái bất động,..., cho đến, chứng đắc ba minh, trừ khử vô minh, phát sanh trí tuệ, diệt trừ tối tăm, sanh ánh sáng đại pháp, xuất trí tuệ lậu tận. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng mà được vậy. Bà-la-môn, đó là đầy đủ trí tuệ.”

Khi ấy, Chúng Đức liền bạch Phật rằng:

“Nay con quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, suốt

đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu.”

Bấy giờ, Chủng Đức Bà-la-môn sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch

KINH CỨU LA ĐÀN ĐẦU



TRƯỜNG A HÀM

KINH CỨU LA ĐÀN ĐẦU

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Câu-tát-la, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người du hành trong nhân gian, đến phía Bắc xóm Bà-la-môn Khư-nậu-bà-đề ở Câu-tát-la, nghỉ đêm trong rừng Thi-xá-bà.

Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Cứu-la-đàn-đầu đang nghỉ tại thôn Khư-nậu-bà-đề. Xóm ấy sung túc, nhân dân đông đúc, vườn quán, ao tắm, cây cối, trong xanh, tươi mát. Vua Ba-tư-nặc phong thôn ấy cho Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu làm phạm phần. Bà-la-môn này từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh không bị người khinh nhờn, đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các loại kinh thư. Thế điển u vi, không thứ nào không tổng luyện; lại giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ. Ông có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không hề bỏ phế. Khi ấy, Bà-la-môn muốn thiết lễ đại tế, chuẩn bị năm trăm con bò đực, năm trăm con bò cái, năm trăm con bê đực, năm trăm con bê cái, năm trăm con dê và năm trăm con cừu để dâng cúng.

Lúc bấy giờ, các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trong thôn Khư-nậu-bà-đề nghe tin Sa-môn Cù-đàm, con trai dòng họ Thích, đã xuất gia và thành đạo, từ nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến nghỉ ở rừng Thi-xá-bà. Ngài có tiếng tăm lớn, lan truyền khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn. Mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng pháp cho người, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. “Bậc Chân nhân như vậy, nên đến thăm viếng. Nay chúng ta hãy cùng đi thăm viếng Ngài”. Nói như vậy rồi, họ kéo nhau ra khỏi thôn Khư-nậu-bà-đề, từng đoàn nối tiếp nhau, cùng đến chỗ Phật.

Khi ấy Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu đang ở trên lầu cao, từ xa trông thấy từng đoàn người nối tiếp nhau, bèn quay lại hỏi người hầu:

“Những người kia do nhân duyên gì mà từng đoàn nối tiếp nhau, muốn đi đâu vậy?”

Người hầu thưa:

“Tôi nghe đồn, Sa-môn Cù-đàm, con trai dòng họ Thích, đã xuất gia và thành đạo, từ nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến nghỉ ở rừng Thi-xá-bà. Ngài có tiếng tăm lớn, lan truyền khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn. Mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết pháp cho người, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Những người Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trong thôn này, từng đoàn nối tiếp nhau, muốn đến thăm viếng Sa-môn Cù-đàm vậy.”

Rồi Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu liền ra lệnh cho người hầu rằng:

“Người hãy nhanh chóng mang lời ta đến với các người ấy rằng: Các khanh hãy dừng lại một lát, hãy đợi ta đến, rồi cùng đi đến chỗ Cù-đàm kia.”

Người hầu tức thì mang lời của Cứu-la-đàn-đâu đến nói với các người ấy rằng: “Các người hãy dừng lại một lát, hãy đợi ta đến, rồi cùng đi đến chỗ Cù-đàm kia”.

Lúc ấy, mọi người trả lời rằng:

“Người hãy nhanh chóng trở về thưa với Bà-la-môn rằng, nay thật là phải thời, nên cùng nhau đi.”

Người hầu trở về thưa:

“Những người ấy đã dừng rồi. Họ nói: nay thật là phải thời, nên cùng nhau đi.”

Bà-la-môn liền xuống đài, đến đứng cửa giữa.

Bấy giờ có năm trăm Bà-la-môn khác đang ngồi bên ngoài cửa giữa, giúp Cứu-la-đàn-đâu thiết lễ đại tự. Thấy Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu đến, thấy đều đứng dậy nghinh đón, hỏi rằng:

“Đại Bà-la-môn, ngài muốn đi đâu đây?”

Cứu-la-đàn-đâu đáp:

“Có Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích, xuất gia và thành đạo, đang ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến rừng Thi-xá-bà, phía Bắc thôn Khư-nậu-bà-đê. Ngài có tiếng tăm lớn, đồn khắp thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười

hiệu, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh. Bậc Chân nhân như vậy nên đến viếng thăm. Nay các ngài Bà-la-môn, ta lại nghe nói Cù-đàm biết ba loại tế tự, mười sáu tư cụ tế tự. Ta tuy là hàng tiên học cứu thức trong chúng, nhưng có chỗ chưa biết rõ. Nay ta muốn cử hành đại tế tự, bò và dê đã đủ. Ta muốn đến Cù-đàm để hỏi về ba pháp tế tự và mười sáu tư cụ tế tự. Nếu chúng ta có được pháp tế tự rồi, công đức đầy đủ, tiếng tăm sẽ đồn xa.”

Năm trăm người Bà-la-môn liền thưa với Cứu-la-đàn-đâu:

“Đại sư chớ đi. Vì sao? Kia nên đến đây chứ đây không nên đến kia. Đại sư có bảy đời cha mẹ đều chân chánh không bị gièm pha. Nếu đã có đủ yếu tố như vậy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia. Lại nữa, Đại sư tụng đọc thông suốt ba bộ sách dị học, có thể phân tích các loại kinh thư, thể điển u vị, không thứ nào là không tổng luyện. Lại giỏi xem tướng đại nhân, xem tướng tốt xấu, nghi lễ tế tự. Đã thành tựu những pháp ấy, thì kia nên đến đây, chứ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại sư dung mạo đoan chánh, có sắc tướng của Phạm thiên. Đã thành tựu pháp ấy thì kia nên đến đây chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại sư có giới đức tăng thượng, trí tuệ thành tựu. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.”

“Lại nữa, Đại sư có lời nói nhu hòa, biện tài đầy đủ, nghĩa và vị thanh tịnh. Đã có đủ pháp ấy, thì kia nên đến đây chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại sư là vị dẫn đầu đại chúng, có đông đệ tử. Đã có đủ pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại sư thường dạy dỗ năm trăm Bà-la-môn. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại sư có học giả bốn phương đến xin thọ giáo; được hỏi các kỹ thuật, các pháp tế tự, thảy đều trả lời được cả. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chớ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại sư được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp ấy thì kia nên đến đây chứ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại sư giàu có nhiều tài bảo, kho tàng đầy ắp. Đã thành tựu pháp ấy thì kia nên đến đây chứ đây không nên đến kia.

“Lại nữa, Đại sư có trí tuệ sáng suốt, nói năng thông lợi, không hề khiếm khuyết. Đã thành tựu pháp ấy, thì kia nên đến đây, chứ đây không nên đến kia.

“Đại sư nếu đã đủ mười pháp như vậy, thì kia nên đến đây, chứ đây không nên đến kia.

Cứu-la-đàn-đâu nói với các Bà-la-môn:

“Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như điều các ông nói. Tôi thật có đủ các đức ấy, chứ không phải không có. Nhưng các ông hãy nghe tôi nói. Sa-môn Cù-đàm có công đức để chúng ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây. Sa-môn Cù-đàm từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh không bị gièm pha. Kia đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia, chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có dung mạo đoan chánh, xuất thân từ giai cấp Sát-ly. Đã thành tựu pháp này, chúng ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh chỗ tôn quý, nhưng đã xuất gia hành đạo . Thành tựu pháp này, ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sắc sáng đầy đủ, chủng tánh chân chánh, nhưng đã xuất gia tu đạo. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm sanh vào gia đình giàu có, có uy lực lớn, nhưng đã xuất gia hành đạo. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có đủ giới Hiền thánh, thành tựu trí tuệ. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khéo léo nơi ngôn ngữ, dịu dàng hòa nhã. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chứ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm là Bạc Đạo Sư của đại chúng, có đông đệ tử. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm vĩnh viễn diệt trừ dục ái, không có sơ suất thô tháo, ưu tư và sợ hãi đã trừ, lông tóc không dựng đứng, hoan hỷ, hòa vui; được người khen thiện, khéo nói quả báo của hành vi, không chê bai đạo khác. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm thường được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa lễ kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia, chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la lễ kính cúng dường; cũng được Bà-la-môn Phạm, Bà-la-môn Đa-ly-giá, Bà-la-môn Chủng Đức, Thủ-ca Ma-nạp Đô-da Tử thăm gặp cúng dường. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm được Thanh văn đệ tử tôn thờ, lễ kính cúng dường; cũng được chư Thiên và các chúng quỷ thần khác cung kính. Các dòng họ Thích-ca, Câu-ly, Minh-ninh, Bạt-kỳ, Mạt-la, Tô-ma, thầy đều tôn thờ. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia, chỗ kia không nên đến ta.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao cho vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa ba quy y và năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm truyền trao ba quy năm giới cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la vân vân. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm thọ ba quy năm giới; chư Thiên, dòng họ Thích, Câu-ly., đều thọ ba quy năm giới. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi du hành được hết thầy mọi người cung kính cúng dường. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, những thành quách, thôn ấp mà Cù-đàm đã đến, không đâu là không khuynh động, cung kính cúng dường . Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chỗ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, các loài phi nhân, quỷ thần không dám xúc nhiễu. Đã thành tựu pháp này, ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, nhân dân ở đó đều thấy ánh sáng, nghe âm nhạc trời. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khi muốn rời khỏi chỗ đã đến. Mọi người đều luyến mộ, khóc lóc mà tiễn đưa. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Sa-môn Cù-đàm khi mới xuất gia, cha mẹ, tông thân, khóc lóc, thương nhớ tiếc nuôi. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến ta.

“Sa-môn Cù-đàm xuất gia khi còn trai trẻ, dẹp bỏ các thứ trang sức, voi, ngựa, xe báu, ngũ dục, anh lạc. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm khước từ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia hành đạo. Nếu Ngài tại gia, sẽ trị vì bốn thiên hạ, thống lãnh dân vật, thì chúng ta đều là thần thuộc. Đã thành tựu pháp ấy, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ Phạm pháp, có thể nói cho người khác và cũng nói chuyện trao đổi với Phạm thiên. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm đầy đủ cả ba mươi hai tướng. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thông suốt, không có khiếm khuyết. Đã thành tựu pháp này, thì ta nên đến kia chớ kia không nên đến đây.

“Cù-đàm kia nay đến thôn Khư-nậu-bà-đề này, đối với ta là tôn quý, vả lại là khách. Ta nên thân hành đến thăm viếng.”

Năm trăm Bà-la-môn khi ấy thưa với Cứu-la-đàn-đâu rằng:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay, công đức của vị kia đến như vậy chăng? Trong các đức, giả sử Cù-đàm chỉ cần có một đức là đã không nên đến đây rồi, huống hồ nay gồm đủ cả. Vậy ta hãy kéo hết đi thăm hỏi.”

Cứu-la-đàn-đâu đáp:

“Các người muốn đi thì nên biết thời.”

Rồi Bà-la-môn liền thẳng cổ xe báu, cùng với năm trăm Bà-la-môn và các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ ở Khư-nậu-bà-đề, trước sau vây quanh, đi đến rừng Thi-xá-bà. Đến nơi, xuống xe, đi bộ, tiến đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Trong lúc ấy, trong số các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, có người lễ Phật rồi ngồi xuống; có người chào hỏi xong rồi ngồi xuống; có người chỉ xưng tên rồi ngồi xuống; có người chấp tay hướng về Phật rồi ngồi xuống; có người im lặng ngồi xuống. Khi mọi người ngồi yên chỗ, Cứu-la-đàn-đâu bạch Phật rằng:

“Tôi có điều muốn hỏi. Nếu Ngài có rỗi, cho phép, tôi mới dám hỏi.

Phật nói:

“Xin cứ hỏi tùy ý.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Tôi nghe nói Cù-đàm thông hiểu ba loại tế tự và mười sáu tư cụ tế tự, là những điều mà chúng tôi, tiên túc kỳ cựu, không hiểu biết. Nay chúng tôi muốn cử hành đại tế tự; đã chuẩn bị đủ năm trăm bò đực, năm trăm bò cái, năm trăm bê đực, năm trăm bê cái, năm trăm con dê, năm trăm con cừu. Hôm nay cố ý đến đây, tôi muốn hỏi ba pháp tế tự và mười sáu tư cụ. Nếu tế tự này mà được thành tựu, sẽ được quả báo lớn, tiếng tăm đồn xa, được trời và người kính trọng.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Cứu-la-đàn-đâu rằng:

“Nay ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ, tôi sẽ giảng thuyết cho.”

Bà-la-môn nói:

“Xin vâng, thưa Cù-đàm, tôi rất muốn nghe.”

Rồi Phật nói với Cứu-la-đàn-đâu:

“Vào một thời quá khứ xa xưa, có vị vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-ly, muốn thiết lễ đại tự, tập họp đại thần Bà-la-môn đến bảo rằng:

Ta nay rất giàu có, tài bảo dồi dào, ngũ dục thỏa mãn. Tuổi ta đã già yếu. Dân chúng cường thịnh, không có sự khiếp nhược.

Kho tàng đây ắp. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Theo các người, pháp tế tự cần những gì?"

Khi ấy, có vị đại thần kia tâu vua rằng:

"Tâu Đại vương, quả như lời Đại vương, nước giàu, binh mạnh, kho tàng đây ắp. Nhưng dân chúng phần nhiều ôm ác tâm, tập các phi pháp. Nếu tế tự vào lúc này thì không thành phép tế tự. Như sai ăn cướp đuổi ăn cướp, thì sự sai khiến chẳng thành.

"Tâu Đại vương, chớ nghĩ rằng, đây là dân của ta; ta có thể đánh, có thể giết, có thể khiển trách, có thể ngăn cấm. Những kẻ gần gũi vua, nên cung cấp chúng những thứ cần yếu. Những người buôn bán, nên cung cấp chúng tài bảo. Những người chuyên tu điền sản, hãy cung cấp chúng bò, bê, hạt giống. Chúng mỗi người tự mình kinh doanh. Vương không bức bách dân, thì dân được an ổn, nuôi nấng con cháu, cùng nhau vui đùa."

Phật lại nói với Cứu-la-đàn-đâu:

"Rồi thì, sau khi nghe lời của các đại thần, vua liền cung cấp y phục ẩm thực cho những người thân cận, tài bảo cho những người buôn bán, trâu bò, thóc giống cho những người làm ruộng. Bấy giờ nhân dân mỗi người tự lo công việc của mình, không xâm hại nhau, nuôi nấng con cháu, cùng nhau vui đùa."

Phật lại nói:

"Sau đó, vua lại triệu quần thần đến bảo rằng: Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đây ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Theo các người, phép tế tự cần có những gì?"

"Các đại thần tâu:

"Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương nói, Nước giàu, binh mạnh, kho tàng đây ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nếu Đại vương muốn tế tự, có thể truyền lệnh cho cung nội biết.

"Vua làm như lời các đại thần; vào truyền lệnh cung nội: Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đây ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự.

"Các phu nhân liền tâu vua:

“Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương, nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp, tài bảo dồi dào. Nếu muốn tế tự, nay thật đúng lúc.

Vua trở ra, báo cho quần thần biết:

“Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Ta cung cấp cho nhân dân không thiếu thốn cái gì. Chúng nuôi dưỡng con cháu, cùng nhau vui đùa. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Ta đã truyền lệnh cung nội. Các người hãy nói hết cho ta, cần có những thứ gì?

“Bấy giờ, các đại thần liền tâu vua rằng:

“Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương nói. Đại vương muốn tế tự. Đã truyền cho nội cung biết, nhưng chưa nói cho thái tử, hoàng tử, đại thần, tướng sĩ biết. Đại vương nên lệnh truyền cho biết.

“Vua nghe lời các đại thần, bèn truyền lệnh cho thái tử, hoàng tử, đại thần, tướng sĩ rằng:

“Ta nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Nay ta muốn thiết lễ đại tự.

“Khi ấy, thái tử, hoàng tử, quần thần và các tướng sĩ, tâu vua rằng:

“Đúng vậy, đúng vậy, như lời Đại vương, nước giàu binh mạnh, kho tàng đầy ắp, tài bảo dồi dào. Nếu muốn tế tự, nay thật đúng lúc.

“Vua lại báo cho quần thần biết:

“Ta nước giàu, binh mạnh, kho tàng đầy ắp. Tài bảo dồi dào. Nay ta muốn thiết lễ đại tự. Ta đã truyền lệnh cung nội, thái tử, hoàng tử, cho đến tướng sĩ. Nay muốn thiết lễ đại tự, cần có những thứ gì?

Các đại thần liền tâu:

“Như lời Đại vương. Muốn thiết lễ đại tự, nay chính là lúc.

“Vua nghe lời, cho dựng những ngôi nhà mới ở thành Đông. Vua đi vào nhà mới. Mình khoác áo da hươu, thoa mình bằng dầu bơ thơm, lại đội sừng hươu lên đầu. Sai trét phân bò lên đất, rồi ngồi nằm trên đó. Rồi đệ nhất phu nhân, đại thần Bà-la-môn, chọn một con bò cái màu vàng. Một phần sữa để vua ăn; một phần sữa để cho phu nhân ăn; một phần sữa để cho đại thần ăn;

một phần sữa cúng dường đại chúng, còn lại cho bê. Bây giờ, nhà vua thành tựu tám pháp, đại thần thành tựu bốn pháp.

“Những gì là tám pháp nhà vua thành tựu?

“Nhà vua thuộc dòng Sát-ly, từ bảy đời trở lại cha mẹ đều chân chánh, không bị người khinh chê. Đó là thành tựu pháp thứ nhất. Nhà vua thuộc dòng tộc Sát-ly, có dung mạo đoan chánh. Đó là pháp thứ hai.

“Nhà vua có giới đức tăng thanh, trí tuệ đầy đủ. Đó là pháp thứ ba. Nhà vua tập đủ các loại kỹ thuật: cưỡi voi, xe ngựa, đao mâu, cung tên, phương pháp chiến đấu; không thứ nào là không biết. Đó là pháp thứ tư. Nhà vua có uy lực lớn, thân nhiếp các tiểu vương; không ai không thần phục. Đó là pháp thứ năm. Nhà vua khéo léo về ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị. Đó là pháp thứ sáu. Nhà vua có tài bảo dồi dào, kho tàng đầy ắp. Đó là pháp thứ bảy. Nhà vua có trí mưu, dũng mãnh, quả cảm, không hề run sợ. Đó là pháp thứ tám. Nhà vua thuộc dòng Sát-ly kia thành tựu tám pháp này.

“Thế nào là đại thần thành tựu bốn pháp? Đại thần Bà-la-môn kia từ bảy đời nay cha mẹ đều chân chánh không bị người khinh chê; đó là pháp thứ nhất. Đại thần đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các loại kinh thư; thể diện u vi, không thứ nào không tổng luyện; lại giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán tốt xấu, tế tự nghi lễ; đó là pháp thứ hai. Lại nữa, đại thần giỏi về ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, nghĩa vị đầy đủ; đó là pháp thứ ba. Lại nữa, đại thần có trí mưu, dũng cảm, quả quyết, không hề run sợ; thấu hiểu tất cả mọi pháp tế tự; đó là pháp thứ tư.

“Bây giờ, vua thành tựu tám pháp; đại thần Bà-la-môn thành tựu bốn pháp; và vua có đủ bốn viện trợ. Đó là, ba pháp tế tự, với mười sáu tư cụ tế tự.

“Bây giờ, đại thần Bà-la-môn ở nơi ngôi nhà mới mở bày tâm ý của vua bằng mười sáu việc, dứt trừ ý tưởng nghi ngờ của vua. Mười sáu việc ấy là gì? Đại thần tâu vua:

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng từ bảy đời trở lại cha mẹ vua không chân chánh, thường bị người khinh chê. Giả sử có lời ấy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương từ bảy đời nay cha mẹ đều chân chánh.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng dung mạo xấu xí, không thuộc dòng dõi Sát-ly. Giả sử có lời ấy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương có dung mạo đoan chánh, thuộc dòng dõi Sát-ly.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không có giới tăng thượng, trí tuệ không đầy đủ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương giới đức tăng thượng, trí tuệ đầy đủ.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không giỏi các thuật: cưỡi voi, xe ngựa, các thứ binh pháp cũng không biết. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương giỏi các kỹ thuật, binh pháp chiến trận, không thứ nào không biết.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không có uy lực lớn để thống nhiếp các tiểu vương. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương có uy lực lớn, thống nhiếp các tiểu vương.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không giỏi ngôn ngữ; lời nói thô lỗ, không đủ nghĩa vị. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương giỏi ngôn ngữ, lời nói dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không có nhiều tài bảo. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương có nhiều tài bảo, kho lẫm tràn đầy.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không có trí mưu, ý chí khiếp nhược. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương có trí mưu, dũng mãnh và quả cảm, không hề khiếp nhược.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không nói với nội cung. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói cho nội cung.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không nói với thái tử và các hoàng tử. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với thái tử và các hoàng tử.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không nói với quần thần. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với quần thần.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng không nói với tướng sĩ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Đại vương muốn tế tự, trước đã nói với tướng sĩ.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng Bà-la-môn đại thần từ bảy đời trở lại cha mẹ không chân chánh, bị người khinh chê. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Tôi bảy đời trở lại cha mẹ chân chánh, không bị người khinh chê.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng Bà-la-môn đại thần không đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, không có khả năng phân tích các thứ kinh thư, thể điển u vi không hề lão luyện, không giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Tôi đọc tụng thông suốt ba bộ dị học, có khả năng phân tích các thứ kinh thư, thể điển u vi không thứ nào không lão luyện, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, dự đoán cát hung, tế tự nghi lễ.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng Bà-la-môn đại thần không giỏi ngôn ngữ; nói năng thô lỗ, nghĩa vị không đủ. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Tôi khéo léo nơi ngôn ngữ; nói năng dịu dàng, đầy đủ nghĩa và vị.

“Hoặc có người nói, nay vua Sát-ly muốn cử hành đại tự, nhưng Bà-la-môn đại thần không đủ mưu trí, ý chí khiếm nhược, không hiểu rõ phép tế tự. Giả sử có lời như vậy, Đại vương vẫn không bị ô uế. Vì sao? Tôi đủ mưu trí, ý chí không khiếm nhược, không phép tế tự nào mà không hiểu rõ.”

Phật bảo Cứu-la-đàn-đâu:

“Nhà vua có mười sáu chỗ ngờ vực, mà đại thần kia cởi mở ý vua bằng mười sáu việc như thế.”

Rồi Phật nói tiếp:

“Bấy giờ, vị đại thần ở nơi ngôi nhà mới, bằng mười sự hành, chỉ bày, khuyên khích, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ cho nhà vua. Những gì là mười?

“Vị đại thần nói: Khi Đại vương tế tự, những kẻ sát sanh hay những kẻ không sát sanh cùng tụ hội đến. Hãy bố thí cho họ một cách bình đẳng. Nếu có những kẻ sát sanh đến, cũng bố thí cho và kia sẽ tự biết lấy. Kẻ không sát sanh đến, cũng bố thí cho, vì lý do ấy mà bố thí; bố thí với tâm như vậy. Nếu có những kẻ trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, ỷ ngữ, tham lam, tật đố, tà kiến, cùng tụ hội đến, hãy bố thí cho họ. Kia sẽ tự biết lấy. Nếu những kẻ không trộm cắp, cho đến, có chánh kiến, cùng đến, cũng hãy bố thí cho họ, vì sự ấy mà bố thí, bố thí với tâm như vậy.

Phật lại nói với Bà-la-môn:

“Vị đại thần kia, bằng mười sự hành này, chỉ bày, khuyên khích, khiến cho được lợi ích, hoan hỷ.”

“Rồi thì, vua Sát-ly kia ở nơi ngôi nhà mới sanh ba tâm hối tiếc. Vị đại thần khiến cho được dứt trừ. Ba tâm hối là gì?

“Nhà vua sanh tâm hối tiếc rằng: Ta nay tổ chức đại tự, đã làm đại tự, sẽ làm đại tự, đang làm đại tự. Tồn nhiều tài bảo. Đại thần tâu vua: Đại vương đã tổ chức đại tự, đã bố thí, sẽ bố thí, đang bố thí. Không nên sanh hối tiếc đối với tế tự có phước này.

“Như thế, nhà vua khi ở ngôi nhà mới có ba sự hối tiếc, đã được đại thần dứt trừ.”

Phật lại nói với Bà-la-môn:

“Bấy giờ, vua Quán đảnh dòng Sát-ly, vào ngày rằm, khi trăng tròn, ra khỏi ngôi nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đồng lửa lớn. Tay vua cầm bình đầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: Hãy cho! Hãy cho!

“Khi ấy phu nhân của vua hay tin nhà vua, vào ngày rằm trăng tròn, ra khỏi nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đồng lửa lớn, tay cầm bình đầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: Hãy cho! Hãy cho! Bà cùng với thể nữ cầm nhiều tài bảo, đi đến chỗ vua, tâu vua rằng:

“Các tạp bảo này, giúp Đại vương làm tế tự.

“Này Bà-la-môn, nhà vua liền nói với phu nhân và thể nữ rằng:

“Thôi, đủ rồi. Các người như thế là đã cúng dường rồi. Ta có sẵn tài bảo riêng mình, đủ để tế tự.

“Phu nhân và các thể nữ suy nghĩ: Chúng ta không nên mang các bảo vật này trở về nội cung. Nếu khi đức vua thiết lễ đại tự ở phương Đông, chúng ta sẽ dùng để hỗ trợ.

“Này Bà-la-môn, sau đó nhà vua ở phương Đông thiết lễ đại tự, khi ấy phu nhân và các thể nữ liền đem các bảo vật ấy trợ giúp thiết lễ đại tự.

“Bấy giờ, thái tử, hoàng tử, hay tin nhà vua, vào ngày rằm trăng tròn, ra khỏi nhà mới, tại khoảng đất trống trước nhà, đốt lên một đồng lửa lớn, tay cầm bình đầu rót lên ngọn lửa, xướng lên rằng: Hãy cho! Hãy cho! Thái tử, hoàng tử cầm nhiều tài bảo, đi đến chỗ vua, tâu vua rằng:

“Các tạp bảo này, giúp Đại vương làm tế tự.

“Này Bà-la-môn, nhà vua liền nói với thái tử và hoàng tử.

“Thôi, đủ rồi. Các người như thế là đã cúng dường rồi. Ta có sẵn tài bảo riêng mình, đủ để tế tự.

“Thái tử, hoàng tử suy nghĩ: Chúng ta không nên mang các bảo vật này trở về. Nếu khi đức vua thiết lễ đại tự ở phương Nam, chúng ta sẽ dùng để hỗ trợ.

“Này Bà-la-môn, sau đó nhà vua ở phương thiết lễ đại tự, khi ấy thái tử, hoàng tử liền đem các bảo vật ấy trợ giúp thiết lễ đại tự.

“Cũng vậy, đại thần cầm tài bảo đến, hỗ trợ vua tế tự ở phương tây. Tướng sĩ cầm tài bảo đến hỗ trợ vua tế tự ở phương bắc.”

Phật lại nói với Bà-la-môn:

“Nhà vua kia khi cử hành đại tự không giết bò, dê và các chúng sanh; chỉ dùng bơ, sữa, đầu mè, mật, đường đen, đường thẻ để tế tự.”

Phật lại nói với Bà-la-môn:

“Vua Sát-ly kia khi cử hành đại tự, khoảng đầu hoan hỷ, khoảng giữa hoan hỷ, khoảng cuối hoan hỷ. Đó là phép tổ chức tế tự.”

Phật lại nói với Bà-la-môn :

“Vua Sát-ly kia, sau khi cử hành đại tự, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành đạo, tu Bốn vô lượng tâm. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên.

“Phu nhân của vua, sau khi cử hành đại tự, cũng cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành đạo, hành bốn phạm hạnh. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên.

“Đại thần Bà-la-môn sau khi chỉ dẫn vua tế tự bốn phương, cũng tổ chức đại thí, sau đó cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia hành đạo, hành bốn phạm hạnh. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi Phạm thiên.”

Phật lại nói với Bà-la-môn:

“Bấy giờ, nhà vua bằng ba pháp tế tự, mười sáu tư cụ tế tự, đã tổ chức thành công đại tự. Ý ông nghĩ sao?”

Cứu-la-đàn-đâu nghe Phật nói, im lặng không trả lời. Lúc ấy, năm trăm Bà-la-môn hỏi Cứu-la-đàn-đâu:

“Những điều Sa-môn Cù-đàm nói thật vi diệu, sao Đại sư im lặng không trả lời?”

Cứu-la-đàn-đâu đáp:

“Những điều Sa-môn Cù-đàm nói thật là vi diệu. Không phải tôi không thừa nhận. Lý do mà tôi im lặng, là vì có điều suy nghĩ. Sa-môn Cù-đàm nói sự việc này, không nói là nghe từ người khác. Tôi thâm nghĩ: Há Sa-môn Cù-đàm không phải là vua Sát-ly kia chăng? Hoặc giả là vị đại thần Bà-la-môn kia chăng?”

Bấy giờ Thế Tôn nói với Cứu-la-đàn-đâu:

“Lành thay, lành thay. Người quán sát Như Lai, thật sự là thích hợp. Vua Sát-ly cử hành đại tự lúc ấy há phải là ai khác chăng? Chớ nhận xét như thế. Người ấy chính bản thân Ta vậy. Ta lúc bấy giờ đã huệ thí rất lớn.”

Cứu-la-đàn-đâu bạch Phật rằng:

“Chừng ấy thôi, ba loại tế tự và mười sáu tư cụ tế tự, là được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn thế nữa không?”

Phật nói: “Có”.

Hỏi: “Đó là cái gì?”

Phật nói:

“So với ba tể tự và mười sáu tể cụ, nếu thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn, công đức còn hơn nhiều.”

Lại hỏi:

“So với ba tể tự và mười sáu tể cụ, nếu thường cúng dường chúng Tăng, không để gián đoạn, do thế công đức tối thắng. Nhưng còn có cái tối thắng nữa không?”

Phật nói: “Có”.

Lại hỏi: “Đó là cái gì?”

Phật nói:

“Nếu bằng ba tể tự và mười sáu tể cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn, chẳng bằng vì Chiêu-đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác. Thí ấy tối thắng.”

Lại hỏi:

“Bằng ba tể tự và mười sáu tể cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn và vì Chiêu-đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; phước ấy tối thắng. Những có cái gì hơn thế chẳng?”

Phật nói: “Có”.

Lại hỏi:

“Đó là cái gì?”

Phật nói:

“Nếu bằng ba tể tự và mười sáu tể cụ và thường cúng dường chúng Tăng không để gián đoạn và vì Chiêu-đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; chẳng bằng khởi tâm hoan hỷ, miệng tự phát thành lời rằng: Tôi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Phước này tối thắng.”

Lại hỏi:

“Chừng ấy ba pháp quy y được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?”

Phật nói: “Có”.

Hỏi: “Đó là cái gì?”

Phật nói:

“Nếu với tâm hoan hỷ thọ và hành năm giới, suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu; phước này tôi thắng.”

Lại hỏi: “Chừng ấy ba pháp tế tự (...), cho đến năm giới, được quả báo lớn hay còn có cái gì hơn nữa?”

Phật nói: “Có”.

Lại hỏi: “Đó là cái gì?”

Phật nói:

“Nếu có thể bằng Từ tâm nhớ nghĩ chúng sanh bằng khoảnh khắc vắt sữa bò; phước ấy tôi thắng.”

Lại hỏi: “Chừng ấy ba pháp tế tự, cho đến Từ tâm, được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?”

Phật nói: “Có”.

Lại hỏi: “Đó là cái gì?”

Phật nói:

“Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, có người theo Phật pháp xuất gia tu đạo, mọi đức đều hoàn bị, cho đến, đầy đủ ba minh, diệt các sự tối tăm, đầy đủ tuệ minh. Vì sao? Vì không buông lung, ưa sống nơi thanh vắng; phước này tôi thắng.”

Cứu-la-đàn-đâu bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm! Tôi vì tế tự mà chuẩn bị bò, dê mỗi thứ năm trăm con. Nay sẽ thả hết, mặc chúng tùy ý đi tìm cỏ, nước. Tôi nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin nhận tôi làm Ưu-bà-tắc trong chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến hết đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng đại chúng nhận lời mời sáng mai của tôi.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bà-la-môn thấy Phật im lặng nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui ra.

Trở về nhà, ông sửa soạn đủ các loại hào soạn. Sáng hôm sau, khi đến thời, Thế Tôn khoác y, cầm bát, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, đi đến nhà Bà-la-môn, ngồi trên chỗ dọn sẵn. Khi ấy Bà-la-môn tự tay châm chước, cúng

Phật và Tăng. Ăn xong, khâu y bát, dùng nước rửa xong, Phật đọc cho Bà-la-môn nghe một bài tụng:

Tế tự, lửa là nhất.

Độc tụng, thơ là nhất.

Loài người, vua là nhất.

Các sông, biển là nhất.

Các sao, trăng là nhất.

Ánh sáng, mặt trời nhất.

Trên, dưới và bốn phương,

Phàm sanh vật hiện hữu,

Chư Thiên và Người đời,

Duy chỉ Phật tối thượng.

Ai muốn cầu đại phúc,

Hãy cúng dường Tam bảo.

Bấy giờ Cứu-la-đàn-đâu lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật. Thế Tôn thuyết pháp cho ông theo thứ tự, chỉ bày, khuyến khích, khiến được lợi ích, hoan hỷ. Ngài nói về thí, về giới, về sanh thiên; nói dục là tai họa, phiền não là chướng ngại, xuất ly là tối thượng, phân bố, hiển thị các hạnh thanh tịnh.

Rồi Thế Tôn quán sát Bà-la-môn, ý chí đã mềm dịu, ấm cái đã vơi nhẹ, dễ được điều phục. Như thường pháp của chư Phật, Ngài giảng thuyết cho ông về Khổ thánh đế, phân biệt hiển thị, thuyết Tập thánh đế, Tập diệt thánh đế. Cứu-la-đàn-đâu ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Cũng như tấm lụa trắng rất dễ nhuộm màu. Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đâu cũng vậy, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu đạo quả, quyết định an trú, tự tín không do ai, đắc vô sở úy, bèn bạch Phật rằng:

“Nay con ba lần xin quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Nguyện Phật chấp thuận con là một Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến trọn đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu.”

Rồi lại bạch Phật tiếp rằng:

“Cúi mong Thế Tôn nhận lời mời của con trong bảy ngày.”

Thế Tôn khi ấy im lặng nhận lời.

Trong bảy ngày ấy, Bà-la-môn tự tay châm chước, cúng Phật và Tăng. Qua bảy ngày, Thế Tôn du hành trong nhân gian.

Phật đi chưa bao lâu, Cứu-la-đàn-đâu mắc bệnh mà mạng chung. Khi ấy, số đông Tỳ-kheo nghe tin Cứu-la-đàn-đâu sau khi cúng dường Phật bảy ngày và khi Phật đi chưa lâu, ông lâm bệnh mà mạng chung. Các Tỳ-kheo này bèn nghĩ thầm rằng: “Người kia nay mạng chung, sẽ sanh về đâu?” Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

“Cứu-la-đàn-đâu nay mạng chung, sẽ sanh về đâu?”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Người ấy tịnh tu phạm hạnh, thành tựu pháp và tùy pháp và cũng không bị xúc nhiễu bởi pháp, do đã đoạn trừ năm hạ phần kết, hiện Bát-niết-bàn ở nơi kia, không trở lại cõi này nữa.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

Kinh Kiền Cổ

HT. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH KIÊN CỐ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành Na-lan-đà, trong rừng Ba-bà-ly-yểm, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, có người con trai trưởng giả, tên gọi Kiên Cố, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, con trai trưởng giả Kiên Cố bạch Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn giáo sắc các Tỳ-kheo, nếu có Bà-la-môn, trưởng giả tử hay cư sĩ đến, hãy hiện thần thông, hiển thị pháp thượng nhân.”

Phật nói với Kiên Cố:

“Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ.”

Kiên Cố, con trai trưởng giả, lại bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn giáo sắc các Tỳ-kheo, nếu có Bà-la-môn, trưởng giả tử hay cư sĩ đến, hãy hiện thần thông, hiển thị pháp thượng nhân.”

Phật lại nói với Kiên Cố:

“Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ.”

Khi ấy Kiên Cố, con trai trưởng giả, bạch Phật rằng:

“Con đối với pháp thượng nhân không có gì nghi ngờ. Nhưng thành Na-lan-đà này, quốc thổ thịnh vượng, nhân dân đông đúc, nếu ở đó mà hiện thần túc, sẽ ích lợi cho nhiều người. Phật và chúng Tăng khéo hoằng hóa đạo.”

Phật nói với Kiên Cố:

“Ta không bao giờ dạy các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Vì sao vậy? Có ba loại thần túc. Những gì là ba? Một, thần túc; hai, quán sát tâm người; ba, giáo giới.

“Thế nào là thần túc? Đây con trai trưởng giả, Tỳ-kheo tập vô lượng thần túc, có thể từ một thân biến thành vô số; từ vô số thân hợp trở lại thành một thân; hoặc xa, hoặc gần, núi, sông, vách đá, thảy đều tự tại vô ngại, như đi trong hư không. Ở giữa hư không mà ngồi kiết già y như chim bay. Ra, vào lòng đất y như trong nước. Hoặc đi trên nước như đi trên đất. Mình bốc khói, lửa, như đồng lửa lớn. Tay sờ mặt trời, mặt trăng. Đứng cao đến Phạm thiên. Nếu có trưởng giả hay cư sĩ đã có tín tâm thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc, đứng cao đến Phạm thiên, sẽ đi đến các trưởng giả, cư sĩ chưa có tín tâm khác, mà nói rằng: Tôi thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc, đứng cao đến Phạm thiên. Trưởng giả hay cư sĩ kia, những người chưa có tín tâm, nói với những người đã có tín tâm rằng: Tôi nghe nói có thần chú Cù-la có khả năng hiện vô lượng thần biến như vậy..., cho đến, đứng cao đến Phạm thiên.”

Phật bảo Kiên Cố, con trai trưởng giả:

“Những người chưa có tín tâm kia nói như vậy há không phải là hủy báng sao?”

Kiên Cố đáp:

“Đó thật sự là lời hủy báng vậy.”

Phật nói:

“Ta vì vậy không giáo sắc các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, mà chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Như vậy, đây con trai trưởng giả, đó chính là loại thần túc mà các đệ tử Ta thị hiện.

“Sao gọi là thần túc quán sát tâm người? Ở đây, Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết. Nếu có trưởng giả hay cư sĩ đã có tín tâm thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được

nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết, sẽ đi đến các trưởng giả, cư sĩ chưa có tín tâm khác, mà nói rằng: Tôi thấy Tỳ-kheo hiện vô lượng thần túc quán sát; quán sát những pháp được nhớ nghĩ trong tâm chúng sanh; những việc được làm trong xó tối cũng có thể nhận biết. Trưởng giả hay cư sĩ kia, những người chưa có tín tâm, nói với những người đã có tín tâm rằng: Tôi nghe nói có thần chú Càn-đà-la có khả năng hiện vô lượng thần biến như vậy... cho đến, đứng cao đến Phạm thiên."

Phật bảo Kiên Cố, con trai trưởng giả:

"Những người chưa có tín tâm kia nói như vậy há không phải là hủy báng sao?"

Kiên Cố bạch Phật:

"Đó thật sự là lời hủy báng vậy."

Phật nói:

"Ta vì vậy không giáo sắc các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, mà chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên giấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ. Như vậy, này con trai trưởng giả, đó chính là loại thần túc quán sát mà các đệ tử Ta thị hiện.

"Thế nào là giáo giới thần túc? Này con trai trưởng giả, nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết cho người khác, với lời khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, nghĩa vị thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ . Nếu có trưởng giả hoặc cư sĩ, sau khi nghe, ở trong đó phát sanh tín tâm. Khi đã có tín tâm, vị ấy ở trong đó quán sát, suy nghĩ rằng: Ta không nên sống tại gia. Nếu sống tại gia, trói buộc liên miên, không thể thanh tịnh tu hành phạm hạnh. Nay ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đủ các công đức, cho đến thành tựu ba minh, diệt trừ những sự tối tăm, phát sanh ánh sáng đại trí. Vì sao vậy? Ấy là do tinh cần, ưa sống một mình chỗ thanh vắng, chuyên niệm không quên, mà được vậy. Này con trai trưởng giả, đó là giáo giới thần túc mà Tỳ-kheo của Ta thị hiện vậy."

Bấy giờ, Kiên Cố, con trai trưởng giả, bạch Phật rằng:

“Có Tỳ-kheo nào thành tựu ba thần túc ấy không?

Phật nói với con trai trưởng giả:

“Ta không nói phần lớn các Tỳ-kheo đều thành tựu ba thần túc ấy. Nhưng, này con trai trưởng giả, có một Tỳ-kheo của Ta ở trong chúng này thâm suy nghĩ rằng: Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu? Tỳ-kheo ấy phút chốc hướng vào con đường thiên giới, đi đến chỗ Tứ thiên vương, hỏi Tứ thiên vương rằng: Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?

“Này con trai trưởng giả, Tứ thiên vương kia trả lời Tỳ-kheo rằng: Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Trên tôi còn có trời, gọi là Đao-lợi, vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời kia có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Tỳ-kheo nghe xong, phút chốc hướng theo thiên đạo, đi lên trời Đao-lợi, hỏi chư Thiên: Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu? Chư Thiên Đao-lợi trả lời: Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Bên trên còn có trời, gọi là Diệm-ma, vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời ấy có thể biết. Tỳ-kheo liền lên đó hỏi, nhưng nơi ấy vẫn không biết.

“Lần lượt như thế, lên Đâu-suất, lên Hóa tự tại, lên Tha hóa tự tại thiên, thầy đều nói: Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Bên trên còn có trời, gọi là Phạm-ca-di, vi diệu đệ nhất, có đại trí tuệ. Trời ấy có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Tỳ-kheo ấy phút chốc hướng vào Phạm đạo. Lên đến Phạm thiên, Tỳ-kheo hỏi: Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu? Vị Phạm thiên kia trả lời Tỳ-kheo: Tôi không biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Nay có Đại Phạm thiên vương, đấng Vô năng thắng, thống lãnh một ngàn thế giới, phú quý, tôn quý, hào quý, hoàn toàn được tự tại, có khả năng tạo hóa mọi vật, là cha mẹ của chúng sanh. Ngài có thể biết bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Này con trai trưởng giả, Tỳ-kheo kia liền hỏi ngay rằng: Ngài Đại Phạm thiên vương kia hiện đang ở đâu? Vị trời ấy đáp: Không rõ Đại Phạm nay đang ở đâu. Nhưng theo ý tôi mà xét, Ngài sẽ xuất hiện giây lát. Chưa bao lâu, Phạm vương hốt nhiên xuất hiện. Này con trai trưởng giả, Tỳ-kheo kia đến Phạm vương và hỏi: Thân này, với bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu? Đại phạm vương kia nói với Tỳ-kheo: Ta là Đại Phạm, là đấng Vô năng thắng, thống lãnh một

ngàn thế giới, phú quý, tôn quý, hào quý, hoàn toàn được tự tại, có khả năng tạo hóa mọi vật, là cha mẹ của chúng sanh. Tỳ-kheo kia khi ấy nói với Phạm thiên vương: Tôi không hỏi việc ấy. Tôi hỏi, bốn đại: đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu.

“Này con trai trưởng giả, Phạm vương kia vẫn trả lời Tỳ-kheo: Ta là Đại phạm vương, cho đến, sáng tạo vạn vật, cha mẹ của chúng sanh. Tỳ-kheo lại nói: Tôi không hỏi việc ấy. Tôi hỏi, bốn đại vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Này con trai trưởng giả, Phạm thiên vương, như vậy đến ba lần, không thể trả lời Tỳ-kheo, bốn đại này vĩnh viễn diệt tận ở đâu. Rồi thì, Đại phạm vương bèn nắm lấy tay phải của Tỳ-kheo, kéo ra chỗ kín đáo, nói rằng: Này Tỳ-kheo, nay các Phạm thiên đều bảo rằng ta là trí tuệ bậc nhất, không có gì không biết, không thấy. Vì vậy ta không trả lời thầy, vì ta không biết, không thấy, bốn đại này nơi đâu vĩnh viễn diệt tận. Rồi lại nói tiếp với Tỳ-kheo: Thầy thật là đại ngu ngốc mới bỏ Như Lai mà đi tra vấn chư Thiên về việc này. Thầy nên đến Thế Tôn mà hỏi việc này. Như những gì Phật nói, hãy ghi nhớ kỹ. Lại bảo Tỳ-kheo: Nay Phật ở tại Xá-vệ, trong vườn Cấp cô độc. Thầy hãy đến đó mà hỏi.

“Này con trai trưởng giả, bấy giờ, Tỳ-kheo hốt nhiên biến mất khỏi Phạm thiên giới và trong khoảnh khắc như tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến Xá-vệ, trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Tỳ-kheo đi đến chỗ Ta, cúi lạy chân Ta, ngồi sang một bên, bạch Ta rằng: Thế Tôn, nay bốn đại này, đất, nước, lửa, gió, vĩnh viễn diệt tận ở đâu?

Bấy giờ, Ta nói rằng:

“Tỳ-kheo! Cũng như thương nhân mang một con ưng vào biển. Ở giữa biển, thả chim ưng bay các phương Đông, Tây, Nam, Bắc trong hư không. Nếu nhìn thấy đất liền, chim bèn dừng trên đó. Nếu không nhìn thấy, chim bay trở về thuyền. Tỳ-kheo, người cũng vậy. Người lên cho đến Phạm thiên để hỏi ý nghĩa đó, cuối cùng không thành tựu mới trở về Ta. Nay Ta sẽ khiến cho người thành tựu ý nghĩa đó.”

Liền nói bài kệ rằng:

Do đâu không bốn đại:

Đất, nước, lửa và gió?

Do đâu không thô, tế,

***Và dài, ngắn, đẹp, xấu?
Do đâu không danh-sắc,
Vĩnh diệt, không dư tàn?
Nên đáp: thức vô hình,
Vô lượng, tự tỏa sáng ;
Nó diệt, bốn đại diệt;
Thô, tế, đẹp, xấu diệt.
Nơi này danh sắc diệt,
Thức diệt, hết thấy diệt.***

**Khi ấy, Kiên Cỗ, con trai trưởng giả, bạch Phật rằng:
"Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy tên gì? Làm sao ghi nhớ?"**

Phật đáp:

"Tỳ-kheo ấy tên là A-thất-dĩ. Hãy ghi nhớ như vậy."

Bấy giờ, Kiên Cỗ, con trai trưởng giả, nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH
LŨA HÌNH
PHẠM CHÍ



HT. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH LỎA HÌNH PHẠM CHÍ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Ủy-nhã, trong rừng Kim bàn Lộc dã, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, có một Phạm chí lửa hình họ là Ca-diệp đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Phạm chí lửa hình Ca-diệp bạch Phật rằng:

“Sa-môn Cù-đàm chê bai tất cả các pháp tế tự; mắng những người khổ hạnh là dơ dáy. Cù-đàm, nếu có người nói rằng: Sa-môn Cù-đàm chê bai tất cả các pháp tế tự; mắng những người khổ hạnh là dơ dáy. Đó có phải là pháp ngữ, pháp pháp thành tựu, không phỉ báng Sa-môn Cù-đàm chăng?”

Phật nói:

“Ca-diệp, người kia nói: Sa-môn Cù-đàm chê bai tất cả các pháp tế tự; mắng những người khổ hạnh là dơ dáy. Đó không phải là lời nói đúng pháp, không phải pháp thành tựu, là phỉ báng Ta, không phải là lời nói thành thật. Vì sao? Nay Ca-diệp, Ta thấy, trong những người khổ hạnh kia, có người khi thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục; lại thấy có người khổ hạnh khi thân hoại mạng chung được sanh thiên, sanh chỗ thiện. Hoặc thấy người khổ hạnh ưa làm việc khổ hạnh, khi thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục. Hoặc thấy người khổ hạnh ưa làm việc khổ hạnh, khi thân hoại mạng chung, sanh thiên, sanh chỗ thiện. Ta đối với trường hợp thọ báo với hai thú hưởng ấy, thấy hết biết hết, làm sao có thể Ta chỉ trích người tu khổ hạnh cho là dơ dáy? Điều Ta rõ ràng nói là phải, người kia nói là không phải. Điều Ta rõ ràng nói không phải, người kia nói là phải.

“Này Ca-diệp, có pháp đồng với Sa-môn, Bà-la-môn. Có pháp không đồng với Sa-môn, Bà-la-môn. Ca-diệp, pháp nào không đồng, Ta bỏ qua, vì pháp ấy không đồng Sa-môn, Bà-la-môn vậy.

“Này Ca-diệp, những người có trí kia quán sát như vậy: đối với pháp bất thiện, nặng nề ô trược, tối tăm, không phải là pháp Hiền thánh, giữa Sa-môn Cù-đàm và các tông sư dị học kia, ai là người có khả năng diệt trừ pháp này? Ca-diệp, người có trí kia

khi quán sát như vậy, liền thấy biết như vậy: duy chỉ Sa-môn Cù-đàm có khả năng diệt trừ pháp ấy. Ca-diệp, người có trí kia khi quán sát như vậy, suy cầu như vậy, luận thuyết như vậy, Ta ở trong đó có tiếng tăm.

“Lại nữa, Ca-diệp, vị có trí kia quán sát như vậy: đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, đối với pháp bất thiện, nặng nề ô trược, tối tăm, không phải pháp Hiền thánh; hay đệ tử các tông sư dị học kia đối với pháp bất thiện, nặng nề, ô trược, tối tăm, không phải pháp Hiền thánh; ai có khả năng diệt trừ pháp này? Ca-diệp, vị có trí kia quán sát như vậy, liền thấy, biết như vậy: duy chỉ đệ tử của Sa-môn Cù-đàm có khả năng diệt trừ pháp ấy. Ca-diệp, vị có trí kia khi quán sát như vậy, suy cầu như vậy, luận như vậy, đệ tử Ta có tiếng tăm.

“Lại nữa, Ca-diệp, vị có trí kia quán sát như vậy: Sa-môn Cù-đàm, đối với pháp thiện, thanh bạch, vi diệu và là pháp Hiền thánh; hay các tông sư dị học kia, đối với pháp thiện, thanh bạch, vi diệu và là pháp Hiền thánh; ai là người có khả năng làm lớn rộng để tu hành? Ca-diệp, vị có trí kia quán sát như vậy, liền thấy biết như vậy: duy chỉ có Sa-môn Cù-đàm có khả năng làm lớn rộng, tu hành pháp ấy. Ca-diệp, người có trí kia khi quán sát như vậy, suy cầu như vậy, luận thuyết như vậy, Ta ở trong đó có tiếng tăm.

“Lại nữa, Ca-diệp, vị có trí kia quán sát như vậy: đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, đối với pháp thiện, thanh bạch, vi diệu và là pháp Hiền thánh; hay đệ tử của các tông sư dị học kia, đối với pháp thiện, thanh bạch, vi diệu và là pháp Hiền thánh; ai là người có khả năng làm lớn rộng, tu hành? Ca-diệp, vị có trí kia quán sát như vậy, liền thấy biết như vậy: duy chỉ có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm có khả năng làm lớn rộng, tu hành pháp ấy. Ca-diệp, người có trí kia khi quán sát như vậy, suy cầu như vậy, luận thuyết như vậy, đệ tử Ta ở trong đó có tiếng tăm.

“Ca-diệp, có đạo, có tích, để Tỳ-kheo ở trong đó tu hành mà tự mình thấy, tự mình biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, nói đúng pháp, nói đúng luật.

“Ca-diệp, thế nào là đạo, thế nào là tích, để Tỳ-kheo ở trong đó tu hành mà tự mình thấy, tự mình biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, nói đúng pháp, nói đúng luật? Nay Ca-diệp, ở đây Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y tịch diệt, y vô dục,

y xuất ly. Tu pháp, tinh tấn, hỷ khinh an, định, xả giác ý, y tịch diệt, y vô dục, y xuất yếu. Ca-diệp, đó là đạo, đó là tích, để Tỳ-kheo ở trong đó tu hành mà tự mình thấy, tự mình biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, nói đúng pháp, nói đúng luật.”

Ca-diệp nói:

“Cù-đàm, duy chỉ đạo ấy, tích ấy, Tỳ-kheo ở trong đó tu hành mà tự mình thấy, tự mình biết: Sa-môn Cù-đàm nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, nói đúng pháp, nói đúng luật. Nhưng với khổ hạnh ô uế, có trường hợp được gọi là Bà-la-môn, có trường hợp được gọi là Sa-môn.

“Những khổ hạnh ô uế nào, mà có trường hợp được gọi là Bà-la-môn, có trường hợp được gọi là Sa-môn?

“Thưa Cù-đàm, đó là: khóa thân, cởi bỏ y phục, rồi lấy tay che; không nhận đồ ăn từ nồi chảo; không nhận đồ ăn từ chậu nước; không nhận đồ ăn giữa hai vách tường; không nhận đồ ăn giữa hai người, không nhận đồ ăn giữa hai cái chày ; không nhận đồ ăn từ gia đình đang ăn; không nhận đồ ăn từ nhà có thai; không ăn đồ ăn có chó đứng trước cửa; không nhận đồ ăn nơi nhà có ruồi; không nhận mời ăn; không nhận của người nói đã biết trước; không ăn cá; không ăn thịt; không uống rượu, không ăn bằng hai bát; một bữa ăn một lần nuốt, cho đến bảy bữa thì thôi ; nhận thức ăn thêm của người, không nhận quá bảy lần thêm ; hoặc một ngày ăn một bữa; hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa; hoặc chỉ ăn quả; hoặc chỉ ăn cỏ vực ; hoặc chỉ uống nước cơm; hoặc ăn mè ; hoặc chỉ ăn lúa liêm ; hoặc ăn phân bò; hoặc ăn phân nai; hoặc ăn rễ, canh, lá, hoa, hạt của cây; hoặc ăn trái cây tự rụng ; hoặc mặc áo; hoặc mặc áo sa thảo ; hoặc mặc áo vỏ cây; hoặc lấy cỏ đắp lên mình ; hoặc khoác áo da hươu; hoặc bện tóc; hoặc áo bện bằng lông; hoặc áo lượm từ bãi tha ma; hoặc thường đưa tay lên; hoặc không ngồi giường chiếu; hoặc thường ngồi chồm hổm; hoặc có người cạo tóc nhưng để râu; hoặc có người nằm trên gai; hoặc có người nằm trên bầu trái; hoặc có người khóa thân nằm trên phân bò; hoặc một ngày ba lần tắm; hoặc một đêm ba lần tắm. Bằng vô số sự khổ mà làm khổ thân này. Cù-đàm, đó gọi là khổ hạnh ô uế, có trường hợp được gọi là Sa-môn pháp, có trường hợp được gọi là Bà-la-môn pháp.”

Phật nói:

“Những người khóa thân cởi bỏ y phục, bằng vô số phương tiện làm khổ thân này; những người ấy không đầy đủ giới, không đầy đủ kiến, không thể siêng tu, cũng không phát triển rộng lớn.”

Ca-diệp bạch Phật:

“Thế nào là giới đầy đủ, kiến đầy đủ, vượt xa các khổ hạnh, vi diệu bậc nhất?”

Phật bảo Ca-diệp:

“Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ, Ta sẽ nói cho ông nghe.”

Ca-diệp nói:

“Thưa vâng. Vui lòng xin được nghe.”

Phật nói với Ca-diệp:

“Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, cho đến, Tứ thiên, ở ngay trong hiện tại mà được an lạc. Vì sao vậy? Ấy do tinh cần, chuyên niệm nhất tâm, ưa ở chỗ nhàn tĩnh, không buông lung vậy. Ca-diệp, đó là giới đầy đủ, kiến đầy đủ, thù thắng hơn các thứ khổ hạnh.”

Ca-diệp nói:

“Cù-đàm, tuy nói rằng giới đầy đủ, kiến đầy đủ, vượt hơn các thứ khổ hạnh, vi diệu bậc nhất; nhưng pháp Sa-môn thật là khó; pháp Bà-la-môn thật là khó.”

Phật nói:

“Ca-diệp, đó là pháp bất cộng của thế gian, nghĩa là, Sa-môn pháp, Bà-la-môn pháp là khó. Ca-diệp, cho đến Ưu-bà-di cũng biết được pháp đó, là khóa thân cởi bỏ y phục, cho đến, bằng vô số phương tiện làm khổ mình. Nhưng không biết rằng tâm ấy là tâm có nhuế, hay tâm không có nhuế; tâm có hận hay tâm không có hận; tâm có hại hay tâm không có hại. Nếu biết tâm ấy, thì không nói rằng pháp Sa-môn, Bà-la-môn là khó. Vì không biết, cho nên nói pháp Sa-môn, Bà-la-môn khó.”

Bấy giờ, Ca-diệp bạch Phật rằng:

“Thế nào là Sa-môn, thế nào là Bà-la-môn có giới cụ túc, kiến cụ túc, là tối thượng, là tối thắng, vi diệu bậc nhất?”

Phật nói:

“Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ, Ta sẽ nói cho ông nghe.”

“Thưa vâng, Cù-đàm. Vui lòng xin được nghe.”

Phật nói:

“Ca-diệp, Tỳ-kheo kia, bằng tam-muội tâm, cho đến, chứng đắc ba minh, diệt trừ các si mê tối tăm, sanh ánh sáng trí tuệ, gọi là lậu tận trí. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa chỗ nhàn tĩnh, không buông lung vậy. Ca-diệp, đó gọi là Sa-môn, Bà-la-môn có giới cụ túc, kiến cụ túc, là tối thượng, là tối thắng, vi diệu bậc nhất.”

Ca-diệp nói:

“Cù-đàm, tuy nói đó gọi là Sa-môn, Bà-la-môn có giới cụ túc, kiến cụ túc, là tối thượng, là tối thắng, vi diệu bậc nhất, nhưng pháp Sa-môn, Bà-la-môn thật quá khó, quá khó! Sa-môn cũng khó biết, Bà-la-môn cũng khó biết.”

Phật nói:

“Ưu-bà-tắc cũng có thể tu hành được pháp ấy, nói rằng: Tôi, kể từ hôm nay, có thể khóa thân cởi bỏ y phục, cho đến, bằng vô số phương tiện gieo khổ cho thân này. Không thể do hành vi này mà được gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Nếu chỉ do hạnh này mà có thể được gọi là Sa-môn, Bà-la-môn; thì không thể nói pháp Sa-môn là quá khó, pháp Bà-la-môn là quá khó. Nhưng không vì hạnh ấy mà được gọi là Sa-môn, Bà-la-môn, cho nên nói rằng Sa-môn rất khó, Bà-la-môn rất khó.”

Phật lại nói với Ca-diệp:

“Xưa, một thời, Ta ở tại Duyệt-kỳ, trong hang Thất điệp trên Cao sơn, đã từng giảng về khổ hạnh thanh tịnh cho Phạm chí Ni-câu-đà. Khi ấy Phạm chí sanh tâm hoan hỷ, được tín tâm thanh tịnh; cúng dường Ta, xưng tán Ta, cúng dường, tán thán Ta một cách tối thượng.”

Ca-diệp nói:

“Thưa Cù-đàm, ai đối với Cù-đàm mà không phát sanh hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường, xưng tán một cách tối thượng? Tôi nay đối Cù-đàm cũng phát sanh hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường, xưng tán một cách tối thượng. Tôi quy y Cù-đàm.”

Phật nói với Ca-diệp:

“Những gì là giới trong thế gian, không có giới nào sánh bằng tăng thượng giới này, huống hồ muốn nói hơn. Những gì là tam-

muội, trí tuệ, giải thoát kiến, giải thoát tuệ, không có cái gì sánh ngang với tầng thượng tam-muội, trí tuệ, giải thoát kiến, giải thoát tuệ; huống hồ muốn nói là hơn.

“Này Ca-diệp, được nói là sư tử, là chỉ cho Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Như Lai, khi ở giữa đại chúng tuyên bố Chánh pháp một cách rộng rãi, tự tại, vô úy. Do đó được gọi là sư tử. Thế nào, Ca-diệp, Như Lai khi rống tiếng sư tử, lúc ấy không dừng mãi sao? Chớ nghĩ như vậy. Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử một cách dừng mãi. Ca-diệp, người bảo rằng Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử một cách dừng mãi, nhưng không thể thuyết pháp chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử một cách dừng mãi và thuyết pháp một cách thiện xảo.

“Thế nào, Ca-diệp, người bảo rằng Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, thuyết pháp một cách thiện xảo, nhưng thính giả trong chúng hội không nhất tâm chẳng? Chớ nghĩ vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, thuyết pháp một cách thiện xảo, những người đến hội đều nhất tâm lắng nghe. Thế nào, Ca-diệp, người bảo rằng Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, thuyết pháp một cách thiện xảo, những người đến hội đều nhất tâm lắng nghe, nhưng không hoan hỷ tín thọ phụng hành chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, thuyết pháp một cách thiện xảo, những người đến hội thảy nhất tâm lắng nghe và hoan hỷ tín thọ. Ca-diệp, người bảo rằng Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, thuyết pháp một cách thiện xảo, những người đến hội đều nhất tâm lắng nghe và hoan hỷ tín thọ, nhưng không cúng dường chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, thuyết pháp một cách thiện xảo, những người đến hội đều nhất tâm lắng nghe, hoan hỷ tín thọ và thi thiết cúng dường.

“Ca-diệp, người bảo rằng, Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, cho đến, tín kính cúng dường, nhưng không cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, cho đến, tín kính cúng dường, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.

“Ca-diệp, người bảo rằng Như Lai ở giữa đại chúng dũng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, cho đến, tín kính cúng dường, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, nhưng không cứu cánh phạm hạnh, đến chỗ an ổn, vô dư Niết-bàn chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng dũng cảm, vô úy mà cất tiếng rống sư tử, cho đến, tín kính cúng dường, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, rồi cứu cánh phạm hạnh, đến chỗ an ổn, vô dư Niết-bàn.”

Bấy giờ, Ca-diệp bạch Phật rằng:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi có thể xuất gia thọ Cụ giới trong pháp này được chăng?”

Phật bảo Ca-diệp:

“Nếu dị học muốn đến xuất gia tu đạo trong giáo pháp của Ta, phải lưu bốn tháng quán sát, làm hài lòng chúng Tăng, sau đó mới có thể xuất gia thọ giới. Ca-diệp, tuy có pháp như vậy, nhưng cũng xét theo người.”

Ca-diệp nói:

“Nếu dị học muốn đến xuất gia tu đạo trong Phật pháp, phải lưu bốn tháng quán sát, làm hài lòng chúng Tăng, sau đó mới có thể xuất gia thọ giới. Con nay có thể ở trong Phật pháp bốn năm quán sát, làm hài lòng chúng Tăng, sau đó mới xuất gia thọ giới.”

Phật bảo Ca-diệp:

“Ta đã có nói, cũng còn xét theo người.”

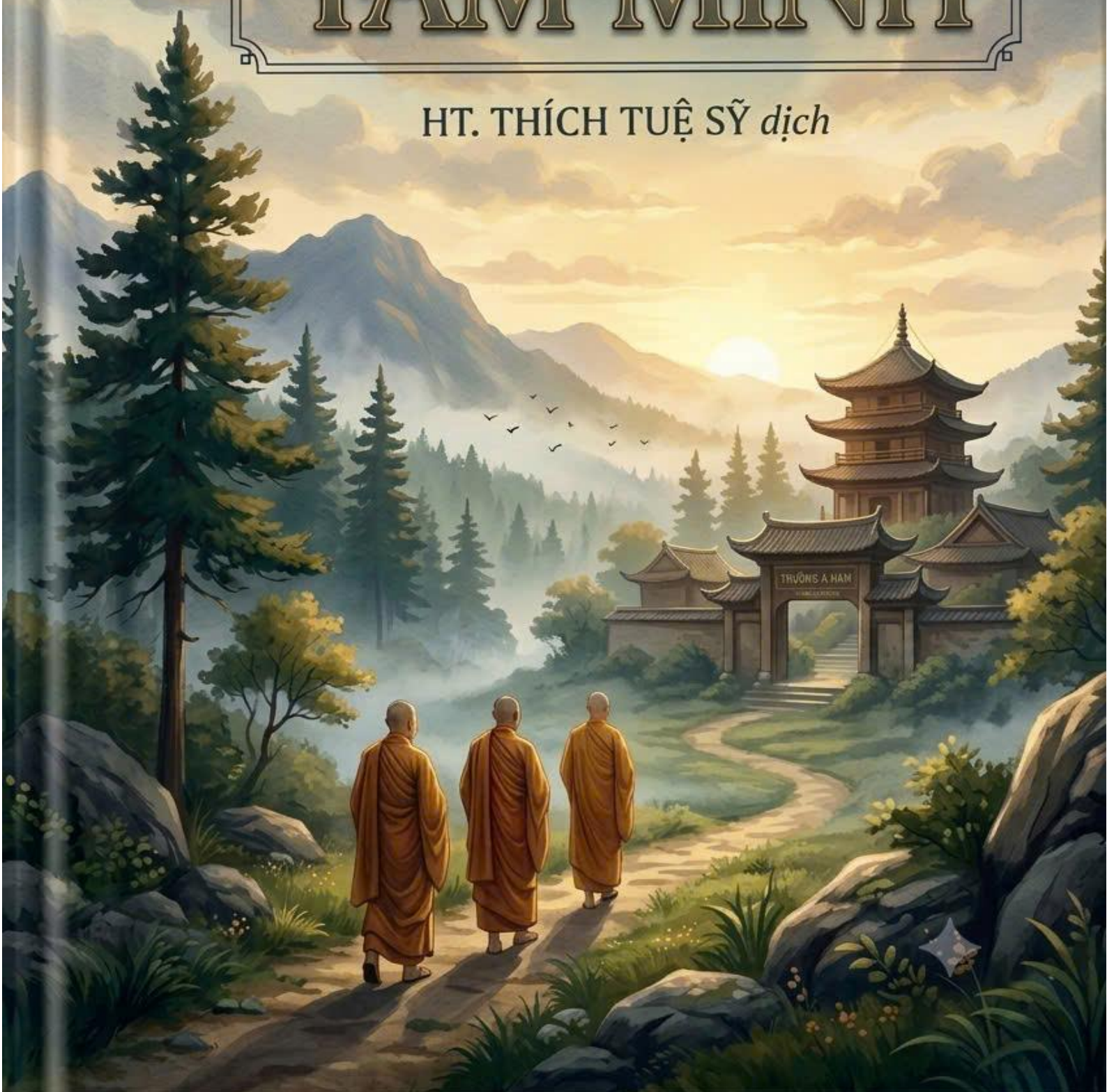
Bấy giờ, Ca-diệp liền ở trong Phật pháp xuất gia thọ Cụ túc giới. Rồi thì, Ca-diệp xuất gia thọ giới chưa bao lâu, bằng tín tâm, tu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này mà tự thân chứng ngộ: sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã đứng vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa; tức thời thành A-la-hán.

Bấy giờ, Ca-diệp nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH TAM MINH

HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH TAM MINH

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành nhân gian, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, đến Y-xa-năng-già-la, thôn Bà-la-môn ở Câu-tát-la. Ngài nghỉ đêm trong rừng Y-xa.

Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Phất-già-la-sa-la, Bà-la-môn tên Đa-lê-xa, có duyên sự nên cùng đến thôn Y-xa-năng-già-la. Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la này, từ bảy đời nay cha mẹ chân chánh không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ. Ông có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế. Trong số đó có một đệ tử tên Bà-tất-tra, từ bảy đời nay cha mẹ chân chánh không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ; cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế.

Bà-la-môn Đa-lê-xa cũng từ bảy đời nay cha mẹ chân chánh không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, cũng giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ. Ông cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế. Trong số đó có một đệ tử tên Phả-la-đọa từ bảy đời nay cha mẹ chân chánh không bị người khinh chê, tụng đọc thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân tích các loại kinh thư, lại giỏi phép xem tướng đại nhân, quán sát cát hung, tế tự nghi lễ; cũng có năm trăm đệ tử, dạy dỗ không bỏ phế.

Lúc bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người vào lúc tảng sáng đi đến khu vườn cùng nhau bàn luận. Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa:

“Con đường của ta chân chánh, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Đó là điều mà Đại sư Phất-già-la-sa-la Bà-la-môn dạy.”

Phả-la-đọa lại nói:

“Con đường của ta chân chánh, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Đó là điều mà Đại sư Đa-lê-xa Bà-la-môn dạy.”

Như vậy, Bà-tất-tra ba lần tự khen đạo mình chân chánh. Phả-la-đọa cũng ba lần tự khen đạo mình chân chánh. Hai người cùng bàn luận mà không thể quyết định.

Rồi Bà-tất-tra nói với Phả-la-đọa rằng:

“Ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm, con nhà dòng họ Thích, xuất gia và đã thành đạo, ở Câu-tát-la, du hành nhân gian, nay đang nghỉ tại rừng Y-xa-năng-già-la. Ngài có tiếng tăm lớn, lưu truyền khắp thiên hạ, rằng, Ngài là Bạc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ở giữa chư Thiên, người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, tự mình chứng ngộ, rồi thuyết pháp cho người khác; lời nói khoảng đâu, khoảng giữa, khoảng cuối thảy đều chân chánh, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh. Bạc Chân Nhân như vậy, ta nên đến thăm viếng. Ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm kia biết con đường Phạm thiên, có thể giảng thuyết cho người. Ngài thường nói chuyện, trao đổi với Phạm thiên. Chúng ta hãy cùng nhau đi đến Cù-đàm để giải quyết ý nghĩa này. Nếu Sa-môn có nói điều gì, chúng ta sẽ vâng nhớ.”

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người theo nhau đi vào rừng Y-xa-năng-già-la, đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên.

Thế Tôn biết ý nghĩ trong lòng hai người, bèn hỏi Bà-tất-tra:

“Các người hai người vào lúc tảng sáng đi vào khu vườn, cùng nhau thảo luận như vậy, cùng bài bác lẫn nhau. Một người nói: Con đường của ta chân chánh, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Đó là điều mà Đại sư Phất-già-la-sa-la Bà-la-môn dạy. Người kia nói: Con đường của ta chân chánh, có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Đó là điều mà Đại sư Đa-lê-xa Bà-la-môn dạy. Như vậy ba lần, các người bài bác nhau. Có sự việc như vậy không?”

Bà-tất-tra và Phả-la-đọa khi nghe lời này của Phật thảy đều kinh ngạc, lông tóc dựng đứng, trong lòng nghĩ thầm: Sa-môn Cù-đàm có đại thần đức, biết trong tâm người. Những điều mà chúng ta muốn thảo luận, Sa-môn Cù-đàm đã nói trước rồi. Rồi Bà-tất-tra bạch Phật:

“Con đường này và con đường kia, đều tự xưng là chân chánh, đều có khả năng xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên. Điều mà Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la nói đúng hay điều mà Đa-lê-xa nói đúng?”

Phật nói:

“Giả sử, Bà-tất-tra, con đường này, con đường kia đều chân chánh, xuất yếu, dẫn đến Phạm thiên, các người sao lại đi vào khu vườn lúc tảng sáng mà bài bác lẫn nhau, cho đến ba lần?”

Bà-tất-tra bạch Phật:

“Có những Bà-la-môn thông ba minh giảng thuyết các con đường khác nhau, con đường tự tại dục, con đường tự tác, con đường Phạm thiên. Cả ba con đường ấy đều dẫn đến Phạm thiên. Cũng như những con đường trong xóm, tất cả đều dẫn về thành, các Bà-la-môn tuy nói những con đường khác nhau, nhưng đều hướng đến Phạm thiên.”

Phật hỏi Bà-tất-tra:

“Có phải các con đường kia thảy đều thú hướng Phạm thiên?”

Đáp: “Thảy đều thú hướng”.

Phật lặp lại câu hỏi ba lần:

“Có phải các con đường kia thảy đều thú hướng Phạm thiên?”

Đáp: “Thảy đều thú hướng”.

Thế Tôn sau khi đã xác định lời ấy rồi, bèn hỏi Bà-tất-tra:

“Thế nào, trong số các Bà-la-môn thông tam minh có ai đã từng thấy Phạm thiên chưa?”

Đáp: “Không có ai thấy”.

“Thế nào, Bà-tất-tra, tiên sư của Bà-la-môn thông tam minh có từng thấy Phạm thiên chưa?”

Đáp: “Không ai thấy”.

“Thế nào, Bà-tất-tra, các Bà-la-môn kỳ cựu, các tiên nhân thông tam minh thời cổ, đọc tụng thông suốt, có thể thuyết cho người khác nghe các tán tụng cổ, các ca vịnh, thi thư, những vị có tên là A-tra-ma Bà-la-môn, Bà-ma-đê-bà Bà-la-môn, Tỳ-bà-thầm-tra Bà-la-môn, Y-ni-la-tư Bà-la-môn, Xà-bà-đê-già Bà-la-môn, Bà-bà-tất Bà-la-môn, Ca-diệp Bà-la-môn, A-lâu-na Bà-la-

môn, Cù-đàm-ma Bà-la-môn, Thủ-chỉ Bà-la-môn, Bà-la-tổn-đà Bà-la-môn ; những vị này có được thấy Phạm thiên không?"

Đáp: "Không có ai thấy".

Phật nói:

"Nếu Bà-la-môn thông tam minh kia không thấy Phạm thiên, tiên sư của Bà-la-môn thông tam minh cũng không thấy Phạm thiên, các Bà-la-môn thông tam minh, những cựu tiên nhân, như A-tra-ma v.v..., cũng không một ai thấy Phạm thiên, thế thì biết rằng những điều mà Bà-la-môn thông tam minh nói không phải là sự thật."

Phật lại nói với Bà-tất-tra:

"Như có một người dâm, nói rằng: Tôi cùng với người nữ đẹp để kia thông giao, ca ngợi dâm pháp. Những người khác liền hỏi: Ông có biết người nữ ấy không? Cô ấy ở đâu? Phương Đông, phương Tây, phương Nam, hay phương Bắc? Đáp: Không biết. Lại hỏi: Ông có biết đất, đai, thành ấp, chòm xóm mà người nữ ấy ở không? Đáp: Không biết. Lại hỏi: Ông có biết cha mẹ cô ấy tên gì không? Đáp: Không biết. Lại hỏi: Ông có biết người nữ ấy là Sát-ly, hay Bà-la-môn, hay Cư sĩ, hay Thủ-đà-la không? Đáp: Không. Lại hỏi: Ông có biết người nữ ấy cao hay thấp, mập hay gầy, đen hay trắng, đẹp hay xấu không? Đáp: Không. Thế nào, Bà-tất-tra, sự ca ngợi của người kia có phải sự thật không?"

Đáp: "Không thật".

"Như vậy, Bà-tất-tra, những điều mà Bà-la-môn thông tam minh nói cũng như vậy, không có sự thật. Thế nào, Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh của người thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chấp tay cúng dường và có thể nói như vậy: Con đường này chân chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng được chằng?"

Đáp: "Thật vậy, Bà-la-môn thông tam minh thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chấp tay cúng dường, nhưng không thể nói như vậy: Con đường này chân chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng."

Phật nói:

"Như vậy, Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh thấy nơi chốn mà mặt trời, mặt trăng mọc, lặn, du hành, chấp tay cúng"

dường, nhưng không thể nói như vậy: Con đường này chân chánh, có thể dẫn đến xuất yếu, đến chỗ mặt trời, mặt trăng. Nhưng lại thường chấp tay cúng dường cung kính, há không phải là hư dối sao?"

Đáp: "Thật vậy, thưa Cù-đàm, kia thật sự hư dối".

Phật nói:

"Ví như có người dựng thang nơi khoảng đất trống; những người khác hỏi: Người bắc thang làm gì? Đáp: Tôi muốn lên nhà trên. Hỏi: Nhà ở chỗ nào? Đông, hay Tây, hay Nam, hay Bắc? Đáp rằng: Không biết.

Thế nào, Bà-tất-tra, người ấy dựng thang để lên nhà, há không phải là hư dối sao?

Đáp: Thật vậy, kia thật sự hư dối.

Phật nói:

"Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, hư dối không thật.

"Bà-tất-tra, năm dục khiết tịnh, rất đáng yêu thích. Những gì là năm? Mắt thấy sắc, rất đáng yêu thích. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền thánh của Ta, được gọi là dính mắc, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt, nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lỗi xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc, giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa và xưng lên rằng: Xin tiếp đỡ tôi sanh lên Phạm thiên. Không có trường hợp ấy. Ví như con sông A-di-la, có mức nước ngang bờ. Có người ở bờ bên này, mình bị quấn chặt, kêu sông bờ bên kia rằng: Lại đây, đưa tôi sang. Bờ kia có đến đưa người ấy sang không?"

Đáp: "Không".

"Bà-tất-tra, năm dục khiết tịnh, rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền thánh của Ta, được gọi là dính mắc, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt, nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lỗi xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc, giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa và xưng lên rằng: Xin tiếp đỡ tôi sanh lên Phạm thiên, thì cũng giống như vậy. Trọn không thể xảy ra.

“Bà-tất-tra, ví như con sông A-di-la, nước tràn ngang bờ, con quạ có thể uống được. Có người muốn sang, không bằng vào sức của tay chân, thân mình, không nhân thuyền bè, mà có thể sang được không?”

Đáp: “Không”.

“Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, không tu hạnh thanh tịnh của Sa-môn, lại tu theo hạnh không thanh tịnh của đạo khác, mà muốn cầu sanh Phạm thiên, không có trường hợp đó.

“Bà-tất-tra, cũng như nước trong núi vọt mạnh ra, cuốn trôi khá nhiều nhân dân, và lại không có thuyền, bè, cũng không có cầu bến. Người kia nghĩ thầm: Ta nên thâu lượm thật nhiều cỏ và cây, buộc thành chiếc bè thật chắc chắn, rồi bằng sức của thân mình mà sang bờ một cách an ổn. Bà-tất-tra, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo xả hạnh bất tịnh phi Sa-môn, tu hành phạm hạnh thanh tịnh của Sa-môn, muốn sanh Phạm thiên; trường hợp ấy có xảy ra.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?”

Đáp: “Không có nhuế tâm”.

Lại hỏi:

“Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?”

Đáp: “Có nhuế tâm”.

“Bà-tất-tra, Phạm thiên không có nhuế tâm. Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm. Nhuế tâm và không nhuế tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hưởng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có sân tâm, hay không có sân tâm.”

Đáp: “Không có sân tâm”.

Lại hỏi:

“Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm, hay không có sân tâm?”

Đáp: “Có sân tâm.”

“Bà-tất-tra, Phạm thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hưởng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có hận tâm, hay không có hận tâm” ?”

Đáp: “Không có hận tâm.”

Lại hỏi:

“Bà-la-môn thông tam minh có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: “Có hận tâm”.

Phật nói:

“Phạm thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hưởng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có gia thuộc, sản nghiệp không?”

Đáp: “Không”

Lại hỏi:

“Bà-la-môn tam minh có gia thuộc, sản nghiệp không?”

Đáp: “Có”.

Phật nói:

“Phạm thiên không có gia thuộc, sản nghiệp. Bà-la-môn thông tam minh có gia thuộc, sản nghiệp. Người có gia thuộc, sản nghiệp và người không gia thuộc, sản nghiệp không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hưởng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có được tự tại hay không được tự tại?”

Đáp: “Được tự tại”.

Lại hỏi:

“Bà-la-môn tam minh có được tự tại, hay không được tự tại?

Đáp: "Không được tự tại".

Phật nói:

"Phạm thiên được tự tại. Bà-la-môn thông tam minh không được tự tại. Người được tự tại và người không được tự tại cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hưởng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung."

Phật lại nói:

"Bà-la-môn tam minh kia, giả sử có người đến hỏi ý nghĩa sâu xa, không thể trả lời đầy đủ, có thật như vậy không?"

Đáp: "Thật như vậy".

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, hai người đều bạch Phật rằng:

"Hãy gác qua một bên các đề tài khác. Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm thiên, có thể giảng thuyết điều đó cho người khác; lại đã cùng Phạm thiên gặp gỡ, qua lại chuyện trò. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm vì lòng từ mẫn, xin thuyết con đường Phạm thiên, xin khai thị, phô diễn."

Phật nói với Bà-tất-tra:

"Ta nay hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời. Thế nào, Bà-tất-tra, nước Tâm niệm kia cách đây gần xa?"

Đáp: "Gần".

"Giả sử có người sanh trưởng ở nước này được người khác hỏi đường đi đến nước này. Thế nào, Bà-tất-tra, người sanh trưởng ở nước ấy trả lời đường đi cho người hỏi kia, há có đáng nghi ngờ chăng?"

Đáp: "Không nghi. Vì sao? Vì y sanh trưởng ở nước này".

Phật nói:

"Dù cho người sanh trưởng ở nước này kia cũng có thể đáng nghi ngờ, nhưng nếu có người hỏi Ta về con đường Phạm thiên, không có điều gì nghi ngờ. Vì sao? Ta đã từng nhiều lần nói về con đường Phạm thiên ấy."

Bà-tất-tra và Phả-la-đọa, cả hai cùng bạch Phật:

"Hãy gác qua một bên các đề tài khác. Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết rõ con đường Phạm thiên, có thể giảng thuyết điều đó

cho người khác; lại đã cùng Phạm thiên gặp gỡ, qua lại chuyện trò. Cúi mong Sa-môn Cù-đàm vì lòng từ mẫn, xin thuyết con đường Phạm thiên, xin khai thị, phô diễn.”

Phật nói:

“Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ. Ta sẽ nói cho người nghe.”

Đáp: “Kính vâng. Xin vui lòng được nghe.”

Phật nói:

“Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, đây đủ mười hiệu, cho đến, Tứ thiên, ở ngay trong đời này mà hưởng thọ an lạc. Vì sao? Ấy do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Vị ấy với Từ tâm tràn khắp một phương; các phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không hận, vô hại, du hí với tâm ấy và hưởng thọ an lạc. Bi, Hỷ, Xả tâm biến mãn một phương, phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không kết hận, không có ý nào hại, du hí với tâm ấy và hưởng thọ an lạc.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có nhuế tâm không?”

Đáp: “Không”.

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo hành Từ tâm có nhuế tâm, hay không có nhuế tâm?”

Đáp: “Không có nhuế tâm”.

Phật nói:

“Phạm thiên không có nhuế tâm. Tỳ-kheo hành Từ tâm không có nhuế tâm. Không nhuế tâm và không nhuế tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có sân tâm, hay không có sân tâm?”

Đáp: “Không”.

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo hành Từ tâm có sân tâm, hay không có sân tâm?”

Đáp: “Không có sân tâm”.

Phật nói:

“Phạm thiên không có sân tâm. Tỳ-kheo hành Từ tâm không có sân tâm. Không sân tâm và không sân tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có hận tâm, hay không có hận tâm?”

Đáp: “Không”.

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo hành Từ tâm có hận tâm, hay không có hận tâm?”

Đáp: “Không có hận tâm”.

Phật nói:

“Phạm thiên không có hận tâm. Tỳ-kheo hành Từ tâm không có hận tâm. Không hận tâm và không hận tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có gia thuộc sản nghiệp hay không?”

Đáp: “Không”.

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo hành Từ tâm có gia thuộc, sản nghiệp hay không?”

Đáp: “Không có gia thuộc, sản nghiệp”.

Phật nói:

“Phạm thiên không có gia thuộc, sản nghiệp. Tỳ-kheo hành Từ tâm không có gia thuộc, sản nghiệp. Không gia thuộc, sản nghiệp và không gia thuộc sản nghiệp cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

“Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có được tự tại không?”

Đáp: “Được tự tại”.

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo hành Từ tâm có được tự tại không?”

Đáp: “Được tự tại”.

Phật nói:

“Phạm thiên được tự tại. Tỳ-kheo hành Từ tâm được tự tại. Được tự tại và được tự tại cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.”

Phật lại nói với Bà-tất-tra:

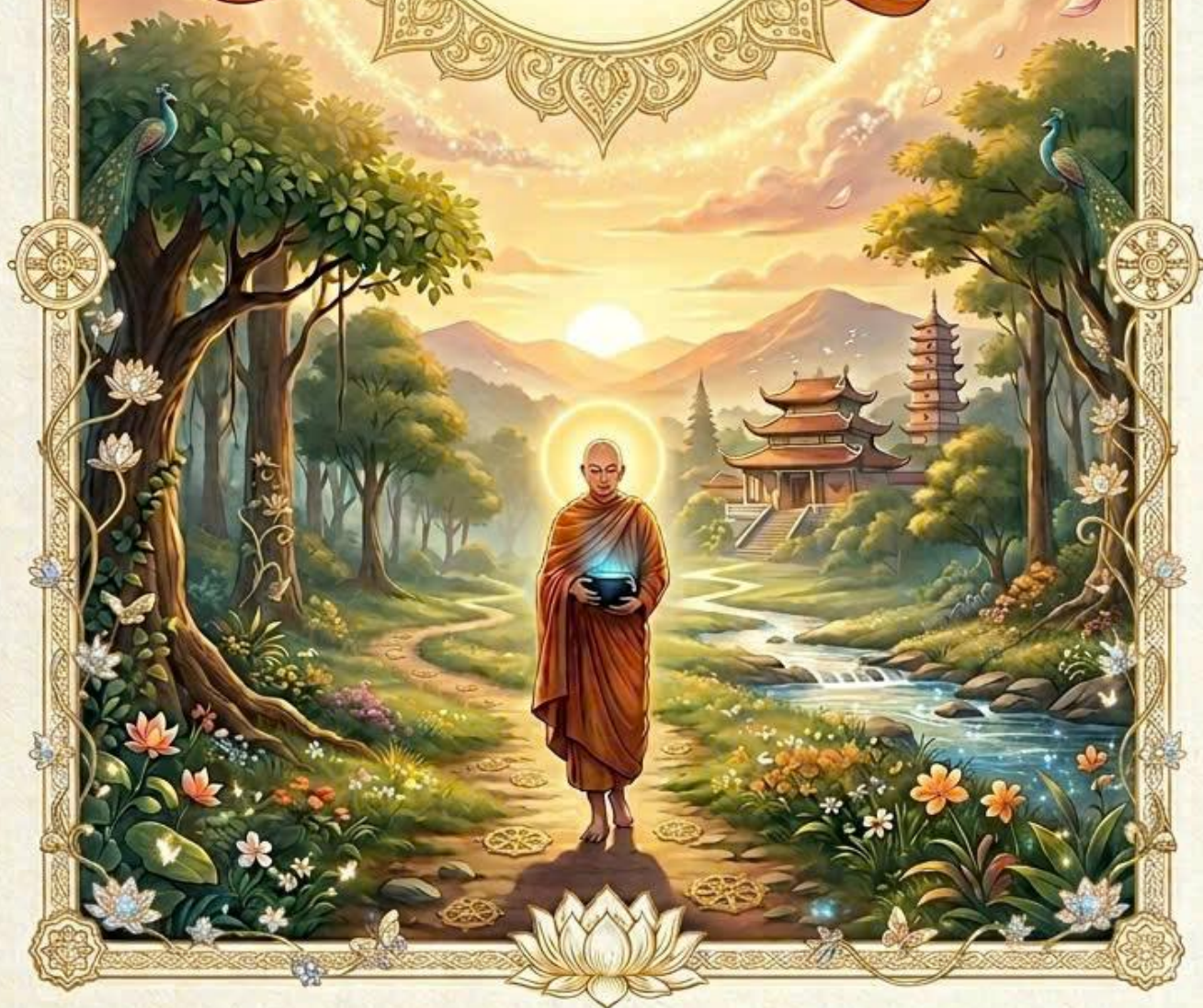
“Nên biết, Tỳ-kheo hành Từ tâm, khi thân hoại mạng chung, trong khoảnh khắc như mũi tên được bắn đi, sanh lên Phạm thiên.”

Khi Phật nói kinh này, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, ở trong các pháp phát sanh con mắt thấy pháp.

Bấy giờ, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH SA MÔN QUẢ



Dịch giả: HT. THÍCH TUỆ SỸ

TRƯỜNG A HÀM

KINH SA MÔN QUẢ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại La-duyet-kỳ, trong vườn Am-bà của Kỳ Cựu đông tử, cùng với Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, A-xà-thế, con trai bà Vi-đề-hi, vào ngày rằm, lúc trăng tròn, sai gọi một phu nhân đến, bảo rằng:

“Đêm nay trong sáng không khác gì ban ngày. Ta nên làm gì?”

Phu nhân tâu:

“Đêm nay rằm trăng tròn, như ban ngày không khác. Nên tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ hưởng thụ ngũ dục.”

Vua lại lệnh gọi thái tử thứ nhất là Ưu-da-bà-đà đến hỏi:

“Đêm nay rằm trăng tròn, không khác gì ban ngày. Ta nên làm gì?”

Thái tử tâu:

“Đêm nay rằm trăng tròn, như ban ngày không khác. Nên tập hợp bốn thứ quân, cùng bàn mưu chinh phạt phản nghịch biên cương, sau đó trở về cùng hưởng thụ dục lạc.”

Vua lại ra lệnh triệu đại tướng Dũng Kiện đến hỏi:

“Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên làm gì?”

Đại tướng tâu:

“Đêm nay trong sáng, không khác gì ban ngày, nên tập hợp bốn thứ quân, đi tra xét thiên hạ để biết có sự thuận hay nghịch.”

Vua lại sai triệu Bà-la-môn Vũ-xá đến hỏi:

“Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?”

Khi ấy Vũ-xá tâu vua:

“Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Bất-lan Ca-diệp, là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ.”

“Vua lại lệnh gọi em Vũ-xá là Tu-ni-đà đến hỏi: “Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?”

Khi ấy Tu-ni-đà tâu vua:

“Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Mạt-già-lê Cù-xá-lê, là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ.”

Vua lại sai triệu Điển tác đại thần đến hỏi:

“Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?”

Khi ấy Điển tác đại thần tâu vua:

“Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la, là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ.”

Vua lại sai triệu tướng thủ thành môn là Già-la đến hỏi:

“Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?”

Khi ấy tướng thủ thành môn là Già-la tâu vua:

“Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Bà-phù-đà Già-chiên-na, là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia

thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ.”

Vua lại sai triệu Ưu-đà-di Mạn-đê Tử đến hỏi:

“Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?”

Khi ấy Ưu-đà-di tâu vua:

“Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất, là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ.”

Vua lại sai triệu em là Vô Úy đến hỏi:

“Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?”

Khi ấy Vô Úy tâu vua:

“Đêm nay trong sáng, không khác ban ngày. Có Ni-kiên Tử, là người lãnh đạo, đứng đầu chúng lớn, được nhiều người biết đến, tiếng tăm đồn xa, cũng như biển cả dung nạp được nhiều, được mọi người cúng dường. Đại vương, nên đến kia thăm viếng. Nếu Đại vương gặp vị ấy, hoặc giả tâm được khai ngộ.”

Vua lại sai triệu Thọ Mạng đồng tử đến hỏi:

“Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?”

Thọ Mạng đồng tử tâu:

“Có Phật, Thế Tôn, nay đang ở trong vườn xoài của tôi. Đại vương nên đến đó thăm hỏi. Nếu Đại vương gặp Phật, tâm tất khai ngộ.”

Vua bèn sắc lệnh Thọ Mạng:

“Hãy thả kiệu con voi báu mà ta thường cưỡi, cùng với năm trăm thớt voi trắng.”

Thọ Mạng vâng lệnh, cho trang nghiêm con voi của vua cùng với năm trăm thốt voi xong, tâu vua rằng:

"Xa giá đã trang nghiêm. Xin Đại vương biết thời."

A-xà-thế tự mình cưỡi voi báu; cho năm trăm phu nhân cưỡi năm trăm voi cái, tay mỗi người đều cầm một bó đuốc, thể hiện uy nghi của vua, ra khỏi La-duyệt-kỳ, chậm rãi tiến đi trên con đường hướng đến chỗ Phật. Vua bảo Thọ Mạng:

"Người nay gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và đại chúng đến cho kẻ thù."

Thọ Mạng tâu:

"Đại vương, thần không dám lừa dối Đại vương. Không dám hãm hại Đại vương, dẫn Đại vương và đại chúng đến cho kẻ thù. Đại vương cứ tiến về phía trước, tất thu hoạch được phúc khánh."

Rồi thì, tiến tới một quãng ngắn, vua lại bảo Thọ Mạng:

"Người nay gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và đại chúng đến cho kẻ thù."

Vua nói ba lần như vậy.

"Vì sao? Kia có một ngàn hai trăm năm mươi người, nhưng lại vắng lặng không tiếng động. Hẳn là có âm mưu rồi."

Thọ Mạng ba lần tâu:

"Đại vương, thần không dám lừa dối Đại vương. Không dám hãm hại Đại vương, dẫn Đại vương và đại chúng đến cho kẻ thù. Đại vương cứ tiến về phía trước, tất thu hoạch được phúc khánh. Vì sao? Sa-môn kia theo pháp thường ưa sự thanh vắng, do đó không có tiếng động. Đại vương cứ tiến tới. Khu vườn đã xuất hiện."

Vua A-xà-thế đi đến cổng vườn, xuống voi, giải kiếm, cất lọng, dẹp bỏ năm thứ uy nghi, bước vào cổng vườn, nói với Thọ Mạng:

"Phật, Thế Tôn đang ở đâu?"

Thọ Mạng trả lời:

"Đại vương, Phật đang ở trên cao đường kia, phía trước Ngài có ngọn đèn. Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, mặt hướng về phía Nam. Đại vương đi tới một chút, tự mình gặp Thế Tôn."

Bấy giờ, A-xà-thế đi đến chỗ giảng đường, rửa chân ở bên ngoài, sau đó mới bước lên giảng đường, im lặng nhìn bốn phía, sanh tâm hoan hỷ, miệng tự phát lên lời:

“Nay các Sa-môn yên tĩnh lặng thính, đây đủ chỉ quán. Mong sao thái tử Ưu-đà-di của tôi cũng chỉ quán thành tựu, như thế này không khác.”

Khi ấy, Phật nói với vua A-xà-thế:

“Đại vương nghĩ đến con, nên từ miệng mình phát ra lời: Mong sao thái tử Ưu-đà-di cũng chỉ quán thành tựu như vậy không khác. Đại vương hãy ngồi phía trước đó.”

A-xà-thế bèn đánh lễ Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

“Nay có điều muốn hỏi, nếu Ngài có rảnh, tôi mới dám hỏi.”

Phật nói:

“Đại vương, có điều gì muốn hỏi, xin cứ hỏi.”

A-xà-thế bạch Phật:

“Thế Tôn, như nay người cưỡi voi, xe ngựa, tập luyện đao, mâu, kiếm, cung tên, binh khí, phép chiến đấu; vương tử, lực sĩ, đại lực sĩ, tôi tớ, thợ da, thợ hớt tóc, thợ bện tóc, thợ đóng xe, thợ gổm, thợ đan, thợ dệt cói; mỗi người đều sinh sống bằng các kỹ thuật khác nhau, tự mình hưởng thụ dục lạc; và cùng với cha, mẹ, vợ con, nô bộc vui hưởng lạc thú. Các nghề nghiệp như vậy đều có quả báo hiện tại. Nay các Sa-môn hiện tại tu hành, được những quả báo hiện tại gì?”

Phật nói với vua A-xà-thế:

“Đại vương đã từng đến các Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi ý nghĩa như vậy chưa?”

Vua bạch Phật:

“Tôi đã từng đi đến các Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi ý nghĩa như vậy.

“Nhớ lại, một thời tôi đến Bất-lan Ca-diệp, hỏi rằng: như người cưỡi voi, xe ngựa, tập luyện binh pháp. cho đến, bằng các sự mưu sinh khác nhau, hiện tại có quả báo. Nay chúng đây hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không? Bất-lan Ca-diệp kia trả lời tôi rằng: Đại vương nếu tự mình làm hay sai bảo người

khác làm. Chặt, bừa, tàn hại, nấu, nướng, cắt, xẻ, não loạn chúng sanh, khiến cho sầu ưu, than khóc; sát sanh, trộm cắp, dâm dật, vọng ngữ, trèo tường cướp bóc, phóng lửa thiêu đốt, chặn đường làm chuyện ác. Đại vương, hành động như vậy không phải là ác. Đại vương, nếu lấy kiếm bén mà lóc thịt chúng sanh, làm thành một đồng thịt, ngập tràn cả thế gian; đó không phải là sự ác, cũng không tội báo. Ở bờ Nam sông Hằng, lóc thịt chúng sanh, cũng không có ác báo. Ở phía Bắc sông Hằng, thiết hội bố thí lớn, bố thí tất cả chúng sanh, lợi cho tất cả mọi người, cũng không có quả báo của tội phước .”

Rồi vua bạch Phật:

“Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mặn; hỏi mặn thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời tôi là không có tội phước. Tôi bèn suy nghĩ rằng: Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi. Khi ấy, trong lòng tôi phần nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi .”

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

“Nhớ lại, một thời tôi đến Mạt-già-lê Câu-xá-lê, hỏi rằng: như người cưỡi voi, xe ngựa, tập luyện binh pháp v.v..., cho đến, bằng các sự mưu sinh khác nhau, hiện tại có quả báo. Nay chúng đây hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không? Kia trả lời tôi rằng: Đại vương, không có bố thí, không có sự cho, không có pháp tế tự . Cũng không có thiện ác; không có quả báo của thiện ác. Không có đời này, không có đời sau. Không có cha, không có mẹ, không có chư Thiên, không có sự hóa sanh, không có chúng sanh. Ở đời không có Sa-môn, Bà-la-môn, bình đẳng hành giả và họ cũng không tự mình chứng ngộ đời này hay đời sau, rồi phô diễn cho người hay. Những ai nói có, thảy đều hư dối.

“Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mặn; hỏi mặn thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết vô nghĩa. Tôi bèn suy nghĩ rằng: Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi. Khi ấy, trong lòng tôi phần nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi.”

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

“Một thời, tôi đến A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la, hỏi rằng: Đại đức, như người cưỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không? Kia trả lời tôi rằng: Con người lãnh thọ bốn đại, khi mạng chung, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió; thảy đều hư rã, các căn trở về hư không. Khi người chết, nhà đồ khiêng xác để trong bãi tha ma, lửa đốt cháy thành xương như màu bồ câu, hoặc biến thành tro đất. Hoặc ngu, hoặc trí, đến lúc mạng chung, thảy đều hư rã, là pháp đoạn diệt .

“Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mặn; hỏi mặn thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết đoạn diệt. Tôi bèn suy nghĩ rằng: Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi. Khi ấy, trong lòng tôi phần nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi.”

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

“Một thời, tôi đến Ba-phù-đà Già-chiên-diên, hỏi rằng: Đại đức, như người cưỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không? Kia trả lời tôi rằng: Không có lực, không có tinh tấn, con người không sức mạnh, không phương tiện. Chúng sanh nhiễm trước không do nhân gì hay duyên gì. Chúng sanh thanh tịnh không do nhân gì hay duyên gì. Hết thảy chúng sanh, những loài có mạng, thảy đều không sức mạnh, không được tự tại, không có cái gì được gọi là oán là thù, ở trong sáu sanh loại mà thọ các khổ hay lạc.

“Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mặn; hỏi mặn thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết Vô lực. Tôi bèn suy nghĩ rằng: Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-, ly, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi. Khi ấy, trong lòng tôi phần nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi.”

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

“Một thời, tôi đến Tán-nhã Tỳ-la-lê Tử, hỏi rằng: Đại đức, như người cưỡi voi, ngựa, xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội

này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không? Kia trả lời tôi rằng: Đại vương, hiện tại có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy. Sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại không có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại vừa có vừa không có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Đại vương, hiện tại không phải có cũng không phải không có quả báo của Sa-môn. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Hỏi như vậy, đáp sự việc ấy như vậy; sự việc này là thật, sự việc này là khác; sự việc này không phải khác cũng không phải không khác. Thế Tôn, cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết dị luận. Tôi bèn suy nghĩ rằng: Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi. Khi ấy, trong lòng tôi phần nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi.”

Rồi nhà vua lại bạch Phật:

“Một thời, tôi đến Ni-kiền Tử, hỏi rằng: Đại đức, như người cưỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây chúng hội này hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không? Kia trả lời tôi rằng: Đại vương, tôi là bậc Nhất thiết trí, là người thấy tất cả, biết thấu suốt không sót. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, bất cứ lúc nào, trí thường hiện tiền. Thế Tôn, cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo không, nhưng kia trả lời bằng thuyết dị luận. Tôi bèn suy nghĩ rằng: Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi. Khi ấy, trong lòng tôi phần nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi.

“Thế Tôn, hôm nay tôi đến đây để hỏi ý nghĩa như vậy: như người cưỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại

mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây Sa-môn hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?”

Phật nói với vua A-xà-thế:

“Nay Ta trở lại hỏi Đại vương, xin tùy ý trả lời. Thế nào, Đại vương, có đồng tộc của Đại vương, người làm các công việc trong và ngoài, đều thấy Đại vương vào ngày rằm, lúc trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng hưởng thụ dục lạc với các thể nữ, bèn suy nghĩ như vậy: Lạ thay, quả báo của hành vi đến như thế sao? Vua A-xà-thế này vào ngày rằm, lúc trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng hưởng thụ dục lạc với các thể nữ. Ai có thể biết được đây lại là quả báo của hành vi? Người kia, một thời gian sau, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, thực hành pháp bình đẳng. Thế nào, Đại vương, Đại vương từ xa thấy người ấy đi đến, há có khởi lên ý nghĩ rằng: Đây là nô bộc của ta?”

Vua bạch Phật:

“Không, bạch Thế Tôn. Nếu thấy người ấy đến, phải đứng dậy nghinh đón, mời ngồi.”

Phật nói:

“Đó không phải là Sa-môn được quả báo hiện tại sao?”

Vua đáp: “Đúng như vậy, Thế Tôn, đó là hiện tại được quả báo Sa-môn vậy”.

“Lại nữa, Đại vương, có người khách cư ngụ trong cung giới của Đại vương, ăn thóc lúa mà Đại vương ban cho. Người ấy thấy Đại vương vào ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng các thể nữ vui thú ngũ dục, bèn nghĩ thầm rằng: Lạ thay, quả báo của hành vi kia đến như vậy sao? Ai có thể biết đó là quả báo của hành vi? Một thời gian sau, người ấy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, hành bình đẳng pháp. Thế nào, Đại vương? Nếu Đại vương từ xa thấy người ấy đi đến, có khởi lên ý nghĩ rằng; Người ấy là khách dân của Ta, ăn thóc lúa mà Ta ban cho hay không?”

Vua nói: “Không. Nếu tôi thấy người ấy từ xa đến, tôi sẽ đứng dậy nghinh đón, chào hỏi, mời ngồi”.

“Thế nào, Đại vương, đó không phải là Sa-môn hiện tại được quả báo chăng?”

Vua nói: “Đúng như vậy, hiện tại được quả báo của Sa-môn vậy”.

“Lại nữa, Đại vương, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, vào trong pháp Ta, cho đến tam minh, diệt trừ các tối tăm, phát sanh ánh sáng đại trí, gọi là lậu tận trí chứng. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Thế nào, Đại vương, đó không phải là quả báo hiện tại của Sa-môn sao?”

Vua đáp: “Thật vậy, Thế Tôn, đó thật là quả báo hiện tại của Sa-môn”.

Bấy giờ, vua A-xà-thế rời chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ chân Phật, bạch Phật rằng:

“Cúi mong Thế Tôn nhận sự hối hận của con. Con vì cuồng, ngu si, tối tăm, không nhận thức. Cha con là Bình-sa vương, vua nước Ma-kiệt-đà, cai trị bằng chánh pháp, không có thiên vậy. Nhưng con bị ngũ dục mê hoặc, thật sự đã hại phụ vương. Cúi mong Thế Tôn rủ lòng thương xót, nhận sự sám hối của con.”

Phật bảo vua:

“Người ngu si, không nhận thức. Nhưng đã tự mình hối cải. Người vì mê say ngũ dục mà hại phụ vương. Nay trong pháp Hiền thánh mà biết hối cải, tức là tự làm ích lợi cho mình. Ta vì thương tưởng người, nhận sự sám hối của người.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế sau khi lễ Phật, được Phật giảng pháp cho nghe, được chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ. Sau khi nghe những điều Phật dạy, vua liền bạch Phật:

“Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin chấp nhận con là Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, suốt đời không giết, không trộm, không dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng đại chúng sáng ngày mai nhận lời thỉnh của con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi thì, vua thấy Phật im lặng nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, đi quanh ba vòng sau đó cáo lui.

Vua đi chưa bao lâu, Phật nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Vua A-xà-thế này, tội lỗi đã vơi bớt, đã nhỏ trọng tội. Nếu A-xà-thế không giết cha, thì ngay tại chỗ này đã được con mắt

thanh tịnh thấy pháp. Nhưng vua A-xà-thế nay đã hối lỗi, tội lỗi đã vơi bớt, đã nhờ trọng tội.”

Bấy giờ, A-xà-thế, đang trên đường đi, gọi Thọ Mạng đồng tử bảo rằng:

“Lành thay, lành thay! Người nay làm được nhiều điều lợi ích cho ta. Người trước đã tán thán Như Lai, chỉ dẫn, khơi mở, sau đó đưa ta đến gặp Thế Tôn, nhờ thế ta được khai ngộ. Ta rất cảm ơn người, trọn không bao giờ quên.”

Rồi thì, vua trở về cung sửa soạn các món hào soạn, các loại thức ăn. Sáng hôm sau, khi đã đến giờ, báo Đức Thánh biết đã đến giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát, cùng với chúng đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người, đi đến vương cung, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Rồi, vua tự tay châm chước, cúng Phật và Tăng. Ăn xong, cất bát, dùng nước rửa xong, vua đánh lễ Phật, bạch rằng:

“Con nay ba lần xin sám hối. Con vì cuồng dại, ngu si, tối tăm, không nhận thức. Cha con là Bình-sa vương, vua nước Ma-kiệt-đà, cai trị bằng chánh pháp, không có thiên vạ. Nhưng con vì mê say ngũ dục, thật sự đã hại phụ vương. Cúi mong Thế Tôn lòng thương xót, nhận sự sám hối của con.”

Phật bảo vua:

“Người ngu si, không nhận thức. Người vì mê say ngũ dục mà hại phụ vương. Nay trong pháp Hiền thánh mà biết hối cải, tức là tự làm ích lợi cho mình. Ta vì thương tưởng người, nhận sự sám hối của người.”

Rồi thì, sau khi đánh lễ Phật, vua lấy một ghế nhỏ ngồi trước Phật. Phật giảng pháp cho vua nghe, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Sau khi nghe Phật dạy, vua lại bạch Phật:

“Con nay ba lần xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi mong nhận con làm Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay cho đến trọn đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi giảng pháp cho vua nghe, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ, bèn rời chỗ ngồi ra về.

Vua A-xà-thế và Thọ Mạng đồng tử sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH BỐ TRA BÀ LÂU



HT. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH BỐ TRA BÀ LÂU

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người .

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy, Thế Tôn nghĩ rằng:

“Ngày hôm nay khất thực, thời gian còn sớm, Ta hãy đến thăm khu rừng của Phạm chí Bồ-tra-bà-lâu ; đợi đến giờ rồi hãy đi khất thực”. Rồi Ngài đi đến rừng của Phạm chí. Phạm chí Bồ-tra-bà-lâu từ xa trông thấy Phật đi đến, liền đứng dậy nghinh đón rằng:

“Hoan nghinh, Sa-môn Cù-đàm! Lâu nay không đến. Nay vì duyên có gì lại khuất mình chiều cô? Xin mời ngồi phía trước đây.”

Thế Tôn ngồi xuống chỗ ấy, nói với Bồ-tra-bà-lâu rằng:

“Các ông tập họp tại đây, để làm gì? Để bàn chuyện gì?”

Phạm chí bạch Phật:

“Thế Tôn, ngày hôm qua có nhiều Sa-môn, Bà-la-môn tập họp tại giảng đường, bàn luận sự việc như vậy. Những vấn đề chống trái nhau.

“Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vậy: Con người phát sanh tướng không do nhân gì duyên gì. Tướng có đến, có đi. Đến thì tướng sanh. Đi thì tướng diệt.

“Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vậy: Do mạng, có tướng sanh; do mạng, có tướng diệt. Tướng kia đi, đến. Đến thì tướng sanh. Đi thì tướng diệt.

“Cù-đàm, hoặc có Phạm chí nói như vậy: Các thuyết nói trước đó không đúng sự thật. Có vị đại quý thần, có uy lực lớn, mang tướng đi; mang tướng đến. Khi vị ấy mang tướng đi thì tướng diệt. Khi vị ấy mang tướng đến thì tướng sanh.

“Tôi nhân đó có suy nghĩ, nghĩ rằng Sa-môn Cù-đàm tất biết rõ ý nghĩa này, tất có thể biết rõ tướng tri diệt định.”

Bấy giờ Thế Tôn nói với Phạm chí rằng:

“Các luận thuyết ấy đều có chỗ sai lầm. Tức là nói không do nhân, không do duyên mà có tướng sanh; không do nhân, không do duyên mà có tướng diệt; tướng có đến, đi; đến thì tướng sanh, đi thì tướng diệt. Hoặc nói nhân bởi mạng mà tướng sanh, nhân bởi mạng mà tướng diệt; tướng có đến, đi; đến thì tướng sanh, đi thì tướng diệt. Hoặc nói, không hề có chuyện đó, mà là có một vị đại quý thần mang tướng đến và mang tướng đi; khi vị ấy mang đến thì tướng sanh; khi mang đi thì tướng diệt. Những lời như vậy thảy đều sai lầm. Vì sao? Nay Phạm chí, có nhân, có duyên để tướng sanh. Có nhân, có duyên để tướng diệt.

“Nếu Như Lai xuất hiện ở đời; là Bạc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ. Có người ở trong Phật pháp mà xuất gia tu đạo, cho đến, diệt năm triền cái che lấp tâm, trừ khử dục, ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do định sanh, nhập Sơ thiền. Trước diệt tướng về dục, rồi phát sanh tướng về hỷ và lạc. Phạm chí, vì vậy biết có nhân duyên cho tướng sanh, có nhân duyên cho tướng diệt.

“Diệt giác, quán, nội tâm hoan hỷ, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ và lạc do định sanh, nhập đệ Nhị thiền. Phạm chí, kia tướng của Sơ thiền diệt, tướng của Nhị thiền sanh, vì vậy nên biết có nhân duyên để tướng diệt; có nhân duyên để tướng sanh.

“Dứt hỷ, an trú xả, chuyên niệm nhất tâm, tự biết thân lạc, điều mà Hiền thánh mong cầu, hộ niệm thanh tịnh, nhập đệ Tam thiền. Phạm chí, kia tướng của Nhị thiền diệt, tướng của Tam thiền sanh. Vì vậy nên biết có nhân duyên để tướng diệt, có nhân duyên để tướng sanh.

“Dứt khổ, dứt lạc, ưu và hỷ từ trước đã diệt, xả niệm thanh tịnh, nhập đệ Tứ thiền. Phạm chí, kia tướng Tam thiền diệt, tướng Tứ thiền sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tướng diệt; có nhân duyên để tướng sanh.

“Xả hết thảy tướng về sắc, diệt nhuế, không niệm dị tướng, nhập không xứ. Nay Phạm chí, tướng về hết thảy sắc diệt, tướng về không xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tướng sanh, có nhân duyên để tướng diệt.

“Vượt hết thủy không xứ, nhập thức xứ. Nay Phạm chí, tưởng về không xứ diệt, tưởng về thức xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

“Vượt hết thủy thức xứ, nhập bất dụng xứ. Nay Phạm chí, tưởng về thức xứ diệt, tưởng về bất dụng xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

“Xả bất dụng xứ, nhập hữu tướng vô tướng xứ. Nay Phạm chí, tưởng về bất dụng xứ diệt, tưởng về hữu tướng vô tướng xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

“Kia xả hữu tướng vô tướng xứ, nhập tướng tri diệt định. Nay Phạm chí, tưởng về hữu tướng vô tướng xứ diệt; nhập tướng tri diệt định. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

“Vị ấy khi đạt đến tướng này rồi, suy nghĩ như vậy: có niệm là ác, không niệm là thiện. Vị ấy khi suy nghĩ như vậy, tưởng vi diệu của vị ấy không diệt, mà tưởng thô lại sanh. Vị ấy lại suy nghĩ: Nay ta không nên niệm hành, không khởi tư duy. Vị ấy khi không niệm hành, không khởi tư duy, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh. Khi vị ấy không niệm hành, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh, liền nhập định tướng tri diệt.

“Thế nào, Phạm chí, từ trước đến nay ông đã bao giờ nghe nhân duyên của thứ tự diệt tướng này chưa?”

Phạm chí bạch Phật:

“Tôi tin là từ trước đến nay chưa bao giờ nghe đến nhân duyên của thứ tự diệt tướng này.”

Phạm chí lại bạch Phật:

“Nay tôi có ý nghĩ như vậy, tức là, đây là có tướng; đây là không có tướng. Hoặc lại có tướng. Sau khi có tướng như vậy rồi, vị ấy suy nghĩ như vậy: có niệm là ác, không niệm là thiện. Vị ấy khi suy nghĩ như vậy, tưởng vi diệu của vị ấy không diệt, mà tưởng thô lại sanh. Vị ấy lại suy nghĩ: Nay ta không nên niệm hành, không khởi tư duy. Vị ấy khi không niệm hành, không khởi tư duy, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh. Khi vị ấy không niệm hành, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh, liền nhập định tướng tri diệt.”

Phật nói với Phạm chí:

“Lành thay, lành thay, đó là theo thứ tự đạt diệt tướng định trong pháp của Hiền thánh.”

Phạm chí lại bạch Phật:

“Trong các tướng này, tướng nào là tối thượng bậc nhất?”

Phật nói với Phạm chí:

“Những gì được nói là có tướng và những gì được nói là không có tướng, ở khoảng trung gian đó mà có thể thứ tự đạt được tướng trí diệt định, đó là tướng tối thượng bậc nhất.”

Phạm chí lại hỏi:

“Là một tướng, hay nhiều tướng?”

Phật nói:

“Có một tướng. Không có nhiều tướng.”

Phạm chí lại hỏi:

“Trước có tướng sanh sau đó mới trí, hay trước có trí sanh sau đó mới tướng?”

Phật nói:

“Trước có tướng sanh, sau đó mới trí. Do tướng mà có trí.”

Phạm chí lại hỏi:

“Tướng tức là ngã chăng?”

Phật hỏi:

“Người nói con người như thế nào là ngã?”

Phạm chí nói:

“Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói, sắc thân với bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng mà lớn, trang sức bằng y phục, nhưng là pháp vô thường, biến hoại. Tôi nói, con người đó là ngã.”

Phật nói với Phạm chí:

“Người nói, sắc thân với bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng mà lớn, trang sức bằng y phục, nhưng là pháp vô thường, biến hoại. Nói con người đó là ngã. Nay Phạm chí, hãy gác qua tự ngã đó. Nhưng, tướng của con người sanh, tướng của con người diệt.”

Phạm chí nói:

“Tôi không nói con người là ngã. Tôi nói, Dục giới thiên là ngã.”

Phật nói:

“Này Phạm chí, hãy gác qua Dục giới thiên là tự ngã đó. Nhưng, tướng của con người sanh, tướng của con người diệt.”

Phạm chí nói:

“Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói, Sắc giới thiên là ngã” .”

Phật nói:

“Này Phạm chí, hãy gác qua Sắc giới thiên là tự ngã đó. Nhưng, tướng của con người sanh, tướng của con người diệt.”

Phạm chí nói:

“Tôi không nói con người là ngã. Tôi tự nói không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ, vô sắc thiên, là ngã.”

Phật nói:

“Hãy gác qua không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, hữu tướng vô tướng xứ, vô sắc thiên, là ngã. Nhưng, tướng của con người sanh, tướng của con người diệt.”

Phạm chí bạch Phật:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi có thể biết được tướng của con người sanh, tướng của con người diệt không?”

Phật nói:

“Người muốn biết tướng của con người sanh, tướng của con người diệt. Thật quá khó! Thật quá khó! Vì sao vậy? Vì do người, y pháp khác mà có kiến giải khác, tập hành khác, nhãn khác, thọ khác.”

Phạm chí bạch Phật:

“Thật vậy, thưa Cù-đàm, tôi y theo pháp khác mà có kiến giải khác, tập hành khác, nhãn khác, thọ khác, cho nên, muốn biết tướng của con người sanh, tướng của con người diệt, thật quá khó! Thật quá khó! Vì sao vậy? Ngã, thế gian là thường hằng: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là vô thường: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian vừa thường vừa vô thường: đây là

thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian không phải thường không phải vô thường: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là hữu biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian là vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian vừa hữu biên vừa vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Ngã, thế gian không phải hữu biên không phải vô biên: đây là thật, ngoài ra là dối. Thân tức là mạng: đây là thật, ngoài ra là dối. Mạng khác thân khác: đây là thật, ngoài ra là dối. Thân, mạng không phải khác không phải không khác: đây là thật, ngoài ra là dối. Không mạng, không thân: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai không có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối. Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng: đây là thật, ngoài ra là dối.”

Phật nói với Phạm chí:

“Thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng: là những câu hỏi Ta không trả lời.”

Phạm chí bạch Phật:

“Cù-đàm, vì sao không trả lời, ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng?”

Phật nói:

“Vì chúng không phù hợp ý nghĩa, không phù hợp pháp, không phải phạm hạnh, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải chỉ tức, không phải Chánh giác, không phải Sa-môn, không phải Nê-hoàn. Vì vậy Ta không trả lời.”

Phạm chí lại hỏi:

“Thế nào là phù hợp nghĩa, phù hợp pháp? Thế nào là phạm hạnh sơ? Thế nào là vô vi? Thế nào là vô dục? Thế nào là tịch diệt? Thế nào là chỉ tức? Thế nào là Chánh giác? Thế nào là Sa-môn? Thế nào là Nê-hoàn? Thế nào là vô ký?”

Phật nói:

“Ta trả lời về Khổ đế, về Khổ tập, Khổ diệt, Khổ xuất yếu đế. Vì sao vậy? Vì phù hợp nghĩa, phù hợp pháp, là phạm hạnh sơ thủ, là vô dục, vô vi, tịch diệt, chỉ tức, Chánh giác, Sa-môn, Nê-hoàn. Vì vậy Ta trả lời.”

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho Phạm chí nghe xong, chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ, Ngài đứng dậy mà đi.

Phật đi chưa bao lâu, sau đó các Phạm chí khác nói với Phạm chí Bồ-tra-bà-lâu rằng:

“Tại sao người nghe theo những lời của Sa-môn Cù-đàm? Chấp nhận những lời của Cù-đàm rằng: Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời. Tại sao người ẩn khả những lời như vậy? Chúng ta không chấp nhận sở thuyết như vậy của Sa-môn Cù-đàm.”

Bồ-tra-bà-lâu trả lời các Phạm chí:

“Sa-môn Cù-đàm nói rằng: Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời. Tôi cũng không ẩn khả lời ấy. Nhưng Sa-môn Cù-đàm kia y trên Pháp, trụ trên Pháp, đúng Pháp mà nói, đúng theo Pháp mà xuất ly; làm sao tôi có thể chống lại lời nói có trí tuệ ấy? Pháp ngôn vi diệu như thế của Sa-môn Cù-đàm, không thể chống trái được.”

Rồi, một lúc khác, Phạm chí Bồ-tra-bà-lâu cùng với Tượng Thủ Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Tượng Thủ lễ Phật xong rồi ngồi xuống. Phạm chí bạch Phật:

“Trước đây Phật tại chỗ tôi. Khi Ngài đi chưa lâu, sau đó các Phạm chí khác nói với tôi rằng: Tại sao người nghe theo những lời của Sa-môn Cù-đàm? Chấp nhận những lời của Cù-đàm rằng: Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời. Tại sao người ẩn khả những lời như vậy? Chúng ta không chấp nhận sở thuyết như vậy của Sa-môn Cù-đàm. Tôi trả lời các Phạm chí: Sa-môn Cù-đàm nói rằng: Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng, là những vấn đề không phù hợp nghĩa nên Ta không trả lời. Tôi cũng không ẩn khả lời ấy. Nhưng Sa-môn Cù-đàm kia y trên Pháp, trụ trên Pháp, đúng Pháp mà nói, đúng theo Pháp mà xuất ly; làm sao chúng ta có thể chống lại lời nói có trí tuệ ấy? Pháp ngôn vi diệu như thế của Sa-môn Cù-đàm, không thể chống trái được.”

Phật nói với Phạm chí:

“Các Phạm chí nói: Người tại sao nghe những điều Sa-môn Cù-đàm nói mà ẩn khả? Lời ấy sai lầm. Vì sao vậy? Pháp mà Ta nói, có trường hợp được ghi nhận xác quyết, có trường hợp không được ghi nhận xác quyết. Thế nào gọi là không ghi nhận xác quyết? Ngã, thế gian thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng. Ta cũng nói lời ấy, nhưng không ghi nhận xác ký. Sở dĩ như vậy, vì những lời ấy không phù hợp nghĩa, không phù hợp pháp, không phải là phạm hạnh sơ, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải chỉ tức, không phải Chánh giác, không phải Sa-môn, không phải Nê-hoàn. Vì vậy, này Phạm chí, Ta tuy nói những lời ấy nhưng không ghi nhận xác quyết. Thế nào gọi là ghi nhận xác quyết? Ta ghi nhận Khổ đế, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ xuất yếu đế. Vì sao vậy? Điều đó phù hợp nghĩa, phù hợp pháp, là phạm hạnh sơ thủ, vô dục, vô vi, tịch diệt, chỉ tức, Chánh giác, Sa-môn, Nê-hoàn. Vì vậy, Ta nói được ghi nhận xác quyết. ết.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương ở một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc. Ta nói với vị ấy rằng: Các ông có thật chủ trương ở một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc chăng? Những vị ấy trả lời Ta rằng: Thật vậy. Ta lại nói với họ rằng: Các ông có thấy, biết một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc không? Họ trả lời: Không thấy, không biết. Ta lại nói với họ: Chư Thiên ở một nơi thế gian chỉ có hoàn toàn lạc ; các ông đã từng thấy chưa? Kia đáp: Không biết, không thấy. Ta lại hỏi: Chư Thiên ở một nơi thế gian kia, có bao giờ các ông từng cùng đứng ngồi trò chuyện, tinh tấn tu định chưa? Đáp rằng: Chưa. Ta lại hỏi: Chư Thiên ở một nơi thế gian hoàn toàn sung sướng kia, có bao giờ đến nói với các ông chưa, rằng: Việc làm của người chắt trực, người sẽ sanh lên cõi trời hoàn toàn sung sướng kia. Ta do việc làm chắt trực, nên được sanh lên kia cùng hưởng thọ dục lạc?? “Kia đáp rằng: Chưa. Ta lại hỏi: Các ông có thể ở nơi thân của mình, khởi tâm biến hóa thành thân tứ đại khác, thân thể đầy đủ, các căn không khuyết, hay không? Kia đáp: Không thể. Thế nào, Phạm chí, những điều mà Sa-môn, Bà-la-môn kia nói có thành thật chăng? Có thích ứng với pháp chăng?”

Phạm chí bạch Phật:

“Đây không phải là thành thật; không phải là lời nói đúng pháp.”

Phật bảo Phạm chí:

“Như có người nói: Tôi đã giao thông với người nữ xinh đẹp kia, khen ngợi dâm nữ kia. Người khác hỏi: Người có biết người nữ ấy không? Ở tại địa phương nào: Đông, Tây, Nam, Bắc? Đáp: Không biết. Lại hỏi: Người có biết đất đai, thành ấp, chòm xóm mà người nữ ấy cư ngụ không? Đáp: Không biết. Lại hỏi: Người có biết người kia là Sát-ly, hay Bà-la-môn, hay Cư sĩ, hay Thủ-đà-la không? Đáp: Không. Lại hỏi: Người có biết người kia cao hay thấp, thô kệch hay thanh lịch. Đen hay trắng, xấu hay đẹp không? Đáp: Không. Thế nào, Phạm chí, những điều mà người này nói có thành thật chăng?

Đáp: Không.

“Phạm chí, Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng vậy, không có sự chân thật. Phạm chí, cũng như có người dựng thang nơi khoảng đất trống. Những người khác hỏi: Dựng thang để làm gì? Đáp: Tôi muốn leo lên nhà trên. Thế nào, Phạm chí, người dựng thang kia há không phải là dối sao?”

Đáp: “Kia thật sự hư dối”.

Phật nói:

“Các Sa-môn, Bà-la-môn kia cũng vậy, hư dối, không thật.”

Phật bảo Bồ-tra-bà-lâu:

“Thân ta, sắc gồm bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng bú mớm, trang sức bằng y phục, vô thường hoại diệt; thân đó được cho là ngã. Ta nói đó là ô nhiễm, là thanh tịnh, là được giải thoát. Ý của người hoặc giả cho rằng pháp nhiễm ô không thể diệt, pháp thanh tịnh không thể sanh, luôn luôn tồn tại trong đau khổ. Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì, pháp nhiễm ô có thể bị diệt tận, pháp thanh tịnh có thể xuất sanh, an trú nơi lạc địa, hoan hỷ, ái lạc, chuyên niệm, nhất tâm, trí tuệ rộng lớn. Phạm chí, Ta đối với Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng thiên, nói là ô nhiễm và cũng nói là thanh tịnh, cũng nói là được giải thoát. Ý người có thể cho rằng pháp nhiễm ô không thể diệt, pháp thanh tịnh không thể sanh, luôn luôn tồn tại trong đau khổ. Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì, pháp nhiễm ô có thể bị diệt tận, pháp thanh tịnh

có thể xuất sanh, an trú nơi lạc địa, hoan hỷ, ái lạc, chuyên niệm, nhất tâm, trí tuệ rộng lớn. ”

Bấy giờ Tượng Thủ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới, với bốn đại và các căn, khi ấy thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ thiên, lúc ấy có đồng thời cùng hiện hữu không?

“Bạch Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân thuộc Dục giới thiên, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ thiên, lúc ấy có đồng thời cùng hiện hữu không?

“Bạch Thế Tôn, khi đang hiện hữu thân thuộc Sắc giới thiên, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng vô tướng xứ có đồng thời cùng hiện hữu không?

“Cũng vậy, cho đến, khi đang hiện hữu thân thuộc Hữu tướng vô tướng xứ, khi ấy thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thân thuộc Dục giới thiên, thân thuộc Sắc giới thiên, thân thuộc Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ thiên có đồng thời cùng hiện hữu không?”

Phật nói với Tượng Thủ Xá-lợi-phất:

“Khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, thân Sắc giới thiên, thân Không xứ thiên, thân Thức xứ thiên, thân Vô sở hữu xứ thiên, thân Hữu tướng vô tướng thiên. Cũng vậy, cho đến, nếu khi đang hiện hữu thân Hữu tướng vô tướng thiên, thì ngay khi ấy là thân Hữu tướng vô tướng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, không phải là thân Dục giới thiên, thân Sắc giới thiên, thân Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ thiên.

“Này Tượng Thủ, ví như sữa bò. Sữa biến thành ô. Ô biến thành lạc. Lạc biến thành sanh ô. Sanh ô biến thành thực ô. Thực ô biến thành đề hồ. Đề hồ là bạch nhất. Khi là sữa, thì chỉ được gọi là sữa mà không gọi là lạc, ô, đề hồ. Cũng vậy, lần lượt

cho đến khi là đề hồ, thì khi ấy chỉ được gọi là đề hồ mà không gọi là lạc, tô.

“Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tướng vô tướng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tướng vô tướng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tướng vô tướng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Vô sở hữu xứ thiên.

“Tượng Thủ, ý người nghĩ sao? Nếu có người hỏi người: Khi đang hiện hữu thân quá khứ; khi ấy thân vị lai và thân hiện tại có cùng nhất thời hiện hữu không? Khi đang hiện hữu thân vị lai, khi ấy thân quá khứ và thân hiện tại có đồng thời hiện hữu không? Khi đang hiện hữu thân hiện tại, khi ấy thân quá khứ và thân vị lai có đồng thời hiện hữu không? Giả sử được hỏi như vậy, người sẽ trả lời như thế nào?”

Tượng Thủ đáp:

“Giả sử có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời người ấy rằng: Khi đang hiện hữu thân quá khứ, khi ấy duy chỉ là thân quá khứ, mà không phải là thân hiện tại và vị lai. Khi đang hiện hữu thân vị lai, khi ấy duy chỉ là thân vị lai. Chứ không phải là thân quá khứ và hiện tại. Khi đang hiện hữu thân hiện tại, khi ấy chỉ là thân hiện tại, chứ không phải là thân quá khứ và thân vị lai.”

Phật nói:

“Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tướng vô tướng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tướng vô tướng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tướng vô tướng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Bất dụng xứ thiên.

“Lại nữa, Tượng Thủ, giả sử có người hỏi người: Có phải người trong quá khứ đã từng hiện hữu và đã diệt; vị lai sẽ sanh và hiện tại đang tồn tại chăng? Nếu được hỏi như vậy, người sẽ trả lời như thế nào?”

Tượng Thủ bạch Phật:

“Giả sử có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời người ấy rằng: Trong quá khứ tôi đã từng hiện hữu; không phải không hiện hữu. Trong vị lai, tôi sẽ sanh, chứ không phải không có; trong hiện tại, tôi đang tồn tại. Chứ không phải không có.”

Phật nói:

“Tượng Thủ, ở đây cũng vậy, khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, cho đến, không phải là thân Hữu tướng vô tướng thiên. Cũng vậy, lần lượt cho đến, khi đang hiện hữu thân Hữu tướng vô tướng thiên, thì ngay khi ấy chỉ có thân Hữu tướng vô tướng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, cho đến, thân Vô sở hữu xứ thiên.”

Bấy giờ, Tượng Thủ bạch Phật:

“Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nhận con là Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay đến trọn đời, nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu.”

Khi ấy Phạm chí Bồ-tra-bà-lâu bạch Phật:

“Con có thể ở trong Phật pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc được không?”

Phật nói với Phạm chí:

“Nếu có người dị học muốn được xuất gia thọ giới trong Pháp của Ta, trước hết phải cần bốn tháng quán sát, làm hài lòng đại chúng, sau đó mới được xuất gia thọ giới. Tuy có quy định như vậy, nhưng cũng còn nhận xét tùy người.”

Phạm chí bạch Phật:

“Nếu có các người dị học muốn được xuất gia thọ giới trong Phật Pháp, trước hết phải cần bốn tháng quán sát, làm hài lòng đại chúng, sau đó mới được xuất gia thọ giới. Như con nay, có thể ở trong Phật pháp qua bốn tháng quan sát, khi đại chúng hài lòng, con mới xin xuất gia thọ giới Cụ túc.”

Phật nói với Phạm chí:

“Ta đã có nói với người trước rồi. Tuy có quy định như vậy, nhưng cũng còn nhận xét tùy người.”

Bấy giờ Phạm chí liền được xuất gia thọ giới Cụ túc ở trong Chánh pháp. Như vậy không bao lâu, do tín tâm kiên cố, tinh tu phạm hạnh, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa; tức thành A-la-hán.

Bấy giờ, Bồ-tra-bà-lâu sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

TRƯỜNG A HÀM

KINH LỘ GIÀ



HT. THÍCH TUỆ SỸ DỊCH



TRƯỜNG A HÀM

KINH LỘ GIÀ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở Câu-tát-la , cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, du hành nhân gian, đi đến thôn Bà-la-môn Bà-la-bà-đê, dừng nghỉ ở phía Bắc khu rừng Thi-xá-bà.

Khi ấy, có Bà-la-môn tên là Lộ-già trú ở trong rừng Bà-la. Thôn ấy giàu có, an vui, nhân dân đông đúc. Vua Ba-tư-nặc phong thôn này cho Bà-la-môn để làm phạm phần. Vị Bà-la-môn này, bảy đời cha mẹ trở lại đây chân chánh, không bị người khác khinh chê, phúng tụng thông suốt ba bộ dị điển, có khả năng phân biệt hết các loại kinh sách, lại giỏi về tướng pháp đại nhân bói xem kiết hung, nghi lễ tế tự, nghe Sa-môn Cù-đàm là con dòng họ Thích xuất gia thành đạo đang ở nước Câu-tát-la, du hành nhân gian, đến lại rừng Thi-xá-bà, có đại danh xưng lưu truyền thiên hạ, là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác,... đầy đủ mười hiệu, ở trong chúng chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, tự thân tác chứng, rồi thuyết pháp cho người khác; pháp ấy có khoảng đầu khoảng giữa, khoảng cuối đều thiện, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh. “Với vị Chân nhân như vậy, nên đến thăm hỏi. Nay ta phải đến để tương kiến”.

Khi ấy, Bà-la-môn liền ra khỏi thôn, đến rừng Thi-xá-bà, tới chỗ Thế Tôn, thăm hỏi rồi, ngồi một bên. Phật vì ông thuyết pháp, chỉ dạy, làm cho lợi ích, hoan hỷ. Bà-la-môn nghe pháp rồi, bạch Phật: “Cúi xin Thế Tôn và chư đại chúng ngày mai nhận lời thỉnh mời của con!” Bấy giờ, Thế Tôn im lặng thọ thỉnh.

Bà-la-môn kia thấy Phật im lặng, biết là đã chấp thuận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vòng quanh Phật rồi lui. Đi cách Phật không xa, bèn khởi ác kiến: “Các Sa-môn, Bà-la-môn biết nhiều thiện pháp, chứng đắc thành tựu nhiều thiện pháp. Nhưng không nên nói cho người khác, mà chỉ nên tự biết an nghỉ. Chẳng khác nào một người đã phá ngục cũ rồi, lại tạo ngục mới. Đó chỉ là pháp tham, ác bất thiện”.

Khi ấy, Bà-la-môn về đến rừng Bà-la rồi, ngay trong đêm ấy bày biện đủ loại thức ăn thức uống ngon lành. Đến giờ, bảo người thợ cạo::

“Người mang lời ta đến rừng Thi-xá-bà bạch với Sa-môn Cù-đàm: Ngày giờ đã đến, nên biết đúng thời.”

Người thợ hót tóc vâng lời ra đi, đến chỗ Phật, lạy chân Thế Tôn, bạch: “Thời giờ đã đến, nên biết đúng thời”.

Bấy giờ, Thế Tôn liền khoác y mang bát, cùng các đệ tử, một ngàn hai trăm năm mươi người, đến rừng Bà-la.

Người thợ cạo theo hầu Thế Tôn, để trần vai phải, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

“Bà-la-môn Lộ-già kia khi đi cách Phật chưa xa, khởi sanh ác kiến rằng: Có các Sa-môn, Bà-la-môn biết nhiều thiện pháp, chứng đắc nhiều điều, nhưng không nên nói cho người khác, mà chỉ tự mình biết an nghỉ. Cũng như một người phá ngục cũ, rồi lại tạo ngục mới. Đó chỉ là pháp tham, ác bất thiện. Cúi xin Thế Tôn trừ ác kiến ấy!”

Phật bảo người thợ cạo:

“Đây là việc nhỏ, dễ khai hóa thôi.”

Bấy giờ, Thế Tôn đến nhà Bà-la-môn, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Khi ấy, Bà-la-môn với đủ các loại ngon ngọt, tự tay phục dịch, cúng Phật và Tăng. Ăn xong, cất bát và sau khi dùng nước rửa, bắc một cái giường nhỏ ngồi trước Phật. Phật bảo Lộ-già:

“Hôm qua, người đi cách Ta chẳng xa, phát sanh ác kiến rằng: Các Sa-môn, Bà-la-môn biết nhiều thiện pháp, chứng đắc nhiều điều, nhưng không nên nói cho người khác,... cho đến, chỉ là pháp tham, ác bất thiện. Có thật nói như vậy chăng?”

Lộ-già đáp:

“Vâng! Thật có việc đó.”

Phật bảo Lộ-già:

“Người chớ sanh ác kiến như thế nữa. Vì sao? Đời có ba hạng thầy có thể để tự răn dạy. Những gì là ba?

“Hạng thầy thứ nhất, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, để rồi ngay trong đời này mà có thể trừ các phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân; nhưng vị ấy ở trong

đời này mà không thể trừ các phiền não, không chứng đắc pháp thượng nhân; đạo nghiệp của mình chưa thành mà lại thuyết pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, nhưng lại chỉ nương tựa, cùng sống chung với nhau. Nay Lộ-già! Các đệ tử ấy nói với thầy rằng: Nay thầy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này đã có thể trừ được các phiền não, được pháp thượng nhân; nhưng nay ở trong đời này mà không thể trừ các phiền não, không chứng đắc pháp thượng nhân; đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho đệ tử, khiến các đệ tử chẳng cung kính, thờ phụng, cúng dường, mà chỉ cùng sống chung, nương tựa nhau mà thôi.”

Phật nói:

“Nay Lộ-già, cũng như có người đã phá bỏ ngục tù cũ, rồi lại xây ngục tù mới. Như thế gọi là pháp tham, ô trược, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ nhất; có thể lấy đó mà tự răn. Đó là giới của Hiền thánh, luật giới, nghi giới, thời giới.”

Phật lại nói với Lộ-già:

“Hạng thầy thứ hai, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, để rồi ngay trong đời này mà có thể trừ các thứ phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân. Nhưng vị ấy ở trong đời này mà không thể trừ các phiền não; tuy có chứng đắc một ít pháp thượng nhân, nhưng đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà lại thuyết pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, nhưng lại chỉ nương tựa, cùng sống chung với nhau mà thôi. Nay Lộ-già! Các đệ tử ấy nói với thầy rằng: Thầy nay đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đáng lẽ ở trong đời này đã có thể trừ được các phiền não, được pháp thượng nhân; nay ở trong đời này mà lại không thể trừ các phiền não, tuy đã có chứng đắc một ít pháp thượng nhân, nhưng đạo nghiệp của mình chưa thành tựu, mà lại nói pháp cho đệ tử, khiến các đệ tử chẳng cung kính, thờ phụng, cúng dường, mà chỉ cùng sống chung, nương tựa nhau mà thôi.”

Phật nói:

“Nay Lộ-già! Giống như có người đi theo sau người khác, đưa tay xoa lưng kẻ ấy, đây gọi là pháp tham, ô trược, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ hai, có thể lấy đó tự răn dạy. Đó là giới của Hiền thánh, luật giới, nghi giới, thời giới.”

Lại bảo Lộ-già:

“Hạng thầy thứ ba là, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này, đáng lẽ có thể trừ phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân; nhưng ở trong đời này lại không thể trừ các thứ phiền não; tuy có chứng đắc một ít pháp thượng nhân, nhưng việc lợi mình chưa thành tựu, mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, mà chỉ là nương tựa, cùng sống chung vậy thôi. Nay Lộ-già, các đệ tử kia nói với thầy rằng: Thầy nay đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này đáng lẽ có thể trừ được các thứ phiền não, được ít nhiều pháp thượng nhân; nhưng nay ở trong đời này đã chẳng thể trừ các phiền não, tuy được ít nhiều pháp thượng nhân, nhưng việc lợi mình chưa thành tựu mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử không cung kính phụng thờ, mà chỉ nương tựa, cùng sống chung thôi.”

Phật nói:

“Lộ-già, cũng như có người bỏ lúa của mình, đi cày ruộng người khác. Đó gọi là pháp tham ô trước, xấu xa. Đó là hạng thầy thứ ba, có thể lấy đó tự răn dạy. Đó là giới của Hiền thánh, luật giới, nghi giới, thời giới.

“Nay Lộ-già một Thế Tôn chẳng ở thế gian, chẳng thể khuynh động . Sao gọi là một? Nếu Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời,... cho đến, chứng đắc ba minh, diệt trừ vô minh, sanh trí tuệ minh, trừ bỏ các tối tăm, phát sanh ánh sáng đại pháp; gọi là lậu tận trí chứng. Vì sao? Vì đây là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa một mình ở chỗ thanh vắng mà sở đắc. Nay Lộ-già, đó là một Đức Thế Tôn chẳng ở thế gian, chẳng thể khuynh động.

“Lộ-già, có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.

“Lộ-già, ý người nghĩ sao? Có người nghe pháp, có thể chứng đắc bốn quả Sa-môn này; nếu có người ngăn lại nói: Chớ nói pháp cho người này. Giả sử nghe theo lời ấy thì người nghe pháp có chứng đắc quả chăng?

Đáp: “Không được”.

Phật lại hỏi:

“Nếu không chứng đắc quả, nhưng có thể sanh thiên chăng?

Đáp: "Không thể".

Lại hỏi:

"Ngăn người khác nói pháp, khiến người không chứng đắc quả, khiến người chẳng được sanh thiên; đó là thiện tâm chăng? Hay là bất thiện tâm?"

Đáp: "Bất thiện tâm".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện, sanh về cõi thiện hay sanh cõi ác?"

Đáp: "Sanh cõi ác".

Phật nói:

"Lộ-già, cũng như có người nói với vua Ba-tư-nặc: "Tất cả tài vật thuộc trong lãnh thổ mà Đại vương sở hữu, thầy đều do Đại vương tự mình sử dụng, chớ ban phát cho người khác. Lộ-già, ý người nghĩ sao, nếu nghe theo lời người kia thì có cắt đứt sự cung cấp cho người khác chăng?"

Đáp: "Sẽ cắt đứt".

Lại hỏi:

"Cắt đứt sự cung cấp cho người là tâm thiện hay là tâm bất thiện?"

Đáp: "Tâm bất thiện".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện sẽ sanh vào cõi thiện hay đọa vào đường ác?"

Đáp: "Đọa vào đường ác".

Phật nói:

"Lộ-già, người kia cũng vậy. Có người nghe pháp, có thể chứng đắc bốn quả Sa-môn, nhưng nếu có người nói: Chớ nên nói pháp cho nó. Nếu nghe theo lời nói ấy, thì người kia có thể nghe pháp để chứng đắc quả chăng?"

Đáp: "Không được".

Lại hỏi:

"Nếu không chứng đắc quả, nhưng có được sanh thiên chăng?"

Đáp: "Không được".

Lại hỏi:

"Ngăn người khác nói pháp, khiến người không chứng đắc đạo quả, chẳng được sanh thiên, thì người ấy có tâm thiện, hay là tâm bất thiện?"

Đáp: "Bất thiện".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện sẽ sanh cõi thiện chăng? Sẽ đọa vào ác đạo chăng?"

Đáp: "Đọa vào ác đạo".

"Lộ-già, nếu có người nói với người rằng: Trong thôn Bà-la-bà-đề này, tất cả những tài vật được phong tặng kia, này ông Lộ-già, hãy nên tự mình dùng, chớ có cấp phát cho người khác. Có tài vật thì nên tự mình dùng, sao lại cấp phát cho người? Ý người nghĩ sao, Lộ-già, nếu nghe lời khuyên của người ấy, có phải là cắt đứt sự cung cấp cho các người khác chăng?"

Đáp: "Sẽ cắt đứt".

Lại hỏi:

"Khiến người cắt đứt sự cung cấp cho người khác là tâm thiện hay tâm bất thiện?"

Đáp: "Bất thiện".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện được sanh cõi thiện hay đọa đường ác?"

Đáp rằng: "Đọa đường ác".

Phật nói:

"Lộ-già, người kia cũng vậy. Có người nghe pháp, đáng lẽ chứng đắc bốn quả Sa-môn. Nhưng nếu có người nói: Chớ có nói. Nếu nghe lời ấy, thì người kia có thể nghe pháp, chứng đắc quả chăng?"

Đáp: "Không thể".

Lại hỏi:

"Nếu không đắc quả, nhưng có được sanh thiên chăng?"

Đáp: "Không được".

Lại hỏi:

"Ngăn người khác nói pháp, khiến người không đắc quả, không được sanh thiên, là tâm thiện hay tâm bất thiện?"

Đáp: "Bất thiện".

Lại hỏi:

"Người có tâm bất thiện sanh cõi thiện hay đọa ác đạo?"

Đáp: "Đọa ác đạo".

Bấy giờ, Bà-la-môn Lộ-già bạch Phật:

"Con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nhận con ở trong Chánh pháp làm Ưu-bà-tắc! Từ nay về sau, trọn đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu."

Phật nói pháp này rồi, Bà-la-môn Lộ-già nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Trương A Hàm Kinh Thế Ký



HT. Thích Tuệ Sỹ dịch



TRƯỜNG A HÀM

KINH THỂ KÝ

01. PHẨM DIÊM PHÙ ĐỀ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong hang Câu-ly, rừng Kỳ thọ, vườn Cấp cô độc, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo, sau bữa ăn, tập trung trên giảng đường cùng bàn luận rằng:

“Chư Hiền! Thật chưa từng có, nay đây trời đất này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Quốc độ mà chúng sanh ở là như thế nào?”

Khi ấy, Thế Tôn ở chỗ thanh vắng, bằng thiên nhĩ nghe suốt, nghe các Tỳ-kheo, sau bữa ăn, tập trung tại giảng đường, bàn luận như thế. Rồi thì, Thế Tôn rời tĩnh thất, đi đến giảng đường và ngồi xuống. Tuy đã biết nhưng Thế Tôn vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

“Vừa rồi các thầy đang bàn luận về vấn đề gì?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Sau bữa ăn, chúng con tập trung tại pháp giảng đường bàn luận rằng: Chư Hiền! Thật chưa từng có, nay đây trời đất này do đâu mà tan hoại? do đâu mà hình thành? Quốc độ mà chúng sanh ở là như thế nào? Chúng con tập trung tại giảng đường bàn luận vấn đề như thế.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Phạm người xuất gia nên hành hai pháp: một là sự im lặng của Hiền thánh, hai là giảng luận pháp ngữ. Các thầy tập trung tại giảng đường cũng nên hành sự im lặng của Hiền thánh hoặc giảng luận Chánh pháp. Nay các Tỳ-kheo! Các thầy muốn nghe Như Lai nói về việc trời đất thành, hoại và quốc độ mà chúng sanh ở chăng?”

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn! Nay thật là phải thời. Chúng con mong ước được nghe. Thế Tôn nói xong, chúng con sẽ phụng trì!”

Phật nói:

“Này các Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy suy nghĩ chín chắn. Ta sẽ nói cho các thầy nghe.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Như trong chỗ mà một mặt trời, mặt trăng vận hành khắp bốn thiên hạ, tỏa ánh sáng chiếu; có một ngàn thế giới như vậy. Trong ngàn thế giới có một ngàn mặt trời, mặt trăng; có một ngàn núi chúa Tu-di ; có bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn đại thiên hạ, bốn ngàn biển, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn rồng, bốn ngàn rồng lớn, bốn ngàn chim cánh vàng, bốn ngàn chim cánh vàng lớn, bốn ngàn đường ác, bốn ngàn đường ác lớn, bốn ngàn vị vua, bốn ngàn vị vua lớn, bảy ngàn cây lớn, tám ngàn địa ngục lớn, mười ngàn núi lớn, ngàn Diêm-la vương, ngàn Tứ thiên vương, ngàn trời Đao-lợi, ngàn trời Diệm-ma, ngàn trời Đâu-suất, ngàn trời Hóa tự tại, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Phạm ; đó là tiểu thiên thế giới. Như một tiểu thiên thế giới, ngàn tiểu thiên thế giới như thế là một trung thiên thế giới. Như một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới như vậy là một tam thiên đại thiên thế giới. Phạm vi thế giới thành hoại như thế là nơi chúng sanh cư trú, gọi là một cõi Phật.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cõi đất này dày mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, biên giới vô hạn. Đất nung trên nước. Nước sâu ba ngàn ba mươi do-tuần, biên giới vô hạn. Nước ở trên gió; gió dày sáu ngàn bốn mươi do-tuần, biên giới vô hạn.

“Này các Tỳ-kheo! Nước của biển lớn ấy sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, biên giới vô hạn. Núi chúa Tu-di, phần chìm xuống biển là tám vạn bốn ngàn do-tuần; phần trên mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do-tuần; chân núi sát đất, phần lớn là phần đất cứng chắc. Núi ấy thẳng đứng, không có lõi lõm, sanh các loại cây; cây tỏa ra các mùi hương, thơm khắp núi rừng, là nơi mà phần nhiều các Hiền thánh, các trời đại thần diệu. Móng chân núi toàn là cát vàng ròng. Bốn phía núi có bốn mô đất rắn doi ra, cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đan xen, được tạo thành bởi bảy báu. Bốn mô đất thoai thoải, uốn cong sát mặt biển.

“Núi chúa Tu-di có đường cấp bằng bảy báu; đường cấp ở dưới núi rộng sáu mươi do-tuần; sát hai bên đường có bảy lớp

tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây; tường vàng thì cửa bạc, tường bạc thì cửa vàng; tường thủy tinh thì cửa lưu ly, tường lưu ly thì cửa thủy tinh; tường xích châu thì cửa mã não; tường mã não thì cửa xích châu; tường xa cừ thì cửa các báu. Còn lan can thì cây ngang vàng thì cây dọc bạc, cây ngang bạc thì cây dọc vàng; cây ngang thủy tinh thì cây dọc lưu ly, cây ngang lưu ly thì cây dọc thủy tinh; cây ngang xích châu thì cây dọc mã não, cây ngang mã não thì cây dọc xích châu; cây ngang xa cừ thì cây dọc các báu. Trên lan can ấy, có lưới báu. Ở dưới lưới vàng ấy có treo linh bạc. Dưới lưới bạc, treo linh vàng. Dưới lưới lưu ly treo linh thủy tinh. Dưới lưới thủy tinh treo linh lưu ly. Dưới lưới xích châu treo linh mã não. Dưới lưới mã não treo linh xích châu. Dưới lưới xa cừ treo linh các báu. Còn cây vàng thì rễ vàng, nhánh vàng, lá, hoa, quả bạc. Còn cây bạc thì rễ bạc, cành bạc, lá hoa quả vàng. Còn cây thủy tinh thì rễ, nhánh thủy tinh; hoa, lá, lưu ly. Còn cây lưu ly thì rễ, nhánh lưu ly; hoa, lá thủy tinh. Còn cây xích châu thì rễ, nhánh xích châu; hoa, lá mã não. Còn cây mã não thì rễ nhánh mã não; hoa, lá xích châu. Còn cây xa cừ thì rễ, nhánh xa cừ; hoa lá các báu.

“Về bảy lớp tường ấy, tường có bốn cửa; cửa có lan can. Trên bảy lớp tường đều có lầu, gác, đài, quán; bao bọc chung quanh là vườn cảnh, ao tắm, mọc các loài hoa lá báu. Cây báu sắp thành hàng. Hoa quả tốt tươi. Gió hương tỏa bốn phía làm vui lòng người. Chim le le, nhạn, uyên ương, các loại chim kỳ lạ, có hàng ngàn giống loại không kể xiết, cùng hòa âm kêu hót. Lại nữa, đường cấp ở giữa núi chúa Tu-di rộng bốn mươi do-tuần, sát hai bên đường có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng như đường cấp ở dưới núi. Còn đường cấp ở trên rộng hai mươi do-tuần, sát hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim, cùng nhau ca hát, cũng như đường cấp ở giữa.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đường cấp ở dưới có quỷ thần tên là Già-lâu-la Túc ở. Đường cấp ở giữa có quỷ thần tên là Trì Man ở. Đường cấp ở trên có quỷ thần tên là Hỷ Lạc ở. Bốn doi đất cao bốn vạn hai ngàn do-tuần. Ở đó có cung điện, chỗ ở của Tứ thiên vương; có bảy hàng thành, bảy hàng lan can, bảy hàng lưới, bảy hàng cây báu,

các linh báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng lại như thế.

“Trên đỉnh núi Tu-di có cung trời Tam thập tam, có bảy vòng thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng lại như thế.

“Vượt lên trời Tam thập tam một do-tuần, lại có cung trời Diệm-ma; qua khỏi cung trời Diệm-ma một do-tuần, lại có cung trời Đâu-suất; qua khỏi cung trời Đâu-suất một do-tuần, lại có cung trời Hóa tự tại; qua khỏi cung trời Hóa tự tại một do-tuần, lại có cung trời Tha hóa tự tại; qua khỏi trời Tha hóa tự tại một do-tuần, lại có cung trời Phạm-gia-di.

“Khoảng giữa trời Tha hóa tự tại và trời Phạm-gia-di có cung điện Ma thiên, cao rộng sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường cung, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát cũng lại như thế. Qua khỏi cung trời Phạm-gia-di một do-tuần, lại có cung trời Quang âm ; qua khỏi cung trời Quang âm một do-tuần lại có cung trời Biến tịnh ; qua khỏi cung trời Biến tịnh một do-tuần, lại có cung trời Quả thật ; qua khỏi cung trời Quả thật một do-tuần, lại có cung trời Vô tướng ; qua khỏi cung trời Vô tướng một do-tuần, lại có cung trời Vô tạo ; qua khỏi cung trời Vô tạo một do-tuần, lại có cung trời Vô nhiệt ; qua khỏi cung trời Vô nhiệt một do-tuần, lại có cung trời Thiện hiện ; qua khỏi cung trời Thiện hiện một do-tuần, lại có cung trời Đại thiện hiện ; qua khỏi cung trời Đại thiện hiện một do-tuần, lại có cung trời Sắc cứu cánh, qua khỏi trời Sắc cứu cánh, trên có trời Không xứ trí, trời Thức xứ trí, trời Vô sở hữu xứ trí, trời Hữu tướng vô tướng xứ trí, ngang đây gọi là giới hạn của chúng sanh, thế giới chúng sanh, tất cả chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử, thọ ấm, thọ hữu ngang đây, không vượt qua.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Phía Bắc núi Tu-di có một thiên hạ tên là Uất-đan-viết . Lãnh thổ vuông vức, ngang rộng một vạn do-tuần; mặt người cũng vuông, giống như hình đất.

“Phía Đông núi Tu-di có một thiên hạ tên là Phất-vu-đãi ; lãnh thổ tròn trịa, ngang rộng chín ngàn do-tuần. Mặt người cũng tròn, giống như hình đất.

“Phía Tây núi Tu-di có thiên hạ tên là Câu-da-ni, địa hình như nửa mặt trăng, ngang rộng tám ngàn do-tuần; mặt người cũng vậy, giống như hình đất.

“Phía Nam núi Tu-di có thiên hạ tên là Diêm-phù-đề, đất đai phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, ngang rộng bảy ngàn do-tuần, mặt người cũng vậy, giống như hình đất.

“Mặt Bắc núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành do bởi vàng chiếu sáng phương Bắc. Mặt Đông núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi bạc chiếu sáng phương Đông. Mặt Tây núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi thủy tinh chiếu sáng phương Tây. Mặt Nam núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi lưu ly chiếu sáng phương Nam.

“Ở Uất-đan-viết có một đại thọ chúa tên gọi là Am-bà-la, vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Cối Phất-vu-đãi có một đại thọ, tên là Gia-lam-phù, vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Cối Câu-da-ni có một đại thọ, tên là Cân-đề, vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần; dưới cây ấy, có tảng thạch ngư tràng, cao một do-tuần. Cối Diêm-phù-đề có một đại thọ tên là Diêm-phù, vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Điều vương cánh vàng và Long vương có cây tên là Câu-lợi-thiểm-bà-la, vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. A-tu-la vương có cây tên là Thiện-trú, vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Trời Đao-lợi có cây tên là Trú-độ, vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần.

“Bên núi Tu-di có núi tên là Già-đà-la, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc bốn vạn hai ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành; núi này cách núi Tu-di tám vạn bốn ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc toàn hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đâu, hoa Phân-đà-ly, lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Khư-đà-la không xa, có núi tên là Y-sa-đà-la, cao hai vạn một ngàn do-tuần, ngang dọc hai vạn một ngàn do-tuần, hai bên rất rộng nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Khư-đà-la bốn vạn hai ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc toàn hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đâu, hoa Phân-đà-ly; lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Y-sa-đà-la không xa, có núi tên là Thọ-cự-đà-la,

cao một vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc một vạn hai ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Y-sa-đà-la hai vạn một ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc thuần bốn loài hoa tạp; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Thọ-cự-đà-la không xa, có núi tên là Thiện kiến, cao sáu ngàn do-tuần, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành, cách núi Thọ-cự-đà-la một vạn hai ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương xông khắp.

“Cách núi Thiện kiến không xa, có núi tên là Mã thực, cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Thiện kiến sáu ngàn do-tuần, ở khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Mã thực không xa, có núi tên là Ni-dân-đà-la, cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần, bảy báu tạo thành; cách núi Mã thực ba ngàn do-tuần, ở khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Ni-dân-đà-la không xa, có núi tên là Điều phục, cao sáu trăm do-tuần, ngang dọc sáu trăm do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Ni-dân-đà-la một ngàn hai trăm do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Điều phục không xa, có núi tên là Kim cang vi, cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần; hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Điều phục sáu trăm do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương mùi thơm lan khắp.

“Cách núi Đại kim cang không xa, có biển lớn, bờ phía Bắc của biển lớn có cây đại thọ vương tên là Diêm-phù, vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần, khoảng đất trống hai bên lại có khu rừng tên là Am-bà-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Diêm-bà, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Sa-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Đa-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Na-đa-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nam,

ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nữ , ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tán-na, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Chiên-đàn, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Khư-châu-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Ba-nại-bà-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tỳ-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Hương nại, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Lê, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là An-thạch-lưu , ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Cam, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Ha-lê-lặc, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tỳ-hê-lặc, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là A-ma-lặc, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là A-ma-lê, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nại, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Cam-giá, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Vi, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Trúc, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Xá-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Xá-la-nghiệp, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Mộc qua, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên Đại mộc qua, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Giải thoát hoa, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Chiêm-bà, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bà-la-la, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tu-ma -na, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bà-sư, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên Đa-la-lê, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Già-da, ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bồ-đào, ngang dọc năm mươi do-tuần.

“Qua khỏi đó thì đất trống. Trong khoảng đất trống ấy lại có ao hoa, ngang dọc năm mươi do-tuần. Lại có ao hoa Bát-đầu-ma, ao hoa Câu-vật-đầu, ao hoa Phân-đà-ly; rấn dọc đây trong đó. Mỗi ao ngang dọc năm mươi do-tuần.

“Qua khỏi đó, đất trống. Trong khoảng đất trống ấy có biển lớn tên là Uất-thiên-na. Dưới biển này có con đường của Chuyển luân thánh vương, rộng mười hai do-tuần; sát hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây. Các trang hoàng chung quanh đều do bảy báu tạo thành. Khi

Chuyển luân thánh vương Chuyển luân thánh vương ra đời trên cõi Diêm-phù-đề thì nước tự nhiên rút đi, đường ấy hiện ra.

“Cách biển không xa, có núi tên là Kim bích. Trong núi có tám vạn cái hang. Tám vạn tượng vương sống ở trong hang ấy. Thân chúng thuần trắng; đầu có nhiều màu; miệng có sáu ngà, giữa các răng có trám vàng.

“Qua khỏi núi Kim bích rồi, có núi tên là Tuyết sơn, ngang dọc năm trăm do-tuần, sâu năm trăm do-tuần, phía Đông và Tây nhập vào biển. Ở giữa núi Tuyết có núi báu, cao hai mươi do-tuần.

“Doi đất núi Tuyết trôi lên một trăm do-tuần, trên đỉnh núi ấy có ao A-nậu-đạt, ngang dọc năm mươi do-tuần; nước ao trong mát, lóng sạch không cáu bẩn; có bảy bậc bờ thềm, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, nhiều loại màu sắc khác lạ, do bảy báu tạo thành. Lan can thì trụ vàng, tay nắm bạc; trụ bạc, tay nắm vàng; trụ lưu ly, tay nắm thủy tinh; trụ thủy tinh, tay nắm lưu ly; trụ xích châu, tay nắm mã não; trụ mã não, tay nắm xích châu; trụ xa cừ, tay nắm bằng các báu. Lưới vàng, linh bạc; lưới bạc, linh vàng; lưới lưu ly, linh thủy tinh; lưới thủy tinh, linh lưu ly; lưới xa cừ, linh bằng bảy báu. Cây Đa-la vàng, gốc vàng, nhánh vàng, lá bạc, quả bạc; cây Đa-la bạc, gốc bạc, nhánh bạc, lá vàng, quả vàng; cây thủy tinh, gốc, nhánh thủy tinh, hoa, quả lưu ly; cây xích châu, gốc, nhánh xích châu, lá mã não, hoa, quả mã não; cây xa cừ, gốc, nhánh xa cừ, hoa, quả bằng các báu. Bên cạnh ao A-nậu-đạt có vườn cảnh, ao tắm, các hoa tích tụ, các loại cây lá hoa quả đều tốt tươi; các loại hương thơm, lan tỏa bốn phương, các loài chim lạ cùng cất tiếng hót họa nhau buồn bã. Dưới đáy ao A-nậu-đạt cát vàng đầy ắp, bốn phía ao đều có thềm bậc; bậc vàng, thềm bạc, bậc bạc, thềm vàng; bậc lưu ly, thềm thủy tinh, bậc thủy tinh, thềm lưu ly; bậc xích châu, thềm mã não, bậc mã não, thềm xích châu; bậc xa cừ, thềm bằng các báu, bao bọc chung quanh đều có lan can, có bốn loài hoa: xanh, vàng, đỏ, trắng nhiều màu đan xen; hoa như bánh xe, rễ như ổ trục xe; rễ hoa ra nhựa màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Phía Đông ao A-nậu-đạt có sông Hằng-già, từ miệng trâu chảy ra, dẫn theo năm trăm con sông, chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt, có sông Tân-đâu, từ miệng sư tử chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt có sông Bà-xoa, từ miệng ngựa chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông nhập vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu-đạt có sông Tư-đà, từ

miệng voi chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông chảy vào biển Bắc. Trong cung A-nậu-đạt có nhà năm cột, Long vương A-nậu-đạt thường ở trong đó.”

Phật nói:

“Vì sao gọi là A-nậu-đạt? A-nậu-đạt nghĩa là gì? Các Long vương ở Diêm-phù-đề này có đủ ba hoạn nạn, chỉ có A-nậu-đạt không có ba hoạn nạn. Những gì là ba? Một là, toàn thể Long vương ở Diêm-phù-đề đều bị gió nóng, cát nóng chạm vào thân, thiêu đốt da thịt và thiêu đốt xương tủy làm cho khổ não; chỉ có Long vương A-nậu-đạt không có hoạn nạn này. Hai là, toàn thể long cung ở Diêm-phù-đề bị gió dữ thổi mạnh, thổi vào trong cung, làm mất y báu phục sức, thân rồng lộ ra, làm cho khổ não; chỉ có Long vương A-nậu-đạt không có hoạn nạn như thế. Ba là toàn thể Long vương ở Diêm-phù-đề, khi ở trong cung vui chơi đều bị chim lớn cánh vàng bay vào cung dắt đi, hoặc mới nghĩ cách muốn bắt rồng để ăn thịt; các rồng sợ hãi, thường ôm lòng lo sầu; chỉ có Long vương A-nậu-đạt không bị hoạn nạn này; nếu chim cánh vàng khởi niệm muốn ở thì liền mạng chung, cho nên gọi là A-nậu-đạt.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Bên phải núi Tuyết có thành tên là Tỳ-xá-ly, phía Bắc của thành ấy có bảy núi đen. Phía Bắc của bảy núi đen có núi Hương, núi ấy thường có tiếng âm nhạc, ca xướng, kỹ nhạc. Núi có hai hang, một hang tên là Trú, hang thứ hai tên là Thiện trụ, do bảy báu trời tạo thành, mềm mại thơm sạch, giống như áo trời. Diệu âm Càn-thát-bà vương cùng năm trăm Càn-thát-bà ở trong hang Trú đó. Phía Bắc hang Thiện trú có cây đại thọ vương Ta-la, tên là Thiện trụ, có bốn ngàn thọ vương vây quanh bốn phía. Dưới Thiện trụ thọ vương có tượng vương, cũng tên là Thiện trụ, ở dưới cây này, thân thể toàn trắng, bảy chỗ đây đặn, có thể bay đi; đầu nó màu đỏ, lông có nhiều màu; sáu ngà đều thon, giữa được trám vàng, có tám ngàn voi vây quanh tùy tùng. Dưới tám ngàn thọ vương ấy, có tám ngàn voi, cũng lại như thế.

“Phía Bắc thọ vương Thiện trụ có ao tắm lớn, tên là Ma-đà-diên ; ngang dọc năm mươi do-tuần; có tám ngàn ao tắm bao bọc chung quanh, nước ao trong mát, không có cáu bẩn, được bao quanh các bờ lũy đắp bằng bảy báu. Ao có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây đều do bảy báu tạo thành: tay nắm

vàng thì trụ bạc, tay nắm bạc thì trụ vàng; tay nắm thủy tinh thì trụ lưu ly, tay nắm lưu ly thì trụ thủy tinh; tay nắm xích châu thì trụ mã não, tay nắm mã não thì trụ xích châu; tay nắm xa cừ thì trụ bằng các báu; dưới lưới vàng treo linh bạc, dưới lưới bạc treo linh vàng; lưới thủy tinh treo linh lưu ly, lưới lưu ly treo linh thủy tinh; lưới xích châu treo linh mã não, lưới mã não treo linh xích châu; lưới xa cừ treo linh các báu. Cây vàng thì rễ vàng, nhánh vàng, lá hoa quả bạc; cây bạc thì rễ bạc, nhánh bạc, lá hoa quả vàng; cây thủy tinh thì rễ, nhánh thủy tinh, hoa quả lưu ly; cây lưu ly thì rễ, nhánh lưu ly, hoa quả thủy tinh; cây xích châu thì rễ, nhánh xích châu, hoa quả mã não; cây mã não thì rễ, nhánh mã não, hoa quả xích châu; cây xa cừ thì rễ nhánh xa cừ, hoa, quả các báu.

“Lại nữa, dưới đáy ao ấy, cát vàng rải khắp, bọc chung quanh ao có đường thêm cấp bằng bảy báu; thêm vàng cấp bạc, thêm bạc cấp vàng; thêm thủy tinh cấp lưu ly, thêm lưu ly cấp thủy tinh; thêm xích châu, cấp mã não, thêm mã não, cấp xích châu; thêm xa cừ, cấp các báu. Sát hai bên thêm có lan can báu. Lại trong ao ấy, sanh bốn loài hoa: xanh, vàng, đỏ, trắng nhiều màu đan xen; hoa như bánh xe, rễ như ổ trục xe. Rễ hoa ra nhựa màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Vòng quanh bốn phía ao có vườn cảnh, rừng, ao tắm, mọc đủ các loại hoa; cây cối xanh tươi, hoa quả dồi dào, vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng giống như trước. Tượng vương Thiện trụ khi nghĩ muốn dạo chơi vào ao tắm thì liền nghĩ đến tám ngàn voi khác. Khi ấy tám ngàn voi lại tự nghĩ: “Tượng vương Thiện trụ đang nghĩ đến chúng ta, chúng ta nên đến chỗ tượng vương”. Bầy voi liền đi đến đứng trước tượng vương.

“Bây giờ, tám ngàn voi theo tượng vương Thiện trụ đến ao Ma-đà-diên. Trong bầy voi ấy, có con cầm lông che tượng vương, có con cầm quạt báu quạt tượng vương; trong đó có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Tượng vương Thiện trụ vào ao tắm rửa, tấu xướng kỹ nhạc, cùng nhau vui chơi; có con rửa vòi cho tượng vương, có con rửa miệng, gội đầu; rửa ngà, rửa tai, rửa bụng, kỳ lưng, rửa đuôi, rửa chân; trong đó có con nhổ gốc hoa rửa sạch dâng voi ăn, có con lấy bốn loại hoa rải trên voi.

“Tượng vương Thiện trụ tắm rửa, ăn uống, cùng nhau vui chơi xong, liền lên bờ, đi đến đứng ở cây Thiện trụ. Tám ngàn con

voi, sau đó, mới vào ao tắm rửa, ăn uống, cùng nhau vui chơi, xong rồi trở ra, đến chỗ tượng vương.

“Khi ấy, tượng vương cùng tám ngàn voi tùy tùng sau trước, đến chỗ thọ vương Thiện trụ; trong đó có con cầm lọng che tượng vương; có con cầm quạt quạt tượng vương; trong đó có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Khi tượng vương Thiện trụ đến chỗ thọ vương rồi, ngồi nằm đi đứng tùy ý, tám ngàn voi khác ở dưới các cây, tự do ngồi nằm đi đứng tùy ý. Trong rừng cây ấy, có cây chu vi tám tâm, có cây chu vi chín tâm, cho đến mười tâm, mười lăm tâm, chỉ có thọ vương Ta-la của voi chúa Thiện trụ chu vi mười sáu tâm. Khi cành lá của tám ngàn cây Ta-la rơi rụng thì có luồng gió mát thổi bay xa ra ngoài khu rừng. Lại khi tám ngàn voi đại tiểu tiện thì các quỳ Dạ-xoa hốt bỏ ngoài rừng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tượng vương Thiện trụ có đại thần lực, công đức như thế; tuy là loài súc sanh mà hưởng phước như vậy.”

02. PHẨM CHÂU UẤT ĐƠN VIỆT

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Cõi Uất-đan-việt có nhiều núi. Bên cạnh các núi ấy, có các vườn cảnh, ao tắm, mọc nhiều loài hoa, cây cối mát mẻ, hoa quả dồi dào, vô số các loài chim cùng nhau hót. Lại trong các núi ấy có nhiều dòng nước; nước ấy xuôi dòng ra biển, không chảy xiết; các loại hoa phủ trên mặt nước, chảy bình lặng êm ả. Sát hai bên bờ, có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum suê. Đất mọc cỏ mềm xoay về bên phải, màu như đuôi công, mùi thơm như bà-sư, mềm như áo trời. Đất ở đó mềm; dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, dõ chân lên, trở lại như cũ, mặt đất bằng như bàn tay, không có cao thấp.

“Này Tỳ-kheo! Cõi Uất-đan-việt kia bốn phía có bốn ao A-nậu-đạt; mỗi ao ngang dọc một trăm do-tuần. Nước ao lắng trong, không có cáu bẩn. Có hào cùng bậc thềm bằng bảy báu chung quanh... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau cất tiếng hót buồn bã, giống như sự trang trí của ao Ma-đà-diên không khác. Bốn ao lớn ấy, rộng mười do-tuần, nước sông xuôi dòng ra biển, không có xiết; các loại hoa phủ trên mặt nước, chảy từ từ êm ả. Sát hai bên bờ sông có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả dồi dào. Đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như đuôi

công, hương như bà-sư, mềm mại như áo trời. Đất đó mềm mại, dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, giở chân lên, trở lại như cũ. Đất bằng như bàn tay, không có cao thấp. Lại đất đai kia không có ngòi rãnh, khe suối, hẻm hồ, gai góc, gốc cây, cũng không có muỗi mòng, rắn, rết, ong, bò cạp, cạp, beo, thú dữ. Đất thuần châu báu, không có đất cát; âm dương điều độ, bốn mùa thuận hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, không có các sự náo loạn. Đất đai thấm ướt, bụi dơ không dậy, như dầu bôi trên đất, không có bụi bay. Trăm thứ cây cỏ thường mọc, không có mùa Đông rét mướt, mùa Hạ nóng bức. Cây cối tốt tươi; hoa trái xum xuê. Đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư, mềm như áo trời. Đất ở đó mềm mại; dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, dỡ chân lên lại, trở lại như cũ. Đất bằng như bàn tay, không có chỗ cao, chỗ thấp.

“Cối ấy thường có lúa thơm tự nhiên, chẳng gieo trồng mà tự mọc, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, giống như thức ăn trời Đao-lợi, đầy đủ các vị. Cối ấy luôn có nôi, vạc tự nhiên; có ngọc ma-ni tên là Diệm quang được đặt dưới nôi nấu. Khi cơm chín thì ánh sáng tắt, chẳng cần lửa củi, không nhọc sức người. Cối ấy có cây tên là Khúc cung, lá cây dày đặc chồng lên nhau theo thứ lớp, trời mưa không dột. Đàn ông, đàn bà cư ngụ dưới cây đó. Lại có cây hương cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín, vỏ nó tự nứt, tự nhiên xuất ra các loại hương. Hoặc có cây cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, bốn mươi dặm; cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín, vỏ nó tự nứt, tự nhiên hương tỏa.

“Lại có cây Y cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín vỏ tự nứt ra, tuôn ra các loại y phục; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, nhỏ nhất là năm dặm, hoa quả đầy cành, tuôn ra các loại y phục. Lại có cây trang nghiêm, cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các thứ đồ trang nghiêm thân thể; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi dặm, đều đầy cành hoa quả, tuôn ra đủ các đồ trang nghiêm thân thể. Lại có cây hoa man cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại tràng hoa; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả cũng đầy cành, xuất ra các loại tràng hoa. Lại có cây khí, cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín vỏ tự nứt ra. Xuất ra các khí cụ; hoặc

có cây sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đều đầy cành, xuất ra các loại khí cụ. Lại có cây quả cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại quả; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đều đầy cành, xuất ra các loại quả. Lại có cây nhạc khí cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; quả ấy khi chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại nhạc khí, hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, đều đầy cành hoa quả, xuất ra các loại nhạc khí.

“Cối ấy có ao tên là Thiện kiến, ngang dọc một trăm do-tuần, nước ao trong vắt, không có cáu bẩn. Các bên ao được xây lát bằng hào bảy báu. Bốn mặt quanh ao có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây. cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng giống như trước.

“Phía Bắc ao Thiện kiến có cây tên là Am-bà-la, vòng thân bảy dặm, cao một trăm dặm, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi dặm. Phía Đông của ao Thiện kiến phát xuất sông Thiện đạo, rộng một do-tuần, nước sông chảy chậm, không có dòng xoáy, có nhiều loại hoa phủ trên mặt nước; sát hai bên bờ cây cối tốt tươi, cành nhánh mềm mại, hoa quả đầy cành; đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư, mềm như áo trời; đất ở đó mềm mại, khi đạp chân xuống, đất lún bốn tấc, đỡ chân lên, trở lại như cũ; đất bằng như bàn tay, không có cao thấp.

“Lại nữa, trong sông ấy, có các thuyền báu. Nhân dân ở nơi ấy khi muốn vào sông tắm rửa vui chơi, cỡi y phục để trên bờ. Lên thuyền ra giữa dòng; nô đùa vui vẻ xong, lên bờ gập y phục thì mặc, lên trước mặc trước, lên sau mặc sau, chẳng tìm lại y phục cũ. Sau đó, đi đến cây hương. Cây cong mình xuống; những người ấy lấy các loại tạp hương để xoa trên mình. Rồi đến cây y phục. Cây cong mình xuống; những người ấy lấy các loại y phục, tùy ý mặc vào. Tiếp đến, đi đến cây trang nghiêm, cây cong mình xuống, những người ấy lấy các thứ trang nghiêm để tự trang sức. Xong, đến cây hoa man; cây cong mình xuống, những người ấy lấy các thứ tràng hoa, để đội trên đầu. Rồi đến cây khí, cây cong mình xuống; những người ấy lấy các loại khí vật báu; lấy khí vật báu xong, tiếp theo, đến cây quả, cây cong mình xuống, những người ấy hái các quả đẹp, hoặc có người ăn nuốt, có người ngậm, có người vắt nước uống. Kế tiếp, đến cây nhạc khí; cây cong mình

xuống, những người ấy lấy các loại nhạc khí, chơi đàn, đánh trống và dùng âm thanh vi diệu hòa với tiếng đàn mà đi đến khu vườn, tùy ý vui chơi, hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, sau đó lại đi, không có chỗ nhất định.

“Phía Nam ao Thiện kiến, phát xuất sông Diệu thể. Phía Tây ao Thiện kiến, phát xuất sông Diệu vị. Phía Bắc ao Thiện kiến, phát xuất sông Quang ảnh, cũng giống như trên. Phía Đông ao Thiện kiến có khu vườn tên là Thiện kiến, ngang dọc một trăm do-tuần; vòng quanh bốn bên khu vườn có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, nhiều màu đan xen bảy báu tạo thành. Bốn phía vườn ấy có bốn cửa lớn, lan can bao quanh, đều do bảy báu tạo thành; trong vườn sạch sẽ, không có gai góc, đất đai bằng phẳng, không có ngòi rãnh khe suối, hầm hố, đôi gò, cũng không có muỗi mòng, ruồi, rệp, rận, rắn rết, ong, bò cạp, hổ báo, ác thú; đất toàn các báu, không có cát, âm dương điều độ, bốn mùa thuận hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, không có các hoạn nạn; đất đai nhuận thấm, không có bụi bặm, như có dầu xoa đất, đi bụi không bốc lên, hằng trăm loài cỏ thường mọc, không có Đông rét Hạ bức; cây cối tươi tốt, hoa quả đầy cành; đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư, mềm như áo trời; đất đai mềm mại, khi đạp chân xuống, đất lún bốn tấc, dõ chân lên, đất lại như cũ.

“Vườn ấy thường mọc lúa thơm tự nhiên, không có vỏ trấu, trắng như đóa hoa, đầy đủ các vị, như cơm trời Dao-lợi. Vườn ấy thường có nơi chỗ tự nhiên; có ngọc ma-ni, tên là Diệm quang đặt dưới nơi chỗ; khi cơm chín, ánh sáng tắt, chẳng cần lửa củi, chẳng nhọc công người. Vườn ấy có cây tên là khúc cung, lá chồng lên nhau theo thứ lớp, trời mưa không dột. Các nam nữ ấy cư ngụ ở đó. Lại có cây hương, cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại hương, có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cho đến cao năm dặm, hoa quả đầy cành, xuất ra các loài hương... cho đến cây khí, cũng giống như trên.

“Nhân dân ở cõi ấy đến vườn ấy vui chơi giải trí, một ngày, hai ngày... cho đến bảy ngày. Vườn Thiện kiến ấy không người bảo vệ, tùy ý dạo chơi, sau đó lại đi.

“Phía Nam ao Thiện kiến có khu vườn tên là Đại thiện kiến, phía Tây ao Thiện kiến có khu vườn tên là Ngu lạc ; phía Bắc ao Thiện kiến có khu vườn tên là Đẳng hoa, cũng giống như thế.

“Ở cõi ấy, vào nửa đêm, cuối đêm, Long vương A-nậu-đạt thường thường vào lúc thích hợp khởi mây lành cùng khắp thế giới rồi mưa nước ngọt xuống, giống như khi vắt sữa bò; nước đủ tám vị, thấm nhuận khắp nơi; nước không đọng lại, đất không bùn lầy. Giống như thợ làm tràng hoa dùng nước tưới hoa, khiến không khô héo, thấm ướt tốt tươi. Khi ấy, ở cõi đó vào lúc gần sáng không có mây che, bầu trời trong vắt; biển nổi gió mát, trong lành hiu hiu, chạm nhẹ vào người, toàn thân sáng khoái.

“Cõi ấy trù mật, nhân dân sung túc. Nếu khi cần ăn thì dùng gạo thơm tự nhiên bỏ vào trong chỗ, dùng ngọc Diệm quang để ở dưới chỗ; cơm tự nhiên chín, ánh sáng ngọc tự tắt. Các người đi đến, tự do ăn cơm. Người ăn không đứng dậy thì cơm không hết; người ăn đứng dậy thì cơm cũng hết. Cơm ấy tinh khiết như đoá hoa trắng, đầy đủ mùi vị như cơm cõi trời Đao-lợi. Người ăn cơm đó không có các bệnh, khí lực dồi dào, nhan sắc tươi vui, không có gầy còm.

“Lại ở cõi ấy, thân thể con người như nhau, hình mạo giống nhau, không thể phân biệt. Dáng người trẻ trung, như người khoảng hai mươi tuổi ở Diêm-phù-đề. Người cõi ấy, răng họ bằng đều, trắng sạch, kín sát không hở; tóc màu xanh biếc, không có cáu bẩn; tóc xõa xuống bằng tám ngón tay, ngang vai thì dừng, không dài không ngắn. Người ở cõi đó nếu khi khởi tâm dục thì nhìn chăm chăm nữ nhân rồi bỏ đi; người nữ ấy theo sau vào trong vườn. Nếu nữ nhân và người nam kia là cha, mẹ hoặc liên hệ trong cốt nhục, không phải là người nên hành dục thì cây không cong xuống che lại, thì họ tự chia tay. Nếu chẳng phải cha, mẹ và nhiều liên hệ đến cốt nhục, đúng là đôi tượng hành dâm thì cây cong xuống che phủ thân họ, tùy ý hưởng lạc, một ngày, hai ngày... hoặc đến bảy ngày, khi ấy mới thôi. Người nữ ấy mang thai; bảy hoặc tám ngày thì sanh. Sanh ra con trai hay con gái, cũng mang đặt ở ngã tư đường, đầu trực lộ giao thông, bỏ đó rồi đi. Các người đi đường, đi ngang qua bên nó, đưa ngón tay cho nó mút, ngón tay chảy ra sữa ngọt, nuôi lớn thân bé. Qua bảy ngày rồi, bé ấy trưởng thành, bằng với người lớn; nam thì theo nhóm nam, nữ thì theo nhóm nữ.

“Người cõi ấy khi mạng chung, không ai khóc lóc, trang nghiêm tử thi, đặt ở ngã tư đường, bỏ đó rồi đi. Có loài chim tên là Ưu-úy thiên-già gắp tử thi ấy để ở phương khác.

“Lại nữa, người ở cõi ấy khi đại tiểu tiện, đất liền nẻ ra; đại tiểu tiện rồi, đất khép trở lại. Nhân dân cõi ấy không lệ thuộc sự tham luyến, cũng không cất chứa, thọ mạng có hạn định; chết rồi sanh lên trời. Vì sao người cõi ấy thọ mạng luôn có hạn định? Đời trước người cõi ấy tu mười hạnh thiện, khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng hơn chẳng kém. Vì thế, người cõi ấy thọ mạng như nhau.

“Lại nữa, người sát sanh đọa vào đường ác; người không sát sanh sanh vào nẻo thiện. Kẻ trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tham lam, ganh ghét, tà kiến đều đọa vào đường ác. Người không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không nói thêu dệt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì khi thân hoại mạng chung sanh cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn năm, chẳng hơn chẳng kém. Vì vậy, người ở cõi kia thọ mạng bằng nhau. Lại nữa, tham lam keo kiệt chẳng thường bố thí thì chết đọa đường ác; tâm thoảng không keo thường hành bố thí sanh chốn thiện. Có người bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho người bần cùng, ăn xin, bệnh ghẻ, khốn khổ, cho họ y phục, thức ăn uống, xe cộ, tràng hoa, hương thơm, giường chõng, phòng xá; lại tạo lập tháp miếu, đèn đuốc cúng dường, thì người ấy khi mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng hơn chẳng kém, vì vậy, người cõi kia thọ mạng bằng nhau. Vì sao gọi người Uất-đan-viết là hơn hết? Vì nhân dân cõi ấy chẳng thọ thập thiện nhưng toàn bộ hành động của họ tự nhiên hợp với thập thiện, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi lành. Vì vậy, người ở đó được khen là Uất-đan-viết hơn hết. Uất-đan-viết, ý nghĩa như thế nào? Đối với ba cõi kia, cõi này là tối thắng, tối thượng cho nên gọi là Uất-đan-viết.

03. PHẨM CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Thế gian có Chuyển luân thánh vương, thành tựu bảy báu, có bốn thần đức.

“Những gì là bảy báu mà Chuyển luân thánh vương thành tựu? Một, báu bánh xe vàng; hai, báu voi trắng; ba, báu ngựa xanh;

bốn, báu thần châu; năm, báu ngọc nữ; sáu, báu cư sĩ; bảy, báu chủ binh.

“Chuyển luân thánh vương thành tựu báu bánh xe vàng như thế nào?

Nếu Chuyển luân thánh vương hiện trong cõi đất Diêm-phù-đề; khi ấy, vua Quán đảnh thuộc dòng Sát-ly, vào ngày rằm trăng tròn, tắm gội bằng nước thơm, rồi lên điện cao, cùng với thể nữ hưởng thụ hoan lạc. Bảo vật là bánh xe trời bằng vàng bỗng nhiên xuất hiện trước mặt. Bánh xe có ngàn căm, với màu sắc sáng chói, được làm bằng vàng trời, do thợ trời chế tạo, không phải người đời làm được. Đường kính bánh xe là bốn trượng. Khi nhìn thấy bánh xe, Chuyển luân Thánh vương Chuyển luân thánh vương thầm nghĩ: Ta từng nghe từ các bậc tiên túc, kỳ cựu nói rằng: Nếu vua Sát-ly quán đảnh, vào ngày rằm lúc trăng đầy, tắm gội bằng nước thơm, lên ngai trên Pháp điện, với thể nữ vây quanh. Bánh xe vàng tự nhiên xuất hiện trước mặt. Bánh xe có ngàn căm, với màu sắc sáng chói, được làm bằng vàng trời, do thợ trời chế tạo, không phải người đời làm được. Đường kính bánh xe là bốn trượng. Bây giờ được gọi là Chuyển luân thánh vương. Nay bánh xe này xuất hiện, há không phải là điều ấy chăng? Ta nay hãy thử bảo vật là bánh xe này.

“Rồi Chuyển luân vương bèn triệu tập bốn binh chủng, hướng về bảo vật bánh xe vàng, bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, lấy tay phải sờ bánh xe vàng mà nói rằng: Ngươi hãy nhắm hướng Đông, đứng như pháp mà chuyển, chớ có trái qui tắc thông thường. Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Khi ấy Chuyển luân vương liền dẫn bốn binh chủng đi theo sau. Phía trước bảo vật bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Bánh xe ngừng chỗ nào, vua đình giá chỗ đó. Bây giờ các Tiểu quốc vương thấy Đại vương đến, lấy bát vàng đựng đầy thóc bạc; bát bạc đựng đầy thóc vàng đi đến chỗ Đại vương, cúi đầu bạch rằng: Lành thay, Đại vương! Nay, ở phương Đông này, đất đai phong phú, vui tươi, có nhiều trân bảo, nhân dân đông đúc, tâm chí nhân ái, hòa thuận, từ hiếu, trung thuận. Cúi nguyện Thánh vương hãy ở đây mà trị chính. Chúng tôi sẽ gần gũi hầu hạ, cung cấp những thứ cần dùng. Khi ấy, Chuyển luân vương nói với các Tiểu vương: Thôi, thôi! Nay các hiền, các người như vậy là đã cúng dường ta rồi. Nhưng hãy theo chánh pháp mà cai trị giáo hóa, chớ để thiên lệch; không để quốc nội có hành vi phi pháp. Tự mình không sát sanh; khuyên

bảo người khác không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, thù dật, tham lam, tật đố, tà kiến. Đó gọi là sự cai trị của ta vậy.

“Các Tiểu vương sau khi nghe lời dạy, liền đi theo Đại vương, tuần hành các nước. Cho đến tận cùng bờ biển phía Đông.

“Sao đó, lần lượt đi về phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Bất cứ chỗ nào mà bánh xe lăn đến, các Quốc vương ở đó đều dâng hiến quốc thổ; cũng như các Tiểu vương ở phương Đông vậy.

“Tất cả đất đai có trong Diêm-phù-đê này, màu mỡ, phong phú, sản xuất nhiều trân bảo, những nơi có rừng, có nước trong sạch, bánh xe đều lăn khắp; ấn định biên giới, vẽ bản đồ, Đông Tây mười hai do-tuần, Nam Bắc mười do-tuần. Vào ban đêm, các thần ở trong đó xây dựng thành quách. Thành có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, những trang hoàng chung quanh, đều được làm bằng bảy báu. cho đến vô số các loài chim cùng họa nhau mà hát. Thành được xây xong, bánh xe vàng lại xuất hiện trong thành, qui định địa giới Đông Tây bốn do-tuần, Nam Bắc hai do-tuần. Vào ban đêm, các thần ở trong đó xây dựng cung điện. Tường cung có bảy lớp, được làm bằng bảy báu. cho đến vô số các loài chim cùng họa nhau mà hát, như đã kể trên.

“Cung điện được dựng xong, khi ấy bảo vật bánh xe vàng trụ giữa hư không, ngay phía trước cung điện, hoàn toàn không chuyển động. Chuyển luân vương phấn khởi nói: Nay bảo vật bánh xe vàng này thật sự là diêm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.

“Đó là sự thành tựu bánh xe vàng.

“Voi trắng được thành tựu như thế nào? Chuyển luân thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi trên chánh điện. Tự nhiên voi trắng bỗng xuất hiện trước mặt. Lông của nó thuần trắng, bảy chỗ bằng phẳng, có khả năng phi hành. Đầu của có nhiều màu; sáu ngà thon dài được cắn bằng vàng ròng. Thấy thế vua liền nghĩ thầm: Con voi này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cưỡi. Bèn cho huấn luyện thử, đầy đủ các kỹ năng. Khi ấy, Chuyển luân vương muốn thử voi, bèn cưỡi lên nó, vào buổi sáng sớm, xuất thành, đi quanh khắp bốn biển. Cho đến giờ ăn trưa thì trở về. Chuyển luân vương phấn khởi nói: Bảo vật voi trắng này thật sự

là một điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.

“Đó là sự thành tựu báu voi.

“Thế nào là sự thành tựu ngựa xanh của Chuyển luân vương? Khi ấy, Chuyển luân thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi tại chánh điện, tự nhiên bảo vật là ngựa bỗng xuất hiện trước mặt. Màu nó xanh thẫm, bờm và đuôi đỏ. Thấy thế, vua liền nghĩ thầm: Con ngựa này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cưỡi. Bèn cho huấn luyện thử, đầy đủ các kỹ năng. Khi ấy, Chuyển luân vương muốn thử ngựa, bèn cưỡi lên nó, vào buổi sáng sớm, xuất thành, đi quanh khắp bốn biển. Cho đến giờ ăn trưa thì trở về. Chuyển luân vương phần khởi nói: Bảo vật ngựa xanh này thật sự là một điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.

“Đó là sự thành tựu ngựa xanh.

“Báu thần châu được thành tựu như thế nào? Chuyển luân Thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi trên chánh điện. Tự nhiên thần châu bỗng xuất hiện trước mặt. Màu chất trong suốt, không có tỳ vết. Sau khi thấy, vua tự nghĩ: Châu này thật tuyệt vời. Nếu có ánh sáng, có thể rọi cung nội. Rồi Chuyển luân thánh vương muốn thử hạt châu này, bèn triệu tập bốn binh chủng. Đặt bảo châu trên cây phướn cao. Trong lúc đêm tối, cầm cây phướn xuất thành. Ánh sáng của hạt châu này rọi đến một do-tuần. Những người ở trong thành đều thức dậy làm việc, cho rằng bây giờ là ban ngày. Chuyển luân vương khi ấy phần khởi nói: Nay thần châu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.

“Đó là sự thành tựu báu thần châu.

“Báu ngọc nữ được thành tựu như thế nào? Khi ấy, báu ngọc nữ bỗng nhiên xuất hiện, nhan sắc thung dung, diện mạo đoan chánh; không dài, không vắn; không thô, không nhỏ; không trắng, không đen; không cương, không nhu; mùa đông thì thân ấm, mùa hè thì thân mát. Từ các lỗ chân lông khắp mình phát ra mùi hương Chiên-đàn; miệng phát ra mùi hương của hoa Ưu-bát-la; nói năng dịu dàng; cử động khoan thai; đứng dậy trước (vua) nhưng ngồi xuống sau (vua), không mất nghi tắc. Chuyển luân thánh vương sau khi thấy, tâm không mê đắm, không chút mơ tưởng, hưởng hồ gần gũi. Chuyển luân vương sau khi thấy, phần

khởi mà nói: Báu ngọc nữ này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.

“Đó là sự thành tựu báu ngọc nữ.

“Báu cư sĩ được thành tựu như thế nào? Khi ấy, người đàn ông cư sĩ bỗng nhiên tự xuất hiện; kho báu tự nhiên, tài sản vô lượng. Cư sĩ do phước báu đời trước có cặp mắt có thể nhìn thấu suốt các hầm mỏ dưới lòng đất; biết rõ hết thảy có chủ hay vô chủ. Kho nào có chủ, ông có thể giữ gìn hộ. Kho nào vô chủ, ông lấy lên cho vua tiêu dùng. Rồi thì, báu cư sĩ đi đến tâu vua: Đại vương, cần cung cấp thứ gì, xin đừng lo lắng. Tôi tự mình có thể giải quyết.

“Khi ấy, Chuyển luân thánh vương muốn thử báu cư sĩ, bèn ra lệnh sửa soạn thuyền để du ngoạn thủy, bảo cư sĩ rằng: Ta cần bảo vật vàng, ngươi hãy đưa nhanh đến cho. Báu cư sĩ tâu rằng: Đại vương đợi một chút; cần phải lên bờ đã. Vua lại hồi thúc: Ta nay đang cần dùng. Ngươi hãy mang đến liền cho ta. Khi báu cư sĩ bị vua ra nghiêm lệnh, bèn quỳ mọp trên thuyền, dùng tay mặt thọc xuống nước. Khi ông rút tay lên thì một cái bình báu từ trong nước cũng lên theo. Giống như con sâu leo cây. Báu cư sĩ kia cũng vậy. Khi rút bàn tay lên khỏi nước thì bình báu cũng lên theo, để đầy cả thuyền. Rồi ông tâu vua: Vừa rồi vua cần bảo vật để dùng. Mà cần bao nhiêu? Chuyển luân Thánh vương Chuyển luân thánh vương khi ấy nói với cư sĩ: Thôi, thôi! Ta không cần dùng gì. Vừa rồi, ta chỉ muốn thử mà thôi. Ngươi nay như thế là đã cúng dường ta rồi. Cư sĩ nghe vua nói như vậy, liền đem bảo vật trả lại trong nước. Khi ấy, Chuyển luân Thánh vương Chuyển luân thánh vương phần khởi nói rằng: Báu cư sĩ này thật sự là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.

“Đó là sự thành tựu báu cư sĩ.

“Báu chủ binh được thành tựu như thế nào? Khi ấy, báu chủ binh bỗng nhiên xuất hiện, đủ trí mưu, hùng mạnh, sách lược sáng suốt, quyết đoán; đi ngay đến chỗ vua, tâu rằng: Đại vương, cần chinh phạt chỗ nào, xin đừng lo. Tôi có thể đảm trách. Rồi Chuyển luân thánh vương muốn thử báu chủ binh, bèn tập hợp bốn binh chủng, bảo rằng: Ngươi nay hãy điều binh. Chưa tập hợp thì tập hợp lại. Đã tập hợp thì giải tán. Chưa nghiêm, hãy làm cho nghiêm. Đã nghiêm, hãy cởi mở. Chưa đi, hãy khiến đi. Đã đi, hãy khiến dừng. Báu chủ binh nghe vua nói xong, bèn điều động

bốn binh chủng, Chưa tập hợp thì tập hợp lại. Đã tập hợp thì giải tán. Chưa nghiêm, làm cho nghiêm. Đã nghiêm, thì cởi mở. Chưa đi, thì khiến đi. Đã đi, thì khiến dừng. Khi ấy Chuyển luân Thánh vương Chuyển luân thánh vương phần khởi nói rằng: Báu chủ binh này thật sự là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển luân thánh vương.

“Đó là sự thành tựu báu chủ binh.

“Thế nào là bốn thần đức? Một là không ai bì kịp về tuổi thọ, không yếu số. Hai, không ai bì kịp về thân thể cường tráng, không bệnh hoạn. Ba, không ai bì kịp về nhan mạo đoan chánh. Bốn, không ai bì kịp về sự giàu có, kho tàng châu báu đầy dẫy.

“Đó là Chuyển luân thánh vương thành tựu bảy báu và bốn thần đức.

“Vào một lúc, rất lâu về sau, Chuyển luân thánh vương ra lệnh ngự giá xuất du ở hậu viên, bèn bảo người đánh xe: Người hãy đánh xe đi cho khéo. Ta muốn quan sát rõ nhân dân trong quốc thổ có an lạc, không tai họa gì chẳng.

“Bấy giờ nhân dân trong nước đứng dọc các con đường, nói với người đánh xe rằng: Ông cho xe đi chậm lại. Chúng tôi muốn nhìn ngắm rõ uy nhan của Thánh vương.

“Chuyển luân thánh vương thương yêu chăm sóc nhân dân như cha yêu con. Quốc dân mến mộ vua cũng như con trông lên cha. Có những gì trân quý đều đem cống vua, tâu rằng: Xin nguyện hạ cố thọ nhận, tùy ý sử dụng. Khi ấy vua trả lời: Thôi đủ rồi, các người! Ta tự mình có đủ tài bảo. Các người hãy tự thọ dụng của mình.

“Khi Chuyển luân thánh vương cai trị Diêm-phù-đê này, cõi đất ấy bằng phẳng, không có gai góc, hầm hố, gò nổi; cũng không có muỗi mòng, ruồi nhặng, ong, bò cạp, rắn rết, sâu độc, đá cát, sạn sỏi; tất cả lặn mất. Vàng, bạc, báu ngọc hiện lên mặt đất. Bốn mùa điều hòa, không nóng, không lạnh. Đất ấy mềm mại, không có bụi bẩn. Như đất được bồi dầy, sạch sẽ, trơn láng, không có bụi bẩn. Khi Chuyển luân Thánh vương Chuyển luân thánh vương cai trị ở đời, cõi đất cũng như vậy. Từ đất tuôn ra các dòng suối, trong sạch, không bao giờ cạn, sanh loại cỏ mềm mại, mùa đông vẫn xanh tươi. Cây cối sầm uất, hoa trái xum xuê. Đất sanh cỏ mềm, màu như đuôi lông công, mùi hương hoa bà-

sự, mềm mại như lụa trời. Khi đạp chân xuống đất; đất lổm xuống bốn tấc. Khi dõ chân lên, đất trở lại như cũ, không có chỗ khuyết rỗng. Có loại lúa tẻ mọc tự nhiên, không có vỏ trấu, đủ các mùi vị. Bấy giờ có cây hương, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, trái tự nhiên nứt, tỏa ra mùi hương tự nhiên; hương thơm sức nức. Lại có cây vải, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại vải khác nhau. Lại có cây trang sức, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các đồ trang sức khác nhau. Lại có cây tràng hoa, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại tràng hoa khác nhau. Lại có cây dụng cụ, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các thứ dụng cụ khác nhau. Lại có cây nhạc cụ, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại nhạc cụ khác nhau.

“Khi Chuyển luân thánh vương cai trị ở đời, Long vương A-nậu-đạt, vào lúc giữa đêm và cuối đêm, nổi lên đám mây lớn dày đặc, giăng bủa khắp cả thế giới, trút xuống cơn mưa lớn. Như trong khoảng thời gian vắt sữa bò; mưa xuống thứ nước có tám vị, thấm ướt khắp nơi. Đất không đọng nước, cũng không bùn sinh, thấm nhuần, đầm ướt, sanh trưởng các loại cỏ cây. Cũng như thợ hớt tóc, rưới nước tràng hoa, khiến hoa tươi thắm, không để héo úa. Những cơn mưa phải thời thấm nhuần cũng như vậy.

“Lại nữa, bấy giờ vào lúc giữa đêm và cuối đêm, bầu trời trong sáng, tịnh không chút mây, từ biển nổi cơn gió mát, trong sạch mát dịu, chạm đến thân thể khiến sanh khoan khoái.

“Khi Thánh vương cai trị, trong cõi Diêm-phù-đề này ngũ cốc dồi dào, nhân dân đông đúc, tài bảo phong phú, không thiếu thốn thứ gì.

“Đương thời, Chuyển luân thánh vương trị nước bằng Chánh pháp, không có dua vạ, tu mười hành vi thiện. Lúc bấy giờ, nhân dân cũng tu chánh kiến, đủ mười hành vi thiện.

“Một thời gian lâu, rất lâu về sau, vua nhuốm bệnh nặng mà mạng chung. Cũng như một người do sung sướng mà ăn hơi nhiều, thân thể có hơi không thích hợp, cho nên mạng chung, sanh lên cõi trời. Khi ấy, báu ngọc nữ, báu cư sĩ, báu chủ binh, cùng nhân dân trong nước tấu các kỹ nhạc, làm lễ tấn táng thân vua. Rồi báu ngọc nữ, báu cư sĩ, báu chủ binh và sĩ dân trong nước, tắm gội thân thể vua bằng nước thơm, quần quanh bằng năm trăm tấm lụa kiếp-bôi; theo thứ lớp mà quần. Rồi khiêng thi

thể vua đặt vào quan tài bằng vàng, rưới lên đầu thơm, bọc bên ngoài cổ quách bằng sắt; rồi lại dùng một cổ quách bằng gỗ bao ngoài bằng lớp vải. Chắt các củi thơm, phủ lên nhiều lớp vải. Sau đó thì hỏa táng. Ở ngã tư đường dựng tháp bảy báu, dọc ngang một do-tuần, xen kẽ nhiều màu sắc được tạo thành bởi bảy báu. Ở bốn mặt tháp, mỗi mặt có một cửa, bao quanh bằng lan can được làm bằng bảy báu. Khoảng đất trống chung quanh bốn mặt tháp dọc ngang năm do-tuần. Có bảy lớp tường bao quanh vườn, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây. Tường bằng vàng, cửa bằng bạc; tường bằng bạc, cửa bằng vàng. Tường lưu ly, cửa thủy tinh; tường thủy tinh, cửa lưu ly. Tường xích châu, cửa mã não; tường mã não, cửa xích châu. Tường xa cừ, cửa bằng các loại báu.

“Về lan can, thanh ngang bằng vàng, thanh đứng bằng bạc; thanh ngang bằng bạc, thanh đứng bằng vàng. Thanh ngang thủy tinh, thanh đứng lưu ly; thanh ngang lưu ly, thanh đứng thủy tinh. Thanh ngang xích châu, thanh đứng mã não; thanh ngang mã não, thanh đứng xích châu. Thanh ngang bằng xa cừ, thanh đứng bằng các thứ báu khác.

“Dưới lớp lưới bằng vàng treo linh bằng bạc, dưới lưới bạc treo linh vàng. Dưới lưới lưu ly treo linh thủy tinh, dưới lưới thủy tinh treo linh lưu ly. Dưới lưới xích châu treo linh mã não, dưới lưới mã não treo linh xích châu. Dưới lưới xa cừ treo linh bằng các thứ báu khác.

“Cây bằng vàng thì lá, hoa, trái bằng bạc. Cây bạc thì lá, hoa, trái vàng. Cây lưu ly, hoa lá thủy tinh; cây thủy tinh, hoa lá lưu ly. Cây xích châu, hoa lá mã não; cây mã não, hoa lá xích châu. Cây xa cừ, hoa lá bằng các thứ báu khác.

“Bốn vách tường của vườn lại có bốn cửa, bao quanh bằng lan can. Trên tường đều có lầu các, đài báu. Bốn mặt tường có các vườn cây, suối, hồ tắm, sinh nhiều loại hoa khác nhau; cây cối sâm uất, hoa trái xum xuê, các loại hương thơm sức nức. Nhiều giống chim lạ ca hát điệu buồn. Khi tháp được dựng xong, báu ngọc nữ, báu cư sĩ, báu điển binh và sĩ dân cả nước đều đến cúng dường tháp này. Họ bố thí cho những người nghèo khổ, cần ăn thì cho ăn; cần mặc thì cho mặc. Voi, ngựa, xe cộ, các thứ cần dùng đều được chu cấp, tùy ý mà cho.

“Công đức oai thần của Chuyển luân thánh vương, sự tích là như vậy.”

04. PHẨM ĐỊA NGỤC

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Bên ngoài của bốn châu thiên hạ này, có tám ngàn thiên hạ bao quanh. Lại có biển lớn bao quanh tám ngàn thiên hạ. Kế đó có núi Đại Kim cang bao bọc biển lớn. Bên ngoài núi Đại kim cang này lại có núi Đại kim cang thứ hai. Giữa hai núi này là một cảnh giới mờ mịt, tối tăm; mặt trời, mặt trăng, các vị thần, trời dù có uy lực cũng không thể dùng ánh sáng soi chiếu đến đó được.

“Ở nơi này có tám địa ngục lớn, mỗi địa ngục lớn có mười sáu địa ngục nhỏ. Địa ngục lớn thứ nhất gọi là Tưởng. Thứ hai là địa ngục Hắc thẳng. Thứ ba là địa ngục Đôi áp. Thứ tư là địa ngục Khiếu hoán. Thứ năm là địa ngục Đại khiếu hoán. Thứ sáu là địa ngục Thiêu chích. Thứ bảy là địa ngục Đại thiêu chích. Thứ tám là địa ngục Vô gián.

“Trong địa ngục Tưởng có mười sáu ngục nhỏ; mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục nhỏ thứ nhất là Hắc sa, hai là Phất thi, ba là Ngũ bách đỉnh, bốn là Cơ, năm là Khát, sáu là một Đồng phủ, bảy là Đa đồng phủ, tám là Thạch ma, chín là Nùng huyết, mười là Lượng hỏa, mười một là Hôi hà, mười hai là Thiết hoàn, mười ba là Cân phủ, mười bốn là Sài lang, mười lăm là Kiếm thọ, mười sáu là Hàn băng.

“Vì sao gọi là địa ngục Tưởng? Vì chúng sanh ở trong đó, trên tay của chúng mọc móng sắt; móng này vừa dài vừa bén. Chúng thù hận nhau, luôn có ý tưởng độc hại, dùng móng tay cào cấu lẫn nhau, chạm tay vào chỗ nào là chỗ đó thịt rớt xuống, tưởng là đã chết; có cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sinh ra trở lại, giây lát chúng sống lại, đứng dậy, tự mình có ý tưởng rằng: Ta nay đã sống lại. Chúng sanh khác nói: Ta có ý tưởng người đang sống. Vì sự tưởng này cho nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Lại nữa, chúng sanh ở trong địa ngục Tưởng này, lúc nào cũng nghĩ đến sự độc hại, phá hại lẫn nhau. Tay họ cầm một loại đao kiếm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, bầm nát thân thể rớt xuống đất và họ tưởng mình đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại đứng dậy, tự nghĩ và nói: Ta nay đã sống lại.

Chúng sanh khác nói: Ta cũng nghĩ là người đã sống lại. Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Lại nữa, những chúng sanh ở trong địa ngục Tưởng đó, lúc nào cũng ôm trong lòng ý tưởng độc hại; chúng quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao kiếm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, thân thể rã rời dưới đất, tưởng là đã chết, nhưng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại, đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: Ta nay đã sống lại. Chúng sanh khác nói: Ta có ý tưởng người đang sống. Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm lòng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao kiếm, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt và tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: Ta nay đã sống lại. Chúng sanh khác nói: Ta có ý tưởng người đang sống. Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao bóng dầu, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại, đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: Ta nay đã sống lại. Chúng sanh khác nói: Ta có ý tưởng người đang sống. Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao nhỏ, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại, đứng dậy, tự mình có ý tưởng rằng: Ta nay đã sống lại. Chúng sanh khác nói: Ta có ý tưởng người đang sống. Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Những chúng sanh ở trong đó, sau khi chịu khổ lâu, ra khỏi địa ngục Tưởng, hoảng hốt chạy càn để tự cứu mình. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, nên bất ngờ lại đến địa ngục Hắc sa. Bấy giờ, có một cơn gió nóng dữ dội bốc lên, thổi cát đen nóng dính vào thân nó, khiến toàn thân đều đen, giống như đám mây đen. Cát nóng đốt da, hột thịt, vào tận xương. Sau đó, trong thân tội nhân có một ngọn lửa đen bộc phát, đốt cháy quanh thân rồi vào bên

trong, chịu các khổ não, bị thiêu nướng, cháy nám. Vì nhân duyên tội, nên chịu khổ báo này. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ khá lâu ở trong đó, nó ra khỏi địa ngục Hắc sa, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, nên bất ngờ lại đến địa ngục Phất thi. Trong địa ngục này có những hòn sắt là phân sôi tự nhiên đầy dẫy trước mặt, đuổi bức tội nhân phải ôm hòn sắt nóng, đốt cháy thân và tay, đến đầu và mặt tội nhân; không đâu là không bị đốt cháy; lại khiến cho tội nhân bốc hòn sắt bỏ vào miệng, đốt cháy cả môi, lưỡi, từ yết hầu đến bụng, từ trên đến dưới đều bị cháy tiêu hết. Có một loài trùng mỏ sắt ăn da thịt, tận cả xương tủy, đau đớn nhức nhối, lo sợ vô cùng. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu ở trong địa ngục Phất thi, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Thiết đinh. Sau khi đã vào đó, ngục tốt đánh tội nhân cho té xuống, nằm mọp trên sắt nóng, căng thẳng thân thể nó ra, dùng đinh đóng tay, đóng chân, đóng vào tim. Toàn thân bị đóng hết thảy năm trăm cái đinh. Nó đau đớn nhức nhối, kêu la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Thiết đinh, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Cơ. Ngục tốt đến hỏi: Các người đến đây muốn điều gì? Tội nhân đáp: Tôi đói quá. Tức thì ngục tốt bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra, dùng móc câu cạy miệng cho mở ra, rồi lấy hòn sắt nóng bỏ vào trong miệng, đốt cháy môi lưỡi, từ cổ cho đến bụng, chạy tuốt xuống dưới, không chỗ nào không đốt cháy, đau rất nhức nhối, khóc la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Cơ, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Khát. Ngục tốt liền hỏi: Các người đến đây, muốn cầu điều gì? Tội nhân đáp: Tôi khát quá. Ngục tốt liền bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra rồi dùng móc câu cạy miệng tội nhân ra, lấy nước đông sôi rót vào trong miệng đốt cháy môi, lưỡi, từ cổ cho đến bụng, suốt từ trên xuống dưới, không chỗ nào

không đốt cháy, đau rát nhức nhối, khóc la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Khát, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục một Đồng phúc. Ngục tốt trộn mắt giận dữ, nắm chân tội nhân ném vào trong vạc đồng, theo nước sôi sùng sục, trôi lên hụp xuống, từ đáy đến miệng, rồi từ miệng cho đến đáy, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị nấu nhừ. Cũng như nấu đậu, hạt đậu tùy theo nước sôi, trào lên lộn xuống, các hạt đậu cả trong ngoài đều được nấu nhừ. Tội nhân trôi lên sục xuống trong vạc dầu sôi cũng như vậy. Kêu gào bi thảm, hàng vạn độc hại cùng đến; nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục một Đồng phúc, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, bất ngờ lại rơi vào địa ngục Đa đồng phúc. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục tốt trộn mắt giận dữ, nắm chân tội nhân ném vào trong vạc đồng, theo nước sôi sùng sục, trôi lên hụp xuống, từ đáy đến miệng, rồi từ miệng cho đến đáy, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị nấu nhừ. Cũng như nấu đậu, hạt đậu tùy theo nước sôi, trào lên lộn xuống, các hạt đậu cả trong ngoài đều được nấu nhừ. Tội nhân trôi lên sục xuống trong vạc dầu sôi cũng như vậy, tùy theo nước sôi mà trôi lên sục xuống, từ miệng vạc cho đến đáy vạc, rồi từ đáy cho đến miệng, hoặc tay chân nổi lên, hoặc lưng bụng nổi lên, hoặc đầu mặt nổi lên. Ngục tốt dùng lưỡi câu móc để trong vạc đồng khác. Nó kêu khóc thảm thiết, đau đớn nhức nhối. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Đa đồng phúc, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Thạch ma. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục tốt thịnh nộ, bắt tội nhân quăng lên tảng đá nóng, căng tay chân ra, dùng đá tảng nóng lớn đè trên thân tội nhân, mài tới mài lui làm cho xương nát vụn, máu mủ chảy ra, đau đớn nhức nhối, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Thạch ma, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Nùng huyết. Địa

ngực này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này tự nhiên có máu mủ nóng sôi sục trào vọt. Tội nhân ở trong đó chạy Đông, chạy Tây, bị máu mủ sôi nóng luộc chín toàn thân, đầu, mặt, tay, chân, tất cả đều nát nhừ. Tội nhân còn phải ăn máu mủ nóng, miệng, môi đều bị bỏng, từ cổ cho đến bụng, suốt trên xuống dưới không chỗ nào không nát nhừ, đau đớn nhức nhối, không thể chịu nổi. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Nùng huyết, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Lượng hỏa. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này có một đồng lửa lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt, lửa cháy hừng hực. Ngục tốt hung dữ, bắt tội nhân tay cầm cái đầu bằng sắt, để đóng đồng lửa ấy. Khi họ đóng lửa, thì lửa đốt cháy tay chân và cả toàn thân, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Lượng hỏa, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Hôi hà. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần, sâu năm trăm do-tuần. Tro sôi sùng sục, độc khí xông lên phừng phực, các dòng xoáy vỗ nhau, âm vang thật đáng sợ, từ đáy lên bên trên có gai sắt dọc ngang với mũi nhọn dài tám tấc. Bên bờ sông lại có một loại dao kiếm dài, có cả ngục tốt, sài lang. Hai bên bờ sông mọc những đao kiếm dài, nhánh, lá, hoa, trái đều là đao kiếm, vừa nhọn vừa bén, cỡ tám tấc, đứng bên là những ngục tốt, sài lang. Trên bờ sông có rừng mà cây là gươm với càn, lá, hoa, trái đều là đao kiếm, mũi nhọn tám tấc. Tội nhân vào trong sông, tùy theo lượn sóng lên xuống, mà trôi lên hụp xuống. Toàn thân đều bị gai sắt đâm thủng từ trong ra ngoài, da thịt nát bét, máu mủ đầm dề, đau đớn muôn chiều, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Hôi hà, lên được trên bờ, nhưng ở trên bờ lại có nhiều gươm giáo sắc bén đâm thủng toàn thân, tay chân bị thương tổn. Bây giờ quý sứ hỏi tội nhân: Các người đến đây muốn cầu điều chi? Tội nhân đáp: Chúng tôi đói quá. Ngục tốt liền bắt tội nhân quăng lên sắt nóng, căng thân thể ra rồi dùng móc câu cạy miệng tội nhân ra,

lấy nước đồng sôi rót vào, cháy bỏng môi, lưỡi, từ cổ đến bụng, suốt trên xuống dưới, không chỗ nào không rục. Lại có loài lang sói răng nanh vừa dài vừa bén đến cắn tội nhân, ăn thịt khi tội nhân đang sống. Rồi thì, tội nhân bị sông tro đun nấu, bị gai nhọn đâm thủng, bị rót nước đồng sôi vào miệng và bị sài lang ăn thịt xong, thì lại leo lên rừng kiểm; khi leo lên rừng kiểm thì bị đao kiểm chia xuống; khi tuột xuống rừng kiểm thì bị đao kiểm chia lên, khi tay nắm thì cụt tay, chân dẫm lên thì cụt chân; mũi nhọn đâm thủng toàn thân từ trong ra ngoài, da thịt rơi xuống, máu mủ đầm đìa, chỉ còn xương trắng, gân cốt liên kết với nhau. Bây giờ, trên cây kiểm có một loại quả mỏ sắt đến mổ nát đầu và xương để ăn não của tội nhân. Nó đau đớn nhức nhối kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được, lại bị trở lại địa ngục Hôi hà. Tội nhân này theo lượn sóng lên xuống, mà trời lên sụp xuống, gươm giáo đâm thủng toàn thân trong ngoài, da thịt tan nát, máu mủ đầm đìa, chỉ còn xương trắng trôi nổi bên ngoài. Bây giờ, có một cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt phục hồi, giầy lát nó đứng dậy đi, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, tội nhân lại không ngờ sa vào địa ngục Thiết hoàn. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào đây, thì tự nhiên có những hòn sắt nóng hiện ra trước mặt. Ngục quỷ cưỡng bức tội nhân nắm bắt, tay chân rã rời, toàn thân lửa đốt, đau đớn kêu la thảm, muôn vàn khổ độc dồn đến chết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhân không chết được.

“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Thiết hoàn, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Cân phủ. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, ngục tốt hung dữ, bắt tội nhân để trên bàn sắt nóng, dùng búa rìu bằng sắt nóng chặt thân thể, tay, chân, cắt tai, xẻo mũi, làm cho đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội chưa hết, nên họ không chết được.

“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Cân phủ, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân không ngờ lại sa vào địa ngục Sài lang. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, thì có bầy lang sói tranh nhau cắn xé tội nhân, làm cho da thịt nhầy nhụa, xương gãy, thịt rơi, máu chảy đầm đìa, làm đau

đớn muôn vàn, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội cũ chưa hết, nên họ không chết được.

“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Sài lang, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khử lỗi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Kiềm thọ. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, thì có một cơn gió mãnh liệt, thổi lá cây bằng gươm dao rớt trên thân thể tội nhân, hễ chạm vào tay thì cụt tay, dính vào chân thì cụt chân, thân thể, đầu mặt không đâu là không bị thương hoại. Có một loại quạ mỏ sắt, đứng trên đầu mỗi đôi mắt tội nhân, làm cho đau đớn muôn vàn, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội cũ chưa hết, nên không chết được.

“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Kiềm thọ, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khử lỗi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hàn băng. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, thì có một cơn gió lạnh buốt, thổi đến làm cho thân thể bị lạnh cóng, máu huyết đông đặc, da thịt nứt nẻ, rớt ra từng mảnh, làm họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Sau đó thì mạng chung.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Địa ngục lớn Hắc thẳng có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Hắc thẳng? Vì ở đó các ngục tốt bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân hình ra rồi dùng sợi dây sắt kéo ra cho thẳng, rồi dùng búa bằng sắt nóng xẻ theo đường sợi dây, xẻ tội nhân kia thành trăm ngàn đoạn. Giống như thợ mộc dùng dây kẻ vào cây rồi dùng búa bẻ theo đường mực mà bổ ra thành trăm ngàn đoạn, thì cách hành hạ tội nhân ở đây cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế nên gọi là địa ngục Hắc thẳng.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thẳng bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân hình ra, dùng dây sắt nóng kéo ra cho thẳng, dùng cưa để cưa tội nhân. Giống như người thợ mộc dùng dây mực kẻ trên thân cây, rồi dùng cưa để cưa cây, thì cách hành hạ tội nhân ở đây cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không

thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thẳng.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thẳng bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng để trên thân tội nhân, làm cho da thịt bị thiêu đốt, tiêu xương chảy tủy đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thẳng.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thẳng dùng vô số dây sắt nóng treo ngang, rồi bắt tội nhân đi giữa những sợi dây này, lúc đó lại có cơn gió lốc nổi lên, thổi những sợi dây sắt nóng quăn vào thân, đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thẳng.

“Lại nữa, ngục tốt ở trong địa ngục Hắc thẳng buộc tội nhân mặc áo bằng dây sắt nóng, đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thẳng.

“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Hắc thẳng, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa. cho đến địa ngục Hàn băng. Sau đó thì tội nhân mạng chung.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Địa ngục lớn Đôi áp có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đôi áp? Vì trong ngục đó có núi đá lớn, từng cặp đôi nhau. Khi tội nhân vào giữa thì hai hòn núi tự nhiên khép lại, ép thân thể tội nhân, xương thịt nát vụn, xong rồi trở lại vị trí cũ, giống như hai thanh củi cọ vào nhau, khi cọ xong dang ra, thì cách trị tội nhân của địa ngục này cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

“Lại nữa, ở địa ngục Đôi áp, có voi sắt lớn, toàn thân bốc lửa, vừa kêu rống, vừa chạy đến dầy xéo thân thể tội nhân, dẫm đi dẫm lại, làm cho thân thể bị nghiền nát, máu mủ tuôn chảy, đau

đớn muôn vàn, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

“Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhân đặt lên bàn đá mài, rồi lấy đá mài mà mài, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy đầm đìa, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

“Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhân nằm trên tảng đá lớn, rồi lấy một tảng đá khác đè lên, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy đầm đìa, đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

“Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhân nằm trong các cũi sắt, rồi dùng chày sắt để giã tội nhân, từ đầu đến chân, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy đầm đìa, đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.

“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục Đôi áp, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa. cho đến địa ngục Hàn băng, rồi sau đó thì tội nhân mạng chung.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Địa ngục lớn Khiếu hoán có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Khiếu hoán? Vì các ngục tốt trong ngục này bắt tội nhân bỏ vào trong vạc lớn, với nước nóng sôi sục, nấu như tội nhân, khiến chúng kêu la gào thét, đau đớn nhức nhối, muôn vàn độc hại. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong vò sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu như tội nhân, khiến chúng đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong nồi sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu như tội nhân, khiến họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ

chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì thế nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhân ném vào trong nồi nhỏ, dùng nước nóng sôi sục, nấu như tội nhân, khiến chúng đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhân bỏ lên trên cái nồi hầm, hầm đi hầm lại, khiến cho kêu gào, la hét, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.

“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân không ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa. cho đến địa ngục Hàn băng và sau đó thì tội nhân mạng chung.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Địa ngục Đại khiếu hoán lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đại khiếu hoán? Vì các ngục tốt trong ngục này bắt tội nhân bỏ vào trong nồi sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu như tội nhân, khiến chúng kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong vò sắt lớn, dùng nước sôi sùng sục, nấu như tội nhân, khiến họ đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong vạc sắt, dùng nước sôi sùng sục, nấu như tội nhân, khiến chúng đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiếu hoán bắt tội nhân bỏ vào trong nồi nhỏ, dùng nước sôi sùng sục, nấu như tội nhân, khiến chúng đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiêu hoán, bắt tội nhân ném lên trên chảo lớn, rồi trở qua trở lại tội nhân, khiến kêu la gào thét, kêu la lớn, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiêu hoán.

“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa. cho đến địa ngục Hàn băng, rồi sau đó thì tội nhân mạng chung.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Địa ngục lớn Thiêu chích, có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Vì sao gọi là địa ngục lớn Thiêu chích? Vì các ngục tốt trong địa ngục đó bắt tội nhân vào trong thành sắt. Thành này bốc cháy, cả trong lẫn ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy gọi là địa ngục Thiêu chích.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong nhà sắt, rồi cho nhà này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trên lầu sắt, rồi cho lầu bốc cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong lò gốm sắt lớn, rồi cho lò này cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong nồi hầm lớn, rồi cho nồi này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.

“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa. cho đến địa ngục Hàn băng và sau đó thì tội nhân mạng chung.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Địa ngục Đại thiêu chích có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đại thiêu chích? Vì các ngục tốt trong địa ngục này, bắt tội nhân vào trong thành sắt, rồi cho thành này bốc cháy, cả trong lẫn ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong nhà sắt, rồi cho nhà này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, khiến họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trên lầu sắt, rồi cho lầu bốc cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhân bỏ vào trong lò gốm sắt lớn, rồi cho lò này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

“Lại nữa, ở địa ngục này, thiêu nướng nhiều lần, tự nhiên có hầm lửa lớn, lửa cháy phừng phừng, hai bên bờ hầm có núi lửa lớn. Các ngục tốt ở đây bắt tội nhân ghim vào trên chĩa sắt, rồi dựng đứng trong lửa đỏ, làm cho thân thể bị thiêu nướng, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa. cho đến địa ngục Hàn băng và sau đó thì tội nhân mạng chung.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Địa ngục lớn Vô gián, có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục lớn Vô gián? Vì các ngục tốt trong địa ngục này, bắt tội nhân lột da từ đầu đến chân, rồi dùng da ấy cột thân tội nhân vào bánh xe lửa, rồi cho xe lửa chạy đi chạy lại trên nền sắt nóng, làm cho thân thể nát tan, da thịt rời ra từng mảnh, khiến đau đớn vô cùng kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

“Lại nữa, ở địa ngục này, có thành sắt lớn, bốn mặt thành lửa cháy dữ dội, ngọn lửa từ Đông lan sang Tây, ngọn lửa từ Tây lan sang Đông, ngọn lửa từ Nam lan đến Bắc, ngọn lửa từ Bắc lan đến Nam, ngọn lửa từ trên lan xuống dưới, ngọn lửa từ dưới lan lên trên, lửa cháy vòng quanh, không có một chỗ nào trống. Tội nhân ở trong đây cứ chạy Đông chạy Tây, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt cháy nám, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

“Lại nữa, ở địa ngục Vô gián này có thành bằng sắt, lửa cháy hừng hực, tội nhân bị lửa đốt thân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

“Lại nữa, tội nhân ở địa ngục Vô gián này, sau thời gian chịu khổ lâu, thì cửa mở và tội nhân liền chạy về hướng cửa mở, trong khi chạy thì các bộ phận của thân đều bốc lửa, cũng như chàng lực sĩ tay cầm bó đuốc lớn bằng cỏ, chạy ngược gió, lửa ấy cháy phừng phực, thì khi tội nhân chạy lửa cũng bốc phát như vậy. Khi chạy đến gần cửa, thì tự nhiên cửa khép lại. Tội nhân bò càng, nằm phục trên nền sắt nóng, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, như muôn thứ độc cùng kéo đến một lúc. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

“Lại nữa, tội nhân ở địa ngục Vô gián này, những gì mà mắt thấy, chỉ thấy toàn là màu ác; những gì tai nghe, toàn là âm

thanh ác; những gì mũi người, toàn là mùi thối ác; những gì thân xúc chạm, toàn là những sự đau đớn; những gì ý nhớ, chỉ nghĩ điều ác. Lại nữa, tội nhân ở nơi đây, trong khoảnh khắc búng tay, không có một giây phút nào là không khổ. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa. cho đến địa ngục Hàn băng lạnh và sau đó thì tội nhân mạng chung.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Thân làm nghiệp bất thiện,
Miệng, ý cũng bất thiện,
Đều vào địa ngục Tưởng,
Sợ hãi, lông dựng đứng.
Ý ác đôi cha mẹ,
Phật và hàng Thanh văn,
Thì vào ngục Hắc trắng,
Khổ đau không thể tả.
Chỉ tạo ba nghiệp ác,
Không tu ba hạnh lành,
Thì vào ngục Đôi áp,
Khổ đau nào tả được.
Ôm lòng sân độc hại,
Sát sanh máu nhơ tay,
Tạo linh tinh hạnh ác,
Vào địa ngục Khiếu hoán.
Thường tạo những tà kiến,
Bị lưới ái phủ kín;
Tạo hạnh thấp hèn này,
Vào ngục Đại khiếu hoán.
Thường làm việc thiêu nướng,
Thiêu nướng các chúng sanh;*

**Sẽ vào ngục Thiêu chích,
Bị thiêu nướng luôn luôn.
Từ bỏ nghiệp thiện quả,
Quả thiện, đạo thanh tịnh;
Làm các hạnh tệ ác,
Vào ngục Đại thiêu chích.
Tạo tác tội cực nặng,
Tất sinh nghiệp đường ác;
Vào địa ngục Vô gián,
Chịu tội không thể tả.
Ngục Tưởng và Hắc thẳng,
Đôi áp, hai Khiếu hoán;
Thiêu chích, Đại thiêu chích,
Vô gián là thứ tám.
Tám địa ngục lớn này,
Hoàn toàn rực màu lửa;
Tai họa do ác xưa,
Có mười sáu ngục nhỏ.**

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Giữa hai ngọn núi Đại kim cương kia có cơn gió lớn thổi lên, tên là Tăng-khư. Nếu như ngọn gió này thổi đến bốn châu thiên hạ và tám mươi ngàn thiên hạ khác, thì gió sẽ thổi đại địa này và các danh sơn cùng chúa Tu-di bay khỏi mặt đất từ mười dặm cho đến trăm dặm, tung lên bay liệng giữa trời; tất cả thảy đều vỡ vụn. Giống như tráng sĩ tay nắm một nắm trấu nhẹ tung lên giữa hư không. Dưới ngọn gió lớn kia, giả sử thổi vào thiên hạ này, cũng giống như vậy. Vì có hai ngọn núi Đại kim cương ngăn chặn ngọn gió ấy, nên gió không đến được. Nay Tỳ-kheo, nên biết, hai ngọn núi Đại kim cương này có rất nhiều lợi ích và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên.

“Lại nữa, gió ở khoảng giữa hai núi này nóng hừng hực; nếu như gió này thổi đến bốn châu thiên hạ, thì những chúng sanh trong đó và những núi non, biển cả, sông ngòi, cây cối, rừng rậm

đều sẽ bị cháy khô. Cũng như giữa cơn nắng mùa hè, cắt một nắm cỏ non để ngay dưới mặt trời, cỏ liền khô héo, thì ngọn gió kia cũng như vậy; nếu ngọn gió đó thổi đến thế giới này, thì sức nóng đó sẽ tiêu rụi tất cả. Vì có hai ngọn núi Kim cương này ngăn chặn được ngọn gió đó, nên không thể đến đây được. Các Tỳ-kheo, nên biết, ngọn núi Kim cương này có rất nhiều lợi ích và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên vậy.

“Lại nữa, gió giữa hai núi này hôi thối, bất tịnh, tanh tươi nồng nặc; nếu như ngọn gió này thổi đến bốn châu thiên hạ này, thì sẽ xông lên làm cho chúng sanh bị mù lòa. Nhưng vì có hai núi Đại kim cương này ngăn chặn nên ngọn gió ấy không thể đến được. Tỳ-kheo, nên biết, núi Kim cương này có rất nhiều lợi ích và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên vậy.

“Lại nữa, giữa hai núi này lại có mười địa ngục: một là Hậu vân, hai là Vô vân, ba là Ha ha, bốn là Nại hà, năm là Dương minh, sáu là Tu-càn-đê, bảy là Ưu-bát-la, tám là Câu-vật-đâu, chín là Phân-đà-ly, mười là Bát-đâu-ma. Vì sao gọi là địa ngục Hậu vân? Vì tội nhân trong ngục này tự nhiên sinh ra thân thể như đám mây dày, cho nên gọi là Hậu vân. Vì sao gọi là Vô vân? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, tự nhiên thân thể sinh ra như một cục thịt nên gọi là Vô vân. Vì sao gọi là Ha ha? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thì thân thể đau đớn, rồi rên la ối ối!, nên gọi là Ha ha. Vì sao gọi là Nại hà? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thân thể đau khổ vô cùng, không có nơi nương tựa, nên thốt lên Sao bây giờ!, nên gọi là Nại hà! Vì sao gọi là Dương minh? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thân thể, đau đớn vô cùng, muốn thốt lên lời nhưng lưỡi không cử động được, chỉ giống như dê kêu, nên gọi là Dương minh. Vì sao gọi là Tu-càn-đê? Vì trong ngục này chỉ toàn là màu đen, cũng như màu hoa Tu-càn-đê, nên gọi là Tu-càn-đê. Vì sao gọi là Ưu-bát-la? Vì trong ngục này chỉ toàn là màu xanh, như màu hoa Ưu-bát-la, nên gọi là Ưu-bát-la. Vì sao gọi là Câu-vật-đâu? Vì trong ngục này toàn là màu hồng, như màu hoa Câu-vật-đâu, nên gọi là Câu-vật-đâu. Vì sao gọi là Phân-đà-ly? Vì trong ngục này toàn là màu trắng, như màu hoa Phân-đà-ly, nên gọi là Phân-đà-ly. Vì sao gọi là Bát-đâu-ma? Vì trong ngục này toàn là màu đỏ, cũng như màu hoa Bát-đâu-ma, nên gọi là Bát-đâu-ma.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thí dụ như có một cái thùng có sáu mươi bốn hộc, mỗi hộc đựng đầy hạt mè và có một người cứ một trăm năm lấy đi một hộc, như vậy cho đến hết. Thời gian này vẫn chưa bằng thời gian chịu tội trong địa ngục Hậu vân. Chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Hậu vân bằng một tuổi ở địa ngục Vô vân; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Vô vân bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Ha ha; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Ha ha, bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Nại hà; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Nại hà, bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Dương minh; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Dương minh bằng một tuổi ở ngục Tu-càn-đê; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Tu-càn-đê, bằng một tuổi ở địa ngục Ưu-bát-la; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Ưu-bát-la, bằng một tuổi ở địa ngục Câu-vật-đâu; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Câu-vật-đâu, bằng một tuổi ở địa ngục Phân-đà-ly; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Phân-đà-ly, bằng một tuổi ở địa ngục Bát-đâu-ma; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Bát-đâu-ma, thì gọi là một trung kiếp; hai mươi trung kiếp thì gọi là một đại kiếp.

“Trong địa ngục Bát-đâu-ma lửa cháy hừng hực, dù tội nhân còn cách ngọn lửa khoảng trăm do-tuần cũng đã bị lửa thiêu nướng; nếu cách tội nhân sáu mươi do-tuần, thì hai tai bị điếc, không còn nghe gì cả; nếu cách năm mươi do-tuần, thì đôi mắt bị mù lòa, không còn thấy gì cả. Tỳ-kheo Cù-ba-lê dùng tâm độc ác, hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên sau khi mạng chung phải đọa vào địa ngục Bát-đâu-ma này.”

Bấy giờ, vị Phạm vương liền nói bài kệ:

Phàm con người ở đời,

Búa rìu từ cửa miệng;

Sở dĩ giết chết mình,

Là do lời nói độc.

Người đáng chê thì khen,

Người đáng khen thì chê;

Miệng làm theo nghiệp ác.

Thân phải chịu tội ấy.

Mánh lới cướp của cải,

Tội ấy cũng còn nhẹ;

***Nếu hủy báng Thánh hiền,
Thì tội ấy rất nặng.
Vô vân, tuổi trăm ngàn,
Hậu vân, tuổi bốn một;
Hủy Thánh mắc tội này,
Do tâm, miệng làm ác.***

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vị Phạm thiên đã nói bài kệ như vậy, đó là lời nói chân chánh, được Đức Phật ấn khả. Vì sao? Vì nay Ta là Đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói ý nghĩa như vậy:

***Phàm con người ở đời,
Búa rìu từ cửa miệng;
Sở dĩ giết chết mình,
Là do lời nói độc.
Người đáng chê thì khen,
Người đáng khen thì chê;
Miệng làm theo nghiệp ác.
Thân phải chịu tội ấy.
Mánh lới cướp của cải,
Tội ấy cũng còn nhẹ;
Nếu hủy báng Thánh hiền,
Thì tội ấy rất nặng.
Vô vân, tuổi trăm ngàn,
Hậu vân, tuổi bốn một;
Hủy Thánh mắc tội này,
Do tâm, miệng làm ác”.***

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Về phía nNam cõi Diêm-phù-đề, trong núi Đại kim cương có cung điện của vua Diêm-la, chỗ vua cai trị ngang dọc sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây và vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo,

cũng lại như vậy. Tại chỗ vua Diêm-la cai trị, ngày đêm ba thời đều có vạc đồng lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt. Nếu vạc đồng đã xuất hiện ở trong cung thì nhà vua cảm thấy sợ hãi, liền bỏ ra ngoài cung; nếu vạc đồng xuất hiện ngoài cung thì vua cảm thấy sợ hãi, liền bỏ vào trong cung. Có ngục tốt to lớn bắt vua Diêm-la nằm trên bàn sắt nóng, dùng móc sắt cạy miệng cho mở ra rồi rót nước đồng sôi vào, làm cháy bỏng môi, lưỡi từ cổ đến bụng, thông suốt xuống dưới, không chỗ nào không chín nhừ. Sau khi chịu tội xong, nhà vua cùng thể nữ vui đùa. Các vị đại thần ở đây lại cũng cùng hưởng phúc báo như vậy.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba vị sứ giả. Những gì là ba? Một là già, hai là bệnh, ba là chết. Nếu có chúng sanh nào thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Lúc này, ngục tốt dẫn tội nhân đến chỗ vua Diêm-la. Đến nơi rồi, thưa rằng: Đây là người Thiên sứ cho đòi. Vậy xin Đại vương hỏi cung hẩn. Vua Diêm-la hỏi người bị tội: Người không thấy sứ giả thứ nhất sao? Người bị tội đáp: Tôi không thấy. Vua Diêm-la nói tiếp: Khi nhà ngươi còn ở trong loài người, có thấy người nào già nua, đầu bạc, răng rụng, mắt lờ, da thịt nhăn nheo, lưng còm chống gậy, rên rỉ mà đi, hay thân thể run rẩy, vì khí lực hao mòn; ngươi có thấy người này không? Người bị tội đáp: Có thấy. Vua Diêm-la nói tiếp: Tại sao ngươi không tự nghĩ rằng mình cũng sẽ như vậy? Người kia đáp: Vì lúc đó tôi buông lung, không tự hay biết được. Vua Diêm-la nói: Ngươi buông lung không tu tập thân, miệng và ý, bỏ ác mà làm lành. Nay Ta sẽ cho ngươi biết cái khổ của sự buông lung. Vua lại nói tiếp: Nay ngươi phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả; cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính ngươi làm ác, nên chính ngươi phải chịu tội.

“Bấy giờ, vua Diêm-la cho hỏi tội nhân về vị Thiên sứ thứ nhất xong, lại hỏi về Thiên sứ thứ hai: Thế nào, nhà ngươi có thấy vị Thiên sứ thứ hai không? Đáp rằng: Không thấy. Vua lại hỏi: Khi nhà ngươi còn ở trong loài người, ngươi có thấy kẻ bị bệnh tật, khốn đốn, nằm lăn lóc trên giường, thân thể lẫn lộn trên phần dãi hôi thối, không thể đứng dậy được; cần phải có người đút cơm cho; đau nhức từng lóng xương, nước mắt chảy, rên rỉ,

không thể nói năng được; người có thấy người như thế chăng? Tội nhân đáp: Có thấy. Vua Diêm-la nói tiếp: Tại sao nhà người không tự nghĩ: rồi đây ta cũng sẽ bị tai hoạn như vậy? Tội nhân đáp: Vì khi ấy buông lung tôi không tự hay biết được. Vua Diêm-la nói tiếp: Vì chính người buông lung, nên không thể tu tập thân, miệng và ý, không bỏ việc ác mà làm điều lành. Nay ta sẽ cho người biết thế nào là cái khổ của sự buông lung. Vua lại nói: Nay người phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả, cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính người làm ác, nên chính người phải chịu tội.

“Khi vua Diêm-la hỏi người bị tội về Thiên sứ thứ hai xong, bây giờ lại hỏi về Thiên sứ thứ ba: Thế nào, nhà người không thấy vị Thiên sứ thứ ba chứ? Đáp: Không thấy. Vua Diêm-la hỏi tiếp: Khi còn làm người, người có thấy người chết, thân hư hoại, mạng chung, các giác quan đều bị diệt hẳn, thân thể ngay đơ cũng như cây khô, vứt bỏ ngoài gò mả để cho cầm thú ăn thịt, hoặc để trong quan tài, hoặc dùng lửa thiêu đốt chăng? Tội nhân đáp: Có thấy. Vua Diêm-la nói tiếp: Tại sao nhà người không tự nghĩ: rồi đây ta cũng sẽ bị chết như người đó không khác gì? Người bị tội đáp: Vì khi ấy buông lung tôi không tự hay biết được. Vua Diêm-la nói tiếp: Vì chính người buông lung, nên không thể tu tập thân, miệng và ý, không cải đổi việc ác mà thực hành điều thiện. Nay ta sẽ cho người biết thế nào là cái khổ của sự buông lung. Vua lại nói: Nay người phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả, cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính người làm ác, nên chính người phải chịu tội. Bây giờ, vua Diêm-la hỏi về Thiên sứ thứ ba xong, bèn giao lại cho ngục tốt. Khi đó ngục tốt liền dẫn đến địa ngục lớn. Địa ngục lớn này ngang dọc một trăm do-tuần, sâu một trăm do-tuần.”

Bây giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Bốn hướng có bốn cửa,
Ngõ ngách đều như nhau;
Dùng sắt làm tường ngục,
Trên che vồng lưới sắt;*

***Dùng sắt làm nền ngục,
Tự nhiên lửa bốc cháy;
Ngang dọc trăm do-tuần,
Đứng yên không lay động.
Lửa đen phừng phục cháy,
Dữ dội khó mà nhìn;
Có mười sáu ngục nhỏ,
Lửa cháy do ác hạnh.***

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Khi ấy vua Diêm-la tự nghĩ: Cchúng sanh ở thế gian, vì mê lầm không ý thức, nên thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Do đó sau khi lâm chung, ít có ai không chịu khổ này. Nếu như những chúng sanh ở thế gian, sửa đổi điều ác, sửa thân, miệng, ý để thực hành theo điều lành, thì sau khi lâm chung sẽ được an vui như hàng chư Thiên vậy. Sau khi ta lâm chung được sinh vào trong cõi người, nếu gặp được Đức Như Lai, thì sẽ ở trong Chánh pháp, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đem lòng tin trong sạch để tu hành Phạm hạnh thanh tịnh. Những điều cần làm đã làm xong, đã đoạn trừ sanh tử, tự mình tác chứng ngay trong hiện tại, không còn tái sinh.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đọc bài kệ:

<i>Tuy</i>	<i>là</i>	<i>thấy</i>	<i>Thiên</i>	<i>sứ,</i>
<i>Nhưng</i>	<i>vẫn</i>	<i>còn</i>	<i>buông</i>	<i>lung;</i>
<i>Người</i>	<i>ấy</i>	<i>thường</i>	<i>âu</i>	<i>lo,</i>
<i>Sanh</i>	<i>vào</i>	<i>nơi</i>	<i>tì</i>	<i>tiện.</i>
<i>Nếu</i>	<i>người</i>	<i>có</i>	<i>trí</i>	<i>tuệ,</i>
<i>Khi</i>	<i>gặp</i>	<i>thấy</i>	<i>Thiên</i>	<i>sứ,</i>
<i>Gần</i>	<i>gửi</i>	<i>pháp</i>	<i>Hiền</i>	<i>thánh,</i>
<i>Mà</i>	<i>không</i>	<i>còn</i>	<i>buông</i>	<i>lung.</i>
<i>Thấy</i>	<i>thụ</i>	<i>sinh</i>	<i>mà</i>	<i>sợ,</i>
<i>Do</i>	<i>sanh,</i>	<i>già,</i>	<i>bệnh,</i>	<i>chết.</i>
<i>Không</i>	<i>thụ</i>	<i>sinh,</i>	<i>giải</i>	<i>thoát,</i>
<i>Hết</i>	<i>sanh,</i>	<i>già,</i>	<i>bệnh,</i>	<i>chết.</i>
<i>Người</i>	<i>đó</i>	<i>được</i>	<i>an</i>	<i>ổn.</i>
<i>Hiện</i>	<i>tại</i>	<i>chứng</i>	<i>vô</i>	<i>vì,</i>

**Đã vượt qua lo sợ,
Chắc chắn nhập Niết-bàn.**

05. PHẨM LONG ĐIỀU

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại rồng. Những gì là bốn? Một, sanh ra từ trứng; hai, sanh ra từ bào thai; ba, sanh ra từ nơi ẩm thấp; bốn, sanh ra từ hóa sinh. Đó là bốn loại rồng.

“Có bốn loại Kim sí điều. Những gì là bốn? Một, sinh ra từ trứng; hai, sinh ra từ bào thai; ba, sinh ra từ nơi ẩm thấp; bốn, sinh ra từ hóa sinh. Đó là bốn loại Kim sí điều.

“Ở dưới đáy nước đại dương có cung điện của vua rồng Ta-kiệt, ngang dọc là tám vạn do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,. cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Giữa hai ngọn núi chúa Tu-di cùng núi Khư-đà-la có hai cung điện của vua rồng Nan-đà và Bạt-nan-đà. Mỗi cung điện ngang dọc sáu mươi do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu... cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Phía Bắc bờ đại dương có một cây lớn tên là Cứu-la-thiểm-ma-la. Loại cây này cả vua rồng và Kim sí điều cũng có, gốc cây to bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, tàn cây phủ chung quanh năm mươi do-tuần. Phía Đông của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ trứng và cung điện của loài Kim sí điều sinh ra từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu ngàn do-tuần, tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,. cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Phía Nam của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ thai và cung điện của loài Kim sí điều sinh ra từ thai. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu ngàn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,. cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Phía Tây của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ nơi ẩm thấp và cung điện của loài Kim sí điều sinh ra từ nơi ẩm thấp. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,. cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Phía Bắc của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ hóa sinh và cung điện của loài Kim sí điều sinh ra từ hóa sinh. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu ngàn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,. cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ trứng, nếu muốn bắt loài rồng để ăn, thì từ nhánh phía Đông của cây Cứu-la-thiêm-ma-la bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng cũng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng được sinh ra từ thai, từ nơi ẩm thấp, từ hóa sinh được.

“Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ thai, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ thai muốn ăn loài rồng sinh ra từ thai, thì từ nhánh phía Nam của cây này bay xuống và dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, mới bắt loài rồng cũng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng sinh ra từ ẩm thấp, từ hóa sinh được.

“Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ nơi ẩm thấp, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ nơi ẩm thấp, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn, thì từ nhánh phía Nam cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ nơi ẩm thấp muốn ăn loài rồng sinh ra từ nơi

âm thấp, thì từ nhánh phía Tây của cây này bay xuống và dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng tám trăm do-tuần, thì bắt loài rồng cũng sinh ra từ nơi âm thấp để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng sinh ra từ hóa sinh được.

“Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ biến hóa, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ biến hóa, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn, thì từ nhánh phía Nam cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim sí điều sinh ra từ biến hóa muốn ăn loài rồng sinh ra từ nơi âm thấp, thì từ nhánh phía Tây của cây này bay xuống và dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng tám trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ nơi âm thấp để ăn. Khi nào Kim sí điều sinh ra từ biến hóa, nếu muốn ăn loài rồng sinh ra từ biến hóa, thì từ nhánh phía Bắc cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng một ngàn sáu trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sanh ra từ biến hóa để ăn một cách tùy ý tự tại. Đó là loài rồng bị loài Kim sí điều ăn thịt.

“Tuy nhiên có những loại rồng lớn mà loài Kim sí điều không thể ăn thịt được. Đó là: Vua rồng Ta-kiệt-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Y-na-bà-la, Đề-đâu-lại-tra, Thiện-kiến, A-lô, Ca-câu-la, Ca-tỳ-la, A-ba-la, A-nậu-đạt, Thiện-trú, Ưu-diệm-ca-bà-đâu, Đắc-xoa-ca. Đó là các loài vua rồng lớn không bị loài Kim sí điều bắt ăn thịt.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có chúng sanh nào thọ trì giới rồng, tâm ý nghĩ đến loài rồng, đầy đủ pháp của rồng, thì sẽ sinh về trong loài rồng. Nếu có chúng sanh nào trì giới Kim sí điều, tâm ý nghĩ đến loài Kim sí điều, đầy đủ pháp của Kim sí điều, thì sẽ sinh về trong loài Kim sí điều. Hoặc có chúng sanh trì giới của thỏ, tâm ý nghĩ về loài thỏ, cắt ; đầy đủ pháp của thỏ, thì sẽ sinh vào loài thỏ, cắt. Hoặc có chúng sanh trì giới của chó, hoặc trì giới của trâu, hoặc trì giới của nai, hoặc trì giới cam, hoặc trì giới Ma-ni-bà-đà , hoặc trì giới lửa, hoặc trì giới mặt trăng, hoặc trì giới mặt trời, hoặc trì giới

nước, hoặc trì giới cúng dường lửa, hoặc trì pháp khổ hạnh ô uế. Những người ấy nghĩ rằng: Ta trì pháp cam này, pháp Ma-ni-bà-đà, pháp lửa, pháp mặt trăng, mặt trời, pháp nước, pháp cúng dường lửa, các pháp khổ hạnh; ta trì công đức này là để sinh lên cõi Trời. Đây là những thứ tà kiến."

Phật dạy:

"Ta nói những người tà kiến này chắc chắn sẽ đi vào hai nơi: Hoặc sinh vào địa ngục, hay sinh vào hàng súc sanh. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có những lý luận như vậy, những quan điểm như vậy: Ngã và thế gian là thường còn, đây là thật, ngoài ra đều hư dối, hoặc Ngã và thế gian là vô thường, đây là thật, ngoài ra đều hư dối, hoặc Ngã và thế gian vừa thường vừa là vô thường, đây là thật ngoài ra đều hư dối, hoặc Ngã và thế gian chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, đây là thật ngoài ra đều hư dối; Ngã và thế gian là hữu biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối, hoặc Ngã và thế gian là vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối, hoặc Ngã và thế gian vừa hữu biên vừa vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối, hoặc Ngã và thế gian chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối; Thân tức mạng, đây là thật ngoài ra đều hư dối hoặc Thân khác mạng khác, đây là thật ngoài ra đều hư dối, hoặc Chẳng phải có mạng chẳng phải không mạng, đây là chắc thật ngoài ra đều là hư dối; hoặc Không mạng không thân, đây là thật ngoài ra đều là hư dối.

"Hoặc có người nói: Có cái chết của đời khác như vậy, đây là thật ngoài ra đều là hư dối. Có người nói: Không có cái chết của đời khác như vậy, đây là thật ngoài ra đều là hư dối. Hoặc có người nói: Vừa có cái chết đời khác như vậy và không có cái chết đời khác như vậy, đây là thật ngoài ra đều hư dối. Lại có người nói: Chẳng phải có chẳng phải không cái chết đời khác như vậy, đây là thật ngoài ra đều hư dối.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào có những lý luận như vậy, những kiến giải như vậy: Thế gian là thường, đây là lời nói chắc thật ngoài ra đều hư dối, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về thân, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: Ngã và thế gian là thường. Những ai chủ trương là vô thường, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian cho nên nói rằng: Ngã và thế gian là vô thường. Những ai chủ trương

là vừa thường vừa vô thường, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: Thế gian vừa thường vừa vô thường. Những ai chủ trương rằng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, có kiến chấp về mạng, có kiến chấp về thân, có kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: Ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

“Những ai chủ trương thế gian là hữu biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: Mạng là hữu biên; thân là hữu biên; thế gian là hữu biên. Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, thì những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập vào thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: Ngã là có biên. Những người chủ trương ngã và thế gian là vô biên, những người này hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: Mạng là vô biên, thân là vô biên, thế gian là vô biên. Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: Ngã và thế gian là vô biên. Những ai chủ trương thế gian này vừa hữu biên vừa vô biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: Mạng vừa hữu biên vừa vô biên. Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: Ngã vừa hữu biên vừa vô biên. Những ai chủ trương ngã và thế gian là không phải hữu biên không phải vô biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: Mạng và thân chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: Ngã chẳng phải hữu biên chẳng phải là vô biên.

“Những người chủ trương mạng tức là thân, thì đối với thân này có kiến chấp về mạng; đối với thân khác, có kiến chấp về mạng, cho nên nói rằng: Mạng tức là thân. Những người chủ trương mạng khác với thân, thì đối với thân này có kiến chấp về mạng, đối với thân khác không có kiến chấp về mạng, cho nên nói rằng: Mạng khác với thân. Những ai chủ trương mạng chẳng phải có, chẳng phải không, thì đối với thân này không có kiến chấp về mạng, đối với thân khác lại có kiến chấp về mạng, cho nên nói rằng: Chẳng phải có, chẳng phải không. Những ai chủ trương không có thân, mạng, thì đối với thân này họ không có kiến chấp về mạng, cho nên nói rằng: Không có mạng, không có thân.

“Có người bảo: Có cái chết của đời khác như vậy, vì thấy hiện tại có thân mạng và đời sau cũng có thân mạng du hành, cho nên họ bảo rằng: Có cái chết đời khác như vậy. Có người bảo: Không có cái chết của đời khác như vậy, vì người này bảo đời hiện tại có mạng, nhưng đời sau không có mạng, cho nên nói rằng: Không có cái chết của đời khác như vậy. Có người bảo: Vừa có cái chết của đời khác như vậy, vừa không có cái chết của đời khác như vậy, vì người ấy bảo đời hiện tại mạng bị đoạn diệt, đời sau mạng du hành, cho nên nói rằng: Vừa có mạng của đời khác như vậy, không có mạng của đời khác như vậy. Có người bảo: Chẳng phải có, chẳng phải không cái chết của đời khác như vậy, vì người ấy bảo thân, mạng hiện tại bị đoạn diệt; thân, mạng đời sau bị đoạn diệt, cho nên bảo rằng: Chẳng phải có, chẳng phải không cái chết của đời khác như vậy.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lâu xa về thời quá khứ có vị vua tên là Kính Diện. Một hôm nhà vua tập họp những người mù lại một chỗ và hỏi: Này những người mù từ khi mới sinh, các người có biết con voi không? Họ đáp: Tàu đại vương, chúng tôi không biết! Nhà vua lại hỏi: Các người có muốn biết hình loại con voi ra sao không? Họ đáp: Muốn biết. Bấy giờ nhà vua ra lệnh cho người hầu dắt con voi đến và bảo những người mù này dùng tay của mình sờ thử. Trong đó có người sờ trúng vòi voi, thì vua nói rằng đây là con voi; có người sờ trúng ngà voi, có người sờ trúng tai voi, có người sờ trúng đầu voi, có người sờ trúng lưng voi, có người sờ trúng bụng voi, có người sờ trúng bắp đùi voi, có người sờ trúng chân voi, có người

sờ trúng bàn chân voi, có người sờ trúng đuôi voi, thì vua cứ theo chỗ sờ được của họ mà bảo: Đó là con voi.

“Rồi vua Kính Diện liền ra lệnh dắt voi lui và hỏi những người mù: Voi giống như cái gì? Trong những người mù này, người sờ trúng vòi thì bảo voi giống như cái cày xe bị cong; người sờ trúng ngà thì bảo voi giống như cái chày; người sờ trúng tai thì bảo voi giống như cái nĩa; người sờ trúng đầu thì bảo voi giống như cái vạc; người sờ trúng lưng thì bảo voi giống như gò đất; người sờ trúng bụng thì bảo voi giống như bức tường; người sờ trúng bắp đùi thì bảo voi giống như gốc cây; người sờ trúng cái chân thì bảo voi giống như trụ cột; người sờ trúng bàn chân thì bảo voi giống như cái cối; người sờ trúng đuôi thì bảo voi giống như cây chổi. Họ tranh cãi nhau về việc đúng sai, người này bảo như vậy, người kia bảo không phải như vậy, vân vân và vân vân không dứt, đưa đến việc đấu tranh nhau. Lúc ấy nhà vua thấy vậy, hoan hỷ cười to. Rồi thì, vua Kính Diện nói bài tụng:

*Những người mù tụ tập,
Tranh cãi tại nơi này,
Thân voi vốn một thể,
Tưởng khác sinh thị phi”.*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các dị học ngoại đạo lại cũng như vậy; không biết Khổ đế, không biết Tập đế, Tận đế và Đạo đế, sinh ra những kiến giải khác nhau, tranh chấp thị phi với nhau, họ tự cho mình là đúng, nên đưa đến mọi việc tranh tụng. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết như thật về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế, những vị ấy sẽ tự tư duy và khéo cùng nhau hòa hợp, cùng một lãnh thọ, cùng một Thầy học, như nước với sữa, thì pháp Phật mới rực rỡ, sống an lạc lâu dài.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Nếu người không biết khổ,
Không biết chỗ khổ sinh;
Lại cũng không biết khổ,
Sẽ diệt tận ở đâu;
Lại cũng không thể biết,*

***Con đường diệt khổ tập;
Thì mất tâm giải thoát,
Tuệ giải thoát cũng mất;
Không thể biết gốc khổ,
Nguồn sanh, già, bệnh, chết.
Nếu biết thật về khổ,
Biết nhân sinh ra khổ;
Cũng biết rõ khổ kia,
Sẽ diệt tận nơi nào;
Lại hay khéo phân biệt,
Con đường diệt khổ tập;
Thì được tâm giải thoát,
Tuệ giải thoát cũng vậy.
Người này chấm dứt được,
Cội gốc của khổ âm;
Hết sanh, già, bệnh, chết,
Nguồn gốc của thọ, hữu.”***

Này các Tỳ-kheo, cho nên các Thầy nên siêng cầu phương tiện tư duy về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế.

06. PHẨM A TU LUÂN

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Trong đáy nước biển lớn ở phía Bắc của núi Tu-di, có một thành của La-ha A-tu-luân, bề ngang rộng khoảng tám vạn do-tuần, thành của nó có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang điểm chung quanh đều bằng bảy thứ báu tạo thành. Chiều cao của thành là ba ngàn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần. Cửa thành của nó cao một ngàn do-tuần, rộng cũng một ngàn do-tuần. Thành vàng thì cửa bạc, thành bạc thì cửa vàng, cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít cũng lại như trên. Tiểu thành, chỗ ngự trị của vị vua A-tu-luân này ở ngay trong thành lớn có tên là Luân-thâu-ma-bạt-tra, dọc ngang sáu vạn do-tuần. Thành của nó gồm bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới,

bảy lớp hàng cây, trang điểm chung quanh bằng bảy thứ báu tạo thành. Thành cao ba ngàn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần. Cửa thành của nó cao hai ngàn do-tuần, rộng một ngàn do-tuần. Thành vàng thì cửa bạc, cửa bạc thì thành vàng, cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít cũng lại như trên.

“Ở trong thành này, xây dựng riêng nhà hội nghị có tên là Thất-thi-lợi-sa, bảy lớp tường hào, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang điểm chung quanh bằng bảy thứ báu tạo thành. Nền nhà hội nghị hoàn toàn dùng bằng xa cừ; cột nhà, sà nhà hoàn toàn đều dùng bảy báu. Chu vi những trụ cột ở chính giữa một ngàn do-tuần, cao một vạn do-tuần. Ở dưới những trụ cột này có tòa Chánh pháp, dọc ngang bảy trăm do-tuần, đều dùng bảy báu chạm trổ mà thành. Nhà này có bốn cửa, được bao quanh bằng bảy lớp đình thêm lan can, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu, cho đến, các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại như đã kể.

“Ở phía Bắc nhà hội nghị này có cung điện A-tu-luân, dọc ngang một vạn do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu, cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng như đã kể.

“Phía Đông nhà hội nghị này có một khu vườn rừng tên là Sa-la, dọc ngang một vạn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu, cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại như đã kể.

“Phía Nam nhà hội nghị này có một khu vườn rừng tên là Cực diệu, dọc ngang một vạn do-tuần như vườn Sa-la.

“Phía Tây nhà hội nghị có một khu vườn rừng tên là Thiểm-ma, dọc ngang một vạn do-tuần cũng như vườn rừng Ta-la.

“Phía Bắc nhà hội nghị này có một khu vườn rừng, tên là Nhạc lâm, bề ngang một vạn do-tuần cũng như vườn rừng Sa-la.

“Giữa hai khu vườn Sa-la và Cực diệu có cây Trú độ, thấp là bảy do-tuần, cao thì một trăm do-tuần, cành lá vươn ra bốn phía cỡ năm mươi do-tuần, cây có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu, cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại

như đã kể. Lại nữa, giữa hai khu vườn Thiểm-ma và Nhạc lâm này có ao Bạt-nan-đà, nước của nó trong mát, không có cáu bẩn, hào báu bảy lớp, chung quanh thêm là bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Ở trong ao này sinh ra bốn loài hoa, lá hoa bề ngang rộng một do-tuần, hương thơm bay phảng phất cũng một do-tuần; rể như ổ trục xe, nhựa của nó lưu xuất ra có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật và vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo. Hơn nữa, bên cạnh ao này có bảy lớp đình thêm, bảy lớp tường cửa, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.

“Cung điện thần hạ của vua A-tu-luân, dọc ngang một vạn do-tuần, rồi chín ngàn, tám ngàn và cho đến cung điện nhỏ nhất là một ngàn do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.

“Cung điện của Tiểu A-tu-luân, dọc ngang một ngàn do-tuần, rồi chín trăm, tám trăm và cho đến cung điện cực nhỏ là một trăm do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.

“Phía Bắc nhà hội nghị có bảy đường cấp báu dẫn vào trong cung điện; lại có đường cấp dẫn đến vườn Sa-la; có đường cấp dẫn đến vườn Cực diệu; có đường cấp dẫn đến vườn Thiểm-ma; có đường cấp dẫn đến vườn Nhạc lâm; có đường cấp dẫn đến cây Trú độ; có đường cấp dẫn đến ao Bạt-nan-đà; có đường cấp dẫn đến cung điện đại thần; có đường cấp dẫn đến cung điện của Tiểu A-tu-luân.

“Nếu khi nào vua A-tu-luân muốn đến vườn Sa-la để ngoạn cảnh, chỉ cần nghĩ đến vua Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân, thì vua Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: vua La-ha A-tu-luân đang nghĩ đến ta. Liên tự sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số người hầu kẻ hạ vây quanh theo sau, đến trước vua La-ha A-tu-luân, đứng một bên.

“Lại khi vua A-tu-luân lại nghĩ đến vua Ba-la-ha A-tu-luân, thì vua Ba-la-ha A-tu-luân nghĩ rằng: Nay vua đang nghĩ đến ta. Liên tục sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau đến đứng một bên trước vua La-ha.

“Khi vua A-tu-luân lại nghĩ đến vua Thiểm-ma A-tu-luân, thì vua Thiểm-ma A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: Hiện nay vua đang nghĩ đến ta. Liên tục sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau, đến đứng một bên trước vua La-ha.

“Khi vua lại nghĩ đến đại thần của vua A-tu-luân, thì đại thần của A-tu-luân lại nghĩ rằng: Nay vua đang nghĩ đến ta. Liên tục sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau, đến đứng một bên trước vua La-ha. Lúc này, vua lại nghĩ đến Tiểu A-tu-luân, thì Tiểu A-tu-luân lại nghĩ rằng: Nay vua đang nghĩ đến ta. Liên tục sửa soạn trang bị cùng mọi người đến đứng một bên trước vua La-ha.

“Lúc này, vua La-ha mình mặc áo báu, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số mọi người vây quanh trước sau đến trong rừng Sa-la, thì tự nhiên có gió thổi cửa tự mở, tự nhiên gió thổi đất sạch, tự nhiên gió thổi hoa rụng xuống đất, ngập đến đầu gối. Sau khi vua La-ha vào vườn này rồi, thì cùng nhau vui đùa từ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày. Sau khi vua đùa xong, liền trở về lại cung điện mình. Sau đó việc ngoạn cảnh đối với vườn Cực diệu, vườn Thiểm-ma, vườn Nhạc lâm, thì cũng lại như vậy. Lúc này, vua La-ha luôn luôn có năm Đại A-tu-luân hầu cận và bảo vệ hai bên: một tên là Đề Trì, hai tên là Hùng Lực, ba tên là Võ Di, bốn tên là Đầu Thủ, năm tên là Tội Phục. Năm Đại A-tu-luân này luôn luôn hầu cận bảo vệ hai bên. Cung điện của vua La-ha này ở dưới nước biển lớn. Nước biển ở trên được duy trì bởi bốn thứ gió: một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố ; chúng giữ cho nước biển lớn, treo ngược giữa hư không, giống như mây nổi, cách cung điện A-tu-luân một vạn do-tuần, không bao giờ bị rớt. Oai thần, công đức và phước báo của vua A-tu-luân là như vậy”.

07. PHẨM TỨ THIÊN VƯƠNG

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Cách phía Đông Tu-di sơn vương một ngàn do-tuần có thành của Đề-đâu-lại-tra Thiên vương, tên là Hiền thượng, dọc ngang sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như đã kể.

“Cách phía Nam Tu-di sơn vương một ngàn do-tuần có thành của Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, tên là Thiện kiến, dọc ngang sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Cách phía Tây Tu-di sơn vương một ngàn do-tuần có thành Tỳ-lâu-bà-xoa Thiên vương, tên là Chu-la Thiện kiến, dọc ngang sáu ngàn do-tuần. Thành có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Cách phía Bắc Tu-di sơn vương một ngàn do-tuần có thành của Tỳ-sa-môn Thiên vương. Vua có ba thành: một tên là Khả úy, hai là Thiên kính, ba là Chúng quy; mỗi thành dọc ngang sáu ngàn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Phía Bắc thành Chúng quy có vườn rừng, tên là Già-tỳ-diên-đâu, dọc ngang bốn ngàn do-tuần, tường của vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Ở quãng giữa vườn và thành có ao tên là Na-lân-ni rộng bốn mươi do-tuần. Nước của nó lắng trong không bọt nhơ. Ven hồ được lát bằng bảy báu làm thành mương nước; bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu; hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, lẫn lộn màu sắc ở trong đó, ánh sáng phản chiếu cả nửa do-tuần, hương thơm phảng phất nghe khắp cả nửa do-tuần. Vả lại rễ của nó lớn như ổ trục xe. Nhựa của nó lưu xuất

ra màu trắng như sữa và có vị ngọt như mật,. cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Trừ cung điện mặt trời, mặt trăng ra, cung điện của các Tứ thiên vương, rộng độ bốn mươi do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,. cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Các cung điện này rộng bốn mươi do-tuần, hai mươi do-tuần và nhỏ nhất bề ngang rộng năm do-tuần. Từ thành Chúng quy có đường cấp báu dẫn đến thành Hiền thượng; lại có đường cấp dẫn đến thành Thiện kiến; lại có đường cấp dẫn đến thành Chu-la Thiện kiến; lại có đường cấp dẫn đến thành Khả úy, thành Thiên kính; lại có đường cấp dẫn đến vườn Già-tỳ-diên-đâu; lại có đường cấp dẫn đến ao Na-lân-ni, lại có đường cấp dẫn đến cung điện đại thần của Tứ thiên vương.

“Khi Tỳ-sa-môn Thiên vương muốn đến ngoạn cảnh tại vườn Già-tỳ-diên-đâu, thì lập tức nghĩ đến Đề-đâu-lại-tra Thiên vương; Đề-đâu-lại-tra Thiên vương lại nghĩ rằng: Hiện tại Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ đến ta. Liên tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số thần Kiên-đạp-hòa vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước Tỳ-sa-môn Thiên vương. Khi vua Tỳ-sa-môn nghĩ đến Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, thì Tỳ-lâu-lặc Thiên vương lại tự nghĩ rằng: Nay vua Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến ta. Liên tự mình sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số thần Cứu-bàn-trà vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước Tỳ-sa-môn Thiên vương. Khi vua Tỳ-sa-môn nghĩ đến Tỳ-lâu-bà-xoa, thì Tỳ-lâu-bà-xoa lại tự nghĩ rằng: Hiện tại Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ đến ta. Liên tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số Long thần vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước vua Tỳ-sa-môn. Khi vua Tỳ-sa-môn nghĩ đến đại thần của Tứ thiên vương, thì đại thần của Tứ thiên vương lại tự nghĩ rằng: Nay vua Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến ta. Liên tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng dẫn theo với vô số chư Thiên, đến đứng một bên trước Tỳ-sa-môn Thiên vương.

“Lúc này, Tỳ-sa-môn Thiên vương liền sửa soạn trang bị, mặc y báu, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số trăm ngàn Thiên thần đến vườn Tỳ-diên-đâu, tự nhiên có gió thổi cửa tự mở, tự

nhiên có gió thổi sạch đất, tự nhiên có gió thổi hoa rụng khắp mặt đất, ngập đến đầu gối. Nhà vua ở trong vườn này cùng nhau vui đùa, từ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày; sau khi ngoạn cảnh xong trở về cung điện của mình. Vua Tỳ-sa-môn luôn luôn có năm vị đại quý thần hầu cận bảo vệ hai bên: một là Bát-xà-lâu, hai là Đàn-đà-la, ba là Hê-ma-bạt-đề, bốn là Đề-kệ-la, năm là Tu-dật-lộ-ma, năm vị quý thần này luôn luôn theo hầu bảo vệ. Oai thần, công đức, phước báo của vua Tỳ-sa-môn là như vậy."

08. PHẨM ĐAO LỢI THIÊN

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Trên đỉnh Tu-di sơn vương có thành của trời Tam thập tam. Thành dọc ngang rộng tám vạn do-tuần; có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Thành cao một trăm do-tuần, phần trên rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần. Cách nhau năm trăm do-tuần là có một cái cửa; tại mỗi cửa này có năm trăm quý thần giữ gìn bảo vệ trời Tam thập tam. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bạc thì cửa bằng vàng. cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát bị thương, cũng lại như vậy.

"Trong thành lớn này lại có thành nhỏ, dọc ngang rộng sáu vạn do-tuần. Thành có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Thành cao một trăm do-tuần, rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cách nhau năm trăm do-tuần, cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần; tại mỗi cửa thành có năm trăm quý thần thị vệ tại bên cửa, để giữ gìn trời Tam thập tam. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng; thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh; thành bằng xích châu thì cửa bằng mã não, thành bằng mã não thì cửa bằng xích châu; thành bằng xa cừ thì cửa bằng các thứ báu khác.

"Về lan can này: nếu lan can bằng vàng thì tam cấp bằng bạc, lan can bằng bạc thì tam cấp bằng vàng; lan can bằng thủy tinh thì tam cấp bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tam cấp bằng thủy tinh; lan can bằng xích châu thì tam cấp bằng mã não, lan can bằng mã não thì tam cấp bằng xích châu; lan can bằng xa cừ thì tam cấp bằng các thứ báu khác. Trên những lan can này có lưới

báu; dưới lưới vàng thì treo linh bạc, dưới lưới bạc thì treo linh vàng; lưới bằng lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, lưới bằng thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly; lưới bằng xích châu thì treo linh bằng mã não, lưới bằng mã não thì treo linh bằng xích châu; lưới bằng xa cừ thì treo linh bằng các thứ báu khác. Về cây vàng: nếu rễ vàng, cành vàng thì lá hoa bằng bạc ròng. Về cây bạc: nếu rễ bạc, cành bạc thì lá hoa bằng vàng ròng. Về cây thủy tinh: nếu rễ, cành bằng thủy tinh thì lá, hoa bằng lưu ly. Về cây lưu ly: nếu rễ, cành bằng lưu ly thì lá hoa bằng thủy tinh. Về cây xích châu: nếu rễ, cành bằng xích châu thì lá hoa bằng mã não. Về cây mã não: nếu rễ, cành bằng mã não thì lá hoa bằng xích châu. Về cây xa cừ: nếu rễ, cành bằng xa cừ thì lá hoa bằng các thứ báu khác.

“Về bảy lớp thành này: thành có bốn cửa, cửa có lan can. Trên bảy lớp thành đều có đèn đài, lầu các bao bọc chung quanh, có vườn rừng ao tắm, sinh ra các loài hoa quý nhiều màu sắc xen lẫn nhau, cây báu thành hàng, hoa trái tốt tươi đầy dẫy, hương thơm bay phảng phất khắp nơi làm đẹp lòng mọi người. Có chim le, chim nhạn, uyên ương, cùng các loài chim kỳ lạ, vô số hàng ngàn loại, cùng nhau ca hát.

“Khoảng giữa bên ngoài thành nhỏ này có cung điện của Long vương Y-la-bát, dọc ngang rộng sáu ngàn do-tuần. Vách tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Trong thành Thiện kiến này có Thiện pháp đường, dọc ngang một trăm do-tuần; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Nền nhà hoàn toàn bằng vàng ròng, trên mặt phủ lưu ly. Chu vi những cây cột trong nhà này là mười do-tuần, cao một trăm do-tuần, dưới những trụ cột của ngôi nhà này là nơi đặt ngự tòa của Thiên đế, bề ngang rộng độ một do-tuần, có nhiều màu sắc xen lẫn nhau được tạo thành bởi bảy thứ báu. Ngự tòa này êm ái, mềm mại như lụa trời và bên tả bên hữu, giáp hai bên tòa, có mười sáu chỗ ngồi.

“Pháp đường này có bốn cửa; chung quanh là lan can bằng bảy thứ báu. Đường cấp của ngôi nhà này dọc ngang năm trăm do-tuần, có bảy lớp cửa ngoài, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy

lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có cung điện Đế Thích, dọc ngang một ngàn do-tuần; tường vách cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Phía đông ngôi nhà Thiện kiến có vườn rừng tên là Thô sáp, ngang rộng độ một ngàn do-tuần; tường vách cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn Thô sáp có hai ụ đá do vàng trời trang sức, một gọi là Hiền, hai gọi là Thiện hiền, bề ngang mỗi ụ rộng năm mươi do-tuần, đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như vải trời.

“Phía Nam cung điện Thiện kiến có khu vườn tên là Họa lạc, ngang rộng một ngàn do-tuần; vách tường của khu vườn có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn này có hai ụ đá bằng bảy thứ báu, một là Họa, hai là Thiện họa, bề ngang mỗi ụ rộng độ năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như thiên y.

“Phía Tây ngôi nhà Thiện kiến có khu vườn tên là Tạp, ngang rộng một ngàn do-tuần, bờ tường của khu vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Trong khu vườn này có hai ụ đá, một là Thiện kiến, hai là Thuận thiện kiến, do vàng trời trang sức và do bảy báu tạo thành, bề ngang mỗi ụ rộng độ năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại và độ mềm mại của nó như thiên y.

“Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có khu vườn tên là Đại hỷ, ngang rộng một ngàn do-tuần, bờ tường của khu vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn này có hai ụ đá, một gọi là Hỷ, hai gọi là Đại hỷ, do xa cừ trang sức,

ngang rộng năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như thiên y.

“Ở quãng giữa vườn Thô sáp và vườn Họa nhạc có ao Nan-đà, ngang rộng một trăm do-tuần; nước của nó lắng trong, không có một chút bọt nơ, chung quanh bên cạnh thêm là bảy lớp hào báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Bốn phía hồ này có bốn bậc thang, chung quanh lan can làm bằng bảy báu, cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Lại nữa trong ao này lại sinh ra bốn loại hoa xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, xanh nhạt, nhiều màu xen lẫn nhau; bóng rợp của một lá hoa này che một do-tuần; hương thơm phảng phất khắp một do-tuần; rễ của nó như ổ trục xe, nhựa của nó lưu xuất ra có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Bốn phía ao này lại có những khu vườn.

“Giữa hai khu vườn Tạp và khu vườn Đại hỷ có cây tên là Trú độ, chu vi độ bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá bao trùm ra bốn phía độ năm mươi do-tuần, ngoài cây có ngôi đình trống, bề ngang rộng năm trăm do-tuần, bờ tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Ngoài ra các cung điện khác của Đao-lợi thiên, ngang rộng một ngàn do-tuần, tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Những cung điện này ngang rộng từ chín trăm, tám trăm cho đến nhỏ nhất là một trăm do-tuần, bờ tường cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Những cung điện nhỏ, ngang rộng từ một trăm do-tuần, chín mươi, tám mươi, cho đến cực nhỏ là mười hai do-tuần, bờ tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có hai đường cấp dẫn đến cung điện Đế Thích. Phía Đông ngôi nhà Thiện kiến có hai đường cấp

dẫn đến khu vườn Thô sáp; lại có hai đường cấp dẫn đến vườn Họa lạc; lại có đường cấp dẫn đến trong khu vườn Tạp; lại có đường cấp dẫn đến khu vườn Đại hỷ; lại có đường cấp dẫn đến ao Đại hỷ; lại có đường cấp dẫn đến cây Trú độ; lại có đường cấp dẫn đến cung điện Tam thập tam thiên; lại có đường cấp dẫn đến cung điện chư Thiên; lại có đường cấp dẫn đến cung điện Y-la-bát Long vương. Nếu khi Thiên Đế Thích muốn du ngoạn đến trong vườn Thô sáp, liền nghĩ đến vị đại thần của trời Tam thập tam, thì đại thần Tam thập tam thiên lại tự nghĩ rằng: Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta. Liền tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số mọi người vây quanh trước sau đến đứng một bên trước Đế Thích. Khi Đế Thích nghĩ đến chư Thiên khác, thì chư Thiên nghĩ rằng: Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta. Liền tự mình sửa soạn trang bị, cùng với vô số chúng chư Thiên theo nhau đến đứng một bên trước Đế Thích. Khi Đế Thích nghĩ đến Y-la-bát Long vương, thì Y-la-bát Long vương lại tự nghĩ rằng: Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta. Long vương liền tự biến hóa thân hình ra ba mươi ba cái đầu, mỗi cái đầu có sáu cái răng, mỗi cái răng có bảy hồ tằm, mỗi hồ tằm có bảy hoa sen lớn, mỗi hoa sen có một trăm lá, mỗi lá hoa có bảy ngọc nữ, ca nhạc, múa xướng, đánh trống, khảy đàn, vỗ nhịp ở trên đó. Sau khi vị Long vương biến hóa như vậy rồi, đi đến đứng một bên trước Đế Thích.

“Lúc này, Thích-đề-hoàn Nhân mặc vào thân mình những đồ trang sức quý báu cùng anh lạc, ngồi trên đầu thứ nhất của Y-la-bát Long vương, kế đó, hai bên mỗi đầu còn có mười sáu vị Thiên vương ở trên đỉnh đầu Long vương này, theo thứ tự mà ngồi. Bấy giờ, Thiên Đế Thích cùng với vô số quyến thuộc chư Thiên vây quanh đến vườn Thô sáp, tự nhiên có gió thổi cửa tự động mở, tự nhiên có gió thổi khiến cho đất sạch; tự nhiên có gió thổi làm những đóa hoa rơi khắp mặt đất và tích tụ hoa rụng lại ngập đến cả đầu gối. Lúc này Thiên Đế Thích ngồi trên hai ụ đá Hiên và Thiện hiên theo ý thích, còn Ba mươi ba vị Thiên vương mỗi người tự theo thứ tự mà ngồi. Lại nữa, có những chư Thiên không được phép theo hầu để đến tham quan viên quán này, không được vào vườn để vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có những chư Thiên thấy được khu vườn mà không vào được và không được cùng nhau vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có

những chư Thiên thấy được, vào được, nhưng không được cùng nhau vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có những chư Thiên vào được, thấy được và vui đùa ngũ dục được. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành đồng nhau.

“Sau thời gian du hí trong vườn, chư Thiên đã tự vui ngũ dục, từ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, họ đã cùng nhau vui đùa xong và mỗi người tự trở về cung điện. Khi Thiên Đế Thích du ngoạn vườn Họa lạc, vườn Tạp, vườn Đại hỷ cũng lại như vậy.

“Vì sao gọi là vườn Thô sáp? Vì lúc vào trong vườn này, thì thân thể trở nên thô nhám. Vì sao gọi là vườn Họa lạc? Vì lúc vào vườn này, thì thân thể tự nhiên có những sắc màu như vẽ dùng để vui đùa. Vì sao gọi là vườn Tạp? Vì thường những ngày mùng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm của mỗi tháng, ngoại trừ người nữ A-tu-luân, các thể nữ được thả tự do để cùng các Thiên tử ở trong vườn này cùng du hí hỗn tạp với nhau, cho nên gọi là vườn Tạp. Vì sao gọi là vườn Đại hỷ? Vì lúc vào vườn này, thì có thể vui đùa một cách hoan hỷ, cho nên gọi là Đại hỷ. Vì sao gọi là nhà Thiện pháp? Vì ở trên ngôi nhà này mà tư duy về pháp vi diệu, nhận lãnh cái vui thanh tịnh, cho nên gọi là nhà Thiện pháp. Vì sao gọi là cây Trú độ? Vì cây này có vị thần tên là Mạn-đà thường thường tấu nhạc để tự vui đùa, cho nên gọi là Trú độ. Lại nữa, cành nhánh của cây lớn này vươn ra bốn phía, hoa lá rậm rạp tốt tươi như đám mây báu lớn, cho nên gọi là Trú độ.

“Hai bên tả hữu của Thích Đề-hoàn Nhân thường có mười đại Thiên tử theo sau để hầu hạ và bảo vệ đó là: một tên là Nhân-đà-la, hai tên là Cù-di, ba tên là Tỳ-lâu, bốn tên là Tỳ-lâu-bà-đề, năm tên là Đà-la, sáu tên là Bà-la, bảy tên là Kỳ-bà, tám tên là Linh-hê-nậu, chín tên là Vật-la, mười tên là Nan-đâu. Thích Đề-hoàn Nhân có thần lực lớn và oai đức như vậy.

Các loại hoa mọc trong nước mà người Diêm-phù-đề quý như: Ưu-bát-la, Bát-đâu-ma, Câu-vật-đâu, Phân-đà-ly, Tu-càn-đâu, hương thơm của chúng thanh khiết nhẹ nhàng. Cũng vậy, các loại hoa mọc ra trên đất liền; đó là: Giải thoát hoa, Đàm-bạc-hoa, Bà-la-đà-hoa, Tu-mạn-châu-na hoa, Bà-sư hoa, Đồng nữ hoa. Giống như những hoa sinh ra ở nước, ở đất liền, thì những hoa sinh ra ở Câu-da-ni, Uất-đan-việt, Phất-vu-đãi, Long cung, Kim sí điều cung cũng lại như vậy. Những hoa sinh ra ở trong thủy

cung của A-tu-luân: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly, hương thơm của chúng nhẹ nhàng thanh khiết. Những hoa sinh ra nơi đất liền: hoa Thù-hảo, hoa Tân-phù, hoa đại Tân-phù, hoa Già-già-lợi, hoa đại Già-già-lợi, hoa Mạn-đà-la, hoa đại Mạn-đà-la. Những hoa sinh ra ở nước, ở đất liền này được Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên, Diêm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên yêu quý cũng lại như vậy.

“Cõi Trời có mười loại pháp; đó là: một, bay đi không hạn số; hai, bay đến không hạn số; ba, đi vô ngại; bốn, đến vô ngại; năm, thân Trời không có da, xương, gân, mạch, máu, thịt; sáu, thân không có việc đại, tiểu tiện bất tịnh; bảy, thân không mệt nhọc; tám, Thiên nữ không sinh đẻ; chín, mắt Trời không nháy; mười, thân tùy thuộc vào màu sắc của ý mình, như thích xanh thì hiện xanh, thích vàng thì vàng, đỏ, trắng và các màu khác tùy theo ý mình mà hiện. Đó là mười pháp của chư Thiên.

“Con người có bảy màu sắc, đó là: có người màu lửa, có người màu xanh, có người màu vàng, có người màu đỏ, có người màu đen, có người màu trắng. Chư Thiên, A-tu-luân cũng có bảy màu sắc như vậy.

“Các Tỳ-kheo, ánh sáng của con đom đóm không bằng đèn, nến; ánh sáng của đèn, nến không bằng bó đuốc; ánh sáng của bó đuốc không bằng đồng lửa; ánh sáng của đồng lửa không bằng ánh sáng của sắc thân, y phục, anh lạc, thành quách, cung điện của Tứ thiên vương; ánh sáng của sắc thân, y phục, anh lạc, thành quách, cung điện của Tứ thiên vương không bằng ánh sáng của Tam thập tam thiên; ánh sáng của Tam thập tam thiên không bằng ánh sáng của Diêm-ma thiên; ánh sáng của Diêm-ma thiên không bằng ánh sáng của Đâu-suất thiên, ánh sáng của Đâu-suất thiên không bằng ánh sáng của Hóa tự tại thiên; ánh sáng của Hóa tự tại thiên không bằng ánh sáng của Tha hóa tự tại thiên; ánh sáng của Tha hóa tự tại thiên không bằng ánh sáng của sắc thân, y phục, cung điện Phạm-ca-di thiên; ánh sáng của sắc thân, y phục, cung điện Phạm-ca-di thiên không bằng ánh sáng của Quang âm thiên; ánh sáng của Quang âm thiên không bằng ánh sáng của Biến tịnh thiên; ánh sáng của Biến tịnh thiên không bằng ánh sáng của Quả thật thiên; ánh sáng của Quả thật thiên không bằng ánh sáng của Vô tướng thiên; ánh sáng của Vô tướng thiên không bằng ánh sáng của Vô tạo thiên; ánh sáng của Vô

tạo thiên không bằng ánh sáng của Vô nhiệt thiên; ánh sáng của Vô nhiệt thiên không bằng ánh sáng của Thiện kiến thiên; ánh sáng của Thiện kiến thiên không bằng ánh sáng của Đại Thiện kiến thiên; ánh sáng của Đại Thiện kiến thiên không bằng ánh sáng của Cứu cánh thiên; ánh sáng của Cứu cánh thiên không bằng ánh sáng của Tha hóa tự tại thiên; ánh sáng của Tha hóa tự tại thiên không bằng ánh sáng của Phật. Từ ánh sáng của con đom đóm đến ánh sáng của Phật, mà kết hợp những thứ ánh sáng như vậy lại, thì cũng không bằng ánh sáng của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Cho nên, các Tỳ-kheo! Muốn tìm cầu ánh sáng, thì phải cầu ánh sáng của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Các người nên như vậy mà tu hành.

“Thân người ở cõi Diêm-phù-đề cao ba khuỷu tay rưỡi; y dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người ở Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cũng cao ba khuỷu tay; y dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay rưỡi. Thân người Uất-đan-việt cao bảy khuỷu tay; y dài mười bốn khuỷu tay, rộng bảy khuỷu tay. Thân A-tu-luân cao một do-tuần; y dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, y dày sáu lạng. Thân của Tứ thiên vương cao nửa do-tuần; y dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, y dày nửa lạng. Thân của Đao-lợi thiên cao một do-tuần; y dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, y dày sáu lạng. Thân của Diệm-ma thiên cao hai do-tuần; y dài bốn do-tuần, rộng hai do-tuần, y dày ba lạng. Thân của Đâu-suất thiên cao bốn do-tuần; y dài tám do-tuần, rộng bốn do-tuần, y dày một lạng rưỡi. Hóa tự tại thiên cao tám do-tuần; y dài mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần, y dày một lạng. Thân của Tha hóa tự tại thiên cao mười sáu do-tuần; y dài ba mươi hai do-tuần, rộng mười sáu do-tuần, y dày nửa lạng. Từ chư Thiên trở lên, mỗi nơi tùy theo thân hình của họ mà mặc y phục.

“Tuổi thọ của người Diêm-phù-đề là một trăm năm, ít ai vượt qua khỏi; mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Cù-da-ni là hai trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Phất-vu-đãi là ba trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Uất-đan-việt là một ngàn năm, không có tăng hay giảm. Tuổi thọ của ngạ quỷ là bảy vạn năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của loài rồng và Kim sí điểu là một kiếp, hoặc có giảm đi. Tuổi thọ của A-tu-luân là một ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tứ thiên vương là năm trăm

năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đao-lợi thiên là một ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Diêm-ma thiên là hai ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đâu-suất thiên là bốn ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Hóa tự tại thiên là tám ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tha hóa tự tại thiên là sáu ngàn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Phạm-ca-di thiên là một kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quang âm thiên là hai kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Biến tịnh thiên là ba kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quả thật thiên là bốn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tướng thiên là năm trăm kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tạo thiên là một ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô nhiệt thiên là hai ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thiện kiến thiên là ba ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Đại Thiện kiến thiên là bốn ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Sắc cứu cánh thiên là năm ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Không xứ thiên là một vạn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thức xứ thiên là hai vạn một ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Bất dụng xứ thiên là bốn vạn hai ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Hữu tướng vô tướng thiên là tám vạn bốn ngàn kiếp, hoặc có giảm bớt. Trong giới hạn ấy, được gọi là chúng sanh; trong giới hạn ấy được gọi là tuổi thọ; trong giới hạn ấy được gọi là thế giới; trong giới hạn ấy là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ, giới, qua lại trong các cõi, sanh, già, bệnh, chết.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tất cả chúng sanh do bốn loại thức ăn mà tồn tại. Một là đoàn tể hoạt thực. Hai là xúc thực. Ba là niệm thực. Bốn là thức thực. Những loại thức ăn này chúng sanh ăn không giống nhau. Như người cõi Diêm-phù-đề dùng các loại cơm, bún mì, cá thịt, gọi là loại đoàn thực. Y phục, tắm giặt, được gọi là tể hoạt thực. Người Câu-da-ni, Phất-vu-đãi cũng ăn các loại cơm, bún mì, cá thịt được gọi là đoàn thực; y phục, tắm giặt là tể hoạt thực. Người Uất-đan-việt thì chỉ ăn lúa gạo chín tự nhiên, đây đủ vị trời lấy là đoàn thực; cũng lấy y phục, tắm giặt làm tể hoạt thực. Loài rồng, Kim sí điểu, thì ăn các con giải, con đà, con cá, con ba-ba lấy làm đoàn thực và tắm gội, y phục làm tể hoạt thực. A-tu-luân thì ăn

đoàn thực sạch lấy làm đoàn thực và lấy tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực. Tứ thiên vương, Dao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên ăn loại đoàn thực sạch lấy làm đoàn thực và tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực. Chư Thiên từ đây trở lên dùng hỷ lạc thiên định làm thức ăn.

“Những chúng sanh nào dùng xúc thực? Những chúng sanh, sinh ra từ trứng dùng xúc thực.

“Những chúng sanh nào dùng niệm thực? Có chúng sanh nhờ vào niệm thực mà được tồn tại, tăng trưởng các căn, tuổi thọ không dứt, đó là niệm thực.

“Những chúng sanh nào dùng thức thực? Những chúng sanh ở địa ngục và cõi Vô sắc thiên, những loại chúng sanh này dùng thức thực.

“Người cõi Diêm-phù-đề dùng các thứ vàng bạc, đồ quý báu, lúa gạo, lụa là, nô bộc để mưu sinh buôn bán mà tự nuôi sống. Người Câu-da-ni dùng bò, dê, châu báu để trao đổi mà nuôi sống. Người Phất-vu-đãi dùng thóc, vải, châu ngọc để trao đổi mà tự nuôi sống. Người Uất-đan-viết tuy không dùng cách trao đổi nhưng cũng mưu sinh để tự nuôi sống.

“Người cõi Diêm-phù-đề có sự mai mối hôn nhân, con trai lấy vợ, con gái lấy chồng. Người Câu-da-ni và người Phất-vu-đãi, cũng có mai mối hôn nhân, con trai lấy vợ, con gái lấy chồng. Người Uất-đan-viết, thì không có vấn đề hôn nhân, không có sự lấy chồng, lấy vợ của con trai và con gái. Loài rồng và Kim sí điểu cùng A-tu-luân, thì cũng có hôn nhân, có giá thú giữa con trai và con gái. Tứ thiên vương, Dao-lợi thiên. cho đến Tha hóa tự tại thiên cũng có hôn nhân và có giá thú giữa người nam và người nữ. Chư Thiên từ đây trở lên không còn có nam và nữ.

“Người cõi Diêm-phù-đề, vì giữa nam và nữ giao hội nhau, thân và thân xúc chạm nhau, nên sanh ra âm dương. Những người Câu-da-ni, người Phất-vu-đãi, người Uất-đan-viết cũng dùng thân với thân xúc chạm nhau nên cũng sanh ra âm dương. Các loài rồng, Kim sí điểu cũng dùng thân với thân xúc chạm nhau nên cũng sanh ra âm dương. Loài A-tu-luân thì thân với thân gần gũi nhau phát sanh khí mà trở thành âm dương. Tứ thiên vương, Dao-lợi thiên thì cũng lại như vậy. Diệm-ma thiên, thì gần gũi nhau mà thành âm dương. Đâu-suất thiên thì cầm tay nhau mà thành âm dương. Hóa tự tại thiên thì nhìn kỹ nhau mà thành âm

dương. Tha hóa tự tại thiên thì láy mắt nhìn nhau mà thành âm dương. Chư Thiên từ đây trở lên thì không còn dâm dục nữa.

“Nếu có chúng sanh nào, với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, thức người đời bị diệt mất; thức nê-lê bắt đầu sinh ra. Nhân thức nên có danh sắc. Nhân danh sắc nên có sáu nhập. Hoặc có chúng sanh với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, bị đọa vào trong loài súc sanh; sau đó thức người đời bị diệt; thức súc sanh bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu nhập. Hoặc có chúng sanh với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào trong ngạ quỷ; sau đó thức người đời bị diệt, thức ngạ quỷ bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu nhập. Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói những lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sinh vào trong cõi người; sau đó thức đời trước diệt, thức loài người bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu nhập.

“Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh về cõi Tứ thiên vương; sau đó thức đời trước diệt; thức loài trời Tứ thiên vương bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu nhập.

“Lúc bắt đầu sinh ở cõi Trời, hình dạng cũng giống hệt như con nít chừng hai, ba tuổi của cõi người này, tự nhiên hóa hiện, ngồi trên đầu gối Trời. Vị Trời ấy liền nói: Đây là con ta. Do quả báo của hành vi, nên tự nhiên mà có nhận thức; liền tự nghĩ rằng: Ta do đã làm những gì, mà nay ta sinh ra nơi này? Rồi tự nhớ lại: Đời trước ta ở nhân gian, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện. Vì đã làm những việc này nên nay được sanh về cõi Trời. Giả như ở đây ta mạng chung, mà sinh vào cõi nhân gian trở lại, thì phải thanh tịnh thân, khẩu, ý và siêng năng gấp đôi trong việc tu tập các hạnh lành. Sau khi sinh ra chưa lâu, hài nhi tự biết đói, thì tự nhiên trước mặt hài nhi này có đồ đựng quý, trong đó đựng thức ăn thanh tịnh của cõi Trời, tự nhiên có, đủ cả trăm mùi vị. Nếu phước báo nhiều thì thức ăn màu trắng. Nếu phước báo vừa thì thức ăn có màu xanh. Còn nếu phước báo ít thì thức ăn có màu đỏ. Đứa trẻ này dùng tay lấy thức ăn đưa vào miệng, thức ăn tự nhiên tiêu mất, như váng sữa được chế vào

trong lửa. Khi đứa trẻ ăn xong, mới tự cảm thấy khát, thì tự nhiên có đồ đựng quý, đựng đầy nước cam lồ. Nếu là người có nhiều phước báo thì nước này có màu trắng; nếu người này phước báo vừa vừa thì nước này có màu xanh; nếu là người có phước báo ít thì nước này có màu đỏ. Đứa trẻ này lấy nước uống; nước tự động tiêu mất như váng sữa được chế vào lửa vậy.

“Đứa trẻ này sau khi ăn uống xong, thì thân thể cao lớn cũng như các chư Thiên khác, liền vào trong hồ nước mà tự mình thường thức sự tắm gội rửa ráy. Khi đã tự mình thường thức xong thì ra khỏi hồ tắm, đến dưới cây hương. Cây hương sẽ cong xuống; nó dùng tay lấy các loại hương tự thoa vào thân mình. Sau đó lại đến cây y-kiếp-bôi. Cây cong xuống, nó lấy các loại y mặc vào thân mình. Tiếp đến nơi cây trang nghiêm. Cây cong xuống, nó lấy các thứ đồ trang sức, để tự trang điểm thân. Tiếp đến cây Hoa man, cây nghiêng xuống một bên, lấy tràng hoa đội lên đầu. Tiếp đến cây đồ vật, cây nghiêng xuống một bên, để lấy các thứ đồ vật báu. Tiếp đến cây có trái, cây nghiêng xuống một bên, hái trái tự nhiên, hoặc ăn hay ngậm, hoặc lọc nước mà uống. Tiếp đến cây nhạc khí, cây nghiêng xuống một bên, lấy nhạc khí Trời, khảy lên âm thanh trong trẻo vi diệu hòa cùng lời ca. Khi đứa trẻ cõi Trời hướng đến các khu vườn, thì thấy vô số Thiên nữ đang khảy đàn đánh trống ca hát nói cười với nhau. Bây giờ đứa trẻ cõi Trời dạo chơi thấy những cảnh như vậy, bèn sinh lòng đắm nhiễm, nhìn Đông mà quên Tây, nhìn Tây mà quên Đông. Lúc mà đứa trẻ này mới sinh, tự biết mà tự nghĩ rằng: Do hành vi gì mà nay ta được sinh ra nơi này? Khi đang dạo chơi xem cảnh nơi kia, thì lại quên hết ý nghĩ này. Thế rồi, liền có thể nữ theo hầu.

“Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Đạo-lợi thiên; sau đó thức đời trước diệt; thức kia bắt đầu sinh ra; nhân thức này nên có danh sắc, nhân danh sắc nên có sáu nhập. Kẻ mới bắt đầu sinh của cõi Trời kia, giống như đứa trẻ hai hay ba tuổi ở cõi Diêm-phù-đê, tự nhiên biến hiện ra ở trên đầu gối của Trời và vị Trời ấy nói: Đây là con trai của ta. Đây là con gái của ta. Cũng lại như đã kể trên.

“Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Diệm-ma thiên; kẻ mới bắt đầu sinh của cõi trời kia, giống như đứa trẻ ba, bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-đê này.

“Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Đâu-suất thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ bốn, năm tuổi ở thế gian này.

“Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Hóa tự tại thiên; kẻ mới sinh ở cõi trời này, giống như đứa trẻ năm, sáu tuổi ở thế gian này.

“Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Tha hóa tự tại thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ sáu, bảy tuổi ở thế gian này, cũng lại như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Mỗi nửa tháng có ba ngày trai, đó là: ngày mồng tám, ngày mười bốn và ngày mười lăm. Đó là ba ngày trai. Vì sao trong mỗi nửa tháng lấy ngày mùng tám làm ngày trai? Vì vào ngày mồng tám của mỗi nửa tháng là ngày Tứ thiên vương thường bảo sứ giả rằng: Các người nên đi khảo sát thế gian, xem xét mọi người, có biết hiếu thuận với cha mẹ, có kính thuận với Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn kính các bậc trưởng lão, có trai giới, bố thí, có cứu giúp người nghèo thiếu hay không? Sau khi sứ giả nghe những lời dạy này rồi, liền đi khảo sát khắp trong thiên hạ, để biết có người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính Sa-môn, Bà-la-môn, kính trọng các bậc trưởng lão, trì giới giữ trai, bố thí cho người nghèo thiếu. Sau khi xem xét đầy đủ rồi, thấy có những người bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, không tu trai giới, không cứu giúp người nghèo thiếu, về thưa với nhà vua rằng: Tâu Thiên vương, ở thế gian những người hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng sư trưởng, tịnh tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu thì rất ít! rất ít! Sau khi Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo không vui, đáp rằng: Than ôi! nếu người thế gian, có nhiều kẻ ác, bất hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, không tu tập trai giới, không giúp đỡ người nghèo thiếu! thì chúng chư Thiên sẽ tổn giảm và chúng A-tu-luân sẽ tăng thêm. Trường hợp nếu sứ giả thấy ở thế gian mà có người hiếu kính mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo, thì trở về bạch với Thiên vương rằng: Ở thế gian có người hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo thiếu. Thì Tứ thiên vương sau khi nghe xong rất là hoan hỷ, xướng lên rằng: Lành thay! Ta đã nghe những lời tốt lành, thế

gian nếu có những người có thể hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tăng thêm và chúng A-tu-luân sẽ giảm bớt.

“Vì sao lấy ngày mười bốn làm ngày trai? Vì ngày mười bốn là ngày mà Tứ thiên vương bảo thái tử rằng: Người nên đi khảo sát khắp thiên hạ, xem xét mọi người, để biết có người hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo thiếu hay không? Sau khi vâng lời dạy của vua xong, thái tử liền đi khảo sát thiên hạ, xem xét mọi người, có biết hiếu thuận mẹ cha, tôn trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo thiếu hay không. Khi đã quán sát tất cả rồi, nhận thấy thế gian có người không hiếu thuận mẹ cha, không kính sư trưởng, không tu trai giới, không giúp đỡ người nghèo thiếu, trở về thưa vua rằng: Tâu Thiên vương, ở thế gian người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, giúp đỡ những người nghèo thiếu thì rất ít! rất ít! Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo không vui, bảo rằng: Than ôi! Nếu thế gian có nhiều kẻ ác, không hiếu thuận mẹ cha, không tôn trọng sư trưởng, không tu tập trai giới, không giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ giảm bớt, chúng A-tu-luân sẽ tăng thêm. Nếu thái tử nhận thấy thế gian có người hiếu thuận mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì liền trở về thưa vua rằng: Tâu Thiên vương, ở thế gian có người hiếu thuận với mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu. Tứ thiên vương nghe xong, lòng rất vui mừng, xướng lên rằng: Lành thay! Ta nghe được những lời tốt lành, là ở thế gian nếu có những người hiếu thuận với mẹ cha, tôn trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tăng thêm, chúng A-tu-luân sẽ giảm bớt. Cho nên ngày mười bốn là ngày trai.

“Vì sao lấy ngày mười lăm làm ngày trai? Vì ngày mười lăm là ngày Tứ thiên vương đích thân tự đi khảo sát thiên hạ, xem xét mọi người ở trong thế gian, có hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu hay không? Nếu nhận thấy người thế gian phần nhiều bất hiếu với mẹ cha, không tôn trọng sư trưởng, không siêng trai giới, không giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, thì Tứ thiên vương đến điện Thiện pháp thưa với Đế Thích: Đại vương biết cho, chúng sanh ở thế

gian phần nhiều bất hiếu với mẹ cha, không kính trọng sư trưởng, không tu trai giới, không giúp đỡ kẻ nghèo thiếu! Sau khi Đế Thích và chư Thiên Đao-lợi nghe xong lòng buồn lo không vui nói rằng: Than ôi! Nếu chúng sanh ở thế gian phần nhiều là ác, không hiếu thuận mẹ cha, không tôn kính sư trưởng, không tu trai giới, không giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ giảm bớt, chúng A-tu-luân sẽ tăng lên. Nếu Tứ thiên vương nhận thấy thế gian có người hiếu thuận với mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, thì trở về điện Thiện pháp tâu với Đế Thích: Người thế gian có kẻ hiếu thuận với mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ kẻ nghèo thiếu. Sau khi Đế Thích và chư Thiên Đao-lợi nghe xong lòng rất là hoan hỷ, xướng lên rằng: Lành thay! Nếu ở thế gian mà có kẻ hiếu thuận mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tăng, chúng A-tu-luân sẽ giảm. Cho nên lấy ngày mười lăm là ngày trai giới. Vì lý do trên nên có ba ngày trai. Bây giờ, Đế Thích muốn cho chư Thiên càng thêm hoan hỷ hơn, liền nói bài kệ:

*Thường lấy ngày mồng tám,
Mười bốn, rằm mỗi tháng,
Cải hóa, tu trai giới,
Người này đồng với Ta."*

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đế Thích nói bài kệ này, không phải là khéo thọ, không phải là khéo nói; Ta cũng không ăn khả. Vì sao? Vì Đế Thích chưa dứt hết dâm dục, sân hận, si mê, chưa thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Ta bảo người này chưa lìa khỏi gốc khổ. Tỳ-kheo nào của Ta, nếu lậu hoặc đã hết, được A-la-hán, những gì cần làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã được tự lợi, đã hết kết sử các hữu, bình đẳng giải thoát, thì Tỳ-kheo đó mới đáng nói bài kệ này:

*Thường lấy ngày mồng tám,
Mười bốn, rằm mỗi tháng,
Vâng lời tu trai giới,
Người này đồng với Ta."*

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo kia nói bài kệ này mới gọi là khéo thọ, mới gọi là khéo nói, được Ta ấn khả. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia đã dứt sạch dâm dục, sân hận, si mê, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Ta bảo người kia đã lìa khỏi gốc khổ.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tất cả chỗ ở như nhà cửa của mọi người đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả. Tất cả mọi đường sá, mọi ngã tư, hàng thịt, chợ búa, cùng bãi tha ma đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả. Phạm các loài quỷ thần đều tùy thuộc vào chỗ nương náu mà có tên. Như nếu nương vào người thì gọi là người; nương vào thôn thì gọi là thôn; nương vào thành thì gọi là thành; nương vào nước thì gọi là nước; nương vào đất thì gọi là đất; nương vào núi thì gọi là núi, nương vào sông thì gọi là sông.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tất cả mọi loại cây cối dù là cực nhỏ như trục xe cũng đều có quỷ thần nương tựa, không có chỗ nào là không có. Tất cả mọi người nam, người nữ khi mới bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên ủng hộ; nếu khi nào họ chết thì quỷ thần giữ gìn họ, thu nhiếp tinh khí của họ, nên người này sẽ chết ngay.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Giả như có Phạm-chí ngoại đạo hỏi rằng: Chư Hiền! Nếu như tất cả nam nữ khi bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên giữ gìn, ủng hộ; khi người kia sắp chết, quỷ thần giữ gìn ủng hộ kia sẽ thu nhiếp tinh khí họ, thì người này chết. Nhưng tại sao người hiện nay lại có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu? Nếu có người hỏi câu này, thì các Thầy nên trả lời cho họ rằng: Người thế gian hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, những người như vậy, thì trong trăm hay ngàn mới có một thần theo bảo hộ thôi. Giống như đàn bò, đàn dê, trong trăm hay ngàn con cũng chỉ có một người chăn giữ; thì việc này cũng như vậy, vì hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, nên những người như vậy, trong trăm hay ngàn người mới có một thần bảo hộ thôi. Nếu có người nào tu hành pháp thiện, chánh kiến, chánh tín, chánh hạnh, đầy đủ mười nghiệp thiện, chỉ một người như vậy, thì cũng có trăm ngàn thần bảo hộ rồi. Giống như quốc vương, đại thần của quốc vương có trăm ngàn người hộ vệ một người; thì việc này cũng

như vậy, người tu hành pháp thiện, đầy đủ mười nghiệp thiện, như một người có trăm ngàn thần hộ vệ. Vì nhân duyên này cho nên, người thế gian có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu.

“Người cõi Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Câu-da-ni, đó là: một, đồng mãnh, nhớ dai, có khả năng tạo nghiệp hành; hai, đồng mãnh, nhớ dai, siêng tu phạm hạnh; ba, vì đồng mãnh, nhớ dai, nên Phật ra đời ở cõi này. Do có ba điều này nên hơn người Câu-da-ni. Người Câu-da-ni có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, nhiều bò; hai, nhiều dê; ba, nhiều châu ngọc. Do có ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

“Người Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Phất-vu-đãi, đó là: một, đồng mãnh, nhớ dai, có khả năng tạo ra nghiệp hành; hai, đồng mãnh, nhớ dai, thường tu phạm hạnh; ba, đồng mãnh, nhớ dai, Phật ra đời ở cõi này. Vì ba điều này nên hơn Phất-vu-đãi. Người Phất-vu-đãi có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, cõi này rất rộng; hai, cõi này rất lớn; ba, đất đai cõi này rất vi diệu. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

“Người Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Uất-đan-viết, đó là: một, mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo ra hành nghiệp; hai, mạnh mẽ, nhớ dai, thường tu hành phạm hạnh; ba, mạnh mẽ, nhớ dai, Phật ra đời ở cõi này. Đó là ba điều hơn người Uất-đan-viết. Người Uất-đan-viết có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, không bị ràng buộc lệ thuộc; hai, không có vật sở hữu của ngã; ba, tuổi thọ cố định là ngàn năm. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề. “Người Diêm-phù-đề cũng vì ba điều trên mà hơn đường ngạ quỷ. Đường ngạ quỷ có ba điều hơn Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, thân to lớn; ba, người khác làm mà mình chịu. Vì ba điều này nên hơn Diêm-phù-đề.

“Người Diêm-phù-đề cũng vì ba điều trên nên hơn loài rồng, Kim sí điểu. Loài rồng, Kim sí điểu lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, thân to lớn; ba, cung điện. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

“Người Diêm-phù-đề vì ba điều trên nên hơn A-tu-luân. A-tu-luân lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, cung điện cao, rộng; hai, cung điện trang nghiêm; ba, cung điện thanh tịnh. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

"Người Diêm-phù-đề vì ba điều trên mà hơn Tứ thiên vương. Tứ thiên vương lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, đoan chánh; ba, an vui nhiều; vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.

"Người Diêm-phù-đề cũng vì ba điều trên mà hơn Đạo-lợi thiên, Diêm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên. Các hàng chư Thiên này lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, đoan chánh; ba, an vui nhiều."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Chúng sanh cõi Dục có mười hai loại, đó là :

"1. Địa ngục.

"2. Súc sanh.

"3. Ngạ quỷ.

"4. Người.

"5. A-tu-luân.

"6. Tứ thiên vương.

"7. Đạo-lợi thiên.

"8. Diêm-ma thiên.

"9. Đâu-suất thiên.

"10. Hóa tự tại thiên.

"11. Tha hóa tự tại thiên.

"12. Ma thiên.

"Chúng sanh cõi Sắc có hai mươi hai loại, đó là :

"1. Phạm thân thiên.

"2. Phạm phụ thiên.

"3. Phạm chúng thiên.

"4. Đại Phạm thiên.

"5. Quang thiên.

"6. Thiếu quang thiên.

"7. Vô lượng quang thiên.

"8. Quang âm thiên.

"9. Tịnh thiên.

"10. Thiếu tịnh thiên.

"11. Vô lượng tịnh thiên.

"12. Biến tịnh thiên.

"13. Nghiêm sức thiên.

"14. Tiểu nghiêm sức thiên.

"15. Vô lượng nghiêm sức thiên.

"16. Nghiêm thắng quả thật thiên.

"17. Vô tướng thiên.

"18. Vô phiền thiên.

"19. Vô nhiệt thiên.

"20. Thiện kiến thiên.

"21. Đại Thiện kiến thiên.

"22. A-ca-nị-trá thiên.

"Chúng sanh cõi Vô sắc có bốn loại, đó là :

"1. Không trí thiên.

"2. Thức trí thiên.

"3. Vô sở hữu trí thiên.

"4. Hữu tướng vô tướng trí thiên."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Có bốn loại Đại Thiên thần, đó là:

"1. Địa thần.

"2. Thủy thần.

"3. Phong thần.

"4. Hỏa thần.

Xưa kia Địa thần nầy sinh ra nhận thức sai lầm rằng: Trong đất không có nước, lửa và gió. Lúc đó Ta biết rõ tâm niệm của thần đất này, liền đến bảo rằng: Người đang nầy sanh ra ý nghĩ: Trong đất không có nước, lửa và gió phải không? Địa thần đáp: Trong đất quả thực không có nước, lửa và gió. Lúc ấy Ta bảo rằng: Người chớ nầy sanh ý niệm này là trong đất không có nước, lửa

và gió. Vì sao? Vì trong đất có nước, lửa và gió, chỉ vì yếu tố đất nhiều nên lấy đất mà gọi tên.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lúc ấy Ta vì Địa thần mà lần lượt nói pháp, để dứt trừ nhận thức sai lầm này và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy Ta biết rõ tâm niệm Địa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, Ta chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Địa thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Địa thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với Ta rằng: Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, cho phép con được làm Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Xưa kia, Thủy thần này sanh ác kiến, nói rằng: Trong nước không có đất, lửa và gió. Lúc ấy Địa thần biết rõ tâm niệm Thủy thần sinh ra nhận thức này, nên đến nói với Thủy thần rằng: Thật sự người có sinh ra kiến giải này, là trong nước không có đất, lửa và gió phải không? Đáp rằng: Có thật như vậy. Địa thần nói: Người chớ sinh ra kiến giải này, là trong nước không có đất, lửa và gió. Vì sao? Vì trong nước có đất, lửa và gió, nhưng chỉ vì yếu tố nước nhiều quá, nên dùng yếu tố nước để gọi tên. Bấy giờ, Địa thần liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy Địa thần biết rõ tâm niệm Thủy thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Thủy thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví

như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Thủy thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với Địa thần rằng: Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Xưa kia Hỏa thần nầy sanh ra ác kiến, nói rằng: Trong lửa không có đất, nước và gió. Lúc ấy Địa thần và Thủy thần biết rõ tâm niệm Hỏa thần sinh ra nhận thức này, nên cùng nói với Hỏa thần rằng: Thật sự người có sinh ra kiến giải này phải không? Đáp rằng: Có thật như vậy. Hai thần nói: Người chớ sinh ra kiến giải này. Vì sao? Vì trong lửa có đất, nước và gió, nhưng chỉ vì yếu tố lửa nhiều quá, nên dùng yếu tố lửa để gọi tên. Bây giờ, hai vị thần Địa và Thủy liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy hai thần biết rõ tâm niệm Hỏa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, không còn nắm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bây giờ Hỏa thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Hỏa thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với hai thần rằng: Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Xưa kia Phong thần nầy sanh ra nhận thức sai lầm rằng: Trong gió không có đất, nước và lửa. Lúc ấy Địa thần, Thủy thần, Hỏa thần biết rõ tâm niệm Phong thần sinh ra nhận thức này, nên đến nói rằng: Thật sự người có sinh ra kiến giải này phải

không? Đáp rằng: Có thật như vậy. Ba vị thần nói: Người chớ sinh ra kiến giải này. Vì sao? Vì trong gió có đất, nước và lửa, nhưng chỉ vì yếu tố gió nhiều quá, nên dùng yếu tố gió để gọi tên. Bây giờ, ba vị thần liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy ba thần biết rõ tâm niệm của Phong thần đã thanh tịnh, nhu nhuyễn, không còn nắm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bây giờ Phong thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như tấm vải trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Phong thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với ba thần rằng: Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Mây có bốn thứ, đó là: một là màu trắng; hai là màu đen; ba là màu đỏ; bốn là màu hồng. Mây có màu trắng vì yếu tố đất đặc biệt nhiều; mây có màu đen vì yếu tố nước đặc biệt nhiều hơn; mây có màu đỏ vì yếu tố lửa đặc biệt nhiều hơn; mây có màu hồng vì yếu tố gió đặc biệt nhiều hơn. Mây cách mặt đất từ hai mươi dặm, ba mươi dặm, bốn mươi dặm. cho đến bốn ngàn dặm; ngoại trừ kiếp sơ, còn sau đó thì mây lên đến cõi Quang âm thiên. Chớp có bốn loại, đó là: Chớp ở phương Đông gọi là thân quang; chớp ở phương Nam gọi là nan hủy; chớp ở phương Tây gọi là lưu diễm; chớp ở phương Bắc gọi là định minh. Vì sao mây ở trong hư không có hiện tượng ánh chớp này? Có lúc thân quang cùng nan hủy chạm nhau, có khi thân quang cùng với lưu diễm chạm nhau, có khi thân quang cùng với định minh chạm nhau, có khi nan hủy cùng với lưu diễm chạm nhau, có khi nan hủy cùng với định minh chạm nhau, có khi lưu diễm cùng với định minh chạm nhau; vì những nhân duyên này nên mây giữa hư không sinh ra ánh chớp. Và vì sao mây ở giữa hư không lại sinh ra sấm chớp? Vì ở giữa hư không có khi địa đại cùng với thủy đại chạm nhau,

có khi địa đại cùng với hỏa đại chạm nhau, có khi địa đại cùng với phong đại chạm nhau, có khi thủy đại cùng với hỏa đại chạm nhau, có khi thủy đại cùng với phong đại chạm nhau; vì những nhân duyên này mà mây giữa hư không sinh ra sấm chớp.

“Có năm lý do mà các thầy tướng không thể tiên đoán và không thể biết được một cách chắc chắn về mưa nên dẫn đến việc sai lầm trong lúc đoán, đó là: một, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa; nhưng vì hỏa đại nhiều nên nó thiêu hủy mây đi, vì vậy mà không mưa. Đó là lý do thứ nhất khiến cho các thầy tướng đoán sai lầm. Hai, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì phong đại nổi lên, thổi mây bay tứ tán vào trong các núi, vì lý do này nên khiến cho các thầy tướng đoán sai lầm. Ba, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng bấy giờ Đại A-tu-luân đem phù vân đặt giữa biển cả, vì lý do này mà thầy tướng đoán sai lầm. Bốn, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì thần mây, thần mưa đang buông lung dâm loạn, nên rốt cùng không làm mưa, vì lý do này nên thầy tướng đoán sai lầm. Năm, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì mọi người trong thế gian hành động buông lung phi pháp, làm hạnh bất tịnh, tham lam, keo kiệt, ghen ghét, kiến giải điên đảo, nên khiến trời không mưa xuống, vì lý do này nên thầy tướng đoán sai. Đó là năm lý do làm cho các thầy tướng không thể biết để đoán mưa một cách chắc chắn được.”

09. PHẨM TAM TAI

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có bốn sự kiện trường cửu, không lường, không giới hạn, không thể dùng năm, tháng, ngày để mà tính kể được. Bốn sự kiện, đó là: Một, ở thế gian có những thứ tai nạn khởi lên từ từ; khi thế giới này tan hoại, trung gian là một khoảng thời gian trường cửu, không lường, không giới hạn, không thể dùng năm, tháng, ngày để mà tính kể được. Hai, sau khi thế giới này tan hoại rồi, thì trung gian là một khoảng trống vắng mênh mông, không có thế giới; thời gian này là một mù trường cửu, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Ba, khi trời đất mới bắt đầu khởi hướng nhắm đến sự hình thành tự, thì khoảng thời gian này là trường cửu, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Bốn, sau khi trời đất đã hoàn thành rồi, tồn tại lâu dài không hoại, không thể dùng số lượng năm, tháng,

ngày để mà tính được. Đó là bốn sự kiện trường cửu, không lường, không có giới hạn, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để tính toán được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ở thế gian có ba thứ tai kiếp ; đó là: Một, tai kiếp lửa. Hai, tai kiếp nước. Ba, tai kiếp gió. Có giới hạn phía trên của ba tai kiếp. Thế nào là ba? Đó là: một, Quang âm thiên ; hai, Biến tịnh thiên ; ba, Quả thật thiên. Khi tai kiếp lửa khởi lên, cháy lên cho đến Quang âm thiên, thì Quang âm thiên là giới hạn. Khi tai kiếp nước khởi lên, ngập cho đến Biến tịnh thiên, thì Biến tịnh thiên là giới hạn. Khi tai kiếp gió khởi lên, thổi cho đến Quả thật thiên, thì Quả thật thiên là giới hạn.

"Thế nào là tai kiếp lửa? Khi tai kiếp lửa bắt đầu sắp sửa khởi, thì con người thế gian này lúc đó đều thực hành chánh pháp, đều chánh kiến không điên đảo, đều tu thập thiện hành. Khi thực hành pháp này, có người đạt được Nhị thiên, liền có thể cất mình bay lên ở giữa hư không, trụ vào Thánh nhưn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo và lớn tiếng xưng lên rằng: Các Hiền giả! Sung sướng thay, đệ Nhị thiên không giác không quán! Sung sướng thay, đệ Nhị thiên! Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói đạo của đệ Nhị thiên không giác, không quán. Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của Nhị thiên không giác, không quán. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của Nhị thiên không giác, không quán, nên khi thân hoại mạng chung được sinh về Quang âm thiên.

"Lúc ấy, những chúng sanh có tội trong địa ngục, sau khi mạng chung lại được sinh vào cõi người và tu tập pháp của đệ Nhị thiên không giác, không quán, nên sau khi thân hoại mạng chung được sinh về Quang âm thiên. Những chúng sanh ở trong các loài Súc sanh, Ngạ quỷ, A-tu-la, Tứ thiên vương, Đạo-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thiên, sau khi thân hoại mạng chung sanh lại cõi nhân gian; sau đó tu tập Nhị thiên không giác, không quán, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về Quang âm thiên. Vì những nhân duyên này nên đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, cho đến Phạm thiên tất cả đều diệt. Ngay lúc bấy giờ,

trước tiên là địa ngục diệt, sau đó súc sanh diệt; súc sanh diệt rồi thì ngạ quỷ diệt; ngạ quỷ diệt rồi thì A-tu-la diệt; A-tu-la diệt rồi thì Tứ thiên vương diệt; Tứ thiên vương diệt rồi thì Đao-lợi thiên diệt; Đao-lợi thiên diệt rồi thì Diêm-ma thiên diệt; Diêm-ma thiên diệt rồi thì Đâu-suất thiên diệt; Đâu-suất thiên diệt rồi thì Hóa tự tại thiên diệt; Hóa tự tại thiên diệt rồi thì Tha hóa tự tại thiên diệt; Tha hóa tự tại thiên diệt rồi thì Phạm thiên diệt; Phạm thiên diệt rồi thì sau đó con người diệt, không còn sót gì lại sau này. Khi con người đã diệt, không còn gì nữa, thì thế gian này sẽ hủy hoại cho đến thành là tai nạn. Sau đó trời không mưa, trăm thứ lúa thóc, cỏ cây tự nhiên chết khô.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát, vượt qua thế gian.

“Sau đó, qua một thời gian rất lâu, có một trận bão lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, đặt làm quỹ đạo của mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có hai mặt trời xuất hiện. Sau khi hai mặt trời xuất hiện, thì những giòng sông, ngòi, kênh, rạch nhỏ có được trên thế gian này, đều khô kiệt.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau đó một thời gian rất lâu có một trận bão lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời, đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Sau khi ba mặt trời xuất hiện, thì những nơi có nước nhiều như: sông Hằng, sông Da-bà-na, sông Bà-la, sông A-di-la-bà-đê, sông A-ma-khiếp, sông Tân-đà, sông Cỗ-xá tất cả đều khô cạn, không còn một giọt.

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ, Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau đó một thời gian rất lâu có một trận bão lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời, đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có bốn mặt trời xuất hiện. Sau khi bốn mặt trời xuất hiện, thì những con suối, nguồn nước, hồ, vực, trong thế gian như ao lớn Thiện kiến, ao lớn A-nậu-đạt, ao Tứ-phương-đà-diên, ao Ưu-bát-la, ao Câu-vật-đâu, ao Phân-đà-ly, ao Ly; dọc ngang rộng năm mươi do-tuần, thảy đều khô cạn hết.

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau đó, một thời gian lâu dài, có một trận bão lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời, đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Sau khi năm mặt trời xuất hiện, thì nước trong biển lớn bị vơi dần từ một trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần.

“Vì vậy nên biết rằng: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Bấy giờ, nước biển lớn vơi dần hết chỉ còn có từ bảy trăm do-tuần, rồi sáu trăm do-tuần, rồi năm trăm do-tuần, rồi bốn trăm do-tuần v.v... cho đến chỉ tồn tại một trăm do-tuần. Vì vậy nên biết rằng: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Bấy giờ, nước biển lớn từ từ vơi dần chỉ còn từ bảy do-tuần, rồi sáu do-tuần, rồi năm do-tuần v.v... cho đến chỉ còn tồn tại một do-tuần.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau đó nước biển với dân chỉ còn từ bảy cây Đa-la, rồi sáu cây Đa-la, và. cho đến chỉ còn bằng một cây Đa-la.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy, nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau đó nước biển chuyển cạn dân từ bảy người, rồi sáu người, rồi năm người, rồi bốn người, rồi ba người, rồi hai người, rồi một người, cho đến chỉ còn từ thắt lưng, rồi đầu gối, rồi đến. mắt cá chân người.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng để cho con người chán nản và lo sợ, nên tìm đạo giải thoát độ thế gian.

“Sau đó, nước biển chỉ còn giống như sau cơn mưa xuân; cũng giống như nước trong dầu chân trâu, từ từ cạn hết, không đủ thấm ướt ngón tay người.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau đó, qua một thời gian lâu dài, có trận bão lớn bạo khởi, thổi cát đáy biển, độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, dạt lên hai bờ; mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di, an trí quý đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có sáu mặt trời xuất hiện. Sau khi sáu mặt trời xuất hiện, thì bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, núi lớn, Tu-di sơn vương.

đều bốc khói cháy xém, giống như thợ gốm khi bắt đầu đun đồ gốm, thì lúc sáu mặt trời xuất hiện lại cũng như vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau đó, qua một thời gian lâu dài, có trận bão lớn bạo khởi, thổi cát đáy biển, độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, dạt lên hai bờ; mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di, an trí quý đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có bảy mặt trời xuất hiện. Sau khi bảy mặt trời xuất hiện, thì bốn châu thiên hạ này, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, các núi lớn, Tu-di sơn vương. tất cả đều rực lửa. Cũng như thợ gốm khi đốt to, ngọn lửa bốc lên, lúc bảy mặt trời xuất hiện lại cũng như vậy."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian. Bốn châu thiên hạ này, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, các núi lớn, Tu-di sơn vương. tất cả đều rực lửa. Cùng lúc, cung điện Tứ thiên vương, cung điện Đao-lợi thiên, cung điện Diêm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, cung điện Phạm thiên cũng đều rực lửa."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

"Sau khi bốn châu thiên hạ này. cho đến Phạm thiên, thảy đều rực lửa, gió thổi ngọn lửa đến cõi Quang âm thiên. Các Thiên tử sơ sinh khi thấy ngọn lửa này đều sanh lòng sợ hãi, nói rằng: Ôi! Vật gì đây? Chư Thiên sinh trước nói với chư Thiên sinh sau rằng: Chớ sợ hãi! Lửa kia đã từng đến và dừng lại ngang đó. Vì nghĩ đến ánh lửa trước nên gọi là Quang niệm thiên.

“Khi bốn thiên hạ này, cho đến Phạm thiên, bốc lửa, thì Tu-di sơn vương dần dần sụp lở, từ một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần. cho đến bảy trăm do-tuần.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau khi bốn châu thiên hạ này. cho đến Phạm thiên đều bị lửa đốt sạch, sau đó đại địa cùng Tu-di sơn không còn chút tro tàn nào hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.”

“Sau khi đại địa bị lửa đốt cháy sạch rồi, thì nước ở bên dưới đất cũng hết; gió ở bên dưới nước cũng hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Khi tai kiếp lửa khởi lên, thì trời không mưa xuống, trăm thứ lúa, cỏ, cây tự nhiên bị khô chết. Ai sẽ tin? Chỉ có ai đã thấy thì sẽ tự biết mà thôi! Cũng vậy, cho đến, nước ở bên dưới đất hết, gió ở bên dưới nước cũng hết; ai sẽ tin? Chỉ có ai đã thấy thì sẽ tự biết mà thôi!

“Đó là tai kiếp lửa.

“Thế nào là sự phục hồi của kiếp lửa ? Sau đó rất lâu, rất lâu, có đám mây đen lớn ở giữa hư không, cho đến cõi Quang âm thiên; mưa đổ xuống khắp nơi, giọt mưa như bánh xe. Mưa như vậy trải qua vô số trăm ngàn năm, nước mưa lớn dần, cao đến vô số trăm ngàn do-tuần, cho đến cõi Quang âm thiên.

“Bấy giờ, có bốn trận gió lớn nổi lên, giữ nước này trụ lại. Những gì là bốn? Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất động, bốn là Kiên cố. Sau đó nước này với bốn trăm ngàn do-tuần, rồi vô số trăm ngàn vạn do-tuần. Bốn mặt của nước này khởi lên trận gió lớn tên gió là Tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám

bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Phạm-ca-di. Khi nước kia vơi mãi cho đến vô số trăm ngàn vạn do-tuần, thì bốn mặt của nước này lại nổi lên gió lớn, được gọi là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Tha hóa tự tại.

“Khi nước kia vơi bớt mãi cho đến vô số ngàn vạn do-tuần, thì bốn mặt nước này nổi lên gió lớn, có gió tên là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Hóa tự tại.

“Khi nước kia rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần, thì có gió tên là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Đâu-suất.

“Khi nước kia rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần, thì có gió tên là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Diệm-ma.

“Khi nước kia rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần, thì trên nước có bọt và sâu sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần, các biên của nó không có bờ mé. Cũng như dòng nước, suối, nguồn, hang, động ở thế gian này, trên nước của nó có bọt; thì kia cũng như vậy.

“Vì nhân duyên gì mà có núi Tu-di? Vì có cuồng phong nổi dậy, nên thổi bọt nước này tạo thành núi Tu-di, cao sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần, dọc ngang tám vạn bốn ngàn do-tuần và do bốn báu tạo thành: vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly.

“Vì nhân duyên gì mà có bốn cung điện A-tu-luân? Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, ở tại bốn mặt của núi Tu-di nổi lên cung điện lớn; mỗi cung điện dọc ngang tám vạn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu.

“Lại vì nhân duyên gì mà có cung điện của Tứ thiên vương? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên lưng chừng nửa núi Tu-di, độ bốn vạn hai ngàn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu. Vì vậy cho nên gọi là cung điện Tứ thiên vương.

“Vì nhân duyên gì có cung điện Đao-lợi thiên? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên tới đỉnh núi Tu-di, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu.

“Lại vì nhân duyên gì mà có núi Già-đà-la? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Tu-di không xa, tự nhiên hóa thành núi báu, chân núi ăn sâu vào trong đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, dọc ngang bốn vạn hai ngàn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp bên cạnh do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Già-đà-la.

“Lại vì nhân duyên gì mà có núi Y-sa? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Già-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi Y-sa, cao hai vạn một ngàn do-tuần, dọc ngang hai vạn một ngàn do-tuần, ngoài biên thì không hạn, nhiều màu sắc xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Y-sa. Sau khi cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Y-sa không xa, tự nhiên hóa thành núi Thọ-thần-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, dọc ngang một vạn hai ngàn do-tuần, ngoài biên thì không hạn, nhiều màu xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Thọ-thần-đà-la.

“Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Thọ thần-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi A-bát-ni-lâu, cao sáu ngàn do-tuần, dọc ngang sáu ngàn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, nhiều sắc xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi A-bát-ni-lâu.

“Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi A-bát-ni-lâu không xa, tự nhiên hóa thành núi Ni-lân-đà-la, cao ba ngàn do-tuần, dọc ngang ba ngàn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, nhiều sắc tạp xen, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Ni-lân-đà-la.

“Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Ni-lân-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi Tỳ-ni-đà , cao một ngàn hai trăm do-tuần, dọc ngang một ngàn hai trăm do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Tỳ-ni-đà.

“Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Tỳ-ni-đà không xa, tự nhiên hóa thành núi Kim cương luân, cao ba trăm do-tuần, dọc ngang ba trăm do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Kim cương luân.

“Vì sao có một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời? Một thời gian sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, thì tự nhiên biến thành một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì bị bão thổi ngược trở lại chỗ cũ nên vì nhân duyên này mà có cung điện mặt trời và cung điện mặt trăng.

“Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, thì tự nhiên biến thành bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ. Vì nhân duyên này nên có bốn châu thiên hạ cùng tám vạn thiên hạ.

“Sau đó, cuồng phong thổi bọt nước lớn, thì tại tứ thiên hạ cùng tám vạn thiên hạ, tự nhiên biến thành núi Đại Kim cương luân, cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, dọc ngang rộng mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, biên giới của nó thì không có hạn; kim cương rắn chắc không thể hủy hoại. Vì nhân duyên này nên có núi Đại Kim cương luân.

“Sau đó một thời gian rất lâu, rất lâu, có mây tự nhiên phủ đầy không trung và mưa lớn khắp nơi, những giọt nước mưa như bánh xe; nước này tràn đầy khắp nơi dìm bốn châu thiên hạ cùng núi Tu-di v. v.

“Sau đó, cuồng phong thổi đất làm thành hầm hồ lớn; nước khe suối đều chảy vào hết trong đó, nhân đây mà làm thành biển. Vì nhân duyên này nên có bốn biển nước lớn. Nước biển mặn đắng có ba nhân duyên. Những gì là ba? Một, mây tự nhiên giăng khắp hư không cho đến Quang âm thiên, mưa khắp mọi nơi, tẩy rửa cung trời, rửa sạch thiên hạ; từ cung trời Phạm-ca-di, cung trời Tha hóa tự tại xuống đến cung trời Diêm-ma, bốn thiên hạ, tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương, thảy đều được tẩy rửa sạch sẽ; trong những nơi này, tất cả các thứ nước

dịch bất tịnh, dơ dáy và mặn, đều trôi xuôi xuống mà vào trong biển cả hợp thành một vị, nên nước biển có vị mặn. Hai, vì xưa kia có vị Đại tiên trì cấm chú vào nước biển, muốn cho lúc nào nó cũng mặn đắng, người không uống được, cho nên chúng mặn đắng. Ba, vì trong nước biển lớn này có nhiều loại chúng sanh cư trú, thân hình chúng to dài đến, hoặc trăm do-tuần, hai trăm do-tuần. cho đến bảy trăm do-tuần, thở hít, ăn vào mưa ra, đại tiểu tiện đều ở trong đó, nên nước biển mặn.

“Đó là tai kiếp lửa .”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thế nào là tai kiếp nước?

“Khi tai kiếp nước bắt đầu, con người trong thế gian này đều phụng hành chánh pháp, đều chánh kiến, không theo tà kiến, mà tu tập mười thiện nghiệp. Sau khi tu tập thiện hành, có người đạt được đệ Tam thiên không có hỷ, thân họ có thể cất lên ở giữa hư không, an trụ Thánh như đạo, Thiên đạo, Phạm đạo và lớn tiếng xưng lên rằng: Các Hiền giả! Sung sướng thay, đệ Tam thiên không có hỷ! Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói đạo của Tam thiên không có hỷ. Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của Tam thiên không có hỷ. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của Tam thiên không có hỷ, nên khi thân hoại mạng chung họ được sinh về Biến tịnh thiên.

“Bấy giờ, những chúng sanh ở trong địa ngục, sau khi tội nghiệp của họ đã mãn, thân hoại mạng chung tái sinh vào nhân gian. Rồi cũng tu tập đạo của đệ Tam thiên; sau khi tu tập đạo thiên, thân hoại mạng chung, được sinh về Biến tịnh thiên. Những chúng sanh của các loài súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương, Đạo-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thiên, Quang âm thiên sau khi thân hoại mạng chung cũng tái sinh vào cõi nhân gian; nếu họ cũng tu tập đạo của đệ Tam thiên, khi thân hoại mạng chung họ cũng sẽ được sinh về Biến tịnh thiên. Vì nhân duyên này nên đạo địa ngục bị diệt tận và súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương. cho đến cõi Quang âm thiên cũng đều diệt tận. Vào lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục biến mất, sau đó súc sanh biến mất; súc sanh biến mất rồi, thì ngạ quỷ biến mất; ngạ quỷ

biển mất rồi, thì A-tu-luân biển mất; khi A-tu-luân biển mất rồi, thì Tứ thiên vương biển mất; khi Tứ thiên vương biển mất rồi, thì Đao-lợi thiên biển mất, khi Đao-lợi thiên biển mất rồi, thì Diệm-ma thiên biển mất; Diệm-ma thiên biển mất rồi, thì Đâu-suất thiên biển mất; khi Đâu-suất thiên biển mất rồi, thì Hóa tự tại thiên biển mất; khi Hóa tự tại thiên biển mất rồi, thì Tha hóa tự tại thiên biển mất; khi Tha hóa tự tại thiên biển mất rồi, thì Phạm thiên biển mất; khi Phạm thiên biển mất rồi, thì Quang âm thiên biển mất; khi Quang âm thiên biển mất, sau đó thì loài người hoàn toàn biển mất. Sau khi loài người hoàn toàn biển mất, thế gian này hủy diệt. Như thế là hoàn thành tai kiếp.

“Rất lâu sau đó, rất lâu, có đám mây đen lớn bạo khởi, trên cho đến Biển tịnh thiên, mưa khắp mọi nơi, mưa xuống hoàn toàn là nước nóng. Thứ nước này sôi sục, đun nấu thiên hạ, làm cho các cung điện cõi trời thảy đều bị tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như đặt chất béo váng sữa vào trong lửa, đều bị chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, thì cung điện Quang âm thiên cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

“Sau đó, mưa này lại xâm phạm đến cung điện cõi trời Phạm-ca-di, cũng đun chảy tiêu hết, không sót thứ gì, giống như chất béo váng sữa đem đặt vào trong lửa, không còn sót thứ gì, thì cung điện Phạm-ca-di lại cũng như vậy.

“Sau đó, nước mưa này lại xâm phạm đến các cung điện Tha hóa tự tại thiên, Hóa tự tại thiên, Đâu-suất thiên, Diệm-ma thiên, cũng bị đun chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như chất béo váng sữa đem đặt vào trong lửa, không còn sót thứ gì, thì các cung điện chư Thiên lại cũng như vậy.

“Sau đó, nước mưa này lại xâm phạm đến bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương cũng đều bị đun nấu tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như chất béo váng sữa đem đặt vào trong lửa, đều bị nung chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, thì những thứ này lại cũng như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

“Sau đó, nước này đã đun nấu đại địa không còn sót gì nữa rồi, thì nước bên dưới đất cũng hết, gió bên dưới nước cũng hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Sự nung chảy, tiến tận ngang đến cung điện Biến tịnh thiên này, ai là người có thể tin? Chỉ có ai thấy mới có thể biết mà thôi!

“Từ cung điện Phạm-ca-di bị nung chảy tiêu hết. cho đến, nước bên dưới đất cũng hết, gió bên dưới nước cũng hết, ai là người có thể tin? Chỉ có ai thấy, mới có thể biết mà thôi!

“Đó là tai họa do nước.

“Thế nào là sự hồi phục của tai kiếp nước? Sau đó một thời gian rất lâu, rất lâu, xuất hiện đám mây đen lớn bao phủ khắp hư không, lên đến cõi Biến tịnh thiên, mưa khắp nơi, những giọt nước mưa như bánh xe. Mưa kéo dài vô số trăm ngàn vạn năm như vậy, nước mưa này lớn dần dần cho đến cõi Biến tịnh thiên. Có bốn loại gió lớn giữ nước này lại một chỗ đó là: một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố.

“Sau đó, nước này với giảm vô số trăm ngàn do-tuần, bốn mặt gió lớn nổi dậy gọi là tăng-già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, rồi bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng biến thành cung điện Quang âm thiên, trang sức bằng bảy báu. Vì nhân duyên này mà có cung điện Quang âm thiên.

“Khi nước kia với giảm dần cho đến vô số trăm ngàn do-tuần, thì gió tăng già thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, rồi bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng biến thành cung điện Phạm-ca-di, trang sức bằng bảy báu. Như đã kể, cho đến, nước biến có cùng một vị mặn đắng, cũng như lúc tai họa do lửa phục hồi, đó là tai kiếp nước.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thế nào là tai kiếp gió ? Khi tai kiếp gió bắt đầu khởi, con người trong thế gian này đều phụng hành chánh pháp, đều chánh kiến, không theo tà kiến, mà tu tập mười thiện nghiệp. Khi tu tập hành vi thiện, thì có người đạt được đệ Tứ thiên với xả và niệm

thanh tịnh, họ ở giữa hư không, trụ vào Thánh như đạo, Thiên đạo, Phạm đạo và lớn tiếng xưng lên rằng: Các Hiền giả! Nên biết, sung sướng thay, đệ Tứ thiên với xả và niệm thanh tịnh! Sung sướng thay, đệ Tứ thiên với xả và niệm thanh tịnh! Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: Lành thay! Lành thay! Xin vì tôi mà nói về đạo của Tứ thiên với xả và niệm thanh tịnh! Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của Tứ thiên. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của Tứ thiên, nên khi thân hoại mạng chung được sinh về Quả thật thiên.

“Bấy giờ, những chúng sanh ở trong địa ngục, sau khi tội nghiệp đã mãn, thân hoại mạng chung, tái sinh vào nhân gian. Rồi cũng tu tập đạo của đệ Tứ thiên; sau khi tu tập đạo thiên, thân hoại mạng chung, tái sinh về Quả thật thiên. Còn những chúng sanh của các loài súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương, cho đến Biến tịnh thiên, sau khi thân hoại mạng chung cũng sẽ tái sinh vào cõi nhân gian; nếu cũng tu tập đạo của đệ Tứ thiên, khi thân hoại mạng chung cũng sẽ tái sinh về Quả thật thiên. Vì nhân duyên này nên đạo địa ngục được diệt tận và súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương, cho đến cõi Biến tịnh thiên cũng đều diệt tận.

“Vào lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục diệt tận, sau đó súc sanh diệt tận; súc sanh diệt tận rồi, thì ngạ quỷ diệt tận; khi ngạ quỷ diệt tận rồi, thì A-tu-luân diệt tận; khi A-tu-luân diệt tận rồi, thì Tứ thiên vương diệt tận; khi Tứ thiên vương diệt tận rồi, như vậy lần lượt cho đến Biến tịnh thiên diệt tận; khi Biến tịnh thiên diệt tận rồi, thì sau đó, con người bị diệt tận không còn sót. Khi con người đã bị diệt tận không còn sót, thì thế gian này bị tan hoại, thế là hoàn thành tai kiếp.

“Rất lâu, rất lâu sau đó, có gió lớn nổi lên, tên là đại tăng già, cho đến Quả thật thiên. Gió lan khắp mọi nơi, thổi cung điện Biến tịnh thiên, Quang âm thiên, khiến cho các cung điện va chạm nhau tan vỡ ra thành phần bụi, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ vụn không còn gì hết, thì hai cung điện va chạm nhau cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.

“Sau đó, gió này thổi cung điện Phạm-ca-di thiên, Tha hóa tự tại thiên, các cung điện va chạm nhau, tan vỡ ra thành phần bụi không còn gì hết, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ không còn gì hết, thì hai cung điện va chạm nhau cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt thế gian.

“Sau đó, gió này thổi cung điện Hóa tự tại thiên, Đâu-suất thiên, Diệm-ma thiên, các cung điện này va chạm nhau, tan vỡ ra thành phần bụi không còn lại gì hết, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ vụn không còn gì hết, thì những cung điện này va chạm nhau không còn gì hết cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

“Sau đó, gió này thổi bốn thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương đem đặt giữa hư không, cao trăm ngàn do-tuần, những ngọn núi này va chạm nhau, tan vỡ ra thành phần bụi, giống như lực sĩ tay cầm vỏ trấu nhẹ rải vào không trung, thì tứ châu thiên hạ, Tu-di, các núi này vỡ vụn, phân tán ra, cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

“Sau đó, gió thổi đại địa; nước bên dưới đất hết, gió bên dưới nước hết. Cho nên phải biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Khi hai cung điện Biến tịnh thiên và Quang âm thiên va chạm nhau, tan vỡ ra thành phần bụi, ai là người có thể tin? Chỉ có độc nhất người thấy mới có thể biết mà thôi. Như vậy cho đến nước bên dưới đất hết, gió bên dưới nước hết, ai là người sẽ tin? Chỉ có độc nhất người thấy mới có thể biết mà thôi.

“Đó là tai kiếp gió.

“Thế nào là sự hồi phục của tai kiếp?”

“Sau một thời gian rất lâu xuất hiện đám mây đen lớn bao phủ khắp hư không, lên đến cõi Quả thật thiên. Rồi mưa xuống khắp nơi; những giọt nước mưa như bánh xe, mưa kéo dài vô số trăm ngàn vạn năm, nước này lớn dần, cho đến Quả thật thiên. Lúc bấy giờ, có bốn loại gió lớn giữ nước này lại một chỗ. Những gì là bốn? Một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố. Sau đó, nước này dần dần rút xuống vô số trăm ngàn do-tuần; bốn phía mặt nước gió lớn nổi dậy, gọi là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng biến thành cung điện Biến tịnh thiên, được trang sức bằng bảy báu, xen lẫn các loại tạp sắc. Vì nhân duyên này mà có cung điện Biến tịnh thiên.

“Khi nước kia rút dần cho đến vô số trăm ngàn do-tuần, thì gió tăng già kia thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung và tự nhiên chúng biến thành cung điện Quang âm thiên, được trang sức bằng bảy báu, xen lẫn các loại tạp sắc. cho đến nước biển có cùng một vị mặn đắng, cũng như đã nói về tai kiếp lửa.

“Đó là tai kiếp gió. Đó là ba tai kiếp và là ba lần phục hồi.”

10. PHÂM CHIẾN ĐẤU

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vào thuở xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-luân chiến đấu. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân lệnh gọi chư Thiên Đao-lợi đến bảo rằng: Nay các người đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường Thiện pháp. Ta muốn nhìn thấy. Rồi, chư Thiên Đao-lợi sau khi vâng lệnh Đế Thích, mỗi người tự trang bị cho mình.

“Lúc bấy giờ, A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la ra lệnh các A-tu-luân rằng: Nay các người hãy đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt Thích Đề-hoàn Nhân, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường Thất diệt. Ta muốn nhìn thấy. Rồi, các A-tu-luân sau khi vâng lệnh của A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa, mỗi người tự trang bị cho mình.

“Bấy giờ, chư Thiên cùng chúng A-tu-luân chiến đấu với nhau. Chư Thiên đắc thắng và A-tu-luân bại trận. Chư Thiên Đao-lợi bắt vua A-tu-luân trói lại với năm chỗ trói, mang về chỗ Thiện pháp đường, cho Thiên Đế Thích nhìn thấy. Khi ấy vua A-tu-luân thấy sự khoái lạc ở trên Trời, sanh lòng quyến luyến vui thích, liền tự nghĩ: Nơi này thù thắng, khả dĩ ở được; trở lại cung điện A-tu-luân làm gì? Khi khởi lên ý nghĩ này, thì năm nơi đang bị trói trên thân lập tức được mở ra và năm thứ dục lạc ở trên Trời hiện ra trước mắt. Nhưng nếu A-tu-luân nghĩ đến việc trở lại cung điện trước kia, thì năm nơi trên thân liền bị trói chặt trở lại và năm thứ dục lạc tự biến mất. Khi ấy những nơi bị trói buộc trên thân của A-tu-luân trở nên bền chắc hơn. Sự trói buộc của Ma còn hơn thế nữa. Chấp ta và người, là sự trói buộc của Ma. Không chấp ta và người thì sự trói buộc của Ma được cởi mở. Chấp thủ ngã là bị trói, chấp thủ ái là bị trói, tự ngã sẽ tồn tại là bị trói, tự ngã sẽ không tồn tại là bị trói; tự ngã có sắc là bị trói, tự ngã không sắc là bị trói, tự ngã vừa có sắc vừa không có sắc là bị trói, tự ngã có tướng là bị trói, tự ngã không có tướng là bị trói, tự ngã vừa có tướng vừa không có tướng là bị trói; tự ngã là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền thánh biết rằng tự ngã là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn, nên xả bỏ ý tưởng về tự ngã mà tu vô ngã hành. Hãy quán sát tự ngã kia là một gánh nặng, là buồn lung, là hữu ; sẽ tồn tại tự ngã là hữu vi, sẽ không tồn tại tự ngã là hữu vi; tự ngã có sắc là hữu vi, tự ngã không có sắc là hữu vi, tự ngã vừa có sắc vừa không có sắc là hữu vi; tự ngã có tướng là hữu vi; tự ngã không có tướng là hữu vi; tự ngã vừa có tướng vừa không có tướng là hữu vi; hữu vi là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền thánh biết rằng hữu vi là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn, nên xả bỏ hữu vi mà thực hành vô vi hành.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vào thuở xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-luân chiến đấu. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân lệnh gọi chư Thiên Đao-lợi đến bảo rằng: Nay các người đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường thiện pháp. Ta muốn nhìn thấy. Rồi, chư Thiên Đao-lợi sau khi vâng lệnh Đế Thích, mỗi người tự trang bị cho mình.

“Lúc bấy giờ, A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la ra lệnh các A-tu-luân rằng: Nay các người hãy đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu

thắng, hãy bắt Thích Đề-hoàn Nhân, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường Thất diệp. Ta muốn nhìn thấy. Rồi, các A-tu-luân sau khi vâng lệnh của A-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la, mỗi người tự trang bị cho mình.

“Rồi thì, chư Thiên cùng chúng A-tu-luân chiến đấu với nhau. Chư Thiên đắc thắng và A-tu-luân bại trận. Chư Thiên Đao-lợi bắt vua A-tu-luân trói chặt với năm chỗ trói, mang về chỗ Thiện pháp đường, cho Thiên Đế Thích nhìn thấy. Lúc ấy, Thiên Đế Thích thông thả dạo trên Thiện pháp đường. Vua A-tu-luân từ xa trông thấy Đế Thích, tuy đang bị trói chặt với năm chỗ trói, mở miệng mắng chửi.

“Lúc đó, người hầu của Thiên đế, ở trước mặt Thiên đế liền nói kệ rằng:

*Việc gì Thiên đế sợ,
Tự lộ yếu kém mình.
Bị mắng thẳng vào mặt,
Sao lặng nghe lời ác?”*

“Bấy giờ, Thiên Đế Thích đáp lại người hầu bằng bài kệ rằng:

*Nó cũng không sức mạnh,
Ta cũng không sợ hãi.
Việc gì, người đại trí,
Hơn thua với kẻ ngu.*

“Lúc bấy giờ, người hầu lại làm bài tụng tâu Đế Thích rằng:

*Nay không bẻ đũa ngu,
E sau càng khó nhin.
Hãy đánh nó bằng gậy,
Khiến kẻ ngu hồi lỗi.*

“Bấy giờ, Thiên Đế Thích lại làm bài tụng trả lời người hầu rằng:

*Ta thường bảo, người trí
Không tranh cùng kẻ ngu;
Nếu ngu mắng, trí im,
Thì thắng kẻ ngu này.*

"Khi ấy, người hầu lại làm bài tụng tâu Đế Thích rằng:

***Thiên vương sở dĩ im,
Vì e giảm đức trí;
Nhưng kẻ ngu độn kia,
Cho vua lòng sợ hãi.
Kẻ ngu không tự lượng,
Cho có thể địch vua;
Liều chết đến xúc phạm,
Muốn vua lui như trâu.***

"Bấy giờ, Thiên Đế Thích lại làm bài tụng trả lời người hầu rằng:

***Người ngu không tri kiến,
Bảo ta lòng sợ hãi.
Ta quán đệ nhất nghĩa:
Nhẫn nhục là tối thượng.
Điều xấu trong các xấu:
Trong sân lại nổi sân;
Ở trong sân không sân,
Là chiến đấu tối thượng.
Con người có hai duyên,
Vì mình cũng vì người;
Mọi người có tranh tụng,
Ai không tranh là thắng.
Con người có hai duyên,
Vì mình cũng vì người;
Thấy người không tranh tụng,
Lại cho là ngu đần.
Nếu người có sức lớn,
Nhịn được người không sức;
Sức này là đệ nhất,***

***Là tối thượng trong nhẫn.
Ngu tự cho mình mạnh,
Sức này chẳng là sức;
Người mạnh nhẫn như pháp,
Sức này không ngăn được.***

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lúc bấy giờ, Thiên Đế Thích há là người nào khác sao? Không nên có ý nghĩ như vậy. Lúc ấy, Thiên Đế Thích chính là bản thân Ta vậy. Vào lúc bấy giờ, Ta tu tập nhẫn nhục, không hành động nóng vội, thường thường khen ngợi người hay nhẫn nhục. Nếu có người trí nào muốn hoằng dương đạo của Ta, thì phải tu tập nhẫn nhục im lặng, chớ ôm lòng phần hận đấu tranh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thuở xa xưa, chư Thiên Đao-lợi cùng A-tu-luân đánh nhau. Bấy giờ Thích Đề-toàn Nhân nói với A-tu-luân Chấ-đa rằng: Tại sao các khanh lại ôm lòng sân hận, tranh bị binh khí, đánh nhau để làm gì? Nay sẽ cùng người giảng luận đạo lý, để biết rõ thắng thua. Lúc ấy, Chấ-đa A-tu-luân kia nói với Đế Thích rằng: Giả sử, nếu vứt bỏ binh khí, chỉ bàn luận tranh tụng về nghĩa lý thôi, vậy thì ai biết thắng bại? Đế Thích dạy rằng: Chỉ cần bàn luận thôi, hiện tại trong chúng của người và trong chúng chư Thiên của Ta, tự có người có trí tuệ biết rằng ai thắng, ai bại. Lúc ấy, A-tu-luân nói với Đế Thích rằng: Nhà người nói kệ trước đi. Đế Thích trả lời: Nhà người là Cự thiên, nhà người nên nói trước đi. Bấy giờ, Chấ-đa A-tu-luân liền vì Đế Thích mà làm kệ:

***Nay không bẻ dũa ngu,
E sau càng khó nhin.
Hãy đánh nó bằng gậy,
Khiến kẻ ngu hồi lỗi.***

“Sau khi A-tu-luân nói bài kệ này xong, thì chúng A-tu-luân phần khởi vui mừng, cao tiếng khen hay. Chỉ có chúng chư Thiên là im lặng không nói. Rồi vua của A-tu-luân nói với Đế Thích rằng: Đến lượt người nói kệ. Bấy giờ, Đế Thích liền nói kệ cho A-tu-luân nghe:

Ta thường bảo, người trí

***Không tranh cùng kẻ ngu;
Nếu ngu mắng, trí im,
Thì thắng kẻ ngu này.***

“Sau khi Thiên Đế Thích nói bài kệ này xong, thì chư Thiên Đao-lợi đều rất đổi vui mừng, cất tiếng khen hay. Lúc này chúng A-tu-luân im lặng không nói. Bấy giờ, Thiên Đế Thích nói với A-tu-luân rằng: Đến lượt nhà ngươi nói kệ.

Lúc này, A-tu-luân lại nói kệ:

***Thiên vương sở dĩ im,
Vì e giảm đức trí;
Nhưng kẻ ngu độn kia,
Cho vua lòng sợ hãi.
Kẻ ngu không tự lượng,
Cho có thể địch vua;
Liều chết đến xúc phạm,
Muốn vua lui như trâu.***

“Sau khi A-tu-luân nói bài kệ này xong, thì chúng A-tu-luân nháy nhót vui mừng, lớn tiếng khen hay. Lúc này chúng Đao-lợi thiên im lặng không nói. Bấy giờ, A-tu-luân vương nói với Đế Thích rằng: Đến lượt nhà ngươi nói kệ.

Thiên Đế Thích bèn nói kệ cho A-tu-luân nghe rằng:

***Người ngu không tri kiến,
Bảo Ta lòng sợ hãi.
Ta quán đệ nhất nghĩa:
Nhẫn nhục là tối thượng.
Điều xấu trong các xấu:
Trong sân lại nổi sân;
Ở trong sân không sân,
Là chiến đấu tối thượng.
Con người có hai duyên,
Vì mình cũng vì người;***

*Mọi người có tranh tụng,
Ai không tranh là thắng.
Con người có hai duyên,
Vì mình cũng vì người;
Thấy người không tranh tụng,
Lại cho là ngu đần.
Nếu người có sức lớn,
Nhịn được người không sức;
Sức này là đệ nhất,
Là tối thượng trong nhân.
Ngu tự cho mình mạnh,
Sức này chẳng là sức;
Người mạnh nhân như pháp,
Sức này không ngăn được.*

“Sau khi Thích Đề-hoàn Nhân nói bài kệ này xong, thì chúng Dao-lợi thiên nháy nhót vui mừng, cất tiếng khen hay; chúng A-tu-luân thì im lặng không nói. Lúc này, chúng Trời và chúng A-tu-luân, tạm thời tự rút lui, cùng bảo nhau rằng: Những bài kệ tụng của A-tu-luân nói ra có điều xúc phạm, dấy lên sự đáp trả bằng đao kiếm, làm nảy sinh ra gốc rễ của đấu tranh và kiện tụng, nuôi lớn các oán kết, dựng lập gốc cây tam hữu. Còn những bài kệ tụng của Thiên Đế Thích nói ra không gây xúc nhiễu, không đưa đến đao kiếm, không sinh ra tranh đấu kiện tụng, không nuôi lớn oán kết, tuyệt gốc tam hữu. Những lời nói của Thiên Đế Thích là tốt lành; chư Thiên đã thắng, A-tu-luân đã bại.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lúc bấy giờ, Thiên Đế Thích là người nào khác sao? Chớ có quan niệm này! Vì sao? Vì đó chính là bản thân Ta. Vào lúc bấy giờ, Ta dùng những lời nhu hòa mà thắng chúng A-tu-luân.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thuở xa xưa, khi chư Thiên lại đánh nhau với A-tu-luân lần nữa. Bấy giờ A-tu-luân thắng, chư Thiên bại. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân sợ hãi cưỡi xe báu ngàn cãm bỏ chạy; giữa đường

thấy trên cây Thiểm-bà-la có một tổ chim, trong tổ có hai con chim con, liền dừng kệ tụng bảo người điều khiển xe rằng:

*Cây này có hai chim,
Người nên lui xe tránh,
Chẳng thà giặc hại ta,
Chớ thương tổn hại chim.*

“Sau khi người điều khiển xe nghe Đế Thích nói kệ, liền dừng xe và quay xe tránh chim trên cây. Khi ấy, đầu xe quay về phía A-tu-luân. Chúng A-tu-luân từ xa nhìn thấy xe báu quay đầu lại, quân của chúng bảo nhau: Giờ Thiên Đế Thích cưỡi xe báu ngàn cầm quay đầu nhắm về phía chúng ta, có lẽ muốn giao đấu trở lại. Chúng ta không thể đương cự được! Chúng A-tu-luân liền thôi lui và tan rã, nhân đây mà chư Thiên chiến thắng và A-tu-luân bại tẩu.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lúc bấy giờ, Đế Thích há là người nào khác sao? Chớ có quan niệm như vậy! Vì sao? Vì chính đó là bản thân Ta. Vào lúc bấy giờ, Ta đối với chúng sanh phát khởi lòng thương xót. Nay các Tỳ-kheo, các Thầy ở trong pháp của Ta xuất gia tu đạo, thì nên phát khởi lòng từ bi, thương xót chúng sanh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thuở xa xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-luân đánh nhau. Bấy giờ chư Thiên đắc thắng và A-tu-luân bại trận. Sau khi chiến thắng, Thiên Đế Thích trở về cung, xây dựng một ngôi nhà đặt tên là Tội thắng, Đông Tây dài một trăm do-tuần, Nam Bắc rộng sáu mươi do-tuần. Ngôi nhà này gồm trăm gian, trong mỗi gian có bảy đài giao lộ. Trên mỗi đài có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ có bảy người để sai. Thích Đề-hoàn Nhân cũng không lo cung cấp các thứ trang điểm, áo chần, đồ ăn thức uống; mà tất cả tùy theo hành vi đã tạo từ trước, mỗi người tự thọ lãnh phước báo ấy. Do chiến thắng A-tu-luân, nên nhân đây lòng sinh vui mừng mà xây dựng ngôi nhà này, cho nên gọi là Tội thắng đường. Lại nữa, những ngôi nhà có được trong ngàn thế giới xem ra không có ngôi nhà nào bằng ngôi nhà này, cho nên gọi là Tội thắng.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thuở xa xưa, A-tu-luân tự nghĩ rằng: Ta có oai đức lớn, thần lực không phải ít, nhưng Đao-lợi thiên, mặt trời, mặt trăng, chư Thiên thường ở nơi hư không, du hành tự tại trên đỉnh đầu ta. Nay ta hãy lấy mặt trời, mặt trăng này làm ngọc đeo tai, thử chúng có còn du hành tự tại được không?

“Rồi, vua A-tu-luân nổi lòng sân hận cực độ, liền nghĩ đến A-tu-luân Chùy Đỏa ; A-tu-luân Chùy Đỏa lại nghĩ rằng: Hiện nay, vua A-tu-luân đã nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị. Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A-tu-luân, đứng một bên.

“Bấy giờ, vua lại nghĩ đến A-tu-luân Xá-ma-lê. A-tu-luân Xá-ma-lê lại tự nghĩ rằng: Hiện nay, vua đã nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị. Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước chỗ vua A-tu-luân, đứng một bên.

“Bấy giờ, vua lại nghĩ đến Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân. Tỳ-ma-chất-đa A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị. Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước chỗ vua A-tu-luân, đứng một bên.

“Bấy giờ, vua lại nghĩ đến Đại thần A-tu-luân; Đại thần A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta. Chúng ta nên nhanh chóng trang bị. Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A-tu-luân, đứng một bên.

“Bấy giờ, vua lại nghĩ đến các Tiểu A-tu-luân. Các Tiểu A-tu-luân lại tự nghĩ rằng: Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta. Chúng ta nên nhanh chóng trang bị. Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cưỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-luân theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A-tu-luân, đứng một bên.

“Bấy giờ, vua A-tu-luân là La-ha liền tự mình trang bị, mình mặc áo giáp đồng báu, đóng ngựa vào các cỗ xe báu, cùng với vô số trăm ngàn chúng A-tu-luân và binh khí trang bị, vây quanh trước sau, ra khỏi chỗ ở của chúng, muốn đến đánh nhau cùng chư Thiên.

“Bấy giờ, Nan-đà Long vương và Bạt-nan-đà Long vương dùng thân mình quấn quanh núi Tu-di bảy vòng làm chấn động cả sơn cốc, trải một lớp mỏng mây mờ, lơ thơ từng giọt mưa rơi và dùng đuôi đập vào nước biển làm cho nước biển dậy sóng, dâng đến đỉnh núi Tu-di. Lúc bấy giờ, Đao-lợi thiên liên tự nghĩ: Nay, mây mờ giăng mỏng, lơ thơ từng giọt mưa rơi, nước biển dậy sóng, lên đến tận nơi này, chắc thể nào A-tu-luân cũng muốn đến đây gây chiến, nên có những điềm lạ này chẳng!

“Lúc này, nhiều vô số ức vạn binh chúng các loài rồng trong biển, đều cầm giáo mác, cung tên, đao kiếm, áo giáp đồng dày và trang bị binh khí tề chỉnh, đối đầu cùng quân binh A-tu-luân chiến đấu. Khi binh chúng các loài rồng mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu các loài rồng mà bị bại, thì các loài rồng không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến chỗ quỷ thần Già-lâu-la báo cáo rằng: Chúng A-tu-luân muốn đánh nhau với chư Thiên. Chúng tôi đã đón đánh, nhưng hiện chúng đang đắc thắng. Các người nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để chiến đấu cùng với chúng. Sau khi các quỷ thần nghe xong, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, cùng các loài rồng hợp tác chiến đấu chống lại A-tu-luân. Nếu mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại, thì không trở lại cung điện, mà sẽ chạy lui đến chỗ quỷ thần Trì Hoa báo cáo rằng: Chúng A-tu-luân muốn chiến đấu cùng chư Thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các người nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.

“Sau khi các quỷ thần Trì Hoa nghe các loài rồng nói rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức mạnh, cùng chiến đấu lại A-tu-luân. Nếu mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại, thì không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến chỗ quỷ thần Thường Lạc báo cáo rằng: Chúng A-tu-luân muốn đánh nhau cùng chư Thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các người nên chuẩn bị các thứ binh khí, cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.

“Sau khi các quỷ thần Thường Lạc nghe nói rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức mạnh, cùng chiến đấu lại A-tu-luân. Nếu mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại,

thì không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến Tứ thiên vương báo cáo rằng: Chúng A-tu-luân muốn chiến đấu cùng chư Thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các ngài nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.

“Sau khi Tứ thiên vương nghe những lời này rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức mạnh, cùng chiến đấu lại A-tu-luân. Nếu mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-luân vào trong cung điện của chúng. Nếu không thì Tứ thiên vương sẽ đến giảng đường Thiện pháp, tâu Thiên Đế Thích và chư Thiên Đao-lợi rằng: Chúng A-tu-luân muốn chiến đấu cùng chư Thiên. Nay chư Thiên Đao-lợi hãy tự trang bị, chuẩn bị binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đi đánh nhau với chúng.

“Bấy giờ, Thiên Đế Thích ra lệnh cho người hầu rằng: Người đem lời nói của ta đến báo lại cho Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên rằng: A-tu-luân cùng vô số chúng muốn đến chiến đấu. Nay chư Thiên nên tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí để hỗ trợ ta chiến đấu.

“Bấy giờ, người hầu này vâng lệnh của Đế Thích, liền đến Diệm-ma thiên. cho đến Tha hóa tự tại thiên, đem những lời của Đế Thích mà báo cáo rằng: A-tu-luân cùng vô số chúng muốn đến chiến đấu. Nay chư Thiên nên tự trang bị, chuẩn bị binh khí để hỗ trợ ta chiến đấu.

“Sau khi Diệm-ma thiên nghe những lời này rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số trăm ngàn Thiên chúng trước sau vây quanh, đóng binh tại phía Đông của núi Tu-di. Sau khi thiên tử Đâu-suất nghe những lời này rồi, cũng liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số trăm ngàn Thiên chúng, đóng binh tại phía Nam của núi Tu-di. Sau khi thiên tử Hóa tự tại thiên nghe những lời này rồi, cũng trang bị binh chúng, đóng binh tại phía tây của núi Tu-di. Sau khi thiên tử Tha hóa tự tại thiên nghe những lời này rồi, cũng trang bị binh chúng, đóng binh tại phía Bắc của núi Tu-di.

“Khi Thiên Đế Thích nghĩ đến ba mươi ba vị Thiên thần của Đao-lợi thiên, thì ba mươi ba vị Thiên thần của Đao-lợi thiên tự nghĩ rằng: Hiện tại Thiên Đế Thích đang nghĩ đến ta. Vậy chúng

ta nên nhanh chóng trang bị. Liên ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, cưỡi cỗ xe báu, cùng vô số chúng chư Thiên trước sau vây quanh, đến trước Thiên Đế Thích, đứng một bên.

“Khi Thiên Đế Thích nghĩ đến các Thiên thần khác của Đạo-lợi, thì các Thiên thần khác của Đạo-lợi liền tự nghĩ rằng: Hiện tại Đế Thích đang nghĩ đến ta. Vậy chúng ta nên nhanh chóng trang bị. Liên ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số chúng chư Thiên trước sau vây quanh, đến trước Đế Thích, đứng một bên.

“Khi Thiên Đế Thích nghĩ đến quỷ thần Diệu Tượng, thì quỷ thần Diệu Tượng liền tự nghĩ rằng: Hiện tại Đế Thích đã nghĩ đến ta. Vậy chúng ta nên nhanh chóng trang bị. Liên ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số Thiên chúng trước sau vây quanh, đến đứng trước Đế Thích.

“Khi Đế Thích nghĩ đến Long vương Thiện Trụ, thì Long vương Thiện Trụ tự nghĩ rằng: Nay Thiên Đế Thích nghĩ đến ta, nay ta nên đến. Long vương Thiện Trụ liền đi đến đứng trước Đế Thích.

“Lúc này, Đế Thích liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, mình mặc áo giáp đồng báu, cưỡi trên đỉnh đầu Long vương Thiện Trụ, cùng vô số chư Thiên, quỷ thần trước sau vây quanh, tự ra khỏi thiên cung, đánh nhau với A- tu- luân. Đồ vật trang bị như các thứ binh khí, đao kiếm, giáo, mác, cung tên, rìu, đục, búa lớn, búa nhỏ, bánh xe quay, dây tơ cột, binh khí, áo giáp đồng, tất cả đều dùng bảy báu để tạo thành. Lại dùng mũi nhọn đâm thêm vào người A- tu- luân, nhưng thân ông ta vẫn không bị thương tổn, chỉ chạm vào bên ngoài khi đâm mà thôi. Chúng A-tu-luân tay cũng cầm đao kiếm bảy báu, giáo mác, cung tên, rìu đục, búa lớn, búa nhỏ, bánh xe quay, dây cột bằng tơ và dùng mũi nhọn đâm thêm vào thân chư Thiên, nhưng cũng chỉ chạm đến bên ngoài mà thôi, không gây bất cứ thương tổn nào.

“Như vậy, dục khiến chư Thiên cùng A-tu-luân đánh nhau; do bởi nhân là dục như vậy.”

11. PHẨM BA TRUNG KIẾP

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có ba trung kiếp. Những gì là ba? Một là kiếp đao binh. Hai là kiếp đói kém. Ba là kiếp tật dịch.

“Thế nào là kiếp đao binh?

“Người thế gian này vốn thọ bốn vạn tuổi. Sau đó giảm xuống, thọ hai vạn tuổi. Sau đó lại giảm nữa, thọ một vạn tuổi. Lần lượt giảm, thọ một ngàn năm, năm trăm năm, ba trăm năm, hai trăm năm. Như nay con người thọ một trăm tuổi, với số ít vượt quá, mà phần nhiều là dưới. Sau đó, tuổi thọ con người giảm dần xuống còn mười tuổi. Khi đó, người nữ sinh ra chừng năm tháng là đi lấy chồng. Bây giờ, các loại mỹ vị có được trong thế gian như bơ sữa, mật, đường thẻ, đường đen, những gì có vị ngon, tự nhiên biến mất; ngũ cốc không sinh sản, chỉ còn có loại lúa hoang mà thôi. Lúc này, các loại y phục cao cấp như gấm vóc, lụa là, kiếp-bồi, sô-ma, tất cả đều không còn nữa, mà chỉ còn có loại vải dệt thô sơ bằng cỏ. Bây giờ, mặt đất này hoàn toàn chỉ sinh gai góc, muỗi mòng, ong, bọ cạp, rắn, rết, trùng độc; còn vàng bạc, lưu ly, bả ngọc, châu ngọc, tự nhiên chúng bị vùi vào đất hết và chỉ có đá, cát, các thứ xấu xí là đầy đây. Lúc này chúng sanh chỉ làm mười điều ác càng ngày càng tăng, không còn nghe đến danh từ mười điều thiện, cho đến không có cả danh từ thiện, huống chi là có người làm việc thiện? Bây giờ, trong loài người ai không có hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, hay làm việc ác thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ. Cũng như người nay ai hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, thường làm việc lành, thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ, thì người làm việc ác kia lại cũng được cúng dường như vậy. Bây giờ, con người thân hoại mạng chung bị đọa vào trong súc sanh, cũng như con người hiện tại được sinh lên cõi trời. Lúc đó con người gặp nhau thường ôm lòng độc hại, chỉ muốn giết nhau; cũng giống như thợ săn gặp được đàn nai, chỉ muốn giết chúng, không có bất cứ một ý nghĩ thiện nào; con người lúc đó cũng như vậy, chỉ muốn giết nhau, không có một chút ý nghĩ thiện nào. Bây giờ, mặt đất này chỉ là sông ngòi, khe suối, núi đồi, đất đông, không có chỗ đất nào bằng phẳng cả. Khi có người đi đến, tức thì kinh sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng.

“Bây giờ, trong vòng bảy ngày có sự nổi lên của kiếp đao kiếm. Lúc ấy, những thứ cỏ, cây, ngói, đá mà con người cầm trong tay đều biến thành đao kiếm; những thứ đao kiếm này rất bén nhọn, đụng đến vật gì thì vật đó đều sẽ bị cắt đứt. Chúng sát hại lẫn nhau. Trong lúc này có người có trí tuệ thấy đao binh sát hại nhau nên hoảng sợ tránh vào núi rừng, hang động, khe suối, những chỗ không người. Trốn tránh trong vòng bảy ngày, tâm nghĩ

miệng tự nói: Ta không hại người, người chớ hại ta. Trong vòng bảy ngày người này chỉ ăn rễ cây cỏ để tự nuôi sống mình. Qua bảy ngày, sau đó mới lại ra khỏi rừng núi. Lúc này, gặp được một người, vui mừng nói rằng: Nay gặp được người còn sống! Nay gặp được người còn sống! Cũng giống như cha mẹ vì gặp lại một người con bị thất lạc lâu ngày không thấy nhau, nên vui mừng nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế chính mình được, thì sự kiện người này cũng như vậy, vì sự vui mừng nên nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế được cảm xúc vui nơi chính mình. Khi ấy thì người dân trong vòng bảy ngày chỉ có khóc lóc mà thôi; cũng trong vòng bảy ngày này họ lại cùng gặp vui nên vui vẻ chúc mừng nhau. Người lúc bấy giờ khi thân hoại mạng chung đều đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì con người ấy luôn luôn ôm lòng sân hận và phần nộ, họ chỉ có một tâm hại nhau mà thôi, vì không có tâm nhân từ nên gọi là kiếp đao binh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thế nào gọi là kiếp đói kém? Con người bấy giờ phần nhiều làm những việc phi pháp, tà kiến điên đảo, làm mười nghiệp ác. Vì làm mười nghiệp ác nên trời không mưa xuống, làm cho trăm thứ cỏ cây chết khô, ngũ cốc không thành, mà chỉ có gốc rạ mà thôi.

“Thế nào gọi là đói kém? Vì lúc bấy giờ, người dân phải thu quét những hạt thóc còn rơi rớt lại các nơi như ruộng vườn, đường sá, đầu ngõ và trong phân đất để tự sống còn, nên mới gọi là đói kém.

“Lại nữa, lúc đói kém, người bấy giờ lượm nhặt xương cốt từ những nơi như lò sát sanh, chợ búa, các đường sá và các bãi tha ma, rồi nấu nước trấp mà uống, nhờ vậy mà họ sống, nên gọi là đói xương trắng.

Lại nữa, vào kiếp đói kém, ngũ cốc được gieo trồng đều biến thành cỏ cây. Con người lúc này lấy bông nấu nước trấp để uống. Lại nữa, vào thời đói kém, bông của các loài cây cỏ rụng phủ kín cả mặt đất, lúc ấy mọi người phải đào đất lấy bông để nấu ăn, nhờ vậy mà tự tồn tại, nên gọi là đói cây cỏ. Bấy giờ, chúng sanh thân hoại mạng chung đọa vào trong ngạ quỷ. Sao vậy? Vì những người sống trong kiếp đói kém này, thường ôm lòng tham lam keo bẩn, không có lòng bố thí nhân ái, không chịu chia sẻ cùng người và không nhớ nghĩ đến những tai ách của người khác.

“Đây là kiếp đói kém.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thế nào là kiếp tật dịch? Người đời bây giờ, tu hành chánh pháp, chánh kiến không điên đảo, đầy đủ thập thiện hành. Có quỷ thần thể giới phương khác đến, mà quỷ thần ở đây thì buông lung dâm loạn, không thể hộ vệ con người được. Quỷ thần thể giới khác xâm lấn, nhiễu loạn con người thế gian này, họ dùng tay đánh đập, dùng gậy quật ngã, rồi hút lấy tinh khí, khiến cho tâm người loạn lên, rồi cưỡng bức mang đi. Giống như quốc vương ra lệnh cho các tướng soái những thứ phải bảo vệ, nhưng giặc cướp ở phương khác đến xâm phạm quấy nhiễu, mà các tướng soái ở đây lại buông lung, nên nước nhà bị chúng cướp mất. Ở đây cũng vậy, những quỷ thần ở thế giới khác đến bắt giữ mọi người ở thế gian này, chúng đánh đập, quật ngã, rồi hút lấy tinh khí mọi người và cưỡng bức mang đi.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Giả sử quỷ thần ở thế gian này dù không buông lung dâm loạn, nhưng khi quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến, thì quỷ thần ở thế gian này cũng phải sợ hãi mà đi trốn. Các đại quỷ thần kia bèn xâm lấn, quấy nhiễu người ở đây, đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí, giết chết rồi bỏ đi. Giống như quốc vương, hay đại thần của quốc vương sai khiến các tướng soái bảo vệ nơ dân; tuy tất cả các tướng lãnh này đều trong sạch thận trọng, không buông lung, nhưng khi các tướng soái mạnh bạo, có binh lính đông đảo kia lại đến khuấy phá thành ấp, làng xóm, mà cướp đoạt người vật. Thì ở đây lại cũng như vậy, nếu quỷ thần ở thế gian này dù không dám buông lung đi nữa, nhưng khi các quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến, thì các quỷ thần thế gian này cũng sẽ sợ hãi tránh đi và những hàng quỷ thần lớn mạnh kia sẽ xâm đoạt, nhiễu hại người thế gian này; đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí và giết hại mọi người rồi bỏ đi.

“Khi ấy, người dân trong kiếp tật dịch, sau khi thân hoại mạng chung đều sinh lên cõi trời. Vì sao? Vì con người lúc ấy đều hướng tâm từ bi đến nhau, thăm hỏi nhau: “Bệnh tật của bạn có giảm không? Thân thể có được an ổn không? Vì những nhân duyên này, nên họ được sinh lên cõi trời. Cho nên gọi là kiếp tật dịch.

“Đó là ba trung kiếp.”

12. PHẨM THỂ BẢN DUYÊN

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Sau khi qua khỏi hỏa tai, khi trời đất của thế gian này sắp sửa thành tựu trở lại, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, mạng chung ở cõi trời Quang âm thiên, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không, rồi sinh tâm đắm nhiễm chỗ đó, yêu thích chỗ đó, nên nguyện cho chúng sanh khác cũng sinh vào nơi này. Sau khi phát sanh ý nghĩ này rồi, thì những chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi trời Quang âm thiên, sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không. Bấy giờ, vị Phạm thiên sinh ra trước liền tự nghĩ rằng: Ta là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, không có ai sáng tạo ra ta, ta tự nhiên mà có, không bám thọ cái gì từ ai hết; ở trong một ngàn thế giới ta hoàn toàn tự tại, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng tạo hóa vạn vật; ta là cha mẹ của tất cả chúng sanh.

“Các Phạm thiên sanh sau lại tự nghĩ rằng: Vị Phạm thiên sanh trước kia là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương. Vị ấy tự nhiên mà có, không do ai có sáng tạo; là đấng Tối tôn ở trong một ngàn thế giới, không bám thọ từ ai cái gì, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng sáng tạo vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Ta từ vị ấy mà có.

“Nhan sắc dung mạo của vị Phạm thiên vương này thường như đồng tử, cho nên Phạm vương được gọi là Đồng tử.

“Hoặc có lúc, khi thế giới này chuyển thành trở lại, phần lớn chúng sanh có kẻ sinh về Quang âm thiên, bằng hóa sinh tự nhiên, sống bằng thức ăn là sự hoan hỷ, mình phát ra ánh sáng, có thần túc bay trong hư không, an vui không ngại, mạng sống lâu dài. Sau đó thế gian này biến thành đại hồng thủy, tràn ngập khắp nơi. Vào lúc bấy giờ thiên hạ hoàn toàn tối tăm, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngày đêm và cũng không có năm tháng hay con số bốn mùa. Sau đó, khi thế gian này bắt đầu sắp chuyển biến, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi Quang âm thiên sau khi mạng chung sinh đến thế gian này, bằng hóa sinh và ăn bằng sự hoan hỷ, tự thân phát sáng, có thần túc bay trong hư không, an vui không ngại, sống lâu dài ở đây. Khi ấy, không có nam nữ, tôn ty, trên dưới, cũng không có những

tên khác nhau. Các chúng cùng sinh ở thế gian này, cho nên gọi là chúng sanh.

“Bấy giờ, đất này tự nhiên phát sinh ra vị đất, ngưng tụ trong đất. Cũng như đề hồ, vị đất khi xuất hiện cũng như vậy; giống như sanh tô, vị ngọt như mật. Sau đó chúng sanh dùng tay nếm thử để biết vị ra sao. Vừa mới nếm, liền có cảm giác ngon, nên sanh ra mê đắm vị ấy. Như vậy, lần lượt nếm mãi không thôi nên sanh ra tham đắm, bèn lấy bàn tay mà vốc, dần thành thói ăn bốc. Ăn bốc mãi như thế, những chúng sanh khác thấy vậy lại bắt chước ăn và cách ăn này không bao giờ chấm dứt. Khi ấy, những chúng sanh này thân thể trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn có thần túc, không thể bay đi. Bấy giờ, chưa có mặt trời mặt trăng. Ánh sáng của chúng sanh biến mất. Khi ấy, trời đất hoàn toàn tối om, không khác như trước. Một thời gian lâu, rất lâu về sau, có một trận cuồng phong mạnh nổi lên thổi nước biển lớn, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, khiến cho biển bị tách làm hai, mang cung điện mặt trời đặt ở lưng núi Tu-di, an trí quý đạo mặt trời, mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây, đi quanh khắp thiên hạ.

“Nhật cung điện thứ hai mọc từ phương Đông, lặn phương Tây. Chúng sanh khi ấy nói: Đây là ngày hôm qua hoặc nói: Không phải ngày hôm qua.

“Nhật cung điện thứ ba đi quanh núi Tu-di, mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây. Chúng sanh khi ấy bảo rằng: Nhất định là một ngày. Ngày, có nghĩa là nhân của ánh sáng đi trước, do đó gọi là ngày. Mặt trời có hai nghĩa: một, trụ thường độ ; hai, cung điện . Nhìn xa từ bốn hướng, cung điện có hình tròn. Nóng lạnh dễ chịu, được tạo thành bởi vàng của trời; được xen bằng pha lê. Hai phần là vàng trời, thuần chân không pha tạp; trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa. Một phần là pha lê, thuần chân không tạp, trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa.

“Nhật cung điện rộng năm mươi một do-tuần. Đất và vách tường của cung điện mỏng như bẹ lau.

“Tường cung điện có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp chuông báu, bảy lớp hàng cây, các trang trí chung quanh đều được làm bằng bảy báu. Tường bằng vàng thì cửa bằng bạc, tường bạc thì cửa vàng; tường lưu ly thì cửa thủy tinh, tường thủy tinh thì cửa lưu ly; tường ngọc đỏ thì cửa mã não, tường mã

não thì cửa ngọc đỏ; tường xa cừ thì cửa bằng các thứ báu, tường bằng các thứ báu thì cửa xa cừ. Lại nữa, các lan can kia, nếu thanh ngang bằng vàng thì cọc bằng bạc, thanh ngang bạc thì cọc vàng; thanh ngang lưu ly thì cọc thủy tinh, thanh ngang thủy tinh thì cọc lưu ly; thanh ngang ngọc đỏ thì cọc mã não, thanh ngang mã não thì cọc ngọc đỏ; thanh ngang bằng các loại báu thì cọc bằng xa cừ, thanh ngang xa cừ thì cọc là các loại báu. Lưới vàng thì linh bạc, lưới bạc thì linh vàng; lưới thủy tinh thì linh lưu ly, lưới lưu ly thì linh thủy tinh; lưới ngọc đỏ thì linh mã não, lưới mã não thì linh ngọc đỏ; lưới xa cừ thì linh bằng các loại báu, lưới bằng các loại báu thì linh xa cừ. Những cây bằng vàng này thì lá, hoa quả bạc; cây bằng bạc thì lá, hoa quả vàng; cây bằng lưu ly thì hoa quả thủy tinh, cây thủy tinh thì hoa quả lưu ly; cây bằng ngọc đỏ thì hoa quả mã não, cây mã não thì hoa quả ngọc đỏ; cây bằng xa cừ thì hoa quả các loại báu, cây là các loại báu thì hoa quả là xa cừ. Tường của cung điện có bốn cửa, cửa của nó có bảy bậc thềm, bao quanh bằng lan can; có lầu các đền đài, ao tắm, vườn rừng đều theo thứ lớp đối nhau, sanh các loại hoa báu, hàng nào hàng nấy đều xứng nhau; có nhiều loại cây ăn trái, hoa lá nhiều màu sắc, hương thơm ngát ngào của cây cỏ lan tỏa xa khắp bốn phương, cùng các loài chim ríu rít hòa vang.

“Nhật cung điện kia, được duy trì bởi năm loại gió. Một là tri phong, hai là dưỡng phong, ba là thọ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Điện chính, nơi Nhật thiên tử ngự, hoàn toàn được xây dựng bằng vàng ròng, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, đều có lan can bao quanh. Tòa của Nhật thiên tử rộng nửa do-tuần, làm bằng bảy báu, trong sạch mềm mại, giống như thiên y. Nhật thiên tử tự thân phóng ra ánh sáng chiếu điện vàng; ánh sáng điện vàng chiếu khắp nhật cung; ánh sáng của nhật cung lại chiếu ra khắp bốn phương thiên hạ. Tuổi thọ của Nhật thiên tử năm trăm năm nhà trời; con cháu đều kế thừa nhau không bao giờ gián đoạn. Cung điện này không bao giờ bị hoại diệt, trong vòng thời gian là một kiếp. Khi cung điện mặt trời di chuyển, thì Nhật thiên tử không có ý di chuyển rằng: Ta đi. Ta dừng. Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Lúc mà cung điện mặt trời vận hành thì vô số trăm ngàn chư Thiên, Thiên thần đi theo dẫn đường trước, hoan hỷ không mệt mỏi, thích đi nhanh nhẹn, vì vậy Nhật thiên tử được gọi là Nhanh nhẹn.

“Thân Nhật thiên tử phát ra ngàn tia sáng; năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu chung quanh, đó là vì công đức của nghiệp đời trước nên có ngàn tia sáng này. Thế nên Nhật thiên tử còn gọi là Thiên Quang. Thế nào là công đức của nghiệp đời trước? Hoặc có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng cứu giúp những người đói khát cùng khổ, cho họ đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy thời ban phát, tùy theo nhu cầu, không trái ý người và cúng dường cho các vị Hiền thánh trì giới. Do bởi nhân duyên vô số pháp hỷ quang minh khác nhau kia, mà thiện hoan hỷ. Như vua Quán đảnh dòng Sát-lỵ lúc bắt đầu lên ngôi, thiện tâm hoan hỷ cũng lại như vậy. Do nhân duyên này, thân hoại mạng chung làm Nhật thiên tử, được Nhật cung điện, có ngàn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được ngàn tia sáng.

“Lại nữa, do duyên gì mà gọi là ánh sáng của nghiệp đời trước? Hoặc có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thêu dệt, không tham giữ, không sân nhuế, không tà kiến, vì những nhân duyên này mà tâm lành hoan hỷ. Giống như đầu ngã tư đường có hồ tắm lớn trong mát không nhớ, có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, lại vào trong hồ nước này tắm rửa cho mát mẻ rồi cảm thấy vui mừng yêu thích; thì người thực hành mười điều lành, tâm lành vui mừng của họ lại cũng như vậy. Thân người này sau khi thân hoại mạng chung, làm Nhật thiên tử, sống ở Nhật cung điện, có ngàn tia sáng, vì nhân duyên này cho nên gọi là ánh sáng nghiệp lành.

“Lại nữa, vì duyên gì gọi là ngàn tia sáng? Hoặc có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối, không uống rượu; do những nhân duyên này, mà thiện tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm Nhật thiên tử, sống ở Nhật cung điện, có ngàn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy nên gọi là ngàn tia sáng nghiệp lành.

“Trong sáu mươi niệm khoảnh gọi là một la-da, ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa, trăm ma-hầu-đa gọi là ưu-ba-ma. Nhật cung điện mỗi năm có sáu tháng đi theo hướng Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm; cực Nam không vượt qua khỏi Diêm-phù-đê. Mặt trời di chuyển về hướng Bắc, cũng vậy.

"Vì duyên gì nên ánh sáng mặt trời nóng bức? Có mười nhân duyên. Những gì là mười?

"1. Ngoài núi Tu-di có núi Khư-đà-la cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, biên núi không ước lượng được; núi được tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đây là duyên thứ nhất ánh sáng mặt trời nóng bức.

"2. Bên ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà cao hai vạn một ngàn do-tuần, rộng cũng hai vạn một ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ hai ánh sáng mặt trời nóng bức.

"3. Bên ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đê-đà-la, bên trên cao một vạn hai ngàn do-tuần, rộng một vạn hai ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ ba ánh sáng mặt trời nóng bức.

"4. Ở ngoài cách núi Thọ-đê-đà-la không xa có núi gọi là Thiện kiến, cao sáu ngàn do-tuần, rộng sáu ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ tư để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"5. Ở ngoài núi Thiện kiến có núi Mã tự cao ba ngàn do-tuần, ngang rộng cũng ba ngàn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ năm để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"6. Ở ngoài cách núi Mã tự không xa có núi Ni-di-đà-la, cao một ngàn hai trăm do-tuần, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ sáu để ánh sáng mặt trời nóng bức.

"7. Ở ngoài cách núi Ni-di-đà-la không xa có núi Điều phục, cao sáu trăm do-tuần, rộng cũng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ bảy để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“8. Ở ngoài núi Điều phục có núi Kim cương luân, cao ba trăm do-tuần, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát ra nhiệt. Đó là duyên thứ tám để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“9. Lại nữa, bên trên một vạn do-tuần có cung điện Trời gọi là Tinh tú, tạo thành bởi lưu ly. Khi ánh sáng mặt trời chiếu vào nó, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ chín để ánh sáng mặt trời nóng bức.

“10. Lại nữa, ánh sáng cung điện mặt trời chiếu xuống đại địa, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.

“Đó là mười duyên thứ mười làm cho ánh sáng mặt trời nóng bức.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài tụng:

Do mười nhân duyên này,

Mặt trời gọi Thiên quang;

Ánh sáng phát nóng bức;

Được nói mặt trời Phật.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tại sao cung điện mặt trời mùa đông thì lạnh để không thể ở gần được? Có ánh sáng mà sao lạnh? Có mười ba duyên, tuy có ánh sáng nhưng vẫn lạnh. Những gì là mười ba?

“1. Giữa hai núi Tu-di và Khu-đà-la có nước, rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng. Nước này sinh ra rất nhiều loại hoa khác nhau như: hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đâu, hoa Bát-đâu-ma, hoa Phân-đà-ly, hoa Tu-kiền-đê; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ nhất để ánh sáng mặt trời lạnh.

“2. Khoảng cách giữa hai núi Khu-đà-la và Y-sa-đà-la có nước, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, dọc ngang bốn vạn hai ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng. Nước này sinh ra các loài hoa khác nhau. Khi ánh sáng chiếu đến, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ hai để ánh sáng mặt trời lạnh.

“3. Giữa hai núi Y-sa-đà-la và Thọ-đê-đà-la có nước, rộng hai vạn một ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa

khác nhau. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ ba ánh sáng mặt trời lạnh.

“4. Giữa hai núi Thiện kiến và núi Thọ-đề có nước, rộng hai ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng, nơi này có nước, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ tư để ánh sáng mặt trời lạnh.

“5. Giữa hai núi Thiện kiến và núi Mã tự có nước, rộng sáu ngàn do-tuần, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ năm để ánh sáng mặt trời lạnh.

“6. Giữa hai núi Mã tự và núi Ni-di-đà-la có nước, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ sáu để ánh sáng mặt trời lạnh.

“7. Giữa hai núi Ni-di-đà-la và núi Điều phục rộng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ bảy để sinh ra ánh sáng mặt trời lạnh.

“8. Giữa hai núi Điều phục và núi Kim cương luân có nước, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ tám để ánh sáng mặt trời lạnh.

“9. Giữa núi Kim cương luân và đất Diêm-phù-đê có nước, khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống một lần chạm nhau thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ chín để ánh sáng mặt trời lạnh.

“10. Đất Diêm-phù-đê có sông ít, đất Câu-da-ni có nước nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ mười để ánh sáng mặt trời lạnh.

“11. Sông ngòi của cõi Câu-da-ni thì ít, nước của cõi Phất-vu-đãi thì nhiều; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ mười một để ánh sáng mặt trời lạnh.

“12. Sông ngòi của Phất-vu-đãi thì ít, sông ngòi của Uất-đơn-viết thì nhiều; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm nhau thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ mười hai để ánh sáng mặt trời lạnh.

“13. Ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu xuống nước của biển cả, thì khi ánh sáng mặt trời chiếu, xúc chạm mà sinh ra lạnh, đó là duyên thứ mười ba để ánh sáng mặt trời lạnh.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Do mười ba duyên này.

Mặt trời gọi Thiên quang

Ánh sáng này lạnh trong:

Được nói Mặt trời Phật.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Cung điện mặt trăng, chất tròn khi đầy khi vơi, ánh sáng sút giảm, cho nên nguyệt cung được gọi là Tồn. Mặt trăng có hai nghĩa: một là trụ thường độ, hai gọi là cung điện. Do từ bốn phương xa mà nhìn, thấy là tròn. Lạnh ấm điều hòa, được tạo thành bởi bạc trời và lưu ly. Hai phần là thuần bạc trời rỗng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa; một phần bằng lưu ly rỗng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa. Cung điện mặt trăng, rộng bốn mươi chín do-tuần, tường cung điện cùng đất mỏng như tử bách. Tường cung điện có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp linh báu, bảy lớp hàng cây, trang sức chung quanh bằng bảy báu. cho đến, vô số các loài chim riu rít hòa vang.

“Cung điện mặt trăng này được năm thứ gió giữ gìn: một là trì phong, hai là dưỡng phong, ba là thụ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Chánh điện, nơi ngự của Nguyệt thiên tử, làm bằng lưu ly, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, chung quanh là lan can. Tòa của Nguyệt thiên tử, rộng nửa do-tuần, được làm thành bởi bảy báu, trong sạch và mềm mại, giống như thiên y. Nguyệt thiên tử trên thân phóng ra ánh sáng, chiếu soi điện lưu ly; ánh sáng của điện lưu ly chiếu soi cung điện mặt trăng và ánh sáng cung điện mặt trăng chiếu soi bốn cõi thiên hạ. Tuổi thọ của Nguyệt thiên tử là năm trăm năm, con cháu thừa kế nhau không hề khác. Cung điện này không bị hủy hoại trong vòng một kiếp. Lúc cung điện mặt trăng di chuyển, Nguyệt thiên tử này không có ý niệm di chuyển, rằng: Ta đi. Ta dừng. Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Khi cung điện mặt trăng di chuyển, thì có vô số trăm ngàn các Đại Thiên thần, thường ở trước dẫn đường,

hoan hỷ không mệt mỏi, ưa thích nhanh nhẹn, vì vậy nên Nguyệt thiên tử được gọi là Nhanh nhẹn.

“Thân Nguyệt thiên tử phát ra ngàn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu hai bên. Đó là do công đức của nghiệp đời trước nên có ánh sáng này, thế nên Nguyệt thiên tử còn gọi là Thiên Quang . Thế nào là công đức nghiệp đời trước? Thế gian có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng bố thí cho những người đói khát cùng cực, cho họ đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy thời ban phát, tùy theo nhu cầu, mà không trái ý người và cúng dường cho các vị Hiền thánh trì giới. Do vô số pháp hỷ khác nhau ấy, thiện tâm quang minh. Như vị vua Quán đảnh dòng Sát-ly, khi mới đang vương vị, thiện tâm hoan hỷ, cũng lại như vậy. Vì nhân duyên này, nên thân hoại mạng chung làm Nguyệt thiên tử, cung điện mặt trăng có ngàn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được ngàn tia sáng.

“Lại nữa, do nghiệp gì được ngàn ánh sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thù dật, không tham giữ, không sân nhuế, không tà kiến; do những nhân duyên này mà thiện tâm hoan hỷ. Giống như đầu ngã tư đường có hồ tắm lớn trong mát không nơ, có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, vào trong hồ nước này, tắm rửa mát mẻ, hoan hỷ khoái lạc; người thực hành mười điều lành, thiện tâm hoan hỷ, lại cũng như vậy. Người này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Do nhân duyên này cho nên gọi là ngàn ánh sáng nghiệp lành.

“Lại nữa, do duyên gì được ngàn tia sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không lừa dối, không uống rượu, vì những nhân duyên này, thiện tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy nên gọi là ngàn tia sáng nghiệp lành.

“Trong sáu mươi niệm khoảnh gọi là một la-da, ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa, trăm ma-hầu đa gọi là ưu-bà-ma. Nếu cung điện mặt trời mỗi năm có sáu tháng đi về phía Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm, cực Nam không vượt qua khỏi Diêm-phù-đề; thời gian ấy, cung điện mặt trăng nửa năm đi về phía Nam,

không vượt qua khỏi Diêm-phù-đề. Nguyệt Bắc hành cũng như vậy.

“Vì duyên gì mà cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít? Có ba nhân duyên nên cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít: Một, mặt trăng phát xuất từ phương góc, là duyên thứ nhất để mặt trăng tổn giảm. Lại nữa, trong cung điện mặt trăng có các đại thần đều mặc y phục màu xanh, theo thứ tự mà lên, trú xứ cũng trở thành xanh, cho nên mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ hai để mặt trăng mỗi ngày mỗi giảm. Lại nữa, cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, tia sáng này chiếu vào cung điện mặt trăng, ánh chiếu khiến cho không hiện, do đó nơi có ánh chiếu, nơi ấy của mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ ba để ánh sáng mặt trăng tổn giảm.

“Lại nữa, vì duyên gì mà ánh sáng cung điện mặt trăng đây dần? Có ba nhân duyên khiến cho ánh sáng mặt trăng đây dần. Những gì là ba? Một, mặt trăng hướng về phương vị chánh cho nên ánh sáng mặt trăng đây. Hai, các thần cung điện mặt trăng hết thay đều mặc y phục màu xanh và Nguyệt thiên tử vào ngày rằm ngồi vào giữa, cùng nhau hưởng lạc, ánh sáng chiếu khắp, lẫn át ánh sáng chư Thiên, nên ánh sáng đây khắp. Giống như bó đuốc lớn được đốt lên trong đám đèn đuốc, sẽ át hẳn ánh sáng các ngọn đèn. Nguyệt thiên tử cũng lại như vậy. Vào ngày rằm, ở giữa chúng chư Thiên, át hẳn tất cả các ánh sáng khác, chỉ có ánh sáng của ông độc chiếu, cũng như vậy. Đó là duyên thứ hai. Ba, Nhật thiên tử tuy đã có sáu mươi tia sáng chiếu soi cung điện mặt trăng, nhưng trong vào ngày rằm, Nguyệt thiên tử cũng có thể dùng ánh sáng chiếu nghịch lại, khiến cho nó không thể che khuất được. Đó là ba nhân duyên cho cung điện mặt trăng tròn đây mà không bị tổn giảm.

“Lại nữa vì duyên gì mà mặt trăng có bóng đen? Vì cái bóng cây Diêm-phù in vào trong mặt trăng, nên mặt trăng có bóng.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tâm hãy như mặt trăng, trong mát không nóng bức, khi đến nhà đàn-việt, chuyên niệm không tán loạn.

“Lại vì duyên gì mà có các sông ngòi? Vì mặt trời mặt trăng có độ nóng. Do độ nóng này mà có nung đốt. Do có nung đốt nên có mồ hôi. Do mồ hôi mà thành sông ngòi. Do đó thế gian có sông ngòi.

“Vì nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt giống? Có cuồng phong dữ từ thế giới chưa bị hủy diệt thổi hạt giống đến sanh ở quốc độ này. Một là hạt từ rễ; hai, hạt từ cọng; ba, hạt từ đốt; bốn, hạt từ ruột rỗng; năm, hạt từ hạt. Đó là năm loại hạt. Vì nhân duyên này mà thế gian có năm loại hạt giống xuất hiện.

“Lúc ở Diêm-phù-đê đang là giữa trưa thì ở Phất-vu-đãi mặt trời lặn. Ở Câu-da-ni mặt trời mọc, ở Uất-đơn-viết là nửa đêm. Câu-da-ni giữa trưa thì ở Diêm-phù-đê mặt trời lặn. Uất-đơn-viết mặt trời mọc, ở Phất-vu-đãi là nửa đêm; ở Uất-đơn-viết giữa trưa thì ở Câu-da-ni mặt trời lặn; ở Phất-vu-đãi mặt trời mọc, thì Diêm-phù-đê là nửa đêm. Nếu ở Phất-vu-đãi là giữa trưa, thì ở Uất-đơn-viết mặt trời lặn; ở Diêm-phù-đê mặt trời mọc, thì ở Câu-da-ni là nửa đêm. Phương ĐĐông của Diêm-phù-đê, thì là phương tây ở Phất-vu-đãi; phương Tây của Diêm-phù-đê là phương đĐông của Câu-da-ni; phương tây của Câu-da-ni là phương đĐông của Uất-đơn-viết; phương Tây của Uất-đơn-viết là phương ĐĐông của Phất-vu-đãi.

“Diêm-phù-đê, sở dĩ được gọi là Diêm-phù vì ở dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần, do cây Diêm-phù sanh ra nên được gọi là vàng Diêm-phù. Cây Diêm-phù có trái của nó như tai nấm, vị của nó như mật; cây có năm góc lớn, bốn mặt bốn góc, ở trên có một góc. Những trái ở bên góc phía đĐông của nó được Càn-thát-bà ăn. Trái ở góc phía Nam của nó được người bảy nước ăn. Bảy nước là: một, nước Câu-lâu; hai, Câu-la-ba; ba, Tỳ-đê; bốn, Thiện-tỳ-đê; năm, Mạn-đà; sáu, Bà-la; bảy, Bà-lệ. Trái ở góc phía tây được hải trùng ăn. Trái ở góc phía bắc được cầm thú ăn. Trái ở phía góc trên được Tinh tú thiên ăn. Phía bắc của bảy nước lớn có bảy hòn núi đen lớn, một là Lỏa thổ, hai là Bạch hạc, ba là Thủ cung, bốn là Tiên sơn, năm là Cao sơn, sáu là Thiên sơn, bảy là Thổ sơn. Trên mặt của bảy núi đen này có bảy vị Tiên như Bà-la-môn. Trú xứ của bảy Tiên như này, một là Thiện đế, hai là Thiện quang, ba là Thủ cung, bốn là Tiên như, năm là Hộ cung, sáu là Già-na-na, bảy là Tăng ích.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Khi kiếp sơ, chúng sanh sau khi nếm vị đất, rồi tồn tại một thời gian lâu dài. Những ai ăn nhiều, nhan sắc trở nên thô kệch, khô héo. Những ai ăn ít, nhan sắc tươi sáng, mịn màng. Từ đó về sau mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có hơn

có kém và sinh ra thị phi với nhau, nói rằng: Ta hơn người; người không bằng ta. Do tâm của chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, cho nên vị đất tiêu hết. Sau đó sinh ra một loại da đất, hình dáng giống như cái bánh mỏng; màu sắc, hương vị của nó rất là thanh khiết. Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, tất cả đều áo não buồn khóc, đầm ngực mà nói: Ôi chao là tai họa! Vị đất nay bỗng biến mất. Giống như hiện nay người được đây ắp vị ngon, bảo là ngon lành, nhưng sau đó lại bị mất đi nên lấy làm buồn lo. Kia cũng như vậy buồn lo hồi tiếc. Sau đó, chúng ăn lớp da đất, dần quen cái vị của nó. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô kệch khô héo. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và sinh chuyện thị phi với nhau, nói rằng: Ta hơn người. Người không bằng ta. Do tâm chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, nên năm đất cạn tiêu hết.

“Sau đó lại xuất hiện một loại da ngoài của đất, càng lúc càng dày thêm, màu của nó như thiên hoa, mềm mại của nó như thiên y, vị của nó như mật. Bấy giờ, các chúng sanh lại lấy nó cùng ăn, sống lâu ngày ở thế gian. Những ai càng ăn nhiều thì nhan sắc càng sút kém. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và do thế mà sinh chuyện thị phi với nhau rằng: Ta hơn người. Người không bằng ta. Vì tâm chúng phân biệt ta và người, sinh lòng cạnh tranh, nên lớp da ngoài của đất tiêu hết.

“Sau đó, lại xuất hiện loại lúa tẻ mọc tự nhiên, không có vỏ trấu, không cần phải gia thêm chế biến mà chúng đã đầy đủ các thứ mỹ vị. Bấy giờ, chúng sanh tụ tập nhau lại nói: Ôi chao là tai họa! Nay màng đất bỗng nhiên biến mất. Giống như hiện tại người gặp họa gặp nạn thì than rằng: Khổ thay! Bấy giờ chúng sanh áo não, buồn than, cũng lại như vậy.

“Sau đó, chúng sanh cùng nhau lấy lúa tẻ tự nhiên này ăn và thân thể chúng, trở nên thô xấu, có hình dáng nam nữ, nhìn ngấm nhau, sinh ra dục tưởng; họ cùng nhau tìm nơi vắng làm hành vi bất tịnh, các chúng sanh khác thấy than rằng: Ôi, việc làm này quấy! Tại sao chúng sanh cùng nhau sinh ra chuyện này? Người nam làm việc bất tịnh kia, khi bị người khác quở trách, tự hối hận mà nói rằng: Tôi đã làm quấy. Rồi nó gieo mình xuống đất. Người nữ kia thấy người nam này vì hối lỗi mà gieo mình xuống đất, không đứng lên, liền đưa thức ăn đến. Chúng sanh khác thấy

vậy, hỏi người nữ rằng: Người đem thức ăn này để cho ai? Đáp: Chúng sanh hồi lỗi kia đọa lạc thành kẻ làm điều bất thiện, tôi đưa thức ăn cho nó. Nhân lời nói này, nên thế gian liền có danh từ người chồng bất thiện và vì việc đưa cơm cho chồng nên được gọi là vợ.

“Sau đó, chúng sanh bèn làm chuyện dâm dật, pháp bất thiện tăng. Để tự che giấu, chúng tạo ra nhà cửa. Do vì nhân duyên này, bắt đầu có danh từ nhà.

“Sau đó, sự dâm dật của chúng sanh càng ngày càng tăng, nhân đây đã trở thành chồng vợ. Có các chúng sanh khác, khi tuổi thọ hết, hành hết, phước hết, từ cõi trời Quang âm sau khi mạng chung lại sinh vào thế gian này, ở trong thai mẹ, nhân đây thế gian có danh từ mang thai.

“Bấy giờ, trước tiên tạo thành Chiêm-bà, kế đến tạo thành Già-thì, Ba-la-nại và tiếp theo là thành Vương xá . Lúc mặt trời mọc thì bắt đầu kiến tạo, tức thì lúc mặt trời mọc hoàn thành. Do nhân duyên này nên thế gian liền có tên thành, quách, quận, ấp, là chỗ nhà vua cai trị.

“Bấy giờ, khi chúng sanh bắt đầu ăn lúa tẻ mọc tự nhiên, sáng sớm gặt thì chiều tối lại chín, chiều tối gặt thì sáng sớm lại chín. Sau khi được gặt, lúa sinh trở lại, hoàn toàn không có thân cuống lúa.

“Rồi thì, có chúng sanh thâm nghĩ rằng: Sao ta mỗi ngày mỗi gặt chỉ cho một nhọc? Nay hãy gom lấy đủ cho nhiều ngày. Nó bèn gặt gộp lại, chứa số lương đủ cho nhiều ngày. Người khác sau đó gọi nó: Nay chúng ta hãy cùng đi lấy lúa. Người này bèn trả lời: Tôi đã chứa đủ sẵn rồi, không cần lấy thêm nữa. Anh muốn lấy, cứ tùy ý đi lấy một mình. Người kia bèn nghĩ thầm: Gã này có thể lấy đủ lương cho hai ngày, sao ta không thể lấy đủ cho ba ngày? Người ấy bèn chứa dư ba ngày lương. Lại có những người khác gọi nó: Hãy cùng đi lấy lương. Nó liền đáp: Ta đã lấy dư ba ngày lương rồi. Các người muốn lấy, tùy ý đi mà lấy. Các người kia bèn nghĩ: Người kia có thể lấy ba ngày lương, sao ta không thể lấy năm ngày lương? Rồi chúng lấy năm ngày lương. Bấy giờ, chúng sanh tranh nhau cất chứa lương dư, nên lúa tẻ ấy bèn sanh ra vỏ trấu; sau khi được gặt, không mọc trở lại nữa; chỉ còn tro cọng khô mà thôi.

“Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, áo não buồn khóc, đấm ngực than: Ôi, đây là một tai họa! và tự thương trách rằng: Chúng ta vốn đều do biến hóa mà sinh, ăn bằng niệm, tự thân phát ánh sáng, có thần túc bay trên không, an vui không ngại. Sau đó vị đất bắt đầu sinh ra, sắc vị đầy đủ. Khi ấy chúng ta nếm thử vị đất này, rồi tồn tại lâu trong đời này. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn nó ít thì nhan sắc tươi sáng, mịn màng; từ đó tâm chúng sanh có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn, bảo rằng: Sắc ta hơn. Sắc người không bằng. Do kiêu mạn, tranh nhau sắc, nên vị đất tiêu diệt. Lại sanh ra lớp da đất, có đầy đủ sắc hương vị. Chúng ta lúc ấy cùng thu lấy để ăn, tồn tại lâu dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì da sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn ít đi thì da sắc tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: Sắc ta hơn, sắc người không bằng. Vì tranh nhau về sắc mà kiêu mạn nên lớp da đất biến mất và xuất hiện lớp da ngoài của đất, càng lúc càng dày lên, đủ cả sắc, hương, mùi vị. Chúng ta khi ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, tồn tại dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì sắc da trở thành thô xấu. Những ai ăn ít thì sắc da tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: Sắc ta hơn, sắc người không bằng. Vì sắc tranh nhau mà kiêu mạn, nên lớp da ngoài của đất biến mất, để rồi sinh ra loại lúa tẻ mọc tự nhiên, đầy đủ sắc, hương, vị. Chúng ta lúc ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, sớm mai thu hoạch buổi chiều lại chín, buổi chiều thu hoạch sáng mai lại chín, vì thu hoạch xong thì sinh trở lại nên không cần phải gom thu. Nhưng vì chúng ta lúc này tranh nhau tích lũy, nên lúa này sinh ra vỏ trấu và sau khi thu gặt xong không sinh trở lại nữa, mà hiện tại chỉ còn có rễ và thân mà thôi. Nay chúng ta hãy cùng nhau phân phối ruộng nhà, phân chia bờ cõi.

“Rồi chúng phân chia ruộng đất, vạch bờ cõi khác nhau, phân biệt của người và của ta. Sau đó mọi người tự cất giấu lúa thóc của mình, trộm lấy lúa ruộng người khác. Các chúng sanh khác trông thấy, nên nói: Việc người làm là quấy! Việc người làm là quấy! Tại sao cất giấu vật của chính mình, mà đi trộm tài vật của người? Liên quả trách rằng: Từ nay về sau không được tái phạm việc trộm cắp nữa! Nhưng những việc trộm cắp như vậy vẫn tái phạm không dứt, mọi người lại phải quả trách: Việc người làm sai quấy! Tại sao không chịu bỏ? Bèn lấy tay mà đánh, lời đến

giữa đám đông, báo cáo cùng mọi người rằng: Người này tự cắt giấu thóc lúa, đi trộm lúa ruộng của người. Người ăn trộm nói lại: Người kia đã đánh tôi. Mọi người nghe xong, âm ức rơi lệ, đầm ngực nói rằng: Thế gian trở nên xấu ác, nên đã sinh ra pháp ác này chăng? Nhân đây mà sinh ra ưu kết nhiệt não khổ báo; rằng: Đây là cội nguồn của của sinh, già, bệnh, chết; là nguyên nhân rơi vào đường ác. Do có ruộng nhà, bờ cõi riêng khác, nên sinh ra tranh giành kiện tụng, đưa đến oán thù, không ai có thể giải quyết. Nay chúng ta hãy lập lên một người chủ bình đẳng, để khéo léo giữ gìn như dân, thưởng thiện phạt ác. Mọi người trong chúng ta đều cùng nhau giảm bớt phần của mình để cung cấp cho người chủ này.

“Lúc đó, trong chúng có một người hình thể vạm vỡ, dung mạo đoan chánh, rất có oai đức. Mọi người bảo rằng: Nay, chúng tôi muốn tôn bạn lên làm chủ, để khéo léo giữ gìn như dân, thưởng thiện phạt ác. Chúng tôi sẽ giảm bớt phần của mình mà cung cấp. Người này nghe xong, liền nhận làm chủ. Ai đáng thưởng thì thưởng; ai đáng phạt thì phạt. Từ đây mới bắt đầu có danh từ dân chủ. Dân chủ ban đầu có con tên là Trân Bảo ; Trân Bảo có con tên là Hảo Vị; Hảo Vị có con tên là Tĩnh Trai; Tĩnh Trai có con tên là Đánh Sanh; Đánh Sanh có con tên là Thiện Hành; Thiện Hành có con tên là Trạch Hành; Trạch Hành có con tên là Diệu Vị; Diệu Vị có con tên là Vị Đế; Vị Đế có con tên là Thủy Tiên; Thủy Tiên có con tên là Bách Trí; Bách Trí có con tên là Thị Dục; Thị Dục có con tên là Thiện Dục; Thiện Dục có con tên là Đoạn Kết; Đoạn Kết có con tên là Đại Đoạn Kết; Đại Đoạn Kết có con tên là Bảo Tạng; Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng; Đại Bảo Tạng có con tên là Thiện Kiến; Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến; Đại Thiện Kiến có con tên là Vô Ưu; Vô Ưu có con tên là Châu Chử; Châu Chử có con tên là Thực Sanh; Thực Sanh có con tên là Sơn Nhạc; Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên; Thần Thiên có con tên là Khiển Lực; Khiển Lực có con tên là Lao Xa; Lao Xa có con tên là Thập Xa; Thập Xa có con tên là Bách Xa; Bách Xa có con tên là Lao Cung; Lao Cung có con tên là Bách Cung; Bách Cung có con tên là Dưỡng Mục; Dưỡng Mục có con tên là Thiện Tư.

“Từ Thiện Tư trở về sau có mười họ, Chuyển luân thánh vương nối tiếp nhau không dứt: Một tên là Già-nậu-thô, hai tên là Đa-la-bà, ba tên là A-diệp-ma, bốn tên là Trì-thí, năm tên là

Già-lăng-già, sáu tên là Chiêm-bà, bảy tên là Câu-la-bà, tám tên là Bác-đô-la, chín tên là Di-tư-la, mười tên là Thanh Ma.

“Giòng Vua Già-nậu-thô có năm vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Đa-la-bà có năm vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua A-diếp-ma có bảy vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Trì-thí có bảy vị vua Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Già-lăng-già có chín vị vua Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Chiêm-bà có mười bốn vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Câu-la-bà có ba mươi một vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Bát-xà-la có ba mươi hai vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Di-tư-la có tám vạn bốn ngàn vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Thanh Ma có một trăm lẻ một vị Chuyển luân thánh vương. Và vị vua cuối cùng có tên là Đại Thiện Sanh Tùng.

“Vua Thanh Ma của dòng thứ mười có vương tử tên là Ô-la-bà. Vua Ô-la-bà có vương tử tên là Cừ-la-bà. Vua Cừ-la-bà có vương tử tên là Ni-câu-la. Vua Ni-câu-la có vương tử tên là Sư Tử Giáp. Vua Sư tử Giáp có vương tử tên là Bạch Tịnh vương. Vua Bạch Tịnh vương có vương tử tên là Bồ-tát. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do bản duyên này mà có tên gọi Sát-ly .

“Bấy giờ, có một chúng sanh suy nghĩ như vậy: Tất cả mọi sở hữu như gia đình, quyến thuộc, muôn vật ở thế gian đều là gai nhọn, ung nhọt, nay nên lìa bỏ, vào núi hành đạo, ở nơi vắng vẻ mà tư duy. Rồi thì, người liền lìa bỏ gai nhọn là gia đình, vào núi, ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới gốc cây mà tư duy, hằng ngày ra khỏi núi, vào thôn xóm mà khất thực. Mọi người trong thôn thấy vậy, càng cung kính cúng dường. Mọi người đều cùng khen ngợi rằng: Người này có thể lìa bỏ hệ lụy của gia đình để vào núi tìm đạo. Vì người này có thể xa lìa được pháp ác bất thiện, nên nhân đó mà gọi là Bà-la-môn.

“Trong chúng Bà-la-môn có người không hành Thiên được, nên ra khỏi rừng núi, du hành trong nhân gian và tự nói: Ta không thể tọa thiên. Nhân đó gọi là Vô Thiên Bà-la-môn . Rồi đi qua các thôn xóm, nó làm pháp bất thiện, thi hành pháp độc, nhân đó tương sinh, nên được gọi đó là độc. Do nhân duyên này mà có chủng tánh Bà-la-môn ở thế gian.

“Trong chúng sanh kia, chúng học tập các thứ nghề để tự mưu sống, nhân đây nên có chủng tánh Cư sĩ ở thế gian.

“Trong chúng sanh kia, chúng học tập các kỹ nghệ để tự nuôi sống, nhân đây mới có chúng tánh Thủ-đà-la ở thế gian.

“Trước đó trong thế gian đã có dòng họ Thích này xuất hiện rồi, sau đó mới có giòng Sa-môn. Trong dòng Sát-ly có người tự tư duy: Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm? Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!

“Trong chúng tánh Bà-la-môn, chúng tánh Cư sĩ, chúng tánh Thủ-đà-la, có người suy nghĩ: Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm? Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!

“Nếu trong chúng Sát-ly, có người thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ. Hoặc có Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ.

“Chúng tánh Sát-ly thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ lạc. Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ được thọ lạc.

“Thân của người Sát-ly thân có hai loại hành, miệng và ý cũng có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại ấy rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc lạc. Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, thân, miệng, ý có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại này rồi, thân hoại mạng chung chắc chắn sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc vui.

“Trong chúng Sát-ly, như có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Với tín tâm kiên cố vị ấy xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này, tự thân tác chứng: Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

“Ở trong chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Vị ấy do lòng tin kiên cố mà xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô

thượng, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng: Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

“Trong bốn chủng tánh này, đều có thể thành tựu Minh và Hành, chứng đắc A-la-hán, là đệ nhất tối thượng.”

Bấy giờ, Phạm thiên liền nói kệ:

*Thọ sanh, Sát-ly nhất,
Hay tập các chủng tánh.
Minh Hạnh thành đầy đủ,
Là nhất trong Trời, Người.”*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Phạm thiên kia nói bài kệ này rất hay, chứ không phải không hay; là khéo lãnh thọ, chứ không phải không khéo lãnh thọ, được Ta ấn chứng. Vì sao? Vì Ta nay, là Như Lai, Chí Chân, là Đẳng Chánh Giác, cũng nói như bài kệ này:

*“Sát-ly sanh là nhất,
Hay tập các chủng tánh,
Minh Hạnh thành đầy đủ,
Là nhất trong trời, người.”*

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ thực hành.

*Trường A-hàm hoàn tất.
Quy mạng Nhất thiết trí.
Tất cả chúng an vui.
Chúng sanh trú vô vi,
Tôi cũng ở trong đó.*